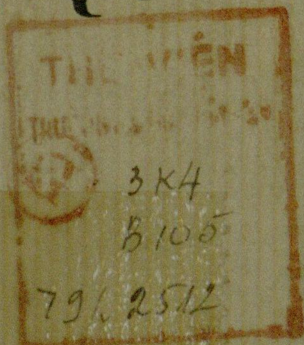
C. MÁC _ PH. ĂNG-GHEN
V.I. LÊ-NIN _ I.V. XTA-LIN

BÀN VỀ

KẾ HOẠCH HÓA NỀN KINH TẾ QUỐC DÂN







NHÀ XUẤT

C. MAC — PH. ANG-GHEN
V. I. LÊ-NIN — I.V. XTA-LIN

BÀN VỀ
KẾ HOẠCH HÓA NỀN KINH TẾ QUỐC DÂN

(In lần thứ hai)

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT
Hà Nội — 1976

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Cuốn sách chuyên đề này gồm những bài và những đoạn trích trong các trước tác của C. Mác, Ph. Ăng-ghen, V. I. Lê-nin và I. V. Xta-lin về *kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân — phương pháp quản lý nền kinh tế xã hội chủ nghĩa theo một kế hoạch thống nhất đã định trước.*

Nội dung chủ yếu của chuyên đề nói lên: hai tiền đề của kế hoạch hóa; các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội và vấn đề kế hoạch hóa; những nguyên tắc và nội dung của việc kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân.

Các nhà lý luận kinh điển của chủ nghĩa Mác — Lê-nin dạy rằng: muốn tiến hành kế hoạch hóa thì phải có hai điều kiện: 1) giai cấp vô sản nắm chính quyền và 2) chế độ công hữu về tư liệu sản xuất. Trong hai điều kiện đó thì điều kiện chính trị — giai cấp vô sản nắm chính quyền — là điều kiện tiên quyết; song điều kiện kinh tế — chế độ công hữu về tư liệu sản xuất — cũng là điều kiện nhất thiết phải có. Thiếu một trong hai điều kiện đó thì không thể kế hoạch hóa được.

Khi giai cấp vô sản nắm chính quyền và chế độ công hữu về tư liệu sản xuất được xác lập thì các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội phát sinh và phát huy tác dụng. Đó là một tất yếu khách quan.

Các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội có mối liên hệ biện chứng với nhau. Nhà nước xã hội chủ nghĩa phải nghiên cứu, nhận thức và vận dụng một cách tổng hợp các quy luật đó phù hợp với điều kiện cụ thể của xã hội để định ra đường lối, chính sách đúng đắn phát triển kinh tế quốc dân theo kế hoạch. Theo các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác — Lê-nin thì việc kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân xã hội chủ nghĩa chỉ có hiệu quả, nếu:

— « nó phản ánh đúng các yêu cầu của quy luật phát triển nhịp nhàng cân đối của nền kinh tế quốc dân »;

— « ở khắp nơi nó đều chú ý đến các yêu cầu của quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội ».

Khi xây dựng kế hoạch phát triển nền kinh tế quốc dân, cần thấy rằng các quy luật nói trên của chủ nghĩa xã hội giữ vai trò chủ đạo. Tuy nhiên, dưới chế độ xã hội chủ nghĩa vẫn còn tồn tại kinh tế hàng hóa, cho nên khi đặt kế hoạch không thể không tính đến quy luật giá trị.

Về các nguyên tắc của việc kế hoạch hóa, các nhà lý luận kinh điển của chủ nghĩa Mác — Lê-nin dạy rằng kế hoạch phải có tính Đảng, phải trở thành « *cương lĩnh thứ hai của Đảng* ». Kế hoạch phải có tính khoa học, tính quần chúng và phải được thi hành một cách thống nhất. Công tác xây dựng kế hoạch còn đòi hỏi phải có quan điểm tiên tiến và toàn diện, chống quan điểm cục bộ địa phương.

Về nội dung của kế hoạch hóa, các nhà kinh điển đã đề cập vấn đề *tốc độ phát triển của nền kinh tế quốc dân và phân tích một số quan hệ tỷ lệ lớn trong nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.*

Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, sản xuất tăng lên với tốc độ nhanh chóng và không ngừng là yêu cầu của quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội và cũng là yêu cầu của việc củng cố chế độ xã hội chủ nghĩa. Mặt khác, chế độ xã hội chủ nghĩa có khả năng đảm bảo cho sản xuất phát triển với tốc độ nhanh chóng và không ngừng, vì mọi người có khả năng lao động đều làm việc và làm việc với năng suất lao động ngày càng tăng. Lê-nin đặc biệt nhấn mạnh yêu cầu tăng nhanh tốc độ phát triển kinh tế, coi đó là vấn đề sống còn của chế độ. Muốn đảm bảo được tốc độ phát triển cao của sản xuất thì giữa các ngành, các bộ phận của nền kinh tế quốc dân phải có những quan hệ tỷ lệ với nhau, theo đúng yêu cầu của quy luật phát triển có kế hoạch và cân đối nền kinh tế quốc dân. Các nhà lý luận kinh điển đã phân tích một cách chi tiết quan hệ giữa sản xuất, phân phối và tiêu dùng. Đó là mối quan hệ biện chứng nằm trong quá trình tái sản xuất mở rộng xã hội chủ nghĩa. Trong mối quan hệ đó thì sản xuất quyết định phân phối; nhưng phân phối có tác động đến sản xuất. Còn trong tái sản xuất mở rộng thì ta thấy « *tư liệu sản xuất để sản xuất tư liệu sản xuất tăng nhanh nhất, sau đó là tư liệu sản xuất để sản xuất vật phẩm tiêu dùng và tăng chậm nhất là vật phẩm tiêu dùng* ». Tuy nhiên không phải tốc độ tăng của sản xuất tư liệu sản xuất « độc lập » với sản xuất tư liệu tiêu dùng, mà « *xét đến cùng thì nó (tư liệu sản xuất) chịu sự hạn chế của chính việc tiêu dùng cá nhân* ».

Về mối quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp — hai ngành kinh tế quan trọng nhất trong nền kinh tế quốc dân — các nhà lý luận kinh điển của chủ nghĩa Mác — Lê-nin chỉ rõ: « nếu như công nghiệp là khâu chủ đạo của nền kinh tế quốc dân thì nông nghiệp lại là cơ sở mà nhờ đó công nghiệp nước ta mới có thể phát triển ». Mối quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp không đơn thuần là mối quan hệ kinh tế mà còn là sự thể hiện khối liên minh công nông do giai cấp công nhân lãnh đạo, và trong sự liên minh ấy cả hai cái đó, như Lê-nin đã nói, là « an-pha và ô-mê-ga của chính quyền xô-viết và của sự thắng lợi của công cuộc kiến thiết của chúng ta ».

Kế hoạch hóa phản ánh việc xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, việc củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, xã hội chủ nghĩa, việc nâng cao trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa và văn hóa của quần chúng lao động. Những vấn đề ấy có mối quan hệ khăng khít với nhau, thúc đẩy nhau phát triển, làm cho nền kinh tế quốc dân tiến nhanh, tiến mạnh và tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

Cuốn sách này được hoàn thành với sự cộng tác của bộ môn Nguyên lý kế hoạch hóa trường Đại học kinh tế kế hoạch. Trong lần in thứ hai này, cuốn sách đã được bổ sung thêm tài liệu. Xin trân trọng giới thiệu với bạn đọc.

Tháng 8 năm 1976

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

C. MÁC

Trích tác phẩm:

TƯ BẢN

II. TÍNH CHẤT HAI MẶT CỦA LAO ĐỘNG BIỂU HIỆN TRONG HÀNG HÓA

Thoạt tiên, chúng ta thấy hàng hóa hiện ra như một cái gì có hai mặt: giá trị sử dụng và giá trị trao đổi.

Sau đó, chúng ta đã thấy rằng tất cả những đặc trưng phân biệt lao động sản xuất với những giá trị sử dụng đều biến đi hết, khi lao động được biểu hiện trong giá trị, như người ta thường gọi. Tôi là người đầu tiên đã nêu rõ tính chất hai mặt ấy của lao động biểu hiện trong hàng hóa (1). Vì khoa kinh tế chính trị xoay quanh điểm này, nên ở đây chúng ta phải bàn thật chi tiết hơn nữa.

Chúng ta hãy lấy hai hàng hóa, một cái áo chẳng hạn và 10 mét vải; giả định rằng giá trị của hàng hóa thứ nhất gấp đôi giá trị của hàng hóa thứ hai, nghĩa là nếu 10 mét vải $= x$, thì cái áo $= 2x$.

Cái áo là một giá trị sử dụng làm thỏa mãn một nhu cầu riêng biệt. Nó là sản phẩm của một thứ hoạt động

---

(1) *Phê phán khoa kinh tế chính trị*, tr. 12, 13 và những trang tiếp.

sản xuất riêng biệt, hoạt động này có mục đích, phương pháp hoạt động, đối tượng, thủ đoạn và kết quả riêng của nó. Lao động biểu hiện trong công dụng hay giá trị sử dụng của sản phẩm, chúng ta gọi một cách giản đơn là lao động có ích. Đứng về mặt đó, thì bao giờ lao động đó cũng được xét theo năng suất của nó.

Cũng như áo và vải là hai vật có ích khác nhau, lao động của người thợ may làm ra áo cũng khác lao động của người thợ dệt làm ra vải. Nếu hai vật đó không phải là những giá trị sử dụng khác nhau về chất, và do đó là sản phẩm của những lao động có ích khác nhau về chất, thì hai vật đó không thể đổi lẫn nhau như là những hàng hóa được. Áo không trao đổi với áo, một giá trị sử dụng không trao đổi cùng giá trị sử dụng ấy.

Tương ứng với toàn bộ những giá trị sử dụng đủ các thứ khác nhau, thì có toàn bộ những lao động có ích cũng khác nhau, chia thành ngành, thành loại, thành thứ khác nhau, — một sự phân công xã hội. Không có sự phân công này thì không có sản xuất hàng hóa, tuy rằng ngược lại thì sản xuất hàng hóa không phải là điều cần thiết cho sự phân công xã hội. Trong công xã Ấn-độ thời cổ, lao động đã có sự phân công xã hội, nhưng các sản phẩm không vì vậy mà trở thành hàng hóa. Hay là lấy ví dụ quen thuộc hơn, trong mỗi công xưởng, lao động được phân công một cách có hệ thống; nhưng sự phân công này không phải là kết quả của việc những người lao động trao đổi những sản phẩm cá nhân của họ với nhau. Chỉ có sản phẩm của những lao động tư nhân và độc lập đối với nhau, thì mới xuất hiện thành những hàng hóa có thể trao đổi lẫn nhau được thôi.

Như vậy là chúng ta đã hiểu rõ: giá trị sử dụng của mỗi hàng hóa chứa đựng một thứ lao động có ích đặc biệt hay chứa đựng một thứ hoạt động sản xuất đáp ứng một mục

đích riêng biệt. Các giá trị sử dụng chỉ có thể đối với nhau như là hàng hóa, nếu những giá trị đó chứa đựng những thứ lao động có ích khác nhau về chất. Trong một xã hội mà sản phẩm nói chung đều mang hình thức hàng hóa, tức là trong một xã hội mà mọi người sản xuất đều phải là người buôn bán, thì sự khác nhau giữa các thứ lao động có ích (những lao động này tiến hành một cách độc lập đối với nhau và vì lợi ích riêng của những người sản xuất tự do) phát triển thành một hệ thống có rất nhiều ngành, thành một sự phân công xã hội.

Cái áo làm ra, dù là người thợ may mặc nó hay là khách hàng mặc nó, thì đối với cái áo điều đó không có quan hệ gì cả. Trong cả hai trường hợp, nó đều dùng làm giá trị sử dụng. Mối quan hệ giữa cái áo và lao động sản xuất ra nó, cũng vậy, mối quan hệ đó không hề mảy may thay đổi, vì việc làm ra cái áo đó là một nghề nghiệp riêng biệt, vì lao động ấy trở thành một khâu trong sự phân công xã hội. Một khi nhu cầu ăn mặc buộc người ta phải may quần áo, thì trong hàng nghìn năm, người ta đã tự may lấy quần áo, nhưng không có một ai vì vậy mà trở thành thợ may cả. Nhưng dù là vải hay áo, bất cứ một yếu tố nào của của cải vật chất mà không sẵn có trong tự nhiên, thì bao giờ cũng là do một thứ lao động sản xuất đặc biệt tạo ra nhằm mục đích chế biến những vật chất tự nhiên cho thích hợp với nhu cầu của con người. Lao động, xét về mặt nó sản xuất ra giá trị sử dụng, về mặt là lao động có ích, thì bất cứ ở trong xã hội nào đi nữa, nó cũng đều là điều kiện không thể thiếu được của đời sống con người, là một sự tất yếu vĩnh viễn, là kẻ môi giới trong sự lưu thông vật chất giữa tự nhiên và người ta.

Các giá trị sử dụng như vải, áo, v.v., tức là các vật thể hàng hóa, đều do hai yếu tố kết hợp thành: vật chất và lao động. Nếu ta trừ tổng số các thứ lao động mà vật

thể hàng hóa đó chứa đựng ra, thì bao giờ cũng còn lại một cái xác vật chất, một cái do tự nhiên cung cấp chứ không phải do sức con người tạo ra một chút nào cả.

Con người không thể làm gì khác hơn là chính ngay tự nhiên vẫn làm, nghĩa là con người chỉ thay đổi hình thức của các vật chất mà thôi (1). Hơn nữa, trong công việc thay đổi một cách giản đơn ấy, con người còn luôn luôn được những lực lượng tự nhiên giúp sức nữa. Như vậy, lao động không phải là nguồn gốc duy nhất của những giá trị sử dụng do nó sản xuất ra, của của cải vật chất. Như Vi-liêm Pe-ti nói: lao động là cha, còn đất là mẹ của của cải vật chất.

Bây giờ chúng ta hãy thôi không bàn đến hàng hóa về mặt nó là đối tượng sử dụng, mà hãy trở lại bàn về giá trị của hàng hóa.

Theo như chúng ta đã giả định, cái áo có một giá trị gấp đôi tấm vải. Nhưng đây mới chỉ là một sự khác nhau về số lượng mà chúng ta chưa cần chú ý tới. Vì vậy, chúng

(1) « Tất cả những hiện tượng trong vũ trụ, bất cứ là do con người gây ra hay là do quy luật chung của tự nhiên gây ra, cũng đều không cho ta thấy đó là một sự sáng tạo thực sự, mà chỉ cho thấy đó là một sự cải biến vật chất đi mà thôi. Kết hợp lại và tách rời ra, — đó là những yếu tố duy nhất, mà trí óc con người nắm được trong khi phân tích quan niệm tái sản xuất. Đó đúng là tái sản xuất ra giá trị (giá trị sử dụng, tuy rằng ở đây, bản thân Ve-ri, trong khi tranh luận chống phái trọng nông, cũng không biết cái giá trị mình nói đây là giá trị gì) và ra của cải, cũng như đất, không khí và nước biến thành hạt lúa, hoặc cũng như bàn tay con người biến chất nhựa của một thứ sâu thành tơ, hoặc là khi những mảnh kim thuộc được tạo nên bởi một sự sắp xếp những hạt nguyên tử của nó ». (Pi-e-tơ-rô Ve-ri: *Meditazioni sulla Economia politica*. [Những sự nghiên cứu về khoa kinh tế chính trị], in lần đầu tiên năm 1773. Trước tác của những nhà kinh tế học Ý của Cu-stô-đi, *phần cận đại*, 1804*).

* T. XV, tr. 21 và 22. *B.T.*

ta thấy rằng nếu một cái áo bằng hai lần 10 mét vải, thì 20 mét vải bằng một cái áo. Về mặt là những giá trị, thì áo vải có cùng một thực thể như nhau, đều là những biểu hiện khách quan của một lao động đồng nhất. Nhưng việc may áo và việc dệt vải là những thứ lao động khác nhau. Tuy vậy, có nhiều hình thức xã hội, trong đó cùng một người mà khi thì là thợ may, khi thì là thợ dệt, và do đó mà hai thứ lao động đó chỉ là những biến hình của lao động của cùng một cá nhân, chứ không phải là những chức năng cố định của những cá nhân khác nhau, cũng như cái áo mà người thợ may của chúng ta làm ra hôm nay và cái quần mà anh ta sẽ làm ra ngày mai cũng chỉ là những sự biến hóa của lao động cá nhân của người đó mà thôi. Mới thoạt nhìn, người ta lại cũng còn thấy ngay rằng trong xã hội tư bản chủ nghĩa của chúng ta, tùy theo phương hướng luôn luôn thay đổi của số cầu về lao động, một bộ phận nhất định của lao động con người phải hiện ra khi thì dưới hình thái may quần áo, khi thì dưới hình thái dệt vải. Dù sự cọ xát do những sự biến đổi hình thái của lao động ấy gây ra có như thế nào chăng nữa, nhưng những biến đổi ấy vẫn cứ tiến hành như thường.

Rút cục, nếu không kể đến tính chất có ích của hoạt động sản xuất, thì bất cứ hoạt động sản xuất nào cũng đều là một sự tiêu phí sức lực con người. Việc may quần áo và việc dệt vải, tuy có khác nhau, nhưng cả hai đều là một sự tiêu phí để sản xuất của bộ óc, bắp thịt, thần kinh, và bàn tay con người, và theo ý nghĩa đó, đều gọi là lao động của con người cả. Dĩ nhiên là sức lực của con người (sự vận động của sức lực này chỉ thay đổi hình thái trong các loại hoạt động sản xuất khác nhau) phải phát triển đến một mức nào đó thì mới có thể tiêu phí được dưới hình thái này hay hình thái khác. Nhưng giá trị của hàng hóa

chỉ đại biểu một cách thuần túy và giản đơn cho lao động của con người, đại biểu cho sự tiêu phí sức lực con người nói chung mà thôi. Nếu trong xã hội tư bản, một viên tướng hay chủ nhà băng đóng một vai trò quan trọng, còn người thường dân chỉ đóng một vai trò tầm thường (1), thì lao động của con người trong xã hội đó cũng vậy thôi. Đây là một sự tiêu phí sức lực giản đơn mà bất cứ một người bình thường nào, không có sự phát triển đặc biệt, cũng đều có trong cơ thể họ. Quả là lao động giản đơn trung bình có thay đổi tính chất tùy theo từng nước và từng thời kỳ, nhưng trong một xã hội nhất định thì lao động đó vẫn là lao động nhất định. Lao động phức tạp (*skilled labour*, lao động thành thạo) chỉ là bội số của lao động giản đơn (2), hay nói cho đúng hơn, là lao động giản đơn nhân bội lên, thành thử một số lượng lao động phức tạp nào đó thì tương đương với một số lượng lớn hơn về lao động giản đơn. Kinh nghiệm chứng tỏ rằng lao động phức tạp được quy ra lao động giản đơn như thế là việc luôn luôn xảy ra. Ngay khi một hàng hóa là sản phẩm của một lao động phức tạp nhất, thì giá trị của hàng hóa đó vẫn quy nó ra sản phẩm của một lao động giản đơn theo một tỷ lệ nào đó, do đó chỉ đại biểu cho một số lượng nhất định nào đó của lao động giản đơn ấy thôi (3). Những tỷ lệ khác nhau, theo đó các thứ lao động khác nhau được quy ra lao động giản đơn (và lấy lao động giản đơn làm

(1) Xin xem Hê-ghen: *Triết học pháp quyền*, Bá-linh, 1840, tr. 250, § 190.

(2) N'est qu'une puissance du travail simple. (*N.D.*)

(3) Bạn đọc nên chú ý rằng đây không phải là nói về tiền công hay giá trị mà người thợ nhận được về một ngày lao động, mà là nói về giá trị của hàng hóa trong đó ngày lao động ấy được thể hiện. Cho nên phạm trù tiền công chưa có trong phần trình bày ở đây.

đơn vị đo lường các lao động khác nhau), thì đều tự xác lập trong xã hội, mà những người sản xuất không hề hay biết gì cả, và những người này vẫn cứ tưởng những tỷ lệ đó là do những tập quán cổ truyền quy định ra. Do đó, khi phân tích giá trị, ta phải coi mỗi thứ sức lao động như một sức lao động giản đơn.

Vậy cũng như trong những giá trị như vải và áo, sự khác nhau và giá trị sử dụng của vải và áo đã bị gạt bỏ, thì trong lao động do các giá trị đó đại biểu, sự khác nhau của những hình thái có ích của lao động là may áo và dệt vải, cũng mất đi. Cũng như các giá trị sử dụng như vải và áo đều là những sự kết hợp của hoạt động sản xuất riêng biệt với sợi và dạ, còn giá trị của hai vật đó chỉ là kết tinh thuần túy của một lao động đồng nhất, thì những lao động nhập vào trong các giá trị đó cũng không còn có quan hệ về sản xuất với sợi và dạ nữa, mà chỉ thuần túy biểu hiện một sự tiêu phí cũng một sức lao động như thế của con người. Việc dệt đó có những tính chất khác nhau, nhưng hai việc đó tạo ra được những giá trị thì chỉ là nhờ có một tính chất chung là lao động của con người.

Áo và vải không phải chỉ là những giá trị nói chung, mà còn là những giá trị có một lượng nhất định; và như chúng ta đã giả định, thì cái áo có giá trị gấp đôi 10 mét vải. Sự chênh lệch này do đâu mà ra? Do ở chỗ lao động chứa đựng trong tấm vải chỉ bằng một nửa lao động chứa đựng trong cái áo, vì vậy để sản xuất ra cái áo thì phải tiêu phí sức lao động trong một thời gian dài gấp đôi thời gian cần thiết để sản xuất ra tấm vải.

Như vậy là nếu xét về mặt là giá trị sử dụng thì lao động chứa đựng trong hàng hóa chỉ được kể về chất, mà xét theo lượng của giá trị thì lao động đó chỉ được tính về mặt số lượng mà thôi. Trong trường hợp thứ nhất, thì

vấn đề là lao động tiến hành như thế nào và sản xuất ra cái gì; trong trường hợp thứ hai thì vấn đề là lao động trong bao nhiêu lâu. Vì lượng của giá trị của một hàng hóa chỉ đại biểu cho số *lượng* lao động chứa đựng trong hàng hóa đó, cho nên tất cả các hàng hóa, theo một tỷ lệ nào đó, đều phải là những giá trị ngang nhau.

Nếu sức sản xuất của tất cả những lao động có ích cần thiết để làm một cái áo, không thay đổi thì số lượng giá trị của những chiếc áo tăng lên theo số áo. Nếu một cái áo đại biểu cho *x* ngày lao động, thì hai cái áo đại biểu cho 2*x*, v.v.. Nhưng nếu ta giả định rằng thời gian lao động tất yếu để sản xuất ra một cái áo tăng lên gấp đôi hay giảm đi một nửa thì trong trường hợp thứ nhất, một cái áo có giá trị bằng hai cái áo trước kia và trong trường hợp thứ hai, hai cái áo không có giá trị hơn được một cái áo trước kia, mặc dầu rằng trong cả hai trường hợp, cái áo trước sau vẫn có những công dụng như nhau, và lao động có ích sản xuất ra áo, trước sau vẫn có cùng một chất lượng. Nhưng *số lượng* lao động tiêu phí để sản xuất ra cái áo không phải như trước nữa.

Một số lượng giá trị sử dụng nhiều hơn thì dĩ nhiên là làm thành một khối *của cải vật chất* lớn hơn; có hai cái áo thì có thể mặc cho hai người, có một cái áo thì chỉ có thể mặc cho một người thôi, và vân vân. Nhưng khối lượng của cải vật chất mà càng tăng thêm, thì đồng thời giá trị của khối của cải đó có thể càng giảm xuống. Sự vận động trái ngược đó là do tính chất hai mặt của lao động tạo ra. Trong một thời gian nhất định, hiệu quả một lao động có ích là do sức sản xuất của nó định đoạt (1). Cho nên

(1) L'efficacité, dans un temps donné, d'un travailutile dépend de sa force productive. *(N.D.)*

lao động có ích trở thành nguồn tạo ra sản phẩm nhiều hay ít theo tỷ lệ thuận với sự tăng hay giảm của sức sản xuất của nó. Trái lại, một sự biến đổi của sức sản xuất không bao giờ ảnh hưởng trực tiếp đến lao động biểu hiện trong giá trị cả. Vì sức sản xuất là thuộc về lao động cụ thể và có ích, cho nên nó không thể ảnh hưởng đến lao động, một khi người ta đã gạt bỏ hình thái của lao động. Mặc dù sức sản xuất của lao động có những biến đổi như thế nào đi nữa, thì cùng một lao động tiến hành trong cùng một thời gian, bao giờ cũng nhập vào trong cùng một giá trị. Nhưng trong một thời gian nhất định, lao động sẽ cho ta nhiều giá trị sử dụng hơn, nếu sức sản xuất của nó tăng lên, và ít giá trị sử dụng hơn, nếu sức sản xuất của nó giảm xuống. Một sự thay đổi nào của sức sản xuất mà làm tăng thêm hiệu quả của lao động và do đó làm tăng thêm khối lượng giá trị sử dụng do lao động làm ra, đều sẽ làm giảm bớt giá trị của khối lượng đã tăng lên đó, nếu sự thay đổi đó rút ngắn được tổng số thời gian lao động cần thiết để sản xuất ra khối lượng đó; và ngược lại, cũng như vậy.

Những điều trên đưa đến kết quả là, trong hàng hóa, nói cho đúng ra, không có hai thứ lao động, nhưng trong hàng hóa thì cùng một lao động mà lại tự đối lập với bản thân nó, tùy theo người ta liên hệ nó với giá trị sử dụng của hàng hóa, coi giá trị sử dụng này là sản phẩm của nó, hay là liên hệ nó với giá trị của hàng hóa đó, coi giá trị này là sự biểu hiện khách quan thuần túy của nó. Một mặt thì bất cứ lao động nào cũng đều là sự tiêu phí sức người, hiểu theo nghĩa sinh lý, và với tư cách là lao động giống nhau đó của con người, thì nó hình thành giá trị của hàng hóa. Mặt khác, bất cứ lao động nào cũng đều là sự tiêu phí sức người dưới một hình thức sản xuất nào đó, sự tiêu phí do một mục đích riêng biệt quyết định và với

tư cách là lao động cụ thể và có ích như vậy, thì nó sản xuất ra những giá trị sử dụng hay là những công dụng. Cũng như hàng hóa trước hết phải là một công dụng thì mới là một giá trị, lao động cũng vậy, trước hết phải là có ích thì mới được coi là sự tiêu phí sức người, lao động con người, theo nghĩa trừu tượng của tiếng đó. (1)

C. Mác: *Tư bản*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1959, q. I, t. I, tr. 64 - 71.

(1) Để chứng minh rằng « lao động... là cái thước đo duy nhất có tính chất hiện thực và quyết định, có thể dùng trong mọi lúc, ở mọi nơi, để xét định và so sánh giá trị của tất cả mọi hàng hóa », *A. Smit* nói rằng: « Trong mọi lúc và ở mọi nơi, những số lượng lao động bằng nhau nhất định phải có một giá trị bằng nhau đối với người lao động. Với một tình trạng bình thường về sức khỏe, sức mạnh và sức hoạt động, và với trình độ thành thạo hay khéo léo bình thường mà người đó có thể có, thì người đó luôn luôn phải hy sinh cùng một phần nghỉ ngơi, tự do và hạnh phúc của mình » *(Wealth of nations* [Của cải của các quốc gia], t. I, chương V.). Một mặt, ở đây A. Smit lẫn lộn (không phải chỗ nào ông cũng lẫn lộn như vậy) việc *số lượng lao động* đã tiêu phí để sản xuất ra hàng hóa quyết định giá trị của hàng hóa đó với việc *giá trị của lao động* quyết định *giá trị* của hàng hóa, do đó ông tìm cách chứng minh rằng những số lượng lao động bằng nhau bao giờ cũng có giá trị bằng nhau. Một mặt khác, quả thật ông ta có cảm thấy rằng, xét về mặt lao động biểu hiện trong giá trị của hàng hóa, thì mọi lao động đều chỉ là một sự *tiêu phí sức lao động của con người;* nhưng ông ta hiểu sự tiêu phí này hoàn toàn chỉ là sự quên mình, là hy sinh nghỉ ngơi, tự do và hạnh phúc thôi, chứ ông không hiểu rằng sự tiêu phí đó đồng thời cũng là sự biểu hiện bình thường của sự sống. Và cũng quả thật là ở đây, ông đang xét tới người lao động làm thuê hiện đại. Một trong những người tiền bối của *A. Smit* mà chúng ta đã dẫn ở trên, nói một cách chính xác hơn nhiều: « Một người đã làm việc trong một tuần để sản xuất một vật cần thiết cho đời sống... và một người nào mà đổi một vật khác với người đó, muốn xem có ngang giá không thì không có cách nào

tốt hơn là tính xem vật nào đã đòi hỏi một lao động và một thời gian như vật mà mình muốn đổi lấy. Thật ra, đây chỉ là sự trao đổi lao động mà một người đã bỏ vào một hàng hóa trong một thời gian nào đó, với lao động mà một người khác đã bỏ vào một hàng hóa khác trong cùng một thời gian ». (*Vài ý nghĩ về lợi tức của tiền tệ nói chung, v.v.*, tr. 39).

Bản xuất bản lần thứ 4: tiếng Anh có cái lợi là có hai tiếng khác nhau để chỉ các mặt khác nhau đó của lao động. Lao động tạo ra giá trị sử dụng và được xét về chất lượng thì gọi là *work*, để đối lại với chữ *labour*; lao động tạo ra giá trị và chỉ được xét về mặt lượng thì gọi là *labour*, để đối lại với *work*. Xem chú thích của bản dịch ra tiếng Anh, tr. 14*. *(Ph. Ă.)*

* Bản dịch ra tiếng Anh, Nhà xuất bản Ngoại văn, Mạc-tư-khoa, 1964. q. I, chú thích I, tr. 46. *(B.T.)*

SẢN XUẤT, TIÊU DÙNG, PHÂN PHỐI, TRAO ĐỔI (LƯU THÔNG)

I. SẢN XUẤT

a) Đối tượng của bản nghiên cứu này trước hết là nền *sản xuất vật chất.*

Dĩ nhiên, những cá nhân sản xuất trong xã hội, — tức là một nền sản xuất có tính chất xã hội nhất định của các cá nhân, là điểm xuất phát. Người đi săn và người đánh cá cá thể và riêng lẻ, mà Smít và Ri-các-đô lấy làm điểm xuất phát, thuộc vào những loại tưởng tượng *nhạt nhẽo* của thế kỷ XVIII. Những câu chuyện kiểu Rô-bin-xơn đó quyết không phải — như một số người nghiên cứu lịch sử văn minh tưởng tượng — chỉ là một sự phản ứng chống lại cách sống quá ư tinh vi, hay là một sự quay về đời sống tự nhiên đã bị hiểu sai. Cả bản *Contrat social* [*Khế ước xã hội*] của Rút-xô cũng vậy, nó không hề dựa trên một chủ nghĩa tự nhiên như thế, khi nó dùng một minh ước để quy định những mối quan hệ và liên hệ giữa những con người bản chất vốn độc lập. Đó chỉ là một ảo tưởng, và chỉ là một ảo tưởng thẩm mỹ của những câu chuyện lớn, nhỏ kiểu Rô-bin-xơn mà thôi. Thực ra, đó

là một sự báo trước của « xã hội tư sản » (1) đã được chuẩn bị từ thế kỷ XVI và đã bước những bước khổng lồ trên con đường trưởng thành vào thế kỷ XVIII. Trong cái xã hội mà tự do cạnh tranh thống trị ấy, cá nhân hầu như tách khỏi những mối liên hệ tự nhiên, v.v., những mối liên hệ này trong những thời kỳ lịch sử trước đây đã làm cho cá nhân thành một thành viên của nhóm người hạn chế nhất định. Đối với các nhà tiên tri của thế kỷ XVIII — Smít và Ri-các-đô còn hoàn toàn đứng trên quan điểm của những người này — thì cá nhân của thế kỷ XVIII đó (cá nhân này một mặt là sản phẩm của các hình thái xã hội phong kiến đang tan rã, mặt khác còn là sản phẩm của những lực lượng sản xuất mới đã bắt đầu phát triển từ thế kỷ XVI) là một lý tưởng đã *tồn tại trong quá khứ* (2). Họ cho rằng cá nhân đó không phải là một kết quả của lịch sử mà là điểm xuất phát của lịch sử, vì họ coi cá nhân là một cái gì tự nhiên, phù hợp với quan niệm của họ về bản chất loài người, nó không phải là một sản phẩm của lịch sử, mà là một vật sẵn có của tự nhiên. Cho tới nay, mọi thời đại mới đều mắc ảo tưởng này. Sti-u-át, với tư cách một nhà quý tộc, đối lập về nhiều mặt với thế kỷ XVIII đã đứng trên địa hạt lịch sử nhiều hơn, do đó đã tránh được cái ảo tưởng ngây ngô này.

Càng đi ngược lại dòng lịch sử, chúng ta càng thấy cá nhân — và do đó cá nhân sản xuất cũng vậy — thể hiện ra trong trạng thái lệ thuộc, là một thành viên của một tổng thể lớn hơn: lúc đầu cá nhân đó gắn liền một cách hết sức tự nhiên với gia đình và với gia đình đã phát triển thành thị tộc; sau đó thì gắn liền với công xã dưới những

(1) Bản tiếng Nga dịch là: *Xã hội công dân.* (B.T.)

(2) Bản tiếng Nga dịch là: *Cá nhân đó là một lý tưởng mà sự tồn tại thuộc về quá khứ.* (B.T.)

hình thái khác nhau, sản sinh ra do sự xung đột và hỗn hợp giữa các thị tộc. Chỉ mãi tới thế kỷ XVIII, trong « xã hội tư sản », các hình thái khác nhau của mối quan hệ xã hội mới thể hiện ra đối với cá nhân như là một công cụ để thực hiện những mục đích riêng của cá nhân, như là một tất yếu từ bên ngoài. Nhưng thời đại sản sinh ra quan điểm này — cái quan điểm cá nhân riêng lẻ — lại chính là thời đại của những quan hệ xã hội phát triển nhất (đứng trên quan điểm này thì các quan hệ xã hội mang một tính chất cách mạng chung nhất). Con người, theo nghĩa chặt chẽ nhất, là một ... [*động vật chính trị*] (1), không những chỉ là một động vật vốn có tính chất hợp quần mà còn là một động vật chỉ có thể tách riêng ra trong xã hội mà thôi. Sản xuất do cá nhân riêng lẻ thực hiện ngoài xã hội — hiện tượng hiếm có này rất có thể xảy ra đối với một con người văn minh do ngẫu nhiên bị đưa tới một nơi không người, con người văn minh đó đã chứa đựng những lực lượng xã hội một cách tiềm tàng — là một điều vô lý cũng như sự phát triển ngôn ngữ của những cá nhân không *chung* sống và nói năng với nhau vậy. Về điểm đó không cần phải nói nhiều nữa. Chúng ta hoàn toàn có thể không đề cập tới điểm đó, nếu như cái điều ngô nghê ấy, có thể hoàn toàn hiểu được đối với những con người ở thế kỷ XVIII, đã không được Ba-sti-at, Ca-rây, Pơ-ru-đông, v.v., đưa trở lại một cách nghiêm trang vào kinh tế chính trị học cận đại. Dĩ nhiên đối với Pơ-ru-đông v.v. thì thật là tiện khi dựng nên những chuyện thần thoại để giải thích một cách lịch sử triết học nguồn gốc của một quan hệ kinh tế nào đó mà họ không biết nguyên nhân lịch sử: hình như khái niệm đó đã nảy ra trong óc A-đam

(1) Bản tiếng Nga chú thích là: *Động vật xã hội* (A-ri-stốt: *Chính trị*, t. I, chương I). *(B.T.)*

và Pơ-rô-mê-tê dưới một hình thái đã sẵn sàng và dứt khoát rồi sau đó nó được đem áp dụng v.v.. Không có gì nhạt nhẽo và chán chường bằng cái *locus communis* [sáo ngữ] được đem bịa đặt thêm đó.

Vậy khi nói về sản xuất, thì bao giờ cũng là nói về sản xuất ở một giai đoạn nhất định của sự phát triển xã hội — tức là sản xuất của những cá nhân sống trong xã hội. Do đó có thể hình như là, để nói tới sản xuất nói chung, thì chúng ta phải, hoặc đi theo quá trình phát triển lịch sử trong các giai đoạn khác nhau của nó, hoặc tuyên bố ngay từ đầu rằng chúng tôi nghiên cứu một thời đại lịch sử nhất định, ví dụ nền sản xuất tư bản chủ nghĩa hiện đại, nền sản xuất này trên thực tế là đề tài thật sự của chúng ta. Nhưng tất cả mọi thời đại của sản xuất đều có một số tính chất chung nào đó, một số quy định chung nào đó. *Sản xuất nói chung* là một sự trừu tượng, nhưng là một sự trừu tượng hợp lý, trong chừng mực nó thực sự nêu lên được nét chung, cố định nó lại, và do đó, tránh cho ta khỏi lặp lại. Tuy nhiên, nét *phổ biến* đó là nét chung, có thể nêu bật lên được thông qua sự so sánh đó, bản thân nó cũng là một cái gì bị phân ra rất nhiều lần và được thể hiện trong những quy định khác nhau. Một số tính chất nào đó thuộc về tất cả mọi thời đại, một số khác lại chỉ chung cho một vài thời đại mà thôi. Một số các quy định là chung cho thời đại hiện đại nhất cũng như cho thời đại cổ đại nhất. Nếu không có những quy định đó, thì người ta không quan niệm được bất cứ một nền sản xuất nào cả. Tuy rằng các ngôn ngữ phát triển nhất có một số định luật và quy định chung với những ngôn ngữ kém phát triển nhất; nhưng chính cái khác với những điểm phổ biến và chung đó là cái cấu thành sự phát triển của những ngôn ngữ ấy. Cần phải phân biệt những quy định có giá trị đối với sản xuất nói chung, chính là để cho sự

thống nhất — sự thống nhất này đã bắt nguồn từ chỗ chủ thể, tức là loài người và khách thể, tức là tự nhiên, là đồng nhất — không làm người ta quên mất sự khác nhau căn bản. Tất cả sự thông minh của các nhà kinh tế học hiện đại, chẳng hạn, những người chứng minh tính chất vĩnh viễn và hòa hợp của các quan hệ xã hội hiện nay, chính là ở chỗ lãng quên sự khác nhau căn bản đó. Ví dụ, họ chứng minh rằng không thể nào có sản xuất nếu như không có công cụ sản xuất, dù cho công cụ sản xuất đó chỉ là bàn tay mà thôi, rằng không thể nào có sản xuất nếu như không có lao động quá khứ tích lũy lại, dù cho lao động đó chỉ là sự khéo léo mà bàn tay của con người dã man đã có được và tích lũy lại, bằng cách luyện tập đi luyện tập lại. Tư bản, ngoài những vật khác ra, cũng là một công cụ sản xuất, nó cũng là lao động quá khứ, đã khách thể hóa. Như vậy tư bản là một quan hệ tự nhiên phổ biến và vĩnh viễn. Sở dĩ như vậy chính là vì người ta đã vứt bỏ cái yếu tố đặc thù, chỉ có yếu tố này mới làm cho « công cụ sản xuất », « lao động tích lũy », trở thành tư bản. Vì vậy ta thấy toàn bộ lịch sử của các quan hệ sản xuất — như trong tác phẩm của Ca-rây chẳng hạn, — là một sự xuyên tạc một cách có ý xấu của các chính phủ.

Nếu như không có sản xuất nói chung thì cũng không có nền sản xuất phổ biến. Sản xuất bao giờ cũng là một ngành sản xuất *riêng biệt*, như nông nghiệp, chăn nuôi, ngành chế tạo, v.v., hoặc là *toàn thể* những ngành đó. Nhưng kinh tế chính trị học không phải là kỹ thuật học. Ở chỗ khác (sau này) chúng ta sẽ phải giải thích mối quan hệ giữa các quy định chung của sản xuất ở một giai đoạn xã hội nhất định với những hình thái sản xuất đặc thù.

Sau hết, sản xuất cũng không phải chỉ là một thứ sản xuất đặc thù. Nhưng bao giờ sản xuất cũng có một cơ

thể xã hội nhất định, một chủ thể xã hội đang hoạt động trong một tổng thể, ít nhiều to lớn của các ngành sản xuất. Ở đây cũng chưa phải nghiên cứu mối quan hệ tồn tại giữa việc trình bày khoa học và sự vận động hiện thực. Sản xuất nói chung. Các ngành sản xuất đặc thù. Sản xuất coi như là một tổng thể toàn bộ.

Trong kinh tế chính trị học đã trở thành cái «mốt» là đặt một phần chung trước phần trình bày — phần chung này chính là cái phần chính lấy nhan đề *Sản xuất* (ví dụ xem Sti-u-át Min) — trong phần chung này người ta bàn về các *điều kiện chung* của mọi sản xuất.

Cái phần chung này bao gồm hoặc là cần phải bao gồm:

1. Việc nghiên cứu các điều kiện mà nếu thiếu thì không thể nào có sản xuất được. Do đó, trên thực tế, việc nghiên cứu đó, chẳng qua chỉ là việc nêu những nhân tố cơ bản chung cho mọi sản xuất. Nhưng, như chúng ta sẽ thấy, cái đó trên thực tế chỉ quy lại thành một số ít quy định rất giản đơn, nhai lại thành những điều trùng lắp nhạt nhẽo

2. Việc nghiên cứu các điều kiện ít nhiều thúc đẩy sản xuất, ví như trạng thái xã hội tiến lên hay đình trệ của A-đam Smít. Muốn cho cái điểm mà ông ta chỉ coi là một *aperçu* (khái yếu) có được một tính chất khoa học, thì cần phải nghiên cứu về *tình trạng năng suất* ở các thời kỳ khác nhau, trong quá trình phát triển của các dân tộc khác nhau. Việc nghiên cứu đó vượt quá phạm vi đề tài của chúng ta; còn phần nghiên cứu thuộc vào đề tài này thì phải được trình bày trong những chương nói về cạnh tranh, tích lũy, v.v.. Dưới hình thái chung của nó thì câu giải đáp sẽ dẫn tới cái luận điểm chung chung là một nước công nghiệp đạt tới đỉnh cao nhất trong nền sản xuất của nó khi mà nói chung, dân tộc đó đạt tới đỉnh cao nhất trong

sự phát triển lịch sử của nó. Và trên thực tế một dân tộc ở vào một đỉnh cao trong sự phát triển công nghiệp của nó khi mà đối với dân tộc đó, điều cơ bản chưa phải là lợi nhuận mà là việc kiếm ăn. Về ý nghĩa đó, người Mỹ đã vượt người Anh. Hoặc nữa, người ta kết luận: những đặc điểm nhất định về chủng tộc, khí hậu, những điều kiện tự nhiên, ví như ở gần bể, đất đai phì nhiêu, v.v., thuận lợi đối với sản xuất hơn là các đặc điểm khác. Điều đó lại dẫn đến điều trùng lắp sau đây: các yếu tố chủ quan và khách quan của của cải càng có ở một trình độ cao hơn, thì của cải càng được sáng tạo ra một cách dễ dàng hơn.

Nhưng tất cả những cái đó hoàn toàn chưa phải là những cái mà các nhà kinh tế học muốn nói trong cái phần chung này. Trái lại, sản xuất — như trong ví dụ của Min chẳng hạn — , khác với phân phối, v.v. phải được trình bày đóng khung trong các định luật tự nhiên vĩnh viễn, độc lập với lịch sử, để rồi sau đó gặp trường hợp thuận tiện, đưa các quan hệ *tư bản chủ nghĩa* vào một cách lén lút, với tư cách là những quy luật tự nhiên bất di bất dịch của xã hội *in abstracto* [nói chung]. Đó là mục đích ít nhiều có ý thức của tất cả cái phương pháp đó. Trái lại, trong sự phân phối, con người ta hình như trên thực tế có thể tự cho phép mọi thứ hành động tùy tiện. Không kể cái việc tách rời một cách thô bạo sản xuất và phân phối và không kể mối quan hệ hiện thực giữa sản xuất và phân phối, người ta ít nhất cũng thấy ngay rõ ràng điều này: dù cho sự phân phối trong các giai đoạn khác nhau của sự phát triển xã hội có khác nhau thế nào đi nữa, thì đối với phân phối cũng như đối với sản xuất, vẫn có thể nêu ra những tính chất chung và vẫn có thể lẫn lộn và xóa bỏ tất cả các sự khác nhau có tính chất lịch sử để đi tới *những quy luật*

áp dụng cho con người nói chung. Ví dụ, người nô lệ, người nông nô, người lao động làm thuê đều nhận được một số lượng lương thực nhất định để có thể tồn tại được với tư cách là nô lệ, nông nô, người lao động làm thuê. Dù cho có sống dựa vào của cống nạp, thuế, địa tô, của bố thí hay là thuế thập phân, thì kẻ đi chinh phục, quan lại, địa chủ, tăng lữ hay thầy tu, đều nhận được một phần của sản phẩm xã hội, phần này được quy định bởi những quy luật khác với phần dành cho người nô lệ, v.v.. Hai điểm chính mà tất cả các nhà kinh tế học đặt trong mục này là: 1. Sở hữu; 2. Sự bảo đảm sở hữu bằng tư pháp, cảnh sát, v.v.. Về điểm đó người ta có thể trả lời vắn tắt như sau:

Về điểm thứ nhất: Bất cứ nền sản xuất nào cũng là việc con người chiếm hữu những đối tượng của tự nhiên trong phạm vi một hình thái xã hội nhất định và thông qua hình thái đó. Đứng trên ý nghĩa đó, nói rằng sở hữu (chiếm hữu) là một điều kiện của sản xuất, thì đó là một điều lặp lại. Nhưng từ đó mà nhảy lên một hình thái sở hữu nhất định, ví dụ như chế độ tư hữu, thì đáng buồn cười. (Hơn nữa điều đó cũng giả định một hình thái đối lập, *việc không có sở hữu,* làm điều kiện). Ngược lại, lịch sử đã chỉ ra cho chúng ta rằng chế độ sở hữu công cộng (ví dụ ở người Ấn-độ, người Sla-vơ, người Xen-tơ thời cổ, v.v.) là hình thái nguyên thủy, hình thái này dưới hình thức sở hữu công xã còn giữ một vai trò quan trọng khá lâu nữa. Ở đây, chúng ta chưa nghiên cứu vấn đề của cải phát triển tốt hơn dưới hình thái sở hữu này hay dưới hình thái sở hữu khác. Nhưng khi người ta nói rằng nơi nào không có một hình thái sở hữu nào cả thì ở nơi đó cũng không thể có sản xuất nào cả, do đó không có xã hội nào cả, thì

đây chỉ là một điều lặp lại. Một sự chiếm hữu mà lại không chiếm hữu gì cả thì đó là một *contradictio in subjecto* [một sự mâu thuẫn ngay trong lời nói].

Về điểm thứ hai: Bảo vệ những cái đã có được, v.v.. Nếu như người ta đem quy những điều nhạt nhẽo đó vào nội dung thực tế của chúng, thì chúng sẽ nói lên nhiều hơn những người truyền bá chúng. Ví như mọi hình thái sản xuất đều sản sinh ra những quan hệ pháp lý, hình thái quản lý riêng của nó, v.v.. Sự thô lỗ và thiếu hiểu biết chính là ở chỗ đặt những hiện tượng gắn liền với nhau một cách hữu cơ thành những mối quan hệ ngẫu nhiên và thành một mối liên hệ thuần túy chỉ có trong suy luận mà thôi. Cho nên các nhà kinh tế học tư sản chỉ cảm thấy một cách mơ hồ rằng dưới chế độ cảnh sát hiện nay, sản xuất tiến hành dễ dàng hơn dưới thời đại « pháp quyền của kẻ mạnh nhất », chẳng hạn. Họ chỉ quên rằng « pháp quyền của kẻ mạnh nhất » cũng là một pháp quyền và nó vẫn tiếp tục tồn tại dưới một hình thái khác trong cái « Nhà nước pháp trị » của họ.

Khi mà các quan hệ xã hội, thích ứng với một giai đoạn sản xuất nhất định, mới đang hình thành hoặc là khi chúng đang bắt đầu tiêu vong, thì tự nhiên là nhiều sự biến động sẽ xảy ra trong sản xuất, tuy ở trình độ và ảnh hưởng khác nhau.

Tóm lại: có những quy định chung cho tất cả các giai đoạn sản xuất, những quy định này được tư duy coi là cái chung; nhưng cái gọi là *những điều kiện chung* của mọi sản xuất chẳng qua chỉ là những nhân tố trừu tượng không thể nào giúp ta hiểu được bất kỳ một giai đoạn sản xuất lịch sử hiện thực nào cả.

2. QUAN HỆ CHUNG GIỮA SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI, TRAO ĐỔI, TIÊU DÙNG

Trước khi đi sâu phân tích sản xuất, cần thiết phải xét tới các mục khác nhau mà các nhà kinh tế học đề ra cùng với sản xuất.

Đây là khái niệm hời hợt đầu tiên: trong quá trình sản xuất, các thành viên của xã hội thích nghi (tạo ra, cải biến) các sản phẩm của tự nhiên cho phù hợp với những nhu cầu của con người; phân phối xác định tỷ lệ mỗi cá nhân tham gia vào sản phẩm đã sản xuất ra; trao đổi đem lại cho cá nhân những sản phẩm nhất định mà anh ta muốn dùng phần nhận được do phân phối để trao đổi; cuối cùng, trong tiêu dùng các sản phẩm trở thành những đối tượng tiêu dùng và đối tượng của việc chiếm hữu cá nhân. Sản xuất sáng tạo ra những vật phẩm thích hợp với các nhu cầu; phân phối phân chia các vật đó ra theo những quy luật xã hội; trao đổi lại phân phối lại cái đã được phân phối, theo những nhu cầu cá biệt; cuối cùng trong tiêu dùng, sản phẩm vượt ra khỏi vận động xã hội đó, trực tiếp trở thành đối tượng và kẻ phục vụ cho một nhu cầu cá biệt, và thỏa mãn nhu cầu đó trong quá trình tiêu dùng. Như vậy, sản xuất thể hiện ra là điểm xuất phát, tiêu dùng là điểm cuối cùng, phân phối và trao đổi là điểm trung gian, điểm trung gian này lại có hai yếu tố, vì phân phối được coi là yếu tố xuất phát từ xã hội, và trao đổi là yếu tố xuất phát từ cá nhân. Trong sản xuất, con người được khách thể hóa, và trong con người thì vật đã được chủ thể hóa; trong phân phối thì xã hội làm nhiệm vụ trung gian giữa sản xuất và tiêu dùng dưới hình thái những quy định phổ biến có tác dụng chi phối; trong trao đổi, môi giới giữa sản xuất và tiêu dùng là sự quy định ngẫu nhiên của cá nhân.

Phân phối xác định tỷ lệ (số lượng) sản phẩm dành cho cá nhân; trao đổi xác định những sản phẩm mà mỗi cá nhân đòi hỏi như là phần do phân phối dành cho mình.

Cho nên sản xuất, phân phối, trao đổi, tiêu dùng hình thành một phép tam đoạn luận đúng cách: sản xuất là cái chung, phân phối và trao đổi là cái đặc thù, tiêu dùng là cái đơn nhất, ở đó toàn thể được kết thúc. Đương nhiên, cái đó đúng là một mối liên hệ, nhưng là mối liên hệ hời hợt bề ngoài. Sản xuất hình như là do các quy luật phổ biến của tự nhiên quy định; phân phối do sự ngẫu nhiên của xã hội quyết định, vì vậy nó có thể ảnh hưởng ít nhiều thuận lợi đến sản xuất; trao đổi nằm ở giữa hai cái đó, như là một sự vận động xã hội có tính chất hình thức, còn hành vi cuối cùng — tiêu dùng — không những được coi là điểm kết thúc, mà còn là mục đích cuối cùng, nói thực ra là nằm ngoài kinh tế, trừ trường hợp nó tác động trở lại điểm xuất phát, lại làm cho toàn bộ quá trình bắt đầu lại.

Những kẻ phản đối các nhà kinh tế học, — dù là những kẻ phản đối đó ở trong hay ngoài lĩnh vực kinh tế học, — phê phán họ đã tách rời một cách dã man những sự vật cấu thành một khối thống nhất, những kẻ phản đối đó hoặc cùng đứng trên một mảnh đất với họ hoặc ở dưới họ. Không có gì nhạt nhẽo bằng việc chê trách các nhà kinh tế học là họ đã quá xem trọng sản xuất, khi coi nó là một cứu cánh. Họ bảo rằng phân phối cũng không kém phần quan trọng. Điều trách móc đó dựa trên quan niệm của các nhà kinh tế cho rằng phân phối tồn tại như là một lĩnh vực riêng biệt, độc lập bên cạnh sản xuất. Hay họ chê trách rằng các yếu tố khác nhau đó hình như không nằm trong sự thống nhất của chúng. Tựa hồ như là việc tách rời đó không phải là đã được đưa từ thực tế vào trong sách vở,

mà trái lại từ sách vở vào trong thực tế, tựa hồ như ở đây là một sự hòa hợp biện chứng của các khái niệm, chứ không phải là khái niệm về các quan hệ hiện thực!

a) Sản xuất và tiêu dùng.

Sản xuất cũng trực tiếp là tiêu dùng. Tiêu dùng về hai mặt, chủ quan và khách quan: cá nhân, phát triển các năng lực của mình trong quá trình sản xuất, đồng thời cũng tiêu phí, tiêu dùng các năng lực đó trong hành vi sản xuất, cũng giống như hành vi sinh con đẻ cái là sự tiêu phí các sức sống. Điểm thứ hai: sản xuất là tiêu dùng các tư liệu sản xuất mà người ta sử dụng, các tư liệu sản xuất đó hao mòn đi và một phần (ví dụ như khí đốt) phân giải thành những nguyên tố cơ bản. Việc tiêu dùng nguyên liệu nào không giữ lại cái hình thái và những thuộc tính tự nhiên của nó, mà lại mất cái hình thái và những thuộc tính đó đi, thì cũng như vậy. Vì vậy, bản thân hành vi sản xuất, trong mọi nhân tố của nó, cũng đồng thời là một hành vi tiêu dùng. Thực ra, các nhà kinh tế học cũng công nhận tất cả điều đó. Sản xuất, coi là trực tiếp đồng nhất với tiêu dùng, và tiêu dùng coi là trực tiếp ăn khớp với sản xuất, cái đó các nhà kinh tế học gọi là *tiêu dùng sản xuất*. Sự đồng nhất đó giữa sản xuất và tiêu dùng quy lại thành mệnh đề của Spi-nô-da: *Determinatio est negatio* [quy định tức là phủ định]. Nhưng định nghĩa này về tiêu dùng sản xuất chính chỉ là để phân biệt tiêu dùng đồng nhất với sản xuất và tiêu dùng theo đúng nghĩa của nó, tiêu dùng này thực ra lại được quan niệm là cái đối lập thủ tiêu sản xuất. Vậy chúng ta hãy xét tiêu dùng theo đúng nghĩa của nó.

Tiêu dùng đồng thời cũng trực tiếp là sản xuất, cũng như trong tự nhiên, tiêu dùng các nguyên tố hóa chất là

sự sản xuất thực vật. Hoàn toàn rõ ràng là trong quá trình ăn uống, một trong những hình thức tiêu dùng, con người sản xuất ra bản thân cơ thể của mình. Nhưng điều đó cũng có giá trị đối với mọi hình thức tiêu dùng khác, những hình thức tiêu dùng này về mặt này hay mặt khác, mỗi hình thức một kiểu, đã góp phần vào việc sản xuất ra con người. Đó là sự sản xuất có tính chất tiêu dùng. Nhưng kinh tế chính trị học nói: sự sản xuất đồng nhất với tiêu dùng đó là một loại sản xuất thứ hai, loại sản xuất này xuất phát từ việc phá hủy sản phẩm của loại sản xuất thứ nhất. Trong loại sản xuất thứ nhất, người sản xuất được khách thể hóa, trong loại sản xuất thứ hai chính cái vật anh ta đã sản xuất ra lại được nhân cách hóa. Cho nên, sự sản xuất có tính chất tiêu dùng này — mặc dù nó là một sự thống nhất trực tiếp của sản xuất và tiêu dùng — về căn bản khác với sản xuất theo đúng nghĩa của nó. Sự thống nhất trực tiếp, trong đó sản xuất đồng nhất với tiêu dùng, và tiêu dùng đồng nhất với sản xuất, vẫn giữ tính chất hai mặt trực tiếp của chúng.

Vậy, sản xuất trực tiếp là tiêu dùng, tiêu dùng trực tiếp là sản xuất. Mỗi cái trực tiếp là cái đối lập của nó. Nhưng đồng thời giữa hai cái đó có vận động môi giới. Sản xuất làm môi giới cho tiêu dùng, sản xuất tạo ra những vật liệu cho tiêu dùng, không có vật liệu này thì tiêu dùng sẽ không có đối tượng. Nhưng tiêu dùng cũng là môi giới của sản xuất, vì chỉ có tiêu dùng tạo ra chủ thể cho các sản phẩm, mới làm cho sản phẩm trở thành sản phẩm đối với chủ thể. Sản phẩm chỉ đạt tới sự *finish* [kết thúc] cuối cùng của nó trong tiêu dùng mà thôi. Một đường sắt nếu không có xe chạy, không được sử dụng, không được tiêu dùng đi, thì đường sắt đó chỉ là đường sắt trên lĩnh vực... [*khả năng*] thôi, chứ không phải là trên lĩnh vực hiện thực. Không có sản xuất thì không có tiêu dùng; nhưng không

có tiêu dùng cũng chẳng có sản xuất, vì trong trường hợp đó sản xuất sẽ không có mục đích. Tiêu dùng tạo ra sản xuất về hai mặt:

1) Chỉ có trong tiêu dùng thì sản phẩm mới thực sự trở thành sản phẩm. Ví dụ, một cái áo chỉ thực sự trở thành áo do việc người mặc nó mà thôi; một ngôi nhà không có người ở, trên thực tế, không thực sự là một ngôi nhà. Như vậy khác với vật đơn thuần của tự nhiên, sản phẩm chỉ qua tiêu dùng mới thể hiện ra là sản phẩm, mới *trở thành* sản phẩm. Tiêu dùng, khi thủ tiêu sản phẩm, mới đem tới cho sản phẩm một sự *finishing stroke* [hoàn thiện cuối cùng], bởi vì sản phẩm sở dĩ là sản phẩm không phải với tư cách là hoạt động đã vật thể hóa mà chỉ với tư cách là một vật thể đối với chủ thể đang hoạt động.

2) Tiêu dùng tạo ra nhu cầu về một sản phẩm *mới*, do đó, nó là động cơ tư tưởng, động cơ thúc đẩy bên trong của sản xuất là cái tiền đề của nó. Tiêu dùng tạo ra sự kích thích đối với sản xuất, nó cũng tạo ra vật phẩm tác động đến sản xuất khi xác định mục tiêu của sản xuất. Nếu như rõ ràng là sản xuất cung cấp đối tượng cho tiêu dùng, dưới hình thái bên ngoài của nó thì cũng rõ ràng là tiêu dùng *giả định* đối tượng của sản xuất *trên ý niệm*, như là hình ảnh bên trong, nhu cầu, động cơ và cứu cánh. Tiêu dùng tạo ra những đối tượng của sản xuất dưới một hình thức còn là chủ quan. Không có nhu cầu thì không có sản xuất. Nhưng chính tiêu dùng lại tái sản xuất ra nhu cầu.

Thích ứng với điều đó về phía sản xuất có:

1) Sản xuất cung cấp cho tiêu dùng vật liệu và đối tượng. Tiêu dùng không có đối tượng thì không phải là tiêu dùng. Vậy về mặt đó sản xuất tạo ra, sản xuất ra tiêu dùng.

2) Nhưng không phải sản xuất chỉ tạo ra đối tượng cho tiêu dùng; nó cũng đem lại cho tiêu dùng cái hình

thái nhất định, cái tính chất, cái tính hoàn thiện của nó. Cũng như tiêu dùng hoàn thành sản phẩm với tư cách là sản phẩm, sản xuất cũng hoàn thành việc tiêu dùng. *Trước hết*, vật phẩm không phải một vật phẩm nói chung, mà là một vật phẩm nhất định, phải được tiêu dùng theo một cách thức nhất định, mà cách thức đó lại do bản thân sản xuất định trước. Cái đói là cái đói, nhưng cái đói được thỏa mãn bằng thịt nấu, và ăn với dao, dĩa, lại khác với cái đói dùng bàn tay, móng và răng nuốt chửng thịt sống. Do đó, sản xuất không những tạo ra vật phẩm tiêu dùng mà cũng tạo ra phương thức tiêu dùng, điều đó không những một cách khách quan mà còn một cách chủ quan nữa. Như vậy, sản xuất tạo ra người tiêu dùng.

3) Không phải sản xuất chỉ cung cấp vật liệu cho nhu cầu mà còn cung cấp nhu cầu cho vật liệu. Khi tiêu dùng thoát ra khỏi tính chất thô bạo nguyên thủy của nó và đã mất tính chất trực tiếp của nó — và chính việc tiêu dùng ngừng lại lâu ở giai đoạn này cũng là kết quả của một nền sản xuất bị ngưng trệ lại trong sự thô bạo nguyên thủy — thì bản thân tiêu dùng, với tư cách là sự kích thích, lại được vật phẩm làm môi giới. Nhu cầu mà tiêu dùng cảm thấy đối với cái vật phẩm đó, là do sự tri giác đối với vật phẩm đó tạo ra. Một tác phẩm mỹ thuật — cũng như mọi sản phẩm khác — tạo ra một công chúng hiểu nghệ thuật và có khả năng thưởng thức cái đẹp. Vì vậy, sản xuất không những chỉ sản xuất ra một vật phẩm cho chủ thể, mà cũng sản xuất một chủ thể cho vật phẩm.

Vậy sản xuất tạo ra tiêu dùng:

1) Bằng cách tạo ra vật liệu cho tiêu dùng; 2) bằng cách xác định phương thức tiêu dùng; 3) bằng cách làm nảy ra ở người tiêu dùng cái nhu cầu mà đối tượng là sản phẩm do sản xuất đã tạo ra. Do đó sản xuất sản xuất ra đối tượng

tiêu dùng, phương thức tiêu dùng, và sự kích thích tiêu dùng. Cũng vậy, tiêu dùng sinh ra *khả năng* của người sản xuất bằng cách kích thích nhu cầu ở trong anh ta, một nhu cầu hướng vào những mục tiêu nhất định.

Do đó, sự đồng nhất giữa tiêu dùng và sản xuất thể hiện ra dưới ba mặt:

1. *Sự đồng nhất trực tiếp*. Sản xuất là tiêu dùng; tiêu dùng là sản xuất. Sản xuất có tính chất tiêu dùng. Tiêu dùng có tính chất sản xuất. Tất cả hai cái đều được các nhà kinh tế học gọi là tiêu dùng có tính chất sản xuất, nhưng họ còn nêu lên một sự khác nhau: cái thứ nhất mang hình thái của tái sản xuất; cái thứ hai mang hình thái tiêu dùng có tính chất sản xuất. Tất cả những sự nghiên cứu về cái thứ nhất là những sự nghiên cứu về lao động sản xuất hay không sản xuất; những sự tìm tòi về cái thứ hai là sự nghiên cứu về tiêu dùng sản xuất hay không sản xuất.

2. Mỗi cái thể hiện ra là phương tiện của cái kia, được cái kia môi giới, điều đó biểu thị ra trong mối phụ thuộc lẫn nhau của chúng. Đó là sự vận động nhờ đó mà cái nọ quan hệ với cái kia, và làm cho chúng thể hiện ra là rất cần thiết lẫn nhau, mặc dù là chúng vẫn tồn tại cái nọ bên ngoài cái kia. Sản xuất tạo ra vật liệu coi là đối tượng bên ngoài cho tiêu dùng; tiêu dùng tạo ra cái nhu cầu coi là đối tượng bên trong, coi là mục đích cho sản xuất. Không có sản xuất thì không có tiêu dùng; không có tiêu dùng thì không có sản xuất. Điều đó được thể hiện ra trong kinh tế chính trị học dưới nhiều hình thái khác nhau.

3. Sản xuất không phải chỉ trực tiếp là tiêu dùng, cũng như tiêu dùng không phải chỉ trực tiếp là sản xuất; sản xuất cũng không chỉ là phương tiện cho tiêu dùng, cũng như tiêu dùng không phải chỉ là mục đích của sản xuất, trên ý nghĩa là mỗi cái cung cấp vật phẩm cho cái kia: sản

xuất cung cấp vật phẩm bên ngoài cho tiêu dùng, tiêu dùng cung cấp vật phẩm trên ý niệm cho sản xuất. Trên thực tế, mỗi cái trong chúng không những trực tiếp là cái kia, hoặc chỉ là môi giới của cái kia, mà mỗi cái khi nó được thực hiện lại sáng tạo ra cái kia, sáng tạo ra bản thân dưới hình thái của cái kia. Tiêu dùng trước hết hoàn thành hành vi sản xuất khi kết thúc sản phẩm với tư cách là sản phẩm, khi nuốt sản phẩm đó đi, khi thủ tiêu cái hình thái vật thể độc lập của nó; khi nâng lên tới trình độ nghệ thuật — thông qua nhu cầu lắp đi lắp lại — cái khả năng đã được phát triển trong cái hành vi thứ nhất của sản xuất; do đó tiêu dùng không những chỉ là hành vi kết thúc làm cho sản phẩm trở thành sản phẩm, mà còn là hành vi làm cho người sản xuất trở thành người sản xuất. Mặt khác, sản xuất tạo ra tiêu dùng bằng cách sáng tạo ra một phương thức tiêu dùng nhất định, và sau đó bằng cách làm nảy ra sự thèm muốn tiêu dùng, khả năng tiêu dùng dưới hình thái của nhu cầu. Sự đồng nhất sau cùng này, mà chúng ta đã chỉ rõ ở mục 3, đã được kinh tế chính trị học giải thích nhiều bận, về các quan hệ giữa cung và cầu, vật phẩm và nhu cầu, những nhu cầu tự nhiên và những nhu cầu do xã hội tạo ra.

Cho nên đối với một người theo phái Hê-ghen thì chẳng có gì giản đơn hơn là coi sản xuất và tiêu dùng là đồng nhất. Và điều đó không những đã chỉ được các nhà văn xã hội chủ nghĩa làm mà thôi, mà đến cả những nhà kinh tế học tầm thường nhất cũng làm, ví dụ Xay đã làm điều đó dưới hình thức sau đây: khi người ta xem xét một dân tộc, hoặc là loài người *in abstracto* [một cách trừu tượng], thì người ta thấy rằng sản xuất của nó đó là tiêu dùng của nó. Stoóc-sơ đã chỉ rõ sai lầm của Xay: một dân tộc không tiêu dùng hết toàn bộ sản xuất của mình chẳng hạn, nhưng lại sáng tạo ra các tư liệu sản xuất, tư bản cố định, v.v..

Hơn nữa, coi xã hội là một chủ thể duy nhất có nghĩa là quan sát xã hội trên một quan điểm không đúng, thuần túy lý luận. Trong một chủ thể, sản xuất và tiêu dùng thể hiện ra là những yếu tố của cùng một hành vi. Ở đây chỉ cần nhấn mạnh điểm quan trọng nhất là: nếu coi sản xuất và tiêu dùng là hoạt động của một chủ thể hay của những cá nhân riêng biệt đi nữa, thì trong mọi trường hợp sản xuất và tiêu dùng vẫn thể hiện ra như là những nhân tố của một quá trình, trong đó sản xuất thực sự là điểm xuất phát và do đó cũng là yếu tố có tính chất chi phối. Tiêu dùng, với tư cách là một sự cần thiết, là một yếu tố bên trong của hoạt động *sản xuất*, nhưng hoạt động sản xuất này là điểm xuất phát của sự thực hiện, nên do đó cũng là yếu tố chi phối của sự thực hiện, là hành vi dựa vào đó toàn bộ quá trình lại được tái diễn. Cá nhân sản xuất ra một vật phẩm và thông qua việc tiêu dùng vật phẩm đó, lại phục hồi lại bản thân mình, nhưng như thế là với tư cách một cá nhân sản xuất và tái sản xuất ra chính bản thân. Cho nên tiêu dùng thể hiện ra như là nhân tố sản xuất.

Nhưng trong xã hội mối quan hệ giữa người sản xuất và sản phẩm, khi sản phẩm đã được hoàn thành, là một quan hệ thuần túy bên ngoài, và việc sản phẩm quay trở lại chủ thể là do những mối liên hệ của anh ta với những cá nhân khác quyết định. Anh ta không trở thành người sở hữu sản phẩm đó ngay lập tức. Việc chiếm hữu trực tiếp sản phẩm cũng vậy, cũng không phải là mục đích của người sản xuất nếu anh ta tiến hành sản xuất trong xã hội. *Phân phối* xen vào giữa người sản xuất và sản phẩm, thông qua những quy luật xã hội, phân phối quy định phần dành cho người sản xuất trong cái khối sản phẩm; do đó, phân phối xen vào giữa sản xuất và tiêu dùng.

Nhưng thế thì phân phối có phải là một lĩnh vực độc lập, đứng bên cạnh và ngoài sản xuất hay không?

b) Phân phối và sản xuất

Khi người ta xét các tác phẩm kinh tế chính trị học thông thường, thì một điều trước tiên làm người ta chú ý là tất cả các phạm trù đều được đặt ra dưới hai hình thức cả. Ví dụ, trong phân phối có: địa tô, tiền công, lợi tức và lợi nhuận, còn trong sản xuất thì đất đai, lao động, tư bản được coi là những yếu tố của sản xuất. Đối với tư bản người ta thấy rõ ràng ngay từ đầu là nó được đặt ra dưới hai hình thức: 1) là nhân tố của sản xuất; 2) là nguồn của thu nhập, là nhân tố quyết định những hình thức phân phối nhất định. Vì vậy, lợi tức và lợi nhuận cũng biểu hiện ra với tư cách như vậy trong sản xuất, trong chừng mực chúng là những hình thức trong đó tư bản tăng thêm và phát triển, do đó, là những yếu tố của việc sản xuất ra bản thân tư bản. Coi là những hình thức của phân phối, lợi tức và lợi nhuận giả định phải coi tư bản là nhân tố của sản xuất. Đó là những phương thức phân phối dựa trên tiền đề coi tư bản là nhân tố của sản xuất. Đó cũng đồng thời là những phương thức tái sản xuất ra tư bản.

Tiền công cũng là lao động làm thuê được các nhà kinh tế học xem xét dưới một đề mục khác: ở đây tính quy định của lao động với tư cách là nhân tố của sản xuất được biểu hiện ra ở chỗ khác thành tính quy định của phân phối. Nếu như lao động không được quy định là lao động làm thuê, thì phương thức mà lao động tham gia vào sự phân phối sản phẩm cũng sẽ không thể hiện ra dưới hình thái tiền công: ví dụ trong trường hợp trong chế độ nô lệ. Sau hết, địa tô — nếu chúng ta lấy ngay hình thái phát triển nhất của phân phối, theo đó sở hữu ruộng đất tham gia vào việc phân phối sản phẩm — giả định phải có chế độ sở hữu ruộng đất lớn (nói đúng ra là nền nông nghiệp lớn) với tư cách là nhân tố của sản xuất, chứ không phải chỉ giả định phải có đất đai mà thôi, cũng như tiền công

không dựa trên tiền đề lao động với tư cách là lao động. Do đó những quan hệ phân phối và phương thức phân phối chỉ là mặt trái của các nhân tố sản xuất. Một cá nhân tham gia vào sản xuất dưới hình thức lao động làm thuê, thì lại tham gia vào việc phân phối sản phẩm, thành quả của sản xuất dưới hình thức tiền công. Cơ cấu của sự phân phối hoàn toàn do cơ cấu của sản xuất quy định. Bản thân sự phân phối là sản vật của sản xuất, không những chỉ về mặt nội dung vì người ta chỉ có thể đem phân phối những kết quả của sản xuất thôi, mà về cả hình thức, vì phương thức nhất định của việc tham gia vào sản xuất quy định hình thái đặc thù của phân phối, hình thái theo đó người ta tham gia vào sự phân phối. Thật hoàn toàn là một ảo tưởng nếu muốn xếp ruộng đất vào sản xuất và địa tô vào phân phối, v.v..

Vì vậy, một số nhà kinh tế học giống như Ri-các-đô, — người ta đã chê trách họ nhiều nhất ở chỗ chỉ chú ý tới sản xuất, — đã coi phân phối là đối tượng duy nhất của kinh tế chính trị học, bởi vì do bản năng họ đã chọn những hình thái phân phối, coi đó là những biểu hiện rõ nhất ghi lại các nhân tố của sản xuất trong một xã hội nhất định.

Đối với cá nhân riêng lẻ, thì dĩ nhiên phân phối thể hiện ra là một quy luật xã hội, quyết định địa vị của anh ta trong phạm vi nền sản xuất mà anh ta tiến hành, và do đó có trước sản xuất. Ngay từ đầu cá nhân không có tư bản, cũng không có sở hữu ruộng đất. Từ khi sinh ra, do phân phối của xã hội, anh ta phải lao động làm thuê. Nhưng việc anh ta phải lao động làm thuê là do tư bản, sở hữu ruộng đất tồn tại như là những nhân tố độc lập của sản xuất.

Nếu người ta nghiên cứu toàn bộ các xã hội, thì hình như, về một phương diện khác nữa, phân phối có trước

sản xuất và quyết định sản xuất, như một sự vật có trước kinh tế. Một dân tộc đi chinh phục phân chia đất đai cho những kẻ đi chinh phục và do đó, xác lập nên một sự phân phối nào đó và một hình thái nào đó về quyền sở hữu ruộng đất, do đó mà quyết định sản xuất. Hoặc giả nó biến những dân tộc bị chinh phục thành nô lệ và do đó biến lao động nô lệ thành cơ sở của sản xuất. Hoặc giả, một dân tộc làm cách mạng phá vỡ chế độ đại sở hữu thành những mảnh đất nhỏ, do đó, qua sự phân phối mới đó nó đem lại cho sản xuất một tính chất mới. Cuối cùng hoặc giả luật pháp làm cho sở hữu ruộng đất được duy trì mãi mãi trong tay một số gia đình nhất định, hoặc biến lao động thành một đặc quyền cha truyền con nối và do đó đã trao cho lao động một tính chất đẳng cấp. Trong tất cả các trường hợp đó, — tất cả các trường hợp đó đều đã có trong lịch sử, — hình như phân phối không do sản xuất tổ chức và quyết định, mà ngược lại hình như sản xuất lại do phân phối tổ chức và quyết định.

Theo quan niệm nông cạn nhất, thì phân phối biểu hiện thành phân phối sản phẩm, và do đó, hình như nó rất cách xa đối với sản xuất và tựa hồ như là độc lập với sản xuất. Nhưng trước khi là phân phối sản phẩm, thì phân phối là: 1) phân phối những công cụ sản xuất, và 2) phân phối các thành viên xã hội theo những loại sản xuất khác nhau, cái đó tức là một sự quy định khác của mối quan hệ trên (Việc các cá nhân lệ thuộc vào những quan hệ sản xuất nhất định). Rõ ràng rằng phân phối sản phẩm chỉ là kết quả của sự phân phối đó mà thôi, sự phân phối này đã bao hàm trong bản thân quá trình sản xuất và quyết định cơ cấu của sản xuất. Xem xét sản xuất mà không quan tâm tới sự phân phối đó, sự phân phối bao hàm trong sản xuất, thì rõ ràng đó là một sự trừu tượng trống rỗng, còn sự phân phối sản phẩm thì trái lại, đã bao hàm trong sự

phân phối này, ngay từ đầu sự phân phối này là một yếu tố của sản xuất. Chính vì vậy Ri-các-đô, người muốn hiểu nền sản xuất hiện đại đặt trong cơ cấu xã hội nhất định của nó và là nhà kinh tế học về sản xuất *par excellence* [chính cống], đã khẳng định rằng *không phải* sản xuất mà phân phối là đối tượng thực sự của kinh tế chính trị học hiện đại. Do đó một lần nữa người ta thấy rõ điều phi lý của các nhà kinh tế học coi sản xuất là một chân lý vĩnh viễn, trong khi họ xếp lịch sử vào lĩnh vực phân phối.

Giữa phân phối và sản xuất do phân phối quyết định có một mối quan hệ như thế nào, rõ ràng vấn đề này thuộc về bản thân sản xuất. Nếu như người ta nói rằng, vì sản xuất phải xuất phát từ một sự phân phối nhất định về các công cụ sản xuất, nên theo ý nghĩa đó ít nhất phân phối cũng phải có trước sản xuất, là tiền đề của sản xuất, — thì người ta có thể trả lời điều đó rằng: thực vậy, sản xuất có những điều kiện và tiền đề riêng của nó, các điều kiện và tiền đề đó cấu thành những yếu tố của sản xuất. Các yếu tố này ngay từ đầu có thể xuất hiện như là những yếu tố xuất hiện một cách tự nhiên. Bản thân quá trình sản xuất sẽ biến các yếu tố xuất hiện một cách tự nhiên đó thành những yếu tố có tính chất lịch sử và, nếu như đối với một thời kỳ này các yếu tố đó biểu hiện như là những tiền đề tự nhiên của sản xuất, thì đối với một thời kỳ khác các yếu tố đó lại biểu hiện ra là kết quả lịch sử. Trong bản thân quá trình sản xuất, các yếu tố đó luôn luôn thay đổi. Ví dụ, việc áp dụng máy móc đã làm biến đổi sự phân phối công cụ sản xuất cũng như sự phân phối sản phẩm. Bản thân chế độ đại sở hữu ruộng đất hiện đại đồng thời là kết quả của nền thương mại hiện đại và của công nghiệp hiện đại cũng như của việc áp dụng công nghiệp hiện đại vào trong nông nghiệp.

Các vấn đề nêu lên trên đây rút cục quy lại thành vấn đề xét xem các điều kiện lịch sử chung tác động đến sản xuất như thế nào và mối quan hệ giữa sản xuất với sự phát triển lịch sử nói chung ra làm sao. Vấn đề đó rõ ràng là thuộc về sự nghiên cứu và trình bày bản thân công việc sản xuất.

Tuy nhiên, dưới hình thái tầm thường mà các vấn đề đó đã được nêu ra ở trên, thì người ta có thể giải quyết các vấn đề đó một cách gọn ghẽ. Trong tất cả mọi công cuộc đi chinh phục đều có ba khả năng. Dân tộc đi chinh phục buộc dân tộc bị chinh phục tuân theo phương thức sản xuất của mình (ví dụ người Anh ở Ai-rơ-lan trong thế kỷ này, và một phần ở Ấn-độ); hoặc giả nó duy trì phương thức sản xuất cũ và chỉ đòi hỏi cống nạp (ví dụ người Thổ-nhĩ-kỳ và người La-mã); hoặc giả có một tác động qua lại làm nảy sinh ra một cái gì mới, một sự tổng hợp (một phần trong các cuộc đi chinh phục của người Giéc-manh). Trong mọi trường hợp, phương thức sản xuất hoặc là của dân tộc đi chinh phục, hoặc là của dân tộc bị chinh phục, hoặc là do hai phương thức trên hỗn hợp lại, vẫn là nhân tố quyết định đối với sự phân phối mới được xác lập. Mặc dù sự phân phối này thể hiện ra là tiền đề của thời kỳ sản xuất mới, nhưng bản thân nó vẫn là một sản phẩm của sản xuất, không những là của sản xuất lịch sử nói chung mà còn là của sản xuất lịch sử này hay sản xuất lịch sử khác nhất định.

Ví dụ, khi tàn phá nước Nga, người Mông-cổ đã hành động thích hợp với phương thức sản xuất của họ dựa trên chăn nuôi, vì chăn nuôi đòi hỏi có điều kiện chủ yếu là những khoảng rộng lớn không có người ở. Các người dã man Giéc-manh — mà việc canh tác của nông nô và đời sống riêng lẻ ở thôn dã là phương thức sản xuất

cổ truyền — càng dễ bắt các tỉnh La-mã tuân theo những điều kiện đó, vì sự tập trung quyền sở hữu ruộng đất đã được thực hiện ở đây đã hoàn toàn lật đổ chế độ nông nghiệp cũ.

Có một quan niệm cổ truyền cho rằng trong một số thời kỳ nhất định người ta chỉ sống bằng cướp bóc. Nhưng, muốn có thể cướp bóc được, thì phải có cái gì để cướp bóc chứ, tức là phải có sản xuất. Và bản thân phương thức cướp bóc lại do phương thức sản xuất quyết định. Ví dụ không thể cướp bóc ở một *stock-jobbing nation* [nước đầu cơ chứng khoán phát triển] như ở một nước các người chăn bò được.

Trong bản thân con người nô lệ, công cụ sản xuất bị trực tiếp cướp đoạt. Nhưng như vậy thì nền sản xuất của nước chiếm đoạt nô lệ đó phải được tổ chức một cách thế nào để có thể sử dụng được lao động của nô lệ, hoặc (như ở Nam Mỹ, v.v.) người ta phải tạo ra một phương thức sản xuất thích hợp với chế độ nô lệ.

Pháp luật có thể duy trì mãi mãi một công cụ sản xuất nào đấy như đất đai chẳng hạn, ở trong tay một số gia đình nhất định. Các đạo luật đó có một tầm quan trọng về kinh tế chỉ khi nào chế độ sở hữu lớn về ruộng đất phù hợp với sản xuất xã hội, ví dụ như ở nước Anh chẳng hạn. Ở Pháp, người ta đã thực hành chế độ tiểu nông, mặc dù có chế độ sở hữu lớn về ruộng đất, vì thế chế độ này đã bị cách mạng phá vỡ. Nhưng nếu duy trì mãi mãi bằng luật pháp tình trạng ruộng đất chia cắt nhỏ bé, thì sẽ như thế nào? Mặc dù có các đạo luật đó, sở hữu vẫn sẽ tập trung lại. Cần phải xác định riêng xem các luật pháp ảnh hưởng tới việc duy trì các quan hệ phân phối như thế nào, và do đó ảnh hưởng của chúng đối với sản xuất ra sao.

c) Cuối cùng, trao đổi và sản xuất

Bản thân lưu thông chỉ là một yếu tố nhất định của trao đổi, hoặc còn là trao đổi xét trên toàn bộ của nó.

Vì *trao đổi* chỉ là một yếu tố trung gian, một mặt là giữa sản xuất và phân phối do sản xuất quyết định, và mặt khác là với tiêu dùng, còn bản thân phân phối lại thể hiện ra là một yếu tố của sản xuất, nên rõ ràng là trao đổi bao hàm trong sản xuất với tư cách là yếu tố của sản xuất.

Trước hết, rõ ràng sự trao đổi hoạt động và năng lực được thực hiện trong bản thân sản xuất là một bộ phận trực tiếp của sản xuất và là mặt căn bản của sản xuất. Thứ hai, điều đó cũng đúng đối với sự trao đổi sản phẩm, vì sự trao đổi này là phương tiện để sản xuất ra thành phẩm nhằm phục vụ cho sự tiêu dùng trực tiếp. Trong phạm vi đó, bản thân trao đổi là một hành vi bao gồm ở trong sản xuất. Thứ ba, sự trao đổi giữa các nhà kinh doanh với nhau, xét về mặt tổ chức của nó, là hoàn toàn do sản xuất quyết định, đồng thời nó lại là hoạt động sản xuất. Trao đổi chỉ độc lập đối với sản xuất, không dính gì với sản xuất ở trong giai đoạn cuối cùng mà thôi, khi sản phẩm được trao đổi trực tiếp để tiêu dùng. Nhưng 1) không có phân công lao động, — dù cho phân công lao động đó là ở giai đoạn nguyên thủy hay đã là một kết quả lịch sử — thì không có trao đổi ; 2) trao đổi tư nhân giả định phải có nền sản xuất tư nhân; 3) cường độ của trao đổi, tính chất phổ cập cũng như hình thái trao đổi là do sự phát triển và kết cấu của nền sản xuất quyết định. Ví dụ, trao đổi giữa thành thị và nông thôn; trao đổi ở nông thôn, ở thành thị, v.v.. Do đó, trong mọi yếu tố của nó, trao đổi hoặc là trực tiếp bao gồm trong sản xuất, hoặc do sản xuất quyết định.

Kết quả mà chúng ta đã đạt tới không phải là ở chỗ sản xuất, phân phối, trao đổi và tiêu dùng là đồng nhất, mà ở chỗ chúng là những bộ phận của một tổng thể, là những sự phân biệt trong nội bộ một khối thống nhất. Sản xuất chi phối bản thân nó với tất cả sự đối lập trong tất cả những tính quy định của nó, cũng như nó chi phối các yếu tố khác. Chính là bắt đầu từ sản xuất mà quá trình lắp lại không ngừng. Trao đổi và tiêu dùng không thể có ý nghĩa chi phối — đó là một điều dĩ nhiên thôi. Phân phối về mặt là phân phối sản phẩm thì cũng vậy. Với tư cách là phân phối các nhân tố sản xuất, thì bản thân nó là một yếu tố của sản xuất. Như vậy, một nền sản xuất nhất định quyết định một chế độ tiêu dùng nhất định, một chế độ phân phối nhất định, một chế độ trao đổi nhất định, chế độ sản xuất đó cũng quy định các *quan hệ nhất định giữa các yếu tố khác nhau đó*. Dĩ nhiên là *dưới hình thái riêng của nó* (1), bản thân sản xuất cũng do các yếu tố khác quyết định. Ví dụ như khi thị trường, nghĩa là lĩnh vực trao đổi, mở rộng ra, thì quy mô sản xuất cũng tăng lên và sự phân công trong sản xuất cũng trở nên sâu sắc hơn. Phân phối biến đổi, sản xuất cũng biến đổi theo, chẳng hạn khi có sự tập tích tư bản, hay khi dân số ở thành thị và ở nông thôn được phân bố khác đi, v. v.. Cuối cùng thì những nhu cầu của tiêu dùng quyết định sản xuất: giữa các yếu tố khác nhau có sự tác động lẫn nhau. Đó là trường hợp của bất cứ một tổng thể hữu cơ nào.

C. Mác: *Góp phần phê phán chính trị kinh tế học*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1964. tr. 269 - 295.

(1) Bản tiếng Nga dịch là: *Dưới hình thái phiến diện của nó. (B.T.)*

Trích bài:

HIỆP TÁC

Ngay cả khi phương pháp lao động không thay đổi, thì việc sử dụng cùng một lúc nhiều người lao động sẽ dẫn đến một cuộc cách mạng trong những điều kiện vật chất của lao động. Những kiến trúc, những kho nguyên liệu và hàng hóa đang sản xuất, những khí cụ, máy móc đủ loại, tóm lại, tức là những tư liệu sản xuất đều dùng để cho nhiều công nhân sử dụng cùng một lúc: việc sử dụng những tư liệu đó trở thành có tính chất chung. Giá trị trao đổi của những tư liệu đó không tăng lên vì người ta đã dùng được những tư liệu đó vào nhiều việc hữu ích, mà tăng lên vì quy mô của những tư liệu đó trở thành lớn hơn. Căn phòng để cho 20 người thợ dệt làm việc với 20 khung cửi, tất nhiên là rộng hơn phòng của một người thợ dệt với hai người thợ bạn. Nhưng xây dựng 10 xưởng cho 20 người thợ dệt làm việc hai người trong một xưởng, sẽ tốn kém hơn là chỉ làm một xưởng cho 20 người thợ cùng làm chung. Nói chung, giá trị những tư liệu sản xuất chung và tập trung không tăng theo cùng tỷ lệ với quy mô lớn nhỏ và với tác dụng hữu ích của những tư liệu đó. Giá trị của những tư liệu đó sẽ nhỏ hơn giá

trị của những tư liệu sản xuất phân tán mà những tư liệu sản xuất chung thay thế, và hơn nữa lại được phân phối vào một khối lượng sản phẩm tương đối lớn hơn. Chính vì thế mà một bộ phận của tư bản bất biến giảm đi, và do đó phần giá trị mà bộ phận đó chuyển vào hàng hóa cũng giảm đi. Kết quả cũng giống như kết quả trong trường hợp người ta đã sản xuất ra những tư liệu sản xuất, bằng phương pháp ít tốn kém hơn. Sở dĩ tiết kiệm được trong việc sử dụng những tư liệu sản xuất đó, là vì những tư liệu đó được nhiều người cùng tiêu dùng chung. Những tư liệu sản xuất chung và tập trung đó có được tính chất là những điều kiện xã hội của lao động — tính chất này khiến cho chúng khác với những tư liệu sản xuất phân tán và tương đối đắt hơn, — ngay cả khi công nhân tập trung không cùng lao động chung, mà chỉ lao động bên cạnh nhau trong cùng một công xưởng. Vậy là trước khi bản thân lao động có tính chất xã hội, thì tư liệu vật chất của lao động đã có tính chất xã hội rồi.

Sự tiết kiệm về tư liệu sản xuất biểu hiện dưới hai phương diện. Thứ nhất là sự tiết kiệm đó làm giảm giá cả hàng hóa xuống và chính do đó mà làm giảm giá trị sức lao động đi. Thứ hai là nó làm thay đổi tỷ lệ giữa giá trị thặng dư và tư bản ứng trước, tức là tổng số giá trị phần bất biến và phần khả biến của tư bản. Chúng tôi sẽ bàn về điểm đó trong quyển ba của tác phẩm này. Trình tự phân tích buộc chúng tôi phải chia vụn vấn đề ra như vậy, vả lại như thế cũng phù hợp với tinh thần của sản xuất tư bản chủ nghĩa. Ở đây, những điều kiện lao động đều độc lập đối với người lao động; cho nên tiết kiệm những điều kiện đó là một việc xa lạ đối với anh ta và hoàn toàn không quan hệ gì với phương pháp dùng để tăng năng suất lao động cá nhân của anh ta cả.

Khi nhiều người lao động cùng làm việc với nhau nhằm mục đích chung, trong cùng một quá trình sản xuất hoặc trong những quá trình khác nhau nhưng có quan hệ với nhau, thì lao động của họ mang hình thức hiệp tác*.

Hệt như sức chiến đấu của một đơn vị kỵ binh, hoặc sức đề kháng của một tiểu đoàn bộ binh đều khác về bản chất với tổng số những sức cá nhân của từng người kỵ binh hay của từng người chiến sĩ riêng lẻ, tổng số những sức cơ giới của từng công nhân riêng lẻ cũng khác với sức cơ giới được tạo ra khi họ làm việc kết hợp và đồng thời với nhau trong cùng một công tác không thể phân chia, chẳng hạn như nâng một vật nặng lên, quay ma-ni-ven hoặc đẩy một chướng ngại vật cũng thế**. Trong những trường hợp như thế, thì lao động cá nhân không thể nào đạt được kết quả của lao động chung, hoặc có đạt được thì phải sau một thời gian khá lâu, hoặc chỉ đạt được trong một phạm vi rất nhỏ. Vấn đề là không những phải tăng sức sản xuất cá nhân lên, mà còn phải dùng phương pháp hiệp tác để tạo ra một sức sản xuất mới, chỉ hoạt động như một sức tập thể***.

---

* « Concours des forces. » (Đe-stút đơ Tơ-ra-xi, s.đ.d.) (1).

(1) *Eléments d'idéologie*, phần IV và V. Traité de la volonté et de ses effets, tr. 80, Pa-ri, 1826. *(B.T.)*

** « Có rất nhiều công việc thuộc loại đơn giản đến nỗi không làm sao có thể phân chia nhỏ ra được, và không có thể nào hoàn thành được nếu không có một số lớn người hiệp tác với nhau mà làm, ví dụ: đặt một cây lớn lên một chiếc xe bò..., tóm lại tất cả những việc nào mà không có nhiều bàn tay giúp đỡ lẫn nhau trong cùng một hành động không thể phân chia và trong cùng một thời gian, thì không thể hoàn thành được ». (E.G. Oa-cơ-phi-en : *A View of the Art of Colonisation*, Luân-đôn, 1849, tr. 168).

*** Nâng một vật nặng một tấn lên, thì một người không thể làm nổi, 10 người thì phải cố gắng mới làm được, nhưng 100 người thì

Không nói đến thế lực mới do việc phối hợp nhiều sức thành một sức duy nhất mà có được, thì chỉ riêng sự tiếp xúc xã hội cũng sinh ra thi đua, sinh ra sự kích thích tinh lực *(animal spirits)* làm tăng năng suất cá nhân khá cao, khiến cho 12 người trong một ngày làm việc kết hợp 144 giờ, lại sản xuất ra một tổng sản phẩm lớn hơn nhiều so với tổng sản phẩm của 12 người làm riêng lẻ, mỗi người làm việc 12 giờ, hoặc lớn hơn tổng sản phẩm của một người công nhân làm việc trong 12 ngày liên tiếp*. Đó là vì, do bản tính, con người không những là một động vật chính trị, như A-ri-stốt nói, mà trong mọi trường hợp, con người đều là một động vật xã hội**.

---

mỗi người chỉ nhúng một ngón tay út vào cũng làm được». (Giôn Bi-lơ-xơ: *Proposals for raising a colledge of industry*. Luân-đôn, 1696, tr. 21).

* «Như vậy là [khi cùng một số người lao động được một người chủ trang trại dùng trên 300 ác-păng chứ không phải được 10 người chủ trang trại dùng trên 30 ác-păng] có một điều lợi trong tỷ lệ công nhân, điều lợi này chỉ có những người thực tiễn mới hiểu nổi; thật vậy, người ta hay nói rằng 1 so với 4 thì cũng giống như 3 so với 12 thôi, nhưng trong thực tế thì không đúng như vậy đâu. Trong thời kỳ thu hoạch mùa màng và trong những thời kỳ tương tự khác, lúc phải làm gấp các công việc, thì công việc sẽ chóng xong và làm được tốt hơn, nếu người ta dùng nhiều người làm cùng một lúc. Trong lúc thu hoạch mùa màng, chẳng hạn, 2 người đánh xe, 2 người bốc, 2 người bó, 2 người cắt và những người khác đánh đống hay vào kho, thì làm được nhiều công việc gấp đôi một số người như vậy mà lại phân ra làm việc tại nhiều trang trại khác nhau». (*An Inquiry into the connection betewen the present price of provisions and the size of farmes, By a farmer*, Luân-đôn, 1773, tr. 7, 8).

** Nói cho đúng ra thì định nghĩa của A-ri-stốt là thế này: con người, do bản tính, là một thị dân, tức là dân thành thị. Định nghĩa đó đặc trưng cho thời cổ đại, chẳng khác gì định nghĩa của Fo-ran-co-lin: «Con người bẩm sinh ra là một kẻ làm ra công cụ» đặc trưng cho người nước Mỹ vậy.

Ngay cả khi nhiều công nhân cùng làm cũng một việc trong cùng một lúc, thì lao động của mỗi cá nhân, vì là một bộ phận của lao động tập thể, nên có thể đại biểu cho một trong các giai đoạn khác nhau, giai đoạn này, nhờ sự hiệp tác mà tốc độ tiến triển của nó được đẩy mạnh hơn lên. Khi 12 người thợ nề làm một dây chuyền để đưa đá xây nhà từ dưới chân giáo lên đỉnh giáo, mỗi người đều cùng làm một động tác giống nhau, nhưng tất cả những động tác cá nhân, tức là những bộ phận liên tục của một công tác toàn bộ, hình thành các giai đoạn khác nhau mà mỗi viên đá đều phải trải qua, và 24 bàn tay của người lao động tập thể sẽ chuyển nhanh hơn hai bàn tay của người công nhân riêng lẻ lên giáo xuống giáo*. Vậy là thời gian mà đối tượng lao động dùng để vượt qua một không gian nhất định, đã được rút ngắn lại.

Khi những người hiệp tác cùng tấn công vào một đối tượng lao động trên nhiều mặt một lúc, thì tuy rằng họ đều làm cùng một công việc hay làm những công việc giống nhau, nhưng giữa họ với nhau vẫn cứ có một sự phối hợp lao động. Mười hai người thợ nề mà ngày lao động kết hợp là 144 giờ lao động, cùng xây tường ở các mặt

* F. Scác-bếch: *Théorie des richesses sociales*, t. I, tr. 97 - 98. *Bản tiếng Đức xuất bản lần thứ nhất*: « Người ta còn phải chú ý rằng việc phân chia lao động thành từng bộ phận như vậy là có thể thực hiện được, ngay cả khi công nhân được sử dụng vào cùng một công việc. Những người thợ nề, chẳng hạn, được dùng vào việc chuyền gạch bằng dây chuyền lên tầng giáo trên, thì đều cùng làm một công việc như nhau thôi. Tuy nhiên, giữa họ với nhau, vẫn có một loại phân công, tức là phân công mỗi người chuyền qua một khoảng không gian nhất định và, tất cả họ cùng nhau chuyền đến điểm đã định và chuyền nhanh hơn nhiều, so với trường hợp tất cả họ đều làm theo lối từng người tự mình chuyền riêng hòn gạch của mình lên tầng giáo trên vậy ».

của một kiến trúc, thì xây nhanh hơn nhiều so với một người làm trong 12 ngày hoặc trong 144 giờ lao động. Lý do là ở chỗ người lao động tập thể có mặt, có tay ở cả đằng trước lẫn đằng sau và có thể nói là, trong một phạm vi nào đó, người ấy có mặt ở khắp mọi nơi. Chính vì thế mà các bộ phận khác nhau của sản phẩm bị không gian chia cắt ra, đều hoàn thành được cùng một lúc với nhau.

Chúng ta mới chỉ nói đến trường hợp mà công nhân bổ sung cho nhau, cùng làm một việc hoặc những công việc giống nhau. Đó là hình thức hiệp tác giản đơn nhất, nhưng nó cũng vẫn có tác dụng lớn trong hình thái hiệp tác phát triển nhất.

Nếu quá trình lao động mà phức tạp, thì chỉ cần có nhiều người lao động hiệp tác là có thể phân phối được những công tác khác nhau cho những người khác nhau, làm cho họ làm việc cùng một lúc với nhau, và do đó rút ngắn được thời gian cần thiết để hoàn thành sản phẩm*.

Trong nhiều ngành sản xuất, có những thời kỳ nhất định, tức là có những *lúc khẩn cấp* mà ta phải nắm lấy thì mới đạt được kết quả mong muốn. Ví như khi cắt lông một đàn cừu hoặc nhập lúa vào kho, thì chất lượng và số lượng của sản phẩm là tùy theo công việc lao động có bắt đầu và chấm dứt vào đúng những kỳ hạn nhất định hay không. Khoảng thời gian, trong đó lao động phải được tiến hành, là do chính ngay tính chất của lao động quyết

* Khi phải làm một công việc phức tạp thì có nhiều việc phải làm cùng một lúc: người này làm việc này, người kia làm việc kia, và tất cả những việc đó đều góp phần vào kết quả mà một người không bao giờ đạt được. Người này chèo, người kia cầm lái, người thứ ba ném lưới hay đâm cá, nếu không có sự hiệp tác đó thì đánh cá không thể thành công », (Đe-stút đơ Tơ-ra-xi, s.đ.d. (1).

(1) Tr. 78. (*B.T.*)

định, như trường hợp đánh cá thu. Trong cái ngày tự nhiên, thì người công nhân riêng lẻ chỉ làm được một ngày lao động thôi, chẳng hạn là 12 giờ, nhưng sự hiệp tác của một trăm công nhân cùng làm một ngày thì lại được mười hai trăm giờ lao động kia. Muốn bù vào chỗ ngắn ngủi của thời gian lao động, thì người ta dùng một khối lượng lao động lớn, để, đến lúc quyết định, ném vào địa hạt sản xuất. Hiệu quả kịp thời, ở đây, là do việc dùng một số lớn ngày lao động kết hợp, định đoạt, và hiệu quả có ích nhiều hay ít là do số lượng công nhân được dùng nhiều hay ít quyết định*. Chính vì thiếu một sự hiệp tác thuộc loại đó, mà hàng năm ở phía Tây nước Mỹ và ở một số địa phương thuộc Ấn-độ là nơi mà chế độ bảo hộ của Anh đã thủ tiêu những cộng đồng cũ, hàng đống lớn lúa mì và bông đã bị lãng phí**.

Sự hiệp tác khiến cho có thể mở rộng không gian trên đó lao động được tiến hành; một số công trình như công trình chống úng, dẫn thủy nhập điền, đào kênh, làm đường

---

* « Việc tiến hành công việc [trong nông nghiệp] đúng vào những lúc khẩn cấp, là điều quan trọng bậc nhất ». (*An Inquiry into the connection between the present price* v.v. (1). « Trong nông nghiệp, không có nhân tố nào lại trọng yếu hơn yếu tố thời gian ». (Li-bi-gơ: Ueber Theorie und Praxis in der Landwirtschaft, 1856, tr. 23).

(1) Luân-đôn, 1773, tr. 7. *(B.T.)*

** « Một tệ nạn mà người ta đinh ninh rằng không thể xảy ra trong một nước cung cấp cho nước ngoài nhiều nhân công hơn hết cả mọi nước khác trên thế giới, có lẽ chỉ kém có Trung-quốc và Anh thôi, chính là nạn không sao tìm ra đủ nhân công để thu hoạch bông. Kết quả là một phần khá lớn bông không thu hoạch được và một phần đã thu hoạch rồi thì lại biến màu và thối đi. Thành thử, đến mùa cần thì lại thiếu nhân công, người chủ trang trại buộc phải chịu thiệt mất một phần lớn mùa màng mà nước Anh đang nóng lòng mong đợi ». (*Bengal Hurkaru. Bi-Monthly Overland Summary of News*, ngày 22 tháng Bảy 1861).

cái, đường xe lửa, v.v. đòi hỏi phải có sự hiệp tác chỉ riêng về phương diện đó. Mặt khác, trong khi phát triển quy mô của sản xuất thì sự hiệp tác còn khiến cho thu hẹp được không gian trên đó lao động được tiến hành. Sở dĩ hiệp tác có hai mặt tác dụng đó, có cái đòn xeo rất mạnh để tiết kiệm được những hư phí, thì đó là do đã tập trung đông công nhân, đã làm cho những quá trình lao động khác nhau nhưng có quan hệ lẫn nhau, xích lại gần nhau, và là do đã tập trung những tư liệu sản xuất lại*.

So sánh với một tổng số tương đương về lao động cá nhân và riêng lẻ, thì ngày lao động kết hợp tạo ra được nhiều giá trị sử dụng hơn và giảm bớt được thời gian cần thiết để đạt được kết quả mong muốn. Ngày lao động kết hợp mà đạt được một năng suất cao bằng cách nâng cao năng lực cơ giới của lao động lên, bằng cách mở rộng phạm vi tác dụng của lao động trong không gian hay bằng cách thu hẹp địa điểm sản xuất so với quy mô sản xuất, bằng cách huy động được những số lượng lao động lớn trong những thời kỳ khẩn cấp, bằng cách phát triển thi đua, kích thích tinh thần động vật, bằng cách làm cho những công việc giống nhau của nhiều công nhân trở nên hoặc liên tục, hoặc có nhiều mặt, bằng cách tiến hành những công việc khác nhau trong cùng một lúc, bằng cách tiết kiệm được tư liệu sản xuất do chỗ đem dùng chung những

---

* «Do bước tiến của nền canh tác, nên toàn bộ tư bản và lao động (hay có lẽ trên số đó nữa) trước kia phân tán trên 500 ác-păng, thì bây giờ được tập trung lại trên 100 ác-păng để canh tác theo lối thâm canh». Tuy rằng «tương đối so với số tư bản bỏ ra và số lao động được sử dụng, thì không gian có tập trung lại, nhưng phạm vi sản xuất lại được mở rộng ra, nếu người ta đem so sánh nó với phạm vi sản xuất trước kia do một người sản xuất độc lập đã chiếm giữ hay đã kinh doanh» (R. Giôn-xơ: *On Rent*, Luân-đôn, 1831, tr. 191) (1)

(1) An Essay on the distribution of Wealth, phần I. (*B.T.*)

tư liệu ấy, hay bằng cách truyền cho những lao động cá thể, tính chất lao động trung bình, thì sức sản xuất đặc biệt của ngày lao động kết hợp là một sức sản xuất xã hội của lao động, hay là một sức sản xuất của lao động xã hội. Sức sản xuất đó sinh ra từ chính ngay sự hiệp tác. Cùng hoạt động chung với nhiều người khác nhằm một mục đích chung và cùng theo một kế hoạch ăn khớp, người lao động sẽ xóa bỏ được những sự hạn chế do cá nhân của mình gây ra, và sẽ phát triển được năng lực cộng thể (1) của mình*.

Nói chung, người ta không thể cùng làm việc chung với nhau mà lại không tập hợp nhau lại. Sự tập hợp nhau

---

(1) *Sa puissance comune espèce,* Trung văn: *tha đích cộng thể năng lực;* Anh văn: *the capabilities of his species. (N.D.)*

* « Sức lực của mỗi người thì rất nhỏ, nhưng đem tập hợp những sức lực nhỏ lại thì có được một tổng lực lớn hơn là tổng số những sức lực nhỏ đó, thành thử ra chỉ cứ tập hợp những sức lực đó lại là có thể rút ngắn thời gian và tăng thêm không gian hoạt động của những sức lực đó lên ». (G. R. Các-li, s.đ.d.) (2). « Lao động kết hợp đem lại những kết quả mà lao động cá thể không sao theo kịp. Nhân số nhân loại mà càng tăng lên, thì sản phẩm của công nghiệp kết hợp càng sẽ vượt quá hơn nhiều số thành của một phép cộng đơn giản tính theo sự tăng thêm nhân số đó... Trong những công nghệ cơ khí cũng như trong những công tác khoa học, bây giờ trong một ngày một người có thể làm được nhiều hơn là một cá nhân riêng lẻ làm trong suốt đời. Cái công lý này của những nhà toán học: toàn bộ là bằng tất cả các bộ phận cộng lại, đem áp dụng công lý đó vào vấn đề của chúng ta, thì không còn đúng nữa. Còn về mặt lao động, tức là cái cột trụ vĩ đại đó của đời sống con người, ta có thể nói rằng sản vật của những sức cố gắng đem gom lại thì lớn hơn nhiều so với tất cả sản vật của những sức cố gắng cá nhân và riêng rẽ cộng lại ». (T. Xát-le: *The law of Population,* Luân-đôn, 1850).

(2) Chú giải cho P. Ve-ri: *Meditazioni sulla Economia Politica,* trong Cu-stô-đi: *Scrittori classici italiani di Economia Politica.* Phần cận đại, Mi-lan, 1804, t. XV, tr. 196. *(B.T.)*

lại, chính là điều kiện cho sự hiệp tác. Để cho những người làm thuê có thể hiệp tác được, thì cùng một tư bản, cùng một nhà tư bản phải sử dụng họ cùng một lúc và do đó phải mua sức lao động của họ cùng một lúc. Tổng giá trị của những sức lao động đó, hay một số tiền nào đó để trả công trong ngày, trong tuần lễ, v.v. phải được thu nhặt vào trong túi nhà tư bản, trước khi công nhân được tập hợp trong quá trình lao động. Việc trả công cho 300 công nhân cùng một lúc, dù chỉ trong một ngày thôi, cũng cần phải ứng trước một số tư bản lớn hơn số tiền trả công cho một số công nhân ít hơn, trong một tuần, trong suốt năm. Số lượng những công nhân hiệp tác, hay quy mô của sự hiệp tác, như vậy là phụ thuộc trước hết vào lượng của tư bản có thể ứng trước được để mua sức lao động, tức là phụ thuộc vào tỷ lệ theo đó một nhà tư bản chi phối tư liệu sinh hoạt của nhiều công nhân.

Và đối với tư bản khả biến hay tư bản bất biến, thì cũng đều như vậy cả. Ví dụ như nguyên liệu, đối với nhà tư bản dùng 300 công nhân, thì tốn gấp 30 lần nhiều hơn là đối với từng người trong số 30 nhà tư bản mỗi người chỉ dùng 10 công nhân. Giá trị và số lượng công cụ lao động dùng chung tuy không tăng lên theo tỷ lệ với số lượng công nhân bị bóc lột, nhưng cũng tăng lên rất nhiều. Vậy là sự tập trung tư liệu sản xuất trong tay các nhà tư bản cá biệt, chính là điều kiện vật chất cho mọi sự hiệp tác giữa những người làm thuê.

Chúng ta đã thấy (trong chương XI) rằng một tổng số giá trị hay tiền tệ muốn trở thành tư bản thì phải đạt đến một lượng tối thiểu nào đó, mới có thể làm cho người có tư bản bóc lột được khá nhiều công nhân để trút lao động chân tay cho họ. Không có điều kiện ấy, người chủ phường hội hay người tiểu chủ không thể chuyển hóa thành nhà tư bản được, và bản thân sản xuất không thể

có tính chất rõ ràng là sản xuất tư bản chủ nghĩa được. Bây giờ, một số lượng tư bản tối thiểu trong tay tư nhân đã xuất hiện, trước mặt chúng ta, dưới một hình thức khác hẳn: nó là sự tập trung của cải cần thiết cho sự chuyển hóa những lao động cá thể và riêng lẻ thành lao động xã hội và kết hợp, nó trở thành cơ sở vật chất cho sự thay đổi sau này của phương thức sản xuất.

Lúc khởi đầu của tư bản, sự chi phối của nó đối với lao động là có tính chất thuần túy hình thức và hầu như là ngẫu nhiên. Lúc đó, người công nhân làm việc theo lệnh của tư bản, chỉ vì người đó đã bán sức lao động cho tư bản; người công nhân chỉ làm cho tư bản là vì mình không có tư liệu sản xuất để làm cho bản thân mình. Nhưng ngay khi có sự hiệp tác giữa những người làm thuê, thì sự chi phối của tư bản phát triển thành một sự tất yếu để thực hiện quá trình lao động, thành một điều kiện thực sự của sản xuất. Từ đó, trên phạm vi sản xuất, lệnh của tư bản cũng trở thành không thể thiếu được y như lệnh của viên tướng trên chiến trường vậy.

Bất cứ lao động xã hội hay lao động chung nào mà tiến hành trên một quy mô khá lớn, đều yêu cầu phải có một sự chỉ đạo để điều hòa những hoạt động cá nhân. Sự chỉ đạo đó phải làm những *chức năng chung*, tức là những chức năng phát sinh từ sự khác nhau giữa sự vận động chung của cơ thể sản xuất với những vận động cá nhân của những khí quan độc lập hợp thành cơ thể sản xuất đó. Một nhà nhạc sĩ độc tấu thì tự điều khiển lấy mình, nhưng một dàn nhạc thì cần phải có một nhạc trưởng.

C. Mác, *Tư bản*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, q. I, t. II, tr. 21 - 30

Trích:

NHỮNG LỜI BIÊN CHÚ VÀO BẢN CƯƠNG LĨNH CỦA ĐẢNG CÔNG NHÂN ĐỨC [1]

Trước hết, nếu chúng ta hiểu danh từ « sản phẩm của lao động » *(Arbeitsertrag)* theo nghĩa là đồ vật do lao động tạo ra *(Produkt der Arbeit)*, thì như thế là sản phẩm lao động của tập thể có nghĩa là « *toàn bộ sản phẩm của xã hội* » *(das gesellschaftliche Gesamtprodukt)*.

Trong toàn bộ sản phẩm đó, phải khấu đi:

Thứ nhất là: phần để thay thế những tư liệu sản xuất đã được đem dùng;

Thứ hai là: một phần phụ thêm để mở rộng sản xuất;

Thứ ba là: một số vốn dự trữ hoặc vốn bảo hiểm để phòng những tai nạn, những biến cố do hiện tượng tự nhiên gây ra, v.v..

---

(1) Đoạn trích trên đây rút từ tác phẩm « phê phán cương lĩnh Gô-ta », trong đó C. Mác phê phán những ý niệm mơ hồ của Lát-xan như « sản phẩm toàn vẹn của lao động », « theo quyền lợi bình đẳng, sản phẩm của lao động phải toàn bộ thuộc về mọi thành viên trong xã hội » v.v.. Qua sự phê phán này Mác đã chỉ ra nguyên tắc phân phối sản phẩm trong xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Những nguyên tắc phân phối này rất quan trọng đối với việc kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. *(B.T.)*

Những món khấu trừ vào « sản phẩm toàn vẹn của lao động » như thế là một tất yếu về kinh tế và khấu trừ nhiều hay ít là tùy theo tình trạng những tư liệu và những lực lượng hiện có, và một phần là nhờ lối tính xác suất; dù sao thì những món đó cũng không thể nào tính một cách công bằng được.

Còn lại phần kia của toàn bộ sản phẩm dùng để tiêu dùng.

Nhưng trước khi tiến hành việc phân phối cho cá nhân, còn phải khấu trừ:

Một là: món chi phí chung về việc quản lý, món này không dính dáng gì đến sản xuất.

Phần trên đây, so với tình hình đang xảy ra trong xã hội hiện nay, thì lập tức bị thu hẹp đến mức tối đa, và xã hội mới càng phát triển thì phần đó càng giảm xuống.

Hai là: những món dùng để thỏa mãn nhu cầu chung: trường học, thiết bị vệ sinh, v.v..

Phần này, so với tình hình xảy ra trong xã hội hiện nay, lập tức tăng lên rất nhiều và xã hội mới càng phát triển thì phần ấy càng phát triển theo.

Ba là: quỹ cần thiết để nuôi những người không có khả năng lao động, v.v., tóm lại, là những cái thuộc về việc mà ngày nay người ta gọi là cứu tế xã hội của Nhà nước.

Chỉ lúc đó chúng ta mới đi tới sự « phân phối » — mà cương lĩnh này, vì chịu ảnh hưởng của Lát-xan, đã chú ý tới một cách thiển cận, — nghĩa là đi tới cái phần những vật phẩm tiêu dùng đem chia cho từng cá nhân những người sản xuất của tập thể.

« Sản phẩm toàn vẹn của lao động » đã biến một cách không thể thấy được thành « sản phẩm không toàn vẹn »

mặc dù cái mà người sản xuất, đứng về mặt cá nhân, bị mất đi thì đứng về mặt thành viên của xã hội, người ấy lại được một cách trực tiếp hay gián tiếp.

Thành ngữ « sản phẩm toàn vẹn của lao động » mà biến đi, thì thành ngữ « sản phẩm của lao động » nói chung, cũng thế, sẽ biến đi.

Trong một chế độ xã hội tổ chức theo nguyên tắc tập thể, dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, thì những người sản xuất không trao đổi sản phẩm của mình: ở đây, lao động dùng vào việc tạo ra sản phẩm, thì cũng vậy, nó lại càng không biểu hiện ra *thành giá trị* của những sản phẩm ấy, thành một thuộc tính vật chất của những sản phẩm ấy, vì lúc này, trái với tình trạng vẫn thấy trong xã hội tư bản, lao động của cá nhân trở thành bộ phận khăng khít của lao động của tập thể, không phải bằng cách gián tiếp mà bằng cách trực tiếp. Như vậy thành ngữ « sản phẩm của lao động », ngay cả hiện nay nữa, cũng đáng phải bỏ đi, vì nó mơ hồ, sẽ mất hết cả ý nghĩa.

Cái xã hội mà chúng ta nói ở đây, là một xã hội cộng sản, *nhưng* không phải là một xã hội cộng sản *đã phát triển* trên những cơ sở riêng của nó, mà trái lại, là một xã hội cộng sản vừa *thoát ra* từ trong xã hội tư bản; vì vậy mà, về mọi phương diện kinh tế, đạo đức, trí tuệ, xã hội ấy còn mang những dấu vết của xã hội cũ, xã hội đã đẻ ra nó (1). Vậy một khi đã khấu trừ các khoản thì người sản xuất còn được nhận cho cá nhân mình một phần vừa bằng với phần mình đã cống hiến cho xã hội. Phần người ấy đã cống hiến cho xã hội, là cái lượng lao động cá nhân của mình. Ví dụ, ngày lao động xã hội đại biểu cho tổng

(1) Xem những lời bình luận rất quan trọng của Lê-nin về hai giai đoạn của xã hội cộng sản trong cuốn *Nhà nước và cách mạng*. (B.T.)

số giờ lao động cá nhân; thời gian lao động cá nhân của mỗi người sản xuất là phần ngày lao động xã hội mà người đó đã cung cấp, là phần tham gia của người ấy trong đó. Người sản xuất nhận của xã hội một cái phiếu chứng nhận rằng họ đã cung cấp được bao nhiêu lao động (sau khi đã khấu trừ lao động dùng để làm vốn chung) và, với cái phiếu ấy, người sản xuất lấy ở kho của xã hội ra một số lượng vật phẩm tiêu dùng ngang với số lượng lao động của mình. Cùng một lượng lao động, người sản xuất cung cấp cho xã hội dưới một hình thức này, thì người ấy lại nhận được của xã hội dưới một hình thức khác (1).

Ở đây thì rõ ràng cũng là một nguyên tắc như nguyên tắc điều tiết việc trao đổi hàng hóa, miễn là sự trao đổi đó là một sự trao đổi những giá trị ngang nhau. Nội dung và hình thức khác nhau bởi vì do những điều kiện khác nhau, không ai có thể cung cấp được cái gì khác, ngoài lao động của mình, và mặt khác, vì ngoài những vật phẩm tiêu dùng của cá nhân ra thì không còn cái gì khác có thể trở thành tài sản của cá nhân được. Nhưng đối với việc phân phối những vật phẩm ấy giữa những người sản xuất riêng biệt thì nguyên tắc chỉ đạo cũng vẫn là nguyên tắc trong việc trao đổi hàng hóa ngang giá: cùng một số lượng lao động dưới một hình thức này thì đổi lấy cùng một số lượng lao động như thế dưới một hình thức khác.

(1) Mác đã có lần phác ra cho chúng ta một xã hội cộng sản, trong đó « thời gian lao động giữ hai vai trò ». Một mặt, sự phân phối thời gian lao động trong xã hội điều tiết tỷ lệ đúng giữa các chức năng với những nhu cầu; mặt khác, nó đánh giá cái phần cá nhân của mỗi người sản xuất bỏ vào lao động chung, đồng thời nó đánh giá cái phần người ấy được hưởng trong bộ phận sản phẩm chung dành cho việc tiêu dùng » (*Tư bản*, Pháp văn, q. I, tr. 90. Nhà xuất bản Xã hội, Pa-ri, 1938). (*B.T.*)

Vậy, *quyền lợi bình đẳng*, ở đây, về nguyên tắc, thì bao giờ cũng vẫn là *quyền lợi tư sản* (1), tuy rằng ở đây, nguyên lý và thực tiễn không còn mâu thuẫn với nhau nữa, còn như ngày nay đối với hàng hóa, chỉ có tính *một cách bình quân*, thì mới có việc trao đổi những giá trị ngang nhau, chứ trong những trường hợp cá biệt thì không có.

Mặc dù có sự tiến bộ đó, *quyền lợi bình đẳng*, về một mặt, vẫn luôn luôn nằm trong khuôn khổ tư sản. Quyền lợi của người sản xuất thì *tỷ lệ* với lao động mà người ấy đã cung cấp; sự bình đẳng, ở đây, là ở chỗ dùng lao động *làm đơn vị đo lường chung*.

Nhưng một cá nhân này, về thể chất và tinh thần, lại hơn một cá nhân khác, và do đó cũng trong một thời gian, người ấy lao động được nhiều hơn, hoặc người đó có thể lao động được lâu hơn; và muốn dùng lao động làm thước đo, thì phải định rõ thời hạn và cường độ của nó, nếu không thì nó không còn là đơn vị đo lường nữa. Quyền lợi *bình đẳng* ấy là một quyền lợi không bình đẳng đối với một lao động không bình đẳng. Nó không thừa nhận một sự phân biệt giai cấp nào cả, vì bất cứ người nào cũng chỉ là một người lao động như người khác; nhưng quyền lợi bình đẳng lại mặc nhiên thừa nhận sự bất bình đẳng về những khiếu cá nhân*, và do đó, mặc nhiên thừa nhận cả sự bất bình đẳng về khả năng sản xuất, coi đó là những đặc quyền tự nhiên. *Vậy căn cứ theo nội dung của nó, thì đó là một thứ quyền lợi dựa trên sự bất bình đẳng, cũng như bất cứ quyền lợi nào*. Do bản chất của nó, nên quyền lợi chỉ có thể là ở chỗ dùng cùng một đơn vị đo

---

(1) Droit bourgeois. (*N.D.*)

* Dons individuels. (*N.D.*)

lượng; song những cá nhân bất bình đẳng (và đó không phải là những cá nhân riêng biệt, nếu họ không bất bình đẳng) chỉ có thể đo được bằng một đơn vị chung, chừng nào người ta xét những cá nhân đó trên cùng một quan điểm, chừng nào người ta chỉ xét họ về một phương diện *nhất định;* chẳng hạn như trong trường hợp hiện nay, người ta chỉ coi họ là *những người lao động,* chỉ thế thôi, và không xét đến cái gì khác nữa. Mặt khác, người công nhân này thì lập gia đình rồi, người kia lại chưa; người này thì có nhiều con hơn người kia, v.v., v.v.. Tuy cũng làm việc ngang nhau và, do đó cũng dự phần ngang nhau vào quỹ tiêu dùng của xã hội, nhưng thực ra thì người này lĩnh nhiều hơn người kia, người này giàu hơn người kia, v.v.. Muốn tránh tất cả những tai hại ấy, thì quyền lợi không nên bình đẳng, mà nên bất bình đẳng.

Nhưng những khuyết điểm ấy không thể nào tránh khỏi được trong giai đoạn đầu của xã hội cộng sản, lúc nó vừa thoát thai từ xã hội tư bản chủ nghĩa mà ra, sau một thời kỳ sinh đẻ lâu dài và đau đớn. Quyền lợi không bao giờ có thể cao hơn cơ cấu kinh tế của xã hội và cao hơn trình độ văn minh của xã hội thích ứng với cơ cấu kinh tế đó.

Trong giai đoạn cao của xã hội cộng sản, khi mà cá nhân không còn bị phụ thuộc một cách nô lệ vào sự phân công nữa, và sự đối lập giữa lao động trí óc với lao động chân tay cũng theo đó mà không còn nữa; khi mà lao động sẽ không phải chỉ là một phương tiện để sống nữa, mà tự nó sẽ biến thành một nhu cầu bậc nhất đối với đời sống; khi mà chính lực lượng sản xuất cũng đã tăng lên cùng với sự phát triển về mọi mặt của những cá nhân, và tất cả những nguồn của cải công cộng đều tuôn ra dào dạt,

— thì chỉ khi đó người ta mới có thể vượt hẳn ra khỏi giới hạn chật hẹp của quyền lợi tư sản, và xã hội mới có thể ghi trên lá cờ của mình: « Làm hết năng lực, hưởng theo nhu cầu! ».

C. Mác, Ph. Ăng-ghen, Tuyển tập,
Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội,
1962, t. II, tr. 18 - 23.

Trích:

THƯ GỬI L. CU-GHEN-MAN

... Đứa trẻ con nào cũng biết là một nước sẽ chết đói nếu ngừng lao động, tôi không nói trong một năm, mà ngay trong một vài tuần lễ. Mọi người cũng đều biết rằng những khối lượng sản phẩm phù hợp với những khối lượng nhu cầu khác nhau đòi hỏi những khối lượng khác nhau, có tính chất xác định về số lượng của toàn bộ lao động của xã hội. *Sự tất yếu* phải *phân công* lao động xã hội theo những tỷ lệ nhất định quyết không thể bị tiêu diệt bởi một *hình thái nhất định* của sản xuất xã hội, chỉ có *hình thái biểu hiện* của nó có thể thay đổi thôi, điều này tự nó đã rõ ràng. Nói chung không có thể xóa bỏ bất cứ một quy luật tự nhiên nào. Chỉ có *hình thái* dưới đó các quy luật này tác động là có thể thay đổi, tùy theo những điều kiện lịch sử khác nhau. Hình thái biểu hiện sự phân phối lao động theo tỷ lệ, trong một cơ cấu xã hội mà trong đó mối liên hệ của lao động xã hội tồn tại dưới hình thức sự *trao đổi tư nhân* về những sản phẩm lao động của cá nhân, — hình thái này chính là *giá trị trao đổi* của các sản phẩm đó.

C. Mác, Ph. Ăng-ghen, Tuyển tập, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1962, t. II, tr. 753.

PH. ĂNG-GHEN

KHÁI NIỆM LÝ LUẬN

Quan niệm duy vật lịch sử xuất phát từ luận điểm cho rằng: sản xuất và sau sản xuất, việc trao đổi sản phẩm của sản xuất, là cơ sở của mọi chế độ xã hội; rằng trong mọi xã hội đã từng xuất hiện trong lịch sử, sự phân phối sản phẩm và cùng với sự phân phối ấy, — sự phân chia xã hội thành giai cấp hoặc đẳng cấp, được quyết định bởi những cái đã được sản xuất ra, và bởi cách thức mà những cái đó đã được sản xuất ra, cũng như bởi cách thức mà người ta trao đổi những vật đã được sản xuất ra. Do đó, phải tìm những nguyên nhân cuối cùng của tất cả những sự biến đổi xã hội và của tất cả những cuộc biến cách chính trị ở trong những sự thay đổi về phương thức sản xuất và phương thức trao đổi, chứ không phải ở trong đầu óc người ta, không phải ở trong sự hiểu biết ngày càng tăng thêm của người ta về chân lý vĩnh cửu và công lý vĩnh cửu; phải tìm những nguyên nhân đó không phải là ở trong *triết học,* mà ở trong *kinh tế* của thời đại mình nghiên cứu. Nếu người ta tỉnh ngộ ra mà nhận thấy rằng những tổ chức xã hội hiện có là không hợp lý và bất công, rằng lẽ phải đã trở thành một sự rồ dại, và điều thiện đã trở thành một cái tai vạ, thì đó chẳng qua chỉ là một dấu hiệu chứng tỏ rằng trong các phương thức sản xuất và hình

thức trao đổi đã âm thầm diễn ra những sự biến đổi mà chế độ xã hội rập theo những điều kiện kinh tế cũ hơn, bây giờ đã trở nên không còn thích hợp với những sự biến đổi ấy nữa. Điều đó đồng thời lại có nghĩa là chính ngay những thủ đoạn để gạt bỏ những tệ nạn (1) đã được phát hiện ra, nhất định cũng đã phải tồn tại sẵn — ở trạng thái phát triển nhiều hay ít — trong những quan hệ sản xuất đã biến đổi. Cho nên, phải dùng đầu óc của mình để *phát hiện ra* những thủ đoạn ấy từ những sự kiện vật chất về sản xuất đã có sẵn trong đó, chứ không phải là *sáng chế ra* trong đầu óc của mình, những thủ đoạn ấy.

Như vậy thì lập trường của chủ nghĩa xã hội hiện đại là như thế nào?

Thường thường người ta hay cho rằng chế độ xã hội hiện tại là do giai cấp hiện đang thống trị, tức là giai cấp tư sản, sáng tạo ra. Phương thức sản xuất vốn sẵn có của giai cấp tư sản, mà từ thời Mác về sau, người ta gọi là phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, không thể cùng dung hợp được với những đặc quyền địa phương và đặc quyền đẳng cấp, cũng như không thể dung hợp được với những mối liên hệ qua lại giữa người này với người khác trong chế độ phong kiến. Giai cấp tư sản đã đập tan chế độ phong kiến, và trên sự đổ nát của chế độ đó, đã dựng lên chế độ xã hội tư sản, là vương quốc của tự do cạnh tranh, của tự do đi lại, của quyền bình đẳng về mặt pháp lý của những người sở hữu hàng hóa, và là vương quốc của nhiều cái huy hoàng khác của giai cấp tư sản. Hiện nay phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã có thể tự do phát triển. Từ khi hơi nước và nền kỹ thuật máy móc

(1) Pháp văn: les anomalies; Anh văn: the abuses; Trung văn: hóa hại. *(N.D.)*

mới đã biến công trường thủ công cũ thành công nghiệp lớn, thì lực lượng sản xuất được tạo ra dưới sự điều khiển của giai cấp tư sản, đã phát triển một cách nhanh chóng và một cách rộng lớn từ trước đến nay chưa từng thấy. Nhưng cũng như trước kia, công trường thủ công và thủ công nghiệp được phát triển nhờ ảnh hưởng của giai cấp tư sản nên đã trở thành xung đột với những mối ràng buộc có tính chất phong kiến của các phường hội, thì bây giờ đây đại công nghiệp cũng thế, một khi đã phát triển đầy đủ hơn, liền trở thành xung đột với những hàng rào mà trong đó phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã giam hãm nó. Cái hình thức sử dụng theo kiểu tư sản những lực lượng sản xuất mới đã không chứa đựng nổi những lực lượng sản xuất đó nữa rồi, và sự xung đột này, giữa lực lượng sản xuất và phương thức sản xuất, không phải là một sự xung đột do từ trong đầu óc con người đẻ ra, như là chẳng hạn sự xung đột giữa tội tổ tông và lẽ công bằng của đức Chúa Trời (1): sự xung đột đó là có trong sự thật, một cách khách quan, ở bên ngoài con người chúng ta, không dính dáng gì đến ý chí hay ngay cả đến sự hoạt động của những người đã gây ra sự xung đột đó. Chủ nghĩa xã hội hiện đại không phải là cái gì khác, mà chỉ là phản ánh của sự xung đột có thật đó vào trong tư duy, chỉ là phản ánh của sự xung đột ấy, dưới hình thức tư tưởng, trước hết vào trong đầu óc của giai cấp trực tiếp chịu đau khổ vì sự xung đột ấy, tức là giai cấp công nhân.

Nhưng, sự xung đột ấy như thế nào?

Trước khi nền sản xuất tư bản chủ nghĩa xuất hiện, tức là trong thời Trung cổ, ở đâu người ta cũng chỉ thấy

(1) Pháp văn: conflit du péché originel et de la justice divine. *(N.D.)*

toàn là nền sản xuất nhỏ, dựa trên cơ sở quyền tư hữu của những người lao động về tư liệu sản xuất của mình, như: nông nghiệp của những người tiểu nông tự do hay nông nô, thủ công nghiệp ở thành thị. Các tư liệu lao động, — như ruộng đất, nông cụ, xưởng thợ, dụng cụ của người thợ thủ công, — đều là những tư liệu lao động của cá nhân, chỉ tính toán cho vừa với việc sử dụng cá nhân; cho nên những tư liệu ấy tất nhiên là vụn vặn, rất nhỏ bé và có hạn. Nhưng chính vì lẽ đó, mà những tư liệu ấy thường là của chính ngay người sản xuất. Tập trung lại và mở rộng những tư liệu sản xuất phân tán và nhỏ bé ấy ra, biến nó thành những đòn bẩy mạnh mẽ của nền sản xuất hiện giờ, đó chính là vai trò lịch sử của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, và của giai cấp vốn là trụ cột để duy trì phương thức sản xuất ấy, tức là giai cấp tư sản. Trong phần thứ tư của bộ *Tư bản*, Mác đã tả tỉ mỉ cho ta thấy từ thế kỷ XV, giai cấp tư sản đã hoàn thành được sự nghiệp đó như thế nào, qua ba giai đoạn là: hợp tác giản đơn, công trường thủ công và đại công nghiệp. Nhưng, như Mác cũng chứng minh ở ngay đoạn ấy, giai cấp tư sản không thể biến những tư liệu sản xuất có tính chất hạn chế ấy thành những lực lượng sản xuất mạnh mẽ được, nếu không biến những tư liệu sản xuất của cá nhân thành những tư liệu sản xuất *có tính chất xã hội* mà chỉ *một số đông người cùng làm* mới có thể sử dụng được. Guồng quay sợi, khung cửi tay, búa thợ rèn, đã nhường chỗ cho máy sợi, khung cửi máy, búa chạy bằng hơi nước; xưởng thợ cá nhân đã nhường chỗ cho công xưởng đòi hỏi hàng trăm hàng nghìn người cùng làm. Và cũng như tư liệu sản xuất chính ngay sự sản xuất cũng thay đổi từ chỗ sản xuất bằng một loạt động tác cá nhân đến chỗ sản xuất bằng một loạt động tác có tính chất xã hội, và sản phẩm cũng

từ chỗ là những sản phẩm có tính chất cá nhân mà trở thành những sản phẩm có tính chất xã hội. Bây giờ, sợi, vải, hàng kim khí ở công xưởng làm ra là sản phẩm tập thể của nhiều công nhân; các sản phẩm này trước khi được hoàn thành đều tất nhiên đã phải lần lượt qua tay họ. Đối với các sản phẩm ấy, không một cá nhân nào có thể nói: chính tôi đã làm ra cái đó, đó là sản phẩm *của tôi*.

Nhưng, ở nơi nào mà sự phân công tự nhiên trong xã hội là hình thức cơ bản của nền sản xuất, thì sự phân công ấy làm cho các sản phẩm phải mang theo hình thức *hàng hóa*, mà sự trao đổi qua lại, việc mua và bán làm cho những người sản xuất cá thể thỏa mãn được những nhu cầu nhiều mặt của họ. Và trong thời trung cổ, tình hình là như thế đó. Người nông dân, chẳng hạn, đem bán nông phẩm cho người thợ thủ công, và lại mua của người thợ thủ công những sản phẩm thủ công nghiệp. Như vậy, chính là trong xã hội những người sản xuất cá thể đó, trong xã hội những người sản xuất hàng hóa đó mà phương thức sản xuất mới đã luồn vào (1). Ta đã thấy phương thức sản xuất này thiết lập ở ngay chính giữa sự phân công tự phát, *không có kế hoạch* lúc đó đang chi phối toàn thể xã hội, một sự phân công được tổ chức *có kế hoạch* trong công xưởng cá thể; như vậy là bên cạnh *nền sản xuất cá thể* đã xuất hiện nền sản xuất *có tính chất xã hội*. Các sản phẩm của cả hai loại sản xuất ấy đều đã được đem bán trên cùng một thị trường, do đó mà giá cả ít ra cũng xấp xỉ bằng nhau. Nhưng tổ chức có kế hoạch mạnh hơn sự phân công tự phát; những công xưởng làm việc một cách có tính chất xã hội sản xuất rẻ hơn những người tiểu sản

(1) *S'infiltre;* Nga văn (cùng nghĩa như bản Pháp văn); Trung văn: *mạnh phát;* Anh văn: *thrust itself into. (N.D.)*

xuất riêng lẻ. Sản xuất cá thể sụp đổ hết ngành này đến ngành khác; sự sản xuất có tính chất xã hội đã cách mạng hóa cả toàn bộ phương thức sản xuất cũ. Nhưng đối với tính chất cách mạng ấy, cái tính chất cách mạng mà chỉ riêng lối sản xuất xã hội hóa mới có thôi, thì người ta lại ít nhận ra được, đến nỗi, trái lại, người ta đã dùng lối sản xuất ấy làm phương tiện để nâng cao và tạo điều kiện thuận lợi cho nền sản xuất hàng hóa. Sự sản xuất có tính chất xã hội đó đã ra đời, trực tiếp gắn liền với một số đòn bẩy sẵn có của nền sản xuất hàng hóa và của sự trao đổi hàng hóa như: tư bản thương nghiệp, thủ công nghiệp, lao động làm thuê. Do ở chỗ là sự sản xuất có tính chất xã hội cũng đã xuất hiện dưới một hình thức sản xuất hàng hóa theo lối mới, cho nên các hình thức chiếm hữu sẵn có của nền sản xuất hàng hóa cũng vẫn tiếp tục được áp dụng hoàn toàn cả đối với nền sản xuất có tính chất xã hội.

Trong nền sản xuất hàng hóa ở trình độ phát triển như trong thời Trung cổ, thì cũng không có ai lại đặt vấn đề xem xem sản phẩm lao động phải thuộc về ai. Theo lẽ thông thường thì người sản xuất cá thể đã làm ra sản phẩm ấy bằng những nguyên liệu của họ, và thường thường là chính tự họ sản xuất lấy, bằng những tư liệu lao động của chính họ, bằng lao động chân tay của chính bản thân họ hay của gia đình họ. Sản phẩm tuyệt nhiên không cần thiết là trước tiên phải được chiếm hữu bởi người sản xuất ra nó, vì sản phẩm ấy tự nhiên đã là thuộc của họ rồi. Như vậy ở thời ấy, quyền sở hữu sản phẩm là dựa trên *lao động của bản thân mỗi người*. Ngay trong những trường hợp mà người ta có nhờ đến sự giúp đỡ của người khác chăng nữa, thì sự giúp đỡ này nói chung cũng vẫn chỉ là thứ yếu và, ngoài tiền công ra, còn luôn luôn nhận được một món thù lao khác: người học việc hay người

thợ bạn của phường hội làm để tự nuôi mình và lấy tiền công thì ít, mà để chính mình học cho thành nghề thì nhiều. Chính giữa lúc đó thì bắt đầu có hiện tượng tập trung những tư liệu sản xuất vào trong các xưởng thợ lớn và các công trường thủ công, và như thế là có chuyển biến những tư liệu sản xuất ấy thành những tư liệu sản xuất thật sự có tính chất xã hội. Nhưng đến mãi bây giờ, tư liệu sản xuất và sản phẩm xã hội vẫn còn tiếp tục được coi là tư liệu sản xuất và sản phẩm của cá nhân như trước. Nếu từ trước đến lúc bấy giờ, người có tư liệu lao động vẫn là người chiếm hữu sản phẩm, vì theo lệ thường, sản phẩm ấy là của chính họ đã làm ra, còn sự tham gia lao động của người khác chỉ là trường hợp ngoại lệ, thì giờ đây người có tư liệu lao động vẫn tiếp tục chiếm hữu sản phẩm, tuy rằng sản phẩm ấy đã không phải là *của người đó* làm ra nữa, mà hoàn toàn là sản phẩm do *lao động của người khác* làm ra. Như vậy, từ nay, sản phẩm do lao động xã hội tạo ra lại không phải là do những người đã thật sự vận dụng tư liệu sản xuất và đã thật sự làm ra những sản phẩm ấy, chiếm hữu nữa, mà là do *nhà tư bản* chiếm hữu. Cả tư liệu sản xuất và sự sản xuất, về thực chất, đều đã trở thành có tính chất xã hội; nhưng người ta lại bắt nó phải phục tùng một hình thức chiếm hữu lấy việc sản xuất riêng của cá nhân làm tiền đề, trong đó, như vậy là mỗi người đều là chủ nhân sản phẩm của chính mình và đem những sản phẩm của chính mình ra bán ở thị trường. Người ta bắt phương thức sản xuất phải phục tùng hình thức chiếm hữu ấy, mặc dầu phương thức sản xuất này đã xóa bỏ tiền đề của hình thức chiếm hữu ấy rồi*. Trong

* Ở đây không cần phải giải thích rằng ngay cả khi *hình thức* chiếm hữu vẫn như cũ, nhưng *tính chất* của sự chiếm hữu so với sản xuất

cái mâu thuẫn đó, mâu thuẫn đang làm cho phương thức sản xuất mới có tính chất tư bản chủ nghĩa, người ta *đã thấy có cả cái mầm mống của toàn bộ cuộc xung đột lớn lao hiện giờ*. Cứ càng ngày phương thức sản xuất mới càng tiến đến chỗ thống trị trong tất cả các ngành sản xuất có tính chất quyết định và trong tất cả các nước có tính chất quyết định về mặt kinh tế, và do đó càng gạt sản xuất cá thể xuống đến chỗ làm cho nó chỉ còn là những tàn dư không đáng kể, thì *tất nhiên lại càng lộ rõ hơn cái tính chất không thể dung hợp với nhau được giữa sự sản xuất có tính chất xã hội và sự chiếm hữu có tính chất tư bản chủ nghĩa*.

Như chúng tôi đã nói ở trên, những nhà tư bản đầu tiên đã thấy hình thức lao động làm thuê là một hình thức có sẵn rồi. Nhưng họ coi hình thức đó là một ngoại lệ, một việc phụ, một việc làm thêm (1), một trạng thái quá độ. Người lao động nông thôn, thỉnh thoảng đi làm công nhật, vốn đã có vài thước đất riêng của mình, nếu cùng quá thì trông vào đó cũng có thể sống được. Luật lệ phường hội thường chú ý sao cho người thợ bạn hôm nay có thể trở thành người thợ cả ngày mai. Nhưng ngay khi tư liệu

---

thì không phải là ít bị biến đổi bởi quá trình đã nói trên đây. Dù là tôi chiếm hữu chính cái sản phẩm của tôi hay là chiếm hữu sản phẩm của người khác, thì cái đó dĩ nhiên vẫn là hai lối chiếm hữu khác nhau xa. Nhân tiện cũng nói thêm rằng: lao động làm thuê mà trong đó đã có cả mầm mống của toàn bộ phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa thì đã có từ rất lâu rồi; dưới trạng thái lẻ tẻ và rải rác, lao động làm thuê đã từng tồn tại chút ít bên cạnh chế độ nô lệ trong hàng mấy thế kỷ. Nhưng mầm mống ấy chỉ có thể phát triển để trở thành phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, là từ ngày các điều kiện lịch sử tiên quyết đã được chín muồi rồi mà thôi.

(1) Pháp văn: *ressource provisoire;* Trung văn : *nhất chủng bổ trợ;* Anh văn: *as a supplementary. (N.D.)*

sản xuất đã trở thành tư liệu có tính chất xã hội và bị tập trung trong tay các nhà tư bản, thì mọi việc đều thay đổi. Tư liệu sản xuất cũng như sản phẩm của người tiểu sản xuất cá thể cứ ngày càng mất giá trị, cho nên người tiểu sản xuất chỉ còn có cách là đi làm thuê cho người tư bản để lấy công. Lao động làm thuê, trước kia là trường hợp ngoại lệ và là một việc làm thêm, thì nay trở thành thông lệ và hình thức cơ bản của toàn bộ sản xuất; trước kia là việc phụ thì nay nó đã biến thành hoạt động duy nhất của người lao động. Người làm thuê tạm bợ biến thành người làm thuê suốt đời. Hơn nữa số người làm thuê suốt đời đã ngày càng tăng lên rất nhiều, vì chế độ phong kiến sụp đổ đồng thời đã làm tan rã những đám tùy tùng của bọn lãnh chúa, và đã trục xuất những người nông dân ra khỏi điền trang của họ, v.v.. Giữa một bên là tư liệu sản xuất bị tập trung trong tay bọn tư bản, và một bên là người sản xuất đã bị đẩy đến chỗ không còn có gì ngoài sức lao động của họ, thế là đã có sự cách biệt dứt khoát. *Mâu thuẫn giữa sự sản xuất có tính chất xã hội và sự chiếm hữu có tính chất tư bản chủ nghĩa biểu hiện thành sự đối kháng giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản.*

Chúng ta đã thấy phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã luồn vào trong một xã hội gồm những người sản xuất hàng hóa, là những người sản xuất cá thể mà quan hệ xã hội được thực hiện bằng cách thông qua sự trao đổi sản phẩm của họ. Nhưng bất cứ xã hội nào dựa trên cơ sở sản xuất hàng hóa cũng đều có cái đặc điểm này là: trong xã hội đó, những người sản xuất đã mất hết quyền chi phối đối với những quan hệ xã hội của chính họ. Người nào sản xuất cho người ấy, với những tư liệu sản xuất của họ ngẫu nhiên mà có ở trong tay, và để thỏa mãn nhu cầu trao đổi riêng của cá nhân mình. Không ai biết được

số lượng hàng của mình sẽ đến thị trường là bao nhiêu, cũng không biết được ngay cả số lượng trên thị trường sẽ cần đến về thứ hàng đó là bao nhiêu, không ai biết được khi ra đến thị trường, thì sản phẩm cá nhân của mình có thật là một thứ cần thiết không, có thu về được đủ chi phí của nó không, hoặc thậm chí liệu có bán được không. Đó thật là thời ngự trị của tình trạng vô chính phủ trong nền sản xuất xã hội. Nhưng, cũng như mọi hình thức sản xuất khác, sản xuất hàng hóa có những quy luật riêng của nó, nằm sẵn ngay trong bản thân nó, không thể tách rời khỏi nó; và bất chấp cả tình trạng vô chính phủ, những quy luật ấy tự nó vẫn phát sinh được tác dụng ngay trong tình trạng ấy và thông qua tình trạng ấy. Với tư cách là những quy luật không thể cưỡng nổi của sự cạnh tranh, những quy luật ấy biểu hiện trong cái hình thức quan hệ xã hội duy nhất còn lại, tức là trong sự trao đổi, và chi phối những người sản xuất cá thể. Cho nên, lúc đầu, chính những người sản xuất này cũng không biết đến những quy luật ấy, và trước hết là phải trải qua một kinh nghiệm lâu dài rồi họ mới dần dần phát hiện ra những quy luật đó. Như vậy là không cần biết đến những người sản xuất và đi ngược lại ý chí của họ, những quy luật ấy tự nó phát sinh tác dụng như là những quy luật tự nhiên trong hình thức sản xuất của họ, đó là những quy luật tác động một cách mù quáng. Sản phẩm chi phối những người sản xuất.

Trong xã hội thời Trung cổ, nhất là trong những thế kỷ đầu, sản xuất chủ yếu là nhằm thỏa mãn sự tiêu dùng riêng của mình. Nó chỉ thỏa mãn chủ yếu là những nhu cầu của người sản xuất và gia đình họ. Ở chỗ nào mà có những quan hệ lệ thuộc về mặt con người, như ở nông thôn, thì sản xuất cũng lại là để thỏa mãn cả những nhu cầu của chúa phong kiến nữa. Như vậy thì ở đây không

có một sự trao đổi nào cả, và do đó, sản phẩm cũng không còn có cái tính chất hàng hóa nữa. Gia đình người nông dân sản xuất được hầu hết những thứ họ cần dùng: cả công cụ, quần áo cũng như thực phẩm. Chỉ đến khi nào họ đã sản xuất được thừa ra một số ngoài nhu cầu của chính họ và ngoài số cống nạp bằng hiện vật cho chúa phong kiến, thì lúc ấy mới là lúc họ cũng sản xuất ra được hàng hóa; số sản xuất thừa đó khi đem dùng vào việc trao đổi có tính chất xã hội, nghĩa là đem ra bán, thì liền trở thành hàng hóa. Cố nhiên, những người thợ thủ công ở thành thị, ngay từ buổi đầu, đã bắt buộc phải sản xuất để trao đổi. Nhưng cả những người đó nữa, chính họ cũng sản xuất để tự túc lấy một phần rất lớn những nhu cầu riêng của mình, họ có những mảnh vườn và những khoảnh ruộng nhỏ; họ chăn nuôi gia súc của họ ở trong khu rừng công cộng; ngoài ra, rừng đó còn cung cấp cho họ gỗ để xây dựng, nhiên liệu để đốt; phụ nữ thì kéo sợi lanh và sợi len, v.v.. Sản xuất nhằm để trao đổi, tức là việc sản xuất hàng hóa, lúc đó chỉ mới bắt đầu thôi. Vì thế sự trao đổi còn bị hạn chế, thị trường cũng bị hạn chế, phương thức sản xuất thì ổn định, địa phương đối với bên ngoài thì cách biệt, đối với bên trong thì đoàn kết, ví dụ như: Mác-cơ (1) (công xã nông nghiệp) ở nông thôn, phường hội ở thành thị.

Nhưng do sự mở rộng của nền sản xuất hàng hóa, và nhất là do sự xuất hiện của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, nên những quy luật của nền sản xuất hàng hóa, từ trước đến giờ vẫn tiềm tàng, thì lúc đó cũng đã bắt đầu tác động một cách công khai hơn và mạnh mẽ hơn. Những khuôn khổ cũ được nới rộng ra, những hàng rào

(1) Mark: tên gọi công xã nông nghiệp ở Đức thời cổ. *(B.T.)*

cũ đã bị phá vỡ, những người sản xuất càng ngày càng biến thành những người sản xuất hàng hóa độc lập và riêng lẻ. Tình trạng vô chính phủ trong nền sản xuất xã hội đã xuất hiện, và ngày càng có tính chất nghiêm trọng đến cực độ. Nhưng công cụ chủ yếu mà phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa dùng để làm tăng thêm tình trạng vô chính phủ ấy ở trong nền sản xuất xã hội, lại chính là cái ngược lại với tình trạng vô chính phủ: đó là tính tổ chức ngày càng tăng hơn của sự sản xuất về phương diện là một sự sản xuất có tính chất xã hội, thể hiện trong từng xí nghiệp sản xuất riêng một. Chính nhờ đòn bẩy này mà phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã làm cho chấm dứt cái tình trạng ổn định yên tĩnh trước kia. Trong một ngành công nghiệp, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã xâm nhập vào nơi nào, thì nó không còn để một phương pháp kinh doanh nào cũ hơn tồn tại được bên cạnh nó nữa. Nơi nào nó đã xâm nhập được vào thủ công nghiệp, thì nó liền tiêu diệt thủ công nghiệp cũ. Trường sở lao động biến thành một bãi chiến trường. Những sự phát hiện lớn về địa lý và những công cuộc thực dân tiếp sau những phát hiện ấy, làm tăng số thị trường tiêu thụ lên gấp bội và đẩy mạnh việc biến chuyển thủ công nghiệp thành công trường thủ công. Cuộc đấu tranh không những chỉ nổ ra giữa những người sản xuất cá thể ở từng địa phương mà thôi; mà đến lượt cả những cuộc đấu tranh trong phạm vi địa phương cũng phát triển thành những cuộc đấu tranh trong phạm vi dân tộc: như những cuộc chiến tranh thương nghiệp hồi thế kỷ XVII và XVIII. Sau cùng, công nghiệp lớn và sự thiết lập thị trường thế giới đã làm cho những cuộc đấu tranh ấy lan rộng khắp nơi, và đồng thời đã làm cho nó có tính chất kịch liệt chưa từng thấy. Giữa từng nhà tư bản một với

nhau, cũng như giữa trọn ngành công nghiệp này với trọn ngành công nghiệp khác, và giữa trọn những nước này với trọn những nước khác, vấn đề sống còn được quyết định tùy theo ở chỗ là các điều kiện tự nhiên hay nhân tạo của sự sản xuất được thuận lợi nhiều hay ít. Kẻ chiến bại bị loại trừ một cách thẳng tay. Đó chính là thuyết cạnh tranh sinh tồn của Đác-uyn, lấy từ giới tự nhiên mà đem áp dụng vào xã hội một cách mãnh liệt hơn gấp bội. Điều kiện sinh tồn của động vật trong giới tự nhiên được coi là sự phát triển cao nhất của con người. Mâu thuẫn giữa sự sản xuất có tính chất xã hội và sự chiếm hữu có tính chất tư bản chủ nghĩa lại biểu hiện ra thành *sự đối kháng giữa tình trạng có tổ chức của sự sản xuất trong xí nghiệp của cá nhân và tình trạng vô chính phủ của nền sản xuất trong toàn thể xã hội.*

Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa chính là đang vận động ở trong hai hình thức biểu hiện ấy của sự mâu thuẫn vốn đã có sẵn trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và ngay từ khi mới phát sinh, phương thức đó vạch ra một cái « vòng luẩn quẩn », không có lối thoát, cái « vòng luẩn quẩn » mà trước kia Phu-ri-ê đã từng phát hiện ra ngay trong phương thức sản xuất đó rồi. Tuy nhiên, điều mà trong thời đại của Phu-ri-ê, ông còn chưa thể nhìn thấy được, chính là: cái vòng ấy cứ thu hẹp dần lại; nói đúng hơn là sự vận động ấy diễn ra theo một đường xoáy trôn ốc và tất nhiên nó sẽ kết thúc bằng một sự xung đột với trung tâm của nó, cũng như đường vận động xoáy trôn ốc của các hành tinh vậy. Chính động lực của tình trạng vô chính phủ xã hội của sản xuất đang càng ngày càng biến đại đa số người ta thành những người vô sản; và rồi cuối cùng chính số quần chúng vô sản này lại là những người sẽ chấm dứt tình trạng vô chính phủ trong sản xuất

Chính động lực của tình trạng vô chính phủ xã hội của sản xuất, đang biến cái khả năng cải tiến vô tận các máy móc của công nghiệp lớn thành một quy luật có tính chất cưỡng chế đối với từng nhà tư bản công nghiệp một, bắt buộc họ cứ càng ngày càng phải cải tiến mãi kỹ thuật máy móc của mình, nếu không thì sẽ bị phá sản. Nhưng cải tiến máy móc, điều đó có nghĩa là làm cho lao động của con người trở thành ra thừa. Nếu việc áp dụng và tăng thêm máy móc có nghĩa là gạt bỏ hàng triệu người lao động thủ công để thay thế bằng một số ít người lao động sử dụng máy móc, thì cải tiến kỹ thuật máy móc có nghĩa là càng ngày càng gạt bỏ thêm nhiều người lao động sử dụng máy móc, và phân tích đến cùng là đẻ ra một số người làm thuê thừa, vượt quá mức nhu cầu trung bình của tư bản, là đẻ ra một đạo quân công nghiệp dự trữ hoàn toàn, — như danh từ tôi đã dùng năm 1845 (1), — đạo quân trừ bị cho những thời kỳ công nghiệp thịnh vượng và sẽ bị ném ra vỉa hè khi gặp cuộc khủng hoảng tất nhiên phải xảy ra tiếp theo thời kỳ hưng thịnh; đội quân ấy là cái khối chì lúc nào cũng buộc vào chân giai cấp công nhân trong cuộc đấu tranh của họ chống tư bản để sống còn; đội quân ấy là yếu tố điều tiết tiền công, giữ tiền công ở mức thấp phù hợp với yêu cầu của tư bản. Như thế là kỹ thuật máy móc đã trở thành, — như lời Mác đã nói, — một thứ vũ khí mạnh nhất của tư bản để chống lại giai cấp công nhân; tư liệu lao động luôn luôn cướp giật tư liệu sinh hoạt trong tay công nhân; và chính sản phẩm của công nhân lại biến thành một công cụ nô dịch công nhân. Như thế là ngay một lúc việc dè xẻn tư liệu lao động

(1) *Tình trạng các giai cấp cần lao ở Anh*, t. I, tr. 144 và những trang tiếp sau, Nhà xuất bản Costes, 1933. *(B.T.)*

đồng thời lại cũng là sự lãng phí ghê gớm sức lao động, lại là một việc ăn cắp đối với những điều kiện bình thường trong chức năng của lao động, như thế là kỹ thuật máy móc, một phương tiện mạnh nhất để giảm bớt thời gian lao động, lại hóa thành một thủ đoạn chắc chắn nhất để biến suốt cả đời người công nhân và cả đời gia đình họ thành thời gian lao động thừa, sẵn sàng để giúp cho tư bản sinh lợi thêm; như thế là lao động quá sức của một số người này làm cho một số người khác thất nghiệp; và như thế là nền đại công nghiệp đi lùng khắp thế giới để kiếm thêm khách tiêu dùng mới, lại hạn chế sức tiêu dùng của quần chúng ngay trong nước ở một mức tối thiểu là mức chết đói, và do đó phá hoại chính ngay thị trường trong nước của mình.

Cái quy tắc luôn luôn làm cho sự tăng lên của tích lũy cân đối với sự tăng lên của số nhân khẩu thừa tương đối đã cột người lao động vào tư bản chặt hơn là những cái nêm của Vuyn-canh đã đóng Pơ-rô-mê-tê vào núi đá. Chính quy tắc ấy là quy tắc dựng lên một mối tương quan không thể tránh khỏi giữa tích lũy tư bản và tích lũy sự nghèo khổ, thành thử tích lũy của cải ở một cực này có nghĩa là tích lũy sự nghèo nàn, đau khổ, dốt nát, ngu muội, trụy lạc về tinh thần, nô lệ ở cực đối lập, tức là ở ngay phía giai cấp *sản xuất ra tư bản* (Mác: *Tư bản*, tr. 67) (1).

Còn như trông chờ ở phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa một sự phân phối sản phẩm theo lối khác, thì cũng như là đòi hỏi những điện cực của một hòm điện đừng phân giải nước nữa, và đừng làm cho dương cực phát ra ốc-xy và âm cực đừng phát ra hýt-rô, trong khi cả hai điện cực vẫn mắc ở hòm điện.

(1) Xem C. Mác: *Tư bản*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, q. I, t. III, tr. 126. *(B.T.)*

Chúng ta đã thấy vì sao mà do ảnh hưởng của tình trạng sản xuất vô chính phủ trong xã hội, thì cái khả năng cải tiến đến tột độ kỹ thuật máy móc hiện đại lại biến thành một quy luật có tính chất cưỡng chế đối với nhà tư bản công nghiệp riêng lẻ, bắt buộc họ cứ phải cải tiến mãi kỹ thuật máy móc của mình, cứ phải tăng sức sản xuất của mình lên mãi. Đối với người tư bản đó, thì chỉ riêng cái việc là họ có thể thật sự mở rộng phạm vi sản xuất của họ, cũng biến thành một quy luật khác cũng có tính chất cưỡng chế y như thế. Bên cạnh sức bành trướng rất lớn lao của nền đại công nghiệp, thì sức bành trướng của các chất khí thật chỉ là một trò trẻ con; hiện nay đối với chúng ta, sức bành trướng rất lớn lao đó của nền đại công nghiệp đang biểu hiện thành một *nhu cầu* phải bành trướng cả về chất lẫn về lượng, một nhu cầu bất chấp cả mọi trở ngại. Trở ngại ấy là sự tiêu dùng, là chỗ để tiêu thụ, là thị trường cho các sản phẩm của ngành đại công nghiệp. Nhưng khả năng mở rộng thị trường cả về bề rộng cũng như về bề sâu, lại bị chi phối trước hết bởi những quy luật hoàn toàn khác hẳn, tác động kém mãnh liệt hơn nhiều. Việc mở rộng thị trường không thể đi đôi với việc mở rộng sản xuất. Sự xung đột là không thể tránh khỏi được, và vì nó không thể có cách giải quyết chừng nào mà nó không phá vỡ được chính ngay phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, cho nên sự xung đột ấy trở thành định kỳ. Sản xuất tư bản chủ nghĩa lại đẻ thêm một « vòng lẩn quẩn » mới.

Thật vậy, từ năm 1825, hồi nổ ra cuộc tổng khủng hoảng lần thứ nhất, toàn bộ thế giới công nghiệp và thương nghiệp, việc sản xuất và việc mậu dịch của toàn bộ các dân tộc văn minh và những xứ phụ thuộc ít nhiều chưa khai hóa của họ, cứ trong vòng độ mười năm lại bị rối loạn một lần. Thương nghiệp đình đốn; thị trường ứ đọng; ở đó hàng hóa càng không bán được thì càng chất

đọng lên; tiền mặt không còn thấy đâu nữa; tín dụng biến mất; công xưởng đóng cửa; quần chúng lao động thiếu tư liệu sinh hoạt vì đã sản xuất ra quá nhiều tư liệu sinh hoạt; hết cuộc vỡ nợ này đến cuộc phá sản khác, hết cuộc phát mại này đến cuộc phát mại khác. Tình trạng đình trệ kéo dài hàng mấy năm, cả lực lượng sản xuất lẫn sản phẩm đều bị lãng phí và bị hủy hoại hàng loạt, cho mãi đến lúc cuối cùng thì những khối hàng hóa ứ đọng lại đó được tiêu thụ, nhưng bị mất giá nhiều hay ít, cho mãi đến khi việc sản xuất và việc trao đổi lại dần dần hoạt động bình thường như cũ. Hoạt động lại cứ dần dần ngày càng nhanh hơn lên, rồi từ đó chuyển sang nước kiệu, nước kiệu công nghiệp chuyển sang nước phi, rồi đến lượt nước phi đó cứ ngày càng tăng nhanh mãi lên thành nước phi như gió như trong một cuộc chạy đua kiểu vượt rào (1) hoàn toàn, của công nghiệp, thương nghiệp, tín dụng và đầu cơ, để rồi, sau những bước nhảy nguy hiểm nhất, cuối cùng lại đi đến chỗ... rơi vào hố phá sản. Và cứ thế quanh đi quẩn lại mãi. Mới từ 1825 đến nay, mà chúng ta đã trải qua đến năm cuộc khủng hoảng rồi; và cuộc khủng hoảng mà hiện giờ (1877) chúng ta đang trải qua là cuộc khủng hoảng thứ sáu. Và tính chất của các cuộc khủng hoảng ấy quá rõ rệt đến nỗi khi Phu-ri-ê gọi cuộc khủng hoảng lần thứ nhất là khủng hoảng thừa, thì ông đã đánh giá được đúng tất cả các cuộc khủng hoảng ấy.

Trong các cuộc khủng hoảng, người ta thấy nổ ra một cách dữ dội cái mâu thuẫn giữa sự sản xuất có tính chất xã hội và sự chiếm hữu tư bản chủ nghĩa. Việc lưu thông hàng hóa tạm thời bị ngừng trệ; phương tiện lưu thông, tức là tiền tệ trở thành một chướng ngại cho việc lưu thông, tất cả những quy luật sản xuất và lưu thông hàng hóa đều

(1) Steeple chase. *(N.D.)*

bị đảo lộn lung tung. Sự xung đột về kinh tế đã đạt đến chỗ tột độ của nó: *phương thức sản xuất nổi dậy chống lại phương thức trao đổi, lực lượng sản xuất nổi dậy chống lại phương thức sản xuất, vì lực lượng sản xuất đã trở thành quá to lớn đối với phương thức sản xuất.*

Sự tổ chức có tính chất xã hội của việc sản xuất ở trong nội bộ công xưởng đã phát triển tới trình độ trở nên không thể cùng dung hợp được với tình trạng vô chính phủ của nền sản xuất ở trong xã hội là một tình trạng đang cùng tồn tại bên cạnh và ở bên trên sự tổ chức đó, — sự thật ấy, chính bọn tư bản cũng đã thấy rõ, vì trong các cuộc khủng hoảng, một số lớn những nhà đại tư bản và một số còn lớn hơn nữa những nhà tư bản nhỏ đều lâm vào tình trạng phá sản, khiến cho tư bản tập trung một cách mãnh liệt. Toàn bộ cơ cấu của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa bị tê liệt dưới áp lực của những lực lượng sản xuất mà chính cơ cấu đó tạo ra. Bây giờ phương thức sản xuất không thể biến tất cả cái khối tư liệu sản xuất đó thành tư bản được nữa; những tư liệu sản xuất không được dùng đến, và vì thế đạo quân công nghiệp trừ bị cũng phải thất nghiệp. Tư liệu sản xuất, tư liệu sinh hoạt, người lao động đều thừa ra không được dùng đến, tức là tất cả những nhân tố của sự sản xuất và của đời sống phong phú chung đều có thừa. Nhưng « sự thừa thãi trở thành nguồn gốc đẻ ra sự thiếu thốn và sự khốn cùng » (Phu-ri-ê) vì chính sự thừa thãi đó cản trở không cho tư liệu sản xuất và tư liệu sinh hoạt biến thành tư bản (1).

(1) Pháp văn: *empêche la transformation des moyens de production et de subsistance du capital.* Cũng ý này ở những đoạn dưới nói : *réaction des forces productives contre leur qualité de capital;* hay nói : *supprime la qualité de capital des forces productives.* Cho nên ở đoạn dưới chúng tôi đều dịch là *biến tư liệu sản xuất thành tư bản. (N.D.)*

Bởi vì, trong xã hội tư bản chủ nghĩa, tư liệu sản xuất không thể có tác dụng được, nếu trước đó nó đã không được biến thành tư bản, biến thành thủ đoạn để bóc lột sức lao động của con người. Tính tất yếu đối với tư liệu sản xuất và tư liệu sinh hoạt phải biến thành tư bản, đứng sừng sững như một bóng ma giữa công nhân và các tư liệu đó. Tính tất yếu ấy chính là cái duy nhất đã làm cản trở việc kết hợp với nhau giữa các đòn bẩy của sản xuất là người và tư liệu; chính nó là cái duy nhất đã ngăn cản không cho tư liệu sản xuất hoạt động, không cho công nhân làm việc và sinh sống. Như vậy là một mặt, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã thấy rõ sự bất lực của chính nó là không thể tiếp tục quản lý những lực lượng sản xuất ấy được nữa. Mặt khác, chính ngay những lực lượng sản xuất ấy, với một sức mạnh ngày càng tăng, cũng đang hướng đến chỗ tiêu diệt mâu thuẫn đó, đến chỗ tự giải phóng nó ra khỏi tình trạng bị biến thành tư bản (1), đến chỗ *được thật sự thừa nhận là nó có cái tính chất của lực lượng sản xuất xã hội.*

Chính sự phản kháng ngày càng thêm mãnh liệt đó của lực lượng sản xuất chống lại tình trạng bị biến thành tư bản, chính cái tính tất yếu ngày càng lớn mạnh đó đang buộc người ta phải thừa nhận bản chất xã hội của lực lượng sản xuất, — chính những cái đó bắt buộc bản thân giai cấp của bọn tư bản càng ngày càng phải coi những lực lượng sản xuất ấy là những lực lượng sản xuất xã hội, ít ra thì cũng ở trong phạm vi có thể đối xử được như thế ngay bên trong quan hệ tư bản chủ nghĩa. Thời kỳ công nghiệp rất phồn thịnh với tình trạng tín dụng phình

(1) La qualité de capital des forces productives. Đã chú thích ở trên. *(N.D.)*

lên một cách vô hạn độ, cũng như chính ngay thời kỳ phá sản, với sự sụp đổ của những đại xí nghiệp tư bản chủ nghĩa đều dẫn tới các hình thức xã hội hóa một số rất lớn những tư liệu sản xuất như hiện nay chúng ta đương thấy trong các loại công ty cổ phần. Trong số những tư liệu sản xuất và giao thông ấy, có nhiều cái vốn đã là rất đồ sộ rồi, như đường sắt chẳng hạn, đến nỗi nó không thể dung nạp được một hình thức kinh doanh tư bản chủ nghĩa nào khác ngoài hình thức xã hội hóa cả. Nhưng đến một trình độ phát triển nào đó thì chính ngay hình thức công ty cổ phần này cũng không đủ nữa; các nhà sản xuất lớn ở trong nước, cùng thuộc một ngành công nghiệp, liên hợp nhau lại thành một «tơ-rớt», một thứ hội liên hợp có mục đích điều tiết việc sản xuất; họ quyết định tổng số phải sản xuất, phân phối tổng số ấy với nhau, và do đó nắm được cái giá bán đã quy định trước. Nhưng vì thường thường hễ đến thời kỳ công việc kinh doanh gặp khó khăn là các tơ-rớt ấy liền tan rã, nên chính vì thế mà các tơ-rớt ấy càng bị đẩy đến một trình độ xã hội hóa còn có tính chất tập trung hơn nữa: toàn ngành công nghiệp biến thành một công ty cổ phần lớn duy nhất; sự cạnh tranh trong nội bộ quốc gia nhường chỗ cho sự lũng đoạn của công ty duy nhất ấy trong nội bộ quốc gia; năm 1890, tình hình đó vẫn còn xảy ra trong ngành sản xuất chất kiềm (1) ở Anh; sau khi đã hợp nhất 48 nhà máy lớn lại, không trừ một nhà máy nào, ngành sản xuất này hiện giờ nằm trong tay một công ty duy nhất, với một sự điều khiển duy nhất, và với một số vốn là 120 triệu mác.

Trong các tơ-rớt, sự cạnh tranh tự do đổi ra thành sự lũng đoạn, sự sản xuất không có kế hoạch của xã hội

(1) Alcali. *(N.D.)*

tư bản chủ nghĩa đầu hàng trước sự sản xuất có kế hoạch của xã hội xã hội chủ nghĩa sắp ra đời. Cố nhiên, lúc đầu, điều đó chỉ có lợi cho bọn tư bản. Nhưng ở đây, sự bóc lột đã thành ra quá rõ rệt đến nỗi nó không thể không sụp đổ. Không có nhân dân một nước nào mà lại có thể chịu đựng được một thứ sản xuất do các tơ-rớt lãnh đạo, một sự bóc lột vô liêm sỉ đến mức ấy của một nhúm kẻ cướp ngồi thu ngân phiếu để hưởng lợi.

Mặc dù như thế nào, có tơ-rớt hay không có tơ-rớt thì rút cục đại biểu chính thức của xã hội tư bản chủ nghĩa, tức là Nhà nước, cũng buộc phải* đảm đương lấy việc lãnh đạo sản xuất. Tính tất yếu của việc quốc hữu hóa trước hết thấy lộ rõ ở những cơ quan giao thông lớn: bưu điện, điện báo, đường sắt.

---

* Tôi nói: *buộc phải*. Bởi vì chỉ trong trường hợp mà tư liệu sản xuất và tư liệu giao thông đã *thật sự* quá to lớn đến nỗi các công ty cổ phần không thể lãnh đạo được, và như vậy là việc quốc hữu hóa đã trở thành một sự tất yếu *về mặt kinh tế*, chỉ trong trường hợp đó, thì việc quốc hữu hóa, — thậm chí việc quốc hữu hóa do Nhà nước hiện nay thực hiện, — mới có nghĩa là một sự tiến bộ về kinh tế; mới có nghĩa là người ta đã đạt tới một giai đoạn mới, giai đoạn tiền đề của hiện tượng sau này là: chính xã hội sẽ nắm lấy tất cả mọi lực lượng sản xuất. Nhưng gần đây, từ khi Bi-smác tiến hành các việc quốc hữu hóa, thì người ta đã thấy xuất hiện một thứ chủ nghĩa xã hội giả hiệu; ở một đôi nơi, thứ chủ nghĩa đó đã biến thành một sự quy lụy hèn hạ, và tuyên bố ngay rằng *bất cứ* việc quốc hữu hóa *nào*, thậm chí cả việc quốc hữu hóa theo kiểu Bi-smác nữa, cũng đều là xã hội chủ nghĩa cả. Thật hiển nhiên rằng nếu việc quốc hữu hóa ngành thuốc lá cũng là xã hội chủ nghĩa, thì có lẽ Na-pô-lê-ông và Mét-téc-ních cũng sẽ được kể vào trong số những nhà sáng lập ra chủ nghĩa xã hội. Nếu chính phủ Bỉ, vì những lý do chính trị và tài chính rất tầm thường, mà đã tự mình xây dựng lấy những con đường sắt chủ yếu; nếu Bi-smác không vì một sự tất yếu nào về kinh tế, mà đã quốc hữu hóa con đường sắt chủ yếu của nước Phổ, với mục đích duy nhất là để

Nếu các cuộc khủng hoảng đã làm lộ rõ sự bất lực của giai cấp tư sản không đủ khả năng tiếp tục quản lý những lực lượng sản xuất hiện đại được nữa, thì hiện nay việc chuyển biến những cơ quan sản xuất và giao thông lớn thành công ty cổ phần và thành sở hữu của Nhà nước lại càng chứng tỏ rằng người ta rất có thể không cần đến giai cấp tư sản mới đạt được mục đích đó. Hiện nay, hết thảy mọi chức năng xã hội của người tư bản đều là do những nhân viên làm công đảm nhiệm.

Người tư bản hiện không còn có một hoạt động xã hội nào khác ngoài việc bỏ tiền thu nhập vào túi, cắt những phiếu lĩnh tiền, và đầu cơ thời giá ở Sở Giao dịch, nơi mà chúng cướp đoạt tư bản của nhau. Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, lúc đầu đã gạt công nhân ra, giờ đây lại gạt nốt cả những người tư bản; và cũng hệt như đối với công nhân, nếu ngay lúc đầu nó chưa đưa những người tư bản ấy vào đạo quân công nghiệp trừ bị, thì nay nó cũng đưa họ vào sổ nhân khẩu thừa.

Nhưng cả việc chuyển biến thành công ty cổ phần lẫn việc chuyển biến thành sở hữu Nhà nước, cũng đều không

---

có thể tổ chức và sử dụng những con đường sắt đó trong thời chiến được thuận lợi hơn, để biến những nhân viên đường sắt thành một tập đoàn đầu phiếu ủng hộ chính phủ một cách ngoan ngoãn, và nhất là để tự tạo ra cho mình một nguồn thu nhập mới mà không cần dựa vào các quyết nghị của Nghị viện, — thì tất cả các biện pháp đó, trực tiếp hay gián tiếp, tự giác hay không tự giác, cũng đều tuyệt nhiên không phải là những biện pháp xã hội chủ nghĩa. Không thể thì có lẽ Công ty mậu dịch đường biển của nhà vua, xưởng làm đồ sứ của nhà vua, và thậm chí người may quần áo của từng đại đội trong quân đội, và cho đến cả việc quốc hữu hóa các nhà thổ mà một anh chàng thật ranh mãnh dưới triều Phơ-rê-đê-ric Ghi-ôm III, trong những năm 30, đã đề nghị ra một cách hết sức nghiêm chỉnh, — cũng sẽ đều là những cơ quan xã hội chủ nghĩa mất.

xóa bỏ được tính chất tư bản chủ nghĩa của lực lượng sản xuất (1). Đối với các công ty cổ phần, cái đó là dĩ nhiên. Và chính Nhà nước hiện đại cũng chỉ là cái tổ chức xã hội tư sản đã tạo ra cho mình để chống lại những sự xâm phạm của công nhân cũng như của các nhà tư bản riêng lẻ nhằm duy trì lấy các điều kiện chung bên ngoài của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Nhà nước hiện đại, mặc dù dưới hình thức nào đi nữa, về thực chất cũng vẫn là một bộ máy tư bản chủ nghĩa: nó là Nhà nước của bọn tư bản, nó là một tên tư bản tập thể lý tưởng. Nó càng biến được nhiều lực lượng sản xuất thành sở hữu của nó thì nó càng trở thành một nhà tư bản tập thể thật sự và nó lại càng bóc lột được nhiều người công dân hơn. Công nhân vẫn là những người làm thuê, vẫn là những người vô sản. Quan hệ tư bản chủ nghĩa đã không bị thủ tiêu, mà trái lại còn được đẩy tới chỗ tột cùng của nó. Nhưng đạt tới chỗ tột cùng, thì quan hệ tư bản chủ nghĩa ngã đổ nhào. Chế độ sở hữu của Nhà nước về các lực lượng sản xuất không phải là biện pháp giải quyết được sự xung đột, nhưng nó chứa đựng trong bản thân nó cái thủ đoạn giải quyết về mặt hình thức, tức là cách dùng để giải quyết.

Cách giải quyết đó chỉ có thể ở trong sự kiện sau đây mà thôi: tính chất xã hội của các lực lượng sản xuất hiện đại được thật sự thừa nhận; và do đó, phương thức sản xuất, phương thức chiếm hữu, và phương thức trao đổi đều phù hợp với tính chất xã hội của tư liệu sản xuất. Và điều đó chỉ có thể đạt được khi nào xã hội công khai và

(1) Supprime la qualité de capital des forces productives. Trung văn: đô một hữu tiêu diệt sinh sản lực đích tư bản chủ nghĩa tính chất. *(N.D.)*

trực tiếp nắm lấy lực lượng sản xuất đã trở nên quá lớn mạnh đến nỗi ngoài phương thức quản lý của xã hội không còn có phương thức nào khác quản lý nổi được nữa. Cho nên, hiện nay những người sản xuất đang đề cao một cách hoàn toàn tự giác cái tính chất xã hội của các tư liệu sản xuất và của những sản phẩm; tính chất đó, giờ đây, đang chống lại chính ngay những người sản xuất, đang làm cho phương thức sản xuất và phương thức trao đổi bị rung chuyển trong từng định kỳ một, và cũng chỉ bằng bạo lực và phá hoại tính chất ấy mới có tác dụng giống như một quy luật của tự nhiên tác động một cách mù quáng; đến khi đó, thì tính chất xã hội của tư liệu sản xuất và của sản phẩm, từ chỗ trước đây là nguyên nhân của tình trạng rối loạn và sụp đổ trong từng định kỳ một, lúc này lại biến thành một đòn bẩy mạnh mẽ hơn hết của chính ngay sự sản xuất.

Những lực lượng đang tác động về mặt xã hội cũng tác động một cách hoàn toàn giống như những sức mạnh của tự nhiên: nghĩa là chừng nào mà chúng ta chưa hiểu được những lực lượng ấy và không tính đến nó, thì nó là những lực lượng mù quáng, tàn bạo và phá hoại. Nhưng một khi chúng ta đã hiểu rõ được những lực lượng ấy, đã nắm được tác dụng, chiều hướng và ảnh hưởng của nó, thì lúc đó là hoàn toàn tùy ở chúng ta buộc nó ngày càng phải phục tùng ý chí của chúng ta, và lợi dụng nó để đạt mục đích của chúng ta. Và điều đó lại đặc biệt đúng với những lực lượng sản xuất rất to lớn hiện nay. Chừng nào mà chúng ta còn khăng khăng không chịu hiểu bản chất và tính chất của những lực lượng ấy, — và phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và những kẻ bênh vực phương thức đó vẫn thường cự tuyệt chính cái điều cần hiểu biết này, — thì chừng đó, những lực lượng ấy vẫn

còn hoàn toàn tác động bất chấp cả ý muốn của chúng ta, đi ngược lại ý muốn của chúng ta, những lực lượng ấy vẫn chi phối chúng ta, như chúng tôi đã trình bày chi tiết ở trên đây. Nhưng một khi ta đã nắm được bản chất của nó rồi, thì ở trong tay những người sản xuất tập thể, nó có thể biến đổi từ chỗ là những bà chủ quỷ quái mà trở thành những cô đày tớ ngoan ngoãn. Chính đó là chỗ khác nhau giữa sức phá hoại của điện trong tia chớp của cơn giông tố và điện đã chế ngự được của máy điện báo và đèn điện, chỗ khác nhau giữa ngọn lửa của đám cháy và ngọn lửa dùng để phục vụ con người. Sau khi chúng ta cuối cùng đã nhận thấy rõ bản chất của những lực lượng sản xuất hiện nay, và biết sử dụng nó theo cách thức ấy, thì ta sẽ thấy ngay tình trạng vô chính phủ về mặt xã hội của sự sản xuất được thay thế bằng sự điều tiết sản xuất một cách có kế hoạch về mặt xã hội, tùy theo nhu cầu của toàn thể xã hội cũng như của mỗi người; do đó mà phương thức chiếm hữu tư bản chủ nghĩa, — phương thức trong đó sản phẩm lúc đầu đã nô dịch người sản xuất, rồi tiếp đến là nô dịch chính ngay kẻ chiếm hữu, — được thay thế bằng phương thức chiếm hữu sản phẩm căn cứ trên bản chất của chính ngay những tư liệu sản xuất hiện đại: một mặt là sự chiếm hữu trực tiếp của xã hội được coi như là thủ đoạn để duy trì và phát triển sản xuất, mặt khác là sự chiếm hữu trực tiếp của cá nhân được coi như là thủ đoạn để sinh hoạt và hưởng thụ.

Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa càng ngày càng biến đại đa số dân cư thành những người vô sản, do đó đã tạo ra một lực lượng bắt buộc phải hoàn thành cuộc cách mạng ấy, nếu không thì sẽ bị tiêu diệt. Càng ngày càng bị đẩy đến chỗ phải biến những tư liệu sản xuất lớn đã xã hội hóa thành sở hữu của Nhà nước, phương thức

sản xuất tư bản chủ nghĩa tự nó đã vạch ra cho người ta thấy con đường phải đi theo để hoàn thành được cuộc cách mạng ấy. *Giai cấp vô sản chiếm lấy chính quyền Nhà nước và biến những tư liệu sản xuất trước hết thành sở hữu của Nhà nước.* Nhưng do đó, giai cấp vô sản tự mình cũng xóa bỏ cả tính chất vô sản của mình, xóa bỏ hết thảy mọi sự phân biệt giai cấp và mọi sự đối lập giai cấp, và cũng xóa bỏ cả Nhà nước về phương diện là một Nhà nước. Xã hội trước đó, tiến hóa trong những sự đối lập giai cấp, nên đã cần phải có Nhà nước, nghĩa là trong mọi trường hợp, đều đã phải cần đến một tổ chức của giai cấp bóc lột để duy trì những điều kiện bên ngoài của sản xuất của giai cấp này, tức là chủ yếu để duy trì bằng vũ lực giai cấp bị bóc lột trong những điều kiện áp bức đã do phương thức sản xuất đương thời (chế độ nô lệ, chế độ nông nô, chế độ làm thuê) quyết định. Nhà nước là đại biểu chính thức của toàn thể xã hội, là sự tổng hợp của toàn thể xã hội thành một đoàn thể mà ai cũng thấy được; nhưng trạng thái đó chỉ có thể có, chừng nào mà Nhà nước là Nhà nước của cái giai cấp chính ngay lúc đó, đang đại diện cho toàn thể xã hội, như: Nhà nước của những người công dân chủ nô, trong thời cổ đại; Nhà nước của giai cấp quý tộc phong kiến ở thời Trung cổ; Nhà nước của giai cấp tư sản, ở thời đại chúng ta. Cuối cùng khi nó đi đến chỗ thật sự trở thành đại biểu của toàn thể xã hội, thì tự nó làm cho nó trở thành thừa. Khi mà không còn giai cấp xã hội cần phải duy trì trong vòng áp bức nữa, khi mà sự thống trị giai cấp và cuộc đấu tranh để giành quyền sống của cá nhân vì tình trạng sản xuất vô chính phủ trước đó gây ra không còn nữa, và cùng với tình trạng đó, những sự xung đột và những hành động quá khích do đó mà ra, cũng đều đã được gạt bỏ, thì không

còn có gì để phải trấn áp mà cần thiết phải có một chính quyền trấn áp, tức là Nhà nước, nữa. Cái hành động thứ nhất do đấy Nhà nước tỏ ra thật sự là đại biểu của toàn thể xã hội, — nhân danh xã hội để nắm quyền sở hữu các tư liệu sản xuất, — cũng đồng thời là hành động cuối cùng riêng của nó với tư cách là Nhà nước. Lần lượt hết trong lĩnh vực này đến lĩnh vực khác, sự can thiệp của một chính quyền Nhà nước vào những mối quan hệ xã hội đều trở thành thừa, và lúc đó tự nhiên là chính quyền biến dần đi. Việc cai trị người nhường chỗ cho việc quản lý vật và cho việc chỉ đạo quá trình sản xuất. Nhà nước không phải là « bị xóa bỏ », mà *nó tự tiêu vong*. Đó chính là điều giúp chúng ta đánh giá cái câu nói rỗng tuếch về « Nhà nước nhân dân tự do »; câu đó trong khi nó là một thủ đoạn cổ động thì tạm thời nó còn có lý do tồn tại, nhưng nếu đứng về mặt ý niệm khoa học mà xét, thì nó là một câu nói hoàn toàn vô căn cứ. Đó cũng chính là điều giúp chúng ta đánh giá cả cái yêu sách của những kẻ mà người ta gọi là vô chính phủ chủ nghĩa đang đòi hỏi phải thủ tiêu Nhà nước ngay lập tức (1).

Từ khi phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa xuất hiện trên vũ đài lịch sử, việc xã hội nắm lấy quyền sở hữu toàn bộ tư liệu sản xuất đã luôn luôn là một lý tưởng tương lai mà nhiều cá nhân cũng như nhiều môn phái trọn vẹn đã từng phảng phất nhìn thấy ít nhiều lờ mờ ở trước mắt. Nhưng việc chiếm hữu đó chỉ có thể trở thành một khả năng, trở thành một tất yếu lịch sử, một khi mà các điều kiện vật chất để thực hiện việc đó đã có sẵn rồi. Cũng như mọi sự tiến bộ khác của xã hội, việc đó mà có thể thực hiện được, thì không phải là do ở chỗ người ta đã hiểu

(1) Hai câu này chúng tôi dịch theo Nga văn và Trung văn. *(N.D.)*

rằng sự tồn tại của các giai cấp là trái với chính nghĩa, trái với bình đẳng, v.v., không phải là do ở chỗ chỉ đơn thuần có cái ý chí muốn tiêu diệt các giai cấp ấy, mà là do những điều kiện kinh tế mới nhất định đã xuất hiện. Tình trạng xã hội phân chia thành một giai cấp bóc lột và một giai cấp bị bóc lột, thành một giai cấp thống trị và một giai cấp bị áp bức là một hậu quả tất nhiên của tình trạng phát triển thấp kém của nền sản xuất trước kia. Chừng nào tổng số sản phẩm do lao động của xã hội làm ra chỉ mới cung cấp được một số gọi là vượt chút ít cái số thật cần thiết để vừa đủ đảm bảo sự sinh sống của mọi người mà thôi, tức là chừng nào lao động vẫn choán hết hay hầu hết thời giờ của đại đa số thành viên trong xã hội, thì tất nhiên xã hội phải chia thành giai cấp. Bên cạnh đại đa số hoàn toàn phải lao động một cách không tự nguyện ấy, nảy ra một giai cấp thoát ly lao động trực tiếp sản xuất, và tự nhận lấy trách nhiệm quản lý những công việc chung của xã hội, như: việc quản lý lao động, công việc chính trị, pháp luật, khoa học, nghệ thuật, v.v.. Như vậy, chính quy luật phân công là cơ sở của sự phân chia thành giai cấp. Tuy nhiên, không phải vì thế mà sự phân chia thành giai cấp đó lại đã không tiến hành bằng bạo lực và cướp bóc, bằng quỷ kế và gian lận; và cũng không phải vì thế mà giai cấp thống trị, một khi nắm chính quyền, đã lại quên không củng cố sự thống trị của nó bằng cách làm thiệt hại cho giai cấp lao động, và quên không biến sự lãnh đạo xã hội thành sự bóc lột quần chúng.

Nhưng, như thế, nếu sự phân chia thành giai cấp có một lý do lịch sử chính đáng nào đó, thì tuy vậy sự phân chia đó cũng chỉ có lý do chính đáng trong một thời gian nhất định nào thôi, trong những điều kiện xã hội nhất định nào thôi. Sự phân chia thành giai cấp đã dựa trên

tình trạng sản xuất không đầy đủ; cho nên nó sẽ bị sự phát triển đầy đủ của những lực lượng sản xuất hiện đại quét sạch. Mà thật vậy, việc tiêu diệt các giai cấp xã hội đòi hỏi người ta trước đó phải có một trình độ phát triển lịch sử, trong đó không những sự tồn tại của một giai cấp thống trị này, hay một giai cấp thống trị khác đã trở thành một sự lỗi thời, một trạng thái cổ hủ, mà cả sự tồn tại của bất cứ một giai cấp thống trị nào nói chung, tức là cả chính ngay việc phân chia thành giai cấp, cũng đã trở thành một sự lỗi thời, một trạng thái cổ hủ rồi. Như vậy là việc tiêu diệt này đòi hỏi người ta đã phải đạt tới một trình độ phát triển sản xuất cao, trong đó việc một giai cấp xã hội riêng biệt chiếm lấy tư liệu sản xuất và sản phẩm, và do đó, chiếm cả quyền thống trị chính trị, chiếm cả độc quyền văn hóa và sự chỉ đạo tinh thần, không những đã trở thành một cái thừa vô ích, mà về phương diện kinh tế, chính trị và tinh thần, việc đó lại còn là một trở ngại cho sự phát triển nữa. Trình độ ấy ngày nay đã đạt tới rồi. Nếu sự phá sản về chính trị và tinh thần của giai cấp tư sản hiện giờ hầu như đã không còn là một điều bí mật đối với chính ngay giai cấp ấy nữa, thì sự phá sản của nó về kinh tế cứ đều kỳ trong vòng mười năm lại tái diễn ra. Trong mỗi cuộc khủng hoảng, xã hội bị nghẹt thở dưới sức đè nặng của chính những lực lượng sản xuất và chính những sản phẩm của xã hội đó, lúc bấy giờ đã trở thành vô dụng đối với nó rồi; và nó đành chịu bất lực trước cái mâu thuẫn phi lý này: những người sản xuất không có gì để tiêu dùng cả, vì thiếu khách tiêu dùng. Sức bành trướng của tư liệu sản xuất phá tung xiềng xích mà phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã khoác vào nó. Giải phóng tư liệu sản xuất khỏi xiềng xích đó là điều kiện tiên quyết duy nhất để đảm bảo cho lực lượng sản xuất phát triển không ngừng,

tiến triển theo một tốc độ ngày càng nhanh thêm, và do đó làm cho chính ngay sự sản xuất, trên thực tế, ngày càng tăng thêm một cách vô cùng tận. Nhưng không phải chỉ có thế mà thôi. Việc chuyển tư liệu sản xuất thành sở hữu xã hội không những gạt bỏ được sự kìm hãm hiện có mà người ta đang tạo ra trong sản xuất mà còn gạt bỏ được cả sự lãng phí và sự phá hoại trực tiếp (1) các lực lượng sản xuất và các sản phẩm; hiện giờ sự lãng phí và sự phá hoại đó là hai cái nạn kèm theo không thể tránh khỏi được đối với nền sản xuất, và trong các cuộc khủng hoảng thì hai nạn đó lại phát triển tới cực độ. Ngoài ra, việc xã hội hóa đó còn giải phóng một số rất lớn tư liệu sản xuất và sản phẩm cho tập thể, bằng cách gạt bỏ sự lãng phí ngu xuẩn tức là sự xa xỉ của những giai cấp đang thống trị hiện nay và của các đại biểu chính của những giai cấp đó. Nhờ sự sản xuất có tính chất xã hội, khả năng đảm bảo cho tất cả mọi thành viên của xã hội một đời sống không những là hoàn toàn đầy đủ về phương diện vật chất và ngày càng dồi dào thêm lên, mà lại còn đảm bảo cả cho họ được phát triển tự do và đầy đủ và vận dụng được tự do và đầy đủ các năng khiếu về thể lực và trí lực của họ, khả năng ấy hiện nay tuy mới có là lần đầu tiên, nhưng nó có thật*.

(1) Pháp văn: *effectif*; Trung văn: *trực tiếp*. (*N.D.*)

* Mấy con số sau đây sẽ có thể cho ta một ý niệm đại khái về sức bành trướng lớn lao của các tư liệu sản xuất hiện đại, ngay cả dưới áp lực tư bản chủ nghĩa. Theo những con tính gần đây của Gíp-phơn, thì tổng số của cải của nước Anh và Ai-rơ-lan đã đạt tới những con số tính tròn dưới đây:

Năm	1814	— 2.200	triệu đồng li-vơ-rơ	= 44 tỷ mác
—	1865	— 6.100	—	= 122 —
—	1875	— 8.500	—	= 170 —

Một khi xã hội đã nắm quyền sở hữu tư liệu sản xuất, thì nền sản xuất hàng hóa cũng bị tiêu diệt, và do đó tình trạng sản phẩm chi phối người sản xuất cũng bị tiêu diệt. Tình trạng vô chính phủ trong nội bộ nền sản xuất xã hội được thay thế bằng sự tổ chức có kế hoạch và có ý thức. Cuộc đấu tranh để sống còn của cá nhân chấm dứt. Nói theo một ý nghĩa nào đó, thì như thế là lần đầu tiên con người vĩnh viễn thoát khỏi giới động vật, chuyển từ những điều kiện sinh sống của loài vật lên những điều kiện thật sự là của loài người. Hoàn cảnh những điều kiện sinh hoạt xung quanh người ta, từ trước đến nay vẫn chi phối người ta, giờ đây sẽ do người ta chi phối và kiểm soát; lần đầu tiên con người trở thành những người chủ thật sự và có ý thức đối với tự nhiên, bởi vì họ đã làm chủ và với tư cách là những người đã làm chủ cuộc sống của chính mình ở trong xã hội. Những quy luật hành động (1) xã hội của chính họ, từ trước đến giờ, hiện ra trước mắt họ như là những quy luật tự nhiên, xa lạ đối với họ và chi phối họ, thì từ nay sẽ được người ta đem vận dụng với một sự hiểu biết hoàn toàn, và do đó sẽ do người ta chi phối. Cuộc sống của con người ở trong xã hội, từ trước đến nay, đối với người ta, vẫn coi như là do tự nhiên và lịch sử đã ban cho họ, thì bây giờ cuộc sống đó trở thành một hành động riêng và tự do của họ. Những lực lượng khách quan bên ngoài, từ trước đến nay vẫn thống trị lịch

---

Còn về các tư liệu sản xuất và sản phẩm bị phá hủy trong các cuộc khủng hoảng, thì trong Đại hội lần thứ II của các nhà công nghiệp Đức ở Bá-linh, họp ngày 21 tháng hai 1878, đã tính rằng chỉ riêng về ngành công nghiệp luyện kim ở Đức, tổng số thiệt hại trong cuộc khủng hoảng vừa qua cũng đã lên tới 455 triệu mác.

(1). Pháp văn: *pratique*; Trung văn: *hành động*; Anh văn: *activity*. (*N.D.*)

sử, giờ đây sẽ do chính con người kiểm soát. Chỉ có từ lúc đó, loài người mới tự mình sáng tạo ra lịch sử của mình một cách hoàn toàn tự giác; chỉ có từ lúc đó, những nguyên nhân xã hội mà họ đem vận dụng mới đưa lại được những kết quả mà họ đã mong muốn, với một mức độ rất lớn và luôn luôn tăng lên mãi. Đó là bước nhảy vọt của loài người từ vương quốc của tất nhiên sang vương quốc của tự do.

Để kết luận, chúng ta hãy tóm tắt lại quá trình trên đây của sự trình bày của chúng ta.

I. XÃ HỘI THỜI TRUNG CỔ. — Tiểu sản xuất cá thể. Tư liệu sản xuất thích ứng với sự sử dụng cá nhân, vì vậy có tính chất thô thiển, nhỏ nhặt, có tác dụng rất hạn chế. Sản xuất để tiêu dùng ngay, hoặc là của chính ngay người sản xuất, hoặc là của bọn lãnh chúa phong kiến của họ. Chỉ nơi nào ngoài số tiêu dùng đó còn sản xuất thừa ra một số, thì chỗ thừa đó mới đem bán, mới đem ra trao đổi: sản xuất hàng hóa chỉ mới đang ở trong quá trình nảy nở, nhưng nó cũng chứa sẵn mầm mống của *tình trạng vô chính phủ trong nền sản xuất xã hội.*

II. CÁCH MẠNG TƯ BẢN CHỦ NGHĨA. — Sự biến chuyển của công nghiệp, lúc mới đầu bằng cách thông qua sự hợp tác giản đơn và thông qua công trường thủ công. Tập trung những tư liệu sản xuất từ trước đến giờ vẫn rải rác, vào trong các xưởng thợ lớn, do đó, biến những tư liệu sản xuất của cá nhân thành những tư liệu xã hội, — sự chuyển biến này, nói chung và trong toàn bộ không đụng chạm đến hình thức trao đổi. Những hình thức chiếm hữu cũ vẫn còn tác dụng. *Người tư bản* xuất hiện: với tư cách là người sở hữu tư liệu sản xuất, hắn cũng chiếm lấy sản phẩm và đem biến nó thành hàng hóa. Việc sản

xuất đã trở thành một hành vi xã hội; việc trao đổi, và cùng với việc trao đổi là việc chiếm hữu, vẫn còn là những hành vi cá nhân, hành vi của một cá nhân riêng biệt: *sản phẩm xã hội bị anh tư bản riêng biệt chiếm hữu*. Đây là một mâu thuẫn cơ bản, do đó nảy ra tất cả mọi mâu thuẫn mà trong đó xã hội hiện nay đang vận động, và là những mâu thuẫn mà nền đại công nghiệp đang làm cho người ta nhìn thấy rất rõ ràng.

A. Tách người sản xuất khỏi tư liệu sản xuất. Giam hãm công nhân vào chế độ làm thuê suốt đời. *Đối lập giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản.*

B. Những quy luật chi phối sự sản xuất hàng hóa ngày càng biểu hiện rõ rệt hơn, và ngày càng phát huy thêm tác dụng. Cạnh tranh hết sức kịch liệt. *Mâu thuẫn giữa sự tổ chức xã hội trong mỗi công xưởng và tình trạng vô chính phủ xã hội trong toàn bộ nền sản xuất.*

C. Một mặt, cải tiến kỹ thuật máy móc; và vì cạnh tranh mà việc cải tiến đó đã trở thành một quy luật bắt buộc đối với mọi chủ xưởng, và cũng có nghĩa ngày càng loại thêm nhiều công nhân ra: gây thành *một đạo quân công nghiệp trừ bị*. — Mặt khác, mở rộng sản xuất vô hạn độ; đối với mỗi người chủ xưởng, thì đó cũng là một quy luật bắt buộc của sự cạnh tranh. — Về cả hai mặt đó, sự phát triển chưa từng thấy của lực lượng sản xuất, cung nhiều hơn cầu, sản xuất thừa, thị trường ứ đọng, khủng hoảng cứ mười năm lại xảy ra một lần, cái vòng luẩn quẩn: *chỗ này thừa tư liệu sản xuất và sản phẩm, — ở chỗ kia, thừa công nhân* không có việc làm, không có cách gì để sinh sống; nhưng cả hai cái bánh xe răng cưa đó (1) của sự

(1). Trung văn: *cả hai cái đòn bẩy đó (giá lưỡng chủng công can)*; Anh văn: *two levers. (N.D.)*

sản xuất và của phúc lợi xã hội đều không ăn khớp được với nhau, vì rằng hình thức sản xuất tư bản chủ nghĩa ngăn cản không cho lực lượng sản xuất hoạt động, không cho sản phẩm lưu thông, trừ phi những sản phẩm đó trước hết phải biến thành tư bản đã, mà sự chuyển biến này thì lại bị ngăn cản bởi chính ngay cái nạn quá thừa sản phẩm nên không thực hiện được. Mâu thuẫn ấy phát triển tới một mức độ phi lý: *phương thức sản xuất chống lại hình thức trao đổi*. Giai cấp tư sản đã tỏ rõ là không đủ khả năng để tiếp tục lãnh đạo những lực lượng sản xuất xã hội của chính nó.

D. Chính ngay bọn tư bản cũng đã buộc phải thừa nhận một phần nào tính chất xã hội của lực lượng sản xuất. Những bộ máy sản xuất và giao thông lớn trước hết được biến thành sở hữu của các *công ty cổ phần*, rồi của các tơ-rớt, và sau nữa của *Nhà nước*. Giai cấp tư sản lộ rõ ra là một giai cấp thừa, hiện nay, tất cả các chức năng xã hội của nó đều do những viên chức đảm nhiệm.

III. CÁCH MẠNG VÔ SẢN. — Giải quyết các mâu thuẫn như sau: giai cấp vô sản đoạt lấy quyền lực xã hội, và nhờ quyền lực đó mà biến những tư liệu sản xuất xã hội, đã giành được trong tay giai cấp tư sản, thành sở hữu công cộng. Do hành vi đó, giai cấp vô sản giải phóng cho tư liệu sản xuất thoát khỏi tính chất cổ hữu của nó là biến thành tư bản: và làm cho tính chất xã hội của tư liệu sản xuất được hoàn toàn tự do phát huy tác dụng. Một nền sản xuất xã hội theo một kế hoạch đã quyết định trước, từ nay là một điều có thể thực hiện được. Sự phát triển sản xuất làm cho sự tồn tại của các giai cấp xã hội khác nhau sau này trở thành một thứ lỗi thời. Tình trạng vô chính phủ của nền sản xuất xã hội mất dần đi chừng nào,

thì uy quyền chính trị của Nhà nước cũng mất dần theo chừng ấy. Loài người, cuối cùng, một khi đã làm chủ được phương thức sinh hoạt trong xã hội của mình, thì chính cũng do đó mà trở thành những người làm chủ được tự nhiên, làm chủ cả chính mình, tức là trở thành người tự do.

Làm tròn sự nghiệp giải phóng cho thế giới ấy, đó là sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản hiện đại. Nghiên cứu sâu vào những điều kiện lịch sử ấy và do đó nghiên cứu sâu vào chính ngay bản chất của nó, và nhân đấy mà làm cho giai cấp có sứ mệnh phải hoàn thành sự nghiệp ấy, tức là giai cấp ngày nay đang bị áp bức, hiểu rõ được những điều kiện và bản chất của sự nghiệp của chính họ, đó là nhiệm vụ của chủ nghĩa xã hội khoa học, biểu hiện về lý luận của phong trào vô sản.

Ph. Ăng-ghen : *Chống Đuy-rinh*
Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội,
1960, tr. 446 - 480.

V.I. LÊ-NIN

Trích:

BÀN VỀ CÁI GỌI LÀ VẤN ĐỀ THỊ TRƯỜNG[1]

... Mác đặt cho mình nhiệm vụ nghiên cứu xem nền sản xuất xã hội làm thế nào để bù vào bộ phận sản phẩm dùng để thỏa mãn những nhu cầu cá nhân của công nhân và nhà tư bản, và để bù vào bộ phận sản phẩm cấu thành các yếu tố của tư bản sản xuất. Cho nên, nếu trước kia trong quyển I, khi nghiên cứu sản xuất và tái sản xuất của tư bản *cá biệt*, người ta có thể chỉ phân tích các bộ phận cấu thành tư bản và cấu thành sản phẩm, căn cứ vào giá trị của các bộ phận đó (như trong quyển I, *Tư bản*, đã vạch rõ: giá trị của sản phẩm gồm có *c* (tư bản bất biến) + *v* (tư bản khả biến) + *pl* (giá trị thặng dư)), — thì ở đây cần phải phân tích sản phẩm căn cứ vào cơ cấu vật chất của nó, vì bộ phận sản phẩm gồm các yếu tố của tư

(1). «Bàn về cái gọi là vấn đề thị trường» là tác phẩm của V.I. Lê-nin được viết ở Pê-téc-bua, vào mùa thu 1893. Trong tác phẩm này Lê-nin đã phân tích tỷ mỷ mối liên hệ ràng buộc giữa hai khu vực sản xuất xã hội: sản xuất tư liệu sản xuất để chế tạo tư liệu sản xuất, sản xuất tư liệu sản xuất để chế tạo tư liệu tiêu dùng và sản xuất tư liệu tiêu dùng. *(B.T.)*

bản không thể đem dùng vào việc tiêu dùng cá nhân được, và ngược lại cũng thế. Vì vậy, Mác chia toàn bộ sản xuất xã hội — và do đó cũng chia tổng sản phẩm xã hội — ra thành 2 khu vực: I. sản xuất tư liệu sản xuất, tức là sản xuất các yếu tố của tư bản sản xuất, nghĩa là những hàng hóa chỉ để dùng vào sản xuất, và II. sản xuất tư liệu tiêu dùng, tức là những hàng hóa để tiêu dùng cá nhân cho giai cấp công nhân và giai cấp tư bản.

Ta hãy lấy công thức sau đây làm cơ sở nghiên cứu (những chữ số Å-rập chỉ đơn vị giá trị — ví dụ: triệu rúp — còn những chữ số La-mã thì chỉ khu vực sản xuất xã hội đã nói trên kia. Giả định rằng tỷ suất giá trị thặng dư là 100%):

I 4000 c + 1000 v + 1000 pl = 6000 (Tư bản = 7500 (
II 2000 c + 500 v + 500 pl = 3000 (Sản phẩm = 9000 (

Trước hết, chúng ta giả dụ rằng chúng ta nghiên cứu tái sản xuất giản đơn, tức là giả dụ rằng sản xuất không mở rộng, và luôn luôn ở quy mô cũ; như thế có nghĩa là: toàn bộ giá trị thặng dư, các nhà tư bản đem tiêu dùng một cách không sản xuất, chi tiêu cho nhu cầu cá nhân của họ, chứ không nhằm mục đích tích lũy. Giả định như vậy thì rõ ràng rằng: một là, II 500 v và II 500 pl tất là đều do nhà tư bản và công nhân cùng ở khu vực II đó tiêu dùng hết, vì sản phẩm đó tồn tại dưới hình thức tư liệu tiêu dùng nhằm thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Hai là I 4000 c — dưới hình thức hiện vật của nó — tất là do nhà tư bản cũng ở khu vực I đó dùng hết, vì muốn làm cho khối lượng sản xuất, không thay đổi, thì vẫn phải giữ lại nguyên số tư bản đó cho năm sau để sản xuất tư liệu sản xuất: cho nên, việc bù lại bộ phận tư bản đó cũng không có gì khó khăn cả, vì bộ phận tương đương của sản phẩm, tồn tại

dưới hình thức hiện vật: than đá, sắt, máy móc, v.v. sẽ được đem ra trao đổi giữa những nhà tư bản sản xuất tư liệu sản xuất, và lại trở thành tư bản bất biến của họ như cũ. Như vậy là còn lại: I (v + pl) và II c. I 1000 v + 1000 pl là sản phẩm tồn tại dưới hình thức tư liệu sản xuất, và II 2000 c là sản phẩm tồn tại dưới hình thức tư liệu tiêu dùng. Công nhân và các nhà tư bản của khu vực I (trong khuôn khổ tái sản xuất giản đơn, tức là tiêu dùng hết toàn bộ giá trị thặng dư) phải tiêu dùng một số tư liệu tiêu dùng trị giá 2000 [1000(v) + 1000(pl).]. Để có thể tiếp tục sản xuất với quy mô như cũ, các nhà tư bản ở khu vực II cần phải có tư liệu sản xuất là 2000 để bù lại số tư bản bất biến của mình (2000 II c). Do đó thấy rằng: I v + I pl phải đem trao đổi lấy II c, nếu không thì không thể sản xuất với quy mô như cũ được. Điều kiện để tái sản xuất giản đơn là tổng số tư bản khả biến và giá trị thặng dư của khu vực I phải bằng tư bản bất biến của khu vực II: I (v + pl) = II c. Nói một cách khác, có thể nêu quy luật đó lên như sau: tổng số của *toàn bộ* giá trị (của cả hai khu vực) *mới* sản xuất ra trong một năm, phải bằng tổng số giá trị của sản phẩm tồn tại dưới hình thức tư liệu tiêu dùng: I (v + pl) + II (v + pl) = II (c + v + pl).

Cố nhiên là trong thực tế thì không thể có tái sản xuất giản đơn, vì nền sản xuất của toàn thể xã hội không thể năm nào cũng vẫn giữ nguyên mức cũ, và còn vì tích lũy là một quy luật của chế độ tư bản. Vậy, chúng ta hãy xét xem nền sản xuất xã hội với một quy mô không ngừng mở rộng, — nói cách khác, sự tích lũy, — đã tiến hành như thế nào. Khi tích lũy, các nhà tư bản chỉ tiêu dùng cho nhu cầu cá nhân của họ một phần giá trị thặng dư thôi: còn phần kia thì tiêu dùng cho sản xuất, tức là phần

đó được biến thành các yếu tố của tư bản sản xuất để mở rộng sản xuất. Cho nên, khi có tích lũy thì I (v — pl) và II c không thể bằng nhau được, mà I (v + pl) phải lớn hơn II c, để cho một phần giá trị thặng dư trong khu vực I (I pl) không phải đem trao đổi lấy tư liệu tiêu dùng, mà là để mở rộng sản xuất. Như vậy chúng ta sẽ có:

A. Công thức của tái sản xuất giản đơn:

$$\text{I } 4000\,c + 1000\,v + 1000\,pl = 6000$$
$$\text{II } 2000\,c + 500\,v + 500\,pl = 3000$$
$$\text{I } (v + pl) = \text{II } c$$

B. Công thức bước đầu của tích lũy:

$$\text{I } 4000\,c + 1000\,v + 1000\,pl = 6000$$
$$\text{II } 1500\,c + 750\,v + 750\,pl = 3000$$
$$\text{I } (v + pl) > \text{II } c$$

Bây giờ chúng ta hãy xem khi tích lũy, nền sản xuất xã hội phải tiến hành như thế nào.

Năm thứ nhất:

$$\left.\begin{array}{l}\text{I } 4000 + 1000\,v + 1000\,pl = 6000 \\ \text{II } 1500 + 750\,v + 750\,pl = 3000\end{array}\right\} \begin{array}{l}\text{Tư bản} = 7250; \\ \text{Sản phẩm} = 9000\end{array}$$

I (1000 v + 500 pl) được trao đổi lấy II 1500 c (hệt như trong tái sản xuất giản đơn).

I 500 pl tích lũy lại, tức là dùng để mở rộng sản xuất, biến thành *tư bản*. Nếu phân chia ra tư bản bất biến và khả biến như trên, thì chúng ta sẽ có:

$$\text{I } 500\,pl = 400\,c + 100\,v$$

Tư bản bất biến phụ thêm (400 c) nằm ngay trong sản phẩm của khu vực I (dưới hình thức hiện vật của nó là tư liệu sản xuất); còn tư bản khả biến phụ thêm (100 v)

là do các nhà tư bản ở khu vực II cung cấp, do đó các nhà tư bản ở khu vực II cũng phải tích lũy: họ sẽ đổi một bộ phận giá trị thặng dư của họ (II 100 pl) để lấy tư liệu sản xuất (I 100 v) và sẽ biến những tư liệu sản xuất đó thành tư bản bất biến phụ thêm. Do đó, tư bản bất biến của họ từ 1500 c tăng lên đến 1600 c; muốn sử dụng tư bản bất biến đó, cần phải có thêm sức lao động là *50 v*, mà 50 v này cũng sẽ lấy trong giá trị thặng dư của nhà tư bản ở khu vực II.

Đem tư bản phụ thêm của khu vực I và khu vực II cộng với số tư bản đầu tiên, thì sản phẩm sẽ phân chia như sau:

$$\text{I } 4400\,c + 1100\,v + (500\,pl) = 6000$$
$$\text{II } 1600\,c + 800\,v + (600\,pl) = 3000$$

Số giá trị thặng dư đặt trong vòng đơn là chỉ quỹ tiêu dùng của nhà tư bản, tức là phần giá trị thặng dư không dùng để tích lũy, mà để thỏa mãn nhu cầu cá nhân của nhà tư bản.

Nếu sản xuất cứ tiến hành như trên, thì cuối năm kết quả sẽ là:

$$\left.\begin{array}{l}\text{I } 4400\,c + 1100\,v + 1100\,pl = 6600 \\ \text{II } 1600\,c + 800\,v + 800\,pl = 3200\end{array}\right\} \begin{array}{l}\text{Tư bản} = 7900 \\ \text{Sản phẩm} = 9800\end{array}$$

I (1100 v + 550 pl) trao đổi với II 1650 c, trong đó 50 c phụ thêm lấy trong 800 II pl [đồng thời vì c tăng thêm 50, nên cũng làm cho *v* phải tăng thêm 25].

Sau đó, 550 I pl lại tích lũy như trên:

$$550 \text{ I } pl = 440\,c + 110\,v$$

$$165 \text{ II } pl = 110\,c + 55\,v$$

Bây giờ đem tư bản phụ thêm cộng vào tư bản đầu tiên (cộng 440 c vào I 4400 c; cộng 110 v vào I 1100 v. Cộng 50 c và 110 c vào II 1600 c; cộng 25 v và 55 v vào II 800 v) thì kết quả sẽ là:

I 4840 c + 1210 v + (550 pl) = 6600
II 1760 c + 880 v + (560 pl) = 3200

Sản xuất cứ tiếp tục tiến hành như thế, thì kết quả sẽ là:

I 4840 c + 1210 v + 1210 pl = 7260	Tư bản	= 8690
II 1760 c + 880 v + 880 pl = 3520	Sản phẩm	= 10780

và cứ thế tiếp tục.

Đó là, nói một cách khái quát, những kết quả nghiên cứu của Mác về vấn đề tái sản xuất của toàn bộ tư bản xã hội. Cần phải nói thêm rằng: ở đây những sự nghiên cứu đó được trình bày dưới một hình thức hết sức cô đặc; tôi đã bỏ đi rất nhiều điểm mà Mác đã phân tích tỉ mỉ, như: lưu thông tiền tệ, việc bù lại sự hao mòn dần dần của tư bản cố định, v.v., vì tất cả những điều đó không có quan hệ trực tiếp với vấn đề đang nghiên cứu.

III

Từ sự nghiên cứu đó của Mác, báo cáo viên đã rút ra những kết luận gì? Rất tiếc là ông ta không trình bày thật rõ và thật tường tận những kết luận của mình, vì vậy chúng tôi buộc phải tự mình rút ra những kết luận bằng cách căn cứ vào một số nhận xét không hoàn toàn ăn khớp với nhau. Ví dụ như đoạn sau đây:

Báo cáo viên nói: « Ở đây, chúng ta thấy trong khu vực I, tức là trong khu vực sản xuất tư liệu sản xuất để chế tạo

tư liệu sản xuất, việc tích lũy đã tiến hành như thế nào: ... sự tích lũy đó tiến hành một cách độc lập, không phụ thuộc vào sự vận động của việc sản xuất vật phẩm tiêu dùng cũng như không phụ thuộc vào chính việc tiêu dùng cá nhân của bất cứ một người nào» (trang 15, đoạn 3).

Cố nhiên, không thể nói tích lũy «không phụ thuộc» vào sản xuất vật phẩm tiêu dùng, chính ngay vì lẽ mà muốn mở rộng sản xuất thì cần phải có tư bản khả biến mới, và do đó cần phải có vật phẩm tiêu dùng; có lẽ tác giả viết như thế chỉ là để nhấn mạnh cái điểm đặc biệt sau đây của công thức, tức là: khi tiến hành tái sản xuất I c (tư bản bất biến của khu vực I) thì không cần phải trao đổi với khu vực II, tức là trong xã hội, hàng năm có một số than nào đó chẳng hạn được sản xuất ra chính lại là để khai thác than. Không cần phải nói cũng biết rằng việc sản xuất đó (sản xuất than để khai thác than) sẽ thông qua nhiều cuộc trao đổi, mà sau đó phát sinh quan hệ với việc sản xuất vật phẩm tiêu dùng; nếu không, các ông chủ mỏ than và công nhân của họ không thể sống được.

Ở một đoạn khác, báo cáo viên diễn tả bằng những lời cũng đã kém quả quyết hơn nhiều; ông ta nói: «Sự vận động *chủ yếu* của tích lũy tư bản chủ nghĩa đã tiến hành và đang tiến hành (trừ những thời kỳ đầu tiên) không phụ thuộc vào bất cứ những nhà sản xuất trực tiếp nào, không phụ thuộc vào sự tiêu dùng cá nhân của bất cứ một tầng lớp dân cư nào» (tr. 8). Ở đoạn này, tác giả chỉ vạch ra ưu thế của sản xuất tư liệu sản xuất so với sản xuất vật phẩm tiêu dùng trong quá trình phát triển lịch sử của chủ nghĩa tư bản. Lời nói đó còn được nhắc lại một lần nữa: «Nếu nét điển hình của xã hội tư bản chủ nghĩa, một mặt là tích lũy để tích lũy, là tiêu dùng để sản xuất chứ không

phải tiêu dùng cho cá nhân, thì mặt khác, xã hội đó cũng còn có nét *điển hình* là sản xuất những tư liệu sản xuất để chế tạo những tư liệu sản xuất » (tr. 21, đoạn 2). Nếu tác giả nói như thế để chỉ rằng: xã hội tư bản chủ nghĩa khác với các chế độ kinh tế đã có trước nó ở chỗ là phát triển máy móc và phát triển sản xuất các nguyên liệu cần thiết cho những máy móc ấy (than, sắt, v.v.) thì như thế là hoàn toàn đúng. Do trình độ kỹ thuật, xã hội tư bản chủ nghĩa cao hơn tất cả các xã hội khác; thế mà sự tiến bộ kỹ thuật lại chính là ở chỗ lao động của con người ngày càng bị đẩy lùi xuống hàng thứ hai, nhường chỗ cho lao động của máy móc.

Vì vậy, không cần phải phê phán những ý kiến chưa được thật rõ ràng của báo cáo viên, mà tốt hơn là nên căn cứ trực tiếp vào Mác, để xem có thể xuất phát từ lý luận của Mác mà kết luận rằng khu vực I chiếm « ưu thế » so với khu vực II không, và để xem nên hiểu ưu thế đó là thế nào.

Từ công thức của Mác trình bày ở trên, hoàn toàn không rút ra một kết luận nào về ưu thế của khu vực I so với khu vực II; vì theo công thức đó, cả hai khu vực đều phát triển song song. Nhưng công thức đó lại không chú ý đến chính ngay sự tiến bộ về kỹ thuật. Như Mác đã chứng minh trong quyển I của bộ *Tư bản*, sự tiến bộ kỹ thuật biểu hiện ở chỗ là tỷ số giữa tư bản khả biến với tư bản bất biến $\left(\frac{v}{c}\right)$ cứ giảm xuống dần, thế mà trong công thức thì tỷ số ấy lại được giả định là không thay đổi.

Do đó thấy ngay rằng nếu đưa sự thay đổi tỷ số đó vào trong công thức, thì ta sẽ thấy rằng tư liệu sản xuất tăng lên nhanh hơn là vật phẩm tiêu dùng. Tuy nhiên, tôi thấy

rằng làm lại bài toán đó có lẽ cũng không thừa, vì làm như thế, một là để minh họa thêm; hai là để ngăn ngừa những kết luận không đúng đắn mà người ta có thể rút ra từ tiền đề đó.

[Trong biểu ghi dưới đây, tỷ suất tích lũy được giả định là không thay đổi: một nửa giá trị thặng dư dùng để tích lũy, còn một nửa kia thì dành vào việc tiêu dùng cá nhân].

[Có thể không xem công thức dưới đây mà xem ngay những kết luận rút ra từ công thức đó ở trang tiếp sau. Chữ *a* chỉ tư bản phụ thêm dùng để mở rộng sản xuất, tức là phần giá trị thặng dư dùng để tích lũy lại].

Năm thứ nhất:

I 4000 c + 1000 v + 1000 pl = 6000... v : (c + v) = 20,0%

II 1500 c + 750 v + 750 pl = 3000... v : (c + v) = 33,3%

I (1000 v + 500 pl) = II 1500 c

a. I 500 pl = 450 c + 50 v... v : (c + v) = $\frac{1}{10}$

a. II 60 pl = 50 c + 10 v... v : (c + v) = $\frac{1}{6}$

I 4450 c + 1050 v + (500 pl) = 6000

II 1550 c + 760 v + (690 pl) = 3000

Năm thứ hai:

I 4450 c + 1050 v + 1050 pl = 6550... v : (c + v) = 19,2%

II 1550 c + 760 v + 760 pl = 3070... v : (c + v) = 32,9%

I (1050 v + 525 pl) = II 1575 c

II (1550 + 25 pl)

a. II 28 pl = 25 c + 3 v... v : (c + v) = độ $\frac{1}{9}$

a. I 525 pl = 500 c + 25 v... v : (c + v) = độ $\frac{1}{21}$

↓

a. II 28 pl = 25 c + 3 v... v : (c + v) = độ $\frac{1}{9}$

I 4950 c + 1075 v + (525 pl) = 6550

II 1602 c + 766 v + (702 pl) = 3070

Năm thứ ba:

I 4950 c + 1075 v + 1075 pl = 7100... v : (c + v) = 17,8%

II 1602 c + 766 v + 766 pl = 3134... v : (c + v) = 32,3%

I (1075 v + 537 $\frac{1}{2}$ pl) = II 1612 $\frac{1}{2}$ c

II (1602 c + 10 $\frac{1}{2}$ pl)

↓

a. II 11 $\frac{1}{2}$ pl = 10 $\frac{1}{2}$ c + 1 v... v : (c + v) = độ $\frac{1}{12}$

a. I 537 $\frac{1}{2}$ pl = 517 $\frac{1}{2}$ c + 20 v... v : (c + v) = độ $\frac{1}{26}$

↓

a. II 22 pl = 20 c + 2 v... v : (c + v) = độ $\frac{1}{11}$

I 5467 $\frac{1}{2}$ c + 1095 v + (537 $\frac{1}{2}$ pl) = 7100

II 1634 $\frac{1}{2}$ c + 769 v + (730 $\frac{1}{2}$ pl) = 3134

Năm thứ tư:

I 5467 $\frac{1}{2}$ c + 1095 v + 1095 pl = 7657 $\frac{1}{2}$ ... v : (c + v) = 16,7%

II 1634 $\frac{1}{2}$ c + 769 v + 769 pl = 3172 $\frac{1}{2}$ ... v : (c + v) = 32,0%

và cứ thế mà tiếp tục.

Bây giờ chúng ta so sánh những kết luận rút ra từ công thức đó về tình hình tăng thêm của các bộ phận của sản phẩm xã hội:

	Tư liệu sản xuất để chế tạo tư liệu		Tư liệu sản xuất để chế tạo tư liệu		Tư liệu tiêu dùng		Tổng sản phẩm xã hội	
	Sản xuất	Tính theo %	Tiêu dùng	Tính theo %		Tính theo %		Tính theo %
Năm thứ 1	4000	100	2000	100	3000	100	9000	100
Năm thứ 2	4450	111,25	2100	105	3070	102	9620	107
Năm thứ 3	4950	123,75	2150	107,5	3134	104	10234	114
Năm thứ 4	5467,5	136,70	2190	109,5	3172	106	10828,5	120

Như vậy là: sản xuất tư liệu sản xuất để chế tạo tư liệu sản xuất phát triển nhanh nhất, sau đến sản xuất tư liệu sản xuất để chế tạo tư liệu tiêu dùng; và cuối cùng chậm nhất là sự phát triển của sản xuất tư liệu tiêu dùng. Dù không có sự nghiên cứu của Mác trong quyển II của bộ *Tư bản,* mà chỉ căn cứ vào quy luật tư bản bất biến có khuynh hướng tăng nhanh hơn tư bản khả biến, thì cũng có thể rút ra được kết luận nói trên: và cái luận điểm nói rằng tư liệu sản xuất tăng lên nhanh hơn chẳng qua chỉ là một lối trình bày quy luật đó vận dụng vào trong toàn bộ sản xuất xã hội mà thôi.

Nhưng có lẽ cần phải tiến thêm một bước nữa chăng? Nếu chúng ta thừa nhận rằng tỷ số giữa *v* với *c* + *v* cứ giảm dần mãi xuống, thì cớ sao lại không thể thừa nhận rằng *v* sẽ bằng số không, rằng một số lượng công nhân như cũ vẫn đủ để sử dụng một số lượng tư liệu sản xuất nhiều hơn? Như vậy, phần giá trị thặng dư được tích

lũy lại sẽ trực tiếp cộng vào tư bản bất biến trong khu vực I, còn sự tăng thêm của sản xuất xã hội thì chỉ hoàn toàn dựa vào sự tăng thêm của tư liệu sản xuất để chế tạo tư liệu sản xuất, vì khu vực II* vẫn hoàn toàn đứng nguyên ở mức cũ**.

Cố nhiên, như thế là đã quá lạm dụng các công thức rồi, vì kết luận như vậy là sai lầm, bởi vì nó dựa vào những giả thuyết không hợp với sự thật. Làm sao lại có thể nghĩ rằng: sự tiến bộ kỹ thuật làm giảm bớt tỷ số giữa *v* với *c*, lại chỉ biểu hiện trong khu vực I, đồng thời vẫn để cho khu vực II hoàn toàn đứng nguyên ở mức cũ? Trong khu vực II, tuyệt đối không có một sự tích lũy nào cả, liệu như thế có phù hợp với quy luật của xã hội tư bản chủ nghĩa không, vì xã hội này *đòi hỏi* mỗi nhà tư bản phải mở rộng xí nghiệp của mình, bằng không thì bị diệt vong?

Tóm lại, từ sự phân tích của Mác trình bày ở trên, thì chỉ có thể rút ra một kết luận duy nhất đúng là: *trong xã*

---

* Tôi không có ý nói rằng hiện tượng đó là tuyệt đối không thể có, rằng hiện tượng đó lại không thể xảy ra như một trường hợp cá biệt. Nhưng ở đây không phải là nói về những trường hợp cá biệt đó, mà là nói về quy luật phổ biến về sự phát triển của xã hội tư bản.

** Để nói rõ nội dung hơn, tôi sẽ nêu vấn đề đó trong một biểu đồ sau đây:

I 4000 c + 1000 v + 1000 pl = 6000
II 1500 c + 750 v + 750 pl = 3000
I (1000 v + 500 pl) = II 1500 c
I 500 pl tích lũy lại và cộng vào I 4000 c:
I 4500 c + 1000 v + (500 pl) = 6000
II 1500 c + 750 v + 750 pl = 3000
I 4500 c + 1000 v + 1000 pl = 6500
II 1500 c + 750 v + 750 pl = 3000
I (1000 v + 500 pl) = II 1500 c
I 500 pl lại được tích lũy giống như trên, v.v..

hội tư bản chủ nghĩa, sản xuất tư liệu sản xuất nhanh hơn sản xuất tư liệu tiêu dùng. Như tôi đã nói ở trên, kết luận đó là kết quả trực tiếp của cái nguyên lý mà ai cũng biết là: sản xuất tư bản chủ nghĩa tạo ra một nền kỹ thuật phát triển hết sức cao hơn nền kỹ thuật của các thời đại trước*. Về vấn đề đó, thì Mác chỉ phát biểu ý kiến thật là rõ ràng ở một đoạn, đoạn đó hoàn toàn xác minh công thức nói trên là có căn cứ:

« Về mặt đó thì sự khác nhau giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và người dã man không phải, — như Xê-ni-o nghĩ — ở chỗ là người dã man có đặc quyền và đặc điểm là tiêu phí lao động của mình trong một thời gian nào đó, mà lao động này lại không mang lại thu nhập gì cho mình cả, tức là không mang lại sản phẩm nào có thể biến thành tư liệu tiêu dùng. Sự khác nhau giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và người dã man là ở chỗ:

Xã hội tư bản chủ nghĩa dùng một phần lớn hơn [*Notabene* (1)] của lao động hàng năm của nó để sản xuất ra tư liệu sản xuất (tức là tư bản bất biến), là những thứ không thể trở thành thu nhập dưới hình thức tiền công cũng như dưới hình thức giá trị thặng dư được, mà chỉ có thể giữ chức năng là tư bản thôi ». (*Das Kapital, II Bd., Seite 436*).

V. I. Lê-nin, *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1961, t. 1, tr. 106 - 117.

---

* Cho nên, có thể trình bày kết luận nói trên theo một cách hơi khác: trong xã hội tư bản chủ nghĩa, việc mở rộng sản xuất (do đó, cũng mở rộng « thị trường »), có thể thực hiện hoặc giả bằng cách tăng thêm các vật phẩm tiêu dùng, hoặc giả — và nhất là — bằng cách nhờ vào tiến bộ kỹ thuật; nghĩa là nhờ vào tình trạng máy móc chèn lấn lao động chân tay, vì sự biến đổi của tỷ số giữa *v* với *c* chính là biểu hiện sự giảm sút của vai trò của lao động chân tay.

(1) Chữ la-tinh trong nguyên bản, có nghĩa là: *chú ý chỗ này*. (*N.D.*)

Trích :

NHỮNG SAI LẦM VỀ LÝ LUẬN CỦA CÁC NHÀ KINH TẾ HỌC DÂN TÚY[1]

Thị trường là một phạm trù của kinh tế hàng hóa; trong quá trình phát triển, nền kinh tế hàng hóa chuyển biến thành kinh tế tư bản chủ nghĩa và chỉ đến giai đoạn tư bản chủ nghĩa này, kinh tế hàng hóa mới đóng vai trò thống trị tuyệt đối và mới mở rộng ra một cách phổ biến. Vì vậy, để phân tích những nguyên lý lý luận cơ bản về thị trường trong nước, chúng ta cần lấy kinh tế hàng hóa giản đơn làm điểm xuất phát và theo dõi sự chuyển biến dần dần của nó thành kinh tế tư bản chủ nghĩa.

I. SỰ PHÂN CÔNG XÃ HỘI

Sự phân công xã hội là cơ sở của kinh tế hàng hóa. Công nghiệp chế biến tách khỏi công nghiệp khai thác, mỗi công

(1) Đoạn này trích từ tác phẩm « Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga », xuất bản vào tháng Ba năm 1899. Lê-nin chỉ rõ sự phân công xã hội là cơ sở của toàn bộ quá trình phát triển của kinh tế hàng hóa và của chủ nghĩa tư bản. Đồng thời Lê-nin còn chứng minh khu vực sản xuất chế tạo tư liệu sản xuất phát triển nhanh hơn khu vực chế tạo hàng tiêu dùng. (*B.T.*)

nghiệp đó lại chia ra thành nhiều loại nhỏ và nhiều phân loại nhỏ chế tạo sản phẩm này hay sản phẩm nọ dưới hình thức hàng hóa và đem trao đổi với tất cả các ngành chế tạo khác. Như vậy, kinh tế hàng hóa phát triển thì đi đến chỗ làm tăng thêm số lượng các công nghiệp riêng biệt và độc lập; xu hướng của sự phát triển này nhằm biến việc chế tạo không những từng sản phẩm riêng, mà cả việc chế tạo từng bộ phận của sản phẩm thành một ngành công nghiệp riêng biệt; và không những việc chế tạo sản phẩm mà thậm chí cả từng công việc trong việc chế biến sản phẩm thành sản phẩm tiêu dùng cũng được biến thành một ngành công nghiệp riêng biệt. Dưới chế độ kinh tế tự nhiên, xã hội là do nhiều đơn vị kinh tế thuần nhất (các gia đình nông dân gia trưởng, các công xã nông thôn nguyên thủy, các lãnh địa phong kiến) họp thành, và mỗi đơn vị ấy làm đủ mọi công việc, kể từ việc sản xuất các loại nguyên liệu cho đến việc chế biến xong các nguyên liệu đó thành những sản phẩm tiêu dùng. Dưới chế độ kinh tế hàng hóa, những đơn vị kinh tế không thuần nhất được hình thành, số lượng những ngành kinh tế riêng biệt tăng lên, số lượng những đơn vị thực hiện một chức năng kinh tế giống nhau giảm xuống. Chính sự phát triển ngày càng cao đó của phân công xã hội là nhân tố chủ yếu trong quá trình hình thành thị trường trong nước của chủ nghĩa tư bản. Mác nói: « ... Trong nền sản xuất hàng hóa và trong hình thái tuyệt đối của nó, tức nền sản xuất tư bản chủ nghĩa,... những sản phẩm đó đều là hàng hóa, là giá trị sử dụng. Những sản phẩm đó chỉ có giá trị trao đổi có thể thực hiện được thành tiền là khi nào có những hàng hóa khác, những sản phẩm khác được dùng làm vật ngang giá cho nó, làm giá trị tương đương cho nó; tức là trong chừng mực mà những sản phẩm đó được sản xuất ra không phải là để

làm tư liệu sinh hoạt trực tiếp cho bản thân người sản xuất, mà làm hàng hóa, tức là những loại sản phẩm chỉ biến đổi thành giá trị sử dụng là do được đem bán đi, được chuyển thành giá trị trao đổi (tiền). *Thị trường của những hàng hóa đó mở rộng ra là do phân công xã hội*; sự phân chia công việc sản xuất ra đã biến những sản phẩm riêng của những lao động sản xuất đó thành hàng hóa, thành những vật ngang giá với nhau *bằng cách làm cho những sản phẩm này thành thị trường của những sản phẩm khác* ». (Das Kapital III, 2, 177-178 (1). Bản dịch ra Nga văn tr. 526. Ở đây cũng như trong tất cả các dẫn chứng khác, những chữ ngả đều do chúng tôi viết, trừ khi có chú dẫn khác).

Tất nhiên, sự tách rời kể trên giữa công nghiệp chế biến với công nghiệp khai thác, giữa công trường thủ công với nông nghiệp, đã biến bản thân nông nghiệp thành công nghiệp, nghĩa là thành một ngành của kinh tế sản xuất *hàng hóa*. Quá trình chuyên môn hóa làm cho các hình thức của sự chế biến sản phẩm tách rời nhau và không ngừng tạo thêm nhiều ngành công nghiệp, — quá trình đó cũng biểu hiện rõ trong nông nghiệp, làm nảy sinh những khu vực nông nghiệp chuyên môn hóa (và những hệ thống kinh tế nông nghiệp*), và gây ra những sự trao đổi không

(1) Xem C. Mác: *Tư bản*. Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, q. III, t. III, tr. 37-38. (*B.T.*)

* Chẳng hạn như I. Stê-bút trong quyển *Những cơ sở của sự trồng trọt ở đồng ruộng*, đã chia các hệ thống kinh tế nông nghiệp theo sản phẩm thị trường chủ yếu của những hệ thống đó. — Có ba hệ thống chính: 1. hệ thống trồng trọt ở đồng ruộng (trồng trọt ngũ cốc, theo cách nói của ông Scơ-voóc-txốp, 2. hệ thống chăn nuôi (sản phẩm thị trường chủ yếu là sản phẩm của chăn nuôi) và 3. hệ thống chế biến

những giữa sản phẩm nông nghiệp với sản phẩm công nghiệp, mà cả giữa các sản phẩm nông nghiệp khác nhau nữa. Việc chuyên môn hóa này của nông nghiệp *hàng hóa* (và tư bản chủ nghĩa) biểu hiện ra trong tất cả các nước tư bản, biểu hiện ra trong sự phân công quốc tế, biểu hiện ra cả ở nước Nga sau khi xóa bỏ chế độ nông nô, như chúng tôi sẽ trình bày tỉ mỉ dưới đây.

Như vậy, sự phân công xã hội là cơ sở của toàn bộ quá trình phát triển của kinh tế hàng hóa và của chủ nghĩa tư bản. Vì vậy rất đương nhiên là các nhà lý luận dân túy của chúng ta đã ra sức xóa mờ sự kiện phân công xã hội ở Nga hoặc làm giảm tầm quan trọng của nó đi, vì họ cho quá trình đó chỉ là kết quả của những thủ đoạn nhân tạo, kết quả của «bước đi chệch ra ngoài con đường thẳng» và vân vân. Trong bài «Sự phân công trong nông nghiệp và công nghiệp ở Nga». *(Truyền tin châu Âu*, 1884, số 7) ông V.V. đã phủ nhận «sự thống trị của nguyên lý phân công xã hội ở Nga» (tr. 347) và tuyên bố rằng ở nước ta sự phân công xã hội «không phải từ trong lòng nhân dân mà ra, mà là từ ngoài tìm cách lọt vào trong nhân dân» (tr. 338). Trong quyển *Khái luận* của ông N-ôn, khi nói về sự tăng thêm của số lượng lúa mì đem bán ra, ông đã suy luận như sau: «Việc này có thể có nghĩa là lúa mì sản xuất ra đã được phân phối bình quân hơn ở trong nước; có nghĩa là ngày nay người đánh cá ở Ác-khan-ghen-xcơ ăn lúa mì Xa-ma-ra, còn người nông dân ở

ở công xưởng (hệ thống kỹ thuật, theo cách nói của ông Scơ-voóc-xtốp); vật phẩm chủ yếu đem ra bán ở thị trường gồm có những sản phẩm nông nghiệp đã qua sự chế biến về mặt kỹ thuật. Xem A. Scơ-voóc-txốp : *Ảnh hưởng của vận tải bằng hơi nước đối với kinh tế nông thôn*. Vác-xô-vi 1890, tr. 68 và những trang tiếp sau.

Xa-ma-ra trong bữa ăn đã có cả Ác-khan-ghen-xcơ. *Trong thực tế, không hề xảy ra điều gì giống như thế cả*». (*Khái luận về nền kinh tế xã hội của nước ta sau khi xóa bỏ chế độ nông nô.* Xanh Pê-téc-bua, 1893, tr. 37). Không có bằng chứng nào cả và không kể gì đến sự thật mà mọi người đều biết, ở đây người ta cứ tuyên bố ngay rằng: ở nước Nga không có phân công xã hội! Và chăng, nếu không phủ nhận chính ngay cái sơ cở của mọi kinh tế hàng hóa, là phân công xã hội hoặc tuyên bố cơ sở đó là cơ sở «nhân tạo» thì phái dân túy không thể nào xây dựng được lý luận về «tính chất nhân tạo» của chủ nghĩa tư bản ở Nga bằng cách nào khác cả.

II. DÂN CƯ CÔNG NGHIỆP TĂNG LÊN LÀM CHO DÂN CƯ NÔNG NGHIỆP GIẢM SÚT

Vì trong thời kỳ trước khi có kinh tế hàng hóa, công nghiệp chế biến dính liền với công nghiệp khai thác, và đứng đầu công nghiệp này là nông nghiệp, cho nên kinh tế hàng hóa phát triển tức là các ngành công nghiệp lần lượt tách ra khỏi nông nghiệp. Dân cư của một nước mà nền kinh tế hàng hóa ít phát triển (hoặc hoàn toàn không phát triển) thì hầu như thuần là dân cư nông nghiệp cả; tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là dân cư chỉ chuyên làm nghề nông; điều đó chỉ có nghĩa là dân cư làm nghề nông đã tự mình chế biến lấy nông sản mà thôi; chỉ có nghĩa là trong dân cư đó việc đổi chác và phân công hầu như không có mà thôi. Như vậy, sự phát triển của kinh tế hàng hóa *eo ipso* (1) có nghĩa là một bộ phận dân cư

(1) Do đó. *N.D.*

tách khỏi nông nghiệp đang không ngừng tăng lên, tức là dân cư công nghiệp tăng lên làm cho dân cư nông nghiệp giảm sút. « *Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, do bản chất của nó, luôn luôn làm giảm bớt dân số nông nghiệp so với dân số phi nông nghiệp,* vì trong công nghiệp (theo nghĩa hẹp của danh từ) sự tăng lên của tư bản bất biến, — do thu hút tư bản khả biến mà tăng lên, — gắn liền với sự tăng lên tuyệt đối của tư bản khả biến và mặc dù tư bản khả biến có giảm đi một cách tương đối. Ngược lại, *trong nông nghiệp, tư bản khả biến cần thiết để khai* khẩn một miếng đất nhất định thì lại giảm đi một cách tuyệt đối; như vậy là tư bản khả biến chỉ có thể tăng thêm khi nào người ta khai khẩn một miếng đất mới, nhưng điều này lại giả định rằng dân cư phi nông nghiệp tăng thêm lên nhiều hơn nữa » (*Das Kapital*, III, 2, 177. Bản dịch ra Nga văn, tr. 526). Cho nên người ta không thể nào quan niệm được chủ nghĩa tư bản mà lại không có tình trạng dân cư công nghiệp và thương nghiệp tăng lên làm cho dân cư nông nghiệp giảm sút, và không ai lại không biết rằng hiện tượng đó biểu hiện rất rõ rệt trong tất cả các nước tư bản. Vị tất đã cần phải chứng minh rằng hiện tượng đó có một tầm quan trọng rất lớn trong vấn đề thị trường trong nước, vì hiện tượng đó gắn chặt với sự tiến triển của công nghiệp lẫn sự tiến triển của nông nghiệp; sự hình thành những trung tâm công nghiệp, số lượng những trung tâm đó ngày càng tăng và sức thu hút của chúng đối với nhân dân, không thể không ảnh hưởng sâu sắc đến tất cả đời sống của nông thôn, không thể không đưa lại tiến bộ của nông nghiệp hàng hóa và tư bản chủ nghĩa. Việc càng có ý nghĩa hơn nữa là những đại biểu của phái kinh tế dân túy đều hoàn toàn không biết đến quy luật đó trong những luận điểm thuần túy

lý luận của họ cũng như trong những lập luận của họ về chủ nghĩa tư bản ở Nga (dưới đây, đến chương VIII, chúng tôi sẽ nói tỉ mỉ những biểu hiện đặc biệt của quy luật này ở Nga). Trong những lý luận của hai ông V.V. và N-ôn về thị trường trong nước của chủ nghĩa tư bản, các ông đã bỏ sót một chi tiết hết sức nhỏ: đó là việc nhân dân bỏ nông nghiệp để vào công nghiệp, và ảnh hưởng của việc đó đến nông nghiệp*.

III. SỰ PHÁ SẢN CỦA NHỮNG NGƯỜI SẢN XUẤT NHỎ

Cho đến nay, chúng ta chỉ mới bàn về kinh tế hàng hóa giản đơn. Bây giờ chúng ta nói đến sản xuất tư bản chủ nghĩa, nghĩa là chúng ta giả định rằng trước mặt chúng ta hiện nay không phải là những người sản xuất thông thường làm ra hàng hóa nữa, mà một bên là người chủ tư liệu sản xuất và một bên là người công nhân làm thuê bán sức lao động. Việc người sản xuất nhỏ biến thành công nhân làm thuê, giả định rằng anh ta đã mất hết tư liệu sản xuất: đất đai, công cụ lao động, xưởng, v.v., nghĩa là đã «bần cùng hóa», «phá sản» rồi. Có ý kiến cho rằng sự phá sản này làm «giảm bớt sức mua của nhân dân», «thu hẹp thị trường trong nước» của chủ nghĩa tư bản (ông N-ôn, *s.đ.d.*, tr. 185. *Như trên*, tr. 203, 275, 287,

* Sự nhất trí giữa các quan điểm của những người lãng mạn Tây Âu và những người dân túy Nga về vấn đề dân cư công nghiệp tăng lên, đã được chúng tôi nêu lên trong bài «*Bàn về đặc điểm của chủ nghĩa lãng mạn kinh tế. (Xi-xmôn-đi và môn đồ Xi-xmôn-đi ở nước ta)*» (V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1961, t. 2, [illegible]

339 - 340, v.v.. Phần lớn các tác phẩm của ông V.V. cũng có quan điểm như thế). Ở đây, chúng ta không nói đến những sự việc liên quan đến sự tiến triển của quá trình ấy ở Nga, chúng ta sẽ nghiên cứu tỉ mỉ những sự việc đó trong những chương sau này. Giờ đây, vấn đề được đặt ra một cách thuần túy lý luận là: sự sản xuất hàng hóa nói chung, khi sản xuất đó chuyển biến thành sản xuất tư bản chủ nghĩa. Những tác giả kể trên, chính họ cũng đặt vấn đề này về mặt lý luận, nghĩa là từ một việc duy nhất là những người sản xuất bị phá sản, họ kết luận rằng thị trường trong nước co hẹp lại. Quan niệm như vậy là hoàn toàn sai, và quan niệm đó sở dĩ tồn tại dai dẳng được trong các sách báo kinh tế của chúng ta có lẽ chỉ là do những thành kiến lãng mạn chủ nghĩa của chủ nghĩa dân túy mà thôi (xem bài đã dẫn trong phần chú thích). Người ta quên rằng nếu một bộ phận những người sản xuất bị «giải phóng» khỏi những tư liệu sản xuất, như thế có nghĩa là những tư liệu sản xuất này nhất thiết phải chuyển sang tay người khác và trở thành tư bản; có nghĩa là những người chủ mới của những tư liệu sản xuất này chế tạo ra, dưới hình thức hàng hóa, những vật phẩm mà trước kia chỉ để cho bản thân người sản xuất tiêu dùng, tức là những người chủ mới đó mở rộng thị trường trong nước; — có nghĩa là khi mở rộng sản xuất thì những người chủ mới này lại yêu cầu thị trường cung cấp những nhu cầu mới về công cụ, về nguyên liệu, về phương tiện vận tải, v.v., cũng như về những hàng tiêu dùng (những người chủ mới này giàu lên, tất nhiên sự tiêu thụ của họ cũng tăng lên). Người ta quên rằng điều quan trọng đối với thị trường hoàn toàn không phải là mức sinh hoạt của người sản xuất, mà là số tiền mà người sản xuất có được; sự suy sụt về sinh hoạt của người nông dân gia trưởng

trước kia thường kinh doanh theo kiểu kinh tế tự nhiên, là điều hoàn toàn có thể tương dung với việc người đó có trong tay một số tiền nhiều hơn, bởi vì người nông dân này càng bị phá sản bao nhiêu, thì càng buộc phải bán sức lao động bấy nhiêu, và phần tư liệu sinh hoạt (dù rằng nghèo nàn hơn) mà người đó phải mua trên thị trường càng lớn hơn bấy nhiêu. « Cùng với một bộ phận dân cư nông thôn được giải phóng (khỏi ruộng đất) thì những tư liệu sinh hoạt trước đây của họ cũng được giải phóng Những tư liệu sinh hoạt này hiện nay biến thành những yếu tố vật chất của tư bản khả biến » (tư bản dùng để mua sức lao động) *(Das Kapital,* I, 776). « Sự tước đoạt và sự trục xuất một bộ phận dân cư nông thôn, không những đã giải phóng công nhân cùng với những tư liệu sinh hoạt và tư liệu lao động của họ cho nhà tư bản công nghiệp sử dụng, mà còn *tạo nên thị trường trong nước* » *(Như trên,* 778). Như vậy, đứng về quan điểm lý luận trừu tượng, thì trong một xã hội mà kinh tế hàng hóa và chủ nghĩa tư bản đang phát triển, sự phá sản của những người sản xuất nhỏ dẫn đến điều hoàn toàn trái hẳn với kết luận của các ông N-ôn và V.V., tức là dẫn đến sự hình thành chứ không phải là sự rút hẹp thị trường trong nước. Nếu cũng chính ông N-ôn, dã tuyên bố một cách *à priori* (1) rằng sự phá sản của những người sản xuất nhỏ ở Nga có nghĩa là sự thu hẹp thị trường trong nước, mà vẫn nhắc lại những điều khẳng định trái lại của Mác mà chúng tôi vừa mới dẫn ra *(Khái luận,* tr. 71 và 114), thì như thế cũng chỉ chứng tỏ rằng tác giả đó đã có cái tài đặc biệt là tự mình đập lại mình bằng những lời trích dẫn bộ *Tư bản*.

(1) Một cách tiên nghiệm. *(N.D.)*

V. NHỮNG QUAN ĐIỂM CỦA A. SMÍT VỀ VIỆC SẢN XUẤT VÀ LƯU THÔNG TOÀN BỘ SẢN PHẨM XÃ HỘI TRONG XÃ HỘI TƯ BẢN CHỦ NGHĨA VÀ SỰ PHÊ PHÁN CỦA MÁC ĐỐI VỚI NHỮNG QUAN ĐIỂM ĐÓ

Để có phương hướng trong việc nghiên cứu học thuyết về sự thực hiện, chúng ta phải bắt đầu từ A. Smít là người đã đặt cơ sở cho *một học thuyết sai lầm về vấn đề này*, học thuyết đã độc quyền thống trị trong kinh tế chính trị học trước Mác. A. Smít chia giá cả hàng hóa ra làm hai phần thôi: tư bản khả biến (tiền công, theo cách nói của ông) và giá trị thặng dư (ông không gộp « lợi nhuận » và « địa tô » làm một, vì vậy, nói chung, ông vẫn cho là có ba phần)*. Ông cũng chia toàn bộ hàng hóa tức toàn bộ sản phẩm hàng năm của xã hội ra thành những phần như thế và đặt trực tiếp những phần đó vào « thu nhập » của hai giai cấp trong xã hội: công nhân và nhà tư bản (chủ xí nghiệp và chủ đất, theo Smít**).

Vậy ông ta căn cứ vào đâu mà lại bỏ qua phần cấu tạo thứ ba của giá trị là tư bản bất biến? A. Smít không thể không thấy phần này, nhưng ông ta cho rằng phần đó tự

---

* Adam Smit : *An Inquiry into the nature and causes of the wealth of nations* (Nghiên cứu về bản chất và những nguyên nhân của của cải các quốc gia) xuất bản lần thứ 4, 1801, t. I, tr. 75. Quyển I: « Bàn về những nguyên nhân đã làm tăng thêm sức sản xuất của lao động và về trật tự tự nhiên trong việc phân phối những sản phẩm lao động giữa những tầng lớp nhân dân khác nhau », chương 6: « Bàn về những bộ phận cấu tạo của giá cả hàng hóa ». Bản dịch ra Nga văn của Bi-bi-cốp (Xanh Pê-téc-bua, 1886) t. I, tr. 171.

** S.đ.d., t. I, tr. 78. Bản dịch ra Nga văn, I, tr. 174.

nó cũng đã thu gọn vào trong tiền công và vào trong giá trị thặng dư rồi. Đây là lập luận của ông ta về điểm ấy: « Ví dụ trong giá cả của lúa mì, thì một phần là để trả địa tô cho chủ đất; một phần khác để trả tiền công hoặc tiền để bảo tồn người công nhân, cùng với những súc vật dùng vào việc sản xuất ra lúa mì đó; phần thứ ba là lợi nhuận của người phéc-mi-ê. Không còn nghi ngờ gì nữa, ba phần đó đều trực tiếp hoặc rốt cuộc, cấu thành toàn bộ giá cả của lúa mì. Có lẽ người ta có thể tưởng rằng cần phải có một phần thứ tư để bù lại tư bản của người phéc-mi-ê hoặc bù lại sự hao mòn của súc vật và các nông cụ khác của anh ta. Nhưng cần chú ý là, trong nông nghiệp, giá cả của mọi công cụ, như một con ngựa kéo, chẳng hạn, cũng chỉ gồm có ba phần ấy » (tức là địa tô, lợi nhuận và tiền công). « Vì vậy, mặc dù giá cả của lúa mì có bù lại phí tổn chăn nuôi ngựa, thì toàn bộ giá của lúa mì đó cũng chỉ trực tiếp hay rốt cuộc chia thành ba phần ấy: địa tô, tiền công và lợi nhuận »*. Mác cho lý luận này của Smít là « làm cho người ta hốt hoảng » (II, tr. 366). « Chứng cớ của ông ta chỉ là sự lặp lại một cách giản đơn cũng một điều khẳng định ấy ». Smít « đưa chúng ta từ Cai-phơ đến Pi-lát » (1) (I.B.2. Aufl. tr. 612). Trong khi khẳng định rằng *bản thân* giá cả những nông cụ *cũng* chia ra ba phần như vậy, Smít quên thêm vào đó: và giá cả những tư liệu sản xuất dùng để chế tạo ra những công cụ ấy. Smít (cũng như những nhà kinh tế học kế tục ông ta) đã mắc sai lầm là gạt phần bất biến của tư bản ra ngoài giá cả của sản phẩm, sai lầm đó là do quan niệm không đúng của họ về sự tích lũy trong kinh tế tư bản chủ nghĩa, nghĩa là về

* S.đ.d., t. I, tr. 75 - 76. Bản dịch ra Nga văn, I, tr. 117.

(1) *Lẩn quẩn*, không giải quyết được gì cả. *(N.D.)*

sự mở rộng sản xuất, về sự chuyển biến giá trị thặng dư thành tư bản. Cả ở đây nữa, A. Smít cũng bỏ qua tư bản bất biến, trong khi giả thử rằng phần giá trị thặng dư tích lũy lại và biến thành tư bản, là do những công nhân sản xuất hoàn toàn tiêu thụ, nghĩa là hoàn toàn dùng để trả công, nhưng thật ra phần tích lũy của giá trị thặng dư thì lại chi vào tư bản bất biến (công cụ sản xuất, nguyên liệu và vật liệu phụ) và vào tiền công. Trong khi phê phán quan niệm này của Smít (cũng như những quan niệm của Ri-các-đô, của Min và của những người khác) trong quyển I của bộ *Tư bản* (phần VII, « Quá trình tích lũy », ch. 22: « Giá trị thặng dư chuyển hóa thành tư bản », mục 2: « Sự giải thích sai lầm về tái sản xuất mở rộng của những nhà lý luận kinh tế chính trị học »), Mác có nói đến điểm cần chú ý này: trong quyển II « sẽ chứng minh rằng giáo điều của A. Smít mà ông ta để lại cho tất cả những người kế tục ông ta, đã ngăn cản không cho khoa kinh tế chính trị hiểu được ngay cả bộ máy giản đơn nhất của quá trình tái sản xuất xã hội » (I, 612). A. Smít đã rơi vào sai lầm này vì ông ta đã nhầm lẫn giá trị của sản phẩm với giá trị mới được tạo ta: cái thứ hai này quả thật là gồm có tư bản khả biến và giá trị thặng dư, còn cái thứ nhất thì gồm thêm cả tư bản bất biến nữa. Sai lầm đó đã được Mác vạch ra trong sự phân tích về giá trị nhằm phân biệt giữa lao động trừu tượng tạo ra giá trị mới với lao động cụ thể, có ích, tức là lao động tái sản xuất ra giá trị đã có trước kia, dưới hình thức mới của một sản phẩm có ích.

Muốn giải quyết vấn đề thu nhập quốc dân trong xã hội tư bản, thì điều chủ yếu nhất là phải giải thích quá trình tái sản xuất và lưu thông của toàn bộ tư bản xã hội. Có một điều cực kỳ đáng chú ý là khi bàn về vấn đề đó, A. Smít không thể giữ mãi cái lý luận sai lầm của ông ta

là gạt tư bản bất biến ra ngoài tổng sản phẩm của quốc gia. « Tổng thu nhập *(gross revenue)* của tất cả mọi người trong một nước lớn thì gồm có toàn bộ sản phẩm hàng năm do ruộng đất và lao động của họ sản xuất ra; còn thu nhập ròng *(neal revenue)* của họ thì gồm có phần còn lại sau khi đã trừ những chi phí để duy trì một là tư bản cố định của họ, và hai là tư bản lưu động của họ, nghĩa là thu nhập ròng gồm có những cái mà họ có thể để ra làm dự trữ *(stock)*, mà không động gì đến tư bản của họ, để tiêu dùng trực tiếp, hay có thể chi tiêu cho tư liệu sinh hoạt, cho tiện nghi hay cho việc giải trí ». (A. Smít, quyển II: *Nói về bản chất, về sự tích lũy và sử dụng của cải dự trữ*, ch. 2, t. II, tr. 18. Bản dịch ra Nga văn, quyển II, tr. 21). *Như vậy là A. Smít gạt tư bản ra ngoài tổng sản phẩm* của quốc gia và khẳng định rằng tư bản gồm có tiền công, lợi nhuận và địa tô, tức là gồm các thu nhập (ròng); nhưng trong tổng thu nhập của xã hội thì ông lại kể cả tư bản vào đó và tách tư bản ra khỏi hàng tiêu dùng (= thu nhập ròng). Chính Mác đã tóm được Smít trong cái mâu thuẫn đó: *tư bản đã không nằm trong sản phẩm* thì làm sao tư bản lại có thể nằm trong *thu nhập* được? (Xem *Das Kapital*, II, tr. 355). Ở đây, A. Smít đã bất giác thừa nhận giá trị của tổng sản phẩm là gồm có ba phần: không những có tư bản khả biến và giá trị thặng dư, mà có cả tư bản bất biến nữa. Trong phần phân tích sau đó A. Smít lại còn gặp phải một sự phân biệt khác rất quan trọng có một vai trò rất lớn trong lý luận về thực hiện. Smít nói: « Tất cả những chi phí để duy trì tư bản bất biến đều dĩ nhiên là phải gạt ra ngoài thu nhập ròng của xã hội. Những vật liệu cần thiết để duy trì tốt các máy móc có ích, các công cụ công nghiệp, các nhà cửa kinh doanh, v.v. *cũng như sản phẩm của lao động cần thiết để làm cho các vật liệu*

đó có một hình thức đích đáng, đều tuyệt nhiên không thể gộp vào trong thu nhập ròng ấy. Thật ra thì giá cả của lao động đó rất có thể là một bộ phận của thu nhập ròng đó, bởi vì những người công nhân làm phần lao động đó đều có thể để toàn bộ giá *trị tiền lương* của họ vào quỹ tiêu dùng trực tiếp của họ». Nhưng ở những hình thức khác của lao động thì «giá cả» (của lao động) «và sản phẩm» (của lao động) «đều gồm trong cái quỹ tiêu dùng trực tiếp đó, tức là: giá cả của lao động thì nhập vào quỹ của công nhân, còn sản phẩm của lao động thì nhập vào quỹ của những người khác». (A. Smít, *như trên*). Ở đây đã lộ ra cái cảm giác thấy cần thiết phải phân biệt hai hình thức lao động: một thứ thì cung cấp những hàng tiêu dùng có thể xếp vào «thu nhập ròng»; một thứ nữa thì cung cấp «những máy móc có ích, những công cụ công nghiệp, những nhà cửa kinh doanh, v.v.», tức là những thứ tư liệu không thể nào nhập vào tiêu dùng cá nhân được. Từ đó chỉ cần tiến một bước nữa là đi đến chỗ thừa nhận rằng để giải thích sự thực hiện, thì tuyệt đối cần phải phân biệt hai hình thức tiêu dùng: tiêu dùng cá nhân và tiêu dùng sản xuất (phục vụ cho việc sản xuất). Và chính nhờ sửa chữa hai sai lầm trên của Smít (gạt tư bản bất biến ra ngoài giá trị của sản phẩm và gộp làm một tiêu dùng cá nhân với tiêu dùng sản xuất) mà Mác đã xây dựng nên một lý luận đặc sắc về sự thực hiện sản phẩm xã hội trong xã hội tư bản chủ nghĩa.

Còn những nhà kinh tế học khác ở trong thời kỳ từ A. Smít đến Mác thì tất cả đều lặp lại sai lầm của Smít*,

---

* Ví dụ, Ri-các-đô cho rằng: «Toàn bộ sản phẩm do đất đai và lao động sản xuất ra trong mỗi nước, đều gồm có ba phần: một phần dành cho tiền công, một phần nữa dành cho lợi nhuận và phần thứ ba dành cho địa tô» (*Toàn tập*, bản dịch ra Nga văn của Xi-be, Xanh Pê-téc-bua, 1882, tr. 221).

cho nên họ chẳng tiến lên được bước nào cả. Dưới đây chúng ta còn phải nói đến sự mơ hồ lộn xộn do điều đó gây ra trong các lý thuyết về thu nhập. Trong cuộc tranh luận giữa một bên là Ri-các-đô, Xay, Min, v.v., và một bên là Man-tu-xơ, Xi-smôn-đi, Sô-méc-xơ, Kiếc-khơ-man, v.v., về khả năng có thể xảy ra một cuộc tổng sản xuất thừa về hàng hóa, thì cả hai phe đều đứng trên lập trường lý luận sai lầm của Smít. Cho nên, như ông X. Bun-ga-cốp đã nhận xét rất đúng, « vì sai từ điểm xuất phát, và bản thân vấn đề lại nêu không đúng, nên cuộc tranh luận đó chỉ có thể đi tới một sự tranh cãi chữ nghĩa rỗng tuếch kiểu kinh viện » (*s.đ.d.*, tr. 21. Xem bài miêu tả cuộc tranh cãi đó trong *Khủng hoảng công nghiệp*, v.v. của Tu-gan Ba-ra-nốp-ski, Xanh Pê-téc-bua 1894, tr. 377-404).

VI. LÝ LUẬN CỦA MÁC VỀ THỰC HIỆN

Từ những điểm đã nói trên kia, dĩ nhiên là chúng ta có thể kết luận rằng tiền đề cơ bản làm cơ sở cho lý luận của Mác gồm hai nguyên lý sau đây. Nguyên lý thứ nhất là: cũng như một sản phẩm cá biệt, tổng sản phẩm của một nước tư bản gồm có ba phần: 1. Tư bản bất biến; 2. tư bản khả biến; 3. giá trị thặng dư. Đối với những ai đã đọc phần phân tích về quá trình sản xuất của tư bản trình bày trong quyển I của bộ *Tư bản* của Mác, thì nguyên lý đó là một điều không cần phải chứng minh nữa. Nguyên lý thứ hai khẳng định rằng phải phân biệt hai bộ phận lớn trong sản xuất tư bản chủ nghĩa: (khu vực I) sản xuất tư liệu sản xuất — những vật phẩm dành cho việc tiêu dùng sản xuất, nghĩa là để dùng vào việc sản xuất, là những vật phẩm không phải do người tiêu dùng, mà là do tư bản

tiêu dùng, và (khu vực II) sản xuất hàng tiêu dùng, tức là những thứ dùng cho việc tiêu dùng cá nhân. « Trong cách phân chia duy nhất đó, có nhiều ý nghĩa lý luận hơn tất cả mọi sự tranh cãi trước kia về lý luận thị trường » (Bun-ga-côp, *s.đ.d.*, tr. 27). Có một vấn đề nảy ra là: tại sao khi phân tích về tái sản xuất của tư bản xã hội thì chính lúc này lại cần phân chia sản phẩm theo hình thức tự nhiên của nó, mà trước kia, khi phân tích về sản xuất và tái sản xuất của tư bản cá biệt lại không cần, và hoàn toàn không đả động gì đến vấn đề hình thức tự nhiên của sản phẩm? Trên cơ sở nào mà chúng ta có thể đưa vấn đề hình thức tự nhiên của sản phẩm vào trong việc nghiên cứu lý luận về nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, là một nền kinh tế hoàn toàn dựa trên giá trị trao đổi của sản phẩm? Lý do là trong khi phân tích về sản xuất của tư bản cá biệt thì vấn đề sản phẩm sẽ bán đi đâu và bán như thế nào, công nhân sẽ mua hàng tiêu dùng và nhà tư bản, — sẽ mua tư liệu sản xuất ở đâu và mua như thế nào vấn đề đó đã bị gạt bỏ vì nó không đóng góp gì cho sự phân tích này cả, không liên quan gì đến sự phân tích này cả. Ở đây chỉ xét một vấn đề là giá trị các yếu tố khác nhau của sản xuất và kết quả của sản xuất. Bây giờ thì chính lại là cần phải xét xem công nhân và các nhà tư bản sẽ lấy hàng tiêu dùng cho mình ở đâu ra, nhà tư bản sẽ lấy tư liệu sản xuất ở đâu ra, sản phẩm chế tạo ra sẽ thỏa mãn tất cả các nhu cầu đó như thế nào và sẽ cho phép mở rộng sản xuất như thế nào. Như vậy là ở đây không phải chỉ có « sự thay thế giá trị, mà còn có sự thay thế hình thức tự nhiên của sản phẩm nữa » (*Stoffersatz. — Das Kapital,* II, 389); cho nên hết sức cần thiết phải phân biệt những sản phẩm có tác dụng hoàn toàn khác nhau trong nền kinh tế xã hội.

Khi đã nghiên cứu những nguyên lý căn bản đó rồi, thì vấn đề thực hiện sản phẩm trong xã hội tư bản không còn có gì là khó khăn nữa. Trước hết ta hãy nói đến tái sản xuất giản đơn, tức là sự lặp lại quá trình sản xuất theo quy mô cũ, không có tích lũy. Dĩ nhiên là tư bản khả biến và giá trị thặng dư của khu vực II (tồn tại dưới hình thức hàng tiêu dùng) thì được thực hiện bởi sự tiêu dùng cá nhân của công nhân và các nhà tư bản trong khu vực đó (vì tái sản xuất giản đơn có nghĩa là toàn bộ giá trị thặng dư đều được tiêu dùng hết và không có một phần nào biến thành tư bản cả). Còn tư bản khả biến và giá trị thặng dư tồn tại dưới hình thức tư liệu sản xuất (khu vực I) mà muốn được thực hiện, thì phải đổi lấy những hàng tiêu dùng cho các nhà tư bản và công nhân chế tạo ra tư liệu sản xuất. Mặt khác, tư bản bất biến tồn tại dưới hình thức hàng tiêu dùng (khu vực II) thì cũng chỉ có thể được thực hiện bằng cách đổi lấy tư liệu sản xuất, để năm sau lại dùng vào sản xuất. Như vậy là có sự trao đổi giữa tư bản khả biến và giá trị thặng dư mang hình thức tư liệu sản xuất, với tư bản bất biến mang hình thức hàng tiêu dùng: nhờ đó công nhân và nhà tư bản (trong khu vực tư liệu sản xuất) nhận được những tư liệu sinh hoạt, và nhà tư bản (trong khu vực hàng tiêu dùng) thì bán sản phẩm của mình và nhận được một tư bản bất biến dùng cho lần sản xuất sau. Trong trường hợp tái sản xuất giản đơn thì các phần trao đổi với nhau đó phải bằng nhau: tổng số tư bản khả biến và giá trị thặng dư mang hình thức tư liệu sản xuất phải bằng tư bản bất biến mang hình thức hàng tiêu dùng. Trái lại, nếu giả định tái sản xuất với một quy mô ngày càng tăng, tức là có tích lũy, thì cái lượng trước phải nhiều hơn cái lượng sau, bởi vì trong trường hợp này cần phải có thừa tư liệu sản xuất để tiến hành

việc sản xuất *mới*. Nhưng chúng ta hãy trở lại vấn đề tái sản xuất giản đơn. Còn một phần nữa của sản phẩm xã hội chưa được thực hiện, đó là tư bản bất biến dưới hình thức tư liệu sản xuất. Phần này được thực hiện, một phần do sự trao đổi giữa các nhà tư bản ở ngay trong khu vực đó (ví dụ, than đá trao đổi lấy sắt, vì mỗi sản phẩm này đều cần để làm nguyên liệu hoặc công cụ cho việc sản xuất sản phẩm kia); một phần do việc sử dụng nó trực tiếp vào sản xuất (ví dụ, than đã khai thác lại được dùng vào việc khai thác than ở ngay trong xí nghiệp đó; hạt giống trong nông nghiệp, v.v.). Còn tích lũy thì, như ta vừa thấy, nó xuất phát từ sự thừa tư liệu sản xuất (do giá trị thặng dư của các nhà tư bản khu vực này mà ra), sự thừa này lại đòi hỏi phải biến một phần giá trị thặng dư dưới hình thức hàng tiêu dùng thành tư bản. Chúng ta thấy không cần phải mất công nghiên cứu tỉ mỉ xem việc sản xuất phụ thêm đó sẽ kết hợp với tái sản xuất giản đơn như thế nào. Nhiệm vụ của chúng ta không phải là nghiên cứu riêng lý luận về thực hiện; những điều vừa trình bày đó cũng đủ để chứng minh những sai lầm của các nhà kinh tế học dân túy và đủ để có thể đi đến một vài kết luận lý luận về thị trường trong nước*.

Về vấn đề *thị trường trong nước* mà chúng ta quan tâm nghiên cứu, thì kết luận chủ yếu rút ra từ lý luận của Mác về thực hiện là như sau: sản xuất tư bản chủ nghĩa

---

* Xem *Das Kapital*, II Band, III. Abschn, trong đó có nghiên cứu tỉ mỉ về sự tích lũy và sự phân chia hàng tiêu dùng thành hàng tối cần thiết và hàng xa xỉ, về sự lưu thông tiền tệ, về sự hao mòn của tư bản cố định v.v.. Những bạn đọc nào chưa có dịp đọc quyển II bộ *Tư bản*, thì nên xem đoạn trình bày lý luận về thực hiện của Mác trong quyển sách đã dẫn của ông X. Bun-ga-cốp. Bản trình bày của

tăng lên, do đó thị trường trong nước cũng tăng lên, thì chủ yếu là tăng ở mặt tư liệu sản xuất hơn là ở mặt hàng tiêu dùng. Nói một cách khác: sự tăng lên của tư liệu sản xuất vượt quá sự tăng lên của hàng tiêu dùng. Thật thế, tư bản bất biến dưới hình thức hàng tiêu dùng (khu vực II) trao đổi với tư bản khả biến + giá trị thặng dư dưới hình thức tư liệu sản xuất (khu vực I). Nhưng, theo quy luật chung của sản xuất tư bản chủ nghĩa, thì tư bản bất biến tăng nhanh hơn tư bản khả biến. Vậy, tư bản bất biến dưới hình thức hàng tiêu dùng phải tăng nhanh hơn tư bản khả biến và giá trị thặng dư dưới hình thức hàng tiêu dùng, và tư bản bất biến dưới hình thức tư liệu sản xuất phải tăng nhanh nhất và vượt quá sự tăng lên của tư bản khả biến (+ giá trị thặng dư) dưới hình thức tư liệu sản xuất, và vượt quá sự tăng lên của tư bản bất biến dưới hình thức hàng tiêu dùng. Do đó, khu vực sản xuất xã hội chế tạo tư liệu sản xuất phải phát triển nhanh hơn khu vực chế tạo hàng tiêu dùng. Như vậy, sự mở rộng thị trường trong nước của chủ nghĩa tư bản là « độc lập » đến một mức nhất định nào đó đối với sự tăng thêm của tiêu dùng cá nhân, vì sự mở rộng đó chủ yếu dựa vào tiêu dùng sản xuất. Nhưng nếu hiểu sự « độc lập » đó theo nghĩa tiêu dùng sản xuất tách rời hẳn với tiêu dùng cá nhân, là sai: tiêu dùng sản xuất có thể và cần phải tăng nhanh

---

ông Bun-ga-cốp thỏa đáng hơn bản của ông M. Tu-gan — Ba-ra-nốp-ski (*Khủng hoảng công nghiệp*, tr. 407 - 438), vì ông này, khi xây dựng các biểu đồ, thì đã làm sai quan điểm của Mác một cách rất đáng tiếc và không giải thích được đầy đủ lý luận của Mác; bản trình bày của Bun-ga-cốp cũng thỏa đáng hơn bản của ông A. Scơ-voóc-tsốp (*Nguyên lý kinh tế chính trị học*. Xanh — Pê-téc-bua, 1898, tr. 281 - 295), vì ông này có những quan điểm sai lầm trong những vấn đề rất quan trọng về lợi nhuận và địa tô.

hơn tiêu dùng cá nhân (« sự độc lập » của nó chỉ đóng khung trong phạm vi này thôi), nhưng dĩ nhiên là phân tích đến cùng thì tiêu dùng sản xuất vẫn luôn luộn gắn liền với tiêu dùng cá nhân. Về điểm này, Mác có nói: « Như ta đã thấy (quyển II, phần III), có một sự lưu thông không ngừng giữa tư bản bất biến với tư bản bất biến... » (ở đây Mác nói đến tư bản bất biến dưới hình thức tư liệu sản xuất và được thực hiện bằng sự trao đổi giữa các nhà tư bản trong cùng một khu vực) «... sự lưu thông đó độc lập đối với tiêu dùng cá nhân theo ý nghĩa là nó không bao giờ đi vào việc tiêu dùng cá nhân; nhưng xét đến cùng thì nó chịu sự hạn chế của chính việc tiêu dùng cá nhân đó, bởi vì sự sản xuất ra tư bản bất biến được tiến hành không phải là vì bản thân sự sản xuất, mà là vì cần có thêm tư bản bất biến cho khu vực sản xuất sản phẩm tiêu dùng cá nhân» *(Das Kapital,* III, I, 189. Bản dịch ra Nga văn, tr. 242).

Tư bản bất biến được tiêu dùng nhiều hơn như vậy chẳng qua chỉ là sự biểu hiện, dưới hình thức giá trị trao đổi, của một trình độ phát triển cao hơn của lực lượng sản xuất, bởi vì phần chủ yếu của những « tư liệu sản xuất » đang tăng lên nhanh chóng là gồm những vật liệu, máy móc, công cụ, nhà cửa và tất cả mọi thiết bị khác cần cho sản xuất lớn và nhất là cho sản xuất bằng máy móc. Như vậy, thì hoàn toàn dĩ nhiên là sản xuất tư bản chủ nghĩa trong khi phát triển lực lượng sản xuất của xã hội, trong khi tạo ra nền sản xuất lớn và công nghiệp máy móc, thì có đặc điểm là đặc biệt mở rộng khu vực của cải xã hội gồm có tư liệu sản xuất. « Về mặt này (chính là về mặt chế tạo tư liệu sản xuất), sự khác nhau giữa xã hội tư bản với người dã man không phải là ở chỗ như Xê-ni-o nghĩ, tức là: người dã man có một đặc điểm riêng là đôi khi

anh ta tiêu phí lao động nhưng lao động đó không đem lại một sản phẩm nào có thể biến thành thu nhập, tức là thành tư liệu tiêu dùng cả. Thực ra sự khác nhau là ở chỗ này:

a) Xã hội tư bản sử dụng phần lớn lao động hàng năm của mình vào việc sản xuất những tư liệu sản xuất (tức là tư bản bất biến), là những thứ không thể phân hóa thành thu nhập dưới hình thức tiền công cũng như dưới hình thức giá trị thặng dư, mà chỉ có thể làm chức năng tư bản thôi.

b) Khi người dã man làm cung, tên, búa đá, rìu, rổ rá, v.v., thì người ấy có ý thức rõ ràng là thời gian bỏ ra đó không phải là đã được dùng để làm ra tư liệu tiêu dùng, mà là để cung cấp cho nhu cầu của mình về tư liệu sản xuất, và chỉ có thế thôi» *(Das Kapital,* II, 436. Bản dịch ra Nga văn, tr. 333). Cái «ý thức rõ ràng» đó về quan hệ của họ đối với sản xuất đã mất đi trong xã hội tư bản là do tính sùng bái mà chỉ riêng xã hội này mới có, thứ sùng bái biểu hiện quan hệ xã hội giữa người với người thành quan hệ xã hội giữa sản phẩm với sản phẩm; là do mỗi sản phẩm đều biến thành hàng hóa sản xuất ra cho một người tiêu dùng nào đó mà người ta không biết được và sẽ đem ra thực hiện trên một thị trường nào đó cũng không biết được. Mỗi chủ xí nghiệp riêng biệt đều rất ít chú ý đến vật mình sản xuất ra là thuộc *thứ* gì — sản phẩm nào cũng đem lại «thu nhập» cả, — quan điểm cá nhân và hời hợt đó đã được các nhà lý luận kinh tế học áp dụng vào toàn bộ xã hội, do đó họ không thể hiểu được quá trình tái sản xuất của tổng sản phẩm xã hội trong kinh tế tư bản chủ nghĩa.

Sản xuất phát triển (và, do đó, cả thị trường trong nước cũng phát triển) chủ yếu là trong lĩnh vực tư liệu sản xuất, điều đó hình như là ngược đời và dĩ nhiên là một mâu thuẫn. Đây là thật sự «sản xuất để mà sản xuất», là *mở rộng sản xuất mà không mở rộng tiêu dùng một cách tương ứng*. Nhưng đây không phải là một mâu thuẫn về lý thuyết mà là một mâu thuẫn trong đời sống thực tế; đây chính là một mâu thuẫn phù hợp với chính bản chất của chủ nghĩa tư bản, cũng như phù hợp với những mâu thuẫn khác của chế độ kinh tế xã hội đó. Sự mở rộng sản xuất mà không mở rộng tiêu dùng một cách tương ứng đó rất phù hợp với sứ mệnh lịch sử và kết cấu xã hội đặc biệt của chủ nghĩa tư bản: sứ mệnh của nó là phát triển lực lượng sản xuất của xã hội; kết cấu xã hội của nó lại ngăn cản không cho đông đảo quần chúng nhân dân sử dụng những thành tựu kỹ thuật đó. Có một mâu thuẫn rành rành giữa xu hướng muốn mở rộng vô hạn độ sản xuất, — xu hướng đặc trưng của chủ nghĩa tư bản, — với tiêu dùng bị hạn chế của quần chúng nhân dân (hạn chế vì địa vị vô sản của họ). Chính Mác đã xét thấy mâu thuẫn đó trong những nguyên lý mà phái dân túy thường thích dẫn ra để làm chứng cớ cho quan điểm của họ về mâu thuẫn của thị trường trong nước, về tính chất không tiến bộ của chủ nghĩa tư bản, v.v., v.v.. Sau đây là một vài nguyên lý đó: «Mâu thuẫn trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa: công nhân khi họ là người mua hàng hóa thì rất quan trọng đối với thị trường. Nhưng khi họ là người bán hàng hóa của họ, tức bán sức lao động, thì xã hội tư bản lại có xu hướng dùng một giá cả thấp nhất để hạn chế họ» *(Das Kapital,* I, tr. 303).

«... Các điều kiện của việc thực hiện... đều bị hạn chế bởi tính tỷ lệ giữa các ngành sản xuất khác nhau và bởi

sức tiêu dùng của xã hội... Khả năng sản xuất càng phát triển, thì càng xung đột với nền móng chật hẹp của quan hệ tiêu dùng». *(như trên,* III, 1, tr. 225 - 226). «Những giới hạn mà trong đó có thể và phải thực hiện việc duy trì và phát triển giá trị — tư bản trên cơ sở tước đoạt và bần cùng hóa quần chúng sản xuất, thì luôn luôn mâu thuẫn với những phương pháp sản xuất mà tư bản phải áp dụng để đạt mục đích của nó, những phương pháp làm cho sản xuất tăng thêm vô hạn, làm cho lực lượng sản xuất xã hội phát triển tuyệt đối, những phương pháp lấy sản xuất làm mục đích tối cao... Vì vậy, nếu phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa là một phương tiện trong lịch sử để phát triển sức sản xuất vật chất và tạo ra một thị trường thế giới thích hợp, thì đồng thời nó lại là một mâu thuẫn thường xuyên giữa sứ mệnh lịch sử đó của nó với những quan hệ sản xuất xã hội riêng biệt của nó» (III, 1, tr. 232. Bản dịch ra Nga văn, tr. 194). «Nguyên nhân hết sức căn bản gây ra tất cả những cuộc khủng hoảng thật sự thì bao giờ cũng vẫn là sự nghèo khổ và tiêu dùng bị hạn chế của quần chúng, sự nghèo khổ và tiêu dùng bị hạn chế này đối lập với xu hướng của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa là phát triển lực lượng sản xuất làm như thể chỉ có sức tiêu dùng tuyệt đối của xã hội mới là giới hạn của lực lượng sản xuất». (III, 2, 21. Bản dịch ra Nga văn, tr. 395). Tất cả những nguyên lý đó đều chứng tỏ cái mâu thuẫn đã nói trên, giữa xu hướng mở rộng sản xuất vô hạn với tiêu dùng bị hạn chế, và chỉ có thế mà thôi*». Không có gì vô

* Chính đoạn này đã được một người danh tiếng lừng lẫy (lừng lẫy theo kiểu E-rô-stơ-rát) là E. Béc-stanh trích dẫn trong quyển sách của ông nhan đề : *« Tiền đề của chủ nghĩa xã hội » (Die Voraussetzungen,* v.v., Stút-ga, 1899, tr. 67). Dĩ nhiên là con người cơ hội chủ nghĩa của chúng ta đã bỏ chủ nghĩa Mác để quay trở về với khoa kinh tế

lý hơn là căn cứ vào những đoạn đó trong bộ *Tư bản* mà suy luận ra rằng hình như Mác đã không thừa nhận khả năng thực hiện giá trị thặng dư trong xã hội tư bản, rằng Mác giải thích khủng hoảng là do tiêu dùng không đủ, v.v.. Phân tích về thực hiện, Mác đã chứng minh rằng « xét đến cùng thì sự lưu thông giữa tư bản bất biến với tư bản bất biến bị hạn chế bởi tiêu dùng cá nhân »; nhưng phần phân tích này cũng tỏ rõ tính chất chân chính của sự « hạn chế » đó; phần phân tích đó chứng minh rằng trong sự hình thành thị trường trong nước, vai trò của hàng tiêu dùng không quan trọng bằng vai trò của tư liệu sản xuất. Và cũng không có gì vô lý hơn là căn cứ vào các mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản mà suy ra rằng không thể có chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa tư bản không có tính chất tiến bộ v.v., làm như vậy có nghĩa là chạy trốn lên chín tầng

---

học tư sản cũ, con người đó vội vàng tuyên bố rằng đây là điều mâu thuẫn trong lý luận của Mác về vấn đề khủng hoảng, rằng quan niệm đó của Mác « chẳng khác gì mấy với lý luận khủng hoảng của Rốt-béc-tu-xơ ». Sự thực, chỉ có sự « mâu thuẫn » giữa một bên là những lời huênh hoang của Béc-stanh với một bên là chủ nghĩa chiết trung vô nghĩa của y và thái độ của y không chịu hiểu lý luận của Mác. Béc-stanh không hiểu lý luận về thực hiện đến mức nào, thì điều đó tỏ rõ ở lập luận hết sức quái gở của y, cho rằng số sản phẩm thặng dư tăng lên rất nhiều thì *tất nhiên* số người hữu sản phải tăng thêm (hay là phúc lợi của công nhân tăng thêm); bởi vì, các bạn hãy nghe đây, bản thân bọn tư bản và « tôi tớ » của chúng *(sic!* Tr. 51 - 52) không thể « tiêu dùng » hết toàn bộ sản phẩm thặng dư!!! *(chú thích ở lần xuất bản thứ hai).*

Ông Tu-gan Ba-ra-nốp-ski đã tưởng lầm rằng khi nêu những nguyên lý đó lên thì Mác đã tự mâu thuẫn với những điều mà Mác đã phân tích về thực hiện *(Thế giới của Thượng đế*, 1898, số 6, tr. 123, trong bài: « Chủ nghĩa tư bản và thị trường »). Ở đây Mác không hề có gì mâu thuẫn cả, bởi vì chính sự phân tích của Mác về thực hiện cũng tỏ rõ mối liên hệ giữa tiêu dùng sản xuất và tiêu dùng cá nhân.

mây xanh của những mộng tưởng lãng mạn để tránh cái thực tại không hay ho nhưng chắc chắn là có thực. Mâu thuẫn giữa xu hướng mở rộng sản xuất vô hạn với tiêu dùng bị hạn chế không phải là mâu thuẫn duy nhất của chủ nghĩa tư bản là chế độ, nói chung, không thể tồn tại và phát triển mà không có mâu thuẫn. Các mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản chứng tỏ tính chất tạm thời của nó trong lịch sử; các mâu thuẫn đó giải thích những điều kiện và những nguyên nhân làm cho chủ nghĩa tư bản tan rã và chuyển lên một hình thái cao hơn, nhưng các mâu thuẫn đó vẫn không hề phủ nhận tính khả năng của chủ nghĩa tư bản và tính chất tiến bộ của nó so với những chế độ kinh tế xã hội trước kia (1).

VII. LÝ LUẬN VỀ THU NHẬP QUỐC DÂN

Sau khi đã trình bày những nguyên lý cơ bản của lý luận về thực hiện của Mác, chúng tôi còn thấy cần phải nói qua về tầm quan trọng lớn lao của lý luận đó đối với lý luận về « tiêu dùng », về « phân phối » và về « thu nhập » quốc dân. Tất cả những vấn đề này, nhất là vấn đề sau cùng, cho đến nay, vẫn là vật chướng ngại đối với các nhà kinh tế học. Họ càng nói nhiều và viết nhiều về vấn đề đó thì sự lẫn lộn nảy ra từ sai lầm cơ bản của A. Smít lại càng tăng thêm. Sau đây là một vài thí dụ về sự lẫn lộn đó.

Ví dụ, điều đáng chú ý là Pơ-ru-đông, tuy đã dùng cho lý luận cũ một cách trình bày khác hơn đôi chút, nhưng kết cục vẫn là lắp lại cũng một sai lầm đó. Pơ-ru-đông nói:

(1) Xem *Bàn về đặc điểm của chủ nghĩa lãng mạn kinh tế (Xi-smôn-đi và môn đồ Xi-smôn-đi ở nước ta)*. (Xem V. Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1961, t. 2, tr. 153 - 339). *(B.T.)*

« *A* (tức là tất cả những người sở hữu tài sản những chủ xí nghiệp và những nhà tư bản) bắt đầu kinh doanh một xí nghiệp với 10.000 phơ-răng, đem số tiền này ứng trước cho công nhân, ngược lại, công nhân phải chế tạo ra sản phẩm; sau khi đã biến tiền bạc của mình thành hàng hóa như vậy, thì sản xuất kết thúc, chẳng hạn là sau một năm, *A* lại phải biến hàng hóa thành tiền bạc. Anh ta sẽ bán hàng hóa cho ai? Dĩ nhiên là bán cho công nhân, vì trong xã hội chỉ có hai giai cấp thôi: một bên là chủ xí nghiệp, một bên là công nhân. Các công nhân đó do đem đổi sản phẩm lao động của họ đã nhận được 10.000 phơ-răng tiền công để chi dùng cho những nhu cầu sinh hoạt tối thiểu, nhưng bây giờ, lại phải trả hơn 10.000 phơ-răng cho một khoản mà *A* thu thêm dưới hình thức lợi tức và các thứ lợi nhuận khác mà anh ta đã hy vọng từ đầu năm: 10.000 phơ-răng đó, công nhân chỉ có thể trả bằng cách đi vay, tức là lại sa vào nợ nần ngày một nhiều và bị nghèo khổ. Trong hai tình hình sau đây ắt sẽ xảy ra một: hoặc là người công nhân chỉ tiêu dùng 9 trong khi đã sản xuất ra 10, hoặc là chỉ hoàn lại cho chủ xí nghiệp số tiền công của mình thôi, nhưng như vậy thì chủ xí nghiệp bị phá sản và rơi vào cảnh nghèo khổ, bởi vì anh ta không lấy được lợi tức của tư bản, lợi tức mà bản thân anh ta lại buộc phải trả». (Diehl: *Proudhon*, II, 200 (1), theo tập *Công nghiệp*. Những bài trong Handwörterbuch der Staatswissenschaften (2), Mạc-tư-khoa, 1896, tr. 101).

Như bạn đọc đã thấy, đó vẫn là cái khó khăn mà các ông V.V. và N.-ôn cũng đã cố công gỡ mãi: làm thế nào để thực hiện giá trị thặng dư? Chỉ có điều là Pơ-ru-đông

(1) *Đin: Pơ-ru-đông*, quyển II, tr. 200. *(N.D.)*

(2) Từ điển khoa học quốc gia. *(N.D.)*

trình bày điều đó dưới một hình thức hơi đặc biệt mà thôi. Sự đặc biệt ấy của cách trình bày của ông ta càng làm cho phái dân túy ở ta gần với Pơ-ru-đông hơn nữa: cũng như Pơ-ru-đông, họ cho rằng « khó khăn » chính là ở sự thực hiện giá trị thặng dư (thực hiện lợi tức hay lợi nhuận, theo cách nói của Pơ-ru-đông), chứ không biết rằng quan niệm mơ hồ mà họ học được ở các nhà kinh tế học cũ làm cho họ không những không giải thích được sự thực hiện giá trị thặng dư, mà cũng không giải thích được cả sự thực hiện *tư bản bất biến*, nghĩa là cái « khó khăn » của họ là do chỗ không hiểu được toàn bộ quá trình thực hiện sản phẩm trong xã hội tư bản chủ nghĩa.

Đối với cái « lý luận » đó của Pơ-ru-đông, Mác đã nhận xét một cách mỉa mai như sau:

« Pơ-ru-đông tự nhận là không thể « hiểu » nổi « việc đó (tức là sự thực hiện sản phẩm trong xã hội tư bản chủ nghĩa) và biểu hiện sự không hiểu đó trong cái công thức vô lý là: *L'ouvrier ne peut racheter son propre produit* (1) (công nhân không thể mua lại sản phẩm của bản thân mình), bởi vì trong sản phẩm đó đã chứa đựng cả cái lợi tức cộng thêm vào giá thành ». *(Das Kapital,* III, 2, 379. Bản dịch ra Nga văn, tr. 698, có chỗ dịch sai).

Mác còn nhắc lại một lời nhận xét chống lại Pơ-ru-đông của một nhà kinh tế học tầm thường là Phoóc-ca-đơ (*Forcade*), ông này đã « tổng hợp một cách rất chính xác điều khó khăn mà Pơ-ru-đông đã trình bày dưới một hình thức nhỏ hẹp đến như thế ». Phoóc-ca-đơ nói rằng giá cả của hàng hóa không phải chỉ gồm có một số thừa ngoài tiền công, tức là lợi nhuận, mà còn gồm có một phần để bù

(1) Tiếng Pháp trong nguyên bản. *(N.D.)*

lại tư bản bất biến nữa, Phoóc-ca-đơ kết luận chống lại Pơ-ru-đông rằng như vậy là nhà tư bản cũng không thể dùng lợi nhuận của mình mà mua những hàng hóa mới (Phoóc-ca-đơ chẳng những không giải quyết được vấn đề, mà còn không hiểu ngay cả vấn đề nữa).

Rốt-béc-tu-xơ cũng chẳng đóng góp được gì mới vào vấn đề đó cả. Trong khi đặc biệt nhấn mạnh về luận điểm nói rằng « địa tô, lợi nhuận của tư bản và tiền công, gộp lại thành thu nhập »*, Rốt-béc-tu-xơ thực ra vẫn không có một khái niệm rõ rệt về « thu nhập ». Trong khi trình bày rằng khoa kinh tế chính trị nếu theo « phương pháp đúng » (*s.đ.d.*, tr. 26) thì phải làm những nhiệm vụ gì, ông ta cũng nói đến sự phân phối thu nhập quốc dân: « Nó » (tức là « khoa học » chân chính « về kinh tế *quốc dân* », chữ ngả là do Rốt-béc-tu-xơ viết) « phải vạch rõ cho người ta thấy như thế nào mà có một phần của toàn bộ sản phẩm quốc dân luôn luôn được dùng để *bù lại* tư bản đã dùng vào sản xuất hay là tư bản đã hao mòn, còn một phần nữa, coi là *thu nhập quốc dân*, lại được dùng để thỏa mãn những nhu cầu trực tiếp của xã hội và của các phần tử trong xã hội » (*như trên*, tr. 27). Nhưng tuy rằng khoa học chân chính phải vạch rõ điều đó, song « khoa học » của Rốt-béc-tu-xơ thì lại chẳng vạch rõ được tý gì trong lĩnh vực ấy cả. Bạn đọc thấy rằng Rốt-béc-tu-xơ chỉ lặp lại lời A. Smít đúng từng tiếng một, mà thậm chí hình như cũng không biết được rằng vấn đề chỉ mới bắt đầu từ đây mà thôi. Vậy những công nhân nào « bù lại » tư bản quốc dân? sản phẩm của họ thực hiện như thế

* *Dr. Rodbertus—Jagetzow: Zur Beleuchtung der sozialen Frage*, Berlin, 1875, S. 72 u. ff. (Bác-sĩ Rốt-béc-tu-xơ Gia-ghét-xu: *Về sự nghiên cứu vấn đề xã hội*, Bá-linh, 1875, tr. 72 trở đi).

nào? Rốt-béc-tu-xơ chẳng nói gì về những điểm này cả. Rốt-béc-tu-xơ tổng quát lý luận của mình (diese neue Theorie, die ich der bisherigen gegen — überstelle (1), tr. 32) thành những luận điểm riêng rẽ, trước hết ông ta nói đến phân phối sản phẩm quốc dân như sau: « Địa tô » (ta biết rằng Rốt-béc-tu-xơ dùng danh từ này để chỉ cái ta thường gọi là giá trị thặng dư) « và tiền công, do đó đều là những bộ phận cấu thành của sản phẩm, nếu sản phẩm là thu nhập » (tr. 33). Điều kiện phụ thêm hết sức quan trọng đó phải đưa ông ta đến vấn đề căn bản nhất: ông ta vừa mới nói rằng thu nhập là chỉ những vật dùng để « thỏa mãn nhu cầu trực tiếp ». Như vậy tức là có những sản phẩm không dùng cho tiêu dùng cá nhân. Vậy những sản phẩm này được thực hiện như thế nào? Nhưng ở đây Rốt-béc-tu-xơ không nhìn thấy có sự mập mờ, và quên ngay điều kiện phụ thêm trên kia, mà nói trắng ra rằng *« sản phẩm chia làm ba bộ phận »* (tiền công, lợi nhuận và địa tô) (tr. 49, 50, v.v.). Như vậy là về thực chất, Rốt-béc-tu-xơ đã lặp lại lý luận của A. Smít với tất cả cái sai lầm cơ bản của nó và chẳng hề giải thích gì về thu nhập cả. Lời hứa sẽ nêu lên một lý luận mới đầy đủ và hoàn hảo hơn về sự *phân phối sản phẩm quốc dân** quả là một lời nói suông. Thực tế thì Rốt-béc-tu-xơ chẳng làm cho

---

(1) Cái lý luận mới ấy mà tôi đem đối lập với những lý luận đã có từ trước tới nay. *(N.D.)*

* *Như trên,* tr. 32: « ... bin ich genötigt der vorstehenden Skizze einer besseren Methode auch noch eine vollständige, solcher besseren Methode entsprechende Theorie, wenigstens der *Verteilung des National produkts,* hinzuzufügen ». (« ... tôi buộc phải thêm vào cái khái luận của một phương pháp tốt nhất này một lý luận đầy đủ và thích hợp với phương pháp tốt nhất đó, ít nhất là về *sự phân phối sản phẩm quốc dân*). *(N.D.)*

lý luận tiến được nửa bước trong vấn đề đó; quan niệm của ông ta về « thu nhập » mơ hồ đến mức nào, điều đó đã biểu hiện ngay ở những lập luận dài dòng của ông ta trong bức thư xã hội thứ tư gửi cho Phôn Kiếc-khơ-man (*Das Kapital,* bản in ở Bá-linh, 1884), bàn về vấn đề có nên quy *tiền bạc* vào thu nhập quốc dân không, tiền công có phải là lấy ở tư bản hoặc ở thu nhập hay không, tất cả những điều lập luận trên đây, theo Ăng-ghen thì đều « thuộc lĩnh vực kinh viện » (Vorwort (1) cho quyển II bộ *Tư bản,* tr. 21)*.

Cho đến nay quan niệm của các nhà kinh tế học về thu nhập quốc dân vẫn hoàn toàn mơ hồ. Như Héc-cơ-ne chẳng hạn, ở mục nói về « Khủng hoảng » trong tập *Handwörterbuch der Staatswissenschaften* (tập sách đã dẫn, tr. 81), ở đoạn nói về sự thực hiện sản phẩm trong xã hội tư bản chủ nghĩa (mục 5 — « phân phối »), Héc-cơ-ne cho rằng lập luận của K. G. Rau là « đạt », mặc dù Rau chỉ lặp lại sai lầm của A. Smít và chia toàn bộ sản phẩm của xã hội ra thành thu nhập. R. May-e, trong mục nói về « thu nhập » (*như trên,* tr. 283 và những trang tiếp theo) có dẫn những định nghĩa mập mờ của A. Véc-ne (mà Véc-ne thì lại cũng lặp lại sai lầm của A. Smít) và thực thà thú nhận là « khó mà phân biệt được thu nhập với tư bản », và « khó nhất là phân biệt thu hoạch (Ertrag) với thu nhập (Einkommen) ».

(1) Lời tựa. *(N.D.)*

* Vì vậy K. Đin đã hoàn toàn lầm khi ông ta nói rằng Rốt-béc-tư-xơ đã nêu được « một lý luận mới về sự phân phối thu nhập » *Handwörterbuch der Staatswissenschaften.* Art. « Rodbertus », B. V. S. 448. (Từ điển khoa học Nhà nước, Mục « Rốt-béc-tu-xơ », q. V, tr. 448).

Như vậy, chúng ta thấy rằng những nhà kinh tế học đã và hiện vẫn đang còn ba hoa chỉ trích các tác giả cổ điển (và cả Mác nữa) là chưa chú ý đầy đủ đến « phân phối » và « tiêu dùng », thì bản thân họ lại chẳng hề mảy may có thể giải thích được những vấn đề căn bản nhất của « phân phối » và « tiêu dùng ». Điều đó cũng dễ hiểu thôi, bởi vì người ta không thể nào bàn tới vấn đề « tiêu dùng » nếu người ta chưa hiểu quá trình tái sản xuất của toàn bộ tư bản xã hội và quá trình bù lại các bộ phận cấu thành khác nhau của sản phẩm xã hội. Ví dụ đó lại xác nhận một lần nữa sự vô lý của việc tách rời « phân phối » với « tiêu dùng », thành những bộ phận độc lập của khoa học, thích hợp với những quá trình và những hiện tượng độc lập trong đời sống kinh tế. Khoa học kinh tế chính trị tuyệt nhiên không nghiên cứu về « sản xuất », mà nghiên cứu những quan hệ xã hội giữa người với người trong lĩnh vực sản xuất, nghiên cứu kết cấu xã hội của sản xuất. Khi đã giải thích rõ và phân tích triệt để các quan hệ xã hội đó, thì *chính nhờ đó* mà xác định được địa vị của mỗi giai cấp trong sản xuất, và do đó xác định được phần tỷ lệ mà mỗi giai cấp được hưởng trong tiêu dùng quốc dân. Và cách giải quyết vấn đề mà phái kinh tế chính trị cổ điển loay hoay không tìm ra được, và tất cả các chuyên gia về « phân phối » và « tiêu dùng » cũng chẳng tiến hơn được nửa bước, — cách giải quyết đó đã được tìm ra là nhờ một lý luận, rất gần gũi ngay với phái cổ điển và đã phân tích được triệt để việc sản xuất của tư bản cá nhân và tư bản xã hội.

Vấn đề « thu nhập quốc dân » và « tiêu dùng quốc dân » là một vấn đề nếu tách riêng ra mà xét thì tuyệt đối không giải quyết được, và chỉ đẻ thêm những lập luận kinh viện,

những định nghĩa và phân loại, nhưng khi quá trình sản xuất của tổng tư bản xã hội đã được phân tích thì vấn đề đó lại được giải quyết hoàn toàn. Hơn nữa, vấn đề đó sẽ không còn tồn tại riêng rẽ nữa khi người ta đã giải thích được quan hệ giữa tiêu dùng quốc dân và sản phẩm quốc dân, cũng như sự thực hiện từng bộ phận của sản phẩm đó. Chỉ còn việc *đặt tên* cho các bộ phận khác nhau đó mà thôi.

« Nếu muốn tránh những sự rắc rối và khó khăn không cần thiết, thì phải phân biệt giữa tổng thu hoạch (Rohertrag) và thu nhập ròng với tổng thu nhập và thu nhập ròng.

Tổng thu hoạch hay tổng sản phẩm là toàn bộ sản phẩm đã được tái sản xuất...

Tổng thu nhập là phần giá trị (và là phần tổng sản phẩm đo bằng giá trị đó — Bruttoprodukts oder Rohprodukts) còn lại sau khi đã trừ đi trong toàn bộ sản phẩm, phần giá trị (và phần sản phẩm đo bằng giá trị này) dùng để thay thế cho tư bản bất biến đã ứng trước và đã tiêu dùng vào sản xuất. Vậy tổng thu nhập thì bằng với tiền công (hay là bằng với cái phần sản phẩm sẽ lại trở thành thu nhập của người thợ) + lợi nhuận + địa tô. Trái lại, thu nhập ròng là giá trị thặng dư, và do đó là phần sản phẩm thặng dư ngoài tiền công và là phần sản phẩm thặng dư đại biểu cho giá trị thặng dư (cũng như sản phẩm thặng dư đo bằng giá trị thặng dư đó) do tư bản thực hiện và phải chia xẻ với người chiếm hữu ruộng đất.

... Nếu xét thu nhập của toàn bộ xã hội, thì thu nhập quốc dân gồm có tiền công + lợi nhuận + địa tô, tức là gồm có tổng thu nhập. Nhưng đây chỉ mới là một điều trừu tượng mà thôi, vì toàn thể xã hội dựa trên sản xuất tư bản chủ nghĩa thì đều đứng trên quan điểm tư bản

chủ nghĩa mà cho rằng thu nhập ròng chỉ là thu nhập gồm có lợi nhuận và địa tô » (III, 2, 375 - 376. Bản dịch ra Nga văn, tr. 695 - 696).

Như vậy là sự giải thích về quá trình thực hiện cũng soi sáng cho vấn đề thu nhập, vì đã giải quyết được cái khó khăn cơ bản ngăn cản không cho người ta nhìn rõ vấn đề tức là: làm sao mà « thu nhập của người này lại trở thành tư bản của người kia » được? làm sao mà cái sản phẩm do những hàng tiêu dùng cá nhân tạo thành và phân ra hoàn toàn thành tiền công, lợi nhuận và địa tô lại còn có thể bao gồm cả phần bất biến của tư bản tức là phần không bao giờ có thể trở thành thu nhập cả? Phần phân tích sự thực hiện trong phần ba, quyển II *Tư bản* đã hoàn toàn giải quyết các vấn đề đó, và trong phần cuối cùng của quyển III, *Tư bản*, dành cho vấn đề « thu nhập », thì Mác chỉ còn có việc đặt tên cho các bộ phận của sản phẩm xã hội, và dẫn lại lời phân tích ở quyển II mà thôi*.

V. I. Lê-nin, *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1969, t. 3, tr. 28 - 63.

* Xem *Das Kapital*, III, 2, VII. Abschnitt : *Die Revenuen*, chap. 49. *Zur analyse des Produktions prozesses* (*Tư bản* quyển III, ph. 2, th. VII: *Thu nhập*, ch. 49. *Phân tích về quá trình sản xuất*). (*N.D.*). (Bản dịch ra Nga văn, tr. 688 - 706). Ở đây, Mác cũng vạch ra những điều kiện đã làm cho các nhà kinh tế học từ trước đến giờ không hiểu được quá trình đó (tr. 379 - 382. Bản dịch ra Nga văn, tr. 698 - 700),

Trích:

MỘT SỰ PHÊ PHÁN KHÔNG CÓ TÍNH CHẤT PHÊ PHÁN(1)

« Ông I-lin... bỏ không nói đến những đặc điểm căn bản của xã hội tư bản và do đó, biến xã hội ấy thành một nền sản xuất có kế hoạch, — tính cân đối trong sự phát triển của các ngành sản xuất biểu hiện một cách hiển nhiên tính chất có kế hoạch của sản xuất, — nên cuối cùng ông đã thực hiện được một cách thuận lợi ở trong nước một số lượng sản phẩm như thế » (2286). Cái phương pháp mới ấy của « nhà phê phán » là định đem nhồi vào đầu óc tôi cái tư tưởng cho rằng chủ nghĩa tư bản có thể nói là bảo đảm một sự cân đối thường xuyên. Một sự cân đối thường xuyên, được duy trì một cách tự giác, quả thật cũng nói lên một tính kế hoạch nào đấy, nhưng đó hẳn không phải là sự cân đối, vì sự cân đối (chỉ được xác lập như là con

(1) Đây là bài của Lê-nin viết vào tháng Ba năm 1900, trả lời bài phê bình đầy ác ý của ông Sco-voóc-txốp, một trong những « người mác-xít hợp pháp ». Trong bài này, V. I. Lê-nin vạch rõ rằng, dưới chủ nghĩa tư bản, sự cân đối là giả định ra. Sự cân đối dưới chủ nghĩa tư bản phải trải qua một cuộc khủng hoảng và nó lại thường xuyên bị phá hoại. *(B.T.)*

số bình quân của một loạt biến động thường xuyên » (đó chính là điều mà tôi đã chỉ ra ở chỗ mà ông Scơ-voóc-txốp đã dẫn chứng). Tôi nói rành mạch rằng sự cân đối (hay tương xứng) là do lý luận « *giả định* » ra mà thôi, nhưng trong thực tế thì nó « *luôn luôn bị phá hoại* », và muốn đem thay cách phân phối tư bản đó bằng một cách phân phối khác để làm sao có được một sự cân đối thì « *cần phải có một cuộc khủng hoảng* » (tất cả những chữ viết ngả này đều cùng ở trang 60 mà ông Scơ-voóc-txốp đã dẫn ra). Thử hỏi đối với một nhà phê bình đã gán cho đối phương của mình là biến chủ nghĩa tư bản thành một nền sản xuất có kế hoạch, bằng cách dẫn chứng ngay cái trang và ngay cái đoạn mà trong đó đối phương khẳng định rằng chủ nghĩa tư bản *cần phải trải qua một cuộc khủng hoảng* mới tạo nên được một sự cân đối *thường xuyên bị phá hoại!* — đối với nhà phê bình đó, ta có thể nghĩ thế nào nhỉ?

V. I. Lê-nin, *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1969, t. 3, tr. 800 - 801.

BÀN QUA VỀ THUYẾT THỊ TRƯỜNG

(NHÂN CUỘC LUẬN CHIẾN GIỮA
Ô. TU-GAN BA-RA-NỐP-SKI VÀ
Ô. BUN-GA-CỐP)

Vấn đề thị trường trong xã hội tư bản chủ nghĩa, như người ta đều biết, đã chiếm một địa vị cực kỳ quan trọng trong học thuyết của những nhà kinh tế học dân túy, đứng đầu là các ông V.V. và N.-ôn. Cho nên hoàn toàn dĩ nhiên là những nhà kinh tế học không tán thành học thuyết của phái dân túy đều cho là cần phải làm cho người ta lưu ý đến vấn đề đó và trước tiên là cần phải làm sáng tỏ những điểm cơ bản, những nguyên lý trừu tượng của « thuyết thị trường ». Đó là việc mà ô. Tu-gan Ba-ra-nốp-ski đã toan tính làm vào năm 1894 trong quyển *Những cuộc khủng hoảng công nghiệp ở nước Anh cận đại*, ở chương I trong phần II: « Thuyết thị trường ». Năm ngoái, ô. Bun-ga-cốp đã đề cập đến vấn đề này trong quyển sách của ông ta: *Những thị trường trong sản xuất tư bản chủ nghĩa* (Mạc-tư-khoa, 1897). Hai tác giả này cùng có những quan niệm chủ yếu giống nhau; cả hai tác phẩm đều nhằm trình bày sự phân tích xuất sắc về « lưu thông và tái sản xuất toàn bộ tư bản xã hội » mà Mác đã đưa ra trong phần III, quyển II, bộ *Tư bản*. Hai nhà kinh tế học đều nhất trí

nhận định rằng những lý luận của các ông V.V. và N.-ôn về thị trường (nhất là về thị trường trong nước) trong xã hội tư bản chủ nghĩa là hoàn toàn sai, và sai là do các ông này hoặc không biết đến hoặc không hiểu được sự phân tích của Mác. Cả hai đều thừa nhận rằng: sản xuất tư bản chủ nghĩa phát triển thì tự tạo ra thị trường cho mình, chủ yếu là dựa vào *tư liệu sản xuất chứ không dựa vào tư liệu tiêu dùng;* sự thực hiện sản phẩm nói chung, và sự thực hiện giá trị thặng dư nói riêng, là điều hoàn toàn có thể giải thích được mà không cần đến thị trường ngoài nước; sự cần thiết phải có thị trường ngoài nước đối với một nước tư bản chủ nghĩa tuyệt nhiên không phải là do những điều kiện của sự thực hiện sinh ra (như các ông V.V. và N.-ôn đã tưởng), mà do những điều kiện lịch sử v.v.. Vì hoàn toàn nhất trí với nhau như thế, nên hai ông Bun-ga-cốp và Tu-gan Ba-ra-nốp-ski có lẽ không có gì để tranh luận với nhau và có thể đồng tâm hiệp lực để phê phán kinh tế học dân túy một cách tỉ mỉ và sâu sắc hơn nữa. Nhưng, trên thực tế, đã xảy ra một cuộc luận chiến giữa hai tác giả (Bun-ga-cốp, tác phẩm đã dẫn, tr. 246-257 và *passim;* Tu-gan Ba-ra-nốp-ski, trong tạp chí *Thế giới của Thượng đế,* số 6, năm 1898, bài: « Chủ nghĩa tư bản và thị trường », nhân đọc quyển sách của X. Bun-ga-cốp). Theo ý chúng tôi, ô. Bun-ga-cốp cũng như ô. Tu-gan Ba-ra-nốp-ski đều đã đi hơi xa trong cuộc luận chiến của họ, làm cho lời nhận xét của họ có tính chất quá tư cá nhân. Chúng ta hãy xem các ông ấy có những ý kiến bất đồng thực sự hay không và, nếu có, thì giữa hai ông ấy, ai có lý hơn.

Trước hết, ô. Tu-gan Ba-ra-nốp-ski buộc cho Bun-ga-cốp là « ít có tính sáng tạo » và quá ưa thích cái lối jurare

in verba magistri (1) *(Thế giới của Thượng đế,* tr. 123). Ô. Tu-gan Ba-ra-nốp-ski nói: « Sự giải đáp mà tôi đã trình bày về tác dụng của thị trường ngoài nước đối với một nước tư bản chủ nghĩa — giải đáp mà chính ô. Bun-ga-cốp cũng đã hoàn toàn thừa nhận — thì tuyệt nhiên không phải là mượn của Mác ». Chúng tôi thấy rằng lời nói đó không đúng, vì ô. Tu-gan Ba-ra-nốp-ski *chính là* đã lấy giải đáp ấy của Mác; và cũng hoàn toàn rõ ràng là ô. Bun-ga-cốp cũng đã lấy tài liệu ở cùng một nguồn, vì thế không nên tranh luận về « tính sáng tạo » hay không, mà nên tranh luận về việc giải thích luận điểm này hay luận điểm nọ của Mác, về sự cần thiết phải trình bày học thuyết của Mác theo cách này hay cách kia. Ô. Tu-gan Ba-ra-nốp-ski nói rằng Mác « trong quyển II, không hề đề cập đến vấn đề thị trường ngoài nước » *(s.d.d.)*. Nói như thế là không đúng. Cũng trong phần ấy (phần 3) của quyển II, mà trong đó Mác phân tích sự thực hiện sản phẩm, thì ông đã giải thích rõ ràng vai trò của ngoại thương và, do đó, Mác nói như sau:

« Nền sản xuất tư bản chủ nghĩa không thể tồn tại nếu không có ngoại thương. Nhưng, nếu chúng ta giả định một quá trình tái sản xuất hàng năm bình thường theo một quy mô nhất định, thì chúng ta cũng do đó giả định được rằng ngoại thương *chỉ thay những vật phẩm* (Artikel — hàng hóa) *bản xứ bằng những vật phẩm có một hình thức sử dụng và một hình thức tự nhiên khác,* mà không ảnh hưởng gì đến quan hệ giá trị. Vậy là nó cũng không ảnh hưởng gì đến những quan hệ giá trị mà căn cứ theo đó hai khu vực: tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng trao

(1) Thầy nói sao thì trò nói vậy. *(B.T.)*

đổi sản phẩm lẫn cho nhau, và nó càng không ảnh hưởng gì đến những quan hệ giữa tư bản bất biến, tư bản khả biến và giá trị thặng dư, tức là những tỷ số mà căn cứ theo đó giá trị sản phẩm của mỗi khu vực ấy được phân chia ra. Đưa vấn đề ngoại thương vào trong việc phân tích giá trị sản phẩm tái sản xuất ra hàng năm thì chỉ gây ra lẫn lộn, chứ không đem lại một yếu tố mới nào hoặc cho vấn đề hoặc cho cách giải đáp vấn đề cả. Vì vậy cần phải hoàn toàn gạt bỏ việc đó ra...» *(Das Kapital* II, S, 469). (Những chữ ngả là do chúng tôi viết). Nội dung «lời giải đáp vấn đề» do ô. Tu-gan Ba-ra-nốp-ski đưa ra, là như sau: «... trong mỗi nước có nhập khẩu hàng hóa của nước ngoài, thì đều có thể có tư bản thừa; đối với một nước như thế thì thị trường ngoài nước là tuyệt đối cần thiết» *(Những cuộc khủng hoảng công nghiệp*, tr. 429. Đã được dẫn trong tạp chí *Thế giới của Thượng đế*, đoạn đã trích dẫn, tr. 121); đây chỉ là nói lại luận điểm của Mác mà thôi. Mác nói rằng trong khi phân tích sự thực hiện thì không nên bàn đến vấn đề ngoại thương, vì ngoại thương chỉ thay thế một số hàng hóa này bằng một số hàng hóa khác mà thôi. Ô. Tu-gan Ba-ra-nốp-ski, khi nghiên cứu cũng vấn đề thực hiện ấy *(Những cuộc khủng hoảng công nghiệp*, chương I của thiên 2), đã viết rằng nước nào nhập khẩu hàng hóa thì cũng phải xuất khẩu hàng hóa, nghĩa là phải có một thị trường ngoài nước. Thế thì người ta có thể tự hỏi rằng «lời giải đáp vấn đề» của ô. Tu-gan Ba-ra-nốp-ski «tuyệt nhiên không phải là mượn của Mác hay sao? Ô. Tu-gan Ba-ra-nốp-ski nói ở đoạn dưới rằng «quyển II và quyển III bộ *Tư bản* chỉ là những sơ thảo chưa được hoàn chỉnh», rằng «vì lẽ ấy nên chúng ta không thấy ở quyển III những kết luận của sự phân tích xuất sắc đã được trình bày trong quyển II» *(s.đ.d.,* tr. 123). Cả lời

khẳng định này nữa cũng không đúng nốt. Ngoài những sự phân tích riêng biệt về tái sản xuất xã hội *(Das Kapital,* III', I, 289) — giải thích rõ sự thực hiện của tư bản bất biến đã « không dựa vào » tiêu dùng cá nhân theo ý nghĩa nào và trong chừng mực nào, — « chúng tôi còn thấy trong quyển III » có một chương đặc biệt (chương 49: « Bàn về sự phân tích quá trình sản xuất ») dành cho những kết luận của sự trình bày xuất sắc trong quyển II; trong chương này, những kết quả của sự phân tích ấy đều được dùng vào việc giải đáp một vấn đề rất quan trọng, vấn đề những hình thức thu nhập xã hội trong xã hội tư bản chủ nghĩa. Sau hết, cũng nên coi lời khẳng định sau đây của ô. Tu-gan Ba-ra-nốp-ski là không đúng, — lời khẳng định đó cho rằng « Mác, trong quyển III, bộ *Tư bản,* đã nói về vấn đề này một cách hoàn toàn khác hẳn », vì quyển ấy « thậm chí gồm có cả những điều khẳng định đã bị sự phân tích trên đây hoàn toàn bác bỏ » *(s.đ.d.,* tr. 123). Ô. Tu-gan Ba-ra-nốp-ski, ở trang 122 trong bài của mình, có dẫn ra hai điều khẳng định trong số những điều khẳng định đó, hai điều khẳng định đều mâu thuẫn với học thuyết cơ bản của Mác. Chúng ta hãy nghiên cứu hai điều đó một cách tường tận hơn. Trong quyển III, Mác nói: « Những điều kiện bóc lột trực tiếp và những điều kiện thực hiện việc bóc lột ấy không giống nhau. Chúng không những chỉ khác nhau về thời gian và không gian, mà đứng về mặt lý luận mà nói, thì chúng cũng không liên hệ với nhau. Điều kiện bóc lột trực tiếp thì chỉ bị hạn chế bởi sức sản xuất của xã hội mà thôi, điều kiện thực hiện bóc lột thì bị hạn chế bởi những tính tỷ lệ giữa các ngành sản xuất khác nhau và khả năng tiêu dùng của xã hội... Sức sản xuất (của xã hội) càng phát triển, thì nó càng

mâu thuẫn với cơ sở nhỏ hẹp mà trên đó các quan hệ tiêu dùng được xây dựng lên ». (III; 1, tr. 226. Bản dịch ra Nga văn, tr. 189). Ô. Tu-gan Ba-ra-nốp-ski giải thích đoạn này như sau: « Chỉ có tỷ lệ trong việc phân phối sản xuất quốc dân thì không đủ để đảm bảo khả năng tạo ra một thị trường cho các sản phẩm. Các sản phẩm này có thể không tự tìm ra được thị trường cho mình, ngay cả khi việc phân phối sản xuất được tiến hành theo những tỷ lệ nào đó, — rõ ràng đấy là ý nghĩa của những lời của Mác mà tôi đã dẫn ra trên kia ». Không, những lời nói ấy không có nghĩa là như thế đâu. Không có lý do gì để coi lời nói đó là một sự *sửa đổi* lý luận về thực hiện trình bày trong quyển II cả. Ở đây, Mác chỉ xác nhận cái mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản đã được vạch ra trong những đoạn khác của bộ *Tư bản*, tức là mâu thuẫn giữa xu hướng mở rộng *vô hạn* sản xuất và sự tất yếu của việc tiêu dùng *bị hạn chế* (do quần chúng nhân dân bị vô sản hóa). Ô. Tu-gan Ba-ra-nốp-ski chắc sẽ không chối cãi rằng mâu thuẫn này là mâu thuẫn *vốn có* của chủ nghĩa tư bản; và vì Mác đã nêu mâu thuẫn đó ra trong cùng đoạn ấy, nên chúng ta không có quyền gì để tìm một ý nghĩa khác cho những lời nói của ông. « Khả năng tiêu dùng của xã hội » và « tỷ lệ giữa những ngành sản xuất khác nhau » tuyệt nhiên không phải là những điều kiện riêng lẻ, độc lập, không có liên hệ qua lại với nhau. Trái lại, một tình trạng nhất định của tiêu dùng là một trong những yếu tố của tỷ lệ. Thật vậy, việc phân tích sự thực hiện đã chỉ rõ rằng thị trường trong nước của chủ nghĩa tư bản sở dĩ hình thành được là do dựa vào tư liệu sản xuất nhiều hơn là dựa vào tư liệu tiêu dùng. Vì thế khu vực I của sản xuất xã hội (chế tạo tư liệu sản xuất) có thể và phải phát triển nhanh

hơn khu vực II (chế tạo tư liệu tiêu dùng). Tuy vậy, đương nhiên không phải do đó mà việc chế tạo tư liệu sản xuất có thể phát triển được *một cách hoàn toàn độc lập* đối với việc chế tạo tư liệu tiêu dùng và *không có liên hệ gì với việc chế tạo tư liệu tiêu dùng ấy*. Về vấn đề này, Mác nói: « Như chúng ta đã thấy (quyển II, phần III), một sự lưu thông được diễn ra liên tục giữa tư bản bất biến và tư bản bất biến; trước hết sự lưu thông ấy không có liên quan gì với tiêu dùng cá nhân; như vậy có nghĩa là sự lưu thông ấy không đi vào lĩnh vực tiêu dùng này; tuy nhiên sự lưu thông ấy chung quy (définitivement) vẫn còn bị tiêu dùng cá nhân hạn chế, là vì việc sản xuất ra tư bản bất biến không bao giờ lại tiến hành cho bản thân mình, mà chỉ là vì người ta đã sử dụng nó nhiều hơn trong những lĩnh vực sản xuất cho tiêu dùng cá nhân » (III, 1, 289. Bản dịch ra Nga văn, tr. 242). Như vậy, suy cho đến cùng, tiêu dùng sản xuất (tiêu dùng tư liệu sản xuất) bao giờ cũng gắn liền với tiêu dùng cá nhân, nó luôn luôn phụ thuộc vào tiêu dùng cá nhân. Tuy nhiên đặc điểm của chủ nghĩa tư bản, một mặt, là xu hướng mở rộng vô cùng việc tiêu dùng sản xuất, mở rộng vô cùng việc tích lũy và sản xuất, và mặt khác, là việc vô sản hóa quần chúng nhân dân, do đó mà hạn chế khá nhiều việc mở rộng tiêu dùng cá nhân. Rõ ràng là ở đây chúng ta thấy có một mâu thuẫn trong sản xuất tư bản chủ nghĩa và Mác, trong đoạn đã dẫn ra ấy, chỉ xác nhận mâu thuẫn đó mà thôi*. Sự phân

* Một đoạn khác do ô. Tu-gan Ba-ra-nốp-ski dẫn ra [III, 1, 231, xem S. (Seite — trang. *N.D.*) 232 cho đến cuối đoạn] và nhận xét sau đây về khủng hoảng cũng đều hoàn toàn có nghĩa như thế: « Nguyên nhân cuối cùng của tất cả mọi cuộc khủng hoảng đã xảy ra thực sự bao giờ cũng vẫn là sự nghèo khổ của quần chúng và tình trạng quần chúng bị hạn chế trong việc tiêu dùng, điều này làm cản trở cho khuynh hướng

tích về thực hiện, trong quyển II, tuyệt nhiên không phủ nhận mâu thuẫn này (mặc dù ô. Tu-gan Ba-ra-nốp-ski cho là như thế) mà trái lại còn vạch ra mối liên hệ giữa tiêu dùng sản xuất và tiêu dùng cá nhân. Cố nhiên là người ta sẽ mắc một sai lầm lớn nếu căn cứ vào mâu thuẫn ấy của chủ nghĩa tư bản (hay căn cứ vào những mâu thuẫn khác của nó), mà suy ra rằng chủ nghĩa tư bản là không thể có được, hay chủ nghĩa tư bản không có tính chất tiến bộ, so với các chế độ kinh tế trước nó (như phái dân túy vẫn thường suy ra như thế). Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản chỉ có thể diễn ra qua một loạt những mâu thuẫn, và việc làm nổi bật những mâu thuẫn này ra chỉ là để chứng minh tính chất quá độ lịch sử của chủ nghĩa tư bản, chứng minh những điều kiện và nguyên nhân của cái xu thế của nó là chuyển lên một hình thức cao hơn.

Những điều nói trên dẫn chúng ta đến kết luận rằng sự giải đáp về vấn đề vai trò của thị trường ngoài nước, do ô. Tu-gan Ba-ra-nốp-ski trình bày, rõ ràng là mượn của Mác; không có một mâu thuẫn nào giữa quyển II và quyển III của bộ *Tư bản*, về vấn đề thực hiện (và thuyết thị trường) cả.

---

phát triển lực lượng sản xuất của tư bản chủ nghĩa, dường như giới hạn của sự phát triển này chỉ là cái khả năng tiêu dùng tuyệt đối của xã hội mà thôi». (*Das Kapital*, III, 2, 21. Bản dịch ra Nga văn, tr. 395). Nhận xét sau đây của Mác cũng có ý nghĩa như thế: «Mâu thuẫn trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa là: về mặt là người mua hàng hóa, thì công nhân rất quan trọng cho thị trường. Nhưng về mặt là những người bán hàng hóa của mình — tức là sức lao động — thì xã hội tư bản chủ nghĩa lại có khuynh hướng hạ họ xuống mức giá cả thấp nhất» (*Das Kapital*, II, 303). Trong báo *Lời nói mới*, số xuất bản tháng Năm 1897 (xem V. Lê-nin: *Toàn tập*, t. 2, tr. 166 - 167). — *(B.T.)*. Chúng tôi đã nói rằng ô. N.-ôn giải thích đoạn này không đúng như thế nào rồi. Giữa những đoạn trích dẫn ấy và sự phân tích về thực hiện trong phần III, quyển II, không có gì là mâu thuẫn cả.

Chúng ta bàn tiếp. Ô. Bun-ga-cốp buộc cho ô. Tu-gan Ba-ra-nốp-ski là đã đánh giá không đúng những học thuyết của các nhà kinh tế học trước Mác về vấn đề thị trường. Còn ô. Tu-gan Ba-ra-nốp-ski thì lại buộc cho ô. Bun-ga-cốp là đã tách những quan điểm của Mác khỏi cái cơ sở khoa học mà trên đó quan điểm ấy phát triển, và đã trình bày như thể « những quan điểm của Mác không có liên hệ gì với những quan điểm của các tiền bối của Mác ». Lời chê trách này của ô. Tu-gan Ba-ra-nốp-ski là hoàn toàn không có căn cứ, vì chẳng những ô. Bun-ga-cốp đã không đưa ra một ý kiến nào vô lý như thế, mà trái lại, ông đã trình bày quan điểm của những đại biểu của các môn phái trước Mác. Theo ý kiến chúng tôi, thì cả hai ông, trong khi trình bày lịch sử của vấn đề đó đều có khuyết điểm là rất ít chú ý đến A-đam Smít, là người mà đáng lý ra nhất thiết phải nói đến rất nhiều, khi phân tích *riêng* về « thuyết thị trường »; « nhất thiết phải » nói đến là vì A-dam Smít chính là thủy tổ của học thuyết sai lầm cho rằng sản phẩm xã hội chia thành tư bản khả biến và giá trị thặng dư (theo thuật ngữ của A-dam Smít tức là tiền công, lợi nhuận và địa tô); học thuyết ấy vẫn được người ta khư khư duy trì cho tới lúc Mác xuất hiện, và chẳng những nó không giúp giải quyết vấn đề thực hiện một cách đúng đắn, mà thậm chí cũng không giúp việc đặt vấn đề ấy một cách đúng đắn nữa. Ô. Bun-ga-cốp nói rất có lý rằng: « do điểm xuất phát không đúng và do nêu vấn đề lên một cách không đúng nên những cuộc tranh luận này » (những cuộc tranh luận về thuyết thị trường trong những sách báo kinh tế), « chỉ có thể dẫn đến những cuộc tranh cãi vô ích và có tính chất kinh viện » (chú thích ở trang 21, *s.d.d.*). Ấy thế mà tác giả chỉ dành vẻn vẹn có một trang nhỏ để nói về A-đam Smít, và không chú ý đến sự phân tích tường

tận và xuất sắc của Mác về học thuyết của nhà kinh tế học ấy, trong chương 19, quyển II, bộ *Tư bản* (II, tr. 353-383) và trái lại, ông lại nói nhiều đến học thuyết của những nhà lý luận không có tính sáng tạo và thuộc hàng thứ hai như J. X. Min và Phôn Kiếc-khơ-man. Còn ô. Tu-gan Ba-ra-nốp-ski, thì lại *hoàn toàn không nói tới A. Smít* và chính vì thế mà, trong khi trình bày những quan điểm của các nhà kinh tế học sau A. Smít, ông ta không *thấy được sai lầm căn bản của họ* (là lặp lại sai lầm nói trên của Smít). Cố nhiên là trong những điều kiện như thế, thì phân tích không thể thỏa đáng được. Chúng ta chỉ dẫn ra hai thí dụ thôi. Sau khi đưa ra công thức số 1 của ông để giải thích tái sản xuất giản đơn, ô. Tu-gan Ba-ra-nốp-ski nói: « Nhưng trường hợp tái sản xuất giản đơn mà chúng tôi đã giả định không gây ra một nghi vấn nào: theo như giả thuyết của chúng tôi, thì các nhà tư bản tiêu dùng hết lợi nhuận của họ; — như vậy, hiển nhiên là mức cung về hàng hóa không vượt quá mức cầu » (*Những cuộc khủng hoảng công nghiệp*, tr. 409). Nói như thế không đúng. Cái đó tuyệt đối không phải là « hiển nhiên » đối với những nhà kinh tế học trước kia, vì chính họ cũng không giải thích nổi ngay cả tái sản xuất giản đơn của tư bản xã hội; và lại, người ta cũng không thể nào giải thích được, nếu người ta không hiểu rằng về mặt giá trị thì sản phẩm xã hội chia thành: *tư bản bất biến* + tư bản khả biến + giá trị thặng dư, và về mặt hình thức vật chất, thì chia thành hai khu vực lớn: khu vực tư liệu sản xuất và khu vực tư liệu tiêu dùng. Vì vậy cho nên cả vấn đề này nữa cũng đã gây cho A-đam Smít những « nghi vấn » khiến ông ta gỡ không ra, như Mác đã vạch rõ. Nếu những nhà kinh tế học sau Smít mắc lại *sai lầm* của Smít, — mặc dù họ không có những *nghi vấn* như ông ta, — thì điều

đó chỉ chứng tỏ rằng trong vấn đề này họ đã đi một bước giật lùi về mặt lý luận. Ô. Tu-gan Ba-ra-nốp-ski cũng hoàn toàn sai lầm như thế khi ông ta nói: « Thuyết của Xay Ri-các-đô là tuyệt đối đúng về mặt lý luận; nếu những kẻ đối lập với hai ông chịu khó *tính* toán, bằng con số, cách thức phân phối hàng hóa trong kinh tế tư bản chủ nghĩa, thì có lẽ họ sẽ hiểu dễ dàng rằng việc phủ nhận thuyết này đã bao hàm mâu thuẫn về mặt lô-gích rồi » (*s.đ.d.*, tr. 427). Không phải đâu, thuyết của Xay Ri-các-đô là hoàn toàn sai về mặt lý luận: Ri-các-đô đã phạm cũng một sai lầm như Smít (xem *Toàn tập*, bản dịch của Xi-ê-be, Xanh Pê-téc-bua 1882, tr. 212) và Xay còn làm cho sai lầm ấy trầm trọng thêm bằng cách quả quyết rằng sự phân biệt giữa tổng sản phẩm và sản phẩm ròng, là hoàn toàn chủ quan. Và Xay Ri-các-đô, cũng như những kẻ đối lập với các ông ấy, dù có bỏ ra bao nhiêu thời giờ để « tính toán bằng con số » cũng vô ích thôi, họ sẽ chẳng đạt được kết quả nào hết, vì đây tuyệt nhiên không phải là vấn đề con số, như Bun-ga-cốp đã vạch ra rất đúng, khi ông ta nói tới một đoạn khác trong quyển sách của ô. Tu-gan Ba-ra-nốp-ski (Bun-ga-cốp, *s.đ.d.*, tr. 21, chú thích).

Bây giờ chúng ta bàn đến vấn đề khác trong cuộc tranh luận giữa ô. Bun-ga-cốp và ô. Tu-gan Ba-ra-nốp-ski: vấn đề những công thức bằng con số và ý nghĩa của những công thức đó. Ô. Bun-ga-cốp nói: những công thức của ô. Tu-gan Ba-ra-nốp-ski « do chỗ xa rời công thức mẫu » (nghĩa là công thức của Mác), « cho nên bị mất một phần lớn sức thuyết phục và không cắt nghĩa được quá trình tái sản xuất xã hội » (*s.đ.d.*, tr. 248), còn ô. Tu-gan Ba-ra-nốp-ski thì nói rằng « ô. Bun-ga-cốp không hiểu rõ ràng ngay cả mục đích của những công thức như thế » (*Thế giới của Thượng đế*, số 6, 1898, tr. 125). Theo ý chúng

tôi, trong trường hợp này, ô. Bun-ga-cốp hoàn toàn đúng. Chính ô. Tu-gan Ba-ra-nốp-ski mới «không hiểu rõ ý nghĩa của các công thức», khi ông ta cho rằng những công thức «chứng minh cho kết luận» *(như trên)*. Các công thức, tự chúng thì không thể chứng minh được gì hết; chúng chỉ có thể *minh họa* được quá trình, *nếu những yếu tố đặc biệt của quá trình ấy được soi sáng bằng lý luận*. Ô. Tu-gan Ba-ra-nốp-ski đã dựng lên những công thức riêng của mình, khác với những công thức của Mác (và hết sức không rõ ràng bằng những công thức của Mác), ngoài ra ông ta lại còn quên không giải thích, về mặt lý luận, những yếu tố của quá trình mà những công thức đó phải được dùng để minh họa. Luận điểm cơ bản của lý luận của Mác vạch ra rằng sản phẩm xã hội chia ra không những thành tư bản khả biến + giá trị thặng dư (như A-dam Smít, Ri-các-đô, Pơ-ru-đông, Rốt-béc-tu-xơ, v.v. vẫn tưởng lầm), mà còn chia ra thành tư bản bất biến + những bộ phận kể trên, — luận điểm đó hoàn toàn không được ô. Tu-gan Ba-ra-nốp-ski giải thích, mặc dù ông ta đã đem áp dụng vào các công thức của mình. Cho nên độc giả *không sao hiểu được* luận điểm cơ bản của học thuyết mới ấy. Ô. Tu-gan Ba-ra-nốp-ski đã hoàn toàn không nói rõ lý do vì sao cần phải phân biệt hai khu vực sản xuất xã hội (I: tư liệu sản xuất và II: tư liệu tiêu dùng) trong khi đó thì, theo nhận xét đúng của ô. Bun-ga-cốp, «chỉ riêng sự phân biệt đó cũng đã có nhiều ý nghĩa về mặt lý luận hơn là hết thảy mọi cuộc tranh luận về thuyết thị trường, là những cuộc tranh luận đã nảy ra trước khi có sự phân biệt trên» *(s.đ.d.,* tr. 27). Bởi vậy cho nên ô. Bun-ga-cốp đã trình bày lý luận của Mác thật là rõ ràng hơn và đúng hơn ô. Tu-gan Ba-ra-nốp-ski.

Cuối cùng nếu nghiên cứu một cách tương đối kỹ lưỡng hơn quyển sách của ô. Bun-ga-cốp, chúng ta tất phải có nhận xét như sau. Khoảng chừng một phần ba quyển sách của ông ta là dành cho những vấn đề về «sự chênh lệch giữa những chu kỳ của tư bản» và về «quỹ tiền công». Chúng tôi cho rằng những mục mang hai đầu đề đó là kém đạt nhất. Ở mục đầu trong các mục nói đó, tác giả có ý muốn bổ sung (xem tr. 63, chú thích) sự phân tích của Mác và đã sa vào trong những con tính và những công thức rất phức tạp để minh họa quá trình thực hiện, trên cơ sở có tính đến những sự chênh lệch trong chu kỳ của tư bản. Chúng tôi thấy dường như cái kết luận cuối cùng mà ô. Bun-ga-cốp đã đi đến (tức là kết luận cho rằng có sự chênh lệch của những chu kỳ của tư bản, nên muốn giải thích sự thực hiện, thì phải giả định là đã có những dự trữ của các nhà tư bản ở hai khu vực, xem tr. 85), đã nảy ra một cách hoàn toàn tự nhiên từ những quy luật chung của sản xuất và của lưu thông của tư bản, và do đó, bất tất phải giả định ra nhiều trường hợp khác nhau của những quan hệ giữa những chu kỳ của tư bản trong hai khu vực II và I và bất tất phải lập ra cả một loạt đồ biểu. Đối với mục thứ hai trong các mục nói đó thì cũng thế. Ô. Bun-ga-cốp chỉ ra rất đúng rằng ô. Héc-đen-stanh đã phạm sai lầm, khi ông này cho là đã tìm ra được một mâu thuẫn trong lý luận của Mác về vấn đề ấy. Tác giả vạch ra rất đúng rằng: «nếu người ta lấy một chu kỳ là một năm cho tất cả mọi tư bản, thì vào đầu cái năm mới đó, các nhà tư bản là những người sở hữu của tổng sản phẩm của năm đã qua, cũng như của số tiền ngang với giá trị ấy» (tr. 142 - 143). Nhưng thật là uổng công vô ích khi ô. Bun-ga-cốp mượn (tr. 92 và những trang sau) của những nhà kinh tế học trước kia cái lối họ đặt vấn đề ấy một cách thuần

túy kinh viện (tiền công có phải là lấy vào sản xuất đang tiến hành hay lấy vào sản xuất của thời kỳ lao động đã qua?), và đã tự tạo cho mình nhiều điều rắc rối vô ích, do chỗ ông ta «gạt bỏ» sự chỉ dẫn của Mác «dường như là mâu thuẫn với quan điểm cơ bản của ông ta», «do chỗ ông ta lập luận như thể là» «tiền công không phải lấy vào tư bản, mà lấy vào sản xuất hiện tại» (tr. 135). Mác không hề đặt vấn đề theo cách đó bao giờ cả. Nếu ô. Bun-ga-cốp cảm thấy bắt buộc phải «gạt bỏ» lời chỉ dẫn của Mác đi, đó là vì ông ta cố ý gán cho lý luận của Mác một cách đặt vấn đề mà lý luận đó hoàn toàn không biết đến. Một khi đã giải thích rõ được rằng toàn bộ quá trình sản xuất xã hội là có liên quan với việc những giai cấp khác nhau trong xã hội tiêu dùng sản phẩm, và đã giải thích rõ được cách thức mà các nhà tư bản đã tiến hành việc đầu tư cần thiết cho lưu thông hàng hóa, thì vấn đề muốn xét xem tiền công là lấy vào sản xuất hiện tại hay vào sản xuất đã qua là một vấn đề không còn có ý nghĩa thực sự của nó nữa. Vì thế nên khi xuất bản những quyển cuối cùng của bộ *Tư bản*, Ăng-ghen có nói trong bài tựa quyển II rằng những lời nghị luận của Rốt-béc-tu-xơ, chẳng hạn, để xác định xem «tiền công là lấy vào tư bản hay lấy vào thu nhập, thì đều thuộc phạm vi của triết học kinh viện và đều bị đập tan trong phần III quyển II bộ *Tư bản*» (*Das Kapital, II Vorwort, S. XXI*).

V. I. Lê-nin, *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1962, t. 4, tr. 66 - 78.

Trích:

TÀI LIỆU VỀ VIỆC SỬA ĐỔI CƯƠNG LĨNH CỦA ĐẢNG

CƯƠNG LĨNH
CỦA ĐẢNG CÔNG NHÂN DÂN CHỦ - XÃ HỘI NGA

Sự phát triển của trao đổi đã tạo nên giữa các dân tộc trên thế giới văn minh những mối liên hệ rất chặt chẽ khiến phong trào giải phóng to lớn của giai cấp vô sản phải trở thành — và từ lâu đã trở thành — một phong trào quốc tế.

Tự coi mình là một trong những chi đội của đạo quân vô sản thế giới, Đảng dân chủ — xã hội Nga cũng theo đuổi cùng một mục đích cuối cùng như những đảng dân chủ — xã hội ở tất cả các nước khác. Mục đích này là do tính chất và sự phát triển của xã hội tư sản hiện đại quyết định. Đặc điểm chủ yếu của xã hội này là sản xuất hàng hóa dựa trên những quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, trong đó phần lớn nhất và quan trọng nhất của tư liệu sản xuất và lưu thông hàng hóa đều thuộc về một giai cấp ít người, còn tuyệt đại đa số dân cư thì gồm có vô sản và nửa vô sản, những người này, do địa vị kinh tế của họ,

buộc phải luôn luôn hoặc từng thời kỳ, bán sức lao động của mình, nghĩa là đem thân đi làm thuê cho bọn tư bản để lấy tiền công và đem lao động của mình tạo ra thu nhập cho những giai cấp thượng tầng trong xã hội.

Phạm vi của các quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa không ngừng mở rộng dần dần cùng với sự cải tiến liên tục về kỹ thuật làm tăng thêm tầm quan trọng về kinh tế của các xí nghiệp lớn, loại trừ những người sản xuất độc lập nhỏ, làm cho một bộ phận trong bọn họ biến thành vô sản và lầm cho vai trò của những người khác trong đời sống kinh tế và xã hội bị thu hẹp lại, và đặt họ, ở đó đây, vào một địa vị lệ thuộc một cách ít nhiều hoàn toàn, ít nhiều rõ rệt và ít nhiều đau khổ đối với tư bản.

Ngoài ra, tiến bộ về kỹ thuật lại đem lại cho các chủ xưởng cái khả năng sử dụng ngày càng rộng rãi hơn sức lao động của đàn bà và trẻ em trong sản xuất và lưu thông hàng hóa. Và vì tiến bộ đó lại làm cho giảm bớt một cách tương đối nhu cầu về sức lao động, nên về nhân công cầu tất nhiên thấp hơn cung, điều này làm tăng thêm sự lệ thuộc lao động làm thuê đối với tư bản và tăng cường sự bóc lột.

Tình hình ấy trong các nước tư sản và sự cạnh tranh ngày càng trầm trọng thêm của các nước này trên thị trường thế giới, làm cho càng ngày càng khó tiêu thụ những hàng hóa, sản xuất ra mỗi ngày một nhiều. Tình trạng sản xuất thừa, biểu hiện ra bằng những cuộc khủng hoảng công nghiệp ít nhiều kịch liệt, kèm theo sau là những thời kỳ đình đốn về công nghiệp khá dài; tình trạng sản xuất thừa đó ở trong xã hội tư sản là một hậu quả không thể tránh được của sự phát triển của lực lượng sản xuất. Rồi những cuộc khủng hoảng và những thời kỳ đình đốn về công

nghiệp lại còn làm cho những người sản xuất nhỏ phá sản, còn làm cho lao động làm thuê lệ thuộc tư bản hơn nữa, đưa nhanh chóng hơn nữa tới chỗ làm cho tình cảnh của giai cấp công nhân trầm trọng thêm một cách tương đối và đôi khi một cách tuyệt đối.

Như vậy, cải tiến kỹ thuật có nghĩa là làm tăng thêm hiệu suất lao động và của cải xã hội, thì trong xã hội tư sản, lại đưa tới chỗ làm tăng thêm bất bình đẳng xã hội, tăng thêm sự cách biệt giữa người có của và người không có của, tăng thêm trong các tầng lớp lao động ngày càng rộng lớn tình trạng không kế sinh nhai, thất nghiệp và những thiếu thốn đủ mọi thứ.

Nhưng cùng với tất cả các mâu thuẫn đó của xã hội tư sản, dần dần lớn lên và phát triển, thì sự bất bình của những quần chúng lao động và bị bóc lột do tình trạng hiện thời gây ra, cũng lớn lên; số lượng và sự đoàn kết của các người vô sản tăng lên, và cuộc đấu tranh của họ chống bọn bóc lột càng ngày càng gay gắt hơn. Đồng thời, sự cải tiến kỹ thuật tập trung những tư liệu sản xuất và lưu thông, và xã hội hóa quá trình lao động trong các xí nghiệp tư bản chủ nghĩa, tạo ra ngày càng mau chóng những khả năng vật chất giúp cho việc thay thế những quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa bằng những quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, nghĩa là thực hiện cuộc cách mạng xã hội; cuộc cách mạng này là mục đích cuối cùng của tất cả hoạt động của phe dân chủ - xã hội quốc tế, biểu hiện tự giác của phong trào của giai cấp công nhân.

Trong khi thay thế chế độ tư hữu tư liệu sản xuất và lưu thông bằng chế độ sở hữu xã hội, và lập ra một tổ chức hợp lý của quá trình sản xuất xã hội để bảo đảm phúc lợi và sự phát triển nhịp nhàng của tất cả các thành viên trong

xã hội, cuộc cách mạng xã hội của giai cấp vô sản sẽ thủ tiêu tình trạng phân chia xã hội thành giai cấp và do đó sẽ giải phóng toàn thể loài người bị áp bức bằng cách chấm dứt mọi hình thức bóc lột của bộ phận xã hội này đối với bộ phận xã hội khác.

Điều kiện tất yếu của cuộc cách mạng xã hội đó là chuyên chính vô sản, nghĩa là giai cấp vô sản nắm chính quyền, — chuyên chính vô sản sẽ giúp cho giai cấp vô sản trấn áp được mọi sự phản kháng của bọn bóc lột.

Viết trong tháng Tư — tháng Năm 1917.

V. I. Lê-nin, *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, t. 24, tr. 557 - 560.

Trích tác phẩm:

TAI HỌA SẮP ĐẾN VÀ NHỮNG PHƯƠNG PHÁP ĐỂ NGĂN NGỪA TAI HỌA ĐÓ

Chiến tranh đã gây ra một cuộc khủng hoảng rất lớn đã làm cho lực lượng vật chất và tinh thần của nhân dân căng thẳng biết chừng nào, đã đả kích rất mãnh liệt vào toàn bộ tổ chức xã hội hiện thời, khiến nhân loại phải đứng trước hai ngả đường: hoặc bị diệt vong, hoặc phó thác vận mệnh của mình cho giai cấp cách mạng nhất, để chuyển một cách hết sức nhanh chóng và căn bản, sang một phương thức sản xuất cao hơn.

Do rất nhiều nguyên nhân lịch sử — như: tình trạng hết sức lạc hậu của nước Nga, những khó khăn đặc biệt do chiến tranh gây ra, sự thối nát đến cực độ của chế độ Nga hoàng, sức sống phi thường của những truyền thống của cuộc cách mạng năm 1905, — nên cách mạng ở Nga đã tiến trước cách mạng của các nước khác. Cách mạng đã làm cho nước Nga, chỉ trong có vài tháng, mà về mặt chế độ *chính trị* của nó, đã đuổi kịp những nước tiên tiến..

Nhưng điều đó chưa đủ. Chiến tranh rất khắc nghiệt. Nó đặt vấn đề ra một cách tàn nhẫn: hoặc là chịu diệt vong, hoặc là phải đuổi kịp những nước tiên tiến và vượt những nước đó *cả về mặt kinh tế nữa*.

Điều đó là có thể làm được, bởi vì chúng ta đã có hoàn toàn sẵn sàng kinh nghiệm của một số lớn những nước tiên tiến, những thành quả thu được về mặt kỹ thuật và về mặt văn hóa của những nước đó. Chúng ta được phong trào phản đối chiến tranh đang lớn lên ở châu Âu và được không khí của một cuộc cách mạng công nhân đang lên cao trong tất cả các nước, ủng hộ về mặt tinh thần. Cái đang thúc đẩy chúng ta, cái đang kích thích chúng ta, chính là một nền tự do dân chủ cách mạng phi thường trong thời kỳ chiến tranh đế quốc chủ nghĩa.

Diệt vong, hoặc dùng tận lực mà lao lên phía trước. Lịch sử đặt vấn đề ra như thế đó.

Và thái độ của giai cấp vô sản đối với nông dân, trong một hoàn cảnh như thế, xác minh cái nguyên tắc cũ của chủ nghĩa bôn-sê-vích, đồng thời sửa đổi nguyên tắc ấy đi cho phù hợp với hoàn cảnh, nguyên tắc đó là: tách nông dân ra khỏi ảnh hưởng của giai cấp tư sản. Chỉ có như thế mới đảm bảo cứu vãn được cách mạng.

Nông dân là thành phần đông đảo nhất trong quần chúng tiểu tư sản.

Bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng và bọn men-sê-vích nước ta đã đóng một vai trò phản động là: giữ nông dân dưới ảnh hưởng của giai cấp tư sản, đưa nông dân đi tới chỗ liên hiệp với giai cấp tư sản chứ không phải với giai cấp vô sản.

Kinh nghiệm của cách mạng đã giáo dục quần chúng một cách nhanh chóng. Và chính sách phản động của bọn

xã hội chủ nghĩa - cách mạng và bọn men-sê-vích đã bị phá sản; bọn chúng đã bị đánh bại trong các Xô-viết ở hai thủ đô. Phái đối lập « cánh tả » tăng lên trong hai đảng dân chủ tiểu tư sản. Ngày 10 tháng 9 năm 1917 trong cuộc hội nghị những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng ở Pê-tơ-rô-gơ-rát, những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng *cánh tả*, tức là những người có xu hướng liên minh với giai cấp vô sản và cự tuyệt sự liên minh (liên hiệp) với giai cấp tư sản, đã chiếm được đa số tới hai phần ba.

Bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng và bọn men-sê-vích lại lặp lại cái luận điệu mà giai cấp tư sản rất ưa thích, là đem đối lập hai khái niệm: tư sản và dân chủ. Nhưng thực ra thì việc đem đối lập như thế cũng phi lý như đem so sánh mét với ki-lô-gam vậy.

Có thể có giai cấp tư sản dân chủ, có thể có phái dân chủ tư sản: phải là hoàn toàn dốt đặc về lịch sử cũng như về môn kinh tế chính trị, mới chối cãi điều đó.

Bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng và bọn men-sê-vích cần đối lập bậy bạ như thế để *che giấu* một sự thật không thể chối cãi được là: giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản, có *giai cấp tiểu tư sản*. Giai cấp tiểu tư sản, do địa vị xã hội và kinh tế của nó, tất nhiên là nó lưng chừng giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản.

Bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng và bọn men-sê-vích đẩy giai cấp tiểu tư sản đi tới chỗ liên minh với giai cấp tư sản. Chính đó là thực chất của toàn bộ cái chính sách « liên hiệp » của bọn họ, của toàn bộ cái nội các liên hiệp, của toàn bộ chính sách của Kê-ren-ski, con người nửa dân chủ - lập hiến điển hình ấy. Qua sáu tháng cách mạng, chính sách đó đã hoàn toàn phá sản.

Bọn dân chủ - lập hiến mừng quýnh lên: đây các anh xem, cách mạng đã phá sản, cách mạng đã không thể chấm dứt được chiến tranh, cũng không chấm dứt được tình trạng phá sản về kinh tế.

Thế là sai. Chính bọn *dân chủ - lập hiến* và bọn *xã hội chủ nghĩa - cách mạng* với bọn *men-sê-vích* mới phá sản; vì chính cái khối ấy (sự liên minh ấy) đã thống trị nước Nga trong sáu tháng: trải qua sáu tháng ấy, nó đã làm cho tình trạng phá sản về kinh tế trở nên nghiêm trọng thêm, đã làm cho tình hình quân sự trở nên phức tạp và khó khăn hơn.

Sự *liên minh* của giai cấp tư sản với bọn *xã hội chủ nghĩa - cách mạng* và bọn *men-sê-vích* càng hoàn toàn thất bại bao nhiêu, thì nhân dân càng *giác ngộ* nhanh chóng bấy nhiêu. Nhân dân sẽ càng dễ dàng tìm ra được giải pháp *đúng đắn* là: nông dân nghèo, nghĩa là đa số các nông dân, liên minh với giai cấp vô sản.

Ngày 10 - 14 tháng Chín 1917.

V. I. Lê-nin, *Toàn tập,* Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, t. 25, tr. 431 - 433.

Trích tác phẩm:

NHÀ NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG

PHÊ PHÁN DỰ THẢO CƯƠNG LĨNH ÉC-PHUYA

Nhân tiện, chúng ta cũng nên lưu ý rằng về các vấn đề kinh tế, Ăng-ghen cũng cho một điều chỉ bảo quý nhất, nó chứng tỏ rằng Ăng-ghen đã theo dõi, một cách chăm chú và có suy nghĩ sâu sắc biết bao, những biến đổi của chủ nghĩa tư bản hiện đại, và Ăng-ghen, một phần nào, đã cảm thấy trước được những vấn đề của thời đại đế quốc chủ nghĩa chúng ta như thế nào. Điều chỉ bảo ấy như sau: bàn về những chữ « tình trạng thiếu kế hoạch » *(planlosigkeil)* dùng trong dự thảo cương lĩnh để chỉ đặc tính của chủ nghĩa tư bản, Ăng-ghen viết:

« Nếu chúng ta đi từ những công ty cổ phần đến những tơ-rớt chi phối và độc quyền được nhiều ngành trọn vẹn trong công nghiệp, thì lúc đó, chẳng những chúng ta thấy không còn có sản xuất tư nhân nữa, mà cũng không còn cả tình trạng thiếu kế hoạch nữa ». (*Thời mới*, năm thứ 20, 1901-1902, q. I, tr. 8).

Trong đoạn này, chúng ta có tất cả những cái căn bản nhất trong sự nhận định về mặt lý luận chủ nghĩa tư bản hiện đại, nghĩa là về chủ nghĩa đế quốc, tức là chủ nghĩa

tư bản biến thành *chủ nghĩa tư bản* độc quyền. Điều này cần phải nhấn mạnh, vì sai lầm phổ biến nhất là lời khẳng định tư sản cải lương cho rằng chủ nghĩa tư bản lũng đoạn hay chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước *không còn* là chủ nghĩa tư bản nữa, rằng nó đã có thể gọi là « chủ nghĩa xã hội Nhà nước », v.v.. Cố nhiên, các tơ-rớt không hề có, đến nay chưa có và cũng không thể có được một kế hoạch hoàn bị. Tuy các tơ-rớt có đặt kế hoạch, bọn trùm tư bản có dự tính khối lượng sản xuất trong phạm vi toàn quốc, hoặc cả trong phạm vi quốc tế, và điều tiết sự sản xuất ấy theo một kế hoạch, nhưng chúng ta vẫn sống dưới *chế độ tư bản chủ nghĩa,* cố nhiên là sống trong một giai đoạn mới, nhưng chắc chắn là vẫn sống dưới chế độ tư bản chủ nghĩa. Đối với những đại biểu chân chính của giai cấp vô sản, thì việc chủ nghĩa tư bản *ấy* « tiếp cận » với chủ nghĩa xã hội, phải là một bằng chứng để chỉ ra rằng cách mạng xã hội chủ nghĩa đã đến gần, đã dễ thực hiện, đã có khả năng thực hiện, đã cần kíp rồi, chứ không phải là một bằng chứng để dung thứ việc phủ nhận cuộc cách mạng đó và những mưu toan tô điểm cho chủ nghĩa tư bản, — điều mà tất cả bọn cải lương chủ nghĩa đang ra sức làm.

V. I. Lê-nin, *Toàn tập,* Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, t. 25, tr. 512 - 513.

BÁO CÁO VỀ HOÀN CẢNH KINH TẾ CỦA CÔNG NHÂN PÊ-TƠ-RÔ-GƠ-RÁT VÀ VỀ NHỮNG NHIỆM VỤ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN ĐỌC TẠI PHIÊN HỌP CỦA CÁC ĐẠI BIỂU CÔNG NHÂN TRONG XÔ-VIẾT ĐẠI BIỂU CÔNG NHÂN VÀ BINH SĨ PÊ-TƠ-RÔ-GƠ-RÁT

NGÀY 4 (17) THÁNG CHẠP 1917

TƯỜNG THUẬT BÁO CHÍ

Cuộc cách mạng ngày 25 tháng Mười chứng minh rằng giai cấp vô sản đã hết sức trưởng thành về phương diện chính trị và đã tỏ ra có khả năng kiên quyết chống lại giai cấp tư sản. Nhưng thắng lợi hoàn toàn của chủ nghĩa xã hội đòi hỏi phải có một tổ chức to lớn, nhận thức sâu sắc rằng giai cấp vô sản phải trở thành giai cấp thống trị.

Giai cấp vô sản đang đứng trước những nhiệm vụ do công cuộc cải tạo chế độ theo chủ nghĩa xã hội đã đề ra,

tất cả những biện pháp nửa vời, mặc dù người ta rất dễ tìm ra lý do để biện hộ cho những biện pháp đó chăng nữa, cũng đều chẳng nghĩa lý gì, vì tình hình kinh tế trong nước đã đến một mức độ mà người ta không thể nào dung nạp được những biện pháp nửa vời ấy. Trong cuộc chiến đấu vĩ đại của chúng ta chống chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa tư bản, không thể dùng được những biện pháp nửa vời.

Chiến thắng hay là bị đánh bại — vấn đề là ở chỗ đó.

Công nhân phải hiểu điều đó và họ đã hiểu; bằng chứng rõ ràng là họ đã cự tuyệt những sự thỏa hiệp. Cách mạng càng sâu sắc thì càng cần có nhiều chiến sĩ tích cực để đem bộ máy của chủ nghĩa xã hội thay thế cho chủ nghĩa tư bản. Ngay trong trường hợp không có một sự phá hoại nào, giai cấp tiểu tư sản cũng không đủ sức làm nổi việc đó. Chỉ có dựa vào sáng kiến của quần chúng nhân dân mới có thể thực hiện được nhiệm vụ ấy. Vì thế mà ngày nay, nhất là trong lúc này, người ta không nên nghĩ đến việc cải thiện hoàn cảnh của bản thân mình, mà phải nghĩ đến việc làm thế nào để trở thành giai cấp thống trị. Không nên hy vọng rằng giai cấp vô sản nông thôn có ý thức rõ ràng và kiên định về quyền lợi của họ. Chỉ có giai cấp công nhân mới có thể có ý thức đó, và mỗi người vô sản giác ngộ về tiền đồ vĩ đại, phải tự cảm thấy mình là một người lãnh đạo và phải lôi cuốn quần chúng đi theo mình.

Giai cấp vô sản có trách nhiệm phải trở thành giai cấp thống trị, giai cấp lãnh đạo tất cả những người lao động, giai cấp thống trị về phương diện chính trị.

Phải đấu tranh chống định kiến cho rằng chỉ có giai cấp tư sản mới có khả năng quản lý Nhà nước. Giai cấp vô sản phải đảm đương trách nhiệm quản lý Nhà nước.

Bọn tư bản đã tìm đủ mọi cách ngăn cản không cho giai cấp công nhân hoàn thành nhiệm vụ của mình. Tất cả các tổ chức công nhân — công đoàn, ủy ban nhà máy, v.v. — cần phải tiến hành một cuộc đấu tranh quyết định trên lĩnh vực kinh tế. Giai cấp tư sản làm hỏng tất cả, phá hoại tất cả để làm thất bại cuộc cách mạng công nhân. Giai cấp công nhân phải hoàn toàn gánh lấy trách nhiệm tổ chức sản xuất. Chúng ta phải triệt để vứt bỏ định kiến cho rằng công nhân không đủ sức đảm nhiệm việc quản lý công việc Nhà nước, quản lý ngân hàng, nhà máy. Nhưng chỉ có thông qua một công tác tổ chức vô cùng rộng lớn, thường xuyên, mới có thể thực hiện được tất cả những điều đó.

Cần phải tổ chức việc trao đổi sản phẩm, tổ chức hạch toán, tổ chức việc giám sát chặt chẽ — đó là nhiệm vụ của giai cấp công nhân; sinh hoạt ở nhà máy và ở công xưởng đã cung cấp cho họ những tri thức cần thiết để làm tròn nhiệm vụ đó.

Mỗi ủy ban nhà máy cần nhận thấy rằng mình được huy động không những là vì công việc trong xí nghiệp của mình, mà còn với tư cách là tế bào tổ chức để quản lý toàn bộ sinh hoạt của Nhà nước nữa.

Ban bố một sắc lệnh xóa bỏ quyền tư hữu tài sản là một việc dễ, nhưng chỉ có riêng bản thân công nhân là phải và có thể thi hành sắc lệnh đó. Có thể có sai lầm, — nhưng đó là những sai lầm của một giai cấp mới đang sáng tạo ra một cuộc sống mới.

Không có, không thể nào có kế hoạch cụ thể để tổ chức đời sống kinh tế.

Không ai có thể đề ra được một kế hoạch như thế. Chỉ riêng có quần chúng mới có thể làm được điều đó, làm

từ dưới lên, trên cơ sở kinh nghiệm của họ. Dĩ nhiên là sẽ có những chỉ thị, sẽ vạch ra các đường lối, nhưng phải bắt đầu cùng một lúc vừa từ trên xuống vừa từ dưới lên.

Các Xô-viết phải biến thành những cơ quan điều tiết toàn bộ nền sản xuất của nước Nga, nhưng muốn cho các Xô-viết khỏi trở thành những bộ tham mưu không có quân đội, thì cần phải tiến hành công tác tại cơ sở... (1).

Quần chúng công nhân phải tổ chức việc giám sát và sản xuất trên một quy mô rộng rãi toàn quốc. Thắng lợi được bảo đảm chính là do tổ chức của quần chúng cần lao, chứ không phải do một số cá nhân nào; và nếu chúng ta đạt mục đích này, nếu ta xây dựng được đời sống kinh tế, thì mặc nhiên là tất cả các lực lượng đối lập với chúng ta sẽ bị quét sạch.

V. I. Lê-nin, *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, t. 26, tr. 411 - 413.

(1) Thiếu vài chữ vì bản ghi chép không được rõ. *(B.T.)*

TỔ CHỨC THI ĐUA NHƯ THẾ NÀO ?

Bọn văn sĩ tư sản đã và đang viết đen ngòm hàng đống giấy để tâng bốc sự cạnh tranh, óc sáng kiến cá nhân, những kỳ công oanh liệt và những cái mỹ miều của bọn tư bản và của chế độ của chúng. Người ta trách những người xã hội chủ nghĩa là không muốn hiểu ý nghĩa của những kỳ công đó và không muốn coi trọng « thiên tính con người ». Kỳ thật, từ lâu chủ nghĩa tư bản đã dùng nền đại sản xuất và tối đại sản xuất công nghiệp, dùng những công ty cổ phần, những xanh-đi-ca và những công ty lũng đoạn khác, để thay thế cho nền tiểu sản xuất hàng hóa độc lập, trong đó cạnh tranh có thể phát triển được, trên những quy mô tương đối *rộng lớn,* tính tháo vát, nghị lực, sáng kiến mạnh dạn. Dưới một chế độ tư bản chủ nghĩa *như vậy,* cạnh tranh có nghĩa là đè bẹp một cách tàn bạo chưa từng thấy tính tháo vát, nghị lực, sáng kiến mạnh dạn của *quần chúng* nhân dân, của tuyệt đại đa số nhân dân, của chín mươi chín phần trăm nhân dân lao động; nó cũng có nghĩa là thay thế thi đua bằng trò gian lận tiền tài, bằng độc đoán, bằng thái độ nô lệ phục tùng tầng lớp trên cùng trong nấc thang xã hội.

Chủ nghĩa xã hội không những không dập tắt thi đua, mà trái lại, lần đầu tiên, đã tạo ra khả năng áp dụng thi

đua một cách thật sự *rộng rãi*, với một quy mô thật sự *to lớn*, tạo ra khả năng thu hút thật sự đa số nhân dân lao động vào vũ đài hoạt động khiến họ có thể phô bày bản lĩnh, dốc hết năng lực, bộc lộ những tài năng mà nhân dân sẵn có cả một nguồn vô tận, những tài năng mà chủ nghĩa tư bản đã giày xéo, đè nén, bóp nghẹt mất kể có hàng nghìn, hàng triệu.

Nhiệm vụ của chúng ta, hiện nay khi chính phủ xã hội chủ nghĩa đang cầm quyền, là phải tổ chức thi đua.

Bọn đày tớ và bọn ăn bám giai cấp tư sản mô tả chủ nghĩa xã hội như một trại lính ảm đạm, đồng loạt, quan cách và buồn tẻ. Tụi đày tớ của túi tiền, tụi nô bộc của bọn bóc lột — những ngài trí thức tư sản — đã biến chủ nghĩa xã hội thành một con «ngáo ộp» để dọa nhân dân, nhưng chính là, dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, nhân dân mới bị giam hãm trong cảnh nhà tù và trại lính, cảnh lao dịch nặng nhọc và buồn tẻ, thiếu ăn, khốn khổ vô cùng. Tịch thu ruộng đất của phong kiến, thực hành chế độ giám sát của công nhân, quốc hữu hóa các ngân hàng, đó là bước đầu tiên tiến tới giải phóng nhân dân lao động bị giam hãm trong nhà tù đó. Những biện pháp tiếp sau sẽ là: quốc hữu hóa những công xưởng và nhà máy, tổ chức cưỡng bách toàn dân vào các hợp tác xã tiêu dùng, — những hợp tác xã này, đồng thời cũng là những hợp tác xã bán sản phẩm, — Nhà nước độc quyền buôn bán lúa mì và những vật phẩm cần thiết khác.

Chỉ có ngày nay mới có điều kiện cho tính tháo vát, tinh thần thi đua, óc sáng kiến mạnh dạn phát huy rộng rãi, trên qui mô thật sự to lớn. Ngày nay và chỉ có ngày nay, mỗi công xưởng mà tên tư bản đã bị tống cổ ra khỏi hay ít nhất cũng đã bị một sự giám sát thật sự của công nhân

kiềm chế, mỗi làng mà tên địa chủ bóc lột đã bị đuổi ra khỏi và bị tịch thu ruộng đất, mới thật là một công trường cho con người lao động có thể thi thố tài năng, vươn lên được một chút, đứng thẳng người lên, tự cảm thấy mình là con người. Sau hàng thế kỷ phải lao động cho người khác, phải lao dịch nô lệ cho bọn bóc lột, lần đầu tiên người ta đã có thể *lao động cho mình*, và lao động mà có thể hưởng thụ được tất cả những thành quả của kỹ thuật hiện đại và của văn hóa hiện đại.

Đương nhiên, sự thay thế ấy — vĩ đại nhất trong lịch sử loài người — sự thay thế lao dịch nô lệ bằng lao động cho mình, không thể tiến hành mà không có va chạm, không gặp khó khăn, không có xung đột, không dùng bạo lực đối với bọn ăn bám quen thân và bọn tôi tớ của chúng. Về mặt đó, không một công nhân nào lại có ảo tưởng cả: đã dày dạn với bao năm ròng đằng đẵng lao động nặng nề cho bọn bóc lột hưởng, với vô số những sự ngược đãi và sỉ nhục của bọn bóc lột, đã dày dạn với cảnh khốn cùng đen tối, nên công nhân và nông dân nghèo đều biết rằng cần phải có thời gian để *đập tan* sự phản kháng của bọn bóc lột. Công nhân và nông dân không bị lây một chút nào những ảo tưởng tình cảm của các ngài trí thức, của tất cả cái bọn dơ bẩn ấy trong nhóm *Đời mới* và những bọn dơ bẩn khác nữa, chúng đã « chửi rủa om sòm » bọn tư bản đến khản cả tiếng, đã « hoa chân múa tay », đã « lớn tiếng thịnh nộ » chống bọn tư bản để, rốt cuộc, đến khi cần phải *hành động*, phải thực hiện những lời dọa dẫm ấy, phải thực tế hành động *lật đổ* bọn tư bản, thì chúng lại khóc sướt mướt và xử sự như những con chó con bị đánh.

Sự thay thế vĩ đại lao động nô lệ bằng lao động cho mình, bằng lao động tổ chức có kế hoạch, trên một quy mô rộng

lớn trong phạm vi toàn quốc (và trong một chừng mực nào đó trên qui mô quốc tế và toàn thế giới nữa) còn đòi hỏi giai cấp công nhân và nông dân nghèo — ngoài những biện pháp dùng « *quân sự* » để trấn áp sự phản kháng của bọn bóc lột — phải có những nỗ lực rất lớn của những nhà tổ chức *về mặt tổ chức* nữa. Nhiệm vụ tổ chức phải được kết hợp khăng khít làm một với nhiệm vụ trấn áp thẳng tay, trấn áp bằng quân sự, sự phản kháng của bọn chủ nô ngày hôm qua (bọn tư bản) và lũ đày tớ của chúng là những ngài trí thức tư sản. Bọn chủ nô ngày hôm qua cùng với bọn tay sai của chúng, tuyển mộ trong hàng ngũ trí thức, nói và nghĩ rằng: Chúng tôi luôn luôn đã là những người tổ chức và những người cầm đầu, chúng tôi đã chỉ huy. Chúng tôi muốn giữ địa vị cũ đó; chúng tôi sẽ không nghe theo « đám dân đen », công nhân và nông dân đâu, chúng tôi không chịu khuất phục họ; chúng tôi sẽ biến những hiểu biết của chúng tôi thành vũ khí để bảo vệ đặc quyền của túi tiền và nền thống trị của tư bản đối với nhân dân.

Bọn tư sản và trí thức tư sản nói, nghĩ và hành động như thế đấy. Cứ đứng về quan điểm *ích kỷ* của chúng mà xét, thì hành vi của chúng không có gì khó hiểu cả: tụi ăn chực cơm thừa canh cặn và tụi ăn bám bọn phong kiến chúa ruộng đất, bọn giáo trưởng, bọn thầy cò, bọn quan lại mà Gô-gôn đã mô tả, bọn « trí thức » căm ghét Bi-ê-lin-ski, chính tụi đó cũng « rất khó » mà lìa bỏ chế độ nông nô. Nhưng sự nghiệp của bọn bóc lột và bọn trí thức đày tớ của chúng là một sự nghiệp tuyệt vọng. Sự phản kháng ấy của chúng, công nhân và nông dân đang dập tan một cách kiên quyết, quyết liệt và thẳng tay, tiếc rằng chưa được đúng mức lắm, nhưng *cuối cùng họ sẽ dập tan được.*

« Chúng » nghĩ rằng « đám dân đen », những công nhân và nông dân nghèo « tầm thường », sẽ không hoàn thành nổi nhiệm vụ vĩ đại, nhiệm vụ thật sự anh dũng có ý nghĩa lịch sử toàn thế giới, nhiệm vụ tổ chức mà cách mạng xã hội chủ nghĩa đã giao phó cho nhân dân lao động. « Người ta không thể không cần đến chúng ta được », bọn trí thức quen thói phục vụ bọn tư bản và Nhà nước tư bản chủ nghĩa nói câu đó để tự an ủi. Sự tính toán vô liêm sỉ ấy của chúng sẽ thất bại; hiện nay đã có những người có học thức rời bỏ hàng ngũ chúng và chạy sang phía nhân dân, phía những người lao động để giúp đỡ họ đập tan sự phản kháng của bọn đày tớ của tư bản. Còn những người tổ chức có tài, thì nông dân và giai cấp công nhân có rất nhiều; những nhân tài đó vừa mới bắt đầu giác ngộ, tỉnh giác, hướng theo công tác vĩ đại, sinh động và sáng tạo, tự bắt tay vào việc kiến thiết xã hội xã hội chủ nghĩa.

Hiện nay, một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất, nếu không phải là nhiệm vụ quan trọng hơn cả, là phát triển rộng rãi chừng nào hay chừng nấy óc sáng kiến tự do của công nhân, của tất cả những người lao động và, nói chung, của tất cả những người bị bóc lột, trong lao động sáng tạo của họ về mặt *tổ chức*. Phải nhất thiết phá bỏ thành kiến cũ, *vô lý*, dã man, bỉ ổi và ghê tởm cho rằng chỉ có những cái gọi là « giai cấp thượng lưu », chỉ có bọn nhà giàu hay những người đã học qua trường của giai cấp giàu có, mới có thể quản lý Nhà nước, tổ chức kiến thiết xã hội xã hội chủ nghĩa được.

Đó là một thành kiến. Thành kiến đó được duy trì bởi lề thói thủ cựu hủ bại, bởi tính câu chấp trì độn, bởi thói quen của người nô lệ và hơn nữa, bởi tính gian tham bẩn thỉu của bọn tư bản chỉ hám quản lý để cướp bóc và cướp

bóc để quản lý. Không, không một phút nào công nhân lại quên rằng họ cần phải có sức mạnh của sự hiểu biết. Tinh thần hăm hở phi thường mà công nhân tỏ ra trong việc học tập, chính lúc này, chứng tỏ rằng về mặt đó, trong hàng ngũ giai cấp vô sản, không có và không thể có sai lầm nào cả. Nhưng về công việc *tổ chức*, thì mọi người công nhân và nông dân *thông thường* đều làm được, miễn là họ biết đọc biết viết, hiểu người và có kinh nghiệm thực tiễn. Những người như thế thì có *hằng hà sa số* trong « đám dân đen » mà bọn trí thức tư sản thường nói đến với một giọng kiêu kỳ và khinh bỉ. Những nhân tài đó, giai cấp công nhân và nông dân có cả một nguồn vô tận và còn chưa dùng đến.

Công nhân và nông dân còn « rụt rè », họ chưa quen với cái ý nghĩ rằng hiện nay *mình* là giai cấp *thống trị;* họ chưa được quả quyết lắm. Cuộc cách mạng không thể mang lại *ngay một lúc* những đức tính đó cho hàng triệu và hàng triệu người mà đói khát và khốn cùng đã bắt buộc suốt đời còng lưng làm việc dưới roi vọt. Nhưng chính sức mạnh của cuộc Cách mạng tháng Mười 1917 là ở chỗ đó, sức sống của nó là ở chỗ đó, sức vô địch của nó là ở chỗ đó, ở chỗ nó *thức tỉnh* được những đức tính ấy, nó đạp đổ được mọi trở lực cũ, nó chặt tung được những dây ràng buộc đã mục nát, nó đưa được quần chúng lao động vào con đường *tự mình* sáng tạo lấy cuộc sống mới.

Kiểm kê và giám sát, đó là nhiệm vụ kinh tế *chủ yếu* của mọi Xô-viết đại biểu công nhân, binh sĩ và nông dân, của mọi hợp tác xã tiêu dùng, của mọi hội hay ban cung cấp, của mọi ủy ban nhà máy hay nói chung, của mọi cơ quan giám sát của công nhân.

Cần phải đấu tranh chống cái thói cũ nhìn tiêu chuẩn lao động và những tư liệu sản xuất bằng con mắt của người nô lệ, của người chỉ tự hỏi làm sao trút được gánh nặng, làm sao ít nhất cũng giằng lại được một cái gì *trong tay giai cấp tư sản*. Cuộc đấu tranh đó, những công nhân tiên tiến, giác ngộ, đã bắt đầu tiến hành bằng cách kiên quyết chống những người mới vào công xưởng, đông nhất từ khi bắt đầu chiến tranh, là những người hiện nay, đối với nhà máy *đã thuộc về công nhân*, đã trở thành tài sản của nhân dân, mà vẫn chỉ nghĩ như trước kia là: « Vớ lấy một miếng thật bở rồi chuồn ». Trong cuộc đấu tranh này, tất cả những phần tử có ý thức, chân thật, biết suy nghĩ trong nông dân và quần chúng lao động sẽ đứng lên sát cánh với những công nhân tiên tiến.

Kiểm kê và giám sát, *nếu quả là* do các Xô-viết đại biểu công nhân, binh sĩ và nông dân, tức là chính quyền tối cao của Nhà nước tiến hành, hoặc được tiến hành đúng theo chỉ thị và nhân danh chính quyền *ấy* — kiểm kê và giám sát được áp dụng khắp nơi, một cách phổ biến tuyệt đối về số lượng lao động và về phân phối sản phẩm, — đó *chính là thực chất* của cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, một khi giai cấp vô sản đã giành được và bảo đảm được nền thống trị chính trị.

Kiểm kê và giám sát, cần thiết để chuyển sang chế độ xã hội chủ nghĩa, chỉ có thể là sự nghiệp của quần chúng. Chỉ khi nào *quần chúng* công nhân và nông dân tự nguyện tham gia một cách có ý thức, với nhiệt tình cách mạng, vào việc kiểm kê và giám sát bọn *nhà giàu*, bọn *ăn cắp*, bọn *ăn bám* và bọn *lưu manh*, thì mới có thể thắng được những tàn dư ấy của cái xã hội tư bản chủ nghĩa đáng nguyền rủa, những cặn bã ấy của nhân loại, những phần

từ quá ư thối tha và mục nát ấy của xã hội, cái bệnh hay lây ấy, cái bệnh dịch ấy, cái ung nhọt ấy mà chủ nghĩa tư bản đã để lại cho chủ nghĩa xã hội.

Hỡi công nhân và nông dân, hỡi những người lao động và những người bị bóc lột! Ruộng đất, ngân hàng, công xưởng, nhà máy đã trở thành tài sản của toàn dân rồi! Anh chị em hãy *tự mình* đảm nhiệm lấy kiểm kê và giám sát việc sản xuất và phân phối sản phẩm! Đó mới là, và *chỉ* đó mới là con đường đi tới thắng lợi của chủ nghĩa xã hội, mới đảm bảo cho chủ nghĩa xã hội thắng lợi, đảm bảo chiến thắng được mọi sự bóc lột, mọi sự thiếu thốn, mọi khốn cùng! Bởi vì ở nước Nga có đủ lúa mì, sắt, gỗ, len, bông và đay cho mọi người, chỉ cốt làm sao phân phối lao động và sản phẩm cho thật đúng, chỉ cốt toàn dân thực hiện việc giám sát sự phân phối đó *một cách hiệu nghiệm, thực tiễn;* chỉ cốt thắng được, *không những* về mặt chính trị, mà cả về mặt đời sống *kinh tế hàng ngày* nữa những kẻ thù của nhân dân: bọn nhà giàu và bọn ăn chực cơm thừa canh cặn của chúng, rồi đến bọn ăn cắp, bọn ăn bám và bọn lưu manh.

Quyết không dung thứ cho bọn thù địch đó của nhân dân, thù địch của chủ nghĩa xã hội, thù địch của nhân dân lao động. Quyết chiến đấu sống mái chống bọn nhà giàu và bọn ăn chực cơm thừa canh cặn của chúng là bọn trí thức tư sản; chiến đấu chống bọn ăn cắp, bọn ăn bám và bọn lưu manh. Bọn này và bọn kia, bọn trước và bọn sau, đều là anh em sinh đôi, là con đẻ của chủ nghĩa tư bản, là con cháu của xã hội quý tộc và tư sản, cái xã hội mà trong đó một nhúm người đã cướp bóc nhân dân, đã ngược đãi nhân dân, cái xã hội mà trong đó thiếu thốn và cùng khổ đã đẩy hàng nghìn, hàng vạn người vào con đường

độc ác tàn nhẫn, hư hỏng, trộm cắp, quên mất cả phẩm chất con người, cái xã hội tất nhiên đã tạo cho nhân dân lao động cái ý muốn trốn khỏi bóc lột, dù là bằng cách lừa gạt, ý muốn xoay xở, ý muốn trút bỏ, dù chỉ trong giây phút, một công việc ghê tởm, ý muốn giành giật miếng bánh mì bất cứ bằng cách nào, bất cứ với một giá nào, cốt sao cho khỏi đói, cốt sao cho khỏi thấy bản thân mình và người nhà mình bị đói.

Bọn nhà giàu và bọn ăn cắp, đó là hai mặt của một sự việc; đó là hai loại *ăn bám* chủ yếu, được chủ nghĩa tư bản nuôi dưỡng; đó là kẻ thù chủ yếu của chủ nghĩa xã hội. Những kẻ thù đó, cần phải có sự giám sát đặc biệt của toàn dân đối với chúng; phải thẳng tay nghiêm trị nếu chúng hơi phạm đến quy tắc và luật pháp của xã hội xã hội chủ nghĩa. Bất cứ một sự mềm yếu nào, bất cứ một sự do dự nào, bất cứ một sự thương hại nào về mặt này đều là tội ác tầy trời đối với chủ nghĩa xã hội.

Muốn cho xã hội xã hội chủ nghĩa tránh được bọn ăn bám đó, thì cần phải tổ chức toàn dân tham gia kiểm kê và giám sát số lượng lao động, sự sản xuất và việc phân phối sản phẩm, cuộc kiểm kê và giám sát mà hàng triệu, hàng triệu công nhân và nông dân sẽ ủng hộ một cách tự nguyện, kiên quyết, với nhiệt tình cách mạng. Và muốn tổ chức việc kiểm kê và giám sát đó, — kiểm kê và giám sát *hoàn toàn có thể làm được*, hoàn toàn hợp với sức của bất cứ một công nhân, một nông dân nào chân thật, thông minh, ngăn nắp, — thì cần phải khơi những tài năng tổ chức của họ, của những người có tài tổ chức xuất thân từ hàng ngũ của họ; cần phải khêu gợi ở họ, — và tổ chức trong phạm vi toàn quốc, — *sự thi đua* nhằm đạt những thành tích về mặt tổ chức; cần phải làm cho công nhân

và nông dân hiểu rõ sự khác nhau giữa những ý kiến cần thiết của người có học thức và sự giám sát tất yếu của người công nhân và nông dân « bình thường » đối với *tính cẩu thả* mà những người « có học thức » thường hay mắc phải.

Tính cẩu thả ấy, tính lơ đễnh ấy, tính bừa bãi ấy, tính thiếu cẩn thận ấy, tính hấp tấp nóng nảy ấy, xu hướng muốn bàn cãi suông thay cho hành động, lấy ba hoa thay cho công việc, thiên hướng muốn bao biện tất cả mà không việc nào làm đến nơi đến chốn ấy, tất cả những cái đó là một trong những đặc tính của những người « có học thức », những cái đó không phải mảy may do bản tính xấu của họ mà ra, càng không phải do ác ý của họ, mà là do tất cả những thói quen trong đời sống của họ, do điều kiện làm việc của họ, do sự làm lụng vô độ của họ, do sự cách biệt không bình thường giữa lao động trí óc và lao động chân tay, và vân vân, mà ra.

Nội trong những sai lầm, khuyết điểm, thiếu sót của cuộc cách mạng của chúng ta, thì những sai lầm có một tác dụng khá quan trọng là những sai lầm, v.v., do những đặc điểm đáng buồn nói trên mà ra — nhưng không thể tránh được trong lúc này — của những nhà trí thức trong hàng ngũ chúng ta và cũng do *thiếu* một sự giám sát đầy đủ của *công nhân* đối với công tác *tổ chức* những người trí thức.

Công nhân và nông dân hãy còn « rụt rè »; họ cần phải bỏ tính đó đi và *c h ắ c c h ắ n* họ sẽ bỏ được. Người ta không thể bỏ qua những ý kiến, những sự chỉ dẫn của những người có học thức, của những nhà trí thức, của những chuyên gia. Bất cứ một công nhân và nông dân nào biết lẽ phải một chút đều hiểu rõ điều đó, và những

nhà trí thức trong hàng ngũ chúng ta không thể phàn nàn rằng công nhân và nông dân thiếu quan tâm và trân trọng hữu ái đối với họ. Nhưng ý kiến và lời chỉ dẫn là một việc, mà tổ chức *thực tiễn* việc kiểm kê và giám sát lại là một việc khác. Những nhà trí thức tuôn ra lưu loát nhiều ý kiến và lời chỉ dẫn rất hay; nhưng họ tỏ ra « vụng về » đến lố bịch, đến *vô lý* và nhục nhã, tỏ ra bất lực không *áp dụng* được những ý kiến và lời chỉ dẫn đó, không *kiểm soát được trong thực tiễn* để biến lời nói thành hành động.

Do đó, người ta thấy rằng không thể không cần đến sự giúp đỡ và *vai trò lãnh đạo* của những người làm công tác tổ chức thực tiễn, xuất thân từ « nhân dân », từ công nhân và từ nông dân lao động. « Không phải thần thánh nào nung thành đồ gốm (1) », đó là một chân lý mà công nhân và nông dân cần phải ghi sâu trong lòng. Họ cần phải hiểu rằng hiện nay, *thực tiễn* là tất cả; rằng đã đến một thời kỳ lịch sử mà lý luận biến thành thực tiễn, trở nên sinh động nhờ thực tiễn, được sửa chữa bằng thực tiễn, được khảo sát trong thực tiễn, mà lời nói của Mác: « Mỗi bước tiến của cuộc vận động thực tế còn quan trọng hơn là cả một tá cương lĩnh » (2) tỏ ra đặc biệt là đúng. Mỗi biện pháp thực tiễn dùng để trấn áp thật sự bọn nhà giàu và bọn ăn cắp, để loại trừ chúng và để bắt chúng phải chịu một sự kiểm kê và kiểm sát nghiêm ngặt, tốt hơn là một tá những bài nghị luận hay ho về chủ nghĩa xã hội. Bởi vì « lý luận thì xám, bạn ơi, nhưng cây đời thì vĩnh viễn xanh tươi ».

---

(1) Đây là một tục ngữ Nga, có nghĩa là « mọi cái đều do bàn tay người ta làm ra cả ». *(B.T.)*

(2) Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghen, *Tuyển tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1962, t. 2, tr. 9. *(B.T.)*

Cần phải tổ chức thi đua giữa những người làm công tác tổ chức thực tiễn trong hàng ngũ công nhân và nông dân. Cần phải đấu tranh chống mọi xu hướng rập khuôn cứng nhắc và mọi ý định gò theo một kiểu thống nhất từ trên ban xuống, tức là những cái mà các nhà trí thức rất ham thích. Sự rập khuôn cứng nhắc và ý định gò theo một kiểu thống nhất từ trên ban xuống không dính dáng gì với chế độ tập trung dân chủ và xã hội chủ nghĩa cả. Sự thống nhất trong những vấn đề cơ bản, căn bản, chủ yếu, không những không bị tổn hại, mà trái lại còn được đảm bảo bằng *muôn hình vạn trạng* trong những chi tiết, trong những đặc điểm địa phương, trong cách *đề cập* vấn đề, trong những *biện pháp* áp dụng giám sát, trong những *phương sách* loại trừ bọn ăn bám (bọn nhà giàu và bọn ăn cắp, bọn gây ra thói bừa bãi, bọn lắm mồm lắm miệng điên rồ trong giới trí thức, v.v.) và làm cho chúng không tác hại được nữa.

Công xã Pa-ri giúp cho ta có một tấm gương vĩ đại về sự kết hợp óc sáng kiến, tinh thần tự động, tính cơ động linh hoạt, nghị lực mạnh mẽ từ dưới lên, với chế độ tập trung tự nguyện, không dính dáng gì đến những khuôn sáo cứng đờ. Các Xô-viết của chúng ta cũng đi theo con đường đó. Nhưng họ còn « rụt rè », chưa lấy đà tiến tới, chưa dốc hết tài năng vào công tác mới mẻ, vĩ đại, phong phú của mình là công tác xây dựng một chế độ xã hội chủ nghĩa. Xô-viết của chúng ta cần bắt tay vào việc, mạnh dạn hơn, với nhiều chủ động hơn. Tất cả các « công xã » — công xưởng, làng, hợp tác xã tiêu dùng, ban cung cấp — đều phải cam kết *thi đua* với nhau trong việc tổ chức một cách thực tiễn việc kiểm kê và giám sát sự lao động và sự phân phối sản phẩm. Chương trình của việc kiểm

kê và giám sát ấy rất giản đơn, rõ ràng và dễ hiểu đối với mọi người: phải làm sao cho mọi người đều có bánh ăn, đều có giày dép tốt và quần áo lành, đều có nhà cửa ấm áp, đều làm việc có ý thức; phải làm sao cho không một tên ăn cắp nào (và không một tên trốn tránh lao động nào cả) lại có thể đi dạo chơi nhởn nhơ, mà không bị bỏ tù hay không bị phạt khổ sai thật nặng; phải làm cho không một tên nhà giàu nào phạm quy tắc và luật pháp chủ nghĩa xã hội lại có thể tránh được số phận của tên ăn cắp, số phận này đúng ra phải là số phận của tên nhà giàu. « Ai không làm thì không được ăn », đó là điều lệnh *thực tiễn* của chủ nghĩa xã hội. Phải tổ chức một cách *thực tiễn* như thế đó. Các « công xã » của chúng ta và các công nhân và nông dân của chúng ta làm công tác tổ chức, nhất là những người trí thức của chúng ta làm công tác tổ chức, phải tự hào với những thành tựu *thực tiễn* như thế đó (nói *nhất là,* bởi vì các nhà trí thức của chúng ta *quá* quen, *thật là quá* quen tự hào với những chỉ thị hay nghị quyết chung chung của họ).

Hàng nghìn hình thức và biện pháp kiểm kê và giám sát thực tiễn đối với bọn nhà giàu, bọn ăn cắp và bọn ăn bám, cần được bản thân các công xã, các chi bộ nhỏ ở nông thôn và ở thành thị đề ra và thể nghiệm trong thực tiễn. Việc dùng nhiều hình thức và biện pháp, ở đây, là một đảm bảo của sức sống, một hứa hẹn của thành công trong việc theo đuổi mục đích chung duy nhất là: *quét sạch* khỏi đất Nga mọi con sâu mọt có hại, những con chấy rận (tức là bọn ăn cắp), những con rệp (tức là bọn nhà giàu), v.v.. Ở chỗ này, người ta sẽ bỏ tù một chục tên nhà giàu, một tá tên bịp bợm, một nửa tá công nhân trốn tránh công việc (trốn tránh theo lối du thủ du thực chẳng khác

gì một số đông công nhân xếp chữ ở Pê-tơ-rô-gơ-rát, nhất là trong những nhà in của Đảng). Ở chỗ khác, người ta sẽ bắt chúng dọn nhà xí. Ở chỗ khác nữa, khi chúng mãn hạn tù, người ta sẽ cấp cho chúng những thẻ màu vàng để toàn dân có thể giám sát chúng như giám sát những phần tử *nguy hại*, cho đến khi nào chúng sửa chữa hẳn mới thôi. Hoặc nữa, ta sẽ bắn tại chỗ một trong mười tên đích danh phạm tội ăn bám. Sau hết, ta sẽ nghĩ ra nhiều cách phối hợp với nhau, chẳng hạn như sẽ phóng thích có điều kiện những phần tử có thể cải tạo được trong số những kẻ giàu có, những trí thức tư sản, những tên ăn cắp và lưu manh để buộc chúng phải mau chóng sửa chữa. Kinh nghiệm chung càng nhiều màu vẻ bao nhiêu thì càng tốt, càng phong phú bấy nhiêu; thắng lợi của chủ nghĩa xã hội càng chắc chắn và mau chóng bấy nhiêu; thực tiễn càng dễ đề ra được — vì chỉ có thực tiễn mới đề ra được — những biện pháp và thủ đoạn đấu tranh *tốt nhất*, bấy nhiêu.

Trong công xã nào, trong khu nào của thành phố lớn, trong công xưởng nào, trong làng nào *mà chẳng còn có* người đói, *chẳng còn có* người thất nghiệp, *chẳng còn có* những tên giàu ăn bám, *chẳng còn có* những tên đầy tớ thảm hại của giai cấp tư sản, những tên phá hoại tự xưng là trí thức? Ở nơi nào người ta đã làm được nhiều nhất để tăng năng suất lao động, để xây dựng những nhà mới và tốt cho người nghèo, để đưa người nghèo đến ở nhà của bọn giàu có? Để cấp một cách công bằng một chai sữa cho mỗi em bé trong các gia đình nghèo? Các công xã, các cộng đồng, các hội và hợp tác xã tiêu dùng và sản xuất, các Xô-viết đại biểu công nhân, binh sĩ và nông dân phải phát động *thi đua* chung quanh những vấn đề như thế đấy. Những *người tổ chức có tài*

chính là phải *thực tiễn* xuất hiện trên miếng đất đó để bước lên những chức vụ cao trong sự nghiệp quản lý Nhà nước. Những người tổ chức như thế rất đông trong nhân dân. Nhưng họ bị dìm đi. Phải giúp đỡ họ phát huy khả năng. Có quần chúng giúp đỡ, thì chính họ *và chỉ có họ* mới có thể cứu nước Nga và cứu được sự nghiệp xã hội chủ nghĩa.

V. I. Lê-nin, *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, t. 26, tr. 457 - 468.

Trích văn kiện:

ĐẠI HỘI VII ĐẢNG CỘNG SẢN (b) NGA

6-8 THÁNG BA 1918

Trích:

BÁO CÁO VỀ CHIẾN TRANH VÀ HÒA BÌNH

Ngày 7 tháng Ba 1918

Chính vì vậy mà những tháng đầu của cách mạng Nga, sau ngày 25 tháng Mười 1917, là một cuộc tiến quân thắng lợi liên tục. Cuộc tiến quân thắng lợi này đã làm cho người ta lãng quên, đẩy xuống hàng thứ yếu những khó khăn mà cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa đã vấp phải ngay tức khắc và không thể không vấp phải. Một trong những sự khác nhau cơ bản giữa cách mạng tư sản và cách mạng xã hội chủ nghĩa, là ở chỗ đối với cách mạng tư sản được sản sinh ra từ chế độ phong kiến, thì người ta thấy trong lòng chế độ cũ dần dần được dựng nên những tổ chức kinh tế mới, những tổ chức ấy dần dần biến đổi tất cả mọi mặt của xã hội phong kiến. Cách mạng tư sản chỉ có mỗi một nhiệm vụ là: quét sạch, vứt bỏ, phá hủy tất cả những

ràng buộc của xã hội trước. Khi hoàn thành được nhiệm vụ đó, thì bất cứ cuộc cách mạng tư sản nào cũng đều hoàn thành được tất cả những cái mà người ta đòi hỏi ở nó: chủ nghĩa tư bản phát triển mạnh lên.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa thì lại ở trong một hoàn cảnh khác hẳn. Nước nào càng lạc hậu mà lại phải bắt đầu làm cách mạng xã hội chủ nghĩa do những bước ngoặt ngoéo của lịch sử, thì nước đó càng gặp khó khăn trong việc chuyển từ những quan hệ cũ, tư bản chủ nghĩa, sang những quan hệ xã hội chủ nghĩa. Ở đây, ngoài những nhiệm vụ phá hoại, còn có những nhiệm vụ mới khó khăn chưa từng thấy, đó là: những nhiệm vụ tổ chức. Nếu tính sáng tạo của nhân dân trong cuộc cách mạng Nga, sau khi đã trải qua kinh nghiệm vĩ đại năm 1905, mà không sáng tạo ra các Xô-viết ngay từ tháng Hai 1917, thì các Xô-viết này tuyệt nhiên không có thể nắm được chính quyền hồi tháng Mười, vì thắng lợi chỉ là tùy thuộc ở sự tồn tại của những hình thức tổ chức sẵn có của một phong trào bao gồm hàng triệu con người. Xô-viết là hình thức sẵn có ấy; bởi vậy, chúng ta mới đạt được những thắng lợi rực rỡ trong lĩnh vực chính trị, mới có được cuộc tiến quân thắng lợi không ngừng, do chỗ đã có sẵn hình thức mới của chính quyền, và do đó chúng ta chỉ còn có việc dùng vài sắc lệnh là biến được Chính quyền xô-viết; từ trạng thái phôi thai của nó trong mấy tháng đầu của cách mạng, thành một hình thức được pháp luật thừa nhận và được chính thức thiết lập trong Nhà nước Nga, tức chế độ Cộng hòa xô-viết ở Nga. Chế độ Cộng hòa này sở dĩ đã ra đời ngay được và ra đời một cách dễ dàng như thế, vì hồi tháng Hai 1917, quần chúng đã sáng tạo ra các Xô-viết thậm chí từ khi chưa hề có một chính đảng nào kịp tuyên bố khẩu hiệu đó ra. Chính sự sáng tạo sâu sắc của nhân dân,

một sự sáng tạo đã từng trải sau kinh nghiệm cay đắng năm 1905 và đã sáng suốt thêm nhờ kinh nghiệm ấy, — đã sáng tạo ra hình thức chính quyền vô sản ấy. Thắng kẻ thù bên trong là một nhiệm vụ vô cùng dễ dàng. Sáng tạo ra chính quyền cũng là nhiệm vụ vô cùng dễ dàng, vì quần chúng đã cho ta cái cốt, cái nền móng của chính quyền ấy rồi. Nền cộng hòa xô-viết ra đời đã ngay tức khắc được. Nhưng còn có hai nhiệm vụ hết sức khó khăn mà việc hoàn thành hai nhiệm vụ đó tuyệt đối không thể là một cuộc tiến quân thắng lợi như cuộc tiến quân thắng lợi trong những tháng đầu của cuộc cách mạng của chúng ta được. Chúng ta đã không nghi ngờ và chúng ta đã không thể nghi ngờ gì nữa là cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa sẽ phải giải quyết những nhiệm vụ cực kỳ khó khăn.

Trước hết, những nhiệm vụ được đặt ra trước mọi cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa là những nhiệm vụ tổ chức trong nước. Điều phân biệt một cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa với một cuộc cách mạng tư sản, chính là ở chỗ cách mạng tư sản có những hình thức quan hệ tư bản chủ nghĩa sẵn có, còn Chính quyền xô-viết — chính quyền vô sản — thì không có được những quan hệ hoàn toàn sẵn có đó, nếu người ta không kể những hình thức phát triển cao nhất của chủ nghĩa tư bản, tức là những hình thức thực ra chỉ mới choán được một vài đỉnh cao trong công nghiệp và chỉ mới lan đến nông nghiệp được rất ít thôi. Tổ chức kiểm kê, kiểm soát các doanh nghiệp hết sức lớn, biến toàn bộ bộ máy kinh tế Nhà nước thành một bộ máy lớn duy nhất, thành một cơ cấu kinh tế hoạt động sao cho hàng trăm triệu con người đều được chỉ đạo bằng một kế hoạch duy nhất, — đó là nhiệm vụ tổ chức to lớn mà chúng ta phải gánh vác. Trong những điều kiện lao động như hiện tại, nhiệm vụ này, vô luận

thể nào, cũng không thể giải quyết bằng cái lối « dũng cảm xông vào » như chúng ta đã áp dụng phương pháp đó khi thực hiện những nhiệm vụ của cuộc nội chiến. Ngay thực chất của vấn đề cũng làm cho cách giải quyết như thế không thể thực hiện được. Nếu ở nước ta, chúng ta đã chiến thắng bọn Ca-lê-đin một cách dễ dàng như thế và đã thành lập được nước Cộng hòa xô-viết mà chỉ gặp một sức kháng cự thậm chí cũng không đáng để chúng ta chú ý cho lắm; nếu tiến trình đó của các sự biến đã được toàn bộ sự phát triển khách quan trước đó quyết định, khiến cho chúng ta chỉ còn phải đi đến cái kết luận cuối cùng nữa thôi, chỉ còn thay đổi tên gọi nữa thôi — thay câu « Xô-viết là một tổ chức nghề nghiệp », bằng câu « Xô-viết là hình thức duy nhất của chính quyền Nhà nước », — thì đối với những nhiệm vụ tổ chức, tình hình lại khác hẳn. Về mặt này, chúng ta đã gặp phải những khó khăn rất lớn. Tất cả những ai muốn suy nghĩ sâu về những nhiệm vụ của cuộc cách mạng của chúng ta, đều thấy rõ ngay rằng chỉ có thông qua con đường gian khổ và lâu dài của kỷ luật tự giác, thì mới có thể khắc phục được tình trạng tan rã mà chiến tranh đã đưa đến cho xã hội tư bản chủ nghĩa; rằng chỉ có thông qua con đường hết sức gian khổ lâu dài và ngoan cường, chúng ta mới có thể vượt qua được tình trạng tan rã thối nát đó và thắng được những phần tử đã làm cho tình trạng đó trầm trọng thêm, chúng xem cách mạng là phương pháp để thoát khỏi những sự ràng buộc cũ, đồng thời kiếm chác được ở cách mạng những gì có thể được. Việc có rất nhiều những phần tử này, là điều không thể tránh khỏi trong một nước tiểu tư sản, trong thời kỳ tình trạng tàn phá kinh tế đã đến mức không thể tưởng tượng được. Và để chống lại những phần tử đó, chúng ta sẽ phải tiến hành một cuộc đấu tranh trăm lần khó

khăn hơn nhưng lại không hề hứa hẹn một kết quả gì rực rỡ cả. Cuộc đấu tranh này, chúng ta chỉ vừa mới bắt đầu. Chúng ta đang ở trong giai đoạn đầu của cuộc đấu tranh đó. Ở đây, nhiều thử thách gay go đang chờ đợi chúng ta. Ở đây, do tình hình khách quan, chúng ta, vô luận thế nào, cũng sẽ không thể chỉ biết có dùng cái lối cờ mở trống giong, tiến quân thắng lợi như khi chống lại bọn Ca-lê-đin. Ai mà muốn đem dùng phương thức đó để giải quyết những nhiệm vụ tổ chức đang đứng trước cách mạng, thì người đó sẽ bị phá sản hoàn toàn với tính cách là nhà chính trị, người xã hội chủ nghĩa, nhà hoạt động cho cách mạng xã hội chủ nghĩa.

V. I. Lê-nin, *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1971, t. 27, tr. 104 - 107.

Trích tác phẩm:

NHỮNG NHIỆM VỤ TRƯỚC MẮT CỦA CHÍNH QUYỀN XÔ-VIẾT (1)

Trong các cuộc cách mạng tư sản, nhiệm vụ chủ yếu của quần chúng cần lao là làm một công việc tiêu cực hoặc có tính chất phá hoại: xóa bỏ chế độ phong kiến, chế độ quân chủ, những quan hệ thời trung cổ. Còn công tác tích cực, có tính chất xây dựng, công tác tổ chức một xã hội mới, thì lại do thiểu số hữu sản, tức thiểu số tư sản trong nhân dân, hoàn thành. Và sở dĩ thiểu số đó hoàn thành được nhiệm vụ ấy tương đối dễ dàng, bất chấp cả sự phản kháng của công nhân và nông dân nghèo, thì không những vì sự phản kháng của quần chúng, bị tư bản bóc lột, lúc bấy giờ còn đang hết sức yếu ớt do tình trạng phân tán và chưa phát triển của họ, mà còn vì lực lượng tổ chức cơ bản của xã hội tư bản — một xã hội được xây dựng

(1) V. I. Lê-nin viết tác phẩm này vào tháng Ba, tháng Tư 1918. Đề cương này của Lê-nin được Ban Chấp hành trung ương Đảng thảo luận và tán thành trong phiên họp ngày 26 tháng Tư 1918.

V. I. Lê-nin chỉ rõ sau khi giai cấp vô sản nắm chính quyền thì nhiệm vụ quản lý tổ chức trở thành nhiệm vụ chủ yếu và trung tâm. *(B.T.)*

lên một cách vô chính phủ — là thị trường trong nước và quốc tế, thị trường này lúc đó đang phát triển một cách tự phát về bề rộng cũng như bề sâu.

Trái lại, nhiệm vụ chủ yếu mà giai cấp vô sản và nông dân nghèo do giai cấp ấy lãnh đạo, phải hoàn thành trong bất cứ cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa nào và, do đó, phải hoàn thành trong cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đã bắt đầu tiến hành ở Nga, ngày 25 tháng Mười 1917, — nhiệm vụ chủ yếu đó là một công tác tích cực, hoặc có tính chất xây dựng nhằm thiết lập một hệ thống quan hệ tổ chức mới, hệ thống cực kỳ phức tạp và tinh tế, bao gồm sự sản xuất và phân phối một cách có kế hoạch các sản phẩm cần thiết cho đời sống của hàng chục triệu người. Một cuộc cách mạng như thế chỉ có thể được hoàn thành thắng lợi, nếu bản thân đa số nhân dân, và trước hết là đa số những người lao động, phải tỏ ra là có khả năng chủ động tiến hành một hoạt động sáng tạo có ý nghĩa lịch sử. Chỉ khi nào giai cấp vô sản và những người nông dân nghèo tỏ ra có đầy đủ tinh thần tự giác, gắn bó với lý tưởng của mình, có tinh thần hy sinh và bền bỉ, thì khi đó, thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa mới được đảm bảo. Chúng ta đã thiết lập được một kiểu Nhà nước mới, kiểu xô-viết, nó tạo khả năng cho quần chúng cần lao và bị áp bức có thể tham gia hết sức tích cực và biểu lộ tinh thần chủ động của mình trong công cuộc xây dựng xã hội mới, nhưng như thế, chúng ta chỉ mới giải quyết được một phần nhỏ của một nhiệm vụ gay go. Khó khăn chủ yếu là ở trong lĩnh vực kinh tế: thực hiện ở khắp mọi nơi sự kiểm kê và kiểm soát hết sức chặt chẽ việc sản xuất và phân phối sản phẩm, tăng năng suất *lao động thật sự xã hội hóa* sản xuất.

Sự phát triển của Đảng bôn-sê-vích, là đảng hiện nay đang cầm quyền ở Nga, đã chỉ ra một cách đặc biệt rõ ràng cho chúng ta thấy rằng bước ngoặt lịch sử mà chúng ta đang trải qua — cái bước ngoặt nói lên đặc điểm của tình thế chính trị hiện nay và đòi hỏi Chính quyền xô-viết phải tìm một phương hướng mới, tức là một cách thức mới để đề ra những nhiệm vụ mới — là như thế nào.

Nhiệm vụ thứ nhất của bất cứ một chính đảng nào có trọng trách đối với tương lai là thuyết phục cho đa số nhân dân thấy được sự đúng đắn của cương lĩnh và sách lược của mình. Nhiệm vụ đó đã chiếm hàng đầu dưới chế độ Nga hoàng, cũng như trong thời kỳ mà bọn Tséc-nốp và Txê-rê-tê-li thi hành chính sách thỏa hiệp với bọn Kê-ren-ski và bọn Ki-sơ-kin. Ngày nay, cố nhiên là chúng ta hoàn toàn vẫn chưa hoàn thành được nhiệm vụ ấy (và sẽ không bao giờ hoàn thành triệt để được nhiệm vụ ấy), nhưng cũng đã hoàn thành được về căn bản rồi, vì đa số công nhân và nông dân Nga rõ ràng là đứng về phía những người bôn-sê-vích, như Đại hội vừa qua của các Xô-viết ở Mạc-tư-khoa đã chứng minh một cách không thể chối cãi được.

Nhiệm vụ thứ hai của Đảng ta là giành lấy chính quyền và đập tan sự phản kháng của bọn bóc lột. Cả nhiệm vụ này nữa cũng vậy, chúng ta hoàn toàn chưa làm xong và không thể coi thường nó, vì một mặt, bọn quân chủ và dân chủ - lập hiến, và mặt khác, bọn phụ họa và bộ hạ của chúng — tức là bọn men-sê-vích và bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng phái hữu — đều tiếp tục cố gắng câu kết với nhau hòng lật đổ Chính quyền xô-viết. Nhưng, về căn bản, nhiệm vụ đập tan sự phản kháng của bọn bóc

lột đã làm xong trong thời kỳ từ 25 tháng Mười 1917 đến tháng Hai 1918 (tính ước chừng), hoặc đến ngày mà Bô-ga-ép-ski đầu hàng.

Nhiệm vụ thứ ba, — nhiệm vụ tổ chức việc quản lý nước Nga, — hiện đang được đề ra trước mắt, đó là nhiệm vụ trước mắt, nói lên đặc điểm của tình thế hiện nay. Dĩ nhiên, chúng ta đã đề ra nhiệm vụ đó và đã giải quyết ngay từ sau ngày 25 tháng Mười 1917. Nhưng khi sự phản kháng của bọn bóc lột còn mang hình thức một cuộc nội chiến công khai, thì nhiệm vụ quản lý Nhà nước chưa thể trở thành nhiệm vụ *chủ yếu, trung tâm* được.

Ngày nay, nhiệm vụ quản lý đã trở thành nhiệm vụ chủ yếu và trung tâm. Chúng ta, Đảng Bôn-sê-vích, chúng ta đã *thuyết phục được* nước Nga. Chúng ta đã *giành được* nước Nga trong tay bọn nhà giàu để giao lại cho những người nghèo, đã *giành được* trong tay bọn bóc lột để giao lại cho những người lao động. Vấn đề hiện nay là phải *quản lý* nước Nga. Và toàn bộ đặc điểm của tình thế hiện thời, tất cả sự khó khăn là ở chỗ phải hiểu rõ những *đặc điểm của bước quá độ* từ một thời kỳ mà nhiệm vụ chủ yếu của chúng ta là thuyết phục nhân dân và dùng lực lượng quân sự để trấn áp bọn bóc lột, sang một thời kỳ mới mà nhiệm vụ chủ yếu của chúng ta là nhiệm vụ *quản lý*.

Trong lịch sử thế giới, đây là lần đầu tiên mà một đảng xã hội chủ nghĩa đã có thể hoàn thành được, về căn bản, việc giành chính quyền và đè bẹp bọn bóc lột, đã có thể trực tiếp *bắt tay* vào việc giải quyết nhiệm vụ *quản lý*. Chúng ta phải tỏ ra là những người đã thực hiện được một cách xứng đáng nhiệm vụ rất gay go (và rất cao cả) ấy của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Chúng ta phải *hiểu*

rõ ràng muốn quản lý được tốt, thì ngoài cái tài biết thuyết phục, biết chiến thắng trong cuộc nội chiến, còn cần phải biết *tổ chức trong lĩnh vực thực tiễn*. Đó là nhiệm vụ khó khăn nhất, vì vấn đề là phải tổ chức theo phương thức mới những cơ sở sâu xa nhất, những cơ sở kinh tế của đời sống của hàng chục và hàng chục triệu con người. Đó cũng là nhiệm vụ cao cả nhất vì chỉ *sau khi* đã thực hiện được nhiệm vụ ấy (trên những nét lớn, căn bản của nó), người ta mới có thể nói rằng nước Nga không những đã trở thành một nước cộng hòa xô-viết, mà còn là một nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa nữa.

. . . . . .

GIAI ĐOẠN MỚI CỦA CUỘC ĐẤU TRANH CHỐNG GIAI CẤP TƯ SẢN

Giai cấp tư sản đã bị đánh bại ở nước ta, nhưng nó vẫn chưa bị diệt trừ tận gốc, chưa hoàn toàn bị tiêu diệt và thậm chí cũng chưa hoàn toàn bị đánh tan. Do đó, một hình thức mới và cao cho cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản đang được đề ra trước mắt, đó là việc chuyển từ nhiệm vụ giản đơn nhất, tức là tiếp tục tước quyền sở hữu của bọn tư bản, sang một nhiệm vụ phức tạp hơn và gay go hơn nhiều, tức là tạo ra, những điều kiện khiến cho giai cấp tư sản không thể tái sinh trở lại được nữa. Hiển nhiên là nhiệm vụ ấy vô cùng cao hơn, và chừng nào mà nó chưa được hoàn thành, thì vẫn chưa có chủ nghĩa xã hội.

Nếu lấy những cuộc cách mạng ở Tây Âu làm tiêu chuẩn thì chúng ta hiện nay đang ở vào một trình độ gần như những năm 1793 và 1871. Chúng ta có quyền chính đáng

tự hào là chúng ta đã vươn lên đến trình độ ấy và hơn nữa, không ai chối cãi được rằng chúng ta đã vượt qua trình độ ấy, về một phương diện, tức là: chúng ta đã chính thức tuyên bố và thành lập được trong toàn nước Nga một *kiểu* Nhà nước cao hơn, — đó là Chính quyền xô-viết. Nhưng chúng ta tuyệt đối không thể tự mãn với những thành quả đạt được, vì chúng ta chỉ mới bắt đầu chuyển lên chủ nghĩa xã hội; và về phương diện đó, điều quyết định vẫn *chưa được* thực hiện.

Điều quyết định là: tổ chức cho toàn dân kiểm kê và kiểm soát một cách hết sức chặt chẽ sự sản xuất và phân phối sản phẩm. Thế nhưng chúng ta *vẫn chưa* tổ chức được việc kiểm kê và kiểm soát trong những xí nghiệp, trong các ngành kinh tế, các lĩnh vực kinh tế mà chúng ta đã giành lại được trong tay giai cấp tư sản; mà không làm được việc đó, thì không thể nào nói đến điều kiện vật chất thứ hai, cũng không kém phần quan trọng, để đảm bảo việc thiết lập chủ nghĩa xã hội, tức là: nâng cao năng suất lao động trong phạm vi toàn quốc.

Do đó, người ta không thể xác định nhiệm vụ hiện nay bằng cái công thức giản đơn là: tiếp tục tấn công vào tư bản. Tuy rằng hiển nhiên là chúng ta chưa đánh tư bản chết hẳn, và tuyệt đối cần phải tiếp tục tấn công vào kẻ thù ấy của những người lao động, nhưng một công thức như thế cũng vẫn không chính xác, không cụ thể, vì nó không căn cứ vào *tính chất đặc thù* của tình hình hiện tại, là lúc mà muốn bảo đảm thắng lợi cho cuộc tấn công *sau này*, thì *ngày nay* chúng ta phải tạm «ngừng» cuộc tấn công.

Người ta có thể giải thích điều đó được bằng cách ví tình hình của ta trong cuộc chiến tranh chống tư bản, với

tình hình của một đạo quân chiến thắng buộc phải tạm thời ngừng cuộc tấn công của mình, sau khi đã cướp được, chẳng hạn, một nửa hoặc hai phần ba lãnh thổ của kẻ thù, để chuẩn bị lực lượng tăng thêm dự trữ về các phương tiện chiến đấu, sửa chữa và củng cố các đường giao thông, xây dựng thêm những kho tàng mới, đưa quân dự trữ tới, v.v.. Trong những điều kiện ấy, việc đội quân chiến thắng đó tạm ngừng cuộc tấn công lại là cần thiết, chính là để có thể chiếm nốt phần lãnh thổ còn lại của kẻ thù, nghĩa là chiến thắng hoàn toàn. Người nào không hiểu được tính chất đó của việc tạm «ngừng» cuộc tấn công — do tình hình khách quan buộc chúng ta làm thế — vào bọn tư bản, thì người đó không hiểu tí gì về giai đoạn chính trị mà chúng ta hiện đang trải qua.

Dĩ nhiên, người ta chỉ có thể nói đến «việc ngừng» cuộc tấn công vào bọn tư bản bằng cách đặt danh từ đó giữa hai ngoặc kép, nghĩa là chỉ dùng nó như một lối nói bóng bảy. Trong một cuộc chiến tranh thường người ta có thể ra một mệnh lệnh chung ngừng tấn công; trên thực tế, người ta có thể ngừng cuộc tiến quân lại được. Trong cuộc chiến tranh chống tư bản, không thể ngừng cuộc tiến quân lại được, và đối với chúng ta, thì không thể nào nói đến việc từ bỏ không tiếp tục tước quyền sở hữu của bọn tư bản. Vấn đề là thay đổi *trọng tâm* của công tác kinh tế và chính trị của chúng ta. Trước đây, những cái đã được để lên *hàng đầu*, chính là những biện pháp nhằm trực tiếp tước quyền sở hữu của những kẻ chiếm đoạt. Ngày nay, cái được để lên *hàng đầu*, chính là tổ chức việc kiểm kê và kiểm soát trong các xí nghiệp đã tước đoạt được của bọn tư bản, cũng như trong mọi xí nghiệp khác.

Nếu hiện nay, chúng ta muốn tiếp tục tước quyền sở hữu của bọn tư bản, với cùng một tốc độ như trước kia, thì chắc chắn là chúng ta sẽ thất bại, vì bất cứ một người nào biết suy nghĩ cũng đều thấy rõ rằng công tác tổ chức cho giai cấp vô sản kiểm kê và kiểm soát, hiển nhiên là còn *lạc hậu* so với công tác *trực tiếp* « tước đoạt những kẻ đi tước đoạt ». Nếu giờ đây, chúng ta dốc toàn lực vào công tác tổ chức việc kiểm kê và kiểm soát, thì chúng ta sẽ có thể giải quyết được nhiệm vụ ấy, sẽ gỡ lại được cái đã bị mất, sẽ giành được thắng lợi trong toàn bộ « chiến dịch » của chúng ta chống tư bản.

Song, thú nhận rằng chúng ta phải gỡ lại cái bị bỏ lỡ, phải chăng cũng là thú nhận chúng ta đã phạm một sai lầm nào rồi? Hoàn toàn không phải như vậy. Chúng ta hãy lấy một ví dụ khác về quân sự. Nếu chỉ dùng khinh ky binh mà có thể đánh bại và đẩy lùi được quân thù, thì nên làm như vậy. Nhưng nếu làm thế mà chỉ có thể thắng lợi đến một mức độ nào đó thôi, thì hoàn toàn rõ ràng là muốn đạt được một thắng lợi hơn thế, thì cần phải đưa trọng pháo đến. Khi thừa nhận rằng ngày nay, chúng ta phải gỡ lại cái đã bị mất bằng cách đưa trọng pháo đến để sử dụng, thì tuyệt nhiên không phải như thế là chúng ta thừa nhận rằng cuộc tiến công thắng lợi bằng đội ky binh là một sai lầm.

Bọn đày tớ của giai cấp tư sản thường trách chúng ta là đã dùng lối đánh « xích vệ » để chống tư bản. Đó là một lời trách móc vô lý và chỉ có bọn làm đày tớ cho túi tiền mới mở miệng như thế. Vì *lúc bấy giờ* hoàn cảnh tuyệt đối bắt buộc chúng ta phải dùng lối đánh « xích vệ » để chống tư bản: một là *lúc ấy* bọn tư bản, mà đại biểu là Kê-ren-ski và Cơ-rát-snốp, Xa-vin-cốp và Gốt-dơ (và ngày nay là Ghê-ghết-sơ-cô-ri), Đu-tốp và Bô-ga-ép-ski,

đã phản kháng lại bằng quân sự. Chỉ có dùng những thủ đoạn quân sự mới đập tan được sự phản kháng bằng quân sự, và đội xích vệ đã hoàn thành được một sự nghiệp lịch sử vĩ đại và cao quý nhất, khi giải phóng những người lao động và bị bóc lột khỏi ách của bọn bóc lột.

Hai là, lúc bấy giờ sở dĩ chúng ta không thể đặt những phương pháp quản lý lên hàng đầu thay cho những phương pháp trấn áp, cũng là vì không phải người ta bẩm sinh ra là đã có được nghệ thuật quản lý rồi, mà phải trải qua kinh nghiệm mới có được. Lúc bấy giờ, chúng ta chưa có kinh nghiệm đó. Hiện nay, chúng ta đã có kinh nghiệm đó rồi. Ba là, lúc bấy giờ, chúng ta chưa có được những chuyên gia thuộc các ngành khoa học và kỹ thuật, vì hoặc là họ còn chiến đấu trong hàng ngũ của bọn Bô-ga-ép-ski, hoặc là họ vẫn còn có khả năng dùng hành động *phá hoại* để chống lại chúng ta một cách tiêu cực, có hệ thống và quyết liệt. Nhưng ngày nay chúng ta đã đập tan được sự phá hoại đó rồi. Cuộc tấn công kiểu « xích vệ » chống tư bản đã thành công, cuộc tấn công ấy đã thắng lợi, vì chúng ta đã đánh bại được sự kháng cự bằng quân sự cũng như sự phản kháng bằng hành động phá hoại của tư bản.

Nói như thế có phải là *bất cứ lúc nào* và trong *bất cứ* hoàn cảnh nào cũng phải dùng đến lối tiến công kiểu « xích vệ » để chống tư bản chăng? Chúng ta *không có* những phương pháp nào khác để chống tư bản chăng? Nghĩ như vậy thì thật là ngây thơ. Nhờ đội khinh kỵ binh mà chúng ta đã chiến thắng, nhưng chúng ta cũng có cả trọng pháo nữa. Trước kia chúng ta đã chiến thắng bằng những phương pháp trấn áp, sau này chúng ta sẽ biết chiến thắng bằng phương pháp quản lý. Phải biết tùy theo hoàn cảnh mà thay đổi phương pháp đấu tranh chống quân thù.

Sẽ không bao giờ chúng ta từ bỏ những phương pháp «xích vệ» để trấn áp các ngài Xa-vin-cốp và Ghê-ghết-sơ-cô-ri, cũng như tất cả những phần tử phản cách mạng khác trong bọn địa chủ và tư sản. Nhưng chúng ta sẽ không khờ dại đến nỗi lại đặt những phương pháp «xích vệ» lên hàng đầu khi mà thời kỳ cần phải dùng đến những cuộc tấn công như thế, về cơ bản đã chấm dứt rồi (và chấm dứt một cách thắng lợi), và khi trực tiếp đã đến một thời kỳ mà chính quyền Nhà nước của giai cấp vô sản sẽ phải dùng đến những chuyên gia tư sản để cày xới đất đai sao cho không bao giờ có một giai cấp tư sản nào có thể mọc lên được trên đất đai ấy cả.

Đó là một thời kỳ, hay nói cho đúng hơn, một giai đoạn phát triển thuộc một loại đặc biệt, và để chiến thắng tư bản một cách triệt để, thì phải biết vận dụng những hình thức đấu tranh của chúng ta cho thích hợp với những điều kiện đặc biệt của giai đoạn ấy.

Không có sự chỉ đạo của các chuyên gia am hiểu các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật và kinh nghiệm, thì không thể nào có bước chuyển lên chủ nghĩa xã hội được, vì chủ nghĩa xã hội đòi hỏi một bước tiến có ý thức và có tính chất quần chúng để đi tới một năng suất lao động cao hơn năng suất của chủ nghĩa tư bản và dựa trên cơ sở những kết quả mà chủ nghĩa tư bản đã đạt được. Chủ nghĩa xã hội phải thực hiện bước tiến ấy *theo phương thức riêng của mình,* bằng những phương pháp riêng của mình, nói một cách cụ thể hơn: bằng những phương pháp *xô-viết.* Nhưng đại đa số các chuyên gia đều mang tính chất tư sản, do tất cả những điều kiện đời sống xã hội đã tạo họ thành chuyên gia. Nếu sau khi nắm được chính quyền, giai cấp vô sản của chúng ta giải quyết được nhanh chóng

nhiệm vụ kiểm kê, kiểm soát và tổ chức trong phạm vi toàn quốc — (điều này, trước đây không thể nào thực hiện được vì chiến tranh và vì tình trạng lạc hậu của nước Nga) — thì sau khi đập tan được sự phá hoại, chúng ta sẽ có thể nhờ tiến hành được rộng khắp việc kiểm kê và kiểm soát mà hoàn toàn thu phục được các chuyên gia tư sản. Do chúng ta đã « chậm trễ » nhiều trong công tác kiểm kê và kiểm soát nói chung cho nên dù đã đánh bại được sự phá hoại rồi, mà chúng ta *vẫn chưa* tạo ra được những điều kiện giúp chúng ta thu phục các chuyên gia tư sản. Đại đa số bọn lãn công đều « nhận công tác », song Nhà nước vẫn có thể sử dụng được những người có tài tổ chức nhất và những chuyên gia giỏi nhất, hoặc là theo phương thức cũ, phương thức tư sản (nghĩa là trả lương cao) hoặc theo phương thức mới, phương thức vô sản (nghĩa là thiết lập những điều kiện kiểm kê và kiểm soát do toàn dân thực hiện từ dưới lên, những điều kiện này tự nó nhất định sẽ giúp chúng ta thu phục được các chuyên gia, lôi kéo họ về với chúng ta).

Giờ đây, chúng ta buộc phải dùng đến phương pháp cũ, phương pháp tư sản và bằng lòng trả một giá rất cao về « công phục vụ » của những chuyên gia tư sản xuất sắc nhất. Tất cả những ai am hiểu tình hình, cũng đều thấy như thế, nhưng không phải ai cũng tìm hiểu sâu xem Nhà nước vô sản áp dụng một biện pháp như thế, là có ý nghĩa gì. Rõ ràng, biện pháp đó là một sự nhượng bộ, một sự xa rời những nguyên tắc của Công xã Pa-ri và của mọi chính quyền vô sản, tức là những nguyên tắc đòi hỏi phải rút tiền lương xuống ngang mức tiền công của người công nhân trung bình, và tư tưởng thăng quan phát tài được đả phá bằng hành động chứ không phải bằng lời nói.

Hơn thế nữa. Rõ ràng biện pháp ấy không phải chỉ là một sự đình chỉ — trong một lĩnh vực nào đó và trong một mức độ nào đó — cuộc tấn công vào tư bản (vì tư bản không phải là một số tiền, mà lại là những quan hệ xã hội nhất định), mà nó lại còn là *một bước lùi* của Chính quyền xã hội chủ nghĩa xô-viết chúng ta nữa, chính quyền này, ngay từ buổi đầu, đã công bố và áp dụng một chính sách nhằm hạ những mức tiền lương trung bình (1).

Dĩ nhiên việc chúng ta thú nhận đã lùi một bước như vậy, sẽ làm cho bọn đày tớ của giai cấp tư sản, nhất là bọn tiểu nhân: bọn men-sê-vích, phái *Đời mới*, bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng phái hữu, cười nhạo chúng ta. Nhưng chúng ta không cần quan tâm đến những tiếng cười nhạo ấy. Chúng ta cần phải nghiên cứu những đặc điểm của con đường mới, vô cùng gay go, đang dẫn tới chủ nghĩa xã hội, mà không hề giấu giếm những sai lầm và nhược điểm của chúng ta, nhưng đồng thời cũng cố gắng hoàn thành kịp thời những cái chúng ta chưa hoàn thành được. Che giấu không cho quần chúng biết rằng thu hút các chuyên gia tư sản bằng cách cho họ hưởng tiền lương rất cao là rời bỏ những nguyên tắc của Công xã Pa-ri, — thì chẳng khác nào đã hạ mình xuống ngang hàng với bọn hoạt động chính trị tư bản và đánh lừa quần chúng. Giải thích công khai cho quần chúng biết tại sao chúng ta phải lùi bước và đã lùi bước như thế nào, rồi sau đó, công khai thảo luận xem dùng phương pháp nào

(1) Theo quyết nghị của Hội đồng Dân ủy ngày 18 tháng Một (1 tháng Chạp) 1917, lương hàng tháng tối đa của các Bộ trưởng Dân ủy định là 500 rúp. Theo yêu cầu của Bộ Dân ủy Lao động, Hội đồng Dân ủy quyết định rằng những nhà bác học và kỹ thuật gia cao cấp có thể lĩnh lương cao hơn.

để gỡ lại cái bị mất, — làm như thế là giáo dục quần chúng và cùng với quần chúng học tập qua kinh nghiệm để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong lịch sử, vị tất đã có một cuộc tiến quân thắng lợi nào mà kẻ chiến thắng lại không phạm sai lầm, lại không phải trải qua những thất bại cục bộ, lại không phải tạm thời lùi bước ở điểm này hay điểm khác, lại không phải rút lui ở chỗ nọ, chỗ kia. Huống chi « cuộc tiến quân » mà chúng ta đang tiến hành chống chủ nghĩa tư bản lại một triệu lần gay go hơn cuộc tiến quân gay go nhất; và nếu vì một sự lùi bước bộ phận và cục bộ, mà đâm ra nản lòng, thì thật là ngu ngốc và nhục nhã.

Chúng ta hãy nhận định vấn đề ấy về mặt thực tiễn. Giả sử rằng nước Cộng hòa xô-viết Nga cần có 1.000 nhà bác học và chuyên gia hạng nhất trong các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật, kinh nghiệm thực tiễn, để chỉ đạo lao động của nhân dân nhằm đẩy mạnh hết sức nhanh nền kinh tế trong nước. Giả sử rằng phải trả cho mỗi « ngôi sao bậc nhất » ấy — mà đa số họ thường thích la ó rằng công nhân là đồi bại, khi chính bản thân họ lại bị những phong tục tư sản làm cho đồi bại nhiều hơn — một năm là 25.000 rúp. Giả sử như phải tăng số tiền đó (25 triệu rúp) lên gấp đôi (tính cả những tiền thưởng cho việc hoàn thành đặc biệt nhanh chóng và có kết quả những nhiệm vụ kỹ thuật và tổ chức quan trọng nhất), thậm chí gấp bốn (tính cả mấy trăm chuyên gia ngoại quốc khó tính, mà chúng ta đã tuyển dụng). Thử hỏi một món chi tiêu hàng năm là năm chục hoặc một trăm triệu rúp vào việc cải tổ lao động của nhân dân theo thành tựu mới nhất của khoa học và kỹ thuật, một món chi tiêu như vậy liệu có thể coi là quá đáng, hoặc quá sức đối với nước Cộng hòa xô-viết không? Cố nhiên là không. Tuyệt đại đa số công nhân và nông dân giác ngộ đều sẽ tán thành khoản chi như thế:

qua kinh nghiệm của đời sống thực tiễn, họ đều biết rằng tình trạng lạc hậu của chúng ta làm cho chúng ta tổn thất hàng nghìn triệu rúp rằng chúng ta *chưa có* được một trình độ tổ chức, kiểm kê và kiểm soát khiến cho toàn thể những « ngôi sao » trong số các nhà trí thức tư sản tự nguyện tham gia công tác của *chúng ta*.

Cố nhiên, vấn đề còn có một mặt khác nữa. Người ta không thể nào không thừa nhận rằng những món lương cao có ảnh hưởng đồi bại đến cả Chính quyền xô-viết (nhất là trong điều kiện cách mạng thành công rất nhanh chóng, thì một số bọn phiêu lưu và bịp bợm đã bám được vào chính quyền này; cùng với những kẻ bất tài hoặc vô lương tâm trong số các thủ trưởng, chúng không phải không mong muốn trở thành những « ngôi sao »... trong nghề đục khoét quốc khố) lẫn quần chúng công nhân. Nhưng tất cả những phần tử trung thực và biết suy nghĩ trong công nhân và nông dân nghèo đều sẽ đồng ý với chúng ta mà thừa nhận rằng chúng ta không đủ sức thoát được ngay lập tức cái di sản xấu do chủ nghĩa tư bản để lại; rằng muốn làm cho nước Cộng hòa xô-viết khỏi phải chịu « khoản tiền công » từ 50 đến 100 triệu rúp (khoản tiền công mà chúng ta phải nộp vì tình trạng lạc hậu của chúng ta trong việc tổ chức sự kiểm kê và kiểm soát do *toàn dân* thực hiện *từ dưới lên*) thì chỉ có cách là tự tổ chức nhau lại, tăng cường kỷ luật trong bản thân chúng ta, quét sạch ra khỏi hàng ngũ chúng ta tất cả những kẻ nào còn « giữ di sản của chủ nghĩa tư bản », còn « tuân theo truyền thống của chủ nghĩa tư bản », nghĩa là những bọn lười biếng, ăn bám, ăn cắp của công (ngày nay, tất cả đất đai, công xưởng, đường sắt hợp thành « của công » của nước Cộng hòa xô-viết). Nếu trong khoảng một năm, những phần tử tiên tiến và giác ngộ trong công nhân và nông dân nghèo,

với sự giúp đỡ của các cơ quan xô-viết, mà thành công trong việc tự tổ chức nhau lại, tự đặt mình vào kỷ luật và nỗ lực tạo nên một kỷ luật lao động chặt chẽ, thì một năm sau, chúng ta sẽ trút bỏ được « khoản tiền công » ấy, khoản tiền công mà chúng ta sẽ có thể giảm bớt được sớm hơn nữa... theo đúng mức độ tiến bộ, về kỷ luật lao động và về tính tổ chức của công nông nước ta. Bản thân công nhân và nông dân chúng ta mà càng chóng học tập được cách tạo ra kỷ luật lao động tốt hơn và kỹ thuật lao động cao, bằng cách sử dụng các chuyên gia tư sản để học lấy môn khoa học ấy, — thì chúng ta sẽ càng sớm thoát khỏi mọi « khoản tiền công » cho các chuyên gia đó.

Công tác tổ chức — dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản — việc toàn dân kiểm kê và kiểm soát sự sản xuất và phân phối sản phẩm, đang còn chậm trễ hơn nhiều so với công tác trực tiếp tước đoạt những kẻ đi tước đoạt. Chính đó là điều căn bản giúp chúng ta hiểu được những đặc điểm của thời kỳ hiện nay và những nhiệm vụ mà thời kỳ đó đề ra cho Chính quyền xô-viết. Trọng tâm của cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản đang chuyển sang công tác tổ chức việc kiểm kê và kiểm soát đó. Chỉ có xuất phát từ chỗ đó người ta mới có thể xác định được chính xác những nhiệm vụ trước mắt của chính sách kinh tế và tài chính trong việc quốc hữu hóa các ngân hàng, trong việc chiếm độc quyền ngoại thương, trong việc Nhà nước kiểm soát sự lưu thông tiền tệ, trong việc thiết lập một thứ thuế thỏa đáng, theo quan điểm của giai cấp vô sản, là đánh vào tài sản và mức thu nhập trong việc áp dụng một chế độ lao động cưỡng bách.

Chúng ta đang còn hết sức lạc hậu về phương diện những cải cách xã hội chủ nghĩa trong các lĩnh vực ấy (mà những

lĩnh vực này lại rất, rất quan trọng), và sở dĩ chúng ta còn lạc hậu như thế, chính là vì, nói chung, công tác kiểm kê và kiểm soát không được tổ chức đầy đủ. Cố nhiên, nhiệm vụ đó là một trong những nhiệm vụ khó khăn nhất, và vì nền kinh tế bị chiến tranh tàn phá, cho nên phải một thời gian lâu dài mới giải quyết được nhiệm vụ đó; nhưng không nên quên rằng chính đó là chỗ mà giai cấp tư sản — nhất là giai cấp tiểu tư sản đông đảo và giai cấp tư sản nông dân — chống lại chúng ta quyết liệt nhất, bằng cách phá hoại công tác kiểm soát mà chúng ta đang tổ chức, chẳng hạn như phá hoại chế độ độc quyền lúa mì, và tìm cách chiếm lĩnh trận địa để tổ chức việc đầu cơ và việc buôn bán đầu cơ. Những sắc lệnh mà chúng ta đã ban hành thì chúng ta thi hành vẫn hết sức chưa đầy đủ, và nhiệm vụ chủ yếu trước mắt, chính là tập trung mọi cố gắng của chúng ta để *xây dựng*, một cách thực tế, thiết thực, nền tảng của những cải cách đã trở thành sắc luật (nhưng vẫn chưa thành sự thật).

Để tiếp tục quốc hữu hóa các ngân hàng và không ngừng cải biến ngân hàng thành những trung tâm kế toán công cộng đầu mối dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, thì trước hết và trên hết phải đạt được những thắng lợi thực sự trong việc tăng thêm số chi nhánh và chi điếm của Ngân hàng nhân dân; trong việc vận động gửi tiền vào ngân hàng, phải làm sao cho công chúng bỏ tiền vào và rút tiền ra được dễ dàng, phải trừ bỏ hiện tượng đứng « nối đuôi », phải bắt và *xử bắn* bọn ăn hối lộ và bịp bợm, v.v.. Trước hết, phải đảm bảo việc áp dụng thiết thực những điều đơn giản nhất, phải tổ chức cho tốt những cái đã có rồi, tiếp đó mới chuẩn bị hoàn thành những cái phức tạp hơn.

Củng cố và chỉnh đốn những tổ chức độc quyền Nhà nước đã được thiết lập (về lúa mì, da thuộc, v.v.) và do

đó chuẩn bị cho Nhà nước nắm lấy độc quyền ngoại thương; không nắm được độc quyền đó, chúng ta sẽ không thể nào «thoát khỏi được» sự chi phối của tư bản nước ngoài bằng cách nộp «cống vật» cho chúng. Nhưng toàn bộ khả năng xây dựng chủ nghĩa xã hội lại phụ thuộc vào điều sau đây: trong một thời kỳ quá độ, chúng ta có thể dùng cách nạp một khoản cống vật nào đó cho tư bản nước ngoài để bảo vệ nền độc lập kinh tế trong nước chúng ta hay không.

Về công tác thu các thứ thuế nói chung, và thuế đánh vào tài sản và thuế thu nhập nói riêng, chúng ta cũng còn làm rất chậm chạp. Những món đảm phụ bắt buộc mà giai cấp tư sản phải đóng góp, — biện pháp này, về nguyên tắc, hoàn toàn có thể chấp nhận được và đáng được giai cấp vô sản tán thành — chứng tỏ rằng, về phương diện đó, chúng ta vẫn còn nặng về những phương pháp nhằm giành lấy (nước Nga từ tay bọn nhà giàu để giao lại cho những người nghèo), mà nhẹ về những phương pháp quản lý. Nhưng muốn trở thành mạnh mẽ hơn và muốn đứng vững hơn, chúng ta phải dùng những phương pháp quản lý, phải thay những đảm phụ mà giai cấp tư sản bị bắt buộc phải đóng góp bằng một thứ thuế đánh vào tài sản thu nhập, thu đủ mức và đều đặn; thuế này sẽ đem lại cho Nhà nước vô sản *nhiều hơn* và đòi hỏi chính bản thân chúng ta phải có nhiều tính tổ chức hơn, phải tổ chức việc kiểm kê và kiểm soát một cách hoàn hảo hơn.

Sự chậm trễ của chúng ta trong việc áp dụng chế độ cưỡng bức lao động cũng lại chứng tỏ rằng chính công tác chuẩn bị và tổ chức hiện nay là công tác cấp thiết. Một mặt, công tác đó giúp chúng ta củng cố được vĩnh viễn những thành quả của chúng ta; mặt khác, công tác đó là thiết yếu cho việc chuẩn bị một cuộc «bao vây» tư bản,

buộc tư bản phải « đầu hàng ». Chúng ta phải áp dụng ngay lập tức chế độ cưỡng bức lao động ấy, nhưng phải áp dụng một cách hết sức thận trọng và từng bước một, bằng cách dùng kinh nghiệm thực tiễn để thẩm tra mỗi bước đi và, cố nhiên, là bằng cách bắt đầu áp dụng chế độ đó trước tiên *đối với những kẻ giàu có*. Việc áp dụng một cuốn sổ lao động, sổ tiêu dùng - ngân sách đối với mọi tên tư sản, kể cả tư sản nông thôn, sẽ là một bước tiến đáng kể trên con đường đi đến « bao vây » hoàn toàn kẻ thù và đến việc tổ chức cho toàn dân kiểm kê và kiểm soát một cách thật sự việc sản xuất và phân phối các sản phẩm.

NÂNG CAO NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG

Trong bất cứ một cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa nào, khi giai cấp vô sản đã làm xong nhiệm vụ giành được chính quyền rồi, và trong chừng mực mà nhiệm vụ tước đoạt những kẻ đi tước đoạt và nhiệm vụ đập tan sự phản kháng của chúng đã được hoàn thành trên những nét cơ bản, thì tất nhiên có một nhiệm vụ căn bản khác được đề lên hàng đầu, đó là: thiết lập một chế độ xã hội cao hơn chủ nghĩa tư bản, nghĩa là nâng cao năng suất lao động và do đó (và vì thế) phải tổ chức lao động theo một trình độ cao. Chính quyền xô-viết của chúng ta chính là đang ở vào một tình thế như sau: những chiến thắng đã thu được trong cuộc đấu tranh chống bọn bóc lột — từ bọn Kê-ren-ski đến bọn Coóc-ni-lốp — giúp cho chính quyền đó có thể trực tiếp bắt tay vào giải quyết nhiệm vụ ấy, trực tiếp bắt tay thực hiện nhiệm vụ ấy. Và về mặt này,

chúng ta nhận thấy ngay rằng nếu vài ba ngày cũng đủ để giành được chính quyền trung ương, và trong vài tuần lễ cũng có thể dẹp tan được sự phản kháng quân sự (và sự phá hoại) của bọn bóc lột, ngay cả trong trường hợp mà sự phản kháng và sự phá hoại đó xảy ra ở nhiều nơi trong một nước rộng bao la, thì vô luận thế nào (nhất là sau một cuộc chiến tranh gian khổ và tàn khốc như thế) cũng phải mất nhiều năm mới giải quyết vững chắc được nhiệm vụ nâng cao năng suất lao động. Không thể chối cãi được rằng tính chất lâu dài của công tác này là do những hoàn cảnh hoàn toàn khách quan quyết định.

Việc nâng cao năng suất lao động trước hết đòi hỏi cơ sở vật chất của nền đại công nghiệp phải được đảm bảo, ngành sản xuất nhiên liệu, sắt, máy móc, hóa chất, phải phát triển. Nước Cộng hòa xô-viết Nga đang ở trong những điều kiện thuận lợi, là vì ngay cả sau khi ký kết hòa ước Bơ-rét — Li-tốp, nó vẫn có nguồn dự trữ bao la về quặng (trong vùng U-ran), về nhiên liệu ở miền Tây Xi-bi-ri (than đá), ở vùng Cáp-ca-dơ và vùng Đông Nam (dầu lửa), ở vùng trung tâm (than bùn) và bao nhiêu nguồn của cải to lớn về rừng, về sức nước, về nguyên liệu cho công nghiệp hóa chất (ở Ca-ra-bu-ga-dơ), v.v.. Việc khai thác những của cải tự nhiên ấy bằng phương pháp kỹ thuật hiện đại sẽ mang lại cho lực lượng sản xuất một cơ sở để đạt được một đà phát triển chưa từng có.

Một điều kiện khác để nâng cao năng suất lao động, trước hết là việc nâng cao trình độ học vấn và văn hóa của đông đảo quần chúng nhân dân. Hiện nay, công tác nâng cao trình độ văn hóa đó đang diễn ra một cách nhanh chóng phi thường, song những người bị mù quáng vì tính thủ cựu tư sản, những người không hiểu được nhiệt

tình thèm muốn tri thức, tính chủ động sáng kiến mà, nhờ có tổ chức xô-viết, hiện nay đã được khơi lên trong những tầng lớp nhân dân «bên dưới», những người ấy không thấy được điều đó. Hai là, để đạt tới đà phát triển kinh tế, chúng ta còn phải nâng cao tinh thần kỷ luật của những người lao động, kỹ năng lao động của họ, tính cần mẫn của họ, phải tăng thêm cường độ lao động và tổ chức lao động cho tốt hơn.

Về phương diện này, cứ theo lời những người bị giai cấp tư sản làm cho khiếp sợ hoặc vì lợi mà phục vụ giai cấp tư sản, thì tình hình ở nước chúng ta thật là đặc biệt trầm trọng, thậm chí đáng thất vọng nữa là khác. Những người đó không hiểu được rằng chưa bao giờ có và sẽ không thể nào có cuộc cách mạng nào, mà trong đó những kẻ tán thành chế độ cũ lại không la lối về tình trạng đổ nát, vô chính phủ, v.v.. Lẽ tự nhiên là trong nội bộ quần chúng vừa mới thoát khỏi ách áp bức dã man chưa từng có, thì sự sôi sục và bồng bột thế nào cũng biểu hiện ra cả về bề rộng lẫn bề sâu; lẽ tự nhiên là trải qua một quá trình rất lâu dài quần chúng mới xây dựng được những nguyên tắc mới của kỷ luật lao động; lẽ tự nhiên là cũng không thể nào bắt đầu ngay cả việc xây dựng đó, khi chúng ta chưa chiến thắng được hoàn toàn bọn địa chủ và giai cấp tư sản.

Nhưng nếu không mảy may để cho mình bị rơi vào tình trạng tuyệt vọng, thường là giả tạo mà giai cấp tư sản và những phần tử trí thức tư sản đã gieo rắc (chúng tuyệt vọng vì không thể duy trì được những đặc quyền cũ của chúng), thì tuyệt nhiên chúng ta cũng không được che giấu những điều xấu xa rõ rệt. Trái lại chúng ta thấy cần phải vạch nó ra và tăng cường những phương pháp xô-viết để đấu tranh chống lại nó, vì chủ nghĩa xã hội không thể

thành công được nếu tính kỷ luật tự giác của giai cấp vô sản không thắng được tình trạng vô chính phủ tự phát của giai cấp tiểu tư sản, tình trạng này là điều đảm bảo thật sự cho bọn Kê-ren-ski và Coóc-ni-lốp có khả năng được khôi phục trở lại.

Đội tiền phong giác ngộ nhất của giai cấp vô sản Nga đã tự đặt cho mình nhiệm vụ là nâng cao kỷ luật lao động. Chẳng hạn, Ban Chấp hành trung ương Công đoàn kim khí và Hội đồng trung ương Tổng Công đoàn đang tiến hành thảo ra những biện pháp và dự án sắc lệnh phù hợp với nhiệm vụ đó. Chúng ta phải ủng hộ công tác đó và hết sức đẩy nó tiến lên. Chúng ta phải thực hiện gấp rút, áp dụng trên thực tế và thí nghiệm chế độ trả công tính theo sản phẩm; phải áp dụng rất nhiều yếu tố khoa học và tiến bộ trong phương pháp Tay-lo, phải tính tiền công cho cân xứng với tổng sản lượng của ngành sản xuất này hay ngành sản xuất khác, hoặc cân xứng với kết quả của việc kinh doanh ngành đường sắt, ngành vận tải đường thủy, v.v. và v.v..

So với các nước tiên tiến, thì người Nga lao động kém. Và dưới chế độ Nga hoàng, trong điều kiện những tàn tích của chế độ nông nô còn tồn tại rất dai dẳng, thì không thể nào khác thế được. Học cách làm việc, đó là nhiệm vụ mà Chính quyền xô-viết phải đặt ra trước nhân dân với tất cả ý nghĩa quan trọng của nó. Về mặt này, thành tựu mới nhất của chủ nghĩa tư bản, tức là phương pháp Tay-lo, cũng như tất cả mọi tiến bộ của chủ nghĩa tư bản, đã kết hợp tính chất tàn bạo tinh vi của sự bóc lột kiểu tư sản với những thành tựu khoa học phong phú nhất về các mặt: phân tích những động tác cơ giới trong lao động, trừ bỏ những động tác thừa và vụng về, xây dựng

những phương pháp làm việc hợp lý nhất, áp dụng những chế độ kiểm kê và kiểm soát hoàn thiện nhất, v.v.. Nước Cộng hòa xô-viết phải tiếp thu cho bằng được những thành quả quý báu của khoa học và của kỹ thuật trong lĩnh vực đó. Chúng ta sẽ có thể thực hiện được chủ nghĩa xã hội hay không, điều đó chính là tùy ở những kết quả của chúng ta trong việc kết hợp Chính quyền xô-viết và chế độ quản lý xô-viết với những tiến bộ mới nhất của chủ nghĩa tư bản. Phải tổ chức ở Nga việc nghiên cứu và giảng dạy phương pháp Tay-lo, phải thí nghiệm và ứng dụng phương pháp đó một cách có hệ thống. Đồng thời, trong khi nâng cao năng suất lao động, cần phải chú ý đến những đặc điểm của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, tức là những đặc điểm đòi hỏi, một mặt, phải xây dựng được những cơ sở của việc tổ chức thi đua xã hội chủ nghĩa và, mặt khác, phải dùng những phương pháp cưỡng bách sao cho khẩu hiệu chuyên chính vô sản không bị nhơ bẩn bởi trạng thái nhu nhược mềm yếu của chính quyền vô sản trong đời sống thực tiễn.

. . . . .

« TỔ CHỨC CÂN ĐỐI » VÀ CHUYÊN CHÍNH

Nghị quyết của đại hội các Xô-viết vừa qua họp tại Mạc-tư-khoa vạch rõ rằng nhiệm vụ trước mắt trước nhất là tạo ra một « tổ chức cân đối » và tăng cường kỷ luật. Giờ đây, mọi người đều sẵn sàng « thông qua » những nghị quyết như thế và « ký tên » vào đấy; nhưng người ta thường không suy nghĩ kỹ rằng việc thi hành những nghị quyết đó đòi hỏi phải có một sự cưỡng bách, và sự cưỡng bách chính là dưới hình thức chuyên chính.

Và lại, ai tưởng rằng bước chuyển từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội có thể thực hiện được, mà không cần đến cưỡng bách và chuyên chính, thì sẽ phạm một điều dại dột lớn nhất và tỏ ra không tưởng một cách hết sức vô lý. Từ rất lâu, lý luận của Mác đã phản đối một cách hết sức rõ ràng cái mớ hầu lốn nhuộm màu dân chủ - tiểu tư sản và vô chính phủ ấy. Và về mặt đó, nước Nga năm 1917 - 1918 xác minh lý luận của Mác một cách rất hiển nhiên, rất rõ rệt và rất hùng hồn, nên chỉ có những người hoàn toàn đần độn hoặc cố tình không muốn thừa nhận sự thật, mới có thể lầm lạc về điểm đó mà thôi. Hoặc là nền chuyên chính của Coóc-ni-lốp (nếu người ta xem hắn như một tên Ca-vai-nhắc tư sản kiểu Nga), hoặc là nền chuyên chính của giai cấp vô sản; đối với một nước đang ở trong một quá trình phát triển vô cùng nhanh chóng với những bước ngoặt hết sức đột ngột, đang ở trong những điều kiện của một sự tàn phá ghê gớm về mặt kinh tế, hậu quả của một trong những cuộc chiến tranh tàn khốc nhất, thì *không thể nói đến* một lối thoát nào khác được. Tất cả mọi giải pháp trung gian đều hoặc là một sự lừa bịp nhân dân bởi giai cấp tư sản, là giai cấp không dám nói sự thật, không dám nói rằng chúng phải cần đến Coóc-ni-lốp, — hoặc là kết quả của sự ngu xuẩn của bọn dân chủ tiểu tư sản, bọn Tséc-nốp, bọn Txê-rê-tê-li và bọn Mác-tốp, với những lời ba hoa của chúng về sự thống nhất của phái dân chủ, về chuyên chính của phái dân chủ, về mặt trận chung của phái dân chủ và những lời nhảm nhí khác nữa. Không còn trông mong gì được ở những kẻ đã thấy bước tiến của cuộc cách mạng Nga năm 1917 - 1918 rồi, mà cũng vẫn còn không hiểu rằng không thể nào có những giải pháp trung gian được.

Mặt khác, cũng không khó khăn gì mà không hiểu được rằng, trong tất cả mọi bước chuyển từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, thì chuyên chính là tất yếu, vì hai lý do căn bản hoặc theo hai hướng chủ yếu. Trước hết, người ta không thể chiến thắng và diệt trừ được chủ nghĩa tư bản, nếu không thẳng tay trấn áp sự phản kháng của bọn bóc lột, là bọn mà người ta không thể nào tước hết ngay được tất cả của cải của chúng, những ưu thế của chúng về mặt tổ chức và về mặt hiểu biết, và do đó trong một thời gian khá dài chúng không khỏi có những âm mưu nhằm lật đổ chính quyền của những người nghèo khổ, chính quyền mà chúng rất thù ghét. Hai là, nếu ngay như không có chiến tranh với nước ngoài, thì cũng không thể nào có được một cuộc đại cách mạng nói chung, một cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa nói riêng, mà lại không có một cuộc chiến tranh trong nước, nghĩa là một cuộc nội chiến gây ra một sự tàn phá kinh tế còn to lớn hơn cả sự tàn phá của một cuộc chiến tranh với nước ngoài nữa, nó sản sinh ra hàng nghìn và hàng triệu trường hợp do dự và chạy từ phe này sang phe khác, một trạng thái cực kỳ không ổn định, mất thăng bằng và hỗn loạn. Và hiển nhiên là tất cả những phần tử hủ bại của xã hội cũ — nhất định là chúng đang còn rất nhiều và chủ yếu có liên hệ với giai cấp tiểu tư sản (vì bất cứ cuộc chiến tranh hay cuộc khủng hoảng nào cũng đều đánh vào và làm phá sản giai cấp này trước hết) — đều không thể không « lộ chân tướng » ra trong một cuộc cách mạng sâu xa như thế. Và chúng *không thể* « lộ chân tướng » bằng cách nào khác hơn là qua việc tăng *thêm những tội ác*, tăng thêm những hành động lưu manh, hối lộ và đầu cơ, những hành vi xấu xa, tỵ tiện đủ loại. Để trừ bỏ hiện tượng đó, cần phải có thời gian và *phải có một bàn tay sắt*.

Trong lịch sử, chưa từng có một cuộc đại cách mạng nào mà trong đó nhân dân lại không cảm thấy điều đó, do bản năng của mình, và không tỏ ra là có một sự cương quyết cứu tinh bằng cách xử bắn bọn kẻ cắp ấy tại chỗ. Điều chẳng may cho các cuộc cách mạng trước kia là ở chỗ nhiệt tình cách mạng của quần chúng — nhiệt tình này đã duy trì tinh thần nỗ lực của quần chúng và đã đem lại cho họ sức mạnh để thẳng tay trấn áp những phần tử hủ bại — thì lại không bền. Nguyên nhân xã hội, tức là nguyên nhân giai cấp đã làm cho nhiệt tình cách mạng của quần chúng không được bền vững như thế, là *ở sự* non yếu của giai cấp vô sản, tức là giai cấp *duy nhất* có khả năng (nếu nó khá đông đảo, giác ngộ và có kỷ luật) tranh thủ được *đa số* những người lao động và những người bị bóc lột (nói một cách đơn giản và đại chúng hơn: đa số những người nghèo khổ), và giữ lấy chính quyền trong thời gian khá lâu để có thể tiêu diệt hoàn toàn cả những bọn bóc lột và những phần tử hủ bại.

Chính cái kinh nghiệm lịch sử ấy của tất cả các cuộc cách mạng, chính bài học kinh tế và chính trị có ý nghĩa lịch sử — thế giới đó, Mác đã tổng kết lại trong một công thức vắn tắt, rõ ràng, chính xác và nổi bật là: chuyên chính vô sản. Và cách mạng Nga đã tìm được phương pháp đúng đắn để thực hiện nhiệm vụ lịch sử có ý nghĩa toàn thế giới ấy — đó là điều mà bước tiến thắng lợi của tổ chức xô-viết trong tất cả các dân tộc và bộ tộc ở Nga, đã *chứng minh*. Vì Chính quyền xô-viết không phải là cái gì khác mà chỉ là hình thức tổ chức của chuyên chính vô sản, của nền chuyên chính của giai cấp tiên phong đã phát động được hàng chục và hàng chục triệu người lao động và bị bóc lột thực hiện một nền dân chủ mới và tham gia độc lập vào việc quản lý Nhà nước; những người lao động và

bị bóc lột này đã nhờ kinh nghiệm bản thân mà thấy được rằng đội tiên phong có kỷ luật và có ý thức của giai cấp vô sản là người đưa đường dẫn lối chắc chắn nhất của họ.

Nhưng chuyên chính là một danh từ có ý nghĩa lớn. Và những danh từ có ý nghĩa lớn, thì không nên tùy tiện nói bừa bãi. Chuyên chính là một chính quyền sắt, có dũng khí cách mạng và nhanh chóng, thẳng tay khi cần trấn áp bọn bóc lột và bọn phá rối trật tự. Thế mà, chính quyền ta lại quá hiền: thường thường nó giống thạch* hơn là giống thép. Không một lúc nào được quên rằng thế lực tự phát tư sản và tiểu tư sản đang đấu tranh chống Chính quyền xô-viết bằng hai cách: một mặt, chúng hành động từ bên ngoài vào, bằng những phương pháp của bọn Xa-vin-cốp, Gốt-dơ, Ghê-ghê-tô-cô-ri, Coóc-ni-lốp, bằng những âm mưu và những cuộc nổi loạn, bằng sự phản ánh bẩn thỉu trên lĩnh vực «tư tưởng» của chúng, tức là bằng vô số những lời dối trá và vu khống tràn ngập trong báo chí của bọn dân chủ - lập hiến, của bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng phái hữu và bọn men-sê-vích; mặt khác, thế lực tự phát đó hành động từ trong ra, bằng cách lợi dụng từng phần tử hủ bại, từng nhược điểm, để mua chuộc, để làm cho tình trạng vô kỷ luật, phóng túng và hỗn loạn càng thêm trầm trọng. Càng gần đến ngày chúng ta hoàn toàn đè bẹp giai cấp tư sản bằng quân sự, thì thế lực tự phát tiểu tư sản vô chính phủ chủ nghĩa lại càng trở thành nguy hiểm đối với chúng ta. Cuộc đấu tranh chống thế lực đó không thể chỉ tiến hành đơn thuần bằng tuyên truyền và cổ động, đơn thuần bằng việc tổ chức thi đua và lựa chọn các nhà tổ chức; mà cũng cần phải tiến hành cả bằng sự cưỡng bách nữa.

* Thạch tượng trưng cho sự hiền từ, mềm mại. (*B.T.*)

Đến khi nhiệm vụ căn bản của chính quyền không còn là nhiệm vụ trấn áp bằng quân sự nữa, mà là nhiệm vụ quản lý, — thì lúc bấy giờ tòa án chứ không phải là hình phạt xử bắn tại chỗ, sẽ trở thành biểu hiện điển hình của sự trấn áp và cưỡng bách. Và về mặt này, quần chúng cách mạng đã đi vào con đường đúng đắn sau hôm 25 tháng Mười 1917 và đã chứng minh sức sống của cuộc cách mạng bằng cách bắt đầu tổ chức các tòa án công nông riêng của họ, ngay khi chưa có một sắc lệnh nào được ban bố để giải tán bộ máy tư pháp quan liêu tư sản. Nhưng các tòa án nhân dân và cách mạng của chúng ta lại vô cùng yếu, yếu không tưởng tượng được. Người ta cảm thấy rằng cái quan điểm mà ách áp bức của bọn địa chủ và tư sản đã truyền lại cho nhân dân — tức là quan điểm cho rằng tòa án là một cơ quan quan liêu và xa lạ — hiện nay vẫn chưa bị đả phá hoàn toàn. Người ta chưa hiểu một cách đầy đủ rằng tòa án là một cơ quan chính ra có trách nhiệm làm cho tất cả những người nghèo khổ, không trừ một ai, đều có thể tham gia việc quản lý Nhà nước (vì hoạt động của các tòa án là một trong những chức năng của việc quản lý Nhà nước); rằng tòa án là một *cơ quan chính quyền* của giai cấp vô sản và của nông dân nghèo; rằng tòa án là một công cụ để *giáo dục kỷ luật*. Người ta chưa hiểu được đầy đủ sự thật giản đơn và rõ ràng này là: nếu nạn đói và nạn thất nghiệp là những tai họa chủ yếu cho nước Nga thì chẳng có một thứ nhiệt tình nào có thể thắng được những tai họa ấy cả mà chỉ có sự tổ chức và một kỷ luật phổ biến, rất toàn diện do nhân dân tiến hành nhằm tăng sản xuất bánh mì cho người và bánh mì cho công nghiệp (tức là nhiên liệu), nhằm đảm bảo kịp thời việc vận tải và phân phối đúng đắn sản phẩm đó, mới có thể thắng được tai họa ấy. Bởi vậy, *kẻ nào* vi phạm kỷ luật

lao động trong một xí nghiệp, trong một lĩnh vực nào đó, phải *chịu trách nhiệm* về những nỗi khổ do nạn đói và nạn thất nghiệp gây ra; phải biết truy cho ra bọn thủ phạm ấy, truy tố chúng trước pháp luật và thẳng tay trừng trị chúng. Tính tự phát tiểu tư sản mà hiện nay chúng ta phải chống lại bằng một cuộc đấu tranh kiên quyết nhất, biểu hiện ra chính ở chỗ người ta còn kém giác ngộ về mối liên hệ kinh tế và chính trị giữa nạn đói và nạn thất nghiệp, với tính phóng túng của tất cả mọi người về mặt tổ chức và kỷ luật; và ở chỗ quan điểm *của anh tiểu tư hữu* vẫn còn ăn sâu trong đầu óc người ta: miễn là tôi giành được phần hơn còn sau dù xảy ra thế nào cũng mặc!

Trong ngành đường sắt là nơi có lẽ thể hiện rõ hơn hết những mối liên hệ kinh tế của một cơ thể do chủ nghĩa đại tư bản tạo ra, thì cuộc đấu tranh đó giữa tính phóng túng của thế lực tự phát tiểu tư sản với tính tổ chức của giai cấp vô sản, càng hiện ra nổi bật nhất. Trong số những người tham gia «quản lý», có rất nhiều kẻ phá hoại và ăn hối lộ; còn bộ phận ưu tú trong thành phần vô sản thì đấu tranh cho kỷ luật. Nhưng cố nhiên là trong cả hai thành phần đều còn có nhiều kẻ do dự, nhiều kẻ «yếu ớt» không có khả năng cưỡng lại sự «cám giỗ» của nạn đầu cơ, của đút lót, của những mối lợi cá nhân thu được bằng cách làm tan rã toàn thể bộ máy, thế mà muốn khắc phục nạn đói và thất nghiệp, thì bộ máy ấy phải hoạt động tốt.

Trong vấn đề này, một cuộc đấu tranh đặc biệt đã diễn ra chung quanh sắc lệnh, vừa mới được ban hành, về việc quản lý ngành đường sắt, và về việc trao cho một số người lãnh đạo những quyền hành độc tài (hay những quyền «vô hạn»). Nhưng đại biểu có ý thức (và phần đông, thì chắc chắn là vô ý thức) của tính phóng túng tiểu tư sản

muốn coi việc trao những quyền hành « vô hạn » (nghĩa là quyền hành độc tài) cho cá nhân, là rời bỏ những nguyên tắc tập thể, rời bỏ dân chủ và những nguyên tắc của Chính quyền xô-viết. Đây đó, người ta đã thấy những đảng viên xã hội chủ nghĩa - cách mạng phải tả mở ra một cuộc tuyên truyền chống sắc lệnh ban hành những quyền hành độc tài, một cuộc tuyên truyền hoàn toàn có tính chất lưu manh vì nó dựa vào những bản năng xấu xa và đầu óc tư hữu luôn luôn sẵn sàng muốn « giành lấy » phần hơn về mình. Vấn đề này quả thật có một ý nghĩa vô cùng to lớn. Trước hết đó là vấn đề nguyên tắc: để cử ra người này người nọ có những quyền độc tài vô hạn định, thì nói chung, như thế có phù hợp với những nguyên tắc cơ bản của Chính quyền xô-viết không? Sau nữa, mối quan hệ giữa trường hợp này, — hay gọi là tiền lệ cũng được, — với những nhiệm vụ đặc biệt của chính quyền trong một giai đoạn cụ thể nhất định, là như thế nào? Chúng ta cần nghiên cứu hai vấn đề ấy một cách rất kỹ càng.

Kinh nghiệm không thể chối cãi được của lịch sử đã chứng minh rằng, trong lịch sử các phong trào cách mạng, rất nhiều khi sự chuyên chính của một số cá nhân là biểu hiện, là đại biểu, là kẻ chấp hành nền chuyên chính của các giai cấp cách mạng. Không nghi ngờ gì nữa, chuyên chính cá nhân là thích hợp với nền dân chủ tư sản. Nhưng về điểm này, bọn tư sản chê bai Chính quyền xô-viết, cũng như bọn tiểu tư sản phụ họa với chúng, thường tỏ ra hết sức khôn khéo: một mặt, chúng tuyên bố rằng Chính quyền xô-viết hoàn toàn chỉ là một cái kỳ quặc, vô chính phủ và man rợ, đồng thời chúng lại tìm cách bỏ qua không nói đến những sự so sánh về mặt lịch sử và những chứng cớ về mặt lý luận mà chúng ta đã dùng để chứng minh rằng các Xô-viết là hình thức cao của nền dân chủ, và thậm

chí hơn thế nữa nó còn là hình thức *xã hội chủ nghĩa* đầu tiên của nền dân chủ; mặt khác, chúng đòi hỏi chúng ta phải thiết lập một nền dân chủ cao hơn nền dân chủ tư sản và nói với chúng ta rằng: chế độ chuyên chính cá nhân tuyệt đối không thể nào dung hợp được với nền dân chủ bôn-sê-vích (nghĩa là không phải dân chủ tư sản mà là dân chủ *xã hội chủ nghĩa*), với nền dân chủ xô-viết của các anh đâu.

Những lập luận đó không đứng vững. Nếu chúng ta không phải là những người vô chính phủ, thì chúng ta phải thừa nhận rằng, để chuyển từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, cần phải có Nhà nước, tức là phải có *cưỡng bách*. Những điều kiện quyết định hình thức của sự cưỡng bách ấy, trước hết là trình độ phát triển của giai cấp cách mạng lúc bấy giờ; tiếp đến là những hoàn cảnh đặc biệt, chẳng hạn như tình trạng do một cuộc chiến tranh phản động lâu dài để lại; cuối cùng là những hình thức phản kháng của giai cấp tư sản hay tiểu tư sản. Cho nên giữa nền dân chủ xô-viết *(nghĩa là* dân chủ xã hội chủ nghĩa) và việc dùng đến quyền độc tài cá nhân tuyệt đối *không* có một sự mâu thuẫn nào về nguyên tắc cả. Sự khác nhau giữa chuyên chính vô sản và chuyên chính tư sản, trước hết, chính là ở chỗ chuyên chính vô sản, vì lợi ích của đa số những người bị bóc lột mà đánh vào thiểu số đi bóc lột, và sau nữa là ở chỗ người thực hiện chuyên chính vô sản — *cũng thông qua cả những cá nhân* — không những chỉ là quần chúng cần lao và bị bóc lột, mà cả những tổ chức được xây dựng nên chính là nhằm để thức tỉnh số quần chúng đó, để nâng cao họ lên đến mức đảm đương được sự nghiệp sáng tạo lịch sử (những tổ chức xô-viết đều thuộc loại các tổ chức đó).

Về vấn đề thứ hai, tức là vấn đề ý nghĩa của chính cái quyền độc tài cá nhân xét theo giác độ những nhiệm vụ đặc biệt hiện nay thì phải nói rằng mọi nền đại công nghiệp cơ khí — tức chính là cái nguồn sản xuất vật chất và nền tảng vật chất của chủ nghĩa xã hội — đều đòi hỏi phải có một *sự thống nhất ý chí* chặt chẽ, tuyệt đối, điều tiết được công việc chung của hàng trăm, hàng nghìn và hàng vạn người. Về mặt kỹ thuật, kinh tế và lịch sử, hiển nhiên là cần phải như thế, và tất cả những người nào đã nghiền ngẫm về chủ nghĩa xã hội đều luôn luôn thừa nhận rằng sự cần thiết đó là một trong những điều kiện để thực hiện chủ nghĩa xã hội. Nhưng một sự thống nhất ý chí chặt chẽ có thể được đảm bảo bằng cách nào? Bằng cách làm cho ý chí của hàng nghìn người phục tùng ý chí của một người.

Sự phục tùng đó sẽ có thể giống việc chỉ huy nhẹ nhàng của một viên nhạc trưởng, nếu như những người tham gia công việc chung đều hoàn hoàn có ý thức và có kỷ luật. Và sự phục tùng đó có thể được thực hiện bằng những hình thức độc tài gay gắt nhất, nếu không có một kỷ luật và một sự tự giác hoàn toàn. Nhưng, dù sao đi nữa thì *sự phục tùng không điều kiện* đối với một ý chí duy nhất cũng là tuyệt đối cần thiết cho thắng lợi của một quá trình công tác được tổ chức theo kiểu đại công nghiệp cơ khí. Trong ngành đường sắt, sự phục tùng đó lại còn cần thiết gấp đôi, gấp ba. Và chính bước chuyển đó từ một nhiệm vụ chính trị này sang một nhiệm vụ chính trị khác, sang một nhiệm vụ trông bề ngoài thì hoàn toàn khác hẳn với nhiệm vụ trên, — là toàn bộ đặc điểm của thời cuộc hiện nay. Cách mạng vừa mới đập tan được những xiềng xích lâu đời nhất, vững chắc nhất và nặng nề nhất mà chế độ dùi cui đã dùng để buộc quần chúng tuân theo. Đó là việc

hôm qua. Nhưng ngày nay, cũng cuộc cách mạng đó lại đòi hỏi quần chúng phải *phục tùng vô điều kiện ý chí duy nhất* của những người lãnh đạo quá trình lao động, chính là vì lợi ích của sự nghiệp phát triển và củng cố cách mạng, chính là vì lợi ích của chủ nghĩa xã hội. Hiển nhiên, không thể nào hoàn thành ngay được một bước chuyển như thế. Rõ ràng bước chuyển đó chỉ có thể hoàn thành được qua những sự thúc đẩy rất dữ dội, những sự chấn động, những bước quay lùi về quá khứ, một sự nỗ lực ghê gớm của đội tiền phong vô sản đang lãnh đạo nhân dân tiến đến một trật tự mới. Đó là điều mà những kẻ đang lên cơn loạn trí phi-li-stanh* thuộc bọn *Đời mới, Tiến lên, Sự nghiệp nhân dân* và *Thời đại chúng ta*, không suy nghĩ đến.

Hãy lấy tâm lý một đại biểu bình thường, trung bình, của hàng ngũ quần chúng cần lao và bị bóc lột, rồi đối chiếu tâm lý ấy với những điều kiện vật chất, khách quan của đời sống xã hội của anh ta. Trước Cách mạng tháng Mười, anh ta thực tế *chưa từng* thấy những giai cấp hữu sản, bóc lột, lại thật sự hy sinh, nhượng bộ cho anh ta một cái gì thật đáng kể cả. Anh ta chưa hề thấy những giai cấp đó mang lại cho anh ta ruộng đất và tự do, — cái mà chúng đã bao lần hứa hẹn — hay mang lại cho anh ta hòa bình; chưa hề thấy chúng hy sinh, cho anh ta, mảy may lợi ích « cường quốc » của chúng hay lợi ích của những hiệp ước bí mật cường quốc chủ nghĩa của chúng, hy sinh tư bản hay lợi nhuận của chúng. Anh ta chỉ thấy được những cái đó sau ngày 25 tháng Mười 1917, khi bản thân anh ta đã dùng vũ lực giành lấy tất cả những cái đó, và rồi anh

* Chữ này phiên âm từ tiếng Pháp « *philistin* », là một chữ dùng để chỉ hạng người tiểu tư sản *dung tục, tầm thường*. (*N.D.*)

ta cũng phải dùng vũ lực để bảo vệ những cái đó chống lại bọn Kê-ren-ski, Gốt-dơ, Ghê-ghết-sơ-cơ-ri, Đu-tốp, Coóc-ni-lốp. Cố nhiên là trong một thời gian nào đó, tất cả mọi sự chú ý, mọi ý nghĩ, mọi tinh lực của *anh ta* đều chỉ nhằm một điều: lấy hơi, lấy sức, lấy đà và chiếm lấy những phúc lợi sẵn có ở trước mắt mà cuộc sống mang lại cho anh ta, cái mà trước kia bọn bóc lột (bọn này ngày nay bị lật đổ rồi) đã ngăn cấm không cho anh ta được hưởng. Cố nhiên là phải trải qua một thời gian nào đó thì một người đại biểu bình thường của quần chúng mới có thể không những nhìn thấy và nhận rõ được, mà còn tự mình cảm thấy thấm thía rằng người ta không thể nào chỉ đơn thuần «chiếm lấy», vơ vét, giật lấy, rằng như thế sẽ làm cho cảnh tàn phá càng thêm trầm trọng, và làm cho nước nhà đi tới chỗ diệt vong, làm cho bọn Coóc-ni-lốp trở lại. Sự chuyển hướng đó chỉ mới bắt đầu diễn ra trong những điều kiện sinh hoạt (và do đó cả trong tâm lý) của quần chúng cần lao bình thường. Và tất cả nhiệm vụ của chúng ta; nhiệm vụ của Đảng cộng sản (bôn-sê-vích), người đại biểu có ý thức cho nguyện vọng của những người bị bóc lột muốn tự giải phóng, — là phải thấy rõ sự chuyển hướng ấy, phải hiểu rõ tính tất yếu của sự chuyển hướng ấy, phải dẫn đầu những quần chúng đã kiệt sức và đang kiệt lực trong việc tìm một lối thoát, phải hướng họ đi theo con đường đúng đắn, con đường kỷ luật lao động, con đường phối hợp những nhiệm vụ đề ra trong các cuộc mít-tinh *thảo luận về* điều kiện lao động, với nhiệm vụ phải tuyệt đối phục tùng ý chí của nhà lãnh đạo xô-viết, của nhà độc tài, *t r o n g k h i* làm việc.

Bọn tư sản, bọn men-sê-vích, bọn người trong phái *Đời mới* chỉ nhìn thấy sự hỗn loạn, lộn xộn, những sự biểu hiện bột phát của tính ích kỷ tiểu tư hữu, chúng châm

biểm và hơn nữa, thường hay chế nhạo một cách hần học những «cuộc mít-tinh thảo luận». Song nếu không có những cuộc mít-tinh ấy thì quần chúng bị áp bức sẽ không bao giờ có thể chuyển từ kỷ luật do bọn bóc lột bắt buộc phải theo sang kỷ luật tự giác và tự nguyện được. Các cuộc mít-tinh, đó chính là chế độ dân chủ thật sự của những người lao động, là sự vươn mình lên của họ, sự giác ngộ của họ về một cuộc đời mới, những bước đầu tiên của họ trên đường hoạt động mà chính họ đã quét sạch hết những bọn sâu mọt (bọn bóc lột, bọn đế quốc, bọn địa chủ, bọn tư bản), và họ muốn học tập để tự tổ chức theo cách thức của mình và vì lợi ích của mình, đúng theo những nguyên tắc Chính quyền xô-viết của họ, chứ không phải của một chính quyền quý tộc, tư sản nào xa lạ với họ. Chính là cần phải có thắng lợi của những người lao động đối với bọn bóc lột trong Cách mạng tháng Mười, cần phải có cả một thời kỳ lịch sử trong đó bản thân những người lao động bước đầu thảo luận về những điều kiện sinh hoạt mới và về những nhiệm vụ mới, — thì mới có thể chuyển vững chắc lên những hình thức cao hơn của kỷ luật lao động, tới chỗ giác ngộ được tư tưởng về sự cần thiết phải có chuyên chính vô sản, đến một sự phục tùng tuyệt đối những mệnh lệnh cá nhân của các đại biểu Chính quyền xô-viết trong khi làm việc.

Bước chuyển ấy hiện nay đã bắt đầu.

Chúng ta đã hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ thứ nhất của cách mạng; chúng ta thấy quần chúng lao động đã tạo ra trong hàng ngũ của họ điều kiện chủ yếu của thắng lợi đó: hợp nhất tất cả những sự cố gắng để chống bọn bóc lột, để lật đổ chúng. Những giai đoạn, như giai đoạn tháng Mười 1905, giai đoạn tháng Hai và tháng Mười 1917, đều có một ý nghĩa lịch sử toàn thế giới.

Chúng ta đã hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ thứ hai của cách mạng là: thức tỉnh và phát động chính những tầng lớp xã hội «bên dưới» đứng lên hành động, những tầng lớp mà bọn bóc lột đã dìm xuống tận đất đen, và chỉ sau ngày 25 tháng Mười 1917, họ mới được hoàn toàn tự do lật đổ bọn bóc lột, tự do định phương hướng cho mình và tổ chức nhau lại theo ý muốn của mình. Những quần chúng cần lao bị áp bức hơn hết, cơ cực hơn hết, và kém hiểu biết hơn hết đã tiến hành các cuộc mít-tinh, họ đã chuyển sang phía những người bôn-sê-vích; họ đã thiết lập tổ chức xô-viết của họ trên khắp đất nước, — đó là giai đoạn vĩ đại thứ hai của cách mạng.

Hiện nay, giai đoạn thứ ba đang bắt đầu. Chúng ta phải củng cố cái mà bản thân chúng ta đã giành được, cái mà chúng ta đã ban bố trong các sắc lệnh, đã biến thành đạo luật, đã thảo luận, đã vạch ra: chúng ta phải củng cố tất cả những cái đó, dưới những hình thức vững bền của *kỷ luật lao động hàng ngày*. Đó là nhiệm vụ gay go nhất, nhưng bổ ích nhất, vì chỉ có hoàn thành nhiệm vụ đó, chúng ta mới thiết lập được chế độ xã hội chủ nghĩa. Chúng ta phải học tập kết hợp tinh thần dân chủ sôi sục, tràn trề, tựa như nước lũ mùa xuân, của quần chúng cần lao trong các cuộc mít-tinh với một kỷ luật *sắt* trong lao động, với sự *phục tùng tuyệt đối* trong lao động đối với ý chí của một người duy nhất, của nhà lãnh đạo xô-viết.

Chúng ta chưa biết làm việc đó.

Chúng ta sẽ học được cách làm việc đó.

Ngày hôm qua, nguy cơ phục hồi chế độ bóc lột của giai cấp tư sản còn đe dọa chúng ta: biểu hiện của nguy cơ ấy là những hành động của bọn Coóc-ni-lốp, Gốt-dơ, Đu-tốp, Ghê-ghét-sơ-cô-ri, Bô-ga-ép-ski. Chúng ta đã đánh

bại chúng. Ngày nay, nguy cơ đó, cũng vẫn nguy cơ đó, đang đe dọa chúng ta dưới một hình thức khác, dưới bộ mặt của tính phóng túng tiểu tư sản và của xu hướng vô chính phủ, của đạo đức tiểu tư hữu: « tôi chỉ biết phần tôi », dưới hình thức của những cuộc tấn công hàng ngày, tuy nhỏ nhưng thường xảy ra, mà thế lực tự phát đó đang tiến hành chống lại tính kỷ luật vô sản. Chúng ta phải chiến thắng thế lực tự phát tiểu tư sản vô chính phủ đó, và chúng ta sẽ chiến thắng được nó.

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TỔ CHỨC XÔ-VIẾT

Áp dụng chế độ dân chủ xô-viết, tức là chế độ dân chủ *vô sản* một cách cụ thể, nhất định, thì tính chất xã hội chủ nghĩa của chế độ dân chủ đó là ở chỗ: trước hết, các cử tri đều phải là quần chúng cần lao và bị bóc lột, còn giai cấp tư sản thì bị loại ra; hai là, mọi thủ tục và những sự hạn chế có tính chất quan liêu đều bị xóa bỏ; quần chúng tự quy định lấy thể thức và thời hạn bầu cử, hoàn toàn có quyền tự do bãi miễn những người họ đã bầu ra; ba là, hình thành một tổ chức quần chúng tốt nhất của đội tiền phong — giai cấp vô sản đại công nghiệp — của những người lao động, tổ chức đó giúp cho đội tiền phong có thể lãnh đạo được tối đại đa số quần chúng bị bóc lột, có thể làm cho số quần chúng đó độc lập tham gia vào sinh hoạt chính trị, và có thể lấy kinh nghiệm của bản thân họ mà giáo dục họ về mặt chính trị, và do đó có thể bắt tay, lần đầu tiên, vào việc thi hành nhiệm vụ sau đây: làm thế nào cho *toàn thể* nhân dân đều thực sự học tập được công tác quản lý và bắt đầu đảm nhận công tác quản lý.

Đó là những đặc trưng chủ yếu của chế độ dân chủ đã được thi hành ở Nga, một chế độ dân chủ *kiểu cao*, hoàn toàn trái ngược với sự xuyên tạc của giai cấp tư sản đối với chế độ dân chủ và đánh dấu bước chuyển sang chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa và sang những điều kiện trong đó Nhà nước sẽ có thể bắt đầu tiêu vong.

Dĩ nhiên, cái yếu tố tự phát tiểu tư sản có tác dụng phá hoại tổ chức (trong *tất cả mọi* cuộc cách mạng vô sản, yếu tố này *nhất định* biểu hiện ra đến một chừng mực nào đó, và trong cuộc cách mạng của chúng ta, thì do tính chất tiểu tư sản, tình trạng lạc hậu của nước ta và do những hậu quả của cuộc chiến tranh phản động, yếu tố đó biểu hiện ra một cách hết sức mạnh mẽ) tất nhiên phải ảnh hưởng đến ngay cả các Xô-viết nữa.

Chúng ta phải cố gắng không ngừng trong việc phát triển tổ chức của các Xô-viết và tổ chức của Chính quyền xô-viết. Hiện nay có một khuynh hướng tiểu tư sản muốn biến các đại biểu của Xô-viết thành những «nghị sĩ» hay, mặt khác, thành những phần tử quan liêu. Phải đả phá khuynh hướng đó bằng cách làm cho hết thảy những đại biểu của Xô-viết đều thực sự tham gia việc quản lý. Tại nhiều địa phương, có những bộ phận của các Xô-viết biến thành những cơ quan, và những cơ quan này dần dần lại hợp nhất với các Bộ dân ủy. Mục đích của chúng ta là làm cho *hết thảy những người nghèo khổ, không trừ một ai* đều thực tế tham gia quản lý; và tất cả mọi biện pháp dùng để đạt đến mục đích đó — những biện pháp này càng có nhiều hình thức khác nhau càng tốt — cần phải được ghi lại, nghiên cứu, hệ thống hóa kỹ càng, cần phải được thẩm tra lại bằng kinh nghiệm rộng rãi hơn, cần phải được quy định thành luật lệ. Mục đích của chúng

ta là làm cho tất cả những người lao động, một khi đã làm xong tám tiếng đồng hồ trong «nhiệm vụ» sản xuất rồi, thì còn đảm nhiệm *không công* những nghĩa vụ Nhà nước: thực hiện được chế độ ấy thì đặc biệt khó khăn, nhưng chỉ có làm được như thế mới đảm bảo hoàn toàn củng cố được chủ nghĩa xã hội. Dĩ nhiên là cái mới mẻ và khó khăn của bước thay đổi ấy đem lại rất nhiều bước có thể nói là mò mẫm, rất nhiều sai lầm và rất nhiều sự ngập ngừng, — mà không có những cái đó thì sẽ không bao giờ tiến mạnh lên được. Tất cả tính chất độc đáo của tình hình hiện nay, theo quan điểm của nhiều kẻ muốn tự xưng là xã hội chủ nghĩa, là ở chỗ người ta có thói quen đem chủ nghĩa tư bản ra đối lập một cách trừu tượng với chủ nghĩa xã hội; họ ra vẻ suy nghĩ sâu sắc khi đặt giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội danh từ: «bước nhảy vọt» (có một số người nhớ lại những đoạn văn đọc được của Ăng-ghen đã nói thêm một cách sâu sắc hơn nữa, là: «bước nhảy vọt từ vương quốc của tất yếu vào vương quốc của tự do»). Phần đông những kẻ tự xưng là xã hội chủ nghĩa ấy, đã «đọc được nhiều cuốn sách» nói về chủ nghĩa xã hội, nhưng họ không bao giờ nghiên cứu vấn đề một cách nghiêm chỉnh, nên họ không thể hiểu được rằng các vị thầy của chủ nghĩa xã hội quan niệm «bước nhảy vọt» là một bước ngoặt, xét về mặt lịch sử toàn thế giới; rằng những bước nhảy vọt như thế kéo dài hàng mười năm và có khi hơn thế nữa. Lẽ tự nhiên là trong những thời kỳ như thế thì trong «giới trí thức» nổi tiếng này sinh ra vô số những mụ khóc mướn: mụ này thì khóc Quốc hội lập hiến, mụ kia thì khóc kỷ luật tư sản, mụ thứ ba lại khóc trật tự tư bản chủ nghĩa, mụ thứ tư khóc địa chủ có văn hóa, mụ thứ năm khóc chủ nghĩa đế quốc nước lớn và v.v.

Điều thật sự đáng chú ý trong thời kỳ những bước nhảy vọt lớn lao, chính là ở chỗ có vô số những mảnh vụn của trật tự cũ đôi khi chất đống lại một cách nhanh hơn những mầm mống (không phải bao giờ cũng thấy rõ ngay được) của trật tự mới, tình hình đó đòi phải biết phân biệt cái cơ bản nhất trong chiều hướng phát triển, hay trong cái dây xích phát triển. Có những thời kỳ lịch sử trong đó muốn làm cho cách mạng thắng lợi thì điều quan trọng nhất là phải tích lũy được thật nhiều mảnh vụn, nghĩa là phải đập tan được thật nhiều tổ chức cũ; có những thời kỳ trong đó người ta đã đập tan khá nhiều những tổ chức đó và nhiệm vụ cấp thiết được đề ra lại là một công việc «tầm thường» («tẻ ngắt» đối với nhà cách mạng tiểu tư sản) tức là: dọn sạch những mảnh vụn còn ngổn ngang; có những thời kỳ trong đó điều quan trọng nhất chính là ở chỗ vun bón chu đáo những mầm non của thế giới mới, đang từ dưới những mảnh vụn nhú lên trên đám đất còn ngổn ngang những mảnh đá vụn chưa quét sạch.

Làm một nhà cách mạng, một người tán thành chủ nghĩa xã hội, hay một người cộng sản nói chung, như thế chưa đủ. Trong mỗi thời kỳ đặc biệt, cần phải biết tìm cho ra cái mắt xích đặc biệt mà người ta phải đem toàn lực ra nắm lấy để giữ vững được toàn bộ cái xích và chuẩn bị để chuyển vững chắc sang mắt xích kế bên; trình tự nối tiếp, hình thức, mối liên hệ của các mắt xích, và những đặc điểm khác nhau của mắt xích này với mắt xích khác trong cái xích những sự biến lịch sử, đều không đơn giản, và cũng không phải sơ sài như trong cái xích thường do bàn tay người thợ rèn làm ra.

Cuộc đấu tranh chống sự lệch lạc quan liêu chủ nghĩa của tổ chức xô-viết, được đảm bảo bởi tính vững chắc

của những mối liên hệ gắn liền các Xô-viết với « nhân dân », nghĩa là với những người lao động và những người bị bóc lột; bởi tính chất linh hoạt và mềm dẻo của những mối liên hệ đó. Những nghị viện tư sản, ngay cả đến nghị viện của nước cộng hòa tư bản chủ nghĩa dân chủ nhất trên thế giới, cũng không bao giờ được những người nghèo coi là những cơ quan « của mình ». Còn các Xô-viết, thì quần chúng công nông lại coi đó là « của họ » chứ không phải là cái gì xa lạ. Ngày nay, những người « dân chủ — xã hội » kiểu Sai-đơ-man hoặc cũng na ná như thế, tức là kiểu Mác-tốp, đều không ưa các Xô-viết, và thiên về cái thứ nghị viện tư sản đoan trang hay Quốc hội lập hiến, cũng hệt như cách đây sáu mươi năm, Tuốc-ghê-nép đã thiên về chế độ lập hiến - quân chủ và quý tộc ôn hòa và đã không ưa chủ nghĩa dân chủ mu-gích của Đô-bơ-rô-li-u-bốp và của Tséc-nư-sép-ski.

Chính sự gần gũi của các Xô-viết với « nhân dân » lao động đã tạo ra những hình thức đặc biệt của sự bãi miễn và sự kiểm tra từ dưới lên, những hình thức mà hiện nay chúng ta phải thật sốt sắng chăm lo phát triển. Thí dụ, những hội đồng giáo dục quốc dân — tức là những hội nghị định kỳ mà các cử tri xô-viết và các đại biểu của họ cùng nhau họp để thảo luận và kiểm tra sự hoạt động trong lĩnh vực này của Chính quyền xô-viết — đều đáng được chúng ta hoàn toàn đồng tình và ủng hộ. Không gì ngu dại hơn là biến các Xô-viết thành một cái gì cứng đờ, thành một cái gì độc lập — tự tại. Ngày nay, chúng ta càng cương quyết chủ trương phải có một chính quyền thẳng tay cứng rắn, phải thi hành chế độ chuyên chính cá nhân *trong những quá trình công tác nào đó*, trong những chức năng *thuần túy có tính chất thừa*

hành nào đó, — thì những hình thức và những phương pháp kiểm soát từ dưới lên, càng phải hết sức muôn vẻ để làm tê liệt mọi khả năng, dù nhỏ đến đâu, dẫn tới xuyên tạc Chính quyền xô-viết; để tiếp tục và luôn luôn trừ cho tiệt cái thứ cỏ dại chủ nghĩa quan liêu.

Viết vào tháng Ba — tháng Tư 1918

V. I. Lê-nin, *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1971, t. 27, tr. 301 - 304, 306 - 317, 322 - 325, 331 - 347.

DỰ THẢO KẾ HOẠCH CÔNG TÁC KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT

Viện hàn lâm khoa học đã bắt đầu tiến hành nghiên cứu và điều tra một cách có hệ thống những lực lượng sản xuất tự nhiên* của nước Nga cần được Hội đồng kinh tế quốc dân tối cao trao ngay cho nhiệm vụ sau đây :

Thành lập một loạt những ủy ban gồm các chuyên gia để thảo thật gấp ra một kế hoạch cải tạo công nghiệp và phát triển kinh tế nước Nga.

Kế hoạch phải:

Phân bố hợp lý nền công nghiệp nước Nga, trên quan điểm sao cho công nghiệp ở gần nguyên liệu, và sao cho có thể giảm tới mức thấp nhất nạn lãng phí sức lao động giữa giai đoạn chế biến nguyên liệu và tất cả các giai đoạn liên tiếp từ khi chế biến bán thành phẩm đến lúc thành thành phẩm.

Hợp nhất và tập trung nền sản xuất một cách hợp lý — về mặt nền đại công nghiệp hiện đại nhất và đặc biệt là về mặt các tơ-rớt — vào trong một số ít xí nghiệp lớn nhất.

---

* Phải hết sức cố gắng gấp rút *công bố* những tài liệu đó, về vấn đề này, gửi một chỉ thị cho Bộ dân ủy Giáo dục, cho công đoàn các công nhân nhà in và cho Bộ dân ủy Lao động.

Bảo đảm tới mức độ cao nhất cho nước Cộng hòa xô-viết Nga hiện nay (không kể xứ U-cơ-ren và các tỉnh bị Đức chiếm đóng) có thể *tự cấp tự túc* được *tất cả* các loại nguyên liệu và công nghiệp chủ yếu.

Đặc biệt chú ý đến việc điện khí hóa công nghiệp và ngành vận tải và đến việc dùng điện lực vào nông nghiệp. Các nhiên liệu hạng thứ (than bùn, than kém chất lượng) phải được dùng vào việc sản xuất điện năng, với chi phí thấp nhất về khai thác và vận tải nhiên liệu.

Nói chung, chú ý đến máy phát động bằng sức nước và sức gió và đặc biệt là dùng những máy đó trong nông nghiệp.

V.I. Lê-nin, *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, t. 27, tr. 288 - 289.

DIỄN VĂN ĐỌC TẠI ĐẠI HỘI I CÁC HỘI ĐỒNG KINH TẾ QUỐC DÂN

NGÀY 26 THÁNG NĂM 1918

Các đồng chí, hiện nay Hội đồng kinh tế quốc dân tối cao được giao một trong những nhiệm vụ khó khăn, đồng thời cũng là một trong những nhiệm vụ hữu ích nhất. Không còn nghi ngờ gì nữa, những thành quả của Cách mạng tháng Mười mà càng phát triển, cuộc biến đổi do nó mở đầu mà càng sâu sắc hơn, các cơ sở của những thành quả của cách mạng xã hội chủ nghĩa mà càng vững chắc, và chế độ xã hội chủ nghĩa càng được củng cố, thì vai trò của các hội đồng kinh tế quốc dân sẽ ngày càng lớn hơn, ngày càng cao hơn. Trong số tất cả các cơ quan Nhà nước, chỉ có các Hội đồng kinh tế quốc dân là sẽ giữ được địa vị vững chắc mà thôi. Chúng ta càng tiến gần tới việc thiết lập chế độ xã hội chủ nghĩa bao nhiêu, càng thấy ít cần đến một bộ máy thuần túy hành chính bao nhiêu, tức là một bộ máy, nói đúng ra, chỉ chuyên làm công việc quản trị, thì địa vị của các Hội đồng kinh tế quốc dân đó càng vững chắc hơn bấy nhiêu. Khi sự kháng cự của bọn bóc lột hoàn toàn bị đập tan, khi những người lao động học được cách tổ chức sản xuất xã hội chủ nghĩa, thì cái bộ

máy quản lý đó, hiểu theo nghĩa đen, nghĩa hẹp của danh từ, cái bộ máy đó của Nhà nước cũ nhất định sẽ tiêu vong, nhưng bộ máy kiểu Hội đồng kinh tế quốc dân tối cao nhất định sẽ lớn lên, phát triển và vững mạnh để đảm nhiệm toàn bộ hoạt động chủ yếu nhất của một xã hội có tổ chức.

Các đồng chí, do đó, khi tôi nghiên cứu kinh nghiệm của Hội đồng kinh tế quốc dân tối cao của chúng ta và kinh nghiệm của các hội đồng kinh tế quốc dân địa phương — Hội đồng tối cao có liên hệ chặt chẽ và khăng khít với hoạt động của các hội đồng địa phương — thì tôi cho rằng chúng ta chẳng hề có một chút căn cứ nào để đi đến những kết luận bi quan, mặc dù còn nhiều cái dở dang, chưa hoàn thành, thiếu tổ chức. Vì nhiệm vụ mà Hội đồng kinh tế quốc dân tối cao và các hội đồng kinh tế quốc dân tỉnh và địa phương đề ra cho mình, là một nhiệm vụ vô cùng to lớn, vô cùng toàn diện, cho nên những điều mà tất cả chúng ta thấy, tuyệt đối chẳng hề làm cho ta phải lo âu. Rất nhiều lần — đương nhiên, theo quan điểm của chúng ta, có thể là đã nhiều lần quá — người ta không áp dụng câu tục ngữ: « Bảy lần đo, một lần cắt ». Khốn thay, khi tổ chức kinh tế theo những nguyên tắc xã hội chủ nghĩa, thì sự việc lại chẳng giản đơn như câu tục ngữ đó đã nói.

Khi toàn bộ quyền lực — lần này không phải chỉ là quyền lực chính trị, thậm chí chủ yếu không phải là quyền lực chính trị, mà là quyền lực kinh tế, tức là quyền lực đụng đến những cơ sở sâu xa nhất của đời sống hàng ngày của con người — chuyển vào tay một giai cấp mới, và hơn nữa chuyển vào tay một giai cấp lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại, đang lãnh đạo tuyệt đại đa số nhân dân, toàn thể quần chúng lao động và bị bóc lột, — thì nhiệm vụ

của chúng ta trở nên phức tạp. Dĩ nhiên trong trường hợp đó, do ý thức cực kỳ quan trọng và cực kỳ khó khăn của những nhiệm vụ tổ chức trong khi chúng ta phải tổ chức một cách hoàn toàn mới những cơ sở sâu xa nhất của đời sống của hàng trăm triệu con người, cho nên hoàn toàn rõ ràng là trong trường hợp đó không thể tổ chức công việc một cách giản đơn như câu tục ngữ: « Bảy lần đo, một lần cắt ». Thực vậy, chúng ta không thể nào đo đi đo lại nhiều lần từ trước để rồi sau đó cắt và khâu lại cái đã được đo xong xuôi chính xác. Bằng cách thí nghiệm thành lập cơ quan này hay cơ quan khác, theo dõi những cơ quan đó trên thực nghiệm, bằng cách kiểm tra những cơ quan đó qua kinh nghiệm tập thể của những người lao động và chủ yếu qua kinh nghiệm về những kết quả công tác, chúng ta phải xây dựng cái lâu đài kinh tế của chúng ta ngay trong quá trình công tác, và hơn nữa lại trong hoàn cảnh có sự đấu tranh kịch liệt và sự kháng cự điên cuồng của bọn bóc lột, là bọn càng điên cuồng hơn, khi chúng ta càng tiến gần tới chỗ hoàn toàn nhổ sạch những chiếc răng sâu mục cuối cùng của chế độ bóc lột tư bản chủ nghĩa. Rõ ràng là trong điều kiện đó, không có một chút lý do nào để bi quan, tuy rằng dĩ nhiên là giai cấp tư sản và các ngài bóc lột, bị xúc phạm về những tình cảm tốt đẹp nhất của họ, sẽ qua đó mà tìm ra cái cớ rất tốt để đả kích một cách độc ác nếu đôi khi chúng ta buộc phải sửa lại nhiều lần — thậm chí chỉ trong một thời gian ngắn — các kiểu, các điều lệ, cơ cấu quản lý của các ngành kinh tế quốc dân. Dĩ nhiên, người nào tham gia một cách quá gần gũi và quá trực tiếp vào công tác đó, đôi khi lại năm lần bảy lượt tham gia các việc sửa đổi điều lệ, tiêu chuẩn và luật lệ quản lý, như trường hợp của Tổng Cục vận tải đường thủy chẳng hạn, thì đôi khi người đó đã phải trải

qua những lúc rất không lấy gì làm vui, và cái loại công tác đó không thể làm cho người ta thích thú lắm đâu. Nhưng nếu ta thôi không nghĩ, một tý thôi, đến những điều khó chịu trực tiếp do việc sửa đổi hết sức xoành xoạch các sắc lệnh gây ra, và nếu nhìn sâu hơn và xa hơn một chút đến sự nghiệp vĩ đại, có ý nghĩa toàn thế giới mà giai cấp vô sản Nga phải hoàn thành, hiện thời vẫn chỉ bằng lực lượng ít ỏi của riêng mình thôi, thì ta hiểu ngay được rằng thậm chí những sự sửa đổi hết sức nhiều hơn thế, cũng như việc đem thí nghiệm các loại chế độ quản lý, các loại tiêu chuẩn nhằm thiết lập kỷ luật, đều là những việc không sao tránh khỏi; rằng trong một sự nghiệp vĩ đại như vậy, chúng ta không bao giờ có thể có tham vọng rằng, và bất cứ một người xã hội chủ nghĩa biết suy nghĩ nào bàn đến những triển vọng của tương lai, cũng không bao giờ dám có ý nghĩ cho rằng chúng ta có thể căn cứ vào một sự chỉ dẫn từ trước nào đấy mà định ra được ngay và xây dựng được ngay một lúc những hình thức tổ chức của một xã hội mới.

Tất cả cái điều mà chúng ta đã biết, điều mà các nhà chuyên gia ưu tú về xã hội tư bản chủ nghĩa, điều mà các nhà tư tưởng rất mực uyên thâm, những người nhìn thấy trước con đường phát triển của xã hội tư bản chủ nghĩa đó, đã chỉ ra cho chúng ta một cách chính xác, là: theo quy luật của lịch sử, thì công cuộc cải tạo xã hội ấy tất nhiên phải diễn ra theo một hướng lớn nào đó; chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất đã bị lịch sử kết án, chế độ đó sẽ tiêu vong, bọn bóc lột tất nhiên sẽ bị tước đoạt. Điều đó đã được xác định một cách chính xác khoa học. Và chúng ta đã biết như thế, khi chúng ta nắm lấy lá cờ xã hội chủ nghĩa, khi chúng ta lập ra những đảng xã hội chủ nghĩa,

khi chúng ta tiến hành cải tạo xã hội. Chúng ta đã biết như thế, khi chúng ta nắm lấy chính quyền để tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa, nhưng chúng ta không thể biết được cả những hình thức cải tạo, lẫn tốc độ phát triển của công cuộc cải tạo cụ thể. Về mặt này, chỉ có kinh nghiệm tập thể, chỉ có kinh nghiệm của hàng triệu người mới có thể cung cấp được những điều chỉ dẫn quyết định, chính là vì đối với sự nghiệp của chúng ta, đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, mà chỉ có kinh nghiệm của hàng vạn, hàng chục vạn người thuộc các tầng lớp trên, là những tầng lớp trước đây đã làm ra lịch sử trong xã hội phong kiến cũng như trong xã hội tư bản chủ nghĩa, — thì không đủ. Chúng ta không thể làm như thế, chính là vì chúng ta phải dựa vào kinh nghiệm tập thể, vào kinh nghiệm của hàng triệu người lao động.

Vì thế chúng ta biết rằng công tác tổ chức — tức là nhiệm vụ chủ yếu, căn bản và cơ bản của các Xô-viết — nhất định mang lại cho chúng ta nhiều kinh nghiệm, nhiều bước đi, nhiều sự sửa đổi, nhiều khó khăn, nhất là trong việc sử dụng người cho đúng chỗ, vì về mặt này chúng ta không có kinh nghiệm, về mặt này chúng ta phải tự mình định ra từng bước một, và trên con đường đó, sai lầm của chúng ta càng nghiêm trọng bao nhiêu thì chúng ta càng tin tưởng rằng: mỗi lần có thêm một số đoàn viên mới của công đoàn, mỗi lần có thêm hàng nghìn, có thêm hàng chục vạn người từ hàng ngũ những người lao động, những người bị bóc lột, tức là những người trước đây vẫn sống theo truyền thống và tập quán cũ, chạy sang hàng ngũ những người xây dựng các tổ chức xô-viết, thì số lượng những người nhất định làm được việc và đưa công việc vào con đường đúng, lại tăng lên.

Hãy bàn đến một trong số những nhiệm vụ thứ yếu mà Hội đồng kinh tế quốc dân — Hội đồng tối cao — đặc biệt hay gặp phải: sử dụng những chuyên gia tư sản. Tất cả chúng ta đều biết, ít ra thì những người đứng trên cơ sở khoa học và trên cơ sở chủ nghĩa xã hội, đều biết rằng nhiệm vụ này chỉ có thể hoàn thành được chừng nào mà chủ nghĩa tư bản quốc tế đã phát triển được những tiền đề vật chất, kỹ thuật của một lao động được thực hiện trên quy mô rất to lớn, một lao động dựa trên cơ sở khoa học, và do đó dựa vào việc đào tạo một số lượng lớn những chuyên gia khoa học có trình độ, và chỉ đến lúc đó nhiệm vụ này mới hoàn thành được. Chúng ta biết rằng không thực hiện được nhiệm vụ ấy thì không sao xây dựng chủ nghĩa xã hội được. Nếu chúng ta đọc lại các tác phẩm của những nhà xã hội chủ nghĩa đã theo dõi, trong nửa thế kỷ gần đây, sự phát triển của chủ nghĩa tư bản và đã nhiều lần đi đến kết luận là chủ nghĩa xã hội nhất định sẽ được thực hiện, — thì chúng ta sẽ thấy tất cả những nhà xã hội chủ nghĩa đó, không trừ một ai, đều vạch ra rằng chỉ có chủ nghĩa xã hội mới giải phóng khoa học khỏi xiềng xích của giai cấp tư sản, khỏi sự nô dịch của tư bản, khỏi tình trạng nô lệ vào lợi ích của tính vụ lợi bẩn thỉu của bọn tư bản. Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới tạo khả năng mở rộng nền sản xuất xã hội và thật sự chi phối nền sản xuất đó cùng sự phân phối sản phẩm, trên cơ sở những căn cứ khoa học, để làm cho đời sống của toàn thể những người lao động được dễ dàng nhất, đem lại cho họ điều kiện hưởng hạnh phúc. Điều đó, chỉ có chủ nghĩa xã hội mới thực hiện được. Và chúng ta biết rằng chủ nghĩa xã hội phải thực hiện điều đó, và tất cả cái khó khăn của chủ nghĩa Mác và tất cả sức mạnh của chủ nghĩa Mác chính là ở chỗ hiểu được chân lý ấy.

Chúng ta phải thực hiện những điều đó bằng cách dựa vào những phần tử thù địch với chủ nghĩa xã hội, vì tư bản càng tăng lên, thì càng làm cho ách áp bức của giai cấp tư sản và tình trạng công nhân bị đàn áp tăng lên. Khi chính quyền đã thuộc về giai cấp vô sản và nông dân nghèo, và khi chính quyền đó tự đề ra cho mình những nhiệm vụ đã được quần chúng ấy ủng hộ, chúng ta phải thực hiện những sự cải tạo xã hội chủ nghĩa đó với sự giúp đỡ của những chuyên gia tư sản, của những chuyên gia đã được giáo dục trong xã hội tư sản, những kẻ chưa từng biết hoàn cảnh nào khác, không thể hình dung được một hoàn cảnh xã hội nào khác; do đó, ngay cả trong trường hợp họ hoàn toàn chân thành và trung thành với công việc của họ, ngay cả trong trường hợp đó nữa, họ cũng vẫn còn tiêm nhiễm hàng nghìn thiên kiến tư sản, họ vẫn còn bị ràng buộc bởi hàng nghìn mối liên hệ, mà bản thân họ cũng không thấy, với xã hội tư sản đang hấp hối, đang tan rã và do đó đang kháng cự lại một cách điên cuồng.

Chúng ta không thể che giấu những khó khăn của nhiệm vụ, những khó khăn trong việc hoàn thành nhiệm vụ của chúng ta. Khi nói đến những người xã hội chủ nghĩa đã viết về vấn đề ấy, tôi không thể nhớ ra được một tác phẩm nào bàn về chủ nghĩa xã hội hoặc một ý kiến nào của những người xã hội chủ nghĩa xuất sắc nói về xã hội xã hội chủ nghĩa tương lai, đã vạch ra cái khó khăn thực tế cụ thể mà giai cấp công nhân nắm chính quyền sẽ gặp phải khi giai cấp đó tự đề ra cho mình nhiệm vụ biến toàn bộ cái vốn vô cùng phong phú về văn hóa, về tri thức và về kỹ thuật mà chủ nghĩa tư bản đã tích lũy lại, cái vốn mà về mặt lịch sử là tất yếu cần thiết cho chúng ta, — biến tất cả cái đó từ chỗ là công cụ của chủ nghĩa tư bản thành công cụ của chủ nghĩa xã hội. Khi người ta nói trong một

công thức chung chung, trong một sự đối chiếu trừu tượng, thì đó là điều dễ dàng; nhưng trong cuộc đấu tranh chống cái chủ nghĩa tư bản không chết ngay tức khắc và càng gần đến ngày chết lại càng chống đối điên cuồng hơn, thì đó là một nhiệm vụ vô cùng khó khăn. Nếu trong lĩnh vực ấy, chúng ta phải tiến hành những cuộc thí nghiệm, nếu chúng ta phải nhiều lần sửa chữa những sai lầm cục bộ, thì đó là điều không sao tránh được, khi người ta chưa có thể, trong lĩnh vực kinh tế quốc dân này hay lĩnh vực kinh tế quốc dân kia, ngay lập tức biến những chuyên gia từ chỗ là những người trước kia phục vụ cho chủ nghĩa tư bản thành những người phục vụ quần chúng lao động những cố vấn cho họ. Nếu chúng ta không thể làm được ngay tức khắc điều đó, thì tình hình ấy cũng không thể làm cho ta bi quan một chút nào cả, vì nhiệm vụ mà chúng ta tự đề ra cho chúng ta là một nhiệm vụ khó khăn thuộc quy mô lịch sử thế giới và có ý nghĩa lịch sử thế giới. Chúng ta không nhắm mắt trước sự thật sau đây: chỉ riêng chúng ta thôi, thì không tài nào dùng lực lượng bản thân mình mà hoàn thành hoàn toàn được cách mạng xã hội chủ nghĩa ở trong độc một nước, ngay cả nếu nước đó rất ít lạc hậu hơn nước Nga, ngay cả nếu chúng ta được sống trong những điều kiện dễ dàng hơn là những điều kiện như sau bốn năm chiến tranh chưa từng thấy, đầy đau thương, gian khổ và tàn phá. Kẻ nào quay lưng với cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa đang diễn ra ở nước Nga, viện cớ sự chênh lệch rõ rệt về lực lượng, thì kẻ đó giống như một kẻ cuốn mình trong vỏ ốc, không nhìn thấy xa hơn đầu mũi của mình và đã quên rằng không có một cuộc biến đổi tương đối to lớn nào của lịch sử xảy ra mà lại không có hàng loạt trường hợp chênh lệch về lực lượng. Trong quá trình đấu tranh, lực lượng lớn dần lên cùng với sự

phát triển của cách mạng. Khi một nước đã đi vào con đường thực hiện những cuộc cải tạo hết sức vĩ đại, thì công lao của nước đó và của đảng của giai cấp công nhân đã thắng lợi trong nước đó là ở chỗ, trên thực tế, chúng ta đã bắt tay vào những nhiệm vụ mà trước kia người ta đã đặt ra một cách trừu tượng và trên lý luận. Kinh nghiệm đó sẽ không bị bỏ quên. Cái kinh nghiệm ấy của những công nhân hiện nay đã liên kết lại trong các công đoàn và các tổ chức địa phương, của những công nhân trên thực tế đang bắt tay vào tổ chức toàn bộ nền sản xuất trong phạm vi cả nước, — cái kinh nghiệm ấy sẽ không thể bị gạt bỏ, dù cho cách mạng Nga và cách mạng xã hội chủ nghĩa quốc tế có trải qua những đột biến gian khổ đến mấy đi nữa. Kinh nghiệm đó đã được ghi vào lịch sử, với tính cách là một thành tựu của chủ nghĩa xã hội, và căn cứ vào kinh nghiệm đó mà cách mạng quốc tế tương lai sẽ xây dựng lên lâu dài xã hội chủ nghĩa của mình.

Tôi xin nêu thêm một nhiệm vụ nữa, có thể là khó khăn nhất, mà trên thực tế Hội đồng kinh tế quốc dân tối cao phải giải quyết. Đó là nhiệm vụ về kỷ luật lao động. Nói cho đúng ra, khi chúng ta nói đến nhiệm vụ đó, chúng ta phải thừa nhận và lấy làm hài lòng nhấn mạnh rằng chính các công đoàn, với những tổ chức lớn nhất của nó (Ủy ban trung ương công đoàn luyện kim, Hội đồng các công đoàn toàn Nga), những công đoàn lớn nhất gồm hàng triệu người lao động, là những tổ chức đầu tiên đã tự mình giải quyết lấy nhiệm vụ ấy, cái nhiệm vụ có ý nghĩa lịch sử toàn thế giới. Muốn hiểu được nhiệm vụ đó, cần phải gạt sang một bên những thất bại cục bộ nhỏ, những khó khăn không thể tưởng được, tưởng chừng không sao khắc phục được, nếu chúng ta xét những khó khăn đó một cách riêng rẽ. Phải đứng trên một giác độ cao hơn

mà nhìn sự việc và phải xem xét sự thay thế các chế độ kinh tế của xã hội trong quá trình lịch sử. Chỉ có nhìn theo quan điểm đó, chúng ta mới thấy rõ quy mô vô cùng to lớn của nhiệm vụ mà chúng ta đã đảm nhiệm, ý nghĩa vô cùng vĩ đại của sự thực sau đây: lần này, chính người đại biểu tiên tiến nhất của xã hội, tức là quần chúng lao động và bị bóc lột, đã chủ động lĩnh lấy một nhiệm vụ mà trước đây, ở nước Nga dưới chế độ nông nô trước năm 1861, hoàn toàn chỉ do độc một nhúm địa chủ giải quyết và coi đó là công việc của chúng. Hồi đó việc thiết lập sự liên hệ và kỷ luật trong phạm vi cả nước là công việc của chúng.

Chúng ta biết bọn địa chủ - chủ nô đã thiết lập kỷ luật đó như thế nào. Đó là những sự áp bức, nhục mạ và một chế độ tù đày làm cho đa số nhân dân phải chịu cảnh đau đớn chưa từng thấy. Các đồng chí hãy nhớ lại bước chuyển từ chế độ nông nô sang nền kinh tế tư sản. Điều mà các đồng chí đã thấy (tuy rằng phần đông các đồng chí không được thấy) và điều mà các cụ già đã kể lại cho các đồng chí, tức là bước chuyển, sau năm 1861, sang nền kinh tế tư sản mới, bước chuyển từ thứ kỷ luật roi vọt cũ của chế độ nông nô, từ thứ kỷ luật mang tính chất nhục mạ và bạo ngược vô lý nhất, trắng trợn nhất và thô bạo nhất đối với con người, sang thứ kỷ luật tư sản, thứ kỷ luật được xây dựng trên sự đói, thứ kỷ luật gọi là kỷ luật của tự do thuê mướn, thứ kỷ luật thực tế là kỷ luật của chế độ nô lệ tư bản chủ nghĩa, — bước chuyển đó, xét về mặt lịch sử, là một bước dễ dàng. Sở dĩ như vậy là vì nhân loại được chuyển từ một tên bóc lột này sang một tên bóc lột khác, vì một thiểu số những kẻ ăn cướp và bóc lột lao động của nhân dân nhường chỗ cho một thiểu số khác cũng là bọn ăn cướp và cũng là bọn bóc lột lao động của

nhân dân, vì bọn địa chủ đã nhường chỗ cho bọn tư bản, — một thiểu số này nhường chỗ cho một thiểu số kia, còn đông đảo quần chúng cần lao và bị bóc lột thì bị đàn áp. Nhưng ngay cả sự thay thế như vậy, sự thay thế thứ kỷ luật của bọn bóc lột này bằng một thứ kỷ luật của bọn bóc lột khác cũng đòi hỏi phải nỗ lực thực hiện trong nhiều năm, nếu không phải là trong hàng chục năm; sự thay thế đó đã đòi hỏi một thời kỳ quá độ dài nhiều năm, nếu không phải hàng chục năm, một thời kỳ trong đó bọn địa chủ - chủ nô cũ đã hoàn toàn thành thực nghĩ rằng tất cả sẽ tiêu ma, rằng không thể làm ăn được nếu không có chế độ nông nô; một thời kỳ trong đó tên chủ mới — tức là tên tư bản — luôn luôn vấp phải những khó khăn thực tế và buông xuôi bỏ mặc công việc làm ăn của mình; Một thời kỳ trong đó biểu hiện vật chất, một trong những bằng chứng cụ thể về những khó khăn của bước quá độ đó, là ở chỗ lúc bấy giờ nước Nga đã đặt mua máy móc ở nước ngoài để lao động bằng những máy móc đó, những máy móc tốt nhất, nhưng rồi thành ra chẳng có công nhân nào, cũng như chẳng có người chỉ đạo nào biết sử dụng máy móc đó. Và ở khắp nơi trong nước Nga, người ta thấy những máy móc tốt nhất đã bị vứt xó không được sử dụng, bởi vì chuyển từ kỷ luật cũ của chế độ nông nô sang kỷ luật mới tư bản chủ nghĩa của giai cấp tư sản, thì thật là hết sức khó khăn.

Các đồng chí, các đồng chí phải nhìn sự vật như thế, nếu các đồng chí không muốn bị đánh lạc hướng bởi những kẻ, bởi những giai cấp, bởi giai cấp tư sản, bởi bọn tay sai của giai cấp tư sản, mà toàn bộ nhiệm vụ của chúng là gieo rắc sự hoảng hốt, gieo rắc tâm trạng buồn nản, gây nên tâm trạng hoàn toàn bi quan buồn nản đối với toàn

bộ công việc đã làm, mô tả công việc đó như là điều tuyệt vọng; bởi những kẻ tìm ra từng trường hợp vô kỷ luật cá biệt và từng trường hợp rệu rạo cá biệt và vin vào đó để khinh thường cách mạng, làm như thể trên thế giới này, làm như thể trong lịch sử đã có được một cuộc cách mạng — dù là một thôi — thực sự vĩ đại trong đó không có hiện tượng tan rã, không có hiện tượng vô kỷ luật, không kinh qua những bước kinh nghiệm gian khổ, khi quần chúng xây dựng một kỷ luật mới. Chúng ta không được quên rằng đây là lần đầu tiên mà người ta bước vào cái giai đoạn bước đầu của lịch sử trong đó hàng triệu người lao động và bị bóc lột đang thực tế xây dựng một kỷ luật mới, kỷ luật lao động, kỷ luật của tình gắn bó đồng chí, kỷ luật xô-viết. Chúng ta không mong thu được những thành tích nhanh chóng trong lĩnh vực ấy, chúng ta không trông mong như vậy. Chúng ta biết rằng công việc đó đòi hỏi cả một thời đại lịch sử. Thời đại lịch sử mà chúng ta mở đầu là thời đại trong đó, tại một nước hãy còn là tư sản, chúng ta đập tan kỷ luật của xã hội tư bản chủ nghĩa, chúng ta đập tan, và lấy làm tự hào thấy tất cả công nhân giác ngộ và tất cả nông dân thật sự lao động đều dùng đủ mọi cách để đập tan kỷ luật ấy; là thời đại trong đó chúng ta thấy quần chúng đang ngày càng nhận thức — một cách chủ động và tự nguyện — rằng họ phải căn cứ vào kinh nghiệm sống của chính mình, chứ không phải vào chỉ thị từ trên xuống, mà thay thế cái thứ kỷ luật được xây dựng trên sự bóc lột và sự nô dịch những người lao động, bằng một kỷ luật mới của lao động đã đoàn kết lại, kỷ luật của những công nhân và nông dân lao động có tổ chức và đã thống nhất trong cả nước Nga, nghĩa là trong một nước có hàng chục và hàng trăm triệu người. Đó là một nhiệm

vụ hết sức khó khăn, nhưng đó cũng là một nhiệm vụ hữu ích, vì chỉ khi nào chúng ta đã thực tế giải quyết xong nhiệm vụ đó, thì lúc đó chúng ta mới đóng xong cái đinh cuối cùng vào quan tài của cái xã hội tư bản chủ nghĩa để đem nó đi chôn.

V. I. Lê-nin, *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1971, t. 27, tr. 520 - 530.

Trích tác phẩm:

SÁNG KIẾN VĨ ĐẠI

Hãy bớt lải nhải về chính trị, mà quan tâm hơn nữa đến những sự việc kiến thiết chủ nghĩa cộng sản, những sự việc tầm thường nhất nhưng sinh động, — rút trong đời sống và được đời sống kiểm nghiệm; khẩu hiệu này, tất cả chúng ta, người viết văn, người cổ động, người tuyên truyền, người tổ chức, v.v., chúng ta cần luôn luôn nhắc nhở cho nhau.

Tất nhiên là không thể tránh được rằng, sau cuộc cách mạng vô sản, cái làm cho chúng ta phải quan tâm đến nhiều nhất, đó là nhiệm vụ chủ yếu và căn bản này: thắng sự phản kháng của giai cấp tư sản, thắng bọn bóc lột, dẹp tan những âm mưu của chúng (như «âm mưu của bọn chủ nô» nhằm nộp thành phố Pê-tơ-rô-gơ-rát, âm mưu mà tất cả, từ bọn Trăm-Đen và bọn Ca-đê cho đến bọn men-sê-vích và bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng đều nhúng tay vào).* Song bên cạnh nhiệm vụ đó, một nhiệm vụ khác

* Lê-nin có ý muốn nói âm mưu của tổ chức phản cách mạng gián điệp và phá hoại gồm có bọn dân chủ lập hiến, men-sê-vích và xã hội chủ nghĩa - cách mạng nhằm đem Pê-tơ-rô-gơ-rát nộp cho kẻ thù của cách mạng. *(B.T.)*

nhất thiết cũng phải được đặt ra, — và đặt ra ngày càng mạnh mẽ hơn, — một nhiệm vụ trọng yếu hơn tức là tích cực xây dựng chủ nghĩa cộng sản, sáng tạo ra những quan hệ kinh tế mới, sáng tạo ra một xã hội mới.

Chuyên chính vô sản, — như tôi đã có dịp vạch ra nhiều lần, chẳng hạn trong bài diễn văn của tôi đọc trong phiên họp của Xô-viết đại biểu ở Pê-tơ-rô-gơ-rát, ngày 12 tháng Ba, — không phải chỉ là bạo lực đối với bọn bóc lột, và cũng không phải chủ yếu là bạo lực. Cơ sở kinh tế của bạo lực cách mạng đó, cái bảo đảm sức sống và thắng lợi của nó, chính là việc giai cấp vô sản đưa ra được và thực hiện được kiểu tổ chức lao động xã hội cao hơn, so với chủ nghĩa tư bản. Đây là điểm chủ yếu của vấn đề. Do đó mà có lực lượng, mà bảo đảm được thắng lợi hoàn toàn và tất nhiên của chủ nghĩa cộng sản.

Tổ chức lao động xã hội của chế độ phong kiến dựa vào kỷ luật roi vọt, vào tình trạng ngu muội, và bị đè nén đến cùng cực của người lao động bị một nhúm địa chủ cướp bóc khinh khi. Tổ chức lao động xã hội của chủ nghĩa tư bản dựa vào kỷ luật đói; và mặc dù mọi tiến bộ mà nền văn hóa tư sản và dân chủ tư sản đã thực hiện được, quảng đại quần chúng lao động, ngay cả trong những nước cộng hòa văn minh và dân chủ tiên tiến nhất, cũng vẫn là một đám quần chúng ngu muội và bị đè nén, những người nô lệ làm thuê hoặc nông dân bị một nhúm tư bản áp bức cướp bóc và khinh khi. Tổ chức lao động xã hội của chủ nghĩa cộng sản mà bước đầu là chủ nghĩa xã hội, thì dựa vào và sẽ ngày càng dựa vào một kỷ luật tự giác và tự nguyện của chính ngay những người lao động, những người đã bẻ gãy gông cùm của bọn địa chủ và tư bản.

Kỷ luật mới này không phải từ trên trời rơi xuống, cũng chẳng phải do những mong ước thành tâm nào mà

sinh ra được; nó xuất hiện từ những điều kiện vật chất của nền đại sản xuất tư bản, và chỉ xuất hiện từ những điều kiện đó thôi. Không có những điều kiện này, kỷ luật đó không thể có được. Mà người đại biểu và tạo ra những điều kiện vật chất đó là một giai cấp lịch sử nhất định, do chủ nghĩa đại tư bản sản sinh, tổ chức, gắn bó, giáo dục, dạy bảo, tôi luyện nên. Giai cấp đó là giai cấp vô sản.

Chuyên chính vô sản, nếu chúng ta diễn đạt thành ngữ la-tin có tính chất khoa học, lịch sử và triết học đó, bằng cách nói đơn giản hơn thì nó có nghĩa là:

Chỉ có một giai cấp nhất định, — tức công nhân thành thị và, nói chung, công nhân nhà máy, công nhân công nghiệp, — mới có khả năng lãnh đạo được toàn thể quần chúng lao động và những người bị bóc lột trong cuộc đấu tranh để lật đổ ách tư bản, trong chính ngay quá trình lật đổ ách đó, trong cuộc đấu tranh để duy trì và củng cố thắng lợi, trong sự nghiệp sáng tạo ra một trật tự xã hội mới, trật tự xã hội chủ nghĩa, trong toàn bộ cuộc đấu tranh để hoàn toàn xóa bỏ giai cấp. (Chúng ta hãy ghi chú điểm này: sự khác nhau về mặt khoa học giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản chỉ là ở chỗ: danh từ trên thì chỉ giai đoạn đầu của xã hội mới, lọt lòng từ chủ nghĩa tư bản; còn danh từ dưới thì chỉ giai đoạn sau đó, giai đoạn cao hơn của xã hội đó).

Sai lầm của Quốc tế « Béc-nơ », Quốc tế vàng, là ở chỗ những thủ lĩnh của nó chỉ thừa nhận đấu tranh giai cấp và vai trò lãnh đạo của giai cấp vô sản trên lời nói mà thôi: họ sợ suy nghĩ đến cùng, họ sợ chính cái kết luận tất nhiên đó, cái kết luận mà giai cấp tư sản đặc biệt ghê sợ và tuyệt đối không thể tiếp nhận được. Họ sợ không dám thừa nhận rằng chuyên chính vô sản cũng là một thời kỳ đấu

tranh giai cấp, — cuộc đấu tranh này không thể tránh khỏi được, chừng nào mà giai cấp vẫn chưa được xóa bỏ, nó thay đổi hình thức và trở nên đặc biệt tàn khốc và đặc biệt độc đáo trong thời gian đầu, tiếp sau khi lật đổ chủ nghĩa tư bản. Sau khi chiếm được chính quyền, giai cấp vô sản vẫn không ngừng đấu tranh giai cấp; nó tiếp tục cuộc đấu tranh đó, — cho đến khi thủ tiêu được giai cấp, — song cố nhiên là trong những điều kiện khác, dưới một hình thức khác, bằng những thủ đoạn khác.

Và thế nào là «xóa bỏ giai cấp»? Hết thảy những ai tự cho mình là người xã hội chủ nghĩa, đều thừa nhận mục đích cuối cùng đó của chủ nghĩa xã hội, nhưng tất cả vẫn chưa hề suy nghĩ đến ý nghĩa của nó. Người ta gọi là giai cấp, những tập đoàn to lớn gồm những người khác nhau về địa vị của họ trong một hệ thống sản xuất xã hội nhất định trong lịch sử, khác nhau về quan hệ của họ (thường thường thì những quan hệ này được pháp luật quy định và thừa nhận) đối với những tư liệu sản xuất, về vai trò của họ trong tổ chức lao động xã hội, và như vậy là khác nhau về cách thức hưởng thụ, và về phần của cải xã hội ít hoặc nhiều mà họ được hưởng. Giai cấp là những tập đoàn người, mà tập đoàn này thì có thể chiếm đoạt lao động của tập đoàn khác, do chỗ các tập đoàn đó có địa vị khác nhau trong một chế độ kinh tế xã hội nhất định.

Rõ ràng là muốn hoàn toàn xóa bỏ giai cấp thì chẳng những phải lật đổ bọn bóc lột, bọn địa chủ và bọn tư bản, chẳng những phải xóa bỏ quyền sở hữu *của chúng*; mà còn phải xóa bỏ *hết thảy* mọi quyền tư hữu về tư liệu sản xuất; phải xóa bỏ cả sự khác nhau giữa thành thị và nông thôn cũng như sự khác nhau giữa những người lao động chân tay và lao động trí óc. Đấy là công việc lâu dài. Muốn

hoàn thành công việc đó, phải thực hiện một bước tiến vĩ đại trong sự phát triển lực lượng sản xuất, phải chiến thắng sự phản kháng (thường là tiêu cực, đặc biệt dai dẳng và đặc biệt khó khắc phục) của nhiều tàn dư của tiểu sản xuất; phải chiến thắng sức mạnh to lớn của tập quán và thói thủ cựu, gắn liền với những tàn dư đó.

Cho rằng hết thảy mọi «người lao động» đều có khả năng như nhau để làm việc ấy, nói như thế là hoàn toàn vô nghĩa, hoặc là một ảo tưởng của người xã hội chủ nghĩa cổ hủ của thời đại trước Mác. Vì khả năng ấy không thể bỗng dưng mà có *được; nó xuất hiện trong lịch sử* và *chỉ* xuất hiện từ những điều kiện vật chất của đại sản xuất tư bản mà thôi. Ở đầu con đường tiến từ chủ nghĩa tư bản đến chủ nghĩa xã hội thì *chỉ* có giai cấp vô sản mới có khả năng đó thôi. Nó có khả năng hoàn thành nhiệm vụ lớn lao mà nó phải gánh vác, trước hết vì nó là giai cấp mạnh nhất và tiên tiến nhất trong các xã hội văn minh; hai là vì nó là đa số trong dân cư các nước phát triển nhất; ba là vì trong các nước tư bản lạc hậu, như nước Nga, thì đa số dân cư là những người nửa vô sản, nghĩa là những người luôn luôn phải sống cảnh vô sản trong một phần của năm, những người luôn luôn tìm sinh kế, một phần nào đó, bằng cách đi làm thuê trong các xí nghiệp tư bản.

Những ai tưởng giải quyết vấn đề bước quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản bằng những câu sáo về tự do, bình đẳng, dân chủ nói chung, về bình đẳng của dân chủ lao động, v.v. (như Cau-sky, Mác-tốp và những anh hùng khác của Quốc tế vàng Béc-nơ), thì chỉ để lộ rõ cái bản chất tiểu tư sản, phi-li-stanh của họ, bản chất của hạng người thiển cận đang nô lệ chạy theo đuôi giai cấp tư sản, về mặt tư tưởng. Muốn giải quyết đúng đắn

vấn đề này, chỉ có cách là nghiên cứu cụ thể những quan hệ riêng biệt giữa một giai cấp đặc biệt đã chiếm được chính quyền, tức là giai cấp vô sản, với hết thảy quần chúng phi vô sản, cũng như quần chúng nửa vô sản, trong nhân dân lao động; và những quan hệ đó không phải được hình thành trong những điều kiện hòa hợp một cách hư ảo và «lý tưởng», mà được hình thành trong những điều kiện thực tế của một sự phản kháng điên cuồng, về nhiều mặt, của giai cấp tư sản.

Đại đa số dân cư — và chắc chắn là đại đa số dân cư cần lao — trong bất cứ một nước tư bản nào, kể cả nước Nga, đã thấy chính mình và thân thuộc mình phải nghìn lần chịu khổ sở về ách áp bức của tư bản, cảnh bị cướp bóc, bị sỉ nhục đủ điều. Chiến tranh đế quốc (tức là sự tàn sát cả chục triệu người chỉ nhằm mục đích xem giữa tư bản Anh và tư bản Đức, ai sẽ nắm được địa vị bậc nhất trong việc cướp bóc toàn thế giới) đã làm cho những thử thách nói trên thêm trầm trọng, rộng và sâu sắc một cách phi thường; nó đã làm cho mọi người nhận thấy rõ những thử thách đó. Do đó, nhất định đại đa số dân cư và đặc biệt là quần chúng lao động, đều tỏ ra đồng tình với giai cấp vô sản là giai cấp, với một tinh thần quả cảm anh dũng, với một ý chí cương quyết cách mạng không gì lay chuyển nổi, đang đạp đổ ách áp bức của tư bản, đang lật đổ bọn bóc lột, đang trấn áp sự phản kháng của chúng, đang hy sinh xương máu của mình để tự mở ra con đường tiến tới thiết lập một xã hội mới, trong đó không còn chỗ cho bọn bóc lột nữa.

Mặc dầu những quần chúng phi vô sản và nửa vô sản trong nhân dân lao động còn có những giao động và ngả nghiêng tiểu tư sản, mạnh mẽ và không tránh khỏi như

thế nào chăng nữa, muốn quay về « trật tự » tư sản, dưới sự « che chở » của giai cấp tư sản, nhưng họ cũng vẫn không thể không thừa nhận uy tín về tinh thần và về chính trị của giai cấp vô sản được, vì giai cấp này không những chỉ đánh đổ bọn bóc lột và đè bẹp sự kháng cự của chúng, mà còn xây dựng những quan hệ xã hội mới cao hơn, một kỷ luật xã hội cao hơn: kỷ luật của những người lao động tự giác và đoàn kết, không còn bị một thứ ách nào đè nén nữa và không biết đến một quyền lực nào khác ngoài quyền lực của sự đoàn kết của chính bản thân họ, của đội tiên phong giác ngộ hơn, gan dạ hơn, cố kết hơn, cách mạng và kiên quyết hơn của chính bản thân họ.

Muốn chiến thắng, muốn thiết lập và củng cố chủ nghĩa xã hội, giai cấp vô sản phải hoàn thành hai nhiệm vụ nhưng chỉ là một: một là dùng tinh thần anh dũng bất diệt trong cuộc đấu tranh cách mạng của mình chống tư bản, để lôi cuốn tất cả quần chúng lao động và bị bóc lột, lôi cuốn, tổ chức, lãnh đạo họ nhằm đánh đổ giai cấp tư sản và hoàn toàn đè bẹp mọi sự phản kháng của giai cấp đó; hai là, làm cho hết thảy quần chúng lao động và bị bóc lột, cùng với tất cả mọi tầng lớp tiểu tư sản, đi theo mình vào con đường kiến thiết kinh tế mới, vào con đường tạo ra những quan hệ xã hội mới, một kỷ luật lao động mới, một tổ chức lao động mới, có khả năng phối hợp những thành tựu mới nhất của khoa học và kỹ thuật tư bản với sự tập hợp đông đảo những người lao động tự giác, những người tạo ra nền đại sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Nhiệm vụ thứ hai này khó hơn nhiệm vụ thứ nhất, vì tuyệt nhiên không thể giải quyết được nhiệm vụ đó bằng một hành động anh hùng nhất thời; nhiệm vụ đó đòi hỏi phải có tinh thần dũng cảm lâu dài nhất, bền bỉ nhất, khó

khăn nhất của công tác quần chúng *hàng ngày*. Nhưng nhiệm vụ đó quan trọng hơn nhiệm vụ thứ nhất vì, xét cho cùng, thì nguồn lực lượng to lớn nhất để chiến thắng giai cấp tư sản và cái bảo đảm duy nhất cho những thắng lợi đó được bền vững mà không gì phá vỡ nổi, chỉ có thể là một phương thức sản xuất xã hội mới, cao hơn, chỉ có thể là việc đem đại sản xuất xã hội chủ nghĩa thay thế cho sản xuất tư bản và tiểu tư sản.



« Ngày thứ bảy cộng sản » có một ý nghĩa lịch sử vô cùng rộng lớn, chính vì nó chỉ cho ta thấy sáng kiến tự nguyện và tự giác của công nhân nhằm tăng hiệu suất lao động, áp dụng một kỷ luật lao động mới, tạo ra những điều kiện xã hội chủ nghĩa trong kinh tế và đời sống.

Sau những bài học năm 1870-1871, J. Gia-cô-by, một người trong số những người dân chủ tư sản hiếm có, có lẽ nói cho đúng hơn, một trong số những người dân chủ tư sản đặc biệt hiếm có ở Đức, đã không đi theo chủ nghĩa sô-vanh, cũng không đi theo chủ nghĩa tự do dân tộc, mà lại đi theo chủ nghĩa xã hội, — đã nói rằng việc thành lập một hội liên hiệp công nhân có một ý nghĩa lịch sử vĩ đại hơn là trận Xa-đô-va. (1) Điều đó đúng. Trận Xa-đô-va đã quyết định vấn đề giữa hai chế độ quân chủ tư sản, Áo và Phổ, chế độ nào sẽ nắm được ưu thế để thành lập

(1) Trận Xa-đô-va diễn ra ở làng Xa-đô-va thuộc nước Tiệp ngày 3-7-1866 giữa quân Phổ và quân Áo. Trận này kết thúc bằng thắng lợi hoàn toàn của Phổ trong cuộc chiến tranh Áo — Phổ. *(B.T.)*

Nhà nước tư bản dân tộc Đức. Thành lập được một hội liên hiệp công nhân là đã tiến được một bước nhỏ trên con đường đi đến chỗ giai cấp vô sản chiến thắng giai cấp tư sản trên toàn thế giới. Đối với chúng ta cũng thế, chúng ta cũng có thể nói được rằng ngày thứ bảy cộng sản đầu tiên do anh em công nhân xe lửa đường Mạc-tư-khoa — Ca-dan tổ chức ngày 10 tháng Năm 1919 ở Mạc-tư-khoa, đã có một ý nghĩa lịch sử vĩ đại hơn bất cứ một cuộc chiến thắng nào của Hin-đen-bua hoặc của Phốt-sơ và của người Anh trong chiến tranh đế quốc 1914 - 1918. Những chiến thắng của chủ nghĩa đế quốc, chính là sự tàn sát hàng triệu công nhân để kiếm lợi nhuận cho bọn triệu phú Anh, Mỹ và Pháp; chính là sự dã man, tàn bạo của chủ nghĩa tư bản hấp hối, đã chương phù lên và đang thối nát. Ngày thứ bảy cộng sản của công nhân đường sắt Mạc-tư-khoa — Ca-dan là một trong những tế bào của xã hội mới, xã hội xã hội chủ nghĩa, báo hiệu sự giải phóng của tất cả các dân tộc trên địa cầu thoát khỏi ách tư bản và chiến tranh.

Các ngài tư sản và bọn tay sai của chúng, gồm cả bọn men-sê-vích và bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng, quen thói tự coi mình là đại biểu cho «dư luận công chúng», cố nhiên là họ sẽ nhạo báng hy vọng của những người cộng sản; hy vọng này, bọn họ gọi là một «cây cổ thụ trồng trong chậu cảnh»; họ nhạo báng rằng con số cỏn con những ngày thứ bảy cộng sản nào có thấm vào đâu so với vô số những trường hợp trộm cắp, chây lười, sút kém năng suất, hủy hoại nguyên vật liệu, sản phẩm v.v.. Chúng ta trả lời các ngài ấy rằng: nếu những nhà trí thức tư sản đem khoa học của mình giúp những người lao động, chứ đừng đem giúp bọn tư bản Nga và tư bản ngoại quốc khôi phục lại chính quyền của chúng, thì cách mạng sẽ nhanh chóng

hơn và hòa bình hơn rồi. Nhưng đấy là một điều không tưởng, vì vấn đề phải được giải quyết bằng đấu tranh giai cấp, và phần đông các trí thức lại hướng theo giai cấp tư sản. Chính không phải là nhờ có sự giúp đỡ của các nhà trí thức, mà, trái lại, chính là bất chấp sự đối lập của họ (ít ra cũng trong phần lớn các trường hợp), giai cấp vô sản vẫn cứ chiến thắng bằng cách loại trừ những phần tử trí thức tư sản bất trị, bằng cách cải tạo, giáo dục lại những phần tử nào đang giao động và bắt họ phải phục tùng, bằng cách lôi kéo dần dần ngày càng nhiều người trong bọn họ đi theo giai cấp vô sản. Chế nhạo những khó khăn và những thất bại của cách mạng, gieo rắc hoang mang, chủ trương lùi lại, đó là những vũ khí và những biện pháp đấu tranh giai cấp mà bọn trí thức tư sản đang sử dụng. Giai cấp vô sản sẽ chẳng để cho họ lừa dối mình đâu.

Nhưng nếu người ta xét thực chất của vấn đề, thì có bao giờ người ta thấy trong lịch sử lại có một phương thức sản xuất mới nào đứng vững ngay được, mà không trải qua nhiều thất bại, nhiều sai lầm và tái phạm không? Sau khi chế độ nông nô sụp đổ, một nửa thế kỷ đã trôi qua, thế mà nông thôn Nga vẫn còn giữ nhiều tàn dư của chế độ ấy. Sau khi xóa bỏ tình trạng nô lệ của những người da đen ở châu Mỹ, một nửa thế kỷ đã trôi qua, thế mà trong nhiều địa phương ở Mỹ, họ vẫn còn ở vào tình trạng nửa nô lệ. Các nhà trí thức tư sản, kể cả bọn men-sê-vích và bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng, vẫn chứng nào tật ấy, chúng vẫn phục vụ tư bản và bảo vệ lý lẽ giả nhân giả nghĩa thối tha của chúng: trước cách mạng vô sản, chúng đã chê trách chúng ta là không tưởng, bây giờ chúng lại đòi chúng ta phải thủ tiêu những tàn dư của quá khứ với một tốc độ quái đản!

Nhưng chúng ta chẳng phải là hạng người không tưởng và chúng ta biết những « lý lẽ » tư sản có giá trị thực tế như thế nào rồi; chúng ta cũng hiểu rằng trong phong tục, những tàn dư của quá khứ, trong một thời gian nào đó sau cách mạng, tất nhiên vẫn còn thắng những mầm non của cái mới. Trong lúc cái mới vừa nảy sinh ra, thì cái cũ, trong một thời gian nào đó, vẫn còn cứ mạnh hơn cái mới; trong giới tự nhiên cũng như trong đời sống xã hội, đều luôn luôn có hiện tượng như thế. Những lời chế nhạo chua cay đối với sự yếu ớt của những mầm non của cái mới, thái độ hoài nghi nông nổi của giới trí thức, v.v., tất cả những cái đó, thực ra, cũng chỉ là những phương sách đấu tranh giai cấp của giai cấp tư sản để chống lại giai cấp vô sản mà thôi, để bảo vệ chủ nghĩa tư bản chống lại chủ nghĩa xã hội mà thôi. Chúng ta nên nghiên cứu cẩn thận những mầm non của cái mới, hết sức chú ý đến chúng, giúp bằng đủ mọi cách cho chúng trưởng thành lên và « chăm sóc » những mầm còn non yếu đó. Trong số những mầm non ấy, có một số nào đó sẽ không tránh khỏi bị diệt vong. Chúng ta không thể nào bảo đảm rằng những « ngày thứ bảy cộng sản » sẽ có một tác dụng đặc biệt quan trọng. Vấn đề không phải là ở đó. Vấn đề là ở chỗ phải khuyến khích tất cả những mầm non của cái mới, chẳng kể những mầm non đó như thế nào; cuộc sống sẽ chọn lọc những cái nào có thể sống lâu nhất trong số những mầm non đó. Nếu như muốn giúp loài người khắc phục được bệnh giang mai mà một nhà bác học Nhật đã kiên nhẫn thí nghiệm đến 605 liều thuốc trước khi tìm ra liều thuốc thứ 606, đáp ứng được đầy đủ những điều kiện đòi hỏi, thì những ai định giải quyết một vấn đề khó khăn hơn, tức là vấn đề chiến thắng chủ nghĩa tư bản, cũng phải có đủ kiên nhẫn để thí nghiệm hàng trăm, hàng nghìn

những phương pháp, phương thức, thủ đoạn đấu tranh mới, để hoàn chỉnh được những cái nào thích hợp hơn cả.

« Ngày thứ bảy cộng sản » sở dĩ rất quan trọng như thế là vì nó không phải do công nhân ở trong những điều kiện đặc biệt tốt đưa ra, mà do công nhân thuộc nhiều ngành chuyên môn khác nhau, kể cả những anh em không chuyên nghiệp, như lao công ở trong những điều kiện *thông thường*, nghĩa là những điều kiện *khó khăn hơn cả*. Tất cả chúng ta đều biết rõ lý do căn bản làm cho năng suất lao động sút kém, chẳng cứ ở Nga, mà cả trên thế giới nữa, đó là: tình trạng phá sản và bần cùng hóa, tâm lý tức giận và tình trạng mỏi mệt do chiến tranh đế quốc gây nên, các bệnh tật và nạn thiếu ăn. Nạn thiếu ăn, do tầm quan trọng của nó, đã chiếm hàng đầu. Đói, đó là nguyên nhân. Mà muốn tiêu diệt nạn đói, thì phải nâng cao năng suất cả trong nông nghiệp, trong ngành vận tải và trong công nghiệp nữa. Do đó, người ta đứng trước một cái vòng luẩn quẩn: muốn nâng cao hiệu suất lao động thì phải thoát khỏi nạn đói mà muốn thoát khỏi nạn đói thì lại phải nâng cao hiệu suất lao động.

Người ta biết rằng trong thực tiễn, những mâu thuẫn như thế được giải quyết bằng cách phá vỡ cái vòng luẩn quẩn ấy, bằng một sự chuyển biến trong tinh thần quần chúng, bằng những sáng kiến anh dũng của một số tập đoàn đã nhờ sự chuyển biến ấy mà thường có được một tác dụng quyết định. Lao công và công nhân đường sắt Mạc-tư-khoa (cố nhiên là tôi nói đa số, chứ không phải nói một nhúm người đầu cơ, các nhân viên quản lý và các phần tử bạch vệ khác) đều là những người lao động sống trong những điều kiện khó khăn ghê gớm. Các anh em đó thiếu ăn thường xuyên, và bây giờ, trước mùa gặt

mới, do tình hình trầm trọng chung của nạn khủng hoảng lương thực, thì chỉ có bị đói mà thôi. Thế mà chính những công nhân đói lả ấy, bị sự tuyên truyền hằn học, phản cách mạng của giai cấp tư sản, của bọn men-sê-vích và bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng bao vây, chính họ lại đang tổ chức ra những «ngày thứ bảy cộng sản», đang làm thêm giờ *mà không lấy một đồng thù lao nào cả và đang nâng năng suất lao động lên rất cao,* mặc dù nạn đói đã làm cho họ mệt mỏi, tiều tụy, kiệt sức. Đó há không phải là tinh thần anh dũng vĩ đại nhất hay sao? Đó há không phải là mở đầu bước ngoặt có một ý nghĩa lịch sử toàn thế giới hay sao?

Xét đến cùng, thì năng suất lao động là cái quan trọng nhất, căn bản nhất cho thắng lợi của trật tự xã hội mới. Chủ nghĩa tư bản đã tạo ra một năng suất lao động chưa từng thấy dưới chế độ nông nô. Chủ nghĩa tư bản có thể bị đánh bại hẳn, và sẽ bị đánh bại hẳn, vì chủ nghĩa xã hội tạo ra một năng suất lao động mới, cao hơn nhiều. Nhiệm vụ rất khó khăn và rất lâu dài, nhưng nhiệm vụ đó *đã được bắt đầu thi hành,* và đấy là điều căn bản. Mùa hạ năm 1919, ở Mạc-tư-khoa túng đói, công nhân chịu cảnh đói khổ, sau khi đã trải qua bốn năm gian khổ của chiến tranh đế quốc, rồi qua mười tám tháng nội chiến còn gian khổ hơn, mà vẫn cứ có thể bắt đầu được sự nghiệp vĩ đại đó, như vậy thử hỏi khi chúng ta đã thắng trong cuộc nội chiến và giành được hòa bình rồi, thì những tiến bộ tương lai sẽ như thế nào?

Chủ nghĩa cộng sản, có nghĩa là năng suất lao động cao hơn năng suất tư bản, năng suất của những công nhân tự nguyện tự giác, liên hợp với nhau, sử dụng kỹ thuật hiện đại. Những ngày thứ bảy cộng sản quý giá vô cùng,

vì đó là bước đầu *thực sự* của *chủ nghĩa cộng sản*, đây lại là một việc cực kỳ hiếm có, vì chúng ta đang ở một giai đoạn mà chúng ta « mới chỉ bước những *bước đầu tiên* đến việc chuyển từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản » (như cương lĩnh của Đảng ta đã nói rất đúng).

Chủ nghĩa cộng sản bắt đầu ở chỗ nào mà những *công nhân bình thường*, đã tỏ ra biết lo lắng với tinh thần quên mình, trong khi làm tròn được công việc nặng nhọc, để nâng cao năng suất lao động, giữ gìn *từng pút lúa mì, than đá, sắt* và các sản phẩm khác là những thứ không vào tay bản thân những người lao động, không vào tay những « bà con thân thuộc » của họ, mà vào tay « bà con xa » của họ, tức là vào tay toàn thể xã hội, vào tay hàng chục và hàng trăm triệu người liên hợp trước hết thành một nước xã hội chủ nghĩa duy nhất, và sau đó thành Liên minh các Cộng hòa xô-viết.

Trong bộ *Tư bản*, Các Mác chế giễu cái hoa mỹ và cái khoa trương của bản đại hiến chương dân chủ tư sản về tự do và các quyền của con người, chế giễu tất cả cái luận điệu sáo rỗng về tự do, bình đẳng, bác ái *nói chung* ấy, cái luận điệu đang làm mờ mắt bọn tiểu tư sản và bọn phi-li-stanh trong tất cả các nước, kể cả những vị anh hùng bỉ ổi hiện tại của cái Quốc tế Béc-nơ bỉ ổi. Để đối lập với những lời tuyên bố hoa mỹ về nhân quyền đó, Mác đã đưa ra cái cách giản dị khiêm tốn, thực tiễn và thường ngày mà giai cấp vô sản vẫn dùng để đặt vấn đề là: đòi Nhà nước rút ngắn ngày lao động, đó là một tấm gương điển hình về cách đặt vấn đề*. Nội dung của cách mạng vô sản càng phát triển, thì chúng ta càng thấy rõ ràng và

* Xem C. Mác : *Tư bản*, tập I.

hiển nhiên rằng những nhận xét của Mác thật là đúng đắn và sâu sắc. Những « công thức » của chủ nghĩa cộng sản chân chính khác với luận điệu hoa mỹ, trau chuốt và trịnh trọng của bọn Cau-sky, bọn men-sê-vích và bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng, và của cả đám « anh em » thân yêu của chúng ở Béc-nơ nữa, chính là ở chỗ những công thức đó đều quy tất cả vào *điều kiện lao động*. Hãy bớt những lời ba hoa về « dân chủ lao động », về « tự do, bình đẳng và bác ái », về « chủ quyền của nhân dân », và v.v. : công nhân và nông dân giác ngộ ngày nay đã phân biệt được dễ dàng cái ngón gian trá của phần tử trí thức tư sản trong những lời nói trống rỗng đó, cũng như một người từng trải việc đời, khi nhìn bộ mặt hoàn toàn « nhẵn nhụi » và cái bề ngoài của một « con người rất mực bảnh bao » thì xác định được ngay không sai lầm: « Cầm chắc đó là một thằng ba que ».

Hãy bớt những lời hoa mỹ đi, và hãy làm thêm những công việc giản dị, *thường ngày*, hãy quan tâm thêm chút nữa đến pút lúa mì và pút than! Hãy quan tâm thêm chút nữa để cho pút lúa mì và pút than cần thiết cho người công nhân đói khổ và cho người nông dân rách rưới, trần truồng, đến được tay những người đó, *không phải là do con đường giao dịch con buôn*, do con đường tư bản, mà do lao động tự nguyện tự giác, lao động anh dũng và đầy hy sinh của những người lao động bình thường, chẳng hạn như các công nhân thường và công nhân xe lửa đường Mạc-tư-khoa — Ca-dan.

Hết thảy chúng ta đều phải thừa nhận rằng những vết tích của cách nói ba hoa của bọn trí thức tư sản khi bàn đến những vấn đề cách mạng, đều luôn luôn biểu hiện ra khắp mọi nơi, và ngay cả trong hàng ngũ chúng ta nữa.

Chẳng hạn, báo chí của ta cũng ít đấu tranh chống lại những tàn dư thối tha đó của cái quá khứ dân chủ tư sản thối tha; nó cũng ít ủng hộ những mầm non giản đơn, chất phác và thường thấy hàng ngày, nhưng sinh động của chủ nghĩa cộng sản chân chính.

Các đồng chí hãy xem tình trạng của phụ nữ. Về mặt này, trong suốt hàng chục năm, không có một đảng dân chủ nào trên thế giới, trong một nước cộng hòa tư sản tiên tiến nhất nào, đã làm được một phần trăm cái mà chúng ta đã thực hiện được ngay trong năm đầu tiên của chính quyền chúng ta. Chúng ta đã hoàn toàn phá bỏ những luật lệ nhơ nhớp về tình trạng không bình đẳng của phụ nữ, về việc cản trở ly dị, về những thủ tục xấu xa trong việc ly dị, về việc không thừa nhận con hoang, về việc truy cứu cho ra người cha của chúng v.v., — những luật lệ mà tàn dư của nó đang còn nhan nhản trong tất cả các nước văn minh, làm nhục cho giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản. Chúng ta hoàn toàn có lý do để tự hào về những điều chúng ta đã làm được về mặt đó. Nhưng chúng ta *càng* quét sạch cái đống rác rưởi những luật lệ và chế độ cũ kỹ của giai cấp tư sản đi chừng nào, chúng ta càng thấy rõ ràng đấy mới chỉ là những công việc quét dọn trước khi xây dựng, chứ chưa phải là đích thân việc xây dựng.

Mặc dù có một luật lệ giải phóng, nhưng phụ nữ vẫn cứ còn là *nô lệ trong gia đình*, vì những *công việc nội trợ linh tinh* còn đè nặng lên lưng họ, làm cho họ nghẹt thở, mụ mẫm, nhục nhằn, ràng buộc họ vào bếp núc, vào buồng con cái, lãng phí sức lực của họ vào một công việc cực kỳ không cần thiết, tủn mủn, làm cho nhọc nhằn, đần độn, bị gò bó. Chỉ khi nào và nơi nào có đấu tranh quần chúng bắt đầu (dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản nắm chính

quyền) chống lại nền kinh tế gia đình nhỏ ấy, hay nói cho đúng hơn, khi nào *cải tạo được toàn khối* nền kinh tế nhỏ đó thành kinh tế xã hội chủ nghĩa quy mô lớn, thì mới bắt đầu thật sự *giải phóng phụ nữ* và mới có chủ nghĩa cộng sản thật sự được.

Đối với vấn đề đó, về mặt lý luận, bất cứ đảng viên cộng sản nào cũng thấy không cần phải tranh luận nữa, nhưng về mặt thực tiễn, chúng ta đã chú ý đến đầy đủ chưa? Cố nhiên là chưa. Đối với những *mầm mống* của chủ nghĩa cộng sản, hiện đã biểu hiện trong lĩnh vực này, chúng ta đã quan tâm đến đầy đủ chưa? Lại một lần nữa, cũng vẫn chưa quan tâm đến. Nhà ăn công cộng, nhà giữ trẻ, vườn trẻ, đó là những cái mẫu của những mầm mống ấy, đó là những phương tiện giản đơn, bình thường, không có chút gì là lộng lẫy, khoa trương, long trọng cả, thế mà *thực tế* lại có khả năng *giải phóng phụ nữ,* thực tế lại giảm bớt và trừ bỏ được tình trạng không bình đẳng của phụ nữ đối với nam giới, không bình đẳng về vai trò của họ trong sản xuất và đời sống xã hội. Những phương tiện đó không phải mới lạ; chủ nghĩa đại tư bản đã tạo ra nó rồi (cũng như, nói chung, đã tạo ra tất cả những điều kiện vật chất cho chủ nghĩa xã hội); nhưng trong thời kỳ chủ nghĩa đại tư bản, thì trước hết, những phương tiện đó còn hiếm; hai là, — điều này đặc biệt quan trọng — những phương tiện đó hoặc là những xí nghiệp *kiếm lợi,* với những mặt xấu xa nhất của đầu cơ, trục lợi, dối trá, giả mạo, hoặc là một « trò ảo thuật về từ thiện của giai cấp tư sản » mà bộ phận ưu tú của giai cấp công nhân căm ghét và khinh bỉ một cách chính đáng.

Không còn nghi ngờ gì nữa, ở nước ta, những tổ chức đó đã trở nên ngày càng nhiều hơn và *bắt đầu* thay đổi

tính chất. Không còn nghi ngờ gì nữa, trong giới phụ nữ công nông, đã có nhiều người tổ chức có tài hơn là con số mà chúng ta đã biết, có những người biết tổ chức công việc một cách thực tiễn, làm cho một số lớn cán bộ và một số lớn hơn nữa những người sử dụng tham gia vào đó, mà không phải tốn nhiều lời, không bận rộn túi bụi, không tranh cãi, không ba hoa về kế hoạch, về hệ thống v.v., tức là không mắc phải những bệnh mà những « nhà trí thức » tự phụ một cách lố lăng, hoặc những « người cộng sản » non nớt vẫn thường « mắc phải ». Nhưng chúng ta *chưa chăm sóc* đúng mức đến những mầm mống đó của cái mới.

Các đồng chí hãy xem giai cấp tư sản. Cái gì có lợi *cho nó* thì nó biết cách quảng cáo rầm rộ đến chừng nào! Những xí nghiệp « kiểu mẫu », theo con mắt của bọn tư bản, đã được phô trương biết bao trên hàng triệu tờ báo *của chúng*; bọn chúng đã khéo biết bao để làm cho những tổ chức tư sản « kiểu mẫu » đó trở thành đối tượng tự hào dân tộc! Những báo chí của chúng ta lại không hề hoặc hầu như không chú ý miêu tả những nhà ăn và nhà giữ trẻ tốt nhất, không kiên trì hàng ngày tìm cách làm cho một số nhà ăn và nhà giữ trẻ nào đó phải biến thành những tổ chức kiểu mẫu, không chú ý ca ngợi những tổ chức đó, không chú ý giải thích hết sức tỉ mỉ rằng, nhờ có *lao động cộng sản gương mẫu*, người ta đã tiết kiệm được lao động của con người như thế nào, người ta đã đem lại những điều thuận tiện cho người sử dụng như thế nào, người ta đã tiết kiệm được vật phẩm như thế nào, phụ nữ đã được giải phóng khỏi chế độ nô lệ gia đình như thế nào, những điều kiện vệ sinh đã được cải thiện như thế nào, đó là những kết quả có thể đạt được và mở rộng cho toàn thể xã hội, cho toàn thể những người lao động.

Sản xuất gương mẫu, những ngày thứ bảy cộng sản gương mẫu, tính chăm lo và liêm khiết gương mẫu trong việc sản xuất và phân phối từng pút lúa mì; những nhà ăn kiểu mẫu; sự sạch sẽ đáng làm gương trong nhà công nhân này, trong khối nhà cửa kia — biết bao nhiêu là cái cần được báo chí ta, và cả *mỗi* tổ chức công nhân và nông dân phải mười phần chú ý và săn sóc đến hơn nữa. Đây là những mầm mống của chủ nghĩa cộng sản, và chăm sóc đến những cái đó là nhiệm vụ đầu tiên của tất cả chúng ta. Mặc dù tình trạng lương thực và sản xuất của chúng ta có nghiêm trọng, nhưng cũng không thể chối cãi được rằng, trong 18 tháng chính quyền bôn-sê-vích, chúng ta đều có tiến trên *mọi mặt trận:* việc dự trữ lúa mì đã tăng từ 30 triệu pút (từ mồng 1 tháng Tám 1917 đến mồng 1 tháng Tám 1918) lên 100 triệu pút (từ mồng 1 tháng Tám 1918 đến mồng 1 tháng Năm 1919); việc trồng rau đã tăng lên, diện tích ruộng bỏ không gieo trồng đã giảm bớt, vận tải đường sắt được cải thiện, mặc dầu ta gặp rất nhiều khó khăn về mặt nhiên liệu, v.v.. Trong khung cảnh chung đó, và với sự giúp đỡ của chính quyền Nhà nước vô sản, những mầm mống của chủ nghĩa cộng sản sẽ không tàn lụi đi, mà sẽ lớn lên để trở thành chủ nghĩa cộng sản hoàn toàn.

V. I. Lê-nin, *Toàn tập,* Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1968, t. 29, tr. 468 - 487.

Trích:

BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG DÂN ỦY TẠI ĐẠI HỘI VIII CÁC XÔ-VIẾT TOÀN NGA (1)

NGÀY 22 THÁNG CHẠP

Và khi xuất hiện các kế hoạch lớn dự định thực hiện trong nhiều năm, thì thường có một số người hoài nghi nói rằng: dự định cho nhiều năm, các anh muốn nói đùa sao! Cầu trời cho chúng ta có thể hoàn thành những việc cần phải làm hiện nay, cũng là tốt rồi. Các đồng chí, cần phải biết kết hợp hai cái đó với nhau; không thể làm việc được, nếu không có một kế hoạch dài hạn và có thể mang lại thành tựu đáng kể. Thực tế là như vậy, bằng chứng là công tác vận tải đã được cải tiến. Tôi lưu ý các đồng chí đến một đoạn trong đề cương thứ 9 nói rằng thời hạn

(1) V. I. Lê-nin đọc báo cáo này tại Đại hội VIII các xô-viết toàn Nga ở Mạc-tư-khoa ngày 22 tháng Chạp 1920. Đại hội đã thông qua kế hoạch điện khí hóa toàn quốc do Lê-nin trình bày (kế hoạch GOELRO), và một nghị quyết về bản báo cáo về điện khí hóa do Lê-nin thảo ra. *(B.T.)*

khôi phục vận tải là năm năm, nhưng chúng ta đã rút ngắn được thời hạn đó lại, vì chúng ta đã hoàn thành vượt mức công tác; bây giờ thời hạn này được qui định là ba năm rưỡi. Trong tất cả các ngành kinh tế khác, cũng phải làm việc như vậy. Và điều đó ngày càng trở thành nhiệm vụ hiện thực, thực tế của Hội đồng Lao động và Quốc phòng. Trong khi đồng thời theo sát các bước tiến của khoa học và thực tiễn, các địa phương còn phải hoàn thành kế hoạch nhanh chóng hơn điều đã dự kiến, để cho quần chúng thấy rằng kinh nghiệm có thể rút ngắn được khoảng thời gian dài từ nay đến khi chúng ta khôi phục hoàn toàn nền công nghiệp. Điều đó là tùy ở chúng ta. Chúng ta hãy cải tiến sản xuất trong mỗi nhà máy, mỗi xưởng máy, mỗi lĩnh vực như thế, chúng ta sẽ rút ngắn được thời hạn. Và đó là điều chúng ta đã làm. Các đồng chí không nên sợ những kế hoạch dài hạn: không có những kế hoạch như vậy, không thể khôi phục được kinh tế; ở các địa phương, chúng ta hãy ra sức hoàn thành các kế hoạch đó.

Phải hoàn thành được các kế hoạch kinh tế theo chương trình đã định, phải biểu dương và khích lệ khi chương trình đó được hoàn thành nhanh chóng: quần chúng chẳng những phải hiểu rõ mà còn phải thấy được rằng việc rút ngắn thời kỳ đói rét và nghèo khổ là hoàn toàn tùy ở chỗ họ hoàn thành hết sức nhanh chóng những kế hoạch kinh tế của chúng ta. Hết thảy mọi kế hoạch trong các ngành sản xuất khác nhau đều phải ăn khớp chặt chẽ với nhau, gắn liền với nhau và cùng hợp thành một kế hoạch kinh tế thống nhất mà chúng ta hết sức cần.

Cho nên, nhiệm vụ đặt ra cho chúng ta là: liên hợp các bộ dân ủy kinh tế thành một trung tâm kinh tế thống nhất. Chúng ta đã bắt tay vào thực hiện nhiệm vụ ấy và chúng

tôi đưa ra để các đồng chí xét nghị quyết của Hội đồng Dân ủy và Hội đồng Lao động và Quốc phòng về việc cải tổ lại Hội đồng Lao động và Quốc phòng.

Các đồng chí sẽ xem xét dự án đó, và tôi hy vọng rằng dự án sẽ được nhất trí thông qua với những điểm bổ sung cần thiết. Nội dung dự án đó rất giản đơn, nhưng dự án đó không kém phần quan trọng, vì chúng ta phải có một cơ quan hiểu cặn kẽ những quyền hạn của mình và liên hợp được toàn bộ công tác kinh tế mà chúng ta đã đặt lên hàng đầu.

Đồng chí Gu-si-ép cũng đã đề cập đến nhiệm vụ đó trong cuốn sách của đồng chí xuất bản trước ngày họp đại hội, và nhân tiện chúng tôi xin nói là cuốn sách đó không đạt bằng cuốn sách trước của đồng chí. Cuốn sách đó đưa ra một kế hoạch đại qũy mô về tổ chức Hội đồng Lao động và Quốc phòng, đồng thời điều về cơ quan đó nhiều nhân viên trọng yếu. Chúng ta thấy trong đó có cả Tơ-rốt-ski và Rư-cốp. Tôi nói: hãy ghìm bớt đầu óc không tưởng lại. Chúng ta không thể vượt ra ngoài bộ máy đã được thiết lập trong quá trình ba năm đó. Chúng ta biết nó có những khuyết điểm lớn, nhưng chúng ta sẽ nói tỉ mỉ đến những khuyết điểm đó trong đại hội này. Trong chương trình nghị sự, vấn đề đó được coi là một trong những vấn đề chủ yếu. Tôi muốn nói đến việc cải tiến bộ máy xô-viết. Tuy nhiên chúng ta cần phải làm việc một cách thận trọng bằng cách căn cứ vào kinh nghiệm đã thu lượm được mà sửa đổi dần dần bộ máy của chúng ta cho đúng lúc cần thiết. Đồng chí Gu-si-ép chế giễu dự án mà chúng ta đề nghị; đồng chí nói rằng chúng ta đề nghị thêm Bộ dân ủy Nông nghiệp vào Hội đồng Lao động và Quốc phòng. Đúng thế, chính chúng ta đề nghị như thế. Trong dự án,

chúng ta đề nghị cho Hội đồng Lao động và Quốc phòng một địa vị rất nhỏ dưới hình thức Ủy ban Lao động và Quốc phòng trực thuộc Hội đồng Dân ủy. Từ trước tới nay, chúng ta đã làm việc ở Hội đồng Lao động và Quốc phòng trong tình trạng không theo một hiến pháp nào cả. Phạm vi quyền hạn của Hội đồng Dân ủy và của Hội đồng Lao động và Quốc phòng chưa được quy định rõ ràng; đôi khi, chúng ta vượt quá giới hạn và chúng ta đã sử dụng cơ quan ấy như một cơ quan lập pháp. Nhưng trên lĩnh vực đó, chưa xảy ra cuộc xung đột nào. Chúng ta đã giải quyết những sự việc xảy ra đó bằng cách đưa ngay ra trước Hội đồng Dân ủy. Nhưng khi cần thiết phải làm cho Hội đồng Lao động và Quốc phòng trở thành một cơ quan thống nhất chính sách kinh tế một cách chặt chẽ hơn, thì vấn đề đặt ra là quy định như thế nào các quan hệ đó bằng luật pháp. Hai kế hoạch được đề ra trước chúng ta: thứ nhất là phân định phạm vi thẩm quyền của Hội đồng Dân ủy và của Hội đồng Lao động và Quốc phòng. Nhưng muốn làm được như thế, cần phải thu hút rất nhiều lực lượng để thảo ra luật pháp, mất một số lớn giấy, mà cũng chưa chắc đã tránh được sai lầm.

Chúng ta hãy xét một biện pháp khác. Hội đồng Lao động và Quốc phòng đã được coi gần như ngang quyền với Hội đồng Dân ủy. Chúng ta hãy từ bỏ quan niệm đó. Chúng ta hãy chuyển Hội đồng Lao động và Quốc phòng thành một ủy ban trực thuộc Hội đồng Dân ủy. Chúng ta sẽ tránh được vô số những sự va chạm và sẽ làm cho công tác của chúng ta được tiến hành nhanh chóng hơn. Nếu một ủy viên Hội đồng Dân ủy không hài lòng, hãy trình bày với Hội đồng dân ủy mà người ta có thể triệu tập trong khoảng vài giờ. Do đó, chúng ta sẽ tránh được những sự va chạm giữa các bộ và làm cho Hội đồng Lao

động và Quốc phòng trở thành một cơ quan có hiệu suất công tác cao. Nhiệm vụ đó không phải là dễ. Nhiệm vụ đó gắn liền với việc thành lập thực sự một kế hoạch kinh tế thống nhất. Nhiệm vụ mà dù sao chúng ta đã làm được chút ít và đã chuẩn bị suốt trong hai năm là nhiệm vụ thực hiện việc hợp nhất các bộ dân ủy kinh tế. Vì thế cho nên tôi lưu ý các đồng chí đến dự luật về Hội đồng Lao động và Quốc phòng, và tôi hy vọng rằng các đồng chí sẽ thông qua dự luật đó, đưa ra những điểm bổ sung cần thiết. Lúc đó công tác hợp nhất các bộ dân ủy kinh tế sẽ được tiến hành thuận lợi hơn, nhanh hơn, vững chắc hơn và kiên quyết hơn.

Tôi xin nói đến điểm cuối cùng: vấn đề điện khí hóa. Điểm đó đã được ghi vào chương trình nghị sự của Đại hội thành một vấn đề riêng biệt, và các đồng chí sẽ được nghe một bản báo cáo về vấn đề ấy. Tôi nghĩ rằng ở đây chúng ta đang chứng kiến một bước ngoặt rất quan trọng, bước ngoặt đó dẫu sao cũng đánh dấu việc chính quyền xô-viết đã bước đầu đạt được những thành tựu to lớn. Ngày nay trên diễn đàn các đại hội toàn Nga, không những sẽ chỉ có các nhà chính trị và hành chính mà sẽ có cả các kỹ sư và các nhà nông học. Đây là bước đầu của một thời kỳ rất sung sướng trong đó, chính trị sẽ càng ngày càng ít đi, người ta sẽ nói về chính trị ít hơn và ngắn hơn, và chính những kỹ sư và nhà nông học sẽ nói nhiều. Muốn thật sự chuyển sang sự nghiệp xây dựng kinh tế, thì cần phải bắt đầu thực hiện tập quán đó từ đại hội các Xô-viết toàn Nga, và thực hiện từ trên xuống dưới, trong tất cả các Xô-viết và các tổ chức, trong tất cả các báo chí, trong tất cả các cơ quan tuyên truyền và cổ động, trong tất cả các thiết chế.

Không còn nghi ngờ gì nữa, chúng ta đã vững vàng về mặt chính trị rồi, về mặt này chúng ta không mất phương hướng vì chúng ta đã có cơ sở. Còn về mặt kinh tế, tình hình không được tốt lắm. Ngày nay chính sách tốt nhất là càng ít nói chính trị càng tốt. Các đồng chí hãy sử dụng nhiều các kỹ sư và các nhà nông học hơn nữa, hãy học tập họ, hãy kiểm tra công tác của họ, đừng biến các đại hội và hội nghị thành các cuộc mít-tinh tuyên truyền, mà thành các cơ quan kiểm tra những thành tựu kinh tế, những cơ quan trong đó chúng ta có thể thực sự học tập nghệ thuật xây dựng kinh tế.

Các đồng chí sẽ nghe báo cáo của Ủy ban điện khí hóa Nhà nước, là ủy ban thành lập do quyết nghị của Ban Chấp hành trung ương toàn Nga ngày 7 tháng Hai 1920. Ngày 21 tháng Hai, Chủ tịch đoàn Hội đồng kinh tế quốc dân tối cao đã ký một số quyết nghị dứt khoát quy định số nhân viên trong ủy ban đó, và trước tiên một số lớn chuyên gia và cộng tác viên ưu tú trong Hội đồng kinh tế quốc dân tối cao, hơn một trăm người, đã hoàn toàn hiến thân cho sự nghiệp đó với sự tham gia của những lực lượng ưu tú nhất của Bộ Dân ủy Giao thông và Bộ Dân ủy Nông nghiệp. Chúng ta thấy được kết quả công tác của Ủy ban điện khí hóa Nhà nước toàn Nga trong cuốn sách nhỏ này, cuốn sách sẽ phát cho các đồng chí hôm nay hay ngày mai. Tôi hy vọng rằng cuốn sách nhỏ đó sẽ không làm cho các đồng chí e ngại. Tôi cho rằng tôi sẽ không mất nhiều công thuyết phục các đồng chí về ý nghĩa quan trọng đặc biệt của cuốn sách đó. Theo tôi, đó là cương lĩnh thứ hai của Đảng. Chúng ta đã có một cương lĩnh của Đảng được các đồng chí Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski và Bu-kha-rin giải thích một cách đặc sắc trong một cuốn sách nhỏ không dày lắm nhưng rất mực quý giá. Đó là cương lĩnh chính trị,

đó là bảng kê các nhiệm vụ của chúng ta, đó là bản giải thích các quan hệ giữa các giai cấp và quần chúng. Nhưng cũng phải nhớ rằng đã đến lúc phải thực sự tiến vào con đường đó và hưởng trước được hiệu quả thực tiễn của nó. Cương lĩnh Đảng của chúng ta không thể chỉ là một cương lĩnh của Đảng. Nó phải trở thành cương lĩnh xây dựng kinh tế của chúng ta, nếu không, nó cũng không thể nào dùng làm cương lĩnh của Đảng được. Nó cần được bổ sung bằng một cương lĩnh thứ hai của Đảng, bằng kế hoạch những công tác nhằm khôi phục toàn bộ nền kinh tế quốc dân và nâng nền kinh tế đó tới mức kỹ thuật hiện đại. Nếu không có kế hoạch điện khí hóa, chúng ta không thể chuyển sang xây dựng thực sự được. Nói đến khôi phục nông nghiệp, công nghiệp và vận tải, đến phối hợp cân đối giữa các ngành đó, thì chúng ta không thể không nói đến một kế hoạch kinh tế rộng rãi được. Chúng ta phải có một kế hoạch được quy định rõ ràng; đương nhiên, đó sẽ chỉ là một kế hoạch sơ bộ. Cương lĩnh đó của Đảng sẽ không phải là bất di bất dịch như cương lĩnh thực sự của chúng ta là cương lĩnh chỉ có thể được sửa đổi trong các đại hội Đảng thôi. Không, cương lĩnh đó mỗi ngày sẽ mỗi được cải tiến hơn trong mỗi xưởng, trong mỗi xã; nó sẽ được cải tiến, hoàn chỉnh và sửa đổi. Cương lĩnh đó là cần thiết với danh nghĩa là một bản phác thảo đầu tiên xuất hiện trước mặt nước Nga như một kế hoạch kinh tế rộng lớn, dự tính ít ra cho mười năm và chỉ rõ cần phải tiến hành làm sao để đặt nước Nga trên một cơ sở kinh tế thực sự, cần thiết đối với chủ nghĩa cộng sản. Chúng ta đã chiến đấu và thắng trên mặt trận quân sự, vậy một trong những đòn xeo mạnh mẽ làm cho lực lượng và nghị lực của chúng ta tăng gấp bội là cái gì? Đó là ý thức về sự nguy hiểm. Mọi người đều hỏi: bọn địa

chủ và tư bản có thể trở lại nước Nga được không? Và người ta đã trả lời: được. Cho nên chúng ta đã nỗ lực gấp trăm lần, chúng ta đã dốc toàn lực ra và chúng ta đã thắng.

Các đồng chí hãy xét mặt trận kinh tế và hãy hỏi: chủ nghĩa tư bản có thể trở lại nước Nga trên phương diện kinh tế không? Chúng ta đã đấu tranh chống chợ « Xu-kha-rép-ca ». Hôm nọ, khi khai mạc Đại hội các Xô-viết toàn Nga, Xô-viết đại biểu công nhân và binh sĩ Mạc-tư-khoa đã quyết định đóng cửa cái cơ quan chẳng tốt đẹp gì cho lắm đó. (Vỗ tay). Chợ « Xu-kha-rép-ca » đã bị đóng cửa, nhưng điều đáng sợ không phải là cái chợ « Xu-kha-rép-ca » đã bị đóng cửa. Đóng cửa cái chợ đen trước kia ở Xu-kha-rép-ca thì không khó khăn gì. Điều đáng sợ là cái chợ « Xu-kha-rép-ca » đang chi phối trong tâm hồn và trong hành động của mọi người sở hữu nhỏ. Đó là cái chợ « Xu-kha-rép-ca » mà chúng ta cần phải đóng cửa. Chợ đó là cơ sở của chủ nghĩa tư bản. Chừng nào nó còn tồn tại, bọn tư bản còn có thể trở lại nước Nga và trở nên hùng mạnh hơn chúng ta. Cần phải nhận thức rõ rệt điều đó. Điều đó cần phải được sử dụng làm phương thức chủ yếu kích thích công tác của chúng ta và phải là điều kiện, là thước đo những thành tựu thực tế của chúng ta. Chừng nào chúng ta còn sống trong một nước tiểu nông, thì chủ nghĩa tư bản ở Nga còn có cơ sở kinh tế vững chắc hơn là chủ nghĩa cộng sản. Đó là điều cần ghi nhớ. Người nào đã chú ý quan sát sinh hoạt ở nông thôn và đem so sánh với sinh hoạt ở thành thị, đều thấy rằng chúng ta vẫn chưa nhổ được gốc rễ của chủ nghĩa tư bản, và cũng chưa phá hủy được những nền móng, cơ sở của kẻ thù trong nước. Kẻ thù đó đứng vững được nhờ dựa vào nền kinh tế nhỏ, muốn diệt nó, có một biện pháp là:

chuyển nền kinh tế quốc gia kể cả nông nghiệp, lên một cơ sở kỹ thuật mới, lên cơ sở kỹ thuật của nền đại sản xuất hiện-đại. Cơ sở đó chỉ có thể là điện lực mà thôi.

Chủ nghĩa cộng sản là chính quyền xô-viết cộng với điện khí hóa toàn quốc. Nếu không, nước ta sẽ vẫn là một nước tiểu nông, và chúng ta phải nhận thức rõ ràng điểm đó. Chúng ta còn yếu hơn chủ nghĩa tư bản, không những trên phạm vi thế giới mà ngay trong nước nữa. Đó là điều mà ai cũng thấy rõ. Chúng ta đã thừa nhận như vậy và chúng ta sẽ nỗ lực làm cho cơ sở kinh tế của nền tiểu nông trở thành cơ sở kinh tế của đại công nghiệp. Chỉ khi nào nước ta đã điện khí hóa, chỉ khi nào công nghiệp, nông nghiệp, vận tải đã đứng vững trên cơ sở kỹ thuật của đại công nghiệp hiện đại, thì lúc đó, chúng ta mới có thể đạt được thắng lợi hoàn toàn.

Chúng ta đã khởi thảo một kế hoạch sơ bộ về điện khí hóa nước ta. Kế hoạch đó đã được hai trăm người trong số nhân viên khoa học và kỹ thuật ưu tú của chúng ta đặt ra. Kế hoạch đó cung cấp cho chúng ta một bản dự trù cho một thời gian dài, ít ra là mười năm, về vật tư và kinh phí. Nó chỉ rõ cho chúng ta rằng cần phải có bao nhiêu triệu tấn xi-măng và bao nhiêu triệu viên gạch để hoàn thành công cuộc điện khí hóa. Về mặt tài chính, để thực hiện những nhiệm vụ điện khí hóa, người ta đã dự tính phải bỏ ra từ 1 đến 1,2 tỷ rúp vàng. Các đồng chí biết rằng với số vàng dự trữ của chúng ta, chúng ta còn thiếu nhiều nữa mới đủ số tiền đó. Những dự trữ thực phẩm của chúng ta cũng không được nhiều lắm. Cho nên chúng ta phải bù cho đủ khoản chi tiêu đó, bằng các tô nhượng theo kế hoạch mà tôi đã trình bày với các đồng chí

Các đồng chí sẽ xem bản dự trù đó, bản dự trù chỉ ra rằng việc khôi phục công nghiệp và vận tải của chúng ta đã được kế hoạch hóa như thế nào trên cơ sở đó.

Gần đây, tôi đã có dịp tới dự một ngày hội nông dân tại một địa phương xa xôi thuộc tỉnh Mạc-tư-khoa, trong huyện Vô-lô-cô-lam-scơ, ở đó nông dân đã có đèn điện. Một cuộc mít-tinh đã được tổ chức trong phố, và một nông dân ra đọc một bài diễn văn chào mừng sự kiện mới đó trong đời sống nông dân. Người nông dân đó nói: chúng ta, những người nông dân, chúng ta đã sống trong sự tối tăm, và bây giờ đây, chúng ta đã có ánh sáng, « một thứ ánh sáng không phải là tự nhiên, nó sẽ làm tan sự tối tăm nông dân chúng ta ». Về phần tôi, những lời đó không làm cho tôi ngạc nhiên. Đương nhiên, đối với quần chúng nông dân ngoài đảng, ánh sáng đèn điện là một ánh sáng « không phải là tự nhiên », nhưng đối với chúng ta, điều không tự nhiên là trong hàng trăm, hàng nghìn năm, nông dân và công nhân đã có thể sống trong sự tối tăm đó, trong nghèo khổ, dưới sự áp bức của bọn địa chủ và tư bản. Người ta chưa thể làm thế nào thoát khỏi sự tối tăm đó sớm được. Vậy trong lúc này, cần phải làm thế nào cho mỗi trạm phát điện mà chúng ta sẽ xây dựng, được thực sự trở thành một cơ sở giáo dục, cho mỗi trạm phát điện quan tâm đến có thể nói là việc giáo dục điện cho quần chúng. Chúng ta đã xây dựng một kế hoạch điện khí hóa, nhưng việc thực hiện kế hoạch đó phải làm trong nhiều năm. Chúng ta phải hết sức cố gắng thực hiện kế hoạch đó và rút ngắn thời gian hoàn thành kế hoạch. Trong lĩnh vực này, cần phải làm như đã làm đối với một trong những kế hoạch kinh tế đầu tiên của chúng ta, tức là kế hoạch khôi phục vận tải — sắc lệnh số 1042 — là kế hoạch được

dự tính hoàn thành trong năm năm, nhưng ngay bây giờ đã giảm xuống còn ba năm rưỡi, vì kế hoạch đó đã được thực hiện vượt mức.

Nhưng cần phải hiểu và nhớ rằng không thể nào thực hiện điện khí hóa trong khi chúng ta còn có những người mù chữ. Ủy ban chúng ta đang cố gắng thanh toán nạn mù chữ, việc đó chưa đủ. So với trước kia thì ủy ban đó đã làm được nhiều, nhưng so mức cần thiết, thì ủy ban đó mới làm được ít. Ngoài việc biết đọc, biết viết, những người lao động cần phải có văn hóa, cần phải trở thành những người giác ngộ, thông thái; đa số nông dân cần phải hình dung rõ ràng nhiệm vụ mà chúng ta phải gánh vác. Cương lĩnh đó của Đảng phải trở thành quyển sách giáo khoa chủ yếu trong tất cả các nhà trường. Bên cạnh kế hoạch chung về điện khí hóa, các đồng chí sẽ còn thấy trong bản cương lĩnh, những kế hoạch quy định riêng cho mỗi một huyện ở Nga. Và khi mỗi đồng chí đến một địa phương, thì sẽ có một kế hoạch nhất định để tiến hành điện khí hóa huyện của mình, để chuyển tình trạng tối tăm sang một cuộc sống bình thường. Các đồng chí, người ta có thể và cần phải đem so sánh tại chỗ, phân tích và kiểm tra những đề cương đã phân phát cho các đồng chí, và cố gắng làm sao cho đối với câu hỏi: chủ nghĩa cộng sản là gì thì trong mỗi trường, trong mỗi tiểu tổ học tập, không những người ta trả lời bằng những điều đã ghi trong cương lĩnh của Đảng, mà còn trả lời là cần làm thế nào để thoát khỏi tình trạng tối tăm.

Các cán bộ ưu tú, các chuyên gia kinh tế đã hoàn thành nhiệm vụ trao cho họ về việc vạch kế hoạch điện khí hóa nước Nga và khôi phục kinh tế của đất nước. Bây giờ phải làm sao để công nhân và nông dân hiểu rằng nhiệm

vụ đó là lớn lao và khó khăn biết bao, hiểu rõ rằng phải bắt tay vào nhiệm vụ đó như thế nào và phải thực hiện ra làm sao.

Phải chú ý làm sao để mỗi một nhà máy, mỗi một trạm phát điện đều trở thành một trung tâm giáo dục, và nếu nước Nga được bao phủ bằng một mạng lưới dày đặc các trạm phát điện và các công trình kỹ thuật mạnh mẽ, thì công cuộc xây dựng kinh tế cộng sản chủ nghĩa của chúng ta sẽ trở thành kiểu mẫu cho châu Âu và châu Á xã hội chủ nghĩa tương lai. (vỗ tay vang dội rất lâu).

V. I. Lê-nin, *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1969, t. 31, tr. 632 - 642.

Trích tác phẩm:

BÀN VỀ THUẾ LƯƠNG THỰC

. . . . .

VỀ NỀN KINH TẾ HIỆN NAY CỦA NƯỚC NGA

...Chủ nghĩa tư bản Nhà nước sẽ là một bước tiến so với tình hình hiện nay của nước Cộng hòa xô-viết chúng ta. Nếu trong sáu tháng nữa chẳng hạn, mà chủ nghĩa tư bản Nhà nước được thiết lập trong nước chúng ta, thì đó sẽ là một thắng lợi lớn lao và là một đảm bảo chắc chắn nhất để cho chủ nghĩa xã hội, trong một năm nữa, sẽ hoàn toàn được củng cố ở nước chúng ta và trở thành vô địch.

Tôi hình dung thấy một số người sẽ bác bỏ những câu nói ấy của tôi với sự căm phẫn cao quý như thế nào... Sao? Trong một nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết mà bước chuyển sang *chủ nghĩa tư bản* Nhà nước lại có thể là một bước tiến được ư?... Đó chẳng phải là phản lại chủ nghĩa xã hội sao?

Chúng ta cần phải bàn tỉ mỉ chính về điểm ấy.

Thứ nhất, vấn đề là phân tích xem tính chất của *bước quá độ* từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội là thế

nào mà lại khiến chúng ta có quyền và có đủ tất cả các căn cứ để tự xưng là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết.

Thứ hai, vấn đề là chỉ ra cho thấy rằng những người không thấy những điều kiện kinh tế tiểu tư sản và thế lực tự phát tiểu tư sản, là kẻ thù *chính* của chủ nghĩa xã hội ở nước ta, thì sai lầm ở chỗ nào.

Thứ ba, phải hiểu chính xác Nhà nước *xô-viết* là thế nào, Nhà nước *xô-viết* khác với Nhà nước tư sản, về mặt kinh tế, như thế nào.

Bây giờ chúng ta hãy nghiên cứu ba điểm đó.

Có lẽ không có một người nào nghiên cứu kinh tế của nước Nga mà lại phủ nhận tính chất quá độ của nền kinh tế ấy. Có lẽ cũng không có một người cộng sản nào lại phủ nhận rằng danh từ «nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết» nói lên sự quyết tâm của chính quyền xô-viết muốn bảo đảm bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và không hề có ý thừa nhận rằng chế độ kinh tế mới là chế độ kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Nhưng danh từ quá độ nghĩa là gì? Trong kinh tế, phải chăng nó có nghĩa là trong chế độ đó, có những thành phần, bộ phận và nhân tố của chủ nghĩa tư bản và của chủ nghĩa xã hội? Bất cứ ai cũng đều thừa nhận là như thế. Song không phải tất cả những người đã thừa nhận như vậy, đều suy nghĩ xem các thành phần của các hình loại kinh tế khác nhau hiện đang tồn tại song song với nhau, ở Nga, là những thành phần gì. Mà điểm chủ yếu của vấn đề lại chính là ở chỗ đó.

Chúng ta hãy kể những thành phần ấy ra:

1. Kinh tế kiểu gia trưởng, nghĩa là trên một trình độ rất lớn, đó là kinh tế tự nhiên, nông dân;

2. sản xuất hàng hóa nhỏ (trong đó gồm đại đa số nông dân bán lúa mì);

3. chủ nghĩa tư bản tư nhân;

4. chủ nghĩa tư bản Nhà nước;

5. chủ nghĩa xã hội.

Nước Nga thì bao la và muôn màu muôn vẻ nên các hình loại kinh tế xã hội đó xen kẽ chặt chẽ với nhau. Đặc điểm của tình hình là ở chỗ đó.

Vậy những thành phần nào chiếm ưu thế? Rõ ràng là trong một nước tiểu nông, thì thế lực tự phát tiểu tư sản chiếm ưu thế và không thể không chiếm ưu thế: đa số, tuyệt đại đa số những người làm ruộng đều là những người sản xuất hàng hóa nhỏ. Cái vỏ của chủ nghĩa tư bản Nhà nước (độc quyền lúa mì, sự kiểm tra của Nhà nước đối với chủ xí nghiệp và thương nhân, hợp tác xã tư sản) đang bị *bọn đầu cơ* chọc thủng ở chỗ này ở chỗ kia, và đối tượng chủ yếu của sự đầu cơ là *lúa mì*.

Cuộc đấu tranh chủ yếu, diễn ra chính trong lĩnh vực đó. Nếu chúng ta nói đến những phạm trù kinh tế như « chủ nghĩa tư bản Nhà nước » thì cuộc đấu tranh ấy đang diễn ra giữa những ai? Có phải là đang diễn ra giữa thành phần thứ tư và thành phần thứ năm theo thứ tự mà tôi kể trên hay không? Đương nhiên là không. Ở đây, không phải chủ nghĩa tư bản Nhà nước đấu tranh với chủ nghĩa xã hội, mà là giai cấp tiểu tư sản cùng với chủ nghĩa tư bản tư nhân, sát cánh nhau, đấu tranh chống lại cả chủ nghĩa tư bản Nhà nước lẫn chủ nghĩa xã hội. Giai cấp tiểu tư sản chống lại bất cứ sự can thiệp nào của Nhà nước, chống lại mọi sự kiểm kê và kiểm soát dù là của chủ nghĩa tư bản Nhà nước hay của chủ nghĩa xã hội Nhà nước. Đó là một sự thật không thể chối cãi được, một sự thật

mà không hiểu nó thì gây ra nhiều sai lầm về kinh tế. Bọn đầu cơ, bọn gian thương, bọn phá hoại chế độ độc quyền — đó là kẻ thù « bên trong » chủ yếu của chúng ta, kẻ thù của các biện pháp kinh tế của chính quyền xô-viết. Nếu cách đây 125 năm, những người tiểu tư sản Pháp, những nhà cách mạng hăng hái nhất và chân thành nhất, muốn chiến thắng bọn đầu cơ bằng cách xử tử một vài tên « đầu sỏ » rồi tuyên cáo ầm ĩ, thì còn có thể tha thứ được, chứ hiện nay một người nào đó trong phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng cánh tả mà lại nói về vấn đề ấy với một thái độ thuần túy nói suông, thì chỉ làm cho tất cả những người cách mạng giác ngộ ghê tởm hoặc chán ghét mà thôi. Chúng ta biết rất rõ rằng cơ sở kinh tế của tệ đầu cơ là tầng lớp những người tư bản nhỏ đặc biệt rộng lớn ở khắp nước Nga và là chủ nghĩa tư bản tư nhân, mà đại biểu là *bất cứ* người tiểu tư sản nào. Chúng ta biết rằng hàng triệu vòi của con quái vật tiểu tư sản đang thâm nhập đây đó vào trong một số tầng lớp của giai cấp công nhân; rằng không phải độc quyền Nhà nước mà là nạn đầu cơ đang chui vào mọi chân lông của đời sống xã hội - kinh tế nước ta.

Kẻ nào không nhìn thấy điều đó thì chính do sự mù quáng của mình mà đã tỏ ra là đã bị tiêm nhiễm đầy những thành kiến tiểu tư sản...

Người tiểu tư sản đã dành được một món tiền vài nghìn rúp nhặt nhạnh được trong thời kỳ chiến tranh, bằng con đường « chính đáng » và đặc biệt là bằng con đường không chính đáng. Đó là hình loại kinh tế đặc thù, cơ sở của tệ đầu cơ và của chủ nghĩa tư bản tư nhân. Tiền là giấy chứng nhận để nhận của cải xã hội, và hàng triệu người tiểu tư hữu, bám chắc lấy giấy chứng nhận đó, giấu giấy đó với « Nhà nước », không tin bất cứ chủ nghĩa xã hội nào, bất cứ chủ nghĩa cộng sản nào, « kiên nhẫn chờ » cho qua cơn

bão táp vô sản. Hoặc là chúng ta bắt người tiểu tư sản ấy phải phục tùng sự kiểm soát và kiểm kê của chúng ta (chúng ta có thể làm được việc đó, nếu chúng ta tổ chức được quần chúng dân nghèo, tức là đa số nhân dân hoặc quần chúng nửa vô sản, xung quanh đội tiền phong vô sản giác ngộ), hoặc là người tiểu tư sản ấy sẽ lật đổ chính quyền công nhân của chúng ta một cách không tránh khỏi và tất nhiên chẳng khác gì những Na-pô-lê-ông và những Ca-vai-nhắc, tức là những kẻ cũng được sản sinh ra chính trên miếng đất chế độ tiểu tư hữu đó, đã lật đổ cách mạng hồi ấy. Vấn đề chỉ là như vậy thôi...

Người tiểu tư sản, bám lấy những giấy bạc một nghìn, là kẻ thù của chủ nghĩa tư bản Nhà nước; và họ tuyệt đối hy vọng dùng những giấy bạc ấy một cách có lợi cho bản thân họ, chống lại dân nghèo, chống lại bất cứ sự kiểm soát chung nào của Nhà nước. Và những giấy bạc một nghìn ấy mà đem cộng lại thì thành một cơ sở hàng ngàn triệu cho tệ đầu cơ đang phá hoại công cuộc kiến thiết xã hội chủ nghĩa của chúng ta. Giả sử một số công nhân, trong vài ngày, sáng tạo ra một số giá trị là 1.000. Lại giả dụ là trong số đó, có 200 bị mất đi vì tệ đầu cơ nhỏ, vì những vụ ăn cắp đủ mọi loại, và vì những thủ đoạn của bọn tư hữu nhỏ tìm cách « tránh » các sắc lệnh và các điều lệ xô-viết. Bất cứ người công nhân giác ngộ nào cũng sẽ nói: nếu tôi có thể bỏ ra 300 trong số 1.000 đó để đảm bảo có được một sự tổ chức tốt hơn và một trật tự tốt hơn, thì tôi sẽ vui lòng bỏ ra 300 chứ không phải chỉ có 200, vì một khi chỉnh đốn được trật tự và tổ chức, một khi triệt để dập tan được những cố gắng của bọn tiểu tư hữu nhằm phá hoại mọi độc quyền của Nhà nước thì dưới chính quyền xô-viết, chúng ta sẽ rất dễ hạ cái khoản « cống nạp » ấy, ví dụ xuống 100 hoặc 50.

Cái ví dụ bằng con số đơn giản ấy — mà tôi cố ý làm cho hết sức đơn giản để cho dễ hiểu — đã nói lên quan hệ hiện nay giữa chủ nghĩa tư bản Nhà nước và chủ nghĩa xã hội. Công nhân nắm chính quyền Nhà nước, về mặt pháp luật, họ có đầy đủ khả năng « lấy » toàn bộ 1.000 đó, nghĩa là không cho phép chi một đồng xu nào không phải vì chủ nghĩa xã hội. Khả năng pháp luật ấy, dựa vào việc thực tế chuyển chính quyền vào tay công nhân, là một yếu tố của chủ nghĩa xã hội.

Nhưng chế độ tiểu tư hữu và chủ nghĩa tư bản tư nhân tìm mọi cách phá hoại hoàn cảnh pháp luật ấy, ngấm ngầm đầu cơ, phá hoại việc chấp hành các sắc lệnh xô-viết. Chủ nghĩa tư bản Nhà nước sẽ là một bước tiến rất lớn *ngay cả khi* (tôi cố ý đưa ra cái ví dụ bằng con số ấy để cho sự chứng minh của tôi được rõ hơn) chúng ta phải trả một giá *đắt hơn* giá hiện nay, vì cũng đáng trả để « học hỏi », vì điều đó có ích cho công nhân, vì thắng được sự hỗn loạn, nạn phá hoại kinh tế và hiện tượng thờ ơ là quan trọng hơn hết, vì sự tiếp tục của tình trạng vô chính phủ của những người tiểu tư hữu, là mối nguy lớn nhất, nghiêm trọng, một mối nguy *nhất định* sẽ dẫn chúng ta đến chỗ bị diệt vong (nếu chúng ta không chiến thắng nó), còn trả một khoản cống nạp lớn hơn cho chủ nghĩa tư bản Nhà nước, thì điều ấy không làm hại gì chúng ta mà trái lại có thể đưa chúng ta đến chủ nghĩa xã hội bằng con đường chắc chắn nhất. Chừng nào mà giai cấp công nhân biết cách giữ gìn trật tự Nhà nước chống lại tình trạng vô chính phủ của chế độ tiểu tư hữu, chừng nào mà giai cấp công nhân biết cách tổ chức nền sản xuất lớn với quy mô toàn quốc, trên cơ sở chủ nghĩa tư bản Nhà nước, thì khi ấy giai cấp công nhân sẽ nắm được — xin lỗi về cách nói của tôi — tất cả những con chủ bài và sự củng cố chủ nghĩa xã hội sẽ được bảo đảm.

Về mặt *kinh tế*, chủ nghĩa tư bản Nhà nước là vô cùng cao hơn nền kinh tế hiện nay của nước ta. Đó là điểm thứ nhất.

Thứ hai là chủ nghĩa tư bản Nhà nước không chứa đựng cái gì mà chính quyền xô-viết phải sợ cả, vì Nhà nước xô-viết là một Nhà nước trong đó chính quyền của công nhân và dân nghèo đã được bảo đảm...

*
* *

Để cho vấn đề được sáng tỏ hơn nữa, trước hết chúng ta hãy nêu một ví dụ rất cụ thể về chủ nghĩa tư bản Nhà nước. Mọi người đều biết ví dụ ấy là ví dụ nào: đó là nước Đức. Ở đây, có « thành tựu mới nhất » trong kỹ thuật hiện đại của chủ nghĩa đại tư bản và trong việc tổ chức một cách có kế hoạch, *phục vụ cho chủ nghĩa đế quốc của tư sản và địa chủ quý tộc*. Nếu bỏ mấy chữ viết ngả đi và thay Nhà nước quân phiệt, Nhà nước địa chủ quý tộc, Nhà nước tư sản và đế quốc bằng một Nhà nước khác, một Nhà nước thuộc hình loại xã hội khác, có nội dung giai cấp khác, bằng Nhà nước xô-viết, tức là Nhà nước vô sản, thì chúng ta sẽ có toàn bộ những điều kiện mà chủ nghĩa xã hội đòi hỏi.

Không có kỹ thuật đại tư bản, xây dựng trên những thành tựu mới nhất của khoa học hiện đại, không có một tổ chức Nhà nước có kế hoạch khiến cho hàng chục triệu người phải tuân theo một cách chặt chẽ nhất một chỉ tiêu duy nhất trong sản xuất và phân phối sản phẩm, thì không thể nói đến chủ nghĩa xã hội được. Những người mác-xít chúng ta vẫn luôn luôn khẳng định như vậy; còn với những

người thậm chí không thể hiểu được điểm đó (bọn vô chính phủ và phần lớn phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng cánh tả) thì không đáng bàn luận với họ dù chỉ hai giây đồng hồ thôi.

Giai cấp vô sản không thống trị trong Nhà nước thì cũng không thể nói đến chủ nghĩa xã hội được; đó cũng là một điều thường thức. Và lịch sử (trừ bọn men-sê-vích là hạng người ngu ngốc bậc nhất ra, không ai chờ lịch sử cho ra đời một cách trơn tru, yên ổn, dễ dàng và đơn giản, một chủ nghĩa xã hội «hoàn chỉnh») đã tiến triển một cách đặc biệt khiến cho năm 1918 nó đã sản sinh ra hai nửa chủ nghĩa xã hội, tách rời và đứng cạnh nhau, giống như hai con gà con tương lai nằm trong một cái vỏ chung là chủ nghĩa đế quốc quốc tế. Đức và Nga, năm 1918, đã thể hiện một cách rõ ràng đặc biệt sự thực hiện vật chất một mặt là những điều kiện kinh tế, sản xuất và xã hội, mặt khác là những điều kiện chính trị của chủ nghĩa xã hội.

Một cuộc cách mạng vô sản thắng lợi ở Đức sẽ đập tan ngay một cách hết sức dễ dàng tất cả những cái vỏ của chủ nghĩa đế quốc (đáng tiếc là những cái vỏ ấy làm bằng thứ thép tốt nhất và do đó không phải sự cố gắng của bất cứ con gà nào cũng có thể phá vỡ nổi), và chắc chắn sẽ thực hiện thắng lợi của chủ nghĩa xã hội thế giới mà không gặp khó khăn hoặc gặp khó khăn không đáng kể, đương nhiên, «khó khăn» nói đây là khó khăn trên quy mô lịch sử toàn thế giới chứ không phải là khó khăn nhỏ nhặt tầm thường.

Chừng nào mà cách mạng còn chưa «nổ ra» ở Đức, thì nhiệm vụ của chúng ta là *học tập* chủ nghĩa tư bản Nhà nước của người Đức, là *dốc hết sức* ra mà hấp thụ

lấy nó, không ngại dùng những phương pháp độc tài để đẩy nhanh việc du nhập những cái Tây Âu vào nước Nga cổ dã man, mà không sợ dùng những thủ đoạn dã man để chống lại sự dã man. Nếu có những người vô chính phủ nào và những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng cánh tả nào (tôi chợt nhớ đến diễn văn của Ca-rê-lin và Ghê ở Ban Chấp hành trung ương) lại có thể lập luận theo kiểu Ca-rê-lin và cho rằng chúng ta, những người cách mạng, không cần phải « học tập » chủ nghĩa đế quốc Đức, thì chỉ cần đáp lại rằng: một cuộc cách mạng mà chấp nhận ý kiến của họ thì sẽ thất bại một cách không thể cứu vớt được (và thất bại như vậy là đáng).

Hiện nay ở Nga, chính chủ nghĩa tư bản tiểu tư sản chiếm ưu thế, từ chủ nghĩa tư bản tiểu tư sản đó mà tiến đến dù chủ nghĩa đại tư bản Nhà nước, hay tiến đến chủ nghĩa xã hội, thì cũng chỉ có *cùng một con đường*, chỉ qua *cùng một* bước trung gian là « sự kiểm kê và kiểm soát của toàn dân đối với sản xuất và phân phối sản phẩm ». Ai không hiểu điểm ấy, người đó sẽ mắc phải sai lầm không thể tha thứ được trên vấn đề kinh tế, hoặc là không biết những sự việc cụ thể, không nhìn thấy sự vật hiện có, không biết nhìn thẳng vào sự thật hoặc là chỉ biết đối lập một cách trừu tượng « chủ nghĩa tư bản » với « chủ nghĩa xã hội », chứ không nghiên cứu những hình thức cụ thể và các giai đoạn cụ thể của bước quá độ ấy trong lúc này ở nước ta.

Nhân tiện xin nói thêm rằng chính cũng sai lầm lý luận đó đã từng làm cho những nhân vật khá nhất trong phe *Đời mới* và *Tiến lên* lạc hướng: những người tồi và trung bình trong bọn họ, bị giai cấp tư sản dọa nạt, thì vì ngu ngốc và thiếu khí tiết mà theo đuôi giai cấp tư sản; còn

những nhân vật khá nhất thì không hiểu rằng các bậc thầy của chủ nghĩa xã hội đã chẳng phải phí công nói đến cả một thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản đến chủ nghĩa xã hội, và các ông đã nhấn mạnh — không phải là vô ích — « nỗi đau đớn lâu dài khi sinh đẻ » một xã hội mới; rồi xã hội mới này cũng lại là một sự trừu tượng và chỉ có thể được thiết lập trong đời sống, sau nhiều sự thí nghiệm cụ thể, khác nhau và không hoàn bị, nhằm sáng tạo một Nhà nước xã hội chủ nghĩa thế này hay thế khác.

Chính vì xuất phát từ tình hình kinh tế hiện nay của nước Nga, thì không thể tiến lên được nếu không trải qua *một cái gì chung* cho chủ nghĩa tư bản Nhà nước và chủ nghĩa xã hội (kiểm kê và kiểm soát của toàn dân), nên việc dọa người và dọa mình bằng câu nói « tiến triển về phía chủ nghĩa tư bản Nhà nước » là hoàn toàn vô nghĩa về lý luận. Như thế thật rất đúng là để cho tư tưởng của mình « tách khỏi » con đường thực sự của sự « tiến triển », là không hiểu gì về con đường đó? Mà trong thực tiễn, như vậy có nghĩa là kéo chúng ta *thụt lùi* về chủ nghĩa tư bản dựa trên cơ sở chế độ tiểu tư hữu.

Muốn cho độc giả thấy thật rõ rằng không phải là chỉ bây giờ tôi mới đánh giá « cao » chủ nghĩa tư bản Nhà nước như thế, mà ngay *trước khi* những người bôn-sê-vích nắm được chính quyền, tôi cũng đã đánh giá như vậy, tôi xin phép trích dẫn một đoạn trong cuốn sách nhỏ của tôi: *Tai họa sắp đến và những phương pháp ngăn ngừa tai họa,* viết vào hồi tháng Chín 1917:

« Hãy thử đem thay Nhà nước của tư bản và địa chủ quý tộc, Nhà nước của tư bản và địa chủ bằng Nhà nước *dân chủ cách mạng,* nghĩa là bằng một Nhà nước dùng biện pháp cách mạng để tiêu diệt *tất cả* những đặc quyền,

dù những đặc quyền ấy như thế nào đi nữa, một Nhà nước không sợ dùng biện pháp cách mạng để thực hiện một chế độ dân chủ đầy đủ nhất. Các bạn sẽ thấy rằng trong một nước dân chủ cách mạng thực sự, chủ nghĩa tư bản độc quyền Nhà nước tất nhiên và nhất định phải có nghĩa là một bước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

... « Vì chủ nghĩa xã hội không phải là cái gì khác hơn là một giai đoạn tiếp liền ngay sau chế độ độc quyền tư bản Nhà nước... ».

... « Chủ nghĩa tư bản độc quyền Nhà nước là một sự chuẩn bị đầy đủ nhất của chủ nghĩa xã hội là ngưỡng cửa bước vào chủ nghĩa xã hội, là một giai đoạn của lịch sử, mà giữa giai đoạn đó với chủ nghĩa xã hội thì không có một giai đoạn trung gian nào nữa ».

Xin chú ý đây là viết vào thời kỳ Kê-ren-sky cầm quyền, đây *không phải* là nói đến chuyên chính vô sản, không phải là nói đến Nhà nước xã hội chủ nghĩa, mà là nói đến Nhà nước « dân chủ cách mạng ». Há chẳng phải rõ ràng là *chúng ta càng ở trên* trình độ chính trị ấy, *chúng ta càng hoàn toàn* làm cho các xô-viết thể hiện được Nhà nước xã hội chủ nghĩa và chuyên chính vô sản, thì chúng ta *càng ít* phải sợ « chủ nghĩa tư bản Nhà nước » đó sao? Há chẳng phải rõ ràng là đứng về mặt *vật chất*, kinh tế, sản xuất mà xét, chúng ta còn chưa vào « phòng đợi » chủ nghĩa xã hội đó sao? Và há chẳng phải rõ ràng là nếu không đi qua cái « phòng đợi » mà chúng ta chưa đi đến được ấy thì chúng ta không thể tiến lên chủ nghĩa xã hội được, đó sao?

12 tháng Tư 1921

V. I. Lê-nin, *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, t. 32, tr. 427 - 436.

BÀN VỀ
KẾ HOẠCH KINH TẾ THỐNG NHẤT

Các bài báo và các ý kiến bàn về vấn đề này gây cho người ta một ấn tượng nặng nề. Các đồng chí hãy xem các bài của L. Cơ-ri-txơ-man đăng trên tờ *Đời sống kinh tế* (Bài I đăng ngày 14 tháng Chạp 1920; bài II — 23 tháng Chạp; bài III — 9 tháng Hai; bài IV — 16 tháng Hai; bài V — 20 tháng Hai). Đó là những câu hết sức rỗng tuếch. Đó là những bài viết của nhà văn. Đó là thái độ không muốn đếm xỉa đến những kết quả thực tế đã đạt được về mặt đó, và không muốn nghiên cứu những kết quả đó. Đáng lẽ phải nghiên cứu các tài liệu và các sự việc thì lại toàn là những câu lý luận — kéo dài trong năm bài! — bàn về cách thức nghiên cứu như thế nào.

Ta hãy xem các luận cương của Mi-li-u-tin (*Đời sống kinh tế*, ngày 19 tháng Hai) và của La-rin (*Đời sống kinh tế*, ngày 20 tháng Hai), hãy nghe những lời phát biểu của những đồng chí «có trách nhiệm». Cũng lại có những thiếu sót căn bản như của Cơ-ri-txơ-man. Đó là một thứ triết học kinh viện hết sức chán ngấy, đến nỗi trở thành việc nói huyên thuyên về quy luật liên hệ dây chuyền v.v.,

một thứ triết học kinh viện lúc thì mang tính chất văn học, lúc thì mang tính chất quan liêu, còn công việc thực tế thì lại không thấy đâu.

Tệ hơn thế nữa. Lại còn có thái độ kiêu ngạo quan liêu chủ nghĩa không thèm chú ý tới những công việc thực tế đã làm được và cần được tiếp tục làm. Ba lần bảy lượt vẫn cứ « vạch ra các luận cương » một cách hết sức rỗng tuếch, hoặc nặn ra những khẩu hiệu và dự án, mà không chú ý tìm hiểu tỉ mỉ về kinh nghiệm thực tế của bản thân chúng ta.

Về vấn đề kế hoạch kinh tế thống nhất thì công tác đáng kể duy nhất là « Kế hoạch điện khí hóa nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga », báo cáo của « Gô-en-rô » (Ủy ban Nhà nước về điện khí hóa nước Nga) đọc tại Đại hội VIII của các Xô-viết, đã được xuất bản hồi tháng Chạp 1920 và đã được phân phát tại Đại hội VIII của các Xô-viết. Cuốn sách này trình bày kế hoạch kinh tế thống nhất do các lực lượng bác học ưu tú của nước Cộng hòa chúng ta vạch ra — tất nhiên là mới chỉ vạch ra một cách đại khái — theo sự ủy nhiệm của các cơ quan tối cao của nước Cộng hòa. Và trong việc tiến hành đấu tranh với bệnh tự phụ ngu dốt của các ông quan, với bệnh tự phụ trí thức của các ông cộng sản viết văn, chúng ta phải bắt đầu từ một việc hết sức nhỏ, đó là việc kể qua lịch sử cuốn sách đó, nội dung của nó, ý nghĩa của nó.

Từ 2 đến 7 tháng Hai 1920, tức là cách đây hơn một năm, có cuộc hội nghị của Ban Chấp hành trung ương toàn Nga, hội nghị đó đã thông qua nghị quyết về việc điện khí hóa. Trong nghị quyết đó, có viết:

... « Song song với các nhiệm vụ bức thiết nhất, khẩn cấp nhất không thể trì hoãn được, quan trọng bậc nhất, về xây dựng ngành vận tải, khắc phục tình trạng khủng hoảng nhiên liệu và lương thực, tiêu diệt

các bệnh dịch, trong việc tổ chức các đội quân lao động có kỷ luật, — lần đầu tiên nước Nga xô-viết có điều kiện bắt tay vào công cuộc xây dựng kinh tế một cách có kế hoạch hơn, vạch ra một cách khoa học kế hoạch Nhà nước cho toàn bộ nền kinh tế quốc dân và thực hiện kế hoạch đó một cách triệt để. Nhận thấy việc điện khí hóa có một ý nghĩa hàng đầu... đánh giá được ý nghĩa quan trọng của việc điện khí hóa đối với công nghiệp, nông nghiệp, vận tải... v.v. và v.v.. Ban Chấp hành trung ương toàn Nga quyết định: Ủy nhiệm cho Hội đồng kinh tế quốc dân tối cao cùng với Bộ dân ủy Nông nghiệp thảo ra bản dự án xây dựng một mạng lưới các trạm phát điện... ».

Có lẽ, như thế là rõ ràng rồi đấy chứ? « Vạch ra một cách khoa học kế hoạch Nhà nước cho toàn bộ nền kinh tế quốc dân », — phải chăng không thể hiểu được những chữ đó, không thể hiểu được nghị quyết đó của chính quyền tối cao của chúng ta? Nếu có những người viết văn nào và những ông quan nào khoác lác về tinh thần cộng sản của mình với các « chuyên gia », mà lại không hiểu nghị quyết đó, thì chỉ còn một cách là nhắc họ rằng: không biết những pháp luật của chính chúng ta, điều đó không phải là một lý do.

Để thực hiện nghị quyết của Ban Chấp hành trung ương toàn Nga, ngày 21 tháng Hai 1920, chủ tịch đoàn Hội đồng kinh tế quốc dân tối cao đã phê chuẩn việc thành lập Ủy ban điện khí hóa trực thuộc Bộ công nghiệp điện khí, và sau đó Hội đồng quốc phòng đã phê chuẩn điều lệ của « Gô-en-rô » và Hội đồng kinh tế quốc dân tối cao có nhiệm vụ liên hệ với Bộ dân ủy Nông nghiệp để định rõ và chuẩn y thành phần của « Gô-en-rô ». Ngày 24 tháng Tư 1920 « Gô-en-rô » đã ra *Bản tin* số 1 của mình, trong đó có nêu ra một chương trình công tác hết sức chi tiết, một bản danh sách các cá nhân phụ trách, các nhà bác học, kỹ sư, kỹ sư nông học, các nhà công tác thống kê, họ được bố vào các tiểu ban, đảm nhiệm công tác lãnh đạo từng vùng,

nhận các nhiệm vụ đã được qui định chính xác. Chỉ nguyên bản thống kê các công tác đó và những cá nhân đảm nhiệm các công tác đó, cũng đã chiếm hết 10 trang in trong *Bản tin* số 1. Tất cả các lực lượng ưu tú của Hội đồng kinh tế quốc dân tối cao và của Bộ dân ủy Nông nghiệp cũng như của Bộ dân ủy Giao thông vận tải đều được lôi cuốn tham gia công tác.

Kết quả công tác của « Gô-en-rô » là tác phẩm khoa học phong phú — và hoàn hảo — như đã kể trên. Hơn 180 chuyên gia đã cộng tác viết tác phẩm đó. Những tác phẩm họ nộp cho « Gô-en-rô » gồm có hơn 200 loại. Thứ nhất, chúng ta có được bản thống kê các công việc đó (phần thứ nhất của cuốn sách kể trên, gồm hơn 200 trang): a) điện khí hóa và kế hoạch kinh tế Nhà nước; sau đó b) việc cung cấp nhiên liệu (kèm theo bản « dự toán nhiên liệu » tỉ mỉ của nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga *trong phạm vi 10 năm sắp tới*, có tính cả số công nhân cần thiết); c) năng lượng nước; d) nông nghiệp; đ) vận tải và e) công nghiệp.

Kế hoạch được dự tính thực hiện trong khoảng 10 năm, có chỉ rõ số lượng công nhân và số công suất (tính theo nghìn mã lực). Dĩ nhiên, đây chỉ là một kế hoạch áng chừng, sơ bộ, sơ sài, với những điểm sai sót, một kế hoạch « hết sức phỏng chừng », nhưng là một kế hoạch có tính chất khoa học thật sự. Chúng ta đã có những con số tính toán chính xác về tất cả các vấn đề chủ yếu do các chuyên gia tính. Chúng ta đã có những con số tính toán do họ làm về tất cả các ngành công nghiệp. Chúng ta đã có — một thí dụ nhỏ — bản dự tính khối lượng sản xuất về da, về giày, hai đôi cho mỗi người (300 triệu đôi) v.v.. Kết quả là chúng ta đã có bản cân đối về vật tư và tài chính (tính

theo đồng rúp vàng) của việc điện khí hóa (khoảng 370 triệu ngày công, số lượng xi-măng, gạch, sắt, đồng v.v., số công suất của các tuyếc-bin phát điện v.v.). Bản cân đối được dự tính tăng (« theo sự đánh giá rất sơ sài ») công nghiệp chế biến trong 10 năm lên 80%, còn công nghiệp khai thác lên 80 — 100%. Số vàng chênh lệch trong bản cân đối (+ 11 tỷ — 17 tỷ, tổng cộng số thiếu là gần 6 tỷ) « sẽ được bù bằng tô nhượng và các khoản tín dụng ».

Trong kế hoạch có chỉ rõ địa điểm của 20 trạm nhiệt điện và 10 trạm thủy điện khu vực thuộc đợt thứ nhất, có nói tỉ mỉ về ý nghĩa kinh tế của từng trạm phát điện.

Sau bảng thống kê chung, cũng trong cuốn sách đó, ở các trang được đánh số riêng, chúng ta có những bài nói về từng khu vực: khu vực miền Bắc, khu vực trung tâm — công nghiệp (hai bài này đặc biệt hay, chính xác, chi tiết, có căn cứ vào tài liệu khoa học hết sức phong phú), khu vực miền Nam, miền Vôn-ga, U-ran, Cáp-ca-dơ (Cáp-ca-dơ được xét về toàn bộ, dự tính là sẽ có sự liên hiệp kinh tế giữa các nước cộng hòa khác nhau ở khu vực đó), Tây Xi-bi-ri và Tuốc-ke-stan. Về từng khu vực, chúng ta không những đã có con số tính toán về các trạm phát điện thuộc đợt đầu; sau nữa chúng ta còn có cái gọi là « Chương trình A của Gô-en-rô », tức là kế hoạch sử dụng một cách hết sức hợp lý và tiết kiệm các trạm phát điện *hiện có*. Một thí dụ nhỏ nữa: về khu vực miền Bắc (khu vực Pê-tơ-rô-gơ-rát), người ta tính rằng, nếu thống nhất các trạm Pê-tơ-rô-gơ-rát lại thì sẽ có thể tiết kiệm được như sau. Độ một nửa số điện lực (tr. 69 trong bản báo cáo về khu vực miền Bắc) có thể truyền tới các nơi thả bè gỗ ở miền Bắc, truyền tới Muốc-man-scơ, tới Ác-khan-ghen-scơ v.v.. Trong những điều kiện như vậy mà đẩy

mạnh việc khai thác gỗ và việc chở số gỗ đó ra nước ngoài, thì có thể đem lại *« đến nửa tỷ đồng rúp mỗi năm trong thời gian gần đây »*.

« Trong những năm sắp tới, số tiền bán gỗ miền Bắc hàng năm có thể sẽ lên bằng số vàng dự trữ của chúng ta » (*như trên*, tr. 70), dĩ nhiên với điều kiện là nếu chúng ta biết chuyển từ việc bàn kế hoạch sang việc nghiên cứu và thực tế *thi hành* kế hoạch do các nhà bác học vạch ra!

Phải nói thêm rằng, về một số vấn đề (dĩ nhiên hoàn toàn không phải là về tất cả mọi vấn đề) chúng ta đã bắt đầu có kế hoạch hàng năm, tức là không những chỉ có kế hoạch nói chung, mà còn dự tính được xem mỗi năm — từ 1921 đến 1930 — có thể cho chạy được bao nhiêu trạm và có thể mở rộng ra được bao nhiêu trạm hiện có (vẫn trong điều kiện kể trên, vẫn trong điều kiện không dễ dàng thực hiện được với cái tác phong trí thức — văn nhân và quan lại — quan liêu chủ nghĩa của chúng ta).

Để đánh giá hết sự vĩ đại và tất cả giá trị của công việc mà « Gô-en-rô » đã làm, chúng ta hãy nhìn qua tình hình nước Đức. Ở đây, một mình nhà bác học Ban-lốt đã làm một công việc tương tự. Ông ta vạch ra một kế hoạch khoa học nhằm cải tạo toàn bộ nền kinh tế quốc dân của Đức theo hướng xã hội chủ nghĩa. Ở nước Đức tư bản chủ nghĩa, kế hoạch đó là hão huyền, nó là công tác của văn nhân tản suông, là công tác của một cá nhân đơn độc. Chúng ta đã đề ra nhiệm vụ của Nhà nước, đã huy động hàng trăm chuyên gia và trong 10 tháng (dĩ nhiên không phải trong 2 tháng như chúng ta dự định lúc đầu) chúng ta đã có một kế hoạch kinh tế thống nhất, được vạch ra một cách khoa học. Chúng ta có quyền tự hào với tác phẩm

đó; chỉ cần phải *hiểu* nên sử dụng tác phẩm đó *như thế nào,* và hiện nay chúng ta đang phải đấu tranh với chính cái hiện tượng không hiểu *đó.*

Trong bản nghị quyết của Đại hội VIII của các Xô-viết có nói: ... « Đại hội... *tán thành công tác của Hội đồng kinh tế quốc dân tối cao* v.v., và đặc biệt của « Gô-en-rô » *trong việc thảo ra kế hoạch điện khí hóa nước Nga...,* coi kế hoạch này *là bước đầu trong việc khởi đầu sự nghiệp kinh tế vĩ đại,* ủy nhiệm cho Ban Chấp hành trung ương toàn Nga, v.v., *hoàn thành việc thảo ra và phê chuẩn kế hoạch đó,* và phải hoàn thành trong một thời gian thật ngắn... Đại hội ủy nhiệm phải áp dụng tất cả các biện pháp nhằm *tuyên truyền thật rộng rãi* cho kế hoạch đó... Việc học tập kế hoạch đó phải được tiến hành trong *tất cả các trường học của nước Cộng hòa* » v.v..

Không có cái gì nói lên được một cách hết sức rõ ràng về sự tồn tại của những cái nhọt, cả những cái nhọt quan liêu, cả những cái nhọt trí thức, ở trong bộ máy của chúng ta, đặc biệt là ở trong bộ máy cao cấp, hơn là thái độ đối với bản nghị quyết đó ở Mạc-tư-khoa, hơn là những ý định muốn « giải thích » nghị quyết đó một cách sai lệch, thậm chí không nói đến nghị quyết đó nữa. Các nhà viết văn không tuyên truyền kế hoạch đã được vạch ra, mà lại viết những luận cương và những bàn luận rỗng tuếch về việc vạch kế hoạch như thế nào! Các ông quan cứ nhấn mạnh một cách thuần túy quan liêu về sự cần thiết phải « phê chuẩn » kế hoạch, đồng thời họ không hiểu « phê chuẩn » là việc đề ra các nhiệm vụ cụ thể (xây dựng cái gì và khi nào, mua của nước ngoài cái gì, v.v.), mà lại hiểu đó là một cái gì rối loạn, chẳng hạn nói cần phải thảo ra một kế hoạch *mới*! Tình trạng không hiểu thật là quái gở;

có những câu phát biểu như: trước khi xây dựng cái mới thì trước hết hãy cứ khôi phục được một phần cái cũ đã; điện khí hóa giống như điện khí hão; tại sao không phổ thông hóa việc sử dụng hơi đốt; trong « Gô-en-rô » có các chuyên gia tư sản, ít đảng viên cộng sản; « Gô-en-rô » sẽ cung cấp các cán bộ chuyên gia thành thạo, chứ không phải là một ủy ban kế hoạch chung v.v..

Chính các ý kiến lung tung đó là nguy hiểm, vì nó chứng tỏ rằng họ không biết làm việc, chứng tỏ là tình trạng tự phụ trí thức và quan liêu lại nhiều hơn công tác thực sự. Những cái cười nhạo về tính chất viển vông của kế hoạch, các vấn đề về việc sử dụng hơi đốt một cách phổ biến v.v. đã nói lên sự tự phụ của đám người ngu dốt. Sửa đổi một cách hồ đồ công tác của hàng trăm chuyên gia ưu tú, lẩn trốn vấn đề bằng những câu nói đùa thô lỗ, huênh hoang với cái quyền « không phê chuẩn » của mình — phải chăng đó không phải là điều nhục nhã?

Phải biết quý trọng khoa học, gạt bỏ thái độ huênh hoang « cộng sản » của những nhà khoa học tài tử và của những anh chàng quan liêu, phải học tập làm việc một cách có hệ thống, sử dụng chính ngay kinh nghiệm của mình và thực tiễn của mình!

Dĩ nhiên, « kế hoạch » vốn là cái có thể bàn bạc và tranh luận không bao giờ hết. Nhưng không thể tán gẫu và bàn cãi chung chung về « những nguyên tắc » (xây dựng kế hoạch), khi đã đến lúc cần phải bắt tay nghiên cứu kế hoạch khoa học duy nhất đã có, và sửa đổi nó dựa trên cơ sở bài học kinh nghiệm *thực tiễn*, trên cơ sở nghiên cứu chi tiết hơn nữa. Tất nhiên, quyền « phê chuẩn » và « không phê chuẩn » bao giờ cũng thuộc về một hoặc một số ông quan nào đó. Nếu hiểu đúng cái quyền đó và nếu giải thích đúng

những nghị quyết của Đại hội VIII về việc phê chuẩn kế hoạch đã được Đại hội tán thành và đề nghị đem tuyên truyền hết sức rộng rãi, thì phải hiểu phê chuẩn có nghĩa là đề ra một loạt đơn đặt hàng và mệnh lệnh: mua cái gì, khi nào, ở đâu; bắt đầu xây dựng cái gì, thu thập và chuyên chở các vật liệu gì v.v.. Nếu giải thích theo kiểu quan liêu, thì «phê chuẩn» có nghĩa là sự độc đoán của các ông quan, là tình trạng quan liêu giấy tờ, là trò chơi các ban kiểm tra, tóm lại, là thái độ quan liêu thuần túy để thủ tiêu công việc thực tế.

Chúng ta hãy nhìn thêm một khía cạnh khác của sự việc. Đặc biệt cần phải gắn liền kế hoạch khoa học về điện khí hóa với các kế hoạch thực tiễn hiện nay và với việc thật sự thực hiện những kế hoạch đó. Đương nhiên đó là điều hoàn toàn không thể chối cãi được. Còn gắn liền bằng cách nào? Để hiểu được điều đó thì phải làm thế nào để các nhà kinh tế, các nhà văn, các nhà công tác thống kê không ba hoa về kế hoạch chung chung, mà nghiên cứu một cách chi tiết việc thực hiện các kế hoạch của chúng ta, nghiên cứu các sai lầm của chúng ta trong công tác thực tế đó và nghiên cứu phương pháp khắc phục những sai lầm đó. Không có sự nghiên cứu như thế thì chúng ta sẽ thành những người mù. Với sự nghiên cứu như thế, bên cạnh việc nghiên cứu như thế, trong điều kiện có sự nghiên cứu kinh nghiệm thực tiễn, — thì vấn đề kỹ thuật hành chính còn lại là một vấn đề hoàn toàn không đáng kể. Chúng ta có vô số các ủy ban kế hoạch. Để thống nhất lại, hãy lấy hai tiểu ban trong ngành trực thuộc ông I-van I-va-nư-tsơ, lấy một tiểu ban trong ngành trực thuộc ông Pan-pa-lư-tsơ, hoặc là ngược lại. Thống nhất những tiểu ban đó với tiểu ban của Ủy ban kế hoạch chung. Rõ ràng đây chính là kỹ thuật hành chính chứ không phải

là cái gì khác cả. Thử phương pháp này rồi đến phương pháp kia, chọn lấy cái tốt nhất — điều này mà cứ bàn đến mãi thì thật là buồn cười.

Thực chất của vấn đề là ở chỗ chúng ta không biết cách đặt vấn đề và chúng ta lấy những kế hoạch viển vông kiểu trí thức và quan liêu chủ nghĩa để thay cho công tác thực tế. Trước kia và hiện nay chúng ta vẫn có các kế hoạch về lương thực và nhiên liệu. Cả trong kế hoạch lương thực lẫn trong kế hoạch nhiên liệu, rõ ràng là chúng ta đã phạm sai lầm. Về điểm này không thể có hai ý kiến được. Nhà kinh tế thực sự cầu thị sẽ không viết những đề cương không có ý nghĩa gì cả, mà sẽ nghiên cứu các sự kiện, các con số, các tài liệu, phân tích kinh nghiệm thực tế của chính chúng ta và sẽ bảo: sai lầm ở chỗ này, cần phải sửa nó như thế này. Người cán bộ hành chính thực sự cầu thị, dựa vào việc nghiên cứu như vậy, sẽ đề nghị hoặc tự mình tiến hành việc thuyên chuyển cán bộ, thay đổi chế độ báo cáo, cải tổ bộ máy v.v.. Ở chúng ta vẫn chưa thấy có một thái độ thiết thực và thực sự cầu thị nào đối với kế hoạch kinh tế thống nhất cả.

Cái nhọt chính là ở chỗ người ta đặt sai vấn đề thái độ của người đảng viên cộng sản đối với các chuyên gia, của cán bộ hành chính đối với các nhà bác học và các nhà viết văn. Trong vấn đề kế hoạch kinh tế thống nhất, cũng như trong bất cứ vấn đề nào khác, có những khía cạnh — và bao giờ cũng có thể xuất hiện những khía cạnh mới như thế — đòi hỏi chỉ có người đảng viên cộng sản mới giải quyết được hoặc đòi hỏi chỉ có biện pháp hành chính mới giải quyết được. Đó là điều không thể chối cãi được. Nhưng đó là nói một cách hoàn toàn trừu tượng. Mà hiện nay những người giải quyết vấn đề đó một cách sai lầm lại chính là những người cộng sản viết văn và những người cộng sản làm công tác hành chính, họ không hiểu được

rằng ở đây phải học nhiều hơn nữa ở những người chuyên gia và bác học tư sản, và phải bớt chơi trò hành chính. Không và không thể có một kế hoạch kinh tế thống nhất nào khác ngoài kế hoạch mà « Gô-en-rô » đã vạch ra. Kế hoạch đó cần được bổ sung, phát triển hơn nữa, sửa đổi và thực hiện trên cơ sở kinh nghiệm thực tế đã được nghiên cứu tỉ mỉ. Như đã nói trong cương lĩnh Đảng, ý kiến ngược lại sẽ chỉ là một sự « tự phụ có vẻ cấp tiến nhưng thật ra lại là ngu dốt ». Một kiểu tự phụ không kém ngu dốt nữa, đó là ý kiến cho rằng ở nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga, ngoài « Gô-en-rô » ra, có thể có một Ủy ban kế hoạch chung khác, tất nhiên như vậy là ý kiến đó không phủ nhận là có thể có ích nếu sửa đổi phần nào và một cách thiết thực thành phần của Ủy ban đó. Chỉ có dựa vào cơ sở đó, chỉ có tiếp tục làm cái đã được bắt đầu làm, thì mới có thể làm được một cái gì đáng kể trong việc hoàn thiện kế hoạch chung của nền kinh tế quốc dân, nếu không thì đó sẽ chỉ là một trò chơi hành chính hay, nói đơn giản hơn, là một sự độc đoán. Nhiệm vụ của những người đảng viên cộng sản trong « Gô-en-rô » là bớt chỉ huy, hay nói đúng hơn là hoàn toàn không chỉ huy, mà đối xử với các chuyên gia khoa học và kỹ thuật (« nhất định đa số họ đã bị tiêm nhiễm thế giới quan và các tác phong tư sản », như đã nói trong cương lĩnh của Đảng cộng sản Nga) một cách hết sức thận trọng và khéo léo, đồng thời học hỏi ở họ và giúp họ mở rộng tầm hiểu biết của họ, xuất phát từ những thành quả và từ các tài liệu của ngành khoa học tương đương, đồng thời phải nhớ rằng người kỹ sư sẽ *thông qua tài liệu khoa học của họ* mà thừa nhận chủ nghĩa cộng sản, *chứ không phải như* một cán bộ tuyên truyền bí mật hay một nhà viết văn; rằng người kỹ sư canh nông, kỹ sư lâm nghiệp, v.v. sẽ thừa nhận chủ nghĩa cộng sản *theo con đường của họ.*

Người đảng viên cộng sản nào không tỏ rõ được khả năng của mình là biết đoàn kết và khiêm tốn hướng dẫn công tác của chuyên gia, đồng thời đi sâu vào thực chất của sự việc, nghiên cứu sự việc một cách chi tiết, thì người đảng viên cộng sản đó thường thường có hại. Chúng ta có nhiều đảng viên cộng sản như vậy, và tôi có thể đổi hàng tá những người đó lấy một chuyên gia tư sản thành thạo và tích cực nghiên cứu công việc của mình.

Các đảng viên cộng sản không ở trong « Gô-en-rô », có thể giúp đỡ xây dựng và thực hiện kế hoạch kinh tế thống nhất bằng hai cách. Nếu họ là những nhà kinh tế, những nhà thống kê, những nhà viết văn, thì trước hết họ phải nghiên cứu kinh nghiệm thực tế của bản thân chúng ta và chỉ có trên cơ sở nghiên cứu chi tiết các sự thật cần thiết thì mới góp ý sửa chữa sai lầm, cải tiến công tác được. Nghiên cứu là công việc của nhà bác học, và vì từ lâu chúng ta không bàn đến các nguyên tắc chung nữa, mà đã bàn về chính kinh nghiệm thực tế, cho nên, về mặt này, với chúng ta thì người chuyên gia tuy là tư sản, nhưng là người « chuyên gia khoa học và kỹ thuật » thạo công việc của mình, nên vẫn quý hơn mười lần so với người đảng viên cộng sản huênh hoang, ngày hay đêm, bất cứ lúc nào cũng chỉ sẵn sàng viết các « đề cương », đề ra các « khẩu hiệu », đề ra các điều hoàn toàn trừu tượng. Hãy biết nhiều sự thật hơn nữa, hãy bớt những lời tranh luận về tính nguyên tắc cộng sản chủ nghĩa giả mạo đi.

Mặt khác, nếu đảng viên cộng sản là cán bộ hành chính thì nhiệm vụ thứ nhất của người đó là tránh mải mê với tác phong mệnh lệnh, trước hết phải biết chú ý tới những điều mà khoa học đã vạch ra, trước hết phải hỏi xem những sự thật đã được kiểm tra chưa, trước hết phải nghiên cứu (trong các báo cáo, trên báo chí, ở các buổi họp v.v.) xem

chính chúng ta đã phạm sai lầm ở đâu, và chỉ có dựa vào đó mới sửa chữa, uốn nắn được cái đang làm. Hãy bỏ bớt cái lối của ông Tít Ti-tư-tsơ (« tôi có thể phê chuẩn, có thể không phê chuẩn »), hãy nghiên cứu những sai lầm thực tế của chúng ta nhiều hơn nữa.

Từ lâu người ta đã nhận thấy rằng thường thường các thiếu sót của con người gắn liền với ưu điểm của họ. Những thiếu sót của nhiều đảng viên cộng sản làm công tác lãnh đạo là như vậy. Trong hàng chục năm, chúng ta đã làm nên sự nghiệp vĩ đại, đã kêu gọi lật đổ giai cấp tư sản, đã giáo dục lòng không tin tưởng vào các chuyên gia tư sản, đã vạch trần bộ mặt của họ, đã tước chính quyền của họ, đã trấn áp sự kháng cự của họ. Đó là một việc vĩ đại có ý nghĩa lịch sử toàn thế giới. Nhưng chỉ cần khuếch đại lên một chút, cũng đủ khiến cho một chân lý được chứng thực, đó là: từ cái vĩ đại đến cái lố bịch chỉ cách nhau có một bước thôi. Chúng ta đã thuyết phục được nước Nga, chúng ta đã giành được nước Nga từ tay bọn bóc lột đem trao cho nhân dân lao động, chúng ta đã trấn áp được bọn bóc lột, thì chúng ta phải học tập quản lý nước Nga. Muốn vậy phải biết khiêm tốn và tôn trọng công tác thực tế của « các chuyên gia khoa học và kỹ thuật », muốn vậy phải biết phân tích một cách thiết thực và kỹ lưỡng vô số các sai lầm *thực tế* của chúng ta, và sửa chữa các sai lầm đó một cách dần dần, nhưng triệt để. Hãy bỏ bớt tính tự phụ kiểu trí thức và quan liêu chủ nghĩa đi, hãy nghiên cứu nhiều hơn nữa những cái mà kinh nghiệm thực tế của chúng ta ở trung ương cũng như ở địa phương đem lại, và cái mà khoa học đã đem lại cho chúng ta.

V. I. Lê-nin, *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, t. 32, tr. 172 - 183.

Trích bài:

ĐỂ KỶ NIỆM LẦN THỨ TƯ CUỘC CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI

Một nhiệm vụ cuối cùng, quan trọng nhất và khó khăn nhất, và được hoàn thành ít nhất, là công cuộc xây dựng kinh tế, là việc đặt nền móng kinh tế cho tòa nhà mới, tòa nhà xã hội chủ nghĩa, để thay thế cho tòa nhà phong kiến đã bị phá hủy, và cho tòa nhà tư bản chủ nghĩa đã bị phá hủy một nửa. Chính ở chỗ này, ở chỗ làm nhiệm vụ này, một nhiệm vụ quan trọng nhất và khó khăn nhất này, mà chúng ta đã gặp nhiều thất bại nhất và mắc nhiều sai lầm nhất. Bắt tay vào một sự nghiệp quan trọng như thế, một sự nghiệp chưa hề có trên thế giới thì làm sao mà không thất bại, không sai lầm được! Nhưng chúng ta đã bắt tay vào sự nghiệp đó. Chúng ta đang theo đuổi sự nghiệp đó. Chính ngày nay, bằng « Chính sách kinh tế mới » của chúng ta, chúng ta đang sửa chữa cả một chuỗi những sai lầm của chúng ta, chúng ta đang học tập xem nên tiếp tục công cuộc xây dựng cái tòa nhà xã hội chủ nghĩa, trong một nước tiểu nông như thế nào mà không phạm những sai lầm ấy nữa.

Khó khăn lớn vô cùng. Chúng ta đã quen khắc phục những khó khăn to lớn phi thường. Không phải vô cớ mà kẻ thù của chúng ta bảo chúng ta là « rắn như đá » và gọi chúng ta là đại biểu của một « chính sách đánh sụn cả xương ». Nhưng chúng ta cũng đã học được — ít nhất cũng đến một chừng mực nào đó — một nghệ thuật khác cần thiết trong cách mạng: đó là nghệ thuật mềm dẻo, biết tùy cơ ứng biến, biết căn cứ vào những điều kiện khách quan đã thay đổi mà nhanh chóng và đột nhiên thay đổi sách lược, chọn một con đường khác để đi tới đích của chúng ta, nếu con đường cũ, trong một thời gian nhất định nào đó, xem ra không thích hợp nữa, không đi theo được nữa.

Được cao trào nhiệt tình lôi cuốn, chúng ta, những người đã từng thức tỉnh nhiệt tình của nhân dân, — trước hết là về mặt chính trị, rồi sau về mặt quân sự, — chúng ta đã tính là có thể dựa vào nhiệt tình đó mà trực tiếp thực hiện những nhiệm vụ kinh tế cũng to tát như những nhiệm vụ chính trị chung, như những nhiệm vụ quân sự. Chúng ta đã tính — hay có lẽ nói như thế này đúng hơn: chúng ta chưa tính toán đầy đủ mà đã tưởng là — có thể trực tiếp dùng pháp lệnh của Nhà nước vô sản, để tổ chức theo kiểu cộng sản chủ nghĩa, trong một nước tiểu nông, việc Nhà nước sản xuất và phân phối sản phẩm. Đời sống thực tế đã vạch rõ sai lầm của chúng ta. Để *chuẩn bị* — bằng một công tác lâu dài hàng bao nhiêu năm — việc chuyển sang chủ nghĩa cộng sản, thì cần thiết phải có một loạt những bước quá độ như chủ nghĩa tư bản Nhà nước và chủ nghĩa xã hội. Trong một nước tiểu nông, trước hết các đồng chí phải bắc những chiếc cầu nhỏ vững chắc, đi xuyên qua chủ nghĩa tư bản Nhà nước, sang chủ nghĩa xã hội, không phải bằng cách trực tiếp dựa vào nhiệt tình,

mà là với sự nhiệt tình do cuộc cách mạng vĩ đại gây ra, bằng cách kích thích hứng thú cá nhân, sự quan tâm thiết thân của mỗi cá nhân, bằng cách áp dụng nguyên tắc hạch toán kinh tế. Nếu không, các đồng chí sẽ không tiến đến chủ nghĩa cộng sản được; nếu không, các đồng chí sẽ không dẫn được hàng chục và hàng chục triệu người đến chủ nghĩa cộng sản. Đời sống thực tế đã chỉ rõ cho chúng ta như vậy. Bước tiến khách quan của cách mạng đã chỉ rõ cho chúng ta như vậy.

Và chúng ta là những người, trong ba bốn năm nay, đã học được chút ít, về cách tiến hành những bước ngoặt đột ngột (khi bắt buộc phải tiến hành một bước ngoặt đột ngột), chúng ta đã bắt đầu nghiên cứu một cách hăng say, chăm chú và chuyên cần (tuy còn chưa được hăng say, chăm chú và chuyên cần đúng mức) bước ngoặt mới, tức là «chính sách kinh tế mới». Nhà nước vô sản phải trở thành một «chủ nhân» thận trọng, chu đáo và khôn khéo, trở thành một *nhà buôn sỉ* đúng mức — nếu không, Nhà nước vô sản không thể khôi phục được nước tiểu nông này về mặt kinh tế. Ngày nay, trong những điều kiện hiện đại, bên cạnh phương Tây tư bản chủ nghĩa (lúc này vẫn còn là tư bản chủ nghĩa), chúng ta không thể tiến lên chủ nghĩa cộng sản bằng con đường nào khác được. Một nhà buôn sỉ, cái đó có vẻ như một loại điển hình kinh tế cách xa chủ nghĩa cộng sản chẳng khác nào đất với trời. Nhưng trong thực tế sinh động, chính đó lại là một trong những mối mâu thuẫn sẽ dẫn chúng ta từ nền kinh tế tiểu nông tiến lên chủ nghĩa xã hội, thông qua chủ nghĩa tư bản Nhà nước. Việc khuyến khích lợi ích cá nhân có tác dụng nâng cao sản xuất; chúng ta cần phải tăng gia sản xuất trước hết và bằng bất cứ giá nào. Thương nghiệp bán buôn có thể liên kết, về mặt kinh tế, hàng triệu tiểu

nông lại với nhau, bằng cách lấy lợi ích mà khuyến khích họ, bằng cách làm cho họ có quan hệ gắn bó với nhau, dắt dẫn họ lên giai đoạn cao hơn, tức là: các hình thức hợp tác và liên hợp chính ngay trong sản xuất. Chúng ta đã bắt đầu tiến hành việc cải tổ cần thiết trong chính sách kinh tế của chúng ta. Hiện nay, trong lĩnh vực này, chúng ta cũng đã thu được những thắng lợi nhất định, tuy không lớn lắm, thật thế, và mới chỉ là những thắng lợi bộ phận nhưng vẫn là những thắng lợi không thể chối cãi. Trong lĩnh vực của «khoa học» mới này, ta đã học xong lớp dự bị rồi. Chính là nhờ kiên quyết và nhẫn nại học tập, nhờ dùng kinh nghiệm đã thu được để kiểm tra lại mỗi bước đi của chúng ta, không sợ phải làm lại nhiều lần những cái chúng ta đã bắt đầu, không sợ phải sửa chữa sai lầm; chính là nhờ hiểu sâu ý nghĩa của những sai lầm đó, — mà chúng ta sẽ lên những lớp cao hơn. Chúng ta nhất định sẽ theo trọn «khóa học» mặc dù những điều kiện của nền kinh tế và chính trị thế giới có làm cho khóa học đó kéo dài thêm nhiều và gay go hơn nhiều, so với sự mong muốn của chúng ta. Bằng bất cứ giá nào, dù cho những sự tàn phá có nặng nề đến đâu chăng nữa, chúng ta cũng sẽ không sờn lòng nản chí và chúng ta nhất định sẽ đưa sự nghiệp của chúng ta đến thắng lợi cuối cùng.

V. I. Lê-nin, *Toàn tập,* Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, t. 33, tr. 72 - 75.

Trích bài:

BÀN VỀ ĐỀ CƯƠNG RUỘNG ĐẤT CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN PHÁP

Tất cả những điều nêu ra đó trong đề cương đều hoàn toàn đúng và cần thiết về mặt thực tiễn. Tuy nhiên, theo tôi, chúng ta không nên chỉ đứng trong phạm vi những cái đã hết sức quen thuộc của nền kỹ thuật tư bản chủ nghĩa, mà nên tiến lên một bước nữa. Cần phải nói vài lời về sự cần thiết phải tiến hành điện khí hóa một cách có kế hoạch và hoàn toàn khắp nước Pháp, về sự tuyệt đối không thể thực hiện được việc điện khí hóa *có lợi cho công nhân và nông dân,* nếu không lật đổ chính quyền của giai cấp tư sản, nếu giai cấp vô sản không giành được chính quyền. Sách báo Pháp có không ít tài liệu nói về ý nghĩa của việc điện khí hóa đối với nước Pháp. Tôi chỉ biết rằng một số tài liệu đó đã được trích dẫn vào trong cuốn sách do chính phủ nước chúng tôi ủy nhiệm viết,

cuốn kế hoạch điện khí hóa nước Nga; rằng từ sau chiến tranh, sự chuẩn bị về mặt kỹ thuật cho việc điện khí hóa đã tiến rất mạnh ở Pháp.

Theo tôi, điều hết sức quan trọng, cả về mặt lý luận lẫn về mặt tuyên truyền thực tiễn, là phải nói trong đề cương (và nói chung là phải nhấn mạnh trong báo chí cộng sản) rằng nền kỹ thuật hiện đại nhất thiết đòi hỏi phải tiến hành việc *điện khí hóa cả nước — và một loạt các nước láng giềng* — theo một kế hoạch *thống nhất;* rằng những công trình này, giờ đây, hoàn toàn có thể thực hiện được; rằng nông nghiệp và nhất là nông dân sẽ có lợi hơn cả trong những công trình này; rằng chừng nào chủ nghĩa tư bản và chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất còn tồn tại, thì việc điện khí hóa cả một nước và một loạt nước không thể tiến hành nhanh chóng và có kế hoạch được; sau nữa, việc điện khí hóa đó *không thể lại có lợi* cho công nhân và nông dân được. Dưới chế độ tư bản, việc điện khí hóa nhất định sẽ dẫn đến chỗ là *cái ách của các ngân hàng lớn* sẽ đè nặng lên cả công nhân lẫn *nông dân.* Ngay hồi trước chiến tranh, chính Ly-xi (hiện nay đang cúi đầu ngoan ngoãn trước bọn tư bản) chứ không phải một «người mác-xít có tầm mắt thiển cận» nào đó đâu, đã từng chứng minh rằng nước Pháp trên thực tế là một *nhóm tài phiệt.*

Về mặt điện khí hóa, nước Pháp có những khả năng rất lớn. Nếu giai cấp vô sản thắng lợi ở Pháp, thì nhất là *tiểu nông* là tầng lớp sẽ có lợi *rất lớn* trong việc điện khí hóa được tiến hành một cách có kế hoạch và không cần chiếu cố gì đến tài sản tư hữu của bọn địa chủ và tư bản. Nếu chính quyền của bọn tư bản còn tồn tại, thì nhất

định việc điện khí hóa sẽ không thể làm một cách có kế hoạch và nhanh chóng được; mà nếu như việc điện khí hóa có được thực hiện chăng nữa, thì đó sẽ lại là một sự nô dịch mới đối với nông dân, một tình trạng nô lệ mới của nông dân bị «bọn tài phiệt» bóc lột.

Đấy là mấy ý kiến mà tôi có thể phát biểu về Đề cương ruộng đất của Đảng Cộng sản Pháp, đề cương mà nói chung, theo tôi, là hết sức đúng.

V. I. Lê-nin, *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, t. 33, tr. 194 - 196.

Trích bài:

VAI TRÒ VÀ NHIỆM VỤ CỦA CÔNG ĐOÀN TRONG ĐIỀU KIỆN CHÍNH SÁCH KINH TẾ MỚI

7. VAI TRÒ VÀ SỰ THAM GIA CỦA CÔNG ĐOÀN VÀO CÁC CƠ QUAN KINH TẾ VÀ HÀNH CHÍNH CỦA NHÀ NƯỚC VÔ SẢN

Giai cấp vô sản là cơ sở xã hội của Nhà nước thực hành bước quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Giai cấp vô sản chỉ có thể hoàn thành thành công nhiệm vụ đó, trong một nước mà tầng lớp tiểu nông chiếm một đa số to lớn, với điều kiện là phải thực hiện một cách hết sức khéo léo, thận trọng và tuần tự, sự liên minh với tuyệt đại đa số nông dân. Công đoàn phải là người cộng tác gần nhất, cần thiết nhất của chính quyền Nhà nước, do đội tiền phong giác ngộ của giai cấp công nhân, tức là đảng cộng sản lãnh đạo toàn bộ sự hoạt động chính trị và kinh tế của nó. Công đoàn, nói chung, là trường học chủ nghĩa cộng sản, thì nói riêng phải là trường học quản lý công

nghiệp xã hội chủ nghĩa (rồi dần dần quản lý nông nghiệp) cho tất cả quần chúng công nhân, rồi cho tất cả những người lao động.

Xuất phát từ những nguyên tắc đó, chúng ta nên ấn định cho một tương lai gần đây, những hình thức chủ yếu của sự tham gia của công đoàn vào các cơ quan kinh tế và hành chính của Nhà nước vô sản:

1. Công đoàn tham gia việc thành lập tất cả mọi cơ quan kinh tế và hành chính có quan hệ với kinh tế: họ đề cử những người của họ, nói rõ trình độ thâm niên, kinh nghiệm của những người đó, v.v.. Quyền quyết định hoàn toàn thuộc các cơ quan kinh tế, những cơ quan này hoàn toàn chịu trách nhiệm về công tác của những bộ phận trực thuộc mình, nhưng đồng thời coi trọng ý kiến của công đoàn hữu quan về tất cả những người được đề cử.

2. Một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của công đoàn là đề bạt và đào tạo những người quản lý trong công nhân và nói chung trong quần chúng cần lao. Nếu hiện nay trong công nghiệp, chúng ta có hàng chục người quản lý giỏi và hàng trăm người khác tương đối tốt, thì mai đây chúng ta phải có hàng trăm người giỏi và hàng nghìn người khác tương đối tốt. Việc điều tra một cách có hệ thống tất cả những công nhân và nông dân có khả năng làm được công tác đó, và việc kiểm tra tỉ mỉ, tường tận và thực tiễn sự thành công trong việc họ học hỏi nghệ thuật quản lý phải được công đoàn thực hiện một cách cẩn thận và kiên nhẫn hơn bây giờ nhiều.

3. Cần phải mở rộng sự tham gia của công đoàn tới tất cả mọi cơ quan làm kế hoạch của Nhà nước vô sản, tới việc lập những kế hoạch kinh tế, những chương trình sản xuất và phân phối những vật phẩm cung cấp cho công

nhân về vật chất, tới việc lựa chọn những xí nghiệp sẽ được Nhà nước tiếp liệu, sẽ được đem cho thuê, hay tô nhượng, v.v.. Công đoàn không bảo đảm trực tiếp một chức năng kiểm soát nào đối với việc sản xuất của các xí nghiệp tư nhân và xí nghiệp cho thuê, nhưng tham gia việc điều tiết sản xuất của tư bản tư nhân hoàn toàn bằng cách tham gia những cơ quan Nhà nước có quan hệ với những xí nghiệp ấy. Trong khi góp phần vào toàn bộ công tác văn hóa và giáo dục và vào việc tuyên truyền sản xuất, thì đồng thời công đoàn cũng phải lôi cuốn ngày càng sâu rộng giai cấp công nhân và quần chúng cần lao vào toàn bộ sự nghiệp xây dựng kinh tế quốc dân, bằng cách làm cho họ quen với toàn bộ đời sống kinh tế, toàn bộ hoạt động công nghiệp, từ việc thu mua nguyên liệu đến việc bán sản phẩm, bằng cách làm cho họ có một ý niệm ngày càng cụ thể về kế hoạch kinh tế xã hội chủ nghĩa thống nhất của Nhà nước, cũng như về lợi ích thực tiễn của công nhân và nông dân trong việc thực hiện kế hoạch đó.

4. Việc thiết lập những biểu giá cả, và những tiêu chuẩn cung cấp, v.v., là một trong những phần cố hữu và không thể thiếu của hoạt động công đoàn trong sự nghiệp kiến thiết xã hội chủ nghĩa và của việc công đoàn tham gia quản lý công nghiệp. Nhất là những hội đồng kỷ luật phải không ngừng củng cố kỷ luật lao động và những hình thức đấu tranh bằng văn hóa để tăng cường kỷ luật và tăng năng suất, nhưng không được xen vào những chức năng của tòa án nhân dân nói chung và vào chức năng của hành chính.

Bản liệt kê này về những chức năng chủ yếu của công đoàn trong sự nghiệp xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa tất nhiên phải được những cơ quan có thẩm quyền của công đoàn và của Chính quyền xô-viết xây dựng tỉ mỉ.

Điều căn bản để phục hồi nền kinh tế quốc dân và củng cố Chính quyền xô-viết là bắt tay — phải tính cả đến kinh nghiệm đã thu được trong sự nghiệp lớn lao mà công đoàn đã làm về mặt tổ chức kinh tế và quản lý kinh tế; đồng thời cũng phải tính cả đến những sai lầm đã mắc phải và đã làm hại khá nhiều: việc can thiệp trực tiếp, không chuẩn bị cẩn thận, không có thẩm quyền, và vô trách nhiệm vào những việc của hành chính — bắt tay một cách có ý thức và kiên quyết vào một công tác giáo dục kiên nhẫn, cụ thể và lâu dài, để làm cho công nhân và tất cả mọi người lao động học được một cách thực tiễn cách quản lý kinh tế quốc dân trong cả nước.

V. I. Lê-nin, *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, t. 33, tr. 277 - 280.

I.V. XTA-LIN

Trích :

VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ LIÊN-XÔ VÀ CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG

PHẢI CỦNG CỐ KHỐI LIÊN MINH CÔNG NÔNG

Nhưng khi nói tới việc đề cao tính tích cực của giai cấp công nhân, thì cũng không thể quên nông dân được. Lê-nin dạy chúng ta rằng sự liên minh giữa giai cấp công nhân với *nông dân là nguyên tắc cơ bản của chuyên chính* vô sản. Điều đó, chúng ta không thể quên được. Phát triển công nghiệp, thực hành tích lũy xã hội chủ nghĩa, thực hiện chế độ tiết kiệm, tất cả những nhiệm vụ đó, nếu không được giải quyết thì chúng ta không thể chiến thắng được tư bản tư nhân và xóa bỏ được những khó khăn trong đời sống kinh tế của nước ta. Nhưng, nếu không có sự tồn tại của chính quyền xô-viết, không có chuyên chính vô sản, thì dù là một trong những nhiệm vụ đó thôi, cũng chẳng có thể giải quyết được. Và chuyên chính vô sản là dựa vào sự liên minh của giai cấp công nhân với nông dân. Do đó, nếu chúng ta phá hoại hoặc làm yếu khối liên minh giữa giai cấp công nhân với nông dân, thì tất cả những nhiệm vụ của chúng ta không thể giải quyết được.

Trong Đảng ta có một số người coi quần chúng nông dân lao động như người dưng nước lã, coi là đối tượng để bóc lột cho công nghiệp, coi là một cái gì giống như thuộc địa của công nghiệp nước ta. Thưa các đồng chí, những người như thế là những người nguy hiểm. Đối với giai cấp công nhân, nông dân đã không thể là đối tượng để bóc lột, mà cũng không thể là thuộc địa được, kinh tế nông dân là thị trường của công nghiệp, cũng như công nghiệp là thị trường của kinh tế nông dân vậy. Nhưng đối với chúng ta, nông dân không những là thị trường, mà còn là những người đồng minh của giai cấp công nhân nữa. Chính vì vậy mà việc đề cao kinh tế nông dân, việc tổ chức nông dân vào hợp tác xã một cách phổ biến, việc cải thiện tình hình đời sống vật chất của nông dân, là những điều kiện tiên quyết, không có thì không thể đảm bảo cho nền công nghiệp của nước ta phát triển lớn mạnh được. Ngược trở lại, việc phát triển công nghiệp, việc sản xuất những máy móc nông nghiệp và máy kéo, việc cung cấp thật nhiều hàng công nghiệp cho nông dân, lại là những điều kiện tiên quyết, không có thì không đẩy mạnh được nông nghiệp. Đó là một trong những cơ sở cực kỳ trọng yếu của khối liên minh giữa giai cấp công nhân với nông dân. Do đó, chúng ta không thể đồng ý với ý kiến của một số đồng chí thường yêu cầu dùng những biện pháp tăng thuế lên quá nhiều, nâng cao giá hàng công nghiệp, v.v., để bóp nặn nông dân được nhiều hơn. Chúng ta không thể đồng ý với họ được, vì làm như vậy là phá hoại sự liên minh của giai cấp công nhân với nông dân mà không biết, làm rung động tới cơ sở của chuyên chính vô sản. Điều chúng ta cần làm là củng cố sự liên minh giữa giai cấp công nhân với nông dân chứ không phải là phá hoại sự liên minh đó.

Nhưng không phải là chúng ta bảo vệ bất cứ một sự liên minh nào của giai cấp vô sản với nông dân. Sự liên minh mà chúng ta chủ trương đây là sự liên minh mà giai cấp công nhân giữ vai trò lãnh đạo. Vì sao vậy? Vì nếu không có vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân trong khối liên minh công nông thì quần chúng lao động bị bóc lột sẽ không thể chiến thắng được bọn địa chủ và tư bản. Tôi biết rằng có một số đồng chí không đồng ý điểm ấy. Họ nói: liên minh là việc tốt, nhưng làm sao lại còn cần có sự lãnh đạo của giai cấp công nhân? Những đồng chí đó đã quá ư sai lầm. Họ sai lầm vì họ không hiểu rằng chỉ có sự liên minh công nông do giai cấp được thử thách nhất và cách mạng nhất, tức là giai cấp công nhân, lãnh đạo, thì mới có thể giành được thắng lợi.

Vì sao cuộc khởi nghĩa nông dân do Pu-gát-sốp hay Stê-pan Ra-din lãnh đạo lại bị thất bại? Vì sao lúc đó nông dân lại không thể đuổi địa chủ đi được? Vì họ không có, vả lại lúc bấy giờ cũng không thể có người lãnh đạo cách mạng như giai cấp công nhân được. Vì sao cuộc cách mạng Pháp lại kết thúc bằng sự thắng lợi của giai cấp tư sản và sự phục hồi của bọn địa chủ lúc đầu đã bị đánh đuổi đi? Vì lúc đó, nông dân Pháp không có, mà cũng không thể có người lãnh đạo cách mạng như giai cấp công nhân, — lúc đó người lãnh đạo nông dân là phái tư sản tự do. Trên thế giới, nước ta là một nước công nông liên minh duy nhất đã chiến thắng bọn địa chủ và tư bản. Vì sao? Vì trước kia đã đứng ra lãnh đạo và hiện nay đang tiếp tục lãnh đạo phong trào cách mạng nước ta, vẫn là giai cấp công nhân, giai cấp đã được thử thách nhiều trong chiến đấu. Chỉ cần phá hoại cái tư tưởng về quyền lãnh đạo của giai cấp công nhân của chúng ta cũng đủ làm cho

khối liên minh công nông hoàn toàn bị tan vỡ, và bọn tư bản và địa chủ sẽ quay trở lại cái tổ cũ của chúng ngay.

Chính vì thế mà chúng ta cần phải giữ vững và củng cố sự liên minh giữa giai cấp công nhân với nông dân.

Chính vì thế mà chúng ta cần phải giữ vững và củng cố sự lãnh đạo của giai cấp công nhân trong khối liên minh đó.

I. V. Xta-lin, *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1964, t. 8, tr. 149 - 152.

Trích:

VỀ XU HƯỚNG HỮU KHUYNH TRONG ĐẢNG CỘNG SẢN (b) LIÊN-XÔ

VỀ VẤN ĐỀ TỐC ĐỘ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG NGHIỆP VÀ NHỮNG HÌNH THỨC LIÊN MINH MỚI GIỮA THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN

Sau cùng, chúng ta bàn về vấn đề tốc độ phát triển của công nghiệp và những hình thức liên minh mới giữa thành thị và nông thôn. Vấn đề đó là một vấn đề quan trọng nhất trong những ý kiến bất đồng của chúng ta. Tầm quan trọng của vấn đề đó là ở chỗ nó là điểm tập trung tất cả những đầu mối của những ý kiến bất đồng của chúng ta *về mặt thực tiễn,* trên các vấn đề thuộc chính sách kinh tế của Đảng.

Những hình thức liên minh mới giữa thành thị và nông thôn là thế nào? về phương diện chính sách kinh tế của chúng ta, thì điều đó có nghĩa là gì?

Trước hết có nghĩa là, ngoài những hình thức liên minh cũ giữa thành thị và nông thôn, khi mà công nghiệp chỉ thỏa mãn chủ yếu là những nhu cầu *cá nhân* của người nông dân (vải sợi bông, giày dép, vải vóc nói chung, v.v.),

chúng ta còn cần phải có những hình thức liên minh mới nữa, khi mà công nghiệp thỏa mãn được những nhu cầu của kinh tế nông dân về phương diện *sản xuất* (máy móc nông nghiệp, máy kéo, những hạt giống đã được cải tạo, phân bón, v.v.).

Nếu trước kia, chúng ta đã thỏa mãn *chủ yếu* là những nhu cầu cá nhân của người nông dân mà không quan tâm cho lắm đến những nhu cầu của nền kinh tế của họ về phương diện sản xuất, thì ngày nay, chúng ta phải vừa tiếp tục thỏa mãn những nhu cầu cá nhân của nông dân, vừa dốc hết sức lực ra để cung cấp những máy móc nông nghiệp, máy kéo, phân bón, v.v., tất cả những thứ gì có liên quan trực tiếp với việc cải tạo sản xuất nông nghiệp trên một cơ sở kỹ thuật mới.

Chừng nào mà còn nói đến vấn đề *khôi phục* nông nghiệp và vấn đề nông dân khai thác những đất đai trước kia là của bọn đại địa chủ và bọn cu-lắc, thì chúng ta còn có thể tự thỏa mãn được với những hình thức liên minh cũ. Nhưng hiện nay, vấn đề là *cải tạo* nông nghiệp, thì như thế không đủ nữa. Bây giờ chúng ta phải đi xa hơn nữa và giúp nông dân cải tạo sản xuất nông nghiệp của họ trên cơ sở kỹ thuật hiện đại và lao động tập thể.

Thứ nữa là, song song với việc thiết bị lại công nghiệp của chúng ta, chúng ta phải bắt đầu một cách nghiêm chỉnh vào việc thiết bị lại nông nghiệp. Chúng ta đang thiết bị lại và đã thiết bị lại được một phần công nghiệp của chúng ta, bằng cách đặt cho công nghiệp một cơ sở kỹ thuật mới, bằng cách cung cấp cho nó những máy móc mới đã cải tiến, những cán bộ mới, giỏi hơn. Chúng ta xây dựng những nhà máy và công xưởng mới; chúng ta xây dựng lại và mở rộng những nhà máy cũ; chúng ta phát triển

ngành luyện kim, ngành công nghiệp hóa học và những ngành chế tạo máy móc. Trên cơ sở đó, những thành phố ngày càng to lớn lên, những trung tâm công nghiệp mới nhiều thêm, những trung tâm công nghiệp cũ được mở rộng ra. Trên cơ sở đó, yêu cầu về lương thực tăng lên, yêu cầu về nguyên liệu cho công nghiệp tăng lên. Thế mà nông nghiệp vẫn y như cũ, với những nông cụ cổ, với phương pháp canh tác cổ xưa, với kỹ thuật nguyên thủy cổ lỗ, hiện nay không dùng được nữa hay gần như không dùng được nữa, với những hình thức cá nhân quản lý cũ, cá nhân lao động cũ, đặc biệt của những người tiểu nông.

Chỉ cần dẫn ra sự thật này là trước Cách mạng, chúng ta chỉ có 16 triệu nông hộ, mà hiện nay thì chúng ta có ít nhất là 25 triệu nông hộ. Như thế phải chăng có nghĩa là nông nghiệp của chúng ta ngày càng có tính chất phân tán, tính chất chia nhỏ ra đó sao? Mà đặc điểm của kinh tế tiểu nông phân tán là nó không thể tận dụng được đầy đủ kỹ thuật, máy móc, máy kéo, những thành tựu của khoa học nông nghiệp; kinh tế đó là kinh tế tiểu sản xuất hàng hóa.

Do đó, nên thiếu sản phẩm nông nghiệp để cung cấp cho thị trường.

Do đó, mà có nguy cơ tan vỡ mối quan hệ giữa thành thị và nông thôn, giữa công nghiệp và nông nghiệp.

Do đó, cần phải thúc đẩy nông nghiệp phát triển, phải làm cho nông nghiệp ăn khớp với tốc độ phát triển công nghiệp của chúng ta.

Và muốn cho nguy cơ tan vỡ đó không xảy ra, thì phải bắt tay một cách nghiêm chỉnh vào việc cải tạo lại nông nghiệp trên cơ sở một kỹ thuật mới. Nhưng muốn cải

tạo lại nông nghiệp thì phải tuần tự tập hợp những nông hộ cá thể manh mún thành những nông trang lớn, thành nông trang tập thể; phải xây dựng nông nghiệp trên cơ sở lao động tập thể; phải mở rộng những nông trang tập thể, phát triển những nông trường quốc doanh cũ và mới; phải áp dụng một cách có kế hoạch và phổ biến phương pháp ký hợp đồng thu mua trong tất cả các ngành chủ yếu của nông nghiệp; phải mở rộng hệ thống những trạm máy nông nghiệp và máy kéo, những trạm đó sẽ giúp nông dân hấp thu được kỹ thuật mới và tập thể hóa lao động, — nói tóm lại, là phải tuần tự hướng những nông hộ cá thể nhỏ tới nền sản xuất tập thể lớn, vì chỉ có nền sản xuất đại quy mô theo kiểu tập thể mới có thể tận dụng được những thành tựu của khoa học và kỹ thuật mới và làm cho nông nghiệp của chúng ta tiến được những bước khổng lồ.

Dĩ nhiên, nói như thế không có nghĩa là chúng ta không ngó ngàng gì đến kinh tế cá thể của nông dân nghèo và trung nông. Hoàn toàn không có nghĩa là như vậy. Kinh tế cá thể của nông dân nghèo và trung nông hiện đang có và trong tương lai gần đây vẫn còn có một tác dụng chủ yếu trong việc tiếp tế lương thực và nguyên liệu cho công nghiệp. Chính vì thế mà phải giúp đỡ kinh tế cá thể, chưa họp thành nông trang tập thể, của nông dân nghèo và trung nông.

Nhưng như thế có nghĩa là kinh tế nông dân cá thể, một mình nó, thì không đủ nữa *rồi*. Những khó khăn của chúng ta trong việc thu mua lúa mì chứng tỏ điều đó. Bởi thế nên phải *bổ sung* cho sự phát triển của kinh tế cá thể của nông dân nghèo và trung nông bằng cách phát triển đến cao độ những hình thức kinh tế tập thể và những nông trường quốc doanh.

Bởi vậy, chúng ta phải bắc một cái cầu giữa kinh tế cá thể của nông dân nghèo và trung nông với những hình thức kinh tế tập thể và công cộng bằng cách áp dụng một cách phổ biến những hợp đồng thu mua, bằng cách thành lập những trạm máy nông nghiệp và máy kéo, bằng cách dùng đủ mọi phương tiện mà phát triển những hợp tác xã, để làm cho nông dân dễ dàng chuyển kinh tế cá thể nhỏ của họ vào con đường lao động tập thể.

Thiếu những điều kiện đó, thì không thể phát triển nông nghiệp một cách thật sự được. Thiếu những điều kiện đó, thì không thể giải quyết được vấn đề ngũ cốc. Thiếu những điều kiện đó thì không sao làm cho những tầng lớp tiểu tư hữu ở nông thôn ra khỏi tình trạng phá sản, tình trạng cùng khổ được.

Cuối cùng, như thế có nghĩa là: phải dùng đủ mọi cách mà phát triển công nghiệp của chúng ta lên, theo hướng cải tạo nó, vì công nghiệp là nguồn chủ yếu cung cấp cho sản xuất nông nghiệp, phải phát triển ngành luyện kim, công nghiệp hóa học, những ngành nghề chế tạo máy móc; phải xây dựng những nhà máy chế tạo máy kéo và máy móc nông nghiệp, v. v..

Chẳng cần phải chứng minh cũng thấy rằng không áp dụng một cách phổ biến những hợp đồng thu mua để đưa quần chúng cơ bản trong nông dân vào con đường quản lý tập thể, không cung cấp cho nông nghiệp một số đáng kể những máy móc, máy móc nông nghiệp, v.v. thì không thể nào phát triển nông trang tập thể được, không thể nào phát triển những trạm máy móc và máy kéo được.

Nhưng nếu không phát triển công nghiệp của chúng ta với một tốc độ ngày càng nhanh thì không thể cung cấp cho nông thôn những máy móc và máy kéo được.

Do đó, tốc độ phát triển nhanh của công nghiệp của chúng ta là then chốt để cải tạo nông nghiệp trên cơ sở tập thể hóa.

Đó là ý nghĩa và tầm quan trọng của những hình thức liên minh mới.

Nhóm Bu-kha-rin bắt đắc dĩ phải thừa nhận — trên lời nói — rằng cần phải có những hình thức liên minh mới. Nhưng đó chỉ là một sự thừa nhận *trên đầu lưỡi*, nhằm lấy cái việc thừa nhận trên đầu lưỡi những hình thức liên minh mới để che giấu một điều trực tiếp *ngược lại*. Thật ra thì Bu-kha-rin chống lại những hình thức liên minh mới giữa thành thị và nông thôn. Theo Bu-kha-rin thì điểm xuất phát không phải là tốc độ phát triển nhanh của công nghiệp, coi như chiếc đòn bẩy để cải tạo sản xuất nông nghiệp, mà lại là sự phát triển kinh tế nông dân cá thể. Đồng chí ấy đặt lên hàng đầu, việc « bình thường hóa » thị trường và việc chấp nhận cho giá cả được tự do tác động trên thị trường sản phẩm nông nghiệp, việc chấp nhận cho thương nghiệp tư nhân được hoàn toàn tự do. Do đó mà đồng chí ấy có thái độ không tin tưởng đối với những nông trang tập thể. Thái độ đó đã biểu hiện trong bài diễn văn của đồng chí ấy đọc tại Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương hồi tháng Bảy, và trong những đề cương mà đồng chí ấy trình bày trước hội nghị này. Do đó mà đồng chí ấy có thái độ tiêu cực đối với tất cả những biện pháp bất thường đối với bọn cu-lắc, khi thu mua lúa mì, bất chấp những biện pháp ấy là biện pháp thế nào.

Người ta biết rằng Bu-kha-rin tránh những biện pháp bất thường như ma quỷ tránh bình nước thánh vậy.

Người ta biết rằng Bu-kha-rin không làm sao mà hiểu được rằng, trong những hoàn cảnh hiện tại, bọn cu-lắc không vui lòng nộp và không nộp một cách tự phát đầy đủ lúa mì cho chúng ta đâu.

Bây giờ thì kinh nghiệm hai năm thi hành chính sách thu mua đã chứng tỏ điều đó.

Nhưng dù làm thế nào mà cũng vẫn không có đủ được lúa mì hàng hóa, thì sao? Đối với điều đó, Bu-kha-rin trả lời rằng: đừng làm cho bọn cu-lắc lo lắng vì những biện pháp bất thường, và hãy mua lúa mì của nước ngoài. Cách đây chưa lâu lắm, đồng chí ấy đã đề nghị nhập khẩu 50 triệu pút lúa mì, tính ra tiền là 100 triệu rúp vàng. Nhưng nếu chúng ta cần có ngoại tệ để nhập khẩu những thiết bị cho công nghiệp thì làm thế nào? Đối với điều đó, Bu-kha-rin trả lời rằng: phải dành ưu tiên cho việc nhập khẩu lúa mì, như thế rõ ràng là nói phải để việc nhập khẩu thiết bị cho công nghiệp xuống hàng thứ yếu.

Như thế là cơ sở để giải quyết vấn đề ngũ cốc và cải tạo nông nghiệp sẽ không phải là tốc độ phát triển nhanh của công nghiệp, mà lại là sự phát triển của kinh tế nông dân cá thể, kể cả kinh tế cu-lắc, trên cơ sở thị trường tự do và giá cả tự do tác động.

Như thế là về mặt chính sách kinh tế, chúng ta đứng trước hai kế hoạch khác nhau:

Kế hoạch của Đảng:

1. Chúng ta thiết bị lại công nghiệp (việc cải tạo).

2. Chúng ta tiến hành nghiêm chỉnh việc thiết bị lại nông nghiệp (việc cải tạo).

3. Muốn thế, phải mở rộng việc thành lập nông trang tập thể và nông trường quốc doanh, dùng một cách phổ

biến những hợp đồng thu mua và những trạm máy móc và máy kéo làm phương tiện để xây dựng *sự liên minh* giữa công nghiệp và nông nghiệp, *trong lĩnh vực sản xuất.*

4. Về mặt những khó khăn trong việc thu mua lúa mì hiện nay, phải coi là có thể dùng được những biện-pháp bất thường tạm thời, được quần chúng nông dân nghèo và trung nông ủng hộ, coi như một trong những phương tiện để đập tan sự phản kháng của bọn cu-lắc và để lấy của chúng được đến mức tối đa số lúa mì còn thừa mà chúng ta đang cần để có thể không phải nhập khẩu lúa mì và giữ lại được những ngoại tệ để phát triển công nghiệp.

5. Kinh tế cá thể của nông dân nghèo và trung nông đang có và sẽ còn có một tác dụng chủ yếu trong việc tiếp tế lương thực và nguyên liệu cho nước nhà, nhưng chỉ có một mình kinh tế đó thì không đủ nữa rồi. Bởi vậy phải *bổ sung* cho sự phát triển của kinh tế cá thể của nông dân nghèo và trung nông bằng cách phát triển những nông trang tập thể và nông trường quốc doanh, bằng cách áp dụng một cách phổ biến những hợp đồng thu mua, bằng cách phát triển mạnh những trạm máy móc và máy kéo, tạo điều kiện thuận lợi để gạt ra khỏi nông nghiệp những thành phần tư bản chủ nghĩa và để chuyển dần những nông hộ cá thể vào con đường nông trang tập thể lớn, vào con đường lao động tập thể.

6. Nhưng muốn được như vậy, thì trước tiên phải thúc đẩy khẩn trương hơn sự phát triển của công nghiệp, của ngành luyện kim, của công nghiệp hóa học, của những ngành chế tạo máy móc, của những nhà máy làm máy kéo, nhà máy làm máy móc nông nghiệp, v.v.. Không thế thì không sao giải quyết được vấn đề ngũ cốc, đồng thời cũng không thể cải tạo được nông nghiệp.

Kết luận : *tốc độ phát triển nhanh của công nghiệp của chúng ta là then chốt của việc cải tạo nông nghiệp.*

Kế hoạch của Bu-kha-rin :

1. « Bình thường hóa » thị trường, chấp nhận cho giá cả tự do tác động trên thị trường và tăng giá lúa mì, dù những biện pháp đó có gây ra tình trạng giá cả những sản phẩm công nghiệp, những nguyên liệu và bánh mì lên cao đi nữa.

2. Dùng đủ mọi cách mà phát triển kinh tế nông dân cá thể, song song với việc giảm bớt một phần nào đó tốc độ phát triển những nông trang tập thể và nông trường quốc doanh (đề cương của Bu-kha-rin hồi tháng Bảy, diễn văn của Bu-kha-rin tại Hội nghị toàn thể tháng Bảy).

3. Thu mua một cách tự phát; luôn luôn và trong mọi trường hợp, cũng không áp dụng, ngay cả áp dụng một phần thôi, những biện pháp bất thường đối với bọn cu-lắc, dù những biện pháp đó có được quần chúng nông dân nghèo, trung nông ủng hộ đi nữa.

4. Trong trường hợp xảy ra thiếu lúa mì, thì nhập khẩu độ 100 triệu rúp lúa mì.

5. Và nếu thiếu ngoại tệ vừa để nhập khẩu lúa mì, vừa để nhập khẩu thiết bị cần thiết cho công nghiệp, thì phải giảm bớt nhập khẩu thiết bị đi, và do đó, giảm bớt tốc độ phát triển của công nghiệp của chúng ta, — nếu không thì trong nước ta sẽ xảy ra tình trạng nông nghiệp « đứng ỳ một chỗ » và thậm chí là tình trạng nông nghiệp « chỉ có đơn thuần đi thụt lùi ».

Kết luận : *Sự phát triển của kinh tế nông dân cá thể là then chốt của việc cải tạo nông nghiệp.*

Đấy, sự tình là như thế đấy, các đồng chí ạ!

Kế hoạch của Bu-kha-rin nhằm *làm chậm* tốc độ phát triển công nghiệp, nhằm phá hoại những hình thức liên minh mới.

Chỗ bất đồng ý kiến giữa chúng ta là như thế đấy.

Đôi khi người ta hỏi: Có phải là, đối với sự phát triển những hình thức liên minh mới giữa thành thị và nông thôn, đối với việc phát triển những nông trang tập thể và nông trường quốc doanh, v.v., thì chúng ta đã làm chậm không?

Lại có những người khẳng định rằng: về điểm đó, thì Đảng đã làm chậm ít ra là hai năm. Như thế là sai, các đồng chí ạ. Hoàn toàn sai. Chỉ có những kẻ hay la lối thuộc «cánh tả», không hiểu một tí gì về kinh tế của Liên-xô, thì mới có thể nói như vậy được.

Về điểm đó, làm chậm nghĩa là thế nào? Nếu nói làm chậm là người ta muốn nói rằng phải nhìn thấy trước là cần phải có những nông trang tập thể và nông trường quốc doanh, thì chúng ta đã bắt đầu làm như thế trong Cách mạng tháng Mười rồi. Đảng đã nhìn thấy trước là cần phải có những nông trang tập thể và nông trường quốc doanh ngay từ lúc đó rồi, tức là ngay trong thời kỳ Cách mạng tháng Mười, đó là điều không ai có thể nghi ngờ gì được. Sau cùng, người ta có thể dẫn chứng cương lĩnh của chúng ta, cương lĩnh đã được Đại hội Đảng lần thứ VIII (tháng Ba 1919) thông qua. Trong cương lĩnh đó, việc cần thiết phải có những nông trang tập thể và nông trường quốc doanh đã được xét đến một cách hết sức rành mạch.

Nhưng, để thực hành và tổ chức được một *phong trào quần chúng* ủng hộ nông trang tập thể và nông trường quốc doanh, mà chỉ có việc những lãnh tụ Đảng ta đã nhìn

thấy trước sự cần thiết đó, thì cũng chưa đủ. Vậy vấn đề không phải là nhìn thấy trước, mà là *thực hiện* một kế hoạch xây dựng những nông trang tập thể và nông trường quốc doanh. Mà việc thực hiện một kế hoạch như thế đòi hỏi phải có cả một loạt điều kiện, những điều kiện này cho đến ngày nay ở nước ta cũng vẫn còn thiếu và chỉ mới xuất hiện trong thời gian gần đây thôi.

Vấn đề là như thế đấy, các đồng chí ạ.

Muốn thực hiện kế hoạch vận động quần chúng ủng hộ nông trang tập thể và nông trường quốc doanh, thì những lãnh tụ của Đảng, trước hết, phải được *quần chúng* đảng viên trong Đảng ủng hộ. Mà như người ta đã biết, Đảng ta có hơn một triệu đảng viên. Vậy phải thuyết phục cho quảng đại quần chúng đảng viên hiểu rằng chính sách mà các lãnh tụ của Đảng thi hành là chính sách đúng. Đó là điểm thứ nhất.

Muốn được như vậy, thì sau nữa cần phải làm cho trong nông dân có một phong trào quần chúng ủng hộ nông trang tập thể, để họ không sợ nông trang tập thể mà tự nguyện xin gia nhập, và do kinh nghiệm bản thân mà tin chắc rằng nông trang tập thể là có lợi hơn nền kinh tế cá thể. Đó là điều quan trọng và đòi hỏi phải có một thời gian nào đó. Đó là điểm thứ hai.

Sau nữa, Nhà nước cần phải có những tài nguyên vật chất cần thiết để giúp đỡ tài chính cho việc xây dựng những nông trang tập thể, để giúp đỡ tài chính cho nông trang tập thể và nông trường quốc doanh. Muốn thế thì cần phải có hàng trăm và hàng trăm triệu rúp. Đó là điểm thứ ba.

Sau cùng, công nghiệp phải được phát triển đến mức tương đối đầy đủ, mức tương đối cần thiết để có thể cung cấp cho nông nghiệp những máy móc, máy kéo, phân bón, v.v.. Đó là điểm thứ tư.

Cách đây hai hay ba năm, liệu có thể khẳng định rằng ở nước ta đã có tất cả những điều kiện như thế rồi không? Không, không thể khẳng định như vậy được.

Cần phải nhớ rằng chúng ta là một đảng *cầm quyền, chứ không phải một đảng đối lập*. Một đảng đối lập có thể đưa ra những khẩu hiệu — tôi muốn nói là những khẩu hiệu thực tiễn, cơ bản của phong trào — để rồi khi lên nắm chính quyền thì thực hiện những khẩu hiệu đó. Không ai có thể buộc tội một đảng đối lập là không thực hiện ngay lập tức những khẩu hiệu cơ bản của mình, vì ai cũng hiểu rằng đảng cầm quyền lúc đó không phải là đảng đối lập, mà là những đảng khác.

Đối với một đảng cầm quyền như trường hợp Đảng bôn-sê-vích của chúng ta, thì lại khác hẳn. Những khẩu hiệu của một Đảng như thế không phải đơn thuần là những khẩu hiệu cổ động, mà là một cái gì quan trọng hơn nhiều, bởi vì những khẩu hiệu đó có hiệu lực của một *quyết định thực tiễn, hiệu lực của một đạo luật*, cần được đem thực hành ngay từ bây giờ. Đảng ta không thể tung ra một khẩu hiệu thực tiễn để rồi sau đó lại trì hoãn việc thực hành. Như thế sẽ là đánh lừa quần chúng. Muốn đưa ra một khẩu hiệu thực tiễn, nhất là khẩu hiệu quan trọng như khẩu hiệu chuyển đông đảo quần chúng nông dân lên con đường tập thể hóa, thì đã phải có đầy đủ những điều kiện cần thiết để thực hiện ngay khẩu hiệu đó; sau nữa cần phải tạo ra và tổ chức những điều kiện đó. Đó là lẽ tại sao chỉ có việc bộ phận lãnh đạo tối cao của Đảng dự kiến rằng

cần phải có những nông trang tập thể và nông trường quốc doanh, cũng chưa đủ. Đó là lẽ tại sao chúng ta còn cần phải có những điều kiện cần thiết để *thực hiện,* để đem *thực hành* ngay những khẩu hiệu của chúng ta.

Cách đây hai hay ba năm chẳng hạn, *quần chúng* đảng viên Đảng ta có sẵn sàng dùng đủ mọi phương tiện để phát triển những nông trang tập thể và nông trường quốc doanh không? Không, họ chưa sẵn sàng để làm việc đó. Quần chúng đảng viên chúng ta chỉ mới bắt đầu chuyển hướng thật sự về những hình thức liên minh mới, sau khi gặp những khó khăn nghiêm trọng trong việc thu mua lúa mì thôi. Phải có những khó khăn nghiêm trọng đó thì quần chúng đảng viên ta mới cảm thấy rằng đẩy mạnh những hình thức liên minh mới giữa thành thị và nông thôn và, trước hết, xây dựng những nông trang tập thể và nông trường quốc doanh là cần thiết biết bao, và mới kiên quyết ủng hộ Ban Chấp hành trung ương của mình về vấn đề đó. Đó thật là một điều kiện mà trước kia chúng ta chưa có và bây giờ mới có được.

Trước đây hai hay ba năm, trong đông đảo quần chúng nông dân, đã có một phong trào quan trọng ủng hộ nông trang tập thể và nông trường quốc doanh chưa? Chưa. Ai cũng biết rằng, cách đây hai hay ba năm, nông dân đã tỏ ra thù địch với nông trường quốc doanh, còn đối với nông trang tập thể, thì họ coi là những «công xã» hoàn toàn vô ích. Còn bây giờ thì sao? Bây giờ thì khác rồi. Bây giờ thì đã có trọn cả những tầng lớp nông dân coi nông trường quốc doanh và nông trang tập thể như một nguồn giúp đỡ cho kinh tế nông dân về giống má, về súc vật đã được cải tạo hơn, về máy móc, về máy kéo. Bây giờ thì chỉ cần cung cấp máy móc và máy kéo là sự nghiệp nông trang tập thể sẽ tiến lên với một tốc độ ngày càng nhanh.

Do đâu mà có sự chuyển biến đó trong một số tầng lớp — khá lớn — trong nông dân? Cái gì đã làm cho sự chuyển biến đó được thuận lợi?

Trước hết là sự phát triển việc hợp tác hóa và những hợp tác xã. Chắc chắn rằng không có một sự phát triển mãnh liệt của việc hợp tác hóa, nhất là hợp tác hóa nông nghiệp, sự phát triển đã tạo ra trong nông dân một cơ sở tâm lý ủng hộ nông trang tập thể, thì có lẽ ngày nay chúng ta không có được cái đà phấn khởi của trọn cả những tầng lớp nông dân hướng theo nông trang tập thể như thế.

Ở đây, những nông trang tập thể tổ chức tốt, — tức là những nông trang đã cho nông dân thấy những tấm gương tốt về cách người ta có thể cải thiện nông nghiệp bằng cách tập hợp những nông hộ nhỏ thành những nông trang lớn, thành những nông trang tập thể, — cũng có một tác dụng lớn.

Ở đây, những nông trường quốc doanh tổ chức tốt đã giúp đỡ nông dân cải tiến kinh tế của họ, cũng có một tác dụng to lớn. Tôi không cần nói đến những sự việc khác mà toàn thể các đồng chí đã biết cả rồi. Vậy, đây cũng lại là một điều kiện mà trước đây chúng ta chưa có và ngày nay chúng ta mới có.

Sau nữa, liệu có thể quả quyết rằng, cách đây hai hay ba năm, chúng ta cũng có khả năng để thật sự giúp đỡ tài chính cho các nông trang tập thể và nông trường quốc doanh không? có khả năng dùng vào việc đó hàng trăm triệu rúp không? Không, không thể quả quyết như vậy được. Các đồng chí đều biết rằng trước đây chúng ta đã thiếu những tài nguyên ngay cả để phát triển cái mức tối thiểu về công nghiệp, mà không có nó thì bất cứ một thứ công nghiệp hóa nào nói chung cũng không thể có được,

chứ đừng nói gì đến cải tạo nông nghiệp nữa. Trước kia liệu chúng ta có thể lấy những tài nguyên đó của công nghiệp, cơ sở của việc công nghiệp hóa đất nước, mà đem chuyển cho các nông trang tập thể và nông trường quốc doanh không? Cố nhiên là trước kia chúng ta không làm như thế được. Thế còn bây giờ thì sao? Bây giờ thì chúng ta có những tài nguyên cần thiết để phát triển những nông trang tập thể và nông trường quốc doanh.

Sau cùng, liệu có thể quả quyết được rằng, cách đây hai hay ba năm, công nghiệp của chúng ta đã là một cơ sở đủ sức cung cấp một cách mạnh mẽ máy móc, máy kéo, v.v. cho nông nghiệp rồi không? Không, không thể quả quyết như vậy được. Lúc đó, nhiệm vụ là phải tạo ra *một cơ sở công nghiệp tối thiểu để sau này* cung cấp máy móc và máy kéo cho nông nghiệp. Chính để tạo ra cơ sở đó mà chúng ta đã phải tiêu hết những nguồn tài chính nghèo nàn của chúng ta. Còn bây giờ thì sao? Bây giờ thì chúng ta đã có cơ sở công nghiệp đó cho nông nghiệp rồi. Dầu sao, cơ sở đó đã được tạo ra ở nước ta với một tốc độ ngày càng nhanh.

Như vậy là chỉ trong những thời gian gần đây ở nước ta, mới có những điều kiện cần thiết cho sự phát triển phổ biến những nông trang tập thể và nông trường quốc doanh.

Tình hình là như thế đấy, các đồng chí ạ.

Đấy là lẽ tại sao người ta không có thể nói là đối với việc phát triển những hình thức liên minh mới giữa thành thị và nông thôn, chúng ta đã làm chậm.

I. V. Xta-lin, *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1965, t. 12, tr. 67 - 78.

Trích :

BÁO CÁO CHÍNH TRỊ CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG TẠI ĐẠI HỘI XVI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN (B) TOÀN LIÊN-XÔ

NGÀY 27 THÁNG SÁU 1930

... Đối với chúng ta, những người bôn-sê-vích, thì kế hoạch 5 năm quyết không phải là một cái gì cố định vạch một lần là xong không còn phải sửa đổi nữa. Đối với chúng ta, kế hoạch 5 năm, cũng như mọi kế hoạch khác, chỉ là một kế hoạch được đem ra dùng như một việc ước lượng đại khái, mà người ta cần phải căn cứ vào những kinh nghiệm địa phương, và kinh nghiệm đã thu được trong khi thực hiện kế hoạch để làm cho nó được chính xác, để sửa đổi đi và làm cho nó được hoàn thiện. Không một kế hoạch 5 năm nào mà có thể tính được hết tất cả mọi khả năng tiềm tàng trong lòng chế độ ta, và chỉ phát lộ ra trong quá trình công tác, trong quá trình thực hiện kế hoạch ở công xưởng, ở nhà máy, ở nông trang tập thể,

ở nông trường quốc doanh, ở các khu, v.v., mà thôi. Chỉ có những kẻ quan liêu mới nghĩ rằng hễ cứ vạch xong kế hoạch là đã *hoàn thành* công tác làm kế hoạch rồi. Việc vạch xong kế hoạch chỉ là *bước đầu của việc kế hoạch hóa.* Việc thật sự lãnh đạo kế hoạch chỉ bắt đầu thực hiện được triệt để là từ sau khi vạch xong kế hoạch, sau khi kiểm tra tại chỗ, trong quá trình thực hiện, về việc sửa chữa kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch cho được chính xác.

Đó là vì sao Ban Chấp hành trung ương và Ban Kiểm tra trung ương, thống nhất ý kiến với các cơ quan kế hoạch của nước Cộng hòa, đều đã xét thấy cần thiết phải sửa chữa và cải tiến kế hoạch 5 năm trên cơ sở những tài liệu do kinh nghiệm mà có, theo cái hướng là nâng cao các tốc độ kiến thiết và giảm bớt các kỳ hạn thực hiện.

Đây là lời Lê-nin đã nói về nguyên tắc kế hoạch hóa và về việc lãnh đạo kế hoạch hóa tại Đại hội VIII của các Xô-viết, khi nghiên cứu kế hoạch mười năm của Ủy ban điện khí hóa nước Nga.

« Cương lĩnh Đảng của chúng ta không thể chỉ là một cương lĩnh của Đảng. Nó phải trở thành cương lĩnh xây dựng kinh tế của chúng ta, nếu không, nó không thể nào dùng làm cương lĩnh của Đảng được. Nó cần được bổ sung bằng một cương lĩnh thứ hai của Đảng, bằng kế hoạch những công tác nhằm khôi phục toàn bộ nền kinh tế quốc dân và nâng nền kinh tế đó tới mức kỹ thuật hiện đại... Chúng ta phải có một kế hoạch được quy định rõ ràng, đương nhiên đó chỉ là một kế hoạch sơ bộ. Cương lĩnh đó của Đảng sẽ không phải là bất di bất dịch như cương lĩnh thực sự của chúng ta là cương lĩnh chỉ có thể được sửa đổi trong các đại hội Đảng. Không, cương lĩnh đó mỗi ngày mỗi được cải tiến hơn trong mỗi công xưởng,

trong mỗi xã; nó sẽ được cải tiến, hoàn chỉnh và sửa đổi... Trong khi đồng thời theo sát bước tiến của khoa học và thực tiễn, các địa phương còn phải hoàn thành kế hoạch nhanh chóng hơn điều đã dự kiến, để cho quần chúng thấy rằng kinh nghiệm có thể rút ngắn được khoảng thời gian dài từ nay đến khi chúng ta khôi phục hoàn toàn nền công nghiệp. Điều đó là tùy ở chúng ta. Chúng ta hãy cải tiến sản xuất trong mỗi nhà máy, mỗi xưởng máy, mỗi lĩnh vực như thế, chúng ta sẽ rút ngắn được thời hạn. Và đó là điều chúng ta đã làm». (Xem tập XXVI, tr. 45, 46, 43) (1).

Các đồng chí thấy rằng Ban Chấp hành trung ương trong khi thay đổi và cải tiến kế hoạch 5 năm, rút ngắn các kỳ hạn và nâng cao tốc độ kiến thiết là đã đi theo con đường do Lê-nin vạch ra.

Căn cứ vào những khả năng nào mà Ban Chấp hành trung ương nâng cao tốc độ kiến thiết và rút ngắn các kỳ hạn hoàn thành kế hoạch 5 năm? Căn cứ vào những lực lượng dự trữ tiềm tàng trong lòng chế độ ta và chỉ phát lộ ra trong quá trình công tác, căn cứ vào những khả năng mà thời kỳ cải tạo đem lại cho chúng ta. Ban Chấp hành trung ương nhận định rằng, với việc tổ chức sản xuất *theo nguyên tắc xã hội chủ nghĩa,* việc cải tạo cơ sở kỹ thuật của công nghiệp và nông nghiệp mở cho ta những khả năng đẩy mạnh được tốc độ cho ngày càng nhanh thêm, mà không một nước tư bản chủ nghĩa nào có thể mơ ước được.

Chỉ có những trường hợp đó mới có thể giải thích được tại sao công nghiệp xã hội chủ nghĩa của chúng ta, trong

(1) Xem Lê-nin: *Toàn tập,* Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1969, t. 31, tr. 637, 638, 633. *(B.T.)*

ba năm nay, đã sản xuất được hơn gấp đôi, và trong năm 1930 — 31, sự sản xuất đó tăng lên 47% so với năm nay; hơn nữa, *chỉ riêng chỗ tăng lên đó thôi,* với khối lượng của nó, cũng sẽ bằng khối lượng sản xuất của *toàn bộ* nền công nghiệp lớn trước chiến tranh.

Chỉ có những trường hợp đó mới có thể giải thích được tại sao việc xây dựng các nông trường quốc doanh đã vượt kế hoạch 5 năm trong ba năm và việc xây dựng các nông trang tập thể đã vượt kế hoạch 5 năm trong hai năm.

Có một lý luận cho rằng các tốc độ phát triển cao chỉ có thể có được trong thời kỳ khôi phục mà thôi; nhưng khi chuyển sang thời kỳ cải tạo thì hàng năm, các tốc độ kiến thiết phải hạ xuống mau chóng. Lý luận đó gọi là lý luận «đường biểu diễn đi xuống». Lý luận đó nhằm biện hộ cho sự lạc hậu của chúng ta. Nó không có một chút gì giống chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa Lê-nin cả. Đó là một lý luận tư sản nhằm duy trì mãi tình trạng lạc hậu của nước ta. Trong số những người đã có hay đang có quan hệ với Đảng ta, thì chỉ có bọn tơ-rốt-kít và những phần tử khuynh hữu mới bảo vệ và tuyên truyền lý luận đó.

Hiện nay có ý kiến cho rằng bọn tơ-rốt-kít là những nhà siêu công nghiệp hóa chủ nghĩa. Những ý kiến đó chỉ đúng một phần. Nó chỉ đúng trong chừng mực mà đó là nói về cuối thời kỳ *khôi phục,* vào lúc mà bọn tơ-rốt-kít thật sự phát triển những ảo tưởng siêu công nghiệp hóa chủ nghĩa. Còn nói về thời kỳ *cải tạo, thì đứng về phương diện tốc độ mà nói, bọn tơ-rốt-kít là những người thuộc phái tốc độ tối thiểu, cực đoan nhất và là những kẻ đầu hàng thảm hại nhất. (Có tiếng cười. Vỗ tay).*

Trong chính cương và tuyên ngôn của chúng, bọn tơ-rốt-kít không đưa ra những con số về tốc độ; chúng chỉ

ba hoa nói chung chung về tốc độ. Nhưng, có một tài liệu trong đó bọn tơ-rốt-kít đã trình bày bằng con số quan niệm của chúng về tốc độ phát triển công nghiệp quốc doanh. Tôi muốn nói đến bản báo cáo của « Hội nghị đặc biệt về việc khôi phục tư bản cố định » của ngành công nghiệp quốc doanh, tức là bản báo cáo căn cứ vào những nguyên tắc của chủ nghĩa Tơ-rốt-ski. Phân tích sơ lược văn kiện đó hồi năm 1925 - 26, là một việc có ý nghĩa. Có ý nghĩa là vì nó phản ánh hoàn toàn cái sơ đồ đường biểu diễn đi xuống của bọn tơ-rốt-kít.

Văn kiện đó đã đề nghị *đầu tư* vào công nghiệp quốc doanh năm 1926 - 27 là 1.543 triệu rúp; năm 1927 - 28 là 1.400 triệu rúp; năm 1928 - 29 là 1.320 triệu rúp; năm 1929 - 30 là 1.060 triệu rúp (tính theo giá năm 1926 - 27).

Đường biểu diễn *đi xuống* của bọn tơ-rốt-kít là thế đấy.

Và thực tế thì chúng ta đầu tư bao nhiêu? Thực tế, chúng ta đã đầu tư vào công nghiệp quốc doanh, năm 1926 - 27 là 1.065 triệu rúp; năm 1927 - 28 là 1.304 triệu rúp; năm 1928 - 29 là 1.819 triệu rúp; năm 1929 - 30 là 4.775 triệu rúp (theo giá năm 1926 - 27).

Đường biểu diễn *đi lên* của những người bôn-sê-vích là thế đấy.

Theo văn kiện đó thì *sản xuất* công nghiệp quốc doanh phải tăng lên trong năm 1926 - 27 là 31,6%; năm 1927 - 28 là 22,9%; năm 1928 - 29 là 15,5%; năm 1929 - 30 là 15%.

Đường biểu diễn *đi xuống* của bọn tơ-rốt-kít là như thế.

Và trong thực tế chúng ta đã đạt được những gì? Thực tế thì sản xuất công nghiệp quốc doanh đã tăng lên trong năm 1926 - 27 là 19,7%; năm 1927 - 28 là 26,3%; năm 1928 - 29 là 24,3%; năm 1929 - 30 là 32%; năm 1930 - 31 sẽ tăng lên 47%.

Đường biểu diễn *đi lên* của những người bôn-sê-vích là như thế.

Người ta biết rằng Tơ-rốt-ski đặc biệt bênh vực cái lý luận đầu hàng về đường biểu diễn đi xuống đó, trong quyển sách của ông ta, đề là *Tiến tới chủ nghĩa xã hội hay tiến tới chủ nghĩa tư bản?* Trong đó, Tơ-rốt-ski nói rõ rằng, vì «trước chiến tranh, việc mở rộng công nghiệp về căn bản, cốt chủ là xây dựng các nhà máy mới», còn «ở thời đại chúng ta, việc mở rộng đó lại càng cốt chủ là sử dụng các nhà máy cũ và sử dụng hết hiệu suất của thiết bị cũ», cho nên, «dĩ nhiên *khi quá trình khôi phục đã chấm dứt* thì hệ số tăng phải *hạ xuống* rất nhiều»; và Tơ-rốt-ski đề nghị «trong những năm sắp tới, nâng hệ số tăng về công nghiệp lên, không những gấp đôi, mà ngay cả gấp ba nữa, so với 6% trước chiến tranh, và có lẽ hơn thế nữa».

Như thế là mỗi năm công nghiệp tăng ba lần 6%. Như vậy sẽ là bao nhiêu? Tất cả là tăng 18% mỗi năm. Do đó, mỗi năm sản lượng công nghiệp quốc doanh tăng lên 18%, theo bọn tơ-rốt-kít đó là cái mức hết sức cao của việc kế hoạch hóa tốc độ phát triển ngày càng mau chóng *trong thời kỳ cải tạo*, mức mà người ta phải cố vươn lên như một lý tưởng. Bây giờ, hãy so sánh cái thông minh nông cạn đó của bọn tơ-rốt-kít với cái sản lượng tăng lên trong thực tế, mà chúng ta đã đạt được trong ba năm này (năm 1927 - 28 là 26,3%; năm 1928 - 29 là 24,3%; năm 1929 - 30 là 32%); hãy so sánh cái triết lý đầu hàng đó của bọn tơ-rốt-kít với sự tăng lên 47%, đã dự trù trong các con số ước định của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước cho năm 1930-31, vượt cả những tốc độ *cao nhất* của việc tăng sản lượng trong thời kỳ *khôi phục*, thì các đồng chí sẽ thấy được

tất cả những gì là phản động trong cái lý luận của bọn tơ-rốt-kít về « đường biểu diễn đi xuống » và sẽ thấy sự thiếu tin tưởng của bọn tơ-rốt-kít vào những khả năng của thời kỳ *cải tạo*, là nặng biết chừng nào.

Đó là lý do vì sao bọn tơ-rốt-kít hiện nay đang la ó lên về tính chất « quá mức » của các tốc độ bôn-sê-vích, trong việc phát triển công nghiệp và xây dựng nông trang tập thể.

Đó là lý do vì sao *hiện nay không thể phân biệt bọn tơ-rốt-kít với những phần tử hữu khuynh của ta được nữa.*

Mọi người đều hiểu rằng, nếu đã không đập tan nát cái lý luận về « đường biểu diễn đi xuống » của bọn tơ-rốt-kít và bọn khuynh hữu, thì có lẽ chúng ta đã không thể phát triển được việc kế hoạch hóa thật sự, cũng không thể nâng cao được các tốc độ và rút ngắn được các kỳ hạn kiến thiết. Muốn lãnh đạo việc thực hiện đường lối chung của Đảng, muốn sửa chữa và cải tiến kế hoạch kiến thiết 5 năm, muốn nâng cao các tốc độ và đề phòng những sai lầm trong kiến thiết, thì trước hết, phải đả phá và tiêu diệt cái lý luận phản động về « đường biểu diễn đi xuống ».

Và đó là điều mà Ban Chấp hành trung ương đã làm, như tôi đã nói ở trên.

I. V. Xta-lin, *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1965, t. 12, tr. 344 - 349.

Trích :

TỊNH HÌNH MỚI, NHIỆM VỤ MỚI TRONG CÔNG CUỘC XÂY DỰNG KINH TẾ

II. TIỀN LƯƠNG CỦA CÔNG NHÂN

Trong nhiều xí nghiệp của chúng ta, các ngạch tiền lương đều định theo một cách gần như làm mất cả sự khác nhau giữa lao động thành thạo và lao động không thành thạo, giữa công việc nặng và công việc dễ. Kết quả của chế độ bình quân là người công nhân không lành nghề không thiết gì chuyển sang hạng công nhân lành nghề và như vậy là họ không có triển vọng được lên bậc, do đó họ tự cảm thấy như « đang nghỉ mát » trong sản xuất, chỉ làm việc một cách tạm bợ để « kiếm một ít tiền » rồi sau đó lại đi nơi khác để « kiếm dịp làm giàu ». Kết quả của chế độ bình quân là người công nhân lành nghề buộc lòng phải chuyển từ xí nghiệp này sang xí nghiệp khác để cuối cùng tìm lấy một xí nghiệp mà người ta biết đánh giá đúng công việc thành thạo.

Do đó mà sinh ra phong trào « chung » là chạy từ xí nghiệp này sang xí nghiệp khác, và tình trạng bấp bênh về nhân công.

Để chữa cái nạn ấy, phải bỏ hẳn chế độ bình quân và xóa bỏ hệ thống thang lương cũ đi. Để chữa cái nạn ấy, phải tổ chức một hệ thống thang lương có tính đến sự khác nhau giữa lao động thành thạo và lao động không thành thạo, giữa công việc nặng và công việc dễ. Người ta không thể dung thứ tình trạng lương một công nhân cán thép cũng bằng lương một lao công quét nhà máy. Người ta không thể dung thứ tình trạng lương một người thợ máy xe lửa cũng bằng lương một người làm việc biên chép. Mác và Lê-nin nói rằng sự khác nhau giữa lao động thành thạo và lao động không thành thạo vẫn sẽ tồn tại ngay cả dưới chế độ xã hội chủ nghĩa và ngay cả sau khi đã xóa bỏ các giai cấp; rằng chỉ có dưới chế độ cộng sản chủ nghĩa, sự khác nhau đó mới mất hẳn; rằng do đó mà ngay cả dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, cũng vẫn phải trả «lương» theo lao động, chứ không thể trả theo nhu cầu được. Song những người chủ trương bình quân của chúng ta trong số những người lãnh đạo công nghiệp và các chiến sĩ công đoàn đều không đồng ý như thế, họ cho rằng dưới chế độ Xô-viết chúng ta, sự khác nhau đó đã biến mất rồi. Ai có lý, Mác và Lê-nin hay là những người chủ trương bình quân? Phải tin rằng ở đây, chính Mác và Lê-nin đã có lý. Vậy do đó, kẻ nào bây giờ lập ra một hệ thống thang lương theo những «nguyên tắc» bình quân không tính đến sự khác nhau giữa lao động thành thạo và lao động không thành thạo, thì kẻ đó đã xa rời chủ nghĩa Mác, xa rời chủ nghĩa Lê-nin.

Trong mỗi ngành công nghiệp, trong mỗi xí nghiệp, trong mỗi xưởng thợ, có những nhóm chủ yếu gồm những công nhân tương đối lành nghề, chúng ta cần phải gắn chặt họ với sản xuất, nếu trước hết và nhất là chúng ta

muốn thật sự đảm bảo ổn định số lượng công nhân cho xí nghiệp. Chính những nhóm công nhân chủ yếu đó tạo thành một mắt xích cơ bản của sản xuất. Gắn bó được họ vào xí nghiệp, vào xưởng máy, là gắn bó được tất cả số công nhân, là xóa bỏ tận gốc tình trạng bấp bênh về nhân công. Nhưng làm thế nào mà gắn bó được họ vào xí nghiệp? Người ta chỉ có thể gắn bó được họ bằng cách cho họ lên bậc, tăng lương cho họ, bằng cách tổ chức chế độ tiền lương sao cho tài năng của người lao động được đánh giá đúng mức.

Cho họ lên bậc, nâng cao mức lương của họ lên nghĩa là thế nào, việc đó có tác dụng gì đối với công nhân không lành nghề? Ngoài tất cả những điều khác ra, thì như thế tức là những công nhân không lành nghề thấy có triển vọng tiến lên, là khuyến khích họ lên bậc, tiến lên hạng công nhân lành nghề. Chính các đồng chí cũng biết rằng chúng ta hiện đang cần đến hàng chục vạn và hàng triệu công nhân lành nghề. Nhưng muốn đào tạo những công nhân lành nghề thì phải khuyến khích những công nhân không có chuyên môn và cho họ có triển vọng lên bậc, lên cao mãi. Chúng ta đi vào con đường ấy càng mạnh dạn bao nhiêu thì càng hay bấy nhiêu; vì đó là phương pháp chủ yếu để khắc phục tình trạng bấp bênh về nhân công. Tiết kiệm trong việc này, là phạm một tội ác, là đi ngược lại lợi ích của công nghiệp xã hội chủ nghĩa của chúng ta.

Nhưng chưa hết đâu.

Muốn gắn chặt công nhân vào xí nghiệp, phải tiếp tục cải thiện việc tiếp tế lương thực và điều kiện nhà ở. Người ta không thể chối cãi rằng trong việc xây dựng nhà cửa và tiếp tế lương thực cho công nhân, mấy năm gần đây,

chúng ta cũng đã làm được nhiều. Nhưng việc đã làm được đó, hoàn toàn không đủ để thỏa mãn những nhu cầu ngày càng tăng lên một cách nhanh chóng của công nhân. Người ta không thể viện lẽ rằng ngày xưa nhà cửa ít hơn bây giờ và do đó người ta có thể thỏa mãn với những kết quả đã đạt được. Người ta cũng không thể viện lẽ rằng ngày xưa việc tiếp tế lương thực cho công nhân còn khuyết điểm hơn bây giờ nhiều và do đó người ta có thể hài lòng với tình trạng hiện nay. Chỉ có những kẻ hủ bại và thối tha đến xương tủy mới có thể tự an ủi bằng cách viện vào quá khứ. Không nên lấy quá khứ làm khởi điểm, mà phải căn cứ vào nhu cầu hiện nay ngày càng tăng của công nhân. Phải hiểu rằng những điều kiện sinh sống của công nhân trong nước chúng ta đã thay đổi về căn bản. Người công nhân ngày nay không phải là người công nhân ngày xưa nữa. Người công nhân ngày nay, người công nhân xô-viết ở nước ta, muốn sống sao cho có đủ mọi nhu cầu vật chất và văn hóa, về mặt tiếp tế thực phẩm cũng như về mặt nhà ở, về mặt thỏa mãn những nhu cầu văn hóa và mọi nhu cầu khác. Họ có quyền mong muốn như thế, và chúng ta có bổn phận phải đảm bảo những điều kiện ấy cho họ. Đành rằng ở nước chúng ta, họ không khổ vì nạn thất nghiệp, họ đã thoát khỏi ách tư bản chủ nghĩa; họ không còn là một người nô lệ nữa, họ là người làm chủ công việc của họ. Nhưng như thế cũng chưa đủ. Họ đòi hỏi mọi nhu cầu của họ về vật chất và văn hóa phải được thỏa mãn, và chúng ta có bổn phận phải chấp nhận yêu sách đó. Các đồng chí đừng quên rằng hiện nay, chính chúng ta cũng đề ra một số đòi hỏi đối với người công nhân, chúng ta đòi hỏi họ tôn trọng kỷ luật lao động, họ nỗ lực công tác, họ thi đua, họ tiến hành lao động xung kích. Các đồng chí đừng quên rằng đại đa số công nhân đã chấp nhận

những đòi hỏi ấy của chính quyền Xô-viết với một nhiệt tình vô hạn và họ đã làm đúng theo những đòi hỏi đó một cách anh dũng. Vậy, các đồng chí cũng đừng lấy làm lạ khi thấy những người công nhân đã làm đúng theo những đòi hỏi của chính quyền Xô-viết, đến lượt họ, cũng đòi hỏi chính quyền Xô-viết phải thực hiện đầy đủ những lời hứa cải thiện không ngừng đời sống vật chất và văn hóa của công nhân.

Cho nên *phải làm mất hẳn tình trạng bấp bênh về nhân công, bỏ hẳn chế độ bình quân, tổ chức việc định tiền lương một cách đúng đắn, cải thiện điều kiện sinh hoạt của công nhân:* nhiệm vụ là như thế.

Điều kiện mới thứ hai của sự phát triển công nghiệp của chúng ta là như thế.

Bây giờ chúng ta hãy nói đến điều kiện thứ ba.

III. TỔ CHỨC LAO ĐỘNG

Trên kia, tôi đã nói về sự cần thiết phải làm mất hẳn tình trạng bấp bênh về nhân công, phải gắn bó công nhân vào xí nghiệp. Nhưng gắn bó được công nhân, chưa phải là đã hết vấn đề. Làm mất hẳn tình trạng bấp bênh cũng chưa đủ. Mà còn phải đặt công nhân vào những điều kiện lao động cho phép họ làm việc có hiệu quả, nâng cao được năng suất, cải thiện được chất lượng của sản xuất. Vì vậy phải tổ chức công tác trong các xí nghiệp sao cho năng suất tăng dần từng tháng một, từng ba tháng một.

Theo tình hình tổ chức lao động hiện nay trong các xí nghiệp, người ta có thể nói rằng nó đã đáp ứng được những đòi hỏi hiện đại của sản xuất chưa? Khốn thay,

chưa. Dù sao, đến nay chúng ta vẫn còn có những xí nghiệp, trong đó tổ chức lao động không ra gì cả; đáng lẽ cần phải có trật tự và sự chặt chẽ trong công tác thì lại vô trật tự và lộn xộn; đáng lẽ cần phải có trách nhiệm đối với công tác thì lại có tình trạng vô trách nhiệm hoàn toàn, *thiếu tinh thần trách nhiệm cá nhân.*

Thiếu tinh thần trách nhiệm cá nhân là gì?

Nghĩa là thiếu mọi trách nhiệm đối với công tác đã giao phó, đối với các bộ phận máy móc, đối với máy móc, đối với dụng cụ. Người ta biết rằng nếu thiếu tinh thần trách nhiệm thì không thể nào nói đến phát triển, dù rất ít, năng suất lao động, việc cải thiện chất lượng sản phẩm, sự chăm sóc cần thiết đối với các bộ phận máy, máy móc, dụng cụ. Các đồng chí đã biết rằng hiện tượng thiếu tinh thần trách nhiệm cá nhân trong ngành xe lửa đã đem lại kết quả như thế nào rồi. Trong công nghiệp, nó cũng sẽ dẫn tới những kết quả như thế. Chúng ta đã sửa chữa hiện tượng thiếu tinh thần trách nhiệm trong ngành xe lửa, và đã cải thiện được công tác của ngành này. Đối với công nghiệp, chúng ta cũng phải làm như thế để nâng công tác của nó lên một trình độ cao hơn.

Ngày xưa, người ta còn có thể tạm thời « bằng lòng » với tổ chức lao động bất hợp lý ấy, nó dễ thích ứng với tinh thần thiếu trách nhiệm của mỗi người trong một công tác nhất định. Ngày nay thì khác. Tình hình đã khác hẳn. Với những quy mô sản xuất rộng lớn hiện nay và với những xí nghiệp khổng lồ thì thiếu tinh thần trách nhiệm cá nhân là một tai họa đối với công nghiệp; nó làm nguy hại đến mọi thành quả của chúng ta về mặt sản xuất và tổ chức trong các xí nghiệp.

Vì sao thiếu tinh thần trách nhiệm cá nhân lại có thể bắt rễ trong một số xí nghiệp của chúng ta? Nó đã len vào đây như bạn đường bất chính của tuần lễ làm việc không ngừng. Nếu nói rằng tuần lễ làm việc không ngừng tất nhiên gây ra tình trạng thiếu tinh thần trách nhiệm cá nhân trong sản xuất, thì không đúng. Với một tổ chức lao động đúng đắn, với tinh thần trách nhiệm của mỗi người đối với một công tác nhất định, với những nhóm công nhân nhất định đã gắn bó với các bộ phận máy móc và các máy công cụ, với một sự tổ chức đúng đắn những kíp công nhân không thua kém gì nhau về chất lượng và tài năng, với bấy nhiêu điều kiện họp lại thì tuần lễ làm việc không ngừng làm cho năng suất tăng thêm rất nhiều và cải thiện được chất lượng lao động; nó trừ bỏ được cái khuyết điểm là thiếu tinh thần trách nhiệm cá nhân. Sự thật là như thế, chẳng hạn, trong ngành xe lửa, ở đây người ta hiện đang tiến hành tuần lễ làm việc không ngừng, mà vẫn không thấy có tình trạng thiếu tinh thần trách nhiệm cá nhân. Có thể nói rằng trong các xí nghiệp công nghiệp, chúng ta đã có được một tình hình thuận lợi như thế về tuần lễ làm việc không ngừng chưa? Khốn thay, chưa. Sự thật là một số xí nghiệp của chúng ta đã áp dụng tuần lễ làm việc không ngừng một cách quá hấp tấp, không chuẩn bị những điều kiện cần thiết, không tổ chức chu đáo những kíp công nhân tương đối ngang nhau về chất lượng và tài năng, không phân phối trách nhiệm của mọi người đối với một công việc nhất định. Kết quả là: tuần lễ làm việc không ngừng, giao cho những lực lượng thường, đã dẫn đến tình trạng thiếu tinh thần trách nhiệm cá nhân. Do đó, trong một loạt xí nghiệp, chúng ta thấy tuần lễ làm việc không ngừng chỉ là một điều tưởng tượng, một điều nói suông, và có một tình trạng thiếu tinh

thần trách nhiệm cá nhân không phải là tưởng tượng mà là có thật. Do đó sinh ra: tình trạng thiếu tinh thần trách nhiệm đối với công tác, thiếu chăm sóc đến các bộ phận máy móc, làm hư hỏng hàng đống máy công cụ và thiếu đề cao việc nâng cao hiệu suất lao động. Không phải vô cớ mà các công nhân nói rằng: « Chúng ta vốn rất muốn nâng cao hiệu suất và đã cải thiện chất lượng công tác, nhưng chẳng ai chịu trách nhiệm gì cả, vậy ai là người sẽ đánh giá tài năng cho chúng ta? ».

Do đó, một số các đồng chí chúng ta đã quá hấp tấp áp dụng đó đây, tuần lễ làm việc không ngừng, và trong khi vội vàng, họ đã bóp méo nguyên tắc tuần lễ làm việc không ngừng, đã làm cho nó biến thành hiện tượng thiếu tinh thần trách nhiệm.

Muốn sửa chữa tình hình đó và khắc phục hiện tượng thiếu tinh thần trách nhiệm, thì có hai giải pháp. Hoặc là sửa đổi những điều kiện áp dụng tuần lễ làm việc không ngừng, theo gương ngành xe lửa, sao cho nó không thể biến thành hiện tượng thiếu tinh thần trách nhiệm được. Hoặc là, nơi nào hiện nay chưa có điều kiện thuận lợi để thí nghiệm như thế thì bỏ phứt ngay tuần lễ làm việc không ngừng tưởng tượng đi, mà tạm thời chuyển sang tuần lễ có nghỉ, làm việc 6 ngày, như người ta đã làm, mới đây, tại nhà máy sản xuất máy kéo ở Sta-lin-gơ-rát, và chuẩn bị những điều kiện để sau này, lúc cần thiết, sẽ thi hành trở lại tuần lễ làm việc không ngừng thực tế, chứ không phải tưởng tượng, có thể là một tuần lễ làm việc không ngừng mà không thiếu tinh thần trách nhiệm cá nhân.

Không có giải pháp nào khác.

Chắc chắn là những nhà lãnh đạo trong công nghiệp chúng ta cũng đã biết rõ tất cả những điều đó. Nhưng

họ lại làm thinh. Tại sao vậy? Vì hình như họ sợ sự thật. Nhưng những người bôn-sê-vích sợ sự thật từ bao giờ nhỉ? Có đúng là trong nhiều xí nghiệp, tuần lễ làm việc không ngừng đã biến thành hiện tượng thiếu tinh thần trách nhiệm cá nhân, và như thế là ý nghĩa của tuần lễ làm việc không ngừng bị bóp méo đến cực độ không? Người ta tự hỏi một tuần lễ làm việc không ngừng như thế thì dùng để làm gì? Ai dám nói rằng sự cần thiết phải duy trì tuần lễ làm việc không ngừng, đã biến chất, tưởng tượng ấy phải được coi trọng hơn là sự cần thiết phải tổ chức lao động hợp lý, hơn là lợi ích của sự phát triển hiệu suất lao động, hơn là lợi ích của một tuần lễ làm việc không ngừng thật sự, hơn là lợi ích của công nghiệp xã hội chủ nghĩa của chúng ta? Phải chăng rõ ràng là chúng ta chôn cái tuần lễ làm việc không ngừng không thực tế ấy đi càng nhanh bao nhiêu thì chúng ta càng chóng đi đến một tổ chức lao động hợp lý bấy nhiêu?

Một số đồng chí nghĩ rằng người ta có thể khắc phục hiện tượng thiếu tinh thần trách nhiệm cá nhân bằng những lời hô hào suông, bằng những bài diễn văn rỗng tuếch. Tôi biết dù sao cũng có nhiều người lãnh đạo công nghiệp, trong khi đấu tranh chống hiện tượng thiếu tinh thần trách nhiệm, cứ mỗi lần tham gia ý kiến trong các cuộc họp thì chỉ biết lớn tiếng chửi rủa khuyết điểm ấy; hình như họ cho rằng sau những bài diễn văn như thế, khuyết điểm đó tự nó sẽ biến đi, có thể nói là biến đi một cách tự phát. Họ lầm to, nếu họ nghĩ rằng có thể gạt bỏ khuyết điểm đó ra khỏi thực tiễn bằng những bài diễn văn và những lời hô hào suông. Không, các đồng chí ạ, bệnh thiếu tinh thần trách nhiệm cá nhân không bao giờ tự nó biến đi được. Chúng ta và chỉ chúng ta mới có thể và phải khắc

phục khuyết điểm đó, vì chúng ta, các đồng chí và chúng tôi, đang nắm chính quyền, và chúng ta đều chịu trách nhiệm chung về mọi việc, kể cả bệnh thiếu tinh thần trách nhiệm nữa. Tôi nghĩ rằng tốt hơn là các nhà lãnh đạo công nghiệp chúng ta đừng có diễn thuyết và hô hào suông nữa, mà đến ở một hay hai tháng, chẳng hạn, trong hầm mỏ hoặc trong nhà máy, mà nghiên cứu tại chỗ mọi chi tiết và những «cái lặt vặt» trong cách tổ chức lao động, mà thực tế trừ bỏ ngay tại đó bệnh thiếu tinh thần trách nhiệm, để rồi phổ biến kinh nghiệm ở xí nghiệp ấy cho các xí nghiệp khác. Như vậy còn tốt hơn nhiều. Như vậy là đấu tranh thiết thực chống bệnh thiếu tinh thần trách nhiệm, là đấu tranh để tổ chức lao động hợp lý, theo kiểu bôn-sê-vích, là đấu tranh để phân phối hợp lý các lực lượng ở xí nghiệp.

Bởi vậy, *khắc phục hiện tượng thiếu tinh thần trách nhiệm cá nhân, cải tiến tổ chức lao động, phân phối hợp lý các lực lượng ở xí nghiệp:* nhiệm vụ là như thế.

I. V. Xta-lin, *Những vấn đề chủ nghĩa Lê-nin,* Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1959, tr. 517 - 524.

Trích bài:

CÔNG TÁC NÔNG THÔN

Kết quả là phần lớn trách nhiệm điều khiển công việc làm ăn ngày nay đã chuyển từ từng người nông dân riêng rẽ một, sang ban quản trị nông trang, sang hạt nhân lãnh đạo. Bây giờ, không phải nông dân đòi hỏi bản thân họ, mà đòi hỏi ban quản trị nông trang tập thể, hay nói đúng hơn, họ đòi hỏi ban quản trị nông trang tập thể nhiều hơn chính bản thân họ, phải chăm sóc công việc làm ăn và quản trị hợp lý. Điều đó có nghĩa gì? Có nghĩa là ngày nay, Đảng không thể chỉ can thiệp vào quá trình phát triển nông nghiệp bằng từng hành động lẻ tẻ nữa. Ngày nay, Đảng phải tự tay nắm lấy việc lãnh đạo các nông trang tập thể, phải đảm nhiệm các công việc và giúp đỡ các nông trang viên đưa nông trang tập thể của họ tiến lên, trên cơ sở những thành tựu của khoa học và kỹ thuật.

Nhưng không phải đã hết. Nông trang tập thể là một doanh nghiệp lớn. Người ta không thể lãnh đạo một doanh nghiệp lớn như vậy mà không có kế hoạch. Trong nông nghiệp, chỉ có thể quản lý một doanh nghiệp lớn bao gồm hàng trăm, có khi hàng nghìn nông hộ, theo một kế hoạch, chứ không có cách nào khác cả. Nếu

không như thế, doanh nghiệp sẽ đi đến chỗ lụn bại và tan rã. Vậy, đó cũng là một điều kiện mới của chế độ nông trang tập thể, hoàn toàn khác hẳn những điều kiện của việc quản lý kinh tế cá thể. Có thể nào để cho sự lãnh đạo một doanh nghiệp như thế trôi theo cái gọi là chiều hướng tự nhiên của sự việc, theo bước tiến tự phát hay không? Rõ ràng là không thể được. Muốn lãnh đạo một doanh nghiệp như vậy, phải đảm bảo cho nông trang tập thể có được một số người tối thiểu, có học thức cần thiết, có khả năng vạch được kế hoạch cho doanh nghiệp và lãnh đạo doanh nghiệp một cách có tổ chức. Cho nên, không có sự giúp đỡ có hệ thống của chính quyền Xô-viết trong việc xây dựng các nông trang tập thể, không có sự giúp đỡ có hệ thống ấy, thì không thể tổ chức tốt được một doanh nghiệp như thế.

Và do đó thì thế nào? Do đó, chế độ nông trang tập thể không làm giảm bớt mà còn làm tăng thêm sự quan tâm và trách nhiệm của Đảng và chính phủ trong công cuộc phát triển nông nghiệp. Do đó, nếu muốn lãnh đạo phong trào nông trang tập thể, thì Đảng phải đi sâu vào mọi khía cạnh của đời sống nông trang tập thể, vào công tác lãnh đạo các nông trang tập thể ấy. Do đó, Đảng không được giảm bớt, mà phải tăng thêm mối quan hệ với các nông trang tập thể, Đảng phải thấu hiểu tình hình ở đó, để giúp đỡ nông trang tập thể được kịp thời, và tránh được cho nông trang tập thể những mối nguy hại đang đe dọa các nông trang ấy.

Nhưng thực tế chúng ta thấy gì? Thực tế chúng ta thấy một số tổ chức ở xã và ở tỉnh đã xa rời đời sống các nông trang tập thể, không hiểu gì về những nhu cầu của các nông trang tập thể đó. Người ta ngồi ở bàn giấy, múa bút

một cách khoái trá, mà không thấy rằng các nông trang tập thể đang phát triển mà không cần đến những bộ máy quan liêu chủ nghĩa. Trong vài trường hợp, tình trạng xa rời các nông trang tập thể đã đi đến cái mức là một số khu ủy viên sở dĩ biết được tình hình các nông trang tập thể thuộc phạm vi mình phụ trách không phải là qua các tổ chức có trách nhiệm ở xã mà là qua các ủy viên trung ương ở Mạc-tư-khoa. Kể cũng đáng buồn, nhưng đó là sự thật, các đồng chí ạ. Việc chuyển kinh tế cá thể sang nông trang tập thể tất phải làm nổi bật vai trò lãnh đạo của các đảng viên cộng sản ở nông thôn. Nhưng thực tế, việc chuyển đó, trong nhiều trường hợp, đã đưa lại kết quả là các đảng viên cộng sản thỏa mãn với thành tích của mình, bằng cách giơ cái tỷ lệ tập thể hóa cao ra, và họ đã buông cho sự việc trôi theo bước tiến tự phát, theo chiều hướng tự nhiên. Vấn đề lãnh đạo kinh tế tập thể theo kế hoạch tất phải làm nổi bật vai trò lãnh đạo của các đảng viên cộng sản ở nông trang tập thể...

I. V. Xta-lin, *Những vấn đề chủ nghĩa Lê-nin*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1959, tr. 611-613.

Trích:

BÁO CÁO CÔNG TÁC CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN LIÊN-XÔ TẠI ĐẠI HỘI XVII CỦA ĐẢNG

NGÀY 26 THÁNG GIÊNG 1934

4. SỰ PHÁT TRIỂN CỦA THƯƠNG NGHIỆP VÀ VẬN TẢI

Chúng ta thấy như thế này:

a) Sản xuất công nghiệp, kể cả sản xuất những hàng thường dùng đều tăng lên;

b) Sản xuất nông nghiệp tăng lên;

c) Nhu cầu và đòi hỏi của quần chúng lao động ở thành thị và nông thôn, về thực phẩm và những hàng công nghiệp, tăng thêm.

Còn phải làm gì nữa để kết hợp những điều kiện ấy với nhau và đảm bảo cho người tiêu dùng có những sản phẩm và hàng hóa mà họ cần thiết?

Một số đồng chí cho rằng chỉ cần có đủ những điều kiện đó, là đời sống kinh tế nước nhà phát triển mạnh. Sai lầm lớn. Người ta có thể giả thiết rằng tất cả những

điều kiện ấy đều có đủ; nhưng nếu hàng hóa không đến tay người tiêu dùng, thì đời sống kinh tế sẽ không phát triển mạnh được, mà trái lại sẽ bị rối loạn và hoàn toàn bị tan rã. Rốt cuộc lại, cần phải hiểu rằng, nói cho cùng thì hàng hóa không phải chỉ là chế tạo để mà chế tạo, mà chế tạo ra là để được tiêu dùng. Đôi khi chúng ta ở vào tình trạng là chúng ta có khá nhiều hàng hóa và sản phẩm, nhưng những hàng hóa và sản phẩm đó không những không đến được tay người tiêu dùng, mà năm này qua năm khác cứ tiếp tục trải qua mọi ngóc ngách quan liêu chủ nghĩa của cái gọi là hệ thống phân phối hàng hóa, không đến được tay người tiêu dùng. Ai cũng hiểu rằng, trong những điều kiện đó, thì công nghiệp và nông nghiệp không thấy có một chút gì là khuyến khích nó mở rộng sản xuất ra cả; cái hệ thống phân phối thì ứ hàng hóa lại, còn công nhân và nông dân thì vẫn không có hàng hóa và không có sản phẩm. Kết quả là: đời sống kinh tế trong nước bị hỗn loạn, mặc dù vẫn có hàng hóa và sản phẩm dự trữ. Muốn cho đời sống kinh tế trong nước phát triển mạnh mẽ được; muốn cho công nghiệp và nông nghiệp được khuyến khích phát triển sản xuất, thì còn cần phải có một điều kiện nữa mới đủ, tức là: phải khuếch trương hết sức việc *lưu chuyển hàng hóa* giữa thành thị với nông thôn, giữa các địa phương, các miền trong nước, giữa các ngành kinh tế quốc dân với nhau. Phải có một hệ thống dầy đặc những đại lý, những cửa hàng lớn, nhỏ trong toàn quốc. Phải làm cho hàng hóa được lưu chuyển không bao giờ ngừng từ những nơi sản xuất đến tay người tiêu thụ, bằng con đường những đại lý, những cửa hàng lớn, nhỏ ấy. Cần phải làm cho hệ thống thương nghiệp của Nhà nước và hệ thống thương nghiệp hợp tác xã, công nghiệp địa phương, các nông trang tập thể và nông dân cá thể, đều tham gia vào công việc đó.

Đó là cái mà chúng ta gọi là *thương nghiệp* xô-viết trên một quy mô rộng lớn, thương nghiệp *không có* bọn tư bản, thương nghiệp *không có* bọn đầu cơ.

Như các bạn thấy đó, việc phát triển thương nghiệp xô-viết là một vấn đề hết sức bức thiết hiện nay, không giải quyết vấn đề ấy thì không thể tiến lên được.

Mặc dù chân lý đó đã hoàn toàn rõ rệt, nhưng suốt trong thời kỳ vừa qua, Đảng cũng đã phải vượt rất nhiều trở ngại trong việc phát triển thương nghiệp Xô-viết. Nói vắn tắt lại thì có thể nói những chướng ngại đó là kết quả của đầu óc sai lệch của một số đảng viên cộng sản không hiểu gì về sự cần thiết và tầm quan trọng của thương nghiệp Xô-viết.

Trước hết, một bộ phận đảng viên cộng sản vẫn còn giữ một thái độ kiêu kỳ, khinh bỉ đối với thương nghiệp nói chung và đối với thương nghiệp xô-viết nói riêng. Những đảng viên cộng sản đó, — nếu có thể gọi họ là những người cộng sản được, — coi thương nghiệp xô-viết là một việc thứ yếu, không có giá trị gì, và coi những người công tác thương nghiệp như là những con người bỏ đi. Hiển nhiên là những người đó không hiểu rằng, với thái độ kiêu kỳ đối với thương nghiệp xô-viết, họ đã không biểu hiện một quan điểm bôn-sê-vích, mà lại biểu hiện một quan điểm của bọn quý phái bất tài, có những ý định lớn lao, nhưng lại không có khả năng gì cả. *(Vỗ tay)*. Những người đó không hiểu rằng thương nghiệp xô-viết là sự nghiệp của chúng ta, là một sự nghiệp bôn-sê-vích của chính bản thân chúng ta, và những người công tác thương nghiệp, bao gồm cả những người bán hàng, với điều kiện là họ làm việc một cách trung thực, đều là những người thực hiện sự nghiệp cách mạng bôn-sê-vích của chúng ta.

(Vỗ tay). Mọi người đều hiểu rằng Đảng đã phải đả kích một chút vào những đảng viên cộng sản đó, nếu người ta có thể gọi họ như vậy được; còn những thiên kiến quý phái của họ, thì Đảng đã đem vứt vào trong hố rác rồi. *(Vỗ tay hồi lâu).*

Thứ nữa, chúng ta đã phải khắc phục một loại thiên kiến khác nữa. Tôi muốn nói đến cái giọng ba hoa tả khuynh lưu hành trong một bộ phận cán bộ chúng ta. Họ cho rằng thương nghiệp xô-viết của chúng ta là một giai đoạn đã qua rồi; rằng chúng ta phải tổ chức việc trực tiếp trao đổi sản phẩm; rằng tiền bạc phải được mau chóng bỏ đi vì nó đã trở thành một thứ tiền đơn thuần dùng để tính toán với nhau thôi; rằng không cần gì phải phát triển thương nghiệp nữa, vì việc trao đổi trực tiếp là một vấn đề tương lai trước mắt rồi. Nên chú ý rằng cái giọng ba hoa tả khuynh tiểu tư sản đó, cái giọng đã giúp đỡ cho những thành phần tư bản chủ nghĩa nhằm phá hoại sự phát triển thương nghiệp xô-viết, đã lưu hành không những trong một bộ phận trong các «giáo sư đỏ», mà cả trong một số cán bộ thương nghiệp nữa. Thật là buồn cười và khôi hài khi thấy những người ấy, — ngay tổ chức cái việc đơn giản là thương nghiệp xô-viết cũng bất lực, — mà lại định tổ chức cái việc phức tạp hơn và khó khăn hơn tức là việc trao đổi trực tiếp. Nhưng những Đôn Ky-sốt sở dĩ gọi là Đôn Ky-sốt, chính bởi vì họ đã hoàn toàn không có ý thức thông thường về đời sống. Những người ấy, họ xa cách chủ nghĩa Mác như trời xa đất, hiển nhiên là họ không hiểu rằng tiền tệ vẫn còn tồn tại lâu dài ở nước ta, cho đến hết giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản, tức là đến giai đoạn xã hội chủ nghĩa của quá trình phát triển. Họ không hiểu rằng tiền tệ là cái công cụ của kinh tế tư

sản mà chính quyền Xô-viết đã nắm lấy, làm cho nó thích ứng với lợi ích của chủ nghĩa xã hội đặng phát triển đến cùng thương nghiệp xô-viết và như thế để chuẩn bị điều kiện cho việc trao đổi trực tiếp. Họ không hiểu rằng việc trao đổi trực tiếp chỉ có thể đến sau, chỉ có thể là kết quả của một nền thương nghiệp xô-viết được tổ chức hoàn hảo, nhưng việc này thì chúng ta lại chưa làm được, còn xa mới làm được và không phải sẽ làm được một cách mau chóng đâu. Mọi người đều thấy rằng Đảng, vì muốn mở rộng thương nghiệp xô-viết, đã nhận định rằng cũng cần thiết phải đả kích những anh « tả khuynh » lạ đời đó và vứt hết những thứ ba hoa tiểu tư sản của họ đi.

Ngoài ra, còn cần phải khắc phục cái thói xấu của những người công tác thương nghiệp là cứ phân phối hàng hóa một cách thuần túy máy móc, cần phải chấm dứt thái độ khinh thị của họ đối với mặt hàng của hàng hóa và nhu cầu của người tiêu thụ, chấm dứt hiện tượng phân phối hàng hóa một cách không hợp lý và không có tinh thần phụ trách cá nhân trong thương nghiệp. Để nhằm mục đích đó, chúng ta đã thiết lập những sở thương nghiệp ở các khu và giữa các khu với nhau, lập ra hàng vạn những cửa hàng lớn và nhỏ.

I. V. Xta-lin, *Những vấn đề chủ nghĩa Lê-nin*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1959, tr. 695-698.

Trích :

Ý KIẾN VỀ NHỮNG VẤN ĐỀ KINH TẾ ĐỀ RA TRONG CUỘC TRANH LUẬN THÁNG MỘT 1951

1. VỀ TÍNH CHẤT CỦA CÁC QUY LUẬT KINH TẾ DƯỚI CHẾ ĐỘ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Có một số đồng chí phủ nhận tính chất khách quan của các quy luật của khoa học, đặc biệt là các quy luật của kinh tế chính trị học dưới chế độ xã hội chủ nghĩa. Họ không cho rằng những quy luật của kinh tế chính trị học phản ánh tính quy luật của các quá trình xảy ra một cách độc lập đối với ý chí con người. Họ cho rằng vì lịch sử đã dành cho Nhà nước Xô-viết một tác dụng đặc biệt nên Nhà nước Xô-viết, những người lãnh đạo nó, có thể xóa bỏ được các quy luật hiện có của kinh tế chính trị học và có thể «chế định» ra, «sáng tạo» ra những quy luật mới.

Các đồng chí ấy nhầm to. Rõ ràng là họ lẫn lộn các quy luật của khoa học là những quy luật phản ánh các quá trình khách quan trong tự nhiên và trong xã hội và tác động một cách độc lập đối với ý chí của con người, với những pháp

lệnh do các chính phủ ban bố, do ý chí của con người tạo ra và chỉ có hiệu lực về mặt pháp luật mà thôi. Nhưng bất luận thế nào, cũng không được lẫn lộn như vậy.

Chủ nghĩa Mác hiểu rằng những quy luật của khoa học — dù là quy luật của tự nhiên hay quy luật của kinh tế chính trị học — đều là phản ánh của những quá trình khách quan tác động một cách độc lập đối với ý chí con người. Người ta có thể phát hiện ra, nhận thức, nghiên cứu những quy luật đó, căn cứ vào chúng trong hành động của mình, vận dụng chúng để làm lợi cho xã hội, nhưng người ta không thể thay đổi hay xóa bỏ những quy luật ấy đi được. Người ta lại càng không thể chế định ra hay sáng tạo ra những quy luật mới của khoa học.

Nhưng nói như thế, phải chăng có nghĩa chẳng hạn rằng những kết quả của tác dụng của các quy luật tự nhiên, của các lực lượng tự nhiên, là nói chung tuyệt đối không thể tránh được; rằng tác dụng phá hoại của những lực lượng tự nhiên đều phát sinh, mọi lúc, mọi nơi, một cách tự phát không tài nào chế ngự được và không chịu ảnh hưởng nào của con người? Đương nhiên không phải thế. Nếu chúng ta không kể những quá trình thiên văn, địa chất và một vài quá trình tương tự, mà người ta dù có biết rõ quy luật phát triển của chúng cũng hoàn toàn bất lực, không tác động gì đến chúng được, thì trong nhiều trường hợp, người ta quyết không phải là bất lực không tác động gì được đến các quá trình tự nhiên đâu. Trong tất cả những trường hợp đó, nếu người ta tìm hiểu được các quy luật tự nhiên, chú ý đến chúng, dựa vào chúng, ứng dụng chúng một cách khéo léo và lợi dụng chúng, thì có thể hạn chế được phạm vi tác động của chúng, hướng những lực lượng phá hoại của tự nhiên vào một con đường khác, bắt chúng phải phục vụ xã hội.

Chúng ta hãy lấy một trong nhiều ví dụ. Thời thượng cổ, khi nước các con sông lớn tràn ra khỏi bờ, gây ra nạn lụt, phá hoại nhà cửa và ruộng vườn, thì người ta cho đấy là một tai họa mà con người bất lực không chống lại nổi. Nhưng với thời gian, với sự phát triển của trí thức nhân loại, con người đã biết xây dựng các đập và các nhà máy thủy điện thì người ta tìm được cách tránh cho xã hội những nạn lụt mà ngày xưa người ta tưởng chừng như không thể chế ngự được. Hơn thế nữa: người ta tìm được cách chế ngự, có thể nói là thuần phục, những lực lượng phá hoại của tự nhiên, bắt sức nước phải phục vụ xã hội, lợi dụng sức nước để tưới đồng ruộng, để phát điện.

Làm được như vậy, phải chăng là con người đã xóa bỏ được các quy luật của tự nhiên, các quy luật của khoa học, con người đã tạo ra được những quy luật mới của tự nhiên, những quy luật mới của khoa học? Không, không phải thế. Đúng là tất cả công cuộc ấy, công cuộc nhằm phòng ngừa tác dụng phá hoại của sức nước, nhằm lợi dụng sức nước để mưu lợi ích cho xã hội đã được tiến hành, nhưng tuyệt nhiên những quy luật của khoa học không bị vi phạm, thay đổi hay xóa bỏ, và không có những quy luật mới nào của khoa học được sáng tạo ra. Trái lại, tất cả những công cuộc đó được tiến hành là nhờ dựa một cách chính xác vào những quy luật của tự nhiên, vào những quy luật của khoa học, vì nếu vi phạm như thế nào đó những quy luật của tự nhiên, nếu vi phạm một tý chút những quy luật đó thì công cuộc đó ắt bị rối loạn và thất bại.

Về các quy luật của sự phát triển kinh tế, các quy luật của kinh tế chính trị học — không kể là trong thời đại tư

bản hay trong thời đại xã hội chủ nghĩa — ta cũng phải nói như vậy. Ở đây cũng thế, cũng hệt như trong các ngành khoa học tự nhiên, các quy luật của sự phát triển kinh tế là những quy luật khách quan phản ánh các quá trình phát triển kinh tế xảy ra một cách độc lập đối với ý chí con người. Người ta có thể phát hiện ra những quy luật đó, hiểu được chúng và dựa vào chúng để vận dụng chúng mà mưu lợi ích cho xã hội, hướng tác dụng phá hoại của một số quy luật vào một con đường khác, hạn chế phạm vi tác động của chúng, mở đường cho những quy luật khác đang tìm đường đi, có thể phát sinh tác dụng một cách rộng rãi, nhưng người ta không thể xóa bỏ chúng, hay tạo ra những quy luật kinh tế mới được.

Một trong những đặc điểm của kinh tế chính trị học là, khác với những quy luật của tự nhiên, những quy luật của nó không phải đời đời không thay đổi; chúng — ít ra là số lớn những quy luật đó — phát sinh tác dụng trong một thời đại lịch sử nào đó, rồi sau, nhường chỗ cho những quy luật khác. Chúng không phải là bị xóa bỏ đâu mà là mất hiệu lực trước những điều kiện kinh tế mới và rút lui khỏi vũ đài để nhường chỗ cho những quy luật mới, những quy luật không phải là do ý chí con người tạo ra mà là xuất hiện trên cơ sở những điều kiện kinh tế mới.

Có người viện ra cuốn *Chống Đuy-rinh* của Ăng-ghen, viện ra một công thức của Ăng-ghen nói rằng chủ nghĩa tư bản bị thủ tiêu và tư liệu sản xuất được xã hội hóa sẽ khiến người ta có được quyền chi phối tư liệu sản xuất, thoát được ách khống chế của những quan hệ kinh tế và xã hội và « làm chủ » được đời sống xã hội của mình. Ăng-ghen gọi tự do ấy là « tính tất yếu đã được nhận thức ». « Tính tất yếu đã được nhận thức » ấy có thể có nghĩa là

gì? Có nghĩa là người ta, sau khi hiểu biết các quy luật khách quan («tính tất yếu»), sẽ vận dụng những quy luật ấy một cách hoàn toàn tự giác để mưu lợi ích cho xã hội. Vì vậy cũng trong cuốn sách đó, Ăng-ghen đã nói:

« Những quy luật của hành động xã hội của con người, trước đây đối với con người, đều là những quy luật tự nhiên xa lạ và thống trị con người thì nay, con người đã vận dụng được chúng một cách hoàn toàn vững vàng ».

Như chúng ta đều thấy, công thức của Ăng-ghen tuyệt đối không biện hộ cho những người nghĩ rằng, dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, có thể xóa bỏ được những quy luật kinh tế hiện có và tạo ra những quy luật kinh tế mới. Trái lại, công thức ấy không yêu cầu phải xóa bỏ những quy luật kinh tế đó, mà phải nhận thức và khéo léo vận dụng chúng.

Người ta nói rằng các quy luật kinh tế mang tính chất tự phát; rằng không thể tránh khỏi tác động của những quy luật ấy; rằng xã hội hoàn toàn bất lực đối với chúng. Như vậy là không đúng. Như vậy là biến quy luật thành thần tượng, tự mình làm nô lệ cho quy luật. Sự thật đã chứng minh rằng xã hội không bất lực trước các quy luật; mà xã hội, nhờ hiểu biết các quy luật kinh tế và dựa vào chúng, có thể hạn chế phạm vi tác động của chúng, lợi dụng chúng để mưu lợi ích cho xã hội và «thuần phục» chúng, chẳng khác gì đối với các lực lượng tự nhiên và các quy luật của những lực lượng đó, như trong ví dụ kể trên về nạn lụt của các sông lớn tràn bờ.

Có người viện ra tác dụng đặc biệt của chính quyền Xô-viết trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, tác dụng đã khiến cho chính quyền Xô-viết xóa bỏ được những quy luật hiện có của sự phát triển kinh tế và «sáng tạo» ra những quy luật mới. Điều này cũng sai.

Có thể giải thích tác dụng đặc biệt của chính quyền Xô-viết bằng hai sự việc: thứ nhất là chính quyền Xô-viết không được đem thay một hình thức bóc lột này bằng một hình thức bóc lột khác, như đã xảy ra trong các cuộc cách mạng thời trước, mà phải xóa bỏ mọi sự bóc lột; thứ hai là do chỗ trong nước không có những mầm mống sẵn có của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa nên chính quyền Xô-viết đã phải tạo ra những hình thức kinh tế mới, xã hội chủ nghĩa, có thể nói là trên một « mảnh đất trống ».

Nhiệm vụ ấy chắc chắn là khó khăn và phức tạp, chưa từng có. Nhưng chính quyền Xô-viết đã làm tròn nhiệm vụ ấy một cách vinh quang. Không phải vì nó đã — như người ta nói — xóa bỏ những quy luật kinh tế hiện có và « chế định » ra những quy luật mới, mà chỉ là vì nó đã dựa vào quy luật kinh tế: những quan hệ sản xuất *nhất định phải phù hợp* với tính chất của những lực lượng sản xuất. Trước kia, những lực lượng sản xuất của nước ta, đặc biệt là trong công nghiệp, có tính chất xã hội, nhưng hình thức của chế độ sở hữu lại có tính chất tư nhân, tư bản chủ nghĩa. Dựa vào quy luật quan hệ sản xuất nhất định phải phù hợp với tính chất của những lực lượng sản xuất, chính quyền Xô-viết đã xã hội hóa những tư liệu sản xuất, biến những tư liệu ấy thành tài sản của toàn dân, do đấy mà xóa bỏ được chế độ bóc lột và tạo ra những hình thức kinh tế xã hội chủ nghĩa. Không có quy luật đó và không dựa vào nó, thì chính quyền Xô-viết ắt đã không thể làm tròn được nhiệm vụ của mình.

Từ lâu, quy luật kinh tế về sự nhất định phải phù hợp giữa quan hệ sản xuất và tính chất của những lực lượng sản xuất đã mở được con đường đi của nó trong các nước tư bản. Sở dĩ nó chưa đi đến cùng trên con đường đó và

không được tự do phát sinh tác dụng, là vì nó gặp phải sự phản kháng mạnh mẽ nhất của những lực lượng đang suy tàn trong xã hội. Ở đây, chúng ta thấy một đặc điểm khác nữa của những quy luật kinh tế. Trong khoa học tự nhiên, việc phát hiện và ứng dụng một quy luật mới được tiến hành ít nhiều thuận lợi, nhưng, trong lãnh vực kinh tế học, thì việc phát hiện và ứng dụng một quy luật mới đụng chạm đến lợi ích của những lực lượng đang suy tàn trong xã hội, sẽ gặp phải sự phản kháng mạnh mẽ nhất của những lực lượng đó. Vì vậy, cần phải có một lực lượng, một lực lượng xã hội có thể chiến thắng sự phản kháng đó. Trong nước ta, lực lượng đó biểu hiện dưới hình thức liên minh giữa giai cấp công nhân và nông dân là những người chiếm tuyệt đại đa số trong xã hội. Các nước khác, các nước tư bản chưa có lực lượng đó. Điều này giải thích cho ta thấy tại sao chính quyền Xô-viết đã có thể phá tan được những lực lượng cũ của xã hội, và tại sao cái quy luật kinh tế về sự nhất định phải phù hợp giữa những quan hệ sản xuất và tính chất của những lực lượng sản xuất đã phát sinh tác dụng rộng rãi như thế ở nước ta.

Có người nói rằng sự tất yếu phải phát triển một cách cân đối (có tỷ lệ) nền kinh tế của chúng ta khiến cho chính quyền Xô-viết có thể xóa bỏ được những quy luật kinh tế hiện có và tạo ra những quy luật mới. Nói như vậy là hoàn toàn sai. Không được lẫn lộn các kế hoạch hàng năm và kế hoạch 5 năm của chúng ta với quy luật kinh tế khách quan về sự phát triển cân đối, có tỷ lệ, của nền kinh tế quốc dân. Quy luật phát triển cân đối của nền kinh tế quốc dân xuất hiện đối lập với quy luật cạnh tranh và sản xuất vô chính phủ dưới chế độ tư bản. Nó xuất hiện trên cơ sở xã hội hóa những tư liệu sản xuất, sau khi quy luật

cạnh tranh và sản xuất vô chính phủ đã mất giá trị. Nó đã phát sinh tác dụng, vì nền kinh tế xã hội chủ nghĩa của một nước chỉ có thể thực hiện trên cơ sở quy luật phát triển cân đối của nền kinh tế quốc dân. Như vậy có nghĩa là quy luật phát triển cân đối của nền kinh tế quốc dân giúp cho các cơ quan làm kế hoạch của chúng ta có *khả năng* kế hoạch hóa đúng đắn nền sản xuất xã hội. Nhưng không được lẫn lộn *khả năng* với *hiện thực*. Đây là hai cái khác nhau. Muốn biến khả năng đó thành hiện thực, chúng ta phải nghiên cứu quy luật kinh tế nói trên, làm chủ nó; phải học ứng dụng nó một cách thông thạo, phải vạch ra những kế hoạch phản ánh đầy đủ các yêu cầu của quy luật đó. Không thể nói rằng các kế hoạch hàng năm và 5 năm ở nước ta đã phản ánh đầy đủ các yêu cầu của quy luật kinh tế đó rồi.

Có người nói rằng một số quy luật kinh tế, kể cả quy luật giá trị, đang phát sinh tác dụng ở nước ta, dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, là những quy luật « đã được thay đổi » hay thậm chí « đã được căn bản thay đổi » trên cơ sở nền kinh tế kế hoạch hóa. Như thế cũng sai. Người ta không thể thay đổi được các quy luật, huống hồ là thay đổi về căn bản. Nếu có thể thay đổi được chúng thì cũng có thể xóa bỏ được chúng, thay chúng bằng những quy luật mới. Nói « thay đổi » các quy luật là di tích của cách nói sai lầm: « xóa bỏ » và « làm ra » các quy luật. Mặc dù ở nước ta, từ lâu người ta đã quen nói « thay đổi » các quy luật kinh tế, nhưng để được chính xác hơn, chúng ta bắt buộc phải bỏ cách nói đó đi. Người ta có thể hạn chế phạm vi tác dụng của những quy luật kinh tế này hay của những quy luật kinh tế khác, người ta có thể ngăn ngừa tác dụng phá hoại của chúng, nếu như tác dụng đó xảy ra, nhưng người ta không thể « thay đổi » hay « xóa bỏ » chúng được.

Vì vậy, khi nói « chinh phục » các lực lượng tự nhiên hay các lực lượng kinh tế, khi nói « không chế » những lực lượng đó, vân vân... thì hoàn toàn không phải có nghĩa là nói rằng người ta có thể « xóa bỏ » hay « làm ra » các quy luật của khoa học. Trái lại, nói như thế chỉ có nghĩa là nói rằng người ta có thể phát hiện, hiểu biết, nắm vững các quy luật, học cách ứng dụng chúng một cách hoàn toàn thông thạo, vận dụng chúng để mưu lợi ích cho xã hội, do đấy mà chinh phục được chúng, bắt chúng phải chịu sự thống trị của mình.

Như vậy là, dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, các quy luật của kinh tế chính trị học là những quy luật khách quan phản ánh tính quy luật của các quá trình sinh hoạt kinh tế xảy ra một cách độc lập đối với ý chí chúng ta. Phủ nhận luận điểm đó là căn bản phủ nhận khoa học, mà phủ nhận khoa học tức là phủ nhận khả năng của mọi dự kiến — như vậy là phủ nhận khả năng lãnh đạo đời sống kinh tế.

Người ta có thể nói rằng điều nói trên đây là đúng, mọi người đều biết cả rồi, không có gì mới mẻ và do đấy, nếu đem nhắc lại những chân lý ai nấy đều biết thì chỉ mất thì giờ thôi. Đành rằng điều đó không có gì là mới cả, nhưng người ta sẽ lầm nếu tưởng rằng nhắc lại một số chân lý ai nấy đều biết là mất thì giờ. Vì mỗi năm, có hàng nghìn cán bộ mới và trẻ đến với chúng ta (chúng ta là hạt nhân lãnh đạo); họ nóng lòng muốn giúp đỡ chúng ta, nóng lòng muốn phát huy tài năng, nhưng họ chưa được giáo dục đầy đủ về chủ nghĩa Mác; họ không biết nhiều chân lý mà chúng ta biết rất rõ, và họ buộc phải đi sờ soạng trong bóng tối. Họ ngạc nhiên trước những thành tựu kỳ lạ của chính quyền Xô-viết, những thành công phi thường của chế độ Xô-viết đã làm họ say sưa, thế là họ tưởng

rằng chính quyền xô-viết có thể « làm được tất cả », « không có gì làm cho chính quyền Xô-viết lúng túng cả »; chính quyền Xô-viết có thể xóa bỏ các quy luật của khoa học và tạo ra những quy luật mới. Đối với những đồng chí ấy, chúng ta phải làm gì? Làm thế nào để giáo dục họ theo tinh thần chủ nghĩa Mác — Lê-nin? Tôi cho rằng nhắc lại một cách có hệ thống và giải thích kiên nhẫn cho họ hiểu những chân lý gọi là « ai nấy đều biết » là một trong những cách tốt nhất để giáo dục chủ nghĩa Mác cho các đồng chí ấy.

2. VỀ NỀN SẢN XUẤT HÀNG HÓA DƯỚI CHẾ ĐỘ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Có vài đồng chí cho rằng sau khi đã nắm được chính quyền và quốc hữu hóa những tư liệu sản xuất trong nước ta mà Đảng còn duy trì nền sản xuất hàng hóa, thì như thế là sai. Họ cho rằng khi ấy, đáng lẽ Đảng phải xóa bỏ nền sản xuất hàng hóa đi. Họ dẫn chứng một câu của Ăng-ghen nói rằng:

« Khi xã hội đã nắm được những tư liệu sản xuất thì nền sản xuất hàng hóa chấm dứt và do đấy sự thống trị của đồ vật đối với người sản xuất cũng chấm dứt ». (Xem *Chống Đuy-rinh*).

Những đồng chí ấy nhầm to.

Chúng ta hãy phân tích công thức của Ăng-ghen. Không thể cho rằng công thức đó là hoàn toàn rõ ràng và chính xác được, vì nó không nói rõ xã hội nắm được *tất cả* những tư liệu sản xuất hay chỉ một bộ phận những tư liệu sản xuất thôi, nghĩa là không nói rõ *tất cả* những tư liệu sản

xuất hay chỉ một bộ phận được chuyển thành sở hữu của nhân dân? Vậy thì công thức *đó* của Ăng-ghen có thể hiểu hai cách.

Trong một đoạn khác của cuốn *Chống Đuy-rinh,* Ăng-ghen nói đến việc chiếm hữu « *tất cả* những tư liệu sản xuất », « toàn bộ những tư liệu sản xuất ». Vậy là trong công thức đó, Ăng-ghen không nói quốc hữu hóa một bộ phận, mà *toàn bộ* những tư liệu sản xuất, nghĩa là những tư liệu sản xuất không những trong công nghiệp mà cả trong nông nghiệp, đều được chuyển thành sở hữu của nhân dân.

Như vậy là Ăng-ghen muốn nói đến những nước mà chủ nghĩa tư bản và sự tập trung sản xuất đã phát triển đầy đủ không những trong công nghiệp mà cả trong nông nghiệp nữa, khiến có thể tước đoạt *hết thảy* những tư liệu sản xuất trong nước và chuyển những tư liệu đó thành sở hữu của nhân dân. Vậy là Ăng-ghen cho rằng trong những *nước ấy*, nên xóa bỏ nền sản xuất hàng hóa song song với việc xã hội hóa *tất cả* những tư liệu sản xuất. Đương nhiên như thế là rất đúng.

Cuối thế kỷ trước, khi xuất bản cuốn *Chống Đuy-rinh* thì chỉ có một mình nước Anh là nước mà, trong công nghiệp cũng như trong nông nghiệp, chủ nghĩa tư bản đã phát triển và sản xuất đã tập trung đến một mức khiến giai cấp vô sản, khi cướp được chính quyền, có thể, chuyển *hết thảy* những tư liệu sản xuất thành sở hữu của nhân dân và xóa bỏ nền sản xuất hàng hóa.

Ở đây, tôi không nói đến ý nghĩa của ngoại thương đối với nước Anh và tỷ trọng to lớn của nó trong nền kinh tế quốc dân Anh. Tôi cho rằng chỉ sau khi nghiên cứu vấn đề thì người ta mới có thể quyết định hẳn được số

phận của nền sản xuất hàng hóa ở Anh, sau khi giai cấp vô sản nắm chính quyền và sau khi quốc hữu hóa *tất cả* những tư liệu sản xuất.

Vả lại, không phải chỉ vào cuối thế kỷ vừa qua, mà ngày nay cũng thế, chưa có một nước nào mà chủ nghĩa tư bản đã phát triển và nền sản xuất nông nghiệp đã tập trung đến một trình độ như chúng ta thấy ở Anh. Đối với những nước khác, mặc dù chủ nghĩa tư bản có phát triển ở nông thôn, nhưng ở đó, vẫn còn một tầng lớp khá đông đảo những người sản xuất tư hữu hạng nhỏ và hạng trung mà giai cấp vô sản, một khi lên nắm chính quyền, phải quyết định số phận của họ.

Nhưng có một vấn đề như sau: nếu trong một nước nào đó, kể cả nước ta, có những điều kiện thuận lợi cho giai cấp vô sản giành chính quyền và lật đổ chủ nghĩa tư bản; nếu trong nước đó, chủ nghĩa tư bản trong công nghiệp đã tập trung những tư liệu sản xuất đến mức độ khiến người ta có thể tước đoạt và chuyển những tư liệu đó thành sở hữu của xã hội, nhưng mặc dù chủ nghĩa tư bản có phát triển, nông nghiệp vẫn bị phân tán trong tay đông đảo những người sản xuất tư hữu hạng nhỏ và hạng trung đến mức không thể nào đặt được vấn đề tước quyền sở hữu của những người sản xuất đó, thì giai cấp vô sản và đảng của nó phải làm thế nào?

Công thức của Ăng-ghen không giải đáp vấn đề đó. Hơn nữa, nó cũng không có nhiệm vụ giải đáp, vì nó xuất hiện trên cơ sở một vấn đề khác, vấn đề xét xem sau khi *hết thảy* những tư liệu sản xuất đã được xã hội hóa, thì số phận của nền sản xuất hàng hóa sẽ ra sao.

Như vậy thì làm thế nào, nếu *không phải* tất cả, mà chỉ có một bộ phận những tư liệu sản xuất là được xã

hội hóa, và nêu những điều kiện để cho giai cấp vô sản giành lấy chính quyền đã có đầy đủ, — giai cấp vô sản có nên giành lấy chính quyền không và ngay sau đó có phải xóa bỏ nền sản xuất hàng hóa không?

Một số nhà mác-xít giả hiệu có ý kiến cho rằng, trong những điều kiện ấy, thì nên từ bỏ việc giành lấy chính quyền và đợi cho chủ nghĩa tư bản có đủ thì giờ để làm phá sản hàng triệu người sản xuất nhỏ và trung bình, biến họ thành công nhân nông nghiệp và tập trung tư liệu sản xuất trong nông nghiệp; và chỉ sau khi đó, người ta mới có thể đặt ra vấn đề giai cấp vô sản giành chính quyền và vấn đề xã hội hóa *hết thảy* tư liệu sản xuất, — đương nhiên một ý kiến như thế, ta không thể coi là một lời giải đáp được. Dĩ nhiên là những người mác-xít không thể chấp nhận được «lối giải quyết đó» nếu không muốn rơi vào nguy cơ mất hết danh dự của mình.

Có những nhà mác-xít giả hiệu khác có ý kiến cho rằng có lẽ nên giành chính quyền, tước đoạt những người sản xuất hạng nhỏ và hạng trung ở nông thôn và xã hội hóa tư liệu sản xuất của họ, — ý kiến này cũng không thể xem là một câu giải đáp được. Những người mác-xít cũng không thể nào đi theo con đường dại dột và tội lỗi đó, làm cho cuộc cách mạng vô sản mất hết mọi khả năng thắng lợi và đẩy nông dân về phe kẻ thù của giai cấp vô sản trong một thời gian lâu.

Lê-nin đã giải đáp vấn đề này trong những trước tác của Người nói về «thuế lương thực» và trong «kế hoạch hợp tác xã» nổi tiếng của Người.

Lời giải đáp của Lê-nin tóm lại là như sau:

a) Không được bỏ qua những điều kiện thuận lợi để giành lấy chính quyền; giai cấp vô sản sẽ giành lấy chính

quyền chứ không đợi đến khi chủ nghĩa tư bản có khả năng làm phá sản hàng triệu những người sản xuất cá thể hạng nhỏ và hạng trung;

b) Tước đoạt những tư liệu sản xuất trong công nghiệp và chuyển những tư liệu đó thành sở hữu của nhân dân;

c) Đối với những người sản xuất cá thể hạng nhỏ và hạng trung, ta sẽ dần dần tập hợp họ vào trong những hợp tác xã sản xuất, nghĩa là trong những xí nghiệp nông nghiệp lớn, tức là những nông trang tập thể;

d) Dùng mọi biện pháp để phát triển công nghiệp, kiến lập cho các nông trang tập thể một cơ sở kỹ thuật hiện đại, cơ sở kỹ thuật của nền sản xuất lớn; không tước đoạt những nông trang tập thể mà trái lại, cung cấp cho họ nhiều máy kéo và các thứ máy tinh xảo khác;

e) Để bảo đảm liên minh kinh tế giữa thành thị và nông thôn, giữa công nghiệp và nông nghiệp, ta sẽ duy trì, trong một thời gian, nền sản xuất hàng hóa (trao đổi bằng mua và bán), coi đó là hình thức *duy nhất có thể chấp nhận được* — đối với nông dân — của những mối liên hệ kinh tế với thành thị, và ta sẽ phát triển triệt để nền thương nghiệp xô-viết, tức là thương nghiệp quốc doanh, thương nghiệp hợp tác xã và thương nghiệp tập thể nông trang và loại trừ hết thảy bọn tư bản ra khỏi thương nghiệp.

Lịch sử công cuộc kiến thiết xã hội chủ nghĩa ở nước ta chứng tỏ rằng đường lối phát triển ấy do Lê-nin vạch ra, là hoàn toàn đúng.

Không còn nghi ngờ gì nữa rằng đối với hết thảy các nước tư bản có một tầng lớp ít hay nhiều những người sản xuất hạng nhỏ và hạng trung thì đường lối phát triển đó là đường lối duy nhất có thể có được và hợp lý khiến cho chủ nghĩa xã hội thắng lợi.

Có người nói rằng trong bất cứ điều kiện nào nền sản xuất hàng hóa dù sao cũng dẫn đến và nhất định sẽ dẫn đến chủ nghĩa tư bản. Không đúng đâu. Không phải trong bất cứ lúc nào và trong bất cứ điều kiện nào cũng đều như vậy cả. Không thể coi sản xuất hàng hóa và sản xuất tư bản chủ nghĩa là một được. Đấy là hai cái khác nhau. Sản xuất tư bản chủ nghĩa là hình thức cao của sản xuất hàng hóa. Sản xuất hàng hóa chỉ dẫn đến chủ nghĩa tư bản, *nếu* chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất tồn tại, *nếu* sức lao động xuất hiện trên thị trường thành một hàng hóa mà nhà tư bản có thể mua và bóc lột trong quá trình sản xuất, *nếu* do đó, trong nước còn có chế độ bóc lột của bọn tư bản đối với công nhân làm thuê. Sản xuất tư bản chủ nghĩa xuất hiện ở những nơi nào mà tư liệu sản xuất tập trung trong tay tư nhân, còn công nhân không có tư liệu sản xuất thì bắt buộc phải bán sức lao động của mình như bán hàng hóa. Không thế, thì không có sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Như vậy, nếu chưa có đủ những điều kiện đó, những điều kiện biến sản xuất hàng hóa thành sản xuất tư bản chủ nghĩa, nếu tư liệu sản xuất không còn là tài sản tư nhân nữa mà là tài sản xã hội chủ nghĩa, nếu chế độ làm thuê không tồn tại và sức lao động không còn là một hàng hóa nữa, nếu chế độ bóc lột đã bị thủ tiêu từ lâu thì làm thế nào có thể cho rằng sản xuất hàng hóa vẫn cứ dẫn đến chủ nghĩa tư bản hay không? Tất nhiên là không. Xã hội chúng ta chính là một xã hội mà chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, chế độ làm thuê và chế độ bóc lột không còn tồn tại từ lâu nay rồi.

Không thể xem sản xuất hàng hóa là một cái gì độc lập tự tại không phụ thuộc vào hoàn cảnh kinh tế xung quanh. Sản xuất hàng hóa có trước sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Nó đã tồn tại dưới chế độ chiếm hữu nô lệ và phục vụ chế độ đó, nhưng không dẫn đến chủ nghĩa tư bản. Nó đã tồn tại dưới chế độ phong kiến và phục vụ chế độ đó, nhưng vẫn không dẫn đến chủ nghĩa tư bản, tuy nó có chuẩn bị một số điều kiện cho nền sản xuất tư bản chủ nghĩa. Vấn đề đặt ra là: tại sao nền sản xuất hàng hóa cũng lại không có thể, trong một thời gian nào đó, phục vụ xã hội xã hội chủ nghĩa của chúng ta mà vẫn không dẫn đến chủ nghĩa tư bản, nếu chúng ta chú ý rằng nền sản xuất hàng hóa ở nước ta không có một sự tồn tại vô hạn độ và phổ biến khắp nơi như nó vẫn có trong điều kiện tư bản chủ nghĩa; rằng ở nước ta, sản xuất hàng hóa bị đặt vào trong một khuôn khổ chặt chẽ là nhờ có những điều kiện kinh tế quyết định, như chế độ sở hữu xã hội về tư liệu sản xuất, sự xóa bỏ chế độ làm thuê và chế độ bóc lột?

Có người nói rằng sau khi chế độ sở hữu xã hội về tư liệu sản xuất được thiết lập ở nước ta và chế độ làm thuê cùng chế độ bóc lột bị thủ tiêu thì sản xuất hàng hóa không còn ý nghĩa gì nữa, và do đấy phải xóa bỏ nó đi.

Nói như vậy cũng sai. Hiện nay, ở nước ta, có hai hình thức cơ bản của nền sản xuất xã hội chủ nghĩa: hình thức quốc doanh, nghĩa là của toàn dân và hình thức nông trang tập thể mà chúng ta không thể gọi là của toàn dân được. Trong các xí nghiệp quốc doanh, tư liệu sản xuất và sản phẩm là tài sản của toàn dân. Trong các nông trang tập thể, mặc dù tư liệu sản xuất (đất, máy móc) là của Nhà nước, nhưng sản phẩm thu hoạch được lại thuộc quyền sở hữu của những nông trang tập thể đã xuất công và giống má; trên thực tế, các nông trang tập thể được sử dụng đất đai mà Nhà nước đã vĩnh viễn giao cho họ, như sử dụng tài sản riêng của mình, tuy rằng họ không được mua, bán, cho thuê hay cầm cố đất đai đó.

Vậy là Nhà nước chỉ có thể chi phối sản phẩm của các xí nghiệp quốc doanh, còn các nông trang tập thể thì được chi phối sản phẩm của mình như chi phối tài sản riêng vậy. Nhưng các nông trang tập thể không muốn nhượng sản phẩm của họ dưới một hình thức nào khác ngoài hình thức hàng hóa, để đổi lấy những hàng hóa họ cần dùng. Hiện nay, các nông trang tập thể không nhận một hình thức liên hệ kinh tế nào khác với thành thị, ngoài hình thức trao đổi hàng hóa bằng mua vạ bán. Vì vậy, sản xuất và lưu thông hàng hóa hiện nay ở nước ta là một điều tất yếu, không khác gì điều tất yếu cách đây ba mươi năm, chẳng hạn khi Lê-nin tuyên bố cần thiết phải phát triển đến tột mức lưu thông hàng hóa.

Cố nhiên, khi mà hai khu vực sản xuất chính, tức là khu vực quốc doanh và khu vực nông trang tập thể đã nhường chỗ cho một khu vực duy nhất bao gồm toàn bộ sản xuất và có quyền chi phối hết thảy vật phẩm tiêu dùng trong cả nước, thì lưu thông hàng hóa, với nền « kinh tế tiền tệ » của nó, sẽ tiêu tan đi, coi như một nhân tố không cần thiết của nền kinh tế quốc dân. Nhưng từ nay đến lúc đó, chừng nào mà hai khu vực sản xuất chính còn tồn tại, thì sản xuất hàng hóa và lưu thông hàng hóa vẫn được duy trì với tư cách là một nhân tố cần thiết và rất có ích trong hệ thống kinh tế quốc dân nước ta. Khu vực thống nhất đơn nhất ấy, sẽ được thiết lập như thế nào? Có phải bằng cách giản đơn là khu vực quốc doanh thu hút khu vực nông trang tập thể chăng, khó mà có thể như vậy được (vì như vậy có thể coi là tước đoạt các nông trang tập thể) hay bằng cách thiết lập một cơ quan kinh tế duy nhất *toàn dân* (với những đại biểu của công nghiệp quốc doanh và của nông trang tập thể), lúc đầu có quyền thống kê hết thảy những vật phẩm tiêu dùng trong nước, rồi sau một

thời gian, có quyền phân phối sản phẩm, chẳng hạn, dưới hình thức trao đổi sản phẩm? Đó là một vấn đề khác cần nghiên cứu riêng.

Như vậy, nền sản xuất hàng hóa *của chúng ta* không phải là một nền sản xuất hàng hóa thường, mà thuộc một loại đặc biệt, một nền sản xuất hàng hóa không có bọn tư bản, và chú trọng chủ yếu đến những hàng hóa của những người sản xuất xã hội chủ nghĩa đã liên hợp lại (Nhà nước, nông trang tập thể, hợp tác xã), hoạt động của nó bị hạn chế trong phạm vi những vật phẩm tiêu dùng cá nhân, và tất nhiên nó không thể phát triển thành một nền sản xuất tư bản chủ nghĩa được; « với nền kinh tế tiền tệ của nó » nó phải giúp vào sự phát triển và củng cố nền sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Vì vậy, những đồng chí có ý kiến cho rằng một khi xã hội xã hội chủ nghĩa còn duy trì các hình thức hàng hóa của nền sản xuất thì hình như ta phải lập lại ở nước ta tất cả những « phạm trù » kinh tế riêng của chủ nghĩa tư bản như: sức lao động coi là hàng hóa, giá trị thặng dư, tư bản, lợi nhuận của tư bản, tỷ suất bình quân của lợi nhuận, v.v., những đồng chí ấy đều hoàn toàn sai. Những đồng chí ấy lẫn lộn sản xuất hàng hóa với sản xuất tư bản chủ nghĩa và cho rằng một khi có sản xuất hàng hóa thì cũng phải có sản xuất tư bản chủ nghĩa. Họ không hiểu rằng nền sản xuất hàng hóa của chúng ta, về căn bản, khác với nền sản xuất hàng hóa dưới chế độ tư bản chủ nghĩa.

Hơn nữa, tôi cho rằng phải từ bỏ một số khái niệm khác rút ra từ trong cuốn *Tư bản* (trong cuốn này, Mác phân tích chủ nghĩa tư bản) rồi đem gán ghép một cách giả tạo vào các quan hệ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Trong số những khái niệm đó, tôi muốn nêu ra những khái niệm như « lao

động tất yếu », « lao động thặng dư », « sản phẩm tất yếu » và « sản phẩm thặng dư », « thời gian tất yếu » và « thời gian thặng dư ». Mác đã phân tích chủ nghĩa tư bản nhằm xác định nguồn gốc của sự bóc lột giai cấp công nhân, giá trị thặng dư, và cung cấp cho giai cấp công nhân không có tư liệu sản xuất một vũ khí tinh thần để lật đổ chủ nghĩa tư bản. Rõ ràng là ở đây Mác dùng những khái niệm (phạm trù) hoàn toàn thích hợp với quan hệ tư bản chủ nghĩa. Nhưng bây giờ đây, khi mà giai cấp công nhân không phải là không có chính quyền và tư liệu sản xuất, trái lại, lại nắm chính quyền và có những tư liệu sản xuất, mà ta lại còn dùng những khái niệm đó, thì thật là kỳ quặc. Dưới chế độ chúng ta mà còn nói sức lao động là hàng hóa, nói « công nhân bị thuê mướn » thì thật là khá chướng tai, làm như thể giai cấp vô sản nắm tư liệu sản xuất lại tự thuê mình và bán sức lao động của mình cho bản thân mình. Cũng không kém kỳ quặc nếu hiện nay còn nói « lao động tất yếu » và « lao động thặng dư »; làm như thể, trong những điều kiện nước ta, đối với một giai cấp công nhân hiện nay đã nắm chính quyền, lao động của công nhân góp cho xã hội để mở rộng sản xuất, phát triển giáo dục, y tế, tổ chức quốc phòng, v.v. lại không cần bằng lao động bỏ ra để thỏa mãn nhu cầu cá nhân của công nhân và của gia đình công nhân.

Nên nhớ rằng trong cuốn *Phê phán cương lĩnh Gô-ta* là cuốn, trong đó Mác không phân tích chủ nghĩa tư bản mà phân tích giai đoạn đầu của xã hội cộng sản, Mác đã thừa nhận rằng lao động góp cho xã hội để mở rộng sản xuất, để mở mang giáo dục, y tế, kinh phí hành chính, để lập kho dự trữ, vật tư, v.v. cũng cần thiết như lao động bỏ ra để thỏa mãn các nhu cầu tiêu dùng của giai cấp công nhân.

Tôi tưởng rằng các nhà kinh tế học của chúng ta cần phải bỏ cái tình trạng không ăn nhập gì với nhau giữa những khái niệm cũ với tình hình mới trong nước xã hội chủ nghĩa chúng ta, mà đem thay thế những khái niệm cũ bằng những khái niệm thích hợp với tình hình mới.

Chúng ta có thể dung thứ tình trạng ấy đến một thời gian nhất định nào đó thôi. Nhưng bây giờ, đã đến lúc chúng ta phải sửa chữa khuyết điểm đó.

3. QUY LUẬT GIÁ TRỊ DƯỚI CHẾ ĐỘ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Đôi khi người ta hỏi quy luật giá trị có tồn tại và phát sinh tác dụng trong nước ta, dưới chế độ xã hội chủ nghĩa chúng ta không ?

Có, nó tồn tại và phát sinh tác dụng. Ở đâu có hàng hóa và sản xuất hàng hóa thì quy luật giá trị nhất định còn tồn tại.

Trong nước ta, phạm vi tác dụng của quy luật giá trị trước hết bao quát lĩnh vực lưu thông hàng hóa, lĩnh vực trao đổi hàng hóa bằng mua và bán, và chủ yếu là lĩnh vực trao đổi những hàng hóa tiêu dùng cá nhân. Trong lĩnh vực ấy, quy luật giá trị đương nhiên là vẫn có tác dụng điều tiết trong một chừng mực nào đó.

Tuy nhiên, tác dụng của quy luật giá trị không phải chỉ có trong phạm vi lưu thông hàng hóa, mà có cả trong sản xuất nữa. Tất nhiên là quy luật giá trị không có tác dụng điều tiết trong nền sản xuất xã hội chủ nghĩa chúng ta. Nhưng nó vẫn tác động đến sản xuất, và trong khi lãnh đạo sản xuất, chúng ta nhất định phải tính đến nó.

Sự thật là, ở nước ta, những vật phẩm tiêu dùng cần thiết để bù vào sức lao động tiêu phí trong quá trình sản xuất, đều được sản xuất và tiêu thụ dưới hình thức những hàng hóa bị quy luật giá trị chi phối. Chính ở đây, quy luật giá trị tác động đến sản xuất. Do đấy, trong các xí nghiệp của chúng ta, hạch toán kinh tế, sự sinh lời, giá thành, giá cả, v.v. hiện nay đều có một ý nghĩa hiện thực. Vì vậy, các xí nghiệp của chúng ta không thể và không được bỏ qua quy luật giá trị.

Như vậy có tốt không? Không phải là không tốt. Trong những điều kiện hiện nay của nước ta, như thế thật ra không phải không tốt, vì điều đó tạo ra cho những chuyên viên kinh tế nước ta một tinh thần lãnh đạo sản xuất hợp lý và khiến họ có kỷ luật. Không phải không tốt, vì các chuyên viên kinh tế nước ta nhờ đó mà biết tính toán sản lượng, tính toán sản lượng một cách chính xác, và chú ý một cách cũng chính xác đến những hiện thực của sản xuất, chứ không mất thì giờ bàn suông về những «số liệu đại khái» tưởng tượng ra. Không phải không tốt, vì các chuyên viên kinh tế nước ta nhờ đó mà biết tìm kiếm, phát hiện, lợi dụng những lực lượng dự trữ tiềm tàng, sâu kín trong sản xuất, chứ không coi thường những lực lượng đó. Không phải không tốt, vì các chuyên viên kinh tế nước ta nhờ đó mà biết cải tiến triệt để phương pháp sản xuất, biết hạ giá thành, thực hiện hạch toán kinh tế và khiến các xí nghiệp hoạt động có lãi. Đây là một trường học thực tiễn tốt, nó giúp các cán bộ kinh tế nước ta lớn lên nhanh chóng thành những người lãnh đạo chân chính của nền sản xuất xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn phát triển hiện nay.

Điều tai hại không phải là ở chỗ quy luật giá trị tác động đến sản xuất ở nước ta. Điều tai hại là các cán bộ kinh tế và các chuyên viên về công tác kế hoạch ở nước ta — trừ một số ít — đều hiểu sai tác dụng của quy luật giá trị, không nghiên cứu và không biết chú ý đến tác dụng đó trong khi tính toán. Đấy là nguyên nhân làm cho chính sách giá cả ở nước ta còn có hiện tượng rối ren. Sau đây là một trong nhiều ví dụ. Gần đây, để nâng đỡ ngành trồng bông, người ta quyết định điều chỉnh quan hệ giá cả giữa bông và ngũ cốc, xác định giá ngũ cốc bán cho người trồng bông và nâng giá bông bán cho Nhà nước lên. Các cán bộ kinh tế và các chuyên viên kế hoạch của chúng ta bèn đưa ra một đề nghị khiến Trung ương Đảng không thể không kinh ngạc, vì theo đề nghị ấy, thì giá một tấn ngũ cốc gần bằng giá một tấn bông; giá một tấn ngũ cốc lại bằng giá một tấn bánh mì. Khi các ủy viên Trung ương chỉ ra rằng giá một tấn bánh mì phải cao hơn giá một tấn ngũ cốc, vì còn có những khoản chi phí thêm về nghiền bột và nướng bánh; rằng nói chung, bông đắt hơn ngũ cốc nhiều, — cứ xem giá bông và ngũ cốc ở thế giới sẽ rõ, — thì những người đưa ra đề nghị trên không trả lời được gì minh bạch cả. Trung ương bắt buộc phải tự tay làm việc đó, phải giảm giá ngũ cốc xuống và nâng giá bông lên. Kết quả sẽ thế nào, nếu đề nghị của các đồng chí ấy có được hiệu lực về mặt pháp luật? Chúng ta sẽ làm phá sản nông dân trồng bông và sẽ không có bông.

Như vậy, phải chăng là ở nước ta, quy luật giá trị cũng tác động rộng rãi như ở dưới chế độ tư bản, và có tác dụng điều tiết sản xuất? Tất nhiên là không. Sự thực là dưới chế độ kinh tế nước ta, tác động của quy luật giá trị hết sức bị hạn chế. Chúng ta đã nói rằng dưới chế độ chúng ta, tác động của sản xuất hàng hóa bị hạn chế trong một

phạm vi nhất định. Ta cũng có thể nói như vậy đối với tác động của quy luật giá trị. Chắc chắn là ở thành thị và nông thôn mà không còn có chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất nữa, ở thành thị và nông thôn mà tư liệu sản xuất đều đã được xã hội hóa, thì phạm vi tác động của quy luật giá trị và mức độ ảnh hưởng của nó đến sản xuất không thể không bị hạn chế.

Quy luật phát triển cân đối (có tỷ lệ) cũng phát sinh tác dụng theo hướng như thế trong nền kinh tế quốc dân; quy luật này thay thế quy luật cạnh tranh và sản xuất vô chính phủ.

Các kế hoạch hàng năm và 5 năm của chúng ta và nói chung, toàn bộ chính sách kinh tế của chúng ta, tức là chính sách dựa vào các yêu cầu của quy luật phát triển cân đối của nền kinh tế quốc dân, cũng đều phát sinh tác dụng theo hướng như thế.

Tất cả những điều đó khiến cho ở nước ta, tác động của quy luật giá trị bị hạn chế trong một phạm vi nhất định và dưới chế độ nước ta, quy luật giá trị không thể có tác dụng điều tiết trong sản xuất.

Điều đó chứng minh sự thực «kỳ lạ» này là ở nước ta, mặc dù nền sản xuất xã hội chủ nghĩa phát triển không ngừng và mạnh mẽ, nhưng quy luật giá trị vẫn không dẫn đến khủng hoảng thừa, trong khi đó thì ở những nước tư bản mặc dù sản xuất phát triển theo một tốc độ chậm, nhưng quy luật giá trị đó vốn có một phạm vi tác động rộng rãi dưới chế độ tư bản thì lại dẫn đến các cuộc khủng hoảng thừa có tính chất chu kỳ.

Có người nói rằng quy luật giá trị là một quy luật vĩnh viễn, thích dụng cho mọi giai đoạn phát triển lịch sử, rằng nếu trong giai đoạn thứ hai của xã hội cộng sản, quy luật giá trị mất tác dụng điều tiết những quan hệ trao đổi, thì

trong giai đoạn phát triển đó, nó vẫn còn có tác dụng điều tiết những quan hệ giữa các ngành sản xuất, điều tiết sự phân phối lao động giữa các ngành sản xuất.

Như thế là hoàn toàn sai. Giá trị, cũng như quy luật giá trị, là một phạm trù lịch sử, gắn liền với sự tồn tại của sản xuất hàng hóa. Nếu sản xuất hàng hóa không còn nữa thì giá trị và các hình thức của nó, cùng với quy luật giá trị, cũng mất theo.

Trong giai đoạn thứ hai của xã hội cộng sản, số lượng lao động chi ra để chế tạo sản phẩm sẽ không còn phải tính toán bằng những phương pháp quanh co, tức là bằng giá trị và các hình thức của giá trị, như trong chế độ sản xuất hàng hóa nữa mà được tính toán trực tiếp bằng số lượng thời gian, số giờ dùng để sản xuất vật phẩm. Còn sự phân phối lao động giữa các ngành sản xuất thì không bị điều tiết bởi quy luật giá trị là quy luật lúc đó đã mất tác dụng rồi, mà bị điều tiết bởi sự tăng thêm về nhu cầu của xã hội. Đây là một xã hội mà sản xuất sẽ do nhu cầu của xã hội điều tiết và sự thống kê các nhu cầu của xã hội sẽ có một tầm quan trọng bậc nhất đối với các cơ quan làm công tác kế hoạch.

Cũng hoàn toàn sai, nếu quả quyết rằng trong chế độ kinh tế hiện tại của nước ta, trong giai đoạn phát triển đầu của xã hội cộng sản, quy luật giá trị — như người ta nói — sẽ điều tiết những « tỷ lệ » phân phối lao động giữa các ngành sản xuất khác nhau.

Nếu đúng thế thì tại sao nước ta lại không phát triển đến cùng công nghiệp nhẹ là ngành sinh lợi nhiều nhất, hơn là phát triển công nghiệp nặng thường là ngành sinh lợi ít hơn và đôi khi lại hoàn toàn không sinh lợi?

Nếu đúng thế thì tại sao nước ta lại không đóng cửa các xí nghiệp công nghiệp nặng hiện nay không sinh lợi,

trong đó lao động của công nhân không đem lại « hiệu quả mong muốn »; và tại sao lại không mở thêm những xí nghiệp mới về công nghiệp nhẹ chắc chắn có sinh lợi, trong đó lao động của công nhân có thể đem lại « hiệu quả lớn hơn? ».

Nếu đúng thế thì nước ta tại sao lại không chuyển số công nhân ở các xí nghiệp ít sinh lợi nhưng rất cần thiết cho nền kinh tế quốc dân, sang các xí nghiệp sinh lợi nhiều hơn, theo đúng quy luật giá trị là quy luật gọi là điều tiết những « tỷ lệ » của sự phân phối lao động giữa các ngành sản xuất?

Đương nhiên, nếu đi theo các đồng chí ấy thì chúng ta phải bỏ ưu tiên chế tạo tư liệu sản xuất để ưu tiên chế tạo vật phẩm tiêu dùng. Bỏ ưu tiên chế tạo tư liệu sản xuất nghĩa là gì? Nghĩa là làm cho việc phát triển không ngừng nền kinh tế quốc dân không thể thực hiện được vì không thể nào thực hiện việc phát triển không ngừng nền kinh tế quốc dân mà đồng thời lại không thực hiện việc ưu tiên chế tạo tư liệu sản xuất.

Những đồng chí ấy quên rằng quy luật giá trị chỉ có tác dụng điều tiết sản xuất dưới chế độ tư bản, khi còn tồn tại chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, khi còn cạnh tranh, sản xuất vô chính phủ và khủng hoảng thừa. Họ quên rằng ở nước ta, phạm vi tác động của quy luật giá trị bị hạn chế bởi chế độ sở hữu xã hội về tư liệu sản xuất, bởi tác động của quy luật phát triển cân đối của nền kinh tế quốc dân, và do đấy nó cũng bị hạn chế bởi các kế hoạch hàng năm và 5 năm của chúng ta là những kế hoạch phản ánh gần đúng các yêu cầu của quy luật đó.

Một số đồng chí do đấy kết luận rằng quy luật phát triển cân đối của nền kinh tế quốc dân và việc kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân xóa bỏ nguyên tắc sinh lợi. Như thế là

hoàn toàn sai. Tình hình thực tế lại trái ngược lại: Nếu ta xét sự sinh lợi, không phải trên quan điểm những xí nghiệp cá biệt hay ngành sản xuất cá biệt, cũng không căn cứ vào thời gian một năm, mà trên quan điểm toàn bộ nền kinh tế quốc dân và căn cứ vào thời gian từ 10 cho đến 15 năm chẳng hạn — đây là phương pháp duy nhất để xét vấn đề một cách đúng đắn — thì sự sinh lợi tạm thời và mong manh của các xí nghiệp cá biệt hay ngành sản xuất cá biệt quyết không thể đem so sánh được với hình thức cao của sự sinh lợi vững chắc và lâu dài, tức là hình thức do quy luật phát triển cân đối của nền kinh tế quốc dân và việc kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân đem lại cho chúng ta, bằng cách làm cho chúng ta tránh được các cuộc khủng hoảng kinh tế chu kỳ phá hoại nền kinh tế quốc dân và gây cho xã hội những thiệt hại vật chất rất lớn, và bằng cách bảo đảm cho chúng ta một nền kinh tế quốc dân phát triển không ngừng với một tốc độ cao.

Tóm lại: chắc chắn là trong những điều kiện xã hội chủ nghĩa hiện nay của nền sản xuất chúng ta, quy luật giá trị không thể đóng «vai trò điều tiết những tỷ lệ» trong sự phân phối lao động giữa các ngành sản xuất khác nhau.

4. VỀ VẤN ĐỀ XÓA BỎ SỰ ĐỐI LẬP GIỮA THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN, GIỮA LAO ĐỘNG TRÍ ÓC VÀ LAO ĐỘNG CHÂN TAY, VÀ VẤN ĐỀ THỦ TIÊU MỌI SỰ KHÁC NHAU GIỮA THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN, GIỮA LAO ĐỘNG TRÍ ÓC VÀ LAO ĐỘNG CHÂN TAY

Đề mục này liên quan đến nhiều vấn đề khác nhau về thực chất, nhưng tôi vẫn tập hợp lại trong một chương, không phải để trộn lẫn những vấn đề đó với nhau, mà chỉ là để trình bày ngắn gọn hơn.

Vấn đề xóa bỏ sự đối lập giữa thành thị và nông thôn, giữa công nghiệp và nông nghiệp, là một vấn đề ai nấy đều biết và do Mác và Ăng-ghen nêu ra từ lâu. Cơ sở kinh tế của sự đối lập ấy là việc thành thị bóc lột nông thôn, là việc tước đoạt nông dân và sự phá sản của đa số nhân dân ở nông thôn, do sự phát triển của công nghiệp, thương nghiệp và hệ thống tín dụng dưới chế độ tư bản gây nên. Cho nên phải coi sự đối lập giữa thành thị và nông thôn dưới chế độ tư bản là một sự đối lập về quyền lợi. Chính trên cơ sở ấy, đã nảy sinh thái độ thù địch của nông thôn đối với thành thị và nói chung là đối với « dân thành thị ».

Chắc chắn rằng với việc xóa bỏ chủ nghĩa tư bản và chế độ bóc lột, với việc tăng cường chế độ xã hội chủ nghĩa trong nước ta thì sự đối lập về quyền lợi giữa thành thị và nông thôn, giữa công nghiệp và nông nghiệp cũng phải tiêu tan đi. Thực tế đã như thế. Sự giúp đỡ có hiệu qua do thành thị xã hội chủ nghĩa, do giai cấp công nhân nước ta mang lại cho nông dân nước ta trong việc xóa bỏ giai cấp địa chủ và cu-lắc, đã củng cố cơ sở cho sự liên minh công nông; ngoài ra, việc cung cấp một cách có hệ thống máy kéo và máy móc tinh xảo cho nông dân và cho nông trang tập thể của họ đã làm cho sự liên minh giữa công nông thành quan hệ thân thiết giữa hai bên. Đương nhiên, công nhân và nông dân nông trang tập thể vẫn là hai giai cấp khác nhau về địa vị. Nhưng sự khác nhau đó không làm giảm bớt chút nào mối tình thân thiết giữa họ với nhau. Trái lại, lợi ích của họ đứng ở cùng một vị trí: củng cố chế độ xã hội chủ nghĩa và thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản. Cho nên không có gì là lạ cả, nếu ta thấy hiện nay, không còn một tí dấu vết nào của sự nghi ngờ thuở trước, huống hồ là mối căm thù của nông thôn đối với thành thị.

Tất cả những điều ấy có nghĩa là chế độ xã hội chủ nghĩa hiện nay đã thủ tiêu cơ sở thuận lợi cho sự đối lập giữa thành thị và nông thôn, giữa công nghiệp và nông nghiệp.

Cố nhiên, như thế hoàn toàn không có nghĩa là việc thủ tiêu sự đối lập giữa thành thị và nông thôn nhất định phải dẫn đến « sự suy vong của các thành thị lớn » (Xem *Chống Đuy-rinh*). Các thành thị lớn không những không bị suy vong mà nhiều thành thị lớn khác sẽ xuất hiện; những thành thị này là những trung tâm văn hóa lớn, không những là những trung tâm của nền đại công nghiệp mà còn là những trung tâm của các ngành chế biến nông sản, và của hết thảy các ngành công nghiệp thực phẩm phát triển mạnh mẽ. Tình hình đó sẽ giúp cho nền văn hóa toàn quốc được phồn vinh và làm cho điều kiện sinh hoạt ở nông thôn và ở thành thị ngang nhau.

Về vấn đề xóa bỏ sự đối lập giữa lao động trí óc và lao động chân tay thì cũng tương tự như thế. Đây cũng là một vấn đề ai nấy đều biết, do Mác và Ăng-ghen nêu ra từ lâu. Cơ sở kinh tế của sự đối lập giữa lao động trí óc và lao động chân tay là sự bóc lột những người lao động chân tay bởi những người lao động trí óc. Ai nấy đều biết sự chênh lệch giữa những người lao động chân tay và những nhân viên lãnh đạo trong các xí nghiệp, dưới chế độ tư bản. Mọi người đều biết rằng sự chênh lệch đó đã làm cho công nhân có thái độ thù địch đối với giám đốc, quản đốc, kỹ sư và những nhân viên kỹ thuật khác mà họ coi là kẻ thù của họ. Ai nấy đều hiểu rằng chủ nghĩa tư bản và chế độ bóc lột mà bị xóa bỏ thì sự đối lập về quyền lợi giữa lao động trí óc và lao động chân tay cũng phải tiêu tan đi. Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa chúng ta, sự đối lập đó đã thật sự không còn nữa. Hiện nay, những

người lao động chân tay và nhân viên lãnh đạo không còn là kẻ thù đối với nhau nữa, mà là đồng chí và bạn, là thành viên của một tập thể duy nhất những người sản xuất hết sức quan tâm đến sự tiến bộ và sự cải tiến của nền sản xuất. Hiện nay, mối thù ghét ngày xưa không còn một dấu vết nào nữa.

Vấn đề xóa bỏ những sự khác nhau giữa thành thị (công nghiệp) và nông thôn (nông nghiệp), giữa lao động trí óc và lao động chân tay, hiện nay có một tính chất hoàn toàn khác. Trước đây, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác không đặt ra vấn đề đó. Đây là một vấn đề mới, do thực tiễn của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của chúng ta đề ra.

Phải chăng vấn đề ấy là hoàn toàn do tưởng tượng mà ra? Đối với chúng ta, nó có ý nghĩa thực tiễn và lý luận gì không? Không, không thể nói rằng vấn đề ấy là hoàn toàn do tưởng tượng mà ra. Trái lại, đây là một vấn đề hết sức trọng yếu đối với chúng ta.

Nếu chúng ta xét, chẳng hạn, sự khác nhau giữa nông nghiệp và công nghiệp, thì ở nước ta, sự khác nhau đó không phải chỉ ở chỗ điều kiện lao động trong nông nghiệp khác với điều kiện lao động trong công nghiệp, mà trước hết và chủ yếu là ở chỗ trong công nghiệp của chúng ta, tư liệu sản xuất và vật phẩm đều thuộc quyền sở hữu của nhân dân; còn trong nông nghiệp, thì quyền sở hữu không phải là của toàn dân mà là của một nhóm người, của nông trang tập thể. Điều đó, như chúng ta đã nói, dẫn tới chỗ duy trì sự lưu thông hàng hóa, và chỉ khi nào giữa công nghiệp và nông nghiệp không còn có sự khác nhau ấy nữa, thì nền sản xuất hàng hóa, với tất cả những hậu quả của nó, mới mất đi. Như vậy, chúng ta không thể không cho

rằng việc xóa bỏ sự khác nhau căn bản đó giữa nông nghiệp và công nghiệp ắt là có một ý nghĩa quan trọng bậc nhất đối với chúng ta.

Đối với việc xóa bỏ sự khác nhau căn bản giữa lao động trí óc và lao động chân tay, cũng phải nói như vậy. Đối với chúng ta vấn đề này cũng có ý nghĩa quan trọng hàng đầu. Khi phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa có tính chất quần chúng chưa phát triển rộng rãi, thì công nghiệp của chúng ta tiến ỳ à ỳ ạch, và có nhiều đồng chí còn nêu ra vấn đề giảm bớt tốc độ phát triển của công nghiệp. Sở dĩ có tình trạng đó, trước hết là do trình độ văn hóa và kỹ thuật của công nhân quá thấp, kém xa trình độ của nhân viên kỹ thuật. Nhưng tình hình đã hoàn toàn thay đổi, khi phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa ở nước ta có được tính chất quần chúng. Từ đó, công nghiệp tiến bộ nhanh chóng. Vì sao phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa có được tính chất quần chúng? Vì trong công nhân, có những nhóm đồng chí không những đã nắm được một số kiến thức kỹ thuật tối thiểu, mà còn tiến vượt lên và đạt trình độ của nhân viên kỹ thuật; họ bắt đầu sửa chữa khuyết điểm của các nhân viên kỹ thuật và kỹ sư, lật đổ những chỉ tiêu hiện hành, coi là đã lỗi thời, áp dụng những chỉ tiêu mới hiện đại hơn, v.v.. Tình hình sẽ như thế nào, nếu không phải chỉ những nhóm công nhân mà đa số công nhân nâng được trình độ văn hóa và kỹ thuật của mình lên bằng các kỹ sư và nhân viên kỹ thuật? Nếu thế thì công nghiệp nước ta có lẽ sẽ lên đến một trình độ cao mà công nghiệp các nước khác không tài nào với tới được. Vậy thì không nên phủ nhận rằng việc xóa bỏ sự khác nhau căn bản giữa lao động trí óc và lao động chân tay bằng cách nâng trình độ

văn hóa và kỹ thuật của công nhân lên ngang trình độ của nhân viên kỹ thuật là một việc có ý nghĩa quan trọng bậc nhất đối với chúng ta.

Một số đồng chí cho rằng với thời gian, thì không những sự khác nhau căn bản, mà *tất cả* những sự khác nhau giữa thành thị và nông thôn, giữa lao động trí óc và lao động chân tay đều sẽ tiêu tan đi. Như thế là sai. Việc xóa bỏ sự khác nhau căn bản giữa công nghiệp và nông nghiệp không thể dẫn đến chỗ xóa bỏ hết thảy mọi sự khác nhau giữa hai bên. Một sự khác nhau nào đó, mặc dù rất nhỏ, nhất định vẫn còn tồn tại vì công nghiệp và nông nghiệp có những điều kiện lao động khác nhau. Ngay cả trong công nghiệp, nếu chúng ta xét các ngành khác nhau của nó thì điều kiện lao động cũng không như nhau trong mọi ngành: điều kiện lao động của công nhân mỏ, chẳng hạn, khác điều kiện lao động của công nhân một xưởng đóng giày bằng máy; điều kiện lao động của công nhân khai thác quặng khác điều kiện lao động của công nhân ngành công nghiệp chế tạo máy móc. Nếu đúng như thế thì một sự khác nhau nào đó vẫn tồn tại, nhất là giữa công nghiệp và nông nghiệp.

Đối với sự khác nhau giữa lao động trí óc và lao động chân tay cũng phải nói như thế. Sự khác nhau căn bản giữa hai bên, về mặt trình độ văn hóa và kỹ thuật, nhất định sẽ mất đi. Nhưng một sự khác nhau nào đó, mặc dù rất nhỏ, vẫn tồn tại, ít nhất là vì điều kiện lao động của nhân viên lãnh đạo xí nghiệp không giống hệt điều kiện lao động của công nhân.

Những đồng chí nào nói ngược lại điều đó, có lẽ đã dựa vào một công thức trong một vài lời phát biểu của tôi, trong đó có nói đến việc xóa bỏ sự khác nhau giữa

thành thị và nông thôn, giữa lao động trí óc và lao động chân tay, nhưng không nói rõ đây là xóa bỏ sự khác nhau *căn bản*, chứ không phải tất cả mọi sự khác nhau. Chính các đồng chí ấy đã hiểu công thức của tôi như thế, cho rằng nó có nghĩa là xóa bỏ tất cả mọi sự khác nhau. Nhưng như thế có nghĩa là công thức đó không được chính xác, không được thỏa đáng. Phải vứt bỏ công thức ấy đi và thay bằng một công thức khác khẳng định việc xóa bỏ những sự khác nhau căn bản và sự tồn tại của những sự khác nhau không căn bản giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa lao động trí óc và lao động chân tay.

7. VỀ NHỮNG QUY LUẬT KINH TẾ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN HIỆN ĐẠI VÀ CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Ai nấy đều biết rằng vấn đề những quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản và của chủ nghĩa xã hội đã nhiều lần được đề ra trong các cuộc thảo luận. Về vấn đề này, đã có nhiều ý kiến, thậm chí có những ý kiến kỳ cục nhất. Đúng là số đông những người tham gia cuộc thảo luận đều phản ứng lại một cách yếu ớt và cũng không có quyết định gì dứt khoát về mặt đó cả. Nhưng không có một người nào tham gia cuộc thảo luận lại phủ nhận sự tồn tại của những quy luật đó cả.

Có quy luật cơ bản của chủ nghĩa tư bản không? Có, có quy luật đó. Đây là quy luật gì? Đặc điểm của nó là gì? Quy luật cơ bản của chủ nghĩa tư bản là quy luật quyết định không phải một mặt cá biệt hay những quá trình phát triển cá biệt của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, mà

quyết định tất cả những mặt chính, những quá trình chính của sự phát triển đó; vậy là quy luật đó định rõ thực chất của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, bản chất của nó.

Quy luật giá trị phải chăng là quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản? Không. Trước hết nó là quy luật cơ bản của nền sản xuất hàng hóa. Nó đã tồn tại trước chủ nghĩa tư bản và, cũng như nền sản xuất hàng hóa, nó tiếp tục tồn tại sau khi chủ nghĩa tư bản bị lật đổ, ví dụ như ở nước ta, dĩ nhiên là tồn tại với một phạm vi tác động bị hạn chế. Đành rằng quy luật giá trị có một phạm vi tác động rộng trong khuôn khổ của chủ nghĩa tư bản, nó có một tác động lớn trong sự phát triển của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, nhưng nó không quyết định được thực chất của nền sản xuất tư bản và cơ sở của lợi nhuận tư bản chủ nghĩa; thậm chí nó cũng không đặt ra những vấn đề ấy. Vậy, nó không thể là quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản hiện đại.

Cũng vì những lý do trên, quy luật cạnh tranh và sản xuất vô chính phủ, hay quy luật phát triển không đều của chủ nghĩa tư bản trong các nước khác nhau, đều không thể là quy luật cơ bản của chủ nghĩa tư bản được.

Có người nói rằng quy luật tỷ suất bình quân của lợi nhuận là quy luật cơ bản của chủ nghĩa tư bản hiện đại. Như vậy là không đúng. Chủ nghĩa tư bản hiện đại, chủ nghĩa tư bản độc quyền không thể thỏa mãn với tỷ suất bình quân, là tỷ suất, hơn nữa, lại có khuynh hướng giảm xuống do cấu tạo hữu cơ của tư bản tăng lên. Chủ nghĩa tư bản độc quyền hiện đại không đòi lợi nhuận bình quân mà đòi lợi nhuận tối đa, cần thiết để thực hiện tái sản xuất mở rộng một cách tương đối đều đặn.

Quy luật thích hợp nhất với khái niệm quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản là quy luật giá trị thặng dư, tức là quy luật về sự phát sinh và ngày càng tăng thêm của lợi nhuận tư bản chủ nghĩa. Thật vậy, quy luật đó quyết định những đặc điểm cơ bản của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa. Nhưng quy luật giá trị thặng dư là một quy luật quá chung, nó không đề cập đến những vấn đề về tỷ suất cao của lợi nhuận, mà cái bảo đảm tỷ suất cao của lợi nhuận là điều kiện của sự phát triển của chủ nghĩa tư bản độc quyền. Để bổ sung thiếu sót đó, phải cụ thể hóa quy luật giá trị thặng dư, phát triển nó hơn nữa cho thích hợp với những điều kiện của chủ nghĩa tư bản độc quyền, đồng thời phải chú ý rằng chủ nghĩa tư bản độc quyền không đòi bất cứ một lợi nhuận nào mà đòi lợi nhuận tối đa kia. Đây là quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản hiện đại.

Có thể nêu đại khái những đặc điểm chính và những yêu cầu của quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản hiện đại như sau: bảo đảm lợi nhuận tư bản chủ nghĩa tối đa bằng cách bóc lột, làm phá sản, bần cùng hóa đa số nhân dân trong một nước, bằng cách nô dịch và bóc lột một cách có hệ thống nhân dân các nước khác, đặc biệt là nhân dân các nước chậm tiến; cuối cùng, bằng các cuộc chiến tranh và quân sự hóa nền kinh tế quốc dân để bảo đảm lợi nhuận cao nhất.

Có người nói rằng, trong những điều kiện hiện nay thì lợi nhuận bình quân rất đủ cho chủ nghĩa tư bản phát triển. Như thế là sai. Lợi nhuận bình quân là mức sinh lợi thấp nhất, dưới mức đó, sản xuất tư bản chủ nghĩa không có khả năng tồn tại. Nhưng thực là đáng buồn cười nếu nghĩ rằng bọn kinh doanh của chủ nghĩa tư bản độc

quyền hiện đại, khi chiếm thuộc địa, nô dịch nhân dân các nước và phát động chiến tranh, chỉ muốn thu được lợi nhuận bình quân. Không, không phải lợi nhuận bình quân, cũng không phải lợi nhuận siêu ngạch, tức là thứ lợi nhuận thường chỉ nhiều hơn lợi nhuận bình quân phần nào, mà lợi nhuận tối đa mới là động lực của chủ nghĩa tư bản độc quyền. Chính sự cần thiết thu được lợi nhuận tối đa đã đẩy chủ nghĩa tư bản độc quyền đi đến chỗ có những hành động mạo hiểm như nô dịch và bóc lột không ngừng các thuộc địa và những nước chậm tiến khác, biến một loạt những nước độc lập thành những nước phụ thuộc, tổ chức những cuộc chiến tranh mới, tức là những « chuyến buôn » tốt nhất để cho bọn kinh doanh của chủ nghĩa tư bản hiện đại kiếm được lợi nhuận tối đa; cuối cùng là âm mưu giành bá quyền kinh tế trên thế giới.

Ý nghĩa của quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản là ở chỗ này: vì quy luật ấy nói lên mọi hiện tượng trọng yếu trong sự phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, những thời kỳ thịnh vượng và khủng hoảng, những thắng lợi và thất bại, những ưu điểm và khuyết điểm của phương thức đó, — toàn bộ quá trình của sự phát triển đầy mâu thuẫn của nó, — nên quy luật ấy giúp chúng ta hiểu và giải thích được mọi hiện tượng nói trên.

Đây là một trong những ví dụ « đập vào mắt người ta » nhất.

Ai nấy đều biết những sự việc trong lịch sử và thực tiễn của chủ nghĩa tư bản chứng tỏ sự phát triển mạnh mẽ của kỹ thuật dưới chế độ tư bản, vì các nhà tư bản lúc đó là những người nêu ngọn cờ của một nền kỹ thuật tiên tiến, những người cách mạng về mặt phát triển

kỹ thuật. Nhưng người ta cũng biết những sự việc thuộc một loại khác chứng tỏ rằng dưới chế độ tư bản, sự phát triển của kỹ thuật đã có những lúc phải ngừng lại, vì bọn tư bản lúc đó tỏ ra là phản động về mặt phát triển kỹ thuật và thường thường chuyển sang dùng lao động thủ công.

Giải thích mâu thuẫn hiển nhiên đó như thế nào đây? Chỉ có thể giải thích mâu thuẫn đó bằng quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản hiện đại, nghĩa là bằng sự cần thiết phải thực hiện lợi nhuận tối đa. Chủ nghĩa tư bản tán thành kỹ thuật tiên tiến, khi kỹ thuật này hứa hẹn những món lợi nhuận lớn nhất. Nó chống lại kỹ thuật mới và chủ trương chuyển sang lao động thủ công khi kỹ thuật mới không còn hứa hẹn những lợi nhuận lớn nhất nữa.

Đấy là quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản hiện đại.

Có quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội không? Có, có quy luật đó. Những đặc điểm chủ yếu và yêu cầu của quy luật đó là gì? Có thể nêu đại khái những đặc điểm chủ yếu và yêu cầu của quy luật cơ bản của chủ nghĩa xã hội như sau: bảo đảm thỏa mãn đến mức tối đa những nhu cầu vật chất và văn hóa ngày càng tăng của toàn thể xã hội, bằng cách không ngừng tăng và không ngừng hoàn thiện nền sản xuất xã hội chủ nghĩa trên cơ sở một nền kỹ thuật cao.

Do đây: không phải là bảo đảm lợi nhuận tối đa mà là thỏa mãn đến mức tối đa những nhu cầu vật chất và văn hóa của xã hội; không phải là sản xuất phát triển có những lúc ngừng lại — từ thịnh vượng đến khủng hoảng, từ khủng hoảng đến thịnh vượng — mà là sản xuất phát triển không ngừng; không phải là kỹ thuật phát triển có những thời kỳ ngừng lại, xảy ra từng chu kỳ và gây ra sự

phá hoại những lực lượng sản xuất của xã hội, mà là sản xuất được hoàn thiện không ngừng trên cơ sở một nền kỹ thuật cao.

Có người nói rằng quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội là quy luật phát triển cân đối, có tỷ lệ, của nền kinh tế quốc dân. Như thế không đúng. Sự phát triển cân đối của nền kinh tế quốc dân và, do đó, việc kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân tức là sự phản ánh ít nhiều trung thành quy luật đó, tự chúng không thể đem lại cái gì cả, nếu người ta không biết sự phát triển có kế hoạch của nền kinh tế quốc dân là nhằm những nhiệm vụ gì, hay nếu nhiệm vụ không được rõ ràng. Quy luật phát triển cân đối của nền kinh tế quốc dân chỉ có thể đem lại hiệu quả mong muốn, nếu sự phát triển đó nhằm giải quyết một nhiệm vụ nhất định. Chính ngay quy luật phát triển cân đối của nền kinh tế quốc dân không thể đề ra nhiệm vụ ấy được. Việc kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân lại càng không thể đề ra được nhiệm vụ ấy. Nhiệm vụ đó nằm trong quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội, dưới hình thức những yêu cầu trình bày ở trên. Cho nên, quy luật phát triển cân đối của nền kinh tế quốc dân chỉ có thể tác động được triệt để, nếu tác động ấy dựa vào quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội.

Còn việc kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân, thì nó chỉ có được kết quả cụ thể nếu nó theo đúng hai điều kiện sau đây: a) nếu nó phản ánh đúng các yêu cầu của quy luật phát triển cân đối của nền kinh tế quốc dân; b) nếu ở khắp nơi, nó đều chú ý đến các yêu cầu của quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội.

I. V. Xta-lin, *Những vấn đề kinh tế của chủ nghĩa xã hội ở Liên-xô*, In lần thứ tư, Nhà xuất bản Sự thật, Hà nội, 1969, tr. 5-47

Trích:

NHỮNG SAI LẦM CỦA ĐỒNG CHÍ L.Đ. I-A-RÔ-SEN-CÔ

Vậy, bảo đảm thỏa mãn đến mức tối đa những nhu cầu vật chất và văn hóa tăng lên không ngừng của toàn xã hội: đấy là *mục đích* của sản xuất xã hội chủ nghĩa; không ngừng tăng thêm và hoàn thiện nền sản xuất xã hội chủ nghĩa trên cơ sở một nền kỹ thuật cao: đấy là *phương tiện* để đạt mục đích đó.

Đó là quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội.

Vì muốn giữ « địa vị ưu tiên » của sản xuất so với tiêu dùng, đồng chí I-a-rô-sen-cô khẳng định rằng « quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội » là « không ngừng tăng thêm và hoàn thiện việc sản xuất ra những điều kiện vật chất và văn hóa của xã hội ». Như vậy là hoàn toàn sai. Đồng chí I-a-rô-sen-cô cắt xén và làm sai lạc một cách thô bạo công thức trình bày trong tập « Ý kiến » của đồng chí Xta-lin. Đối với đồng chí I-a-rô-sen-cô, thì sản xuất không còn là phương tiện nữa mà trở thành mục đích, và không còn cần phải bảo đảm thỏa mãn đến mức tối đa những nhu cầu vật chất và văn hóa tăng lên không ngừng

của xã hội. Như vậy là tăng sản xuất để mà tăng sản xuất, sản xuất là một mục đích tự nó, và đồng chí I-a-rô-sen-cô không chú ý gì đến con người và nhu cầu của con người nữa.

Bởi vậy, không lấy gì làm lạ rằng đồng thời với việc con người được coi là mục đích của sản xuất xã hội chủ nghĩa biến đi thì những di tích cuối cùng của chủ nghĩa Mác cũng biến mất trong « khái niệm » của đồng chí I-a-rô-sen-cô.

Bởi vậy, cái mà cuối cùng chúng ta thấy ở đồng chí I-a-rô-sen-cô thì không *phải* là « địa vị ưu tiên » của sản xuất so với tiêu dùng mà tựa hồ như là « địa vị ưu tiên » của hệ tư tưởng tư sản so với hệ tư tưởng mác-xít.

3. Một vấn đề được đặc biệt đề ra là: lý luận tái sản xuất của Mác. Đồng chí I-a-rô-sen-cô quả quyết rằng lý luận tái sản xuất của Mác chỉ thích dụng với tái sản xuất tư bản chủ nghĩa, nó không có cái gì là thích dụng với các hình thái xã hội khác, kể cả hình thái xã hội xã hội chủ nghĩa. Đồng chí ấy nói:

« Áp dụng công thức tái sản xuất của Mác nêu ra đối với kinh tế tư bản vào nền sản xuất xã hội của chủ nghĩa xã hội, như thế là hiểu học thuyết Mác một cách giáo điều, và mâu thuẫn với bản chất của học thuyết đó ». (Xem diễn văn của đồng chí I-a-rô-sen-cô tại cuộc thảo luận toàn hội nghị).

Tiếp đó, đồng chí lại quả quyết rằng « ... công thức tái sản xuất của Mác không thích hợp với những quy luật kinh tế của xã hội xã hội chủ nghĩa và không thể dùng làm cơ sở cho việc nghiên cứu tái sản xuất xã hội chủ nghĩa ». *(Như trên)*.

Về lý luận tái sản xuất giản đơn của Mác, là lý luận xác định một quan hệ nhất định giữa việc sản xuất tư liệu sản xuất (khu vực I) và việc sản xuất tư liệu tiêu dùng (khu vực II), đồng chí I-a-rô-sen-cô nói:

« Trong xã hội xã hội chủ nghĩa, quan hệ giữa khu vực I và khu vực II không phải do công thức của Mác: V + P của khu vực I và C của khu vực II, quy định. Trong những điều kiện của chủ nghĩa xã hội, mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau trong sự phát triển giữa khu vực I và khu vực II không có lý do tồn tại nữa ». *(Như trên)*.

Đồng chí ấy khẳng định rằng «... trong những điều kiện xã hội chủ nghĩa của chúng ta, thì không thể nào chấp nhận được lý luận của Mác về quan hệ giữa khu vực I và khu vực II, vì cơ sở lý luận của Mác là nền kinh tế tư bản và những quy luật của nền kinh tế đó ». (Xem bức thư đồng chí I-a-rô-sen-cô gửi các ủy viên Bộ Chính trị).

Đồng chí I-a-rô-sen-cô đã bác lý luận tái sản xuất của Mác như vậy đó.

Đương nhiên là lý luận tái sản xuất mà Mác đã nêu lên sau khi nghiên cứu những quy luật của sản xuất tư bản chủ nghĩa phản ánh những đặc trưng của sản xuất tư bản chủ nghĩa và dĩ nhiên là mang hình thức của những quan hệ giá trị riêng cho nền sản xuất hàng hóa tư bản chủ nghĩa. Không thể khác thế được. Nhưng chỉ thấy có hình thức đó trong lý luận tái sản xuất của Mác, và không thấy cơ sở của lý luận đó, không thấy nội dung cơ bản của lý luận đó, cái nội dung không phải chỉ thích hợp riêng với hình thái xã hội tư bản, như thế là không hiểu gì lý luận đó cả. Nếu đồng chí I-a-rô-sen-cô hiểu đôi chút về vấn đề đó thì đồng chí ắt cũng hiểu sự thật tất nhiên này là những công thức tái sản xuất của Mác không phải chỉ phản ánh

những đặc trưng của tái sản xuất tư bản chủ nghĩa mà còn bao gồm nhiều nguyên lý cơ bản về tái sản xuất, thích dụng cho hết thảy mọi hình thái xã hội, kể cả và nhất là hình thái xã hội xã hội chủ nghĩa. Những nguyên lý cơ bản của lý luận tái sản xuất của Mác như: việc phân nền sản xuất thành ngành sản xuất tư liệu sản xuất và ngành sản xuất tư liệu tiêu dùng; địa vị ưu tiên dành cho ngành sản xuất tư liệu sản xuất trong tái sản xuất mở rộng; quan hệ giữa khu vực I và khu vực II; sản phẩm thặng dư coi là nguồn tích lũy duy nhất; sự hình thành và tác dụng của những quỹ xã hội; tích lũy là nguồn duy nhất của tái sản xuất mở rộng — tất cả những nguyên lý cơ bản đó của lý luận tái sản xuất của Mác không phải chỉ thích dụng với hình thái tư bản chủ nghĩa, và bất cứ một xã hội xã hội chủ nghĩa nào cũng bắt buộc phải áp dụng những nguyên lý đó để kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân. Điều đáng chú ý là: đồng chí I-a-rô-sen-cô tuy coi thường những « công thức tái sản xuất » của Mác nhưng bản thân đồng chí ấy vẫn phải luôn luôn căn cứ vào công thức đó mỗi khi bàn đến những vấn đề tái sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Nhưng Lê-nin nghĩ thế nào, Mác nghĩ thế nào về vấn đề đó?

Ai nấy đều biết những lời Lê-nin phê phán cuốn sách của Bu-kha-rin: *Nền kinh tế của thời kỳ quá độ*. Ai nấy đều biết rằng trong những lời phê phán đó, Lê-nin đã thừa nhận rằng công thức của Mác về quan hệ giữa hai khu vực I và II — công thức mà đồng chí I-a-rô-sen-cô đã cực lực phản đối — đều thích dụng cho cả chủ nghĩa xã hội lẫn « chủ nghĩa cộng sản thuần túy », nghĩa là cho giai đoạn thứ hai của chủ nghĩa cộng sản.

Còn Mác thì, như chúng ta đã biết, Mác không muốn đi ra ngoài việc nghiên cứu những quy luật của sản xuất

tư bản chủ nghĩa, nên trong cuốn *Tư bản*, Mác không nghiên cứu xem những công thức tái sản xuất của mình có thích dụng cho chủ nghĩa xã hội hay không. Tuy vậy, ở chương 20, quyển II cuốn *Tư bản*, mục « Tư bản bất biến của khu vực I », trong đó Mác bàn về sự trao đổi sản phẩm của khu vực I trong nội bộ của khu vực đó, Mác nhân tiện cũng nói rằng sự trao đổi sản phẩm trong khu vực đó sẽ diễn ra dưới chế độ xã hội chủ nghĩa cũng thường xuyên như dưới chế độ tư bản, Mác nói:

« Nếu sản xuất có tính chất xã hội chứ không phải có tính chất tư bản chủ nghĩa, thì những sản phẩm ấy của khu vực I sẽ được phân phối lại như những tư liệu sản xuất trong các ngành sản xuất của khu vực đó nhằm tái sản xuất; một bộ phận sẽ trực tiếp lưu lại trong ngành sản xuất đã sản xuất ra nó; một bộ phận khác sẽ chuyển sang các ngành sản xuất khác. Vậy là có một sự chuyển đi chuyển lại không ngừng ». (*Tư bản*, tiếng Nga, t. 8, q. II, tr. 307).

Do đấy, mặc dù lúc bấy giờ Mác nghiên cứu những quy luật của sản xuất tư bản chủ nghĩa, nhưng Mác quyết không cho rằng lý luận tái sản xuất của mình chỉ thích dụng riêng cho sản xuất tư bản chủ nghĩa. Trái lại, rõ ràng là Mác cho rằng lý luận tái sản xuất của mình cũng thích dụng cho sản xuất xã hội chủ nghĩa nữa.

Cần chỉ ra rằng, trong cuốn *Phê phán cương lĩnh Gô-ta*, khi Mác phân tích nền kinh tế của chủ nghĩa xã hội và của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa cộng sản thì Mác dựa vào những nguyên lý cơ bản của lý luận tái sản xuất của mình, những nguyên lý mà rõ ràng Mác coi là nhất định thích dụng với chế độ cộng sản.

Cũng cần chỉ ra rằng, trong cuốn *Chống Đuy-rinh* khi phê phán « chế độ xã hội » của Đuy-rinh và nói về nền kinh tế của chế độ xã hội chủ nghĩa, Ăng-ghen cũng dựa vào những nguyên lý cơ bản của lý luận tái sản xuất của Mác mà ông cho rằng nhất định thích dụng cho một chế độ cộng sản.

Sự thật là như thế.

Kết quả là ở đây, trong vấn đề tái sản xuất, đồng chí I-a-rô-sen-cô lại vập một cái đau, mặc dầu đồng chí ấy có một giọng coi thường đối với những « công thức » của Mác.

I. V. Xta-lin, *Những vấn đề kinh tế của chủ nghĩa xã hội ở Liên-xô,* Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1969, tr. 89 - 94.

MỤC LỤC

	Trang
Lời Nhà xuất bản	5
C. MÁC	
Tính chất hai mặt của lao động biểu hiện trong hàng hóa	11
Sản xuất, tiêu dùng, phân phối, trao đổi	22
Hiệp tác *(Trích)*	48
Những lời biên chú vào bản cương lĩnh của Đảng Công nhân Đức *(Trích)*	59
Thư gửi L. Cu-ghen-man *(Trích)*	66
PH. ĂNG-GHEN	
Khái niệm lý luận	69
V. I. LÊ-NIN	
Bàn về cái gọi là vấn đề thị trường *(Trích)*	107
Những sai lầm về lý luận của các nhà kinh tế học dân túy	120
Một sự phê phán không có tính chất phê phán *(Trích)*	153
Bàn qua về thuyết thị trường	155
Tài liệu về việc sửa đổi cương lĩnh của Đảng	169
Tai họa sắp đến và những phương pháp để ngăn ngừa tai họa đó	173
Nhà nước và cách mạng *(Trích)*	177
Báo cáo về hoàn cảnh kinh tế của công nhân Pê-tơ-rô-gơ-rát và về những nhiệm vụ của giai cấp công nhân, đọc tại phiên họp của các đại biểu công nhân trong Xô-viết đại biểu công nhân và binh sĩ Pê-tơ-rô-gơ-rát ngày 4 (17) tháng Chạp 1917	179
Tổ chức thi đua như thế nào?	183

Báo cáo về chiến tranh và hòa bình. 198
Những nhiệm vụ trước mắt của chính quyền xô-viết *(Trích)* . [illegible]
Dự thảo kế hoạch công tác khoa học và kỹ thuật. 244
Diễn văn đọc tại Đại hội I các hội đồng kinh tế quốc dân. 246
Sáng kiến vĩ đại *(Trích)*. 259
Báo cáo về hoạt động của Hội đồng dân ủy tại Đại hội VIII các Xô-viết toàn Nga ngày 22 tháng Chạp *(Trích)* 278
Bàn về thuế lương thực. 290
Bàn về kế hoạch kinh tế thống nhất. 301
Để kỷ niệm lần thứ tư cuộc Cách mạng tháng Mười *(Trích)* 314
Bàn về đề cương ruộng đất của Đảng Cộng sản Pháp *(Trích)* 318
Vai trò và nhiệm vụ của công đoàn trong điều kiện chính sách kinh tế mới *(Trích)*. 321

I. V. XTA-LIN

Về tình hình kinh tế Liên-xô và chính sách của Đảng *(Trích)* 327
Về xu hướng hữu khuynh trong Đảng Cộng sản (b) Liên-xô *(Trích)* 331
Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành trung ương tại Đại hội XVI của Đảng Cộng sản (b) toàn Liên-xô *(Trích)* 346
Tình hình mới, nhiệm vụ mới trong công cuộc xây dựng kinh tế *(Trích)*. 352
Công tác nông thôn *(Trích)*. . . . . 35[illegible]
Báo cáo công tác của Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Liên-xô tại Đại hội XVII của Đảng *(Trích)* 366
Ý kiến về những vấn đề kinh tế đề ra trong cuộc thảo luận tháng Một 1951 371
Những sai lầm của đồng chí L. Đ. I-a-rô-sen-cô *(Trích)* 408

In 10.100 cuốn tại Nhà máy in Trần Phú, T.P. Hồ-Chí-Minh.
Khổ 13 × 19, Xong ngày [illegible] tháng 4 năm 1977, Số XB 18-77.
Số in 001 — Gửi lưu chiểu tháng 4-1977